

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1033/QĐ-ĐHTT ngày 8 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình : Đào tạo cử nhân Sư phạm Sinh – Hóa

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Sư phạm Sinh học

Mã số : 52140213

Loại hình đào tạo : Chính quy

Năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình:	Đào tạo cử nhân Sư phạm Sinh – Hóa
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Sư phạm Sinh học
Mã số:	52140213
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1033/QĐ-ĐHTTr ngày 8 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Cử nhân ngành Sư phạm Sinh học (Sư phạm Sinh học - Hóa học) trình độ đại học, có phẩm chất đạo đức tốt; thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, có phong cách làm việc khoa học, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về Sinh học, Hóa học, đủ sức khoẻ, có năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông; có khả năng tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng chuẩn của giáo dục bậc THCS, THPT trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học nâng cao trình độ, thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Sinh học (Sư phạm Sinh học - Hóa học) người học phải đạt được các tiêu chuẩn sau:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức
	<i>Kiến thức chung</i>
CDR 1	Hiểu những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực giáo dục đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực được đào tạo.

CĐR 2	Hiểu những kiến thức cơ bản về lý luận và nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học các môn học ở trường THCS & THPT, đáp ứng việc đổi mới chương trình, đổi mới giáo dục phổ thông; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.
CĐR 3	Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
Kiến thức chuyên ngành	
CĐR 4	Có hiểu biết chung về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường của Việt Nam và thế giới. Nắm vững kiến thức cơ bản của khối ngành như: Tâm lý lứa tuổi THCS & THPT, Giáo dục học phổ thông, Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh kết quả học tập ở phổ thông theo định hướng đổi mới, có kiến thức nghiệp vụ sư phạm để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học các môn học ở trường phổ thông.
CĐR 5	Nắm vững các kiến thức cơ bản, hiện đại và chuyên sâu về Sinh học và Hóa học như: Sinh học phân tử, Sinh học tế bào, Di truyền học, Sinh thái học, Giải phẫu sinh lý người, Động vật học, Thực vật học, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa công nghệ môi trường, Phương pháp dạy học Sinh học và Hóa học... Phân tích, khái quát được các kiến thức chuyên sâu và thường xuyên cập nhật thông tin khoa học để áp dụng nâng cao chất lượng dạy học các môn Sinh học và Hóa học, đảm nhiệm tốt các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.
CĐR 6	Nắm bắt kịp thời về đổi mới phương pháp giáo dục ở trường phổ thông trong nước và khu vực, tích cực vận dụng đổi mới phương pháp dạy học môn Sinh học và Hóa học ở trường phổ thông.
Kiến thức bổ trợ	
CĐR 7	Tin học: Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin). Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 8	Biết xây dựng các kế hoạch dạy học phù hợp với mục tiêu của chương trình, vừa sức với học sinh THCS & THPT; có kỹ năng vận dụng đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học phù hợp.
CĐR 9	Biết tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với những điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập.
CĐR 10	Biết lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục như chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, phù hợp với môi trường làm việc và điều kiện học tập theo từng học kỳ và năm học; Có kỹ năng ứng xử trong giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng.
CĐR 11	Thực hiện có hiệu quả việc tích hợp kiến thức về bảo vệ môi trường, giáo dục vệ sinh

	an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, giáo dục sức khỏe sinh sản vào quá trình dạy học Sinh học và Hóa học ở trường phổ thông.
CĐR 12	Có kỹ năng thực hành, thí nghiệm và ứng dụng các thành tựu của Sinh học, Hóa học hiện đại vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất và đời sống. Có khả năng thích ứng, tiếp cận các vấn đề nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của khoa học Sinh học, Hóa học.
Kĩ năng mềm	
CĐR 13	Có kĩ năng thuyết trình, giao tiếp, kĩ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu.
CĐR 14	Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin và một số phần mềm ứng dụng liên quan hỗ trợ quản lý giáo dục và dạy học.
CĐR 15	Có vốn Tiếng Anh chuyên ngành để có thể đọc, dịch tài liệu về Sinh học và Hóa học.
CĐR 16	Có kỹ năng cập nhật liên tục các kiến thức mới về chuyên ngành và nghề nghiệp nhằm nắm bắt kịp thời các nhu cầu và xu thế phát triển của thời đại.
Về thái độ	
CĐR 17	Biết vận dụng kiến thức thuộc các môn Lý luận chính trị, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, giải thích và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn; hiểu được và ủng hộ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;
CĐR 18	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có tác phong sư phạm chuẩn mực, lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, yêu nghề, có trách nhiệm, thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh. Thiết lập quan hệ thân thiện với phụ huynh học sinh, phối hợp với gia đình và cộng đồng để hỗ trợ việc học tập và rèn luyện đạt chất lượng giáo dục tốt nhất;
CĐR 19	Có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ.
Về vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp	
CĐR 20	Có khả năng đảm nhận các công việc trong ngành giáo dục và các ngành liên quan, phù hợp với các chuẩn đầu ra đã được đào tạo. Có khả năng quản lý và chỉ đạo các hoạt động giáo dục ở trường THCS & THPT.
CĐR 21	Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ giảng dạy môn Sinh học và Hóa học trong chương trình THCS & THPT và trở thành cán bộ cốt cán về chuyên môn ở bậc THCS & THPT.
CĐR 22	Làm cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến Sinh học và Hóa học.
Về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	
CĐR 23	Có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Sinh học, Hóa học hoặc các chuyên ngành gần.
CĐR 24	Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực Sinh học, Hóa học ở các bậc học khác nhau.

3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																								
Mã HP	Học phần	Kiến thức							Kĩ năng								Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp						Khả năng HT NC TD		
		Chung			Ngành				Cứng				Mềm					CĐ		CN		TD				
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			
I. Kiến thức GD đại cương																										
LL2.1.001.2	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2			1				1								2		2	1					1	
LL2.1.002.3	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	2			1				1								2		2	1					1	
LL2.1.003.2	TT Hồ Chí Minh	2			1				1								2		2	1					1	
LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng CS VN	2			1				1								2		2	1					1	
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			1	1	2	1	2				1	1		2	2	2		2			1	2	1	1	
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2			1	1	2	1	2				1	1		2	2	2		2			1	2	1	1	
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3			1	1	2	1	2				1	1		2	2	2		2			1	2	1	1	
Giáo dục thể chất																										
<i>Học phần bắt buộc</i>																										
TC2.1.001.2	GD Thể chất 1	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
<i>Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 8 học phần)</i>																										
TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	
TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	1				1			1	1	1		1	1				2		1	1	1	1	1	1	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																									
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp						Khả năng HT NC TD						
		Chung		Ngành		B Tr	Cứng			Mềm			Đ 17		Đ 18	Đ 19	Đ 20	Đ 21	Đ 22	Đ 23	Đ 24						
		CĐ 1	CĐ 2	CĐ 3	CĐ 4		CĐ 5	CĐ 6	CĐ 7	CĐ 8	CĐ 9	CĐ 10										CĐ 11	CĐ 12	CĐ 13	CĐ 14	CĐ 15	CĐ 16
<i>Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 8 học phần)</i>																											
TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3)	1				1					1	1	1							2		1	1	1	1	1	1
Giáo dục Quốc phòng - An ninh																											
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	2				1															2	2	1				
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2				1															2	2	1				
TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	2				1															2	2	1				
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	1		1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	2	1	1				1	2	2	2	2	1	1
Chọn 2 trong 3 học phần																											
XH2.1.001.2	Tiếng việt thực hành			1	1						1		1		1						1	1			1		1
LL3.1.019.2	Pháp luật đại cương	2				1															1	1		1	1		
TN2.1.408.2	Môi trường và con người	1		1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
II. Khối kiến thức cơ bản																											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																							
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp						Khả năng HT NC TD				
		Chung		Ngành		B Tr	Cứng			Mềm			Đ 17		Đ 18	Đ 19	Đ 20	Đ 21	Đ 22	Đ 23	Đ 24				
		CĐ 1	CĐ 2	CĐ 3	CĐ 4	CĐ 5	CĐ 6	CĐ 7	CĐ 8	CĐ 9	CĐ 10	CĐ 11										CĐ 12	CĐ 13	CĐ 14	CĐ 15
TN2.1.306.2	Hoá học đại cương 1	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.307.2	Hoá học đại cương 2	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.308.2	Hoá học đại cương 3	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.409.2	Hoá sinh học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.140.2	Toán cao cấp B			1									1								1	1	1	1	
TN2.1.141.2	Xác suất thống kê B			2	1								2								1	2	1	1	
III. Khối kiến thức ngành																									
<i>1. Học phần bắt buộc</i>																									
TN2.1.410.2	Sinh học phân tử	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.411.2	Sinh học tế bào	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.412.2	Hình thái giải phẫu thực vật	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.413.2	Phân loại học thực vật	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.414.3	Động vật học không xương sống	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.415.2	Động vật học có xương	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.416.3	Sinh thái học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.417.4	Giải phẫu sinh lý người	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.418.3	Di truyền học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.419.2	Sinh lý học thực vật	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.420.2	Công nghệ sinh học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.421.2	Vi sinh vật học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.422.2	Tiến hóa	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.423.2	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.309.3	Hóa học vô cơ 1	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.310.2	Thực hành hóa học vô cơ (Hóa học vô cơ 2)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																							
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp						Khả năng HT NC TĐ				
		Chung		Ngành		B Tr	Cứng			Mềm			Đ 17		Đ 18	Đ 19	Đ 20	Đ 21	Đ 22	Đ 23	Đ 24				
		CĐ 1	CĐ 2	CĐ 3	CĐ 4	CĐ 5	CĐ 6	CĐ 7	CĐ 8	CĐ 9	CĐ 10	CĐ 11										CĐ 12	CĐ 13	CĐ 14	CĐ 15
TN2.1.311.2	Hóa học hữu cơ 1	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.312.2	Hóa học hữu cơ 2	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.313.2	Thực hành hóa học hữu cơ (Hóa học hữu cơ 3)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.314.3	Cân bằng ion trong dung dịch và các phương pháp định lượng (Hóa học phân tích 1)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.315.2	Thực hành hóa học phân tích (Hóa học phân tích 2)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.316.3	Hóa công nghệ môi trường	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
2. Học phần tự chọn (chọn 02 trong 6 học phần)																									
TN2.1.320.2	Danh pháp hợp chất hữu cơ	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.321.2	Hóa nông học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.323.2	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn hóa học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.424.2	Phương tiện dạy học sinh học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.425.2	Tập tính học động vật	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TN2.1.426.2	Sinh lý sinh trưởng và phát triển thực vật	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ																									
LL2.1.005.2	Quản lý NN và QL ngành GD&ĐT	2		1	1	1	2	1	1	2					1		1	2	1	1	2	2		2	
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2		1	1	1	2	1	1	2					1		1	2	1	1	2	2		2	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																								
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp						Khả năng HT NC TD					
		Chung			Ngành			Cứng			Mềm				Đ		Đ		Đ							
		CĐ1	CĐ2	CĐ3	CĐ4	CĐ5	CĐ6	CĐ7	CĐ8	CĐ9	CĐ10	CĐ11	CĐ12		CĐ13	CĐ14	CĐ15	CĐ16	CĐ17	CĐ18	CĐ19	CĐ20	CĐ21	CĐ22	CĐ23	CĐ24
TL2.1.010.2	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2		1	1	1	2	1	1	2					1		1	2	1	1	2	2			2	
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2		1	1	1	2	1	1	2					1		1	2	1	1	2	2			2	
TL2.1.015.2	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	2		1	1	1	2	1	1	2					1		1	2	1	1	2	2			2	
TL2.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2		1	1	1	2	1	1	2					1		1	2	1	1	2	2			2	
TN2.1.427.2	Rèn luyện NVSP thường xuyên	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.428.2	Đại cương PPDH Sinh học	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.429.2	PPDH Sinh học 1	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.430.2	PPDH Sinh học 2	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.317.2	Những vấn đề đại cương của PPDH Hóa học (PPDH hóa học 1)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.318.2	Giảng dạy các chương mục quan trọng của Hóa học phổ thông (PPDH hóa học 2)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.319.2	Thực hành lý luận dạy học hóa học (PPDH hóa học 3)	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.001.3	Thực tập sư phạm 1	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
TN2.1.002.5	Thực tập sư phạm 2	1		1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
V. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên ngành thay thế																										
Các học phần chuyên ngành thay thế (Chọn 3 học phần chuyên ngành trong 5 học phần chuyên ngành sau)																										

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																							
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp						Khả năng HT NC TD				
		Chung			Ngành			Cứng			Mềm														
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
TN2.1.431.3	Kỹ thuật dạy học sinh học	1		1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	
TN2.1.432.2	Cơ sở di truyền chọn giống	1		1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	
TN2.1.433.2	Đa dạng sinh học	1		1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	
TN2.1.324.2	Những vấn đề cốt lõi của Hóa học hữu cơ	1		1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	
TN2.1.325.2	Bài tập môn Hóa học	1		1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

6. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc và có đủ yêu cầu: tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; đảm bảo sức khỏe để học tập và công tác lâu dài.

- Phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ 1838/QĐ-DHHT ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào).

8. Thang điểm

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ 1838/QĐ-DHHT ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào).

9. Nội dung chương trình

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					ĐK tiên quyết
				LT	BT	XMN, TL	TH	Tự học	
I	Khối Kiến thức đại cương (Chung cho tất cả các khối ngành)		23						
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	25		5		60	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	35		10		90	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25		5		60	
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35		10		90	
5	NN2.1.001.3	Tiếng Anh (1)	3	35	10			90	
6	NN2.1.002.2	Tiếng Anh (2)	2	20	10			60	
7	NN2.1.003.2	Tiếng Anh (3)	2	20	10			60	
	Giáo dục thể chất		3				45	90	
	Học phần bắt buộc								
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	6			24		
	Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 6 học phần)								
9	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4			41		
10	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4			41		
11	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4			41		
12	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	4			41		
13	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2			43		
14	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	4			41		
	Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 6 học phần)								
15	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	2			28		
16	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	2			28		
17	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2	2			30		
18	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	2			28		
19	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2			28		
20	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2			28		
	Giáo dục quốc phòng và an ninh		8						
21	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	3	45					
22	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2	30					

23	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	3	17			28		
24	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15			60	
		Chọn 2 trong 3 học phần	4/6						
25	XH2.1.001.2	Tiếng việt thực hành	2	15	10	5		60	
26	LL3.1.019.2	Pháp luật đại cương	2	30				60	
27	TN2.1.408.2	Môi trường và con người	2	22		5	3	60	
	II	Khối kiến thức cơ bản	12						
28	TN2.1.306.2	Hoá học đại cương 1	2	20	10			60	
29	TN2.1.307.2	Hoá học đại cương 2	2	20	10			60	
30	TN2.1.308.2	Hoá học đại cương 3	2				30	60	
31	TN2.1.409.2	Hoá sinh học	2	22	2	3	3	60	
32	TN2.1.140.2	Toán cao cấp B	2	24	6			60	
33	TN2.1.141.2	Xác suất thống kê B	2	24	6			60	
	III	Khối kiến thức chuyên ngành	56						
		a) Kiến thức ngành bắt buộc	52						
34	TN2.1.410.2	Sinh học phân tử	2	20	2	4	4	60	
35	TN2.1.411.2	Sinh học tế bào	2	20		4	6	60	
36	TN2.1.412.2	Hình thái giải phẫu thực vật	2	17		5	8	60	
37	TN2.1.413.2	Phân loại học thực vật	2	15		6	9	60	
38	TN2.1.414.3	Động vật học không xương sống	3	30		8	7	90	
39	TN2.1.415.2	Động vật học có xương	2	15		9	6	60	
40	TN2.1.416.3	Sinh thái học	3	30		8	7	90	
41	TN2.1.417.4	Giải phẫu sinh lý người	4	35		10	15	120	
42	TN2.1.418.3	Di truyền học	3	30	6	3	6	90	
43	TN2.1.419.2	Sinh lý học thực vật	2	15		5	10	60	
44	TN2.1.420.2	Công nghệ sinh học	2	20		7	3	60	
45	TN2.1.421.2	Vi sinh vật học	2	20		2	8	60	
46	TN2.1.422.2	Tiến hóa	2	26	1	3		60	
47	TN2.1.423.2	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	2	2			28	60	
48	TN2.1.309.3	Hóa học vô cơ 1	3	30	15			90	
49	TN2.1.310.2	Thực hành hóa học vô cơ (Hóa học vô cơ 2)	2				30	60	
50	TN2.1.311.2	Hóa học hữu cơ 1	2	19	11			60	
51	TN2.1.312.2	Hóa học hữu cơ 2	2	18	12			60	
52	TN2.1.313.2	Thực hành hóa học hữu cơ (Hóa học	2				30	60	

		hữu cơ 3)							
53	TN2.1.314.3	Cân bằng ion trong dung dịch và các phương pháp định lượng (Hóa học phân tích 1)	3	30	15				90
54	TN2.1.315.2	Thực hành hóa học phân tích (Hóa học phân tích 2)	2				30	60	
55	TN2.1.316.3	Hóa công nghệ môi trường	3	30		15		90	
<i>b) Kiến thức ngành tự chọn (chọn 02 học phần trong 06 học phần)</i>									
56	TN2.1.320.2	Danh pháp hợp chất hữu cơ	2*	16	14			60	
57	TN2.1.321.2	Hóa nông học	2*	25		5			
58	TN2.1.323.2	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn hóa học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng	2*	15	15			60	
59	TN2.1.424.2	Phương tiện dạy học sinh học	2*	15			15	60	
60	TN2.1.425.2	Tập tính học động vật	2*	20		4	6	60	
61	TN2.1.426.2	Sinh lý sinh trưởng và phát triển thực vật	2*	24		6		60	
IV	Khối kiến thức nghiệp vụ		34						
62	LL2.1.005.2	Quản lý NN và QL ngành GD&ĐT	2	30				60	
63	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	20		10		60	
64	TL2.1.010.2	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	20		10		60	
65	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	20		10		60	
66	TL2.1.015.2	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	2	20		10		60	
67	TL2.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	20	5	5		60	
68	TN2.1.427.2	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2				30	60	
69	TN2.1.428.2	Đại cương PPDH Sinh học	2	25		5	5	60	
70	TN2.1.429.2	PPDH Sinh học 1	2	15	2	2	11	60	
71	TN2.1.430.2	PPDH Sinh học 2	2	13	2	2	15	60	
72	TN2.1.317.2	Những vấn đề đại cương của PPDH Hóa học (PPDH hóa học 1)	2	17		4	9	60	
73	TN2.1.318.2	Giảng dạy các chương mục quan trọng của Hóa học phổ thông (PPDH hóa học 2)	2	12		1	17	60	
74	TN2.1.319.2	Thực hành lý luận dạy học hóa học (PPDH hóa học 3)	2	6			24	60	
75	TN2.1.001.3	Thực tập sư phạm 1	3						
76	TN2.1.002.5	Thực tập sư phạm 2	5						

V	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên ngành thay thế		7						
	Các học phần chuyên ngành thay thế (Chọn 3 học phần chuyên ngành trong 5 học phần chuyên ngành sau)		7						
77	TN2.1.431.3	Kỹ thuật dạy học sinh học	3	24		21		90	
78	TN2.1.432.2	Cơ sở di truyền chọn giống	2	25		2	3	60	
79	TN2.1.433.2	Đa dạng sinh học	2	23		4	3	60	
80	TN2.1.324.2	Những vấn đề cốt lõi của Hóa học hữu cơ	2	30				60	
81	TN2.1.325.2	Bài tập môn Hóa học	11	9	5	5		60	
Cộng:			132						

10. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I	Kiến thức giáo dục đại cương		23										
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2									
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3		3								
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2								
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3						
5	NN2.1.001.3	Tiếng Anh (1)	3		3								
6	NN2.1.002.2	Tiếng Anh (2)	2			2							
7	NN2.1.003.2	Tiếng Anh (3)	2				2						
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	x									
9	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3*		x								
10	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3*										
11	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3*										
12	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3*										
13	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3*										
14	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3*										
15	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2*		x								
16	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2*										
17	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2*										

18	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2*								
19	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2*								
20	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2*								
21	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	3				x				
22	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2				x				
23	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	3				x				
24	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	2							
25	XH2.1.001.2	Tiếng việt thực hành	2*						2*		
26	LL3.1.019.2	Pháp luật đại cương	2*								2*
27	TN2.1.408.2	Môi trường và con người	2*						2*		
II Khối kiến thức cơ bản			12								
28	TN2.1.306.2	Hoá học đại cương 1	2	2							
29	TN2.1.307.2	Hoá học đại cương 2	2		2						
30	TN2.1.308.2	Hoá học đại cương 3	2			2					
31	TN2.1.409.2	Hoá sinh học	2			2					
32	TN2.1.140.2	Toán cao cấp	2	2							
33	TN2.1.141.2	Xác suất thống kê	2	2							
III Khối kiến thức chuyên ngành			56								
a) Kiến thức ngành bắt buộc			52								
34	TN2.1.410.2	Sinh học phân tử	2			2					
35	TN2.1.411.2	Sinh học tế bào	2	2							
36	TN2.1.412.2	Hình thái giải phẫu thực vật	2	2							
37	TN2.1.413.2	Phân loại học thực vật	2		2						
38	TN2.1.414.3	Động vật học không xương sống	3		3						
39	TN2.1.415.2	Động vật học có xương	2			2					
40	TN2.1.416.3	Sinh thái học	3						3		
41	TN2.1.417.4	Giải phẫu sinh lý người	4					4			
42	TN2.1.418.3	Di truyền học	3						3		
43	TN2.1.419.2	Sinh lý thực vật	2			2					
44	TN2.1.420.2	Công nghệ sinh học	2							2	
45	TN2.1.421.2	Vi sinh vật học	2					2			
46	TN2.1.422.2	Tiến hóa	2							2	
47	TN2.1.423.2	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	2							2	
48	TN2.1.309.3	Hóa học vô cơ 1	3			3					
49	TN2.1.310.2	Thực hành hóa học vô cơ (Hóa học	2					2			

		vô cơ 2)									
50	TN2.1.311.2	Hóa học hữu cơ 1	2				2				
51	TN2.1.312.2	Hóa học hữu cơ 2	2					2			
52	TN2.1.313.2	Thực hành hóa học hữu cơ (Hóa học hữu cơ 3)	2						2		
53	TN2.1.314.3	Cân bằng ion trong dung dịch và các phương pháp định lượng (Hóa học phân tích 1)	3							3	
54	TN2.1.315.2	Thực hành hóa học phân tích (Hóa học phân tích 2)	2								2
55	TN2.1.316.3	Hóa công nghệ môi trường	3							3	
	<i>b) Kiến thức ngành tự chọn (chọn 02 học phần trong 06 học phần)</i>		4/10								
56	TN2.1.320.2	Danh pháp hợp chất hữu cơ	2*								2*
57	TN2.1.321.2	Hóa nông học	2*								2*
58	TN2.1.323.2	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn hóa học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng	2*								2*
59	TN2.1.424.2	Phương tiện dạy học sinh học	2*								2*
60	TN2.1.425.2	Tập tính học động vật	2*								2*
61	TN2.1.426.2	Sinh lý sinh trưởng và phát triển thực vật	2*								2*
	IV Khối kiến thức nghiệp vụ		34								
62	LL2.1.005.2	Quản lý NN và QL ngành GD&ĐT	2								2
63	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	2							
64	TL2.1.010.2	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2		2						
65	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2			2					
66	TL2.1.015.2	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	2				2				
67	TL2.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2					2			
68	TN2.1.427.2	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2								2
69	TN2.1.428.2	Đại cương PPDH Sinh học	2					2			
70	TN2.1.429.2	PPDH Sinh học 1	2						2		
71	TN2.1.430.2	PPDH Sinh học 2	2							2	
72	TN2.1.317.2	Những vấn đề đại cương của PPDH Hóa học (PPDH hóa học 1)	2					2			
73	TN2.1.318.2	Giảng dạy các chương mục quan trọng của Hóa học phổ thông (PPDH hóa học 2)	2								2

74	TN2.1.319.2	Thực hành lý luận dạy học hóa học (PPDH hóa học 3)	2									2	
75	TN2.1.001.3	Thực tập sư phạm 1	3									3	
76	TN2.1.002.5	Thực tập sư phạm 2	5										5
V	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên ngành thay thế		7										
	Các học phần chuyên ngành thay thế <i>(Chọn 3 học phần chuyên ngành trong 5 học phần chuyên ngành sau)</i>		7										7
77	TN2.1.431.3	Kỹ thuật dạy học sinh học	3										
78	TN2.1.432.2	Cơ sở di truyền chọn giống	2										
79	TN2.1.433.2	Đa dạng sinh học	2										
80	TN2.1.324.2	Những vấn đề cốt lõi của Hóa học hữu cơ	2										
81	TN2.1.325.2	Bài tập môn Hóa học	2										
Cộng:			132	16	17	17	17	16	16	17	16	17	16

Ghi chú: Chương trình đào tạo có khối lượng là 132 tín chỉ (Không kể giáo dục Thể chất và giáo dục Quốc phòng).

11. Mô tả nội dung các học phần

11.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 là phần Triết học Mác-Lênin.
Cụ thể:

- Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Phép biện chứng duy vật
- Chủ nghĩa duy vật lịch sử

11.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2 3TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin về: học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; lý luận về chủ nghĩa xã hội.

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2

Học phần cung cấp những kiến thức về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày cơ sở quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về

vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

11.4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp những nội dung cơ bản về : Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) ; Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) ; Đường lối của Đảng trong từng lĩnh vực (công nghiệp hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại). Sau khi học xong học phần, người học sẽ hiểu được quá trình hình thành, bổ sung và hoàn thiện đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

11.5. Tiếng Anh 1 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống.

Sinh viên được rèn luyện cách phát âm chính xác theo IPA; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh - Nghe, Nói, Đọc, Viết tương đương trình độ đầu A2.

11.6. Tiếng Anh 2 2TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Sinh viên được trang bị các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Anh thông qua các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh đa dạng của cuộc sống.

Sinh viên được rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ giữa A2.

11.7. Tiếng Anh 3 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Sinh viên được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng qua các chủ đề, chủ đề khác nhau về các khía cạnh khác nhau của đời sống văn hoá, xã hội.

Sinh viên tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ cuối A2.

11.8. Giáo dục Thể chất 1 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất, Y – Sinh học thể dục thể thao, chạy cự li ngắn, chạy cự li trung bình.

11.9. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá; đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng bóng đá đối với người tập luyện; một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.

11.10. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng bàn; cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng; kỹ thuật lúp bóng thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật lúp bóng trái tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay.

11.11. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng chuyền; nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền; kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

11.12. Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông; quá trình phát triển của môn cầu lông; nguyên lý kỹ thuật cầu lông; cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái; kỹ thuật đập cầu thuận tay.

11.13. Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

11.14. Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chạy cự li ngắn; chạy cự li trung bình; nhảy cao; nhảy xa.

11.15. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.

11.16. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật phát bóng.

11.17. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền; chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền; phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

11.18. Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; kỹ thuật đập cầu; kỹ thuật đánh cầu gần lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

11.19. Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

11.20. Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa; các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa; một số điển luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa.

11.21. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

11.22. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

11.23. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

11.24. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 8 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

10.26. Tin học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

11.25. Tiếng việt thực hành

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt, cụ thể là các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết trong điều kiện giao tiếp văn hoá; đặc biệt là kỹ năng tạo lập văn bản.

11.26. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

11.27. Môi trường và con người

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần cung cấp các nguyên lý sinh thái áp dụng cho môi trường. Dân số và những áp lực của nó gây ra với tài nguyên môi trường. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

11.28. Hoá học đại cương 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này gồm các nội dung: Các lý thuyết về nguyên tử; một số vấn đề tiền cơ học lượng tử; các khái niệm cơ bản (AO, Hàm mật độ xác suất; mây electron; spin electron); mối liên hệ giữa bảng hệ thống tuần hoàn với cấu tạo nguyên tử; phân tử và

liên kết hoá học (Đại cương về liên kết hoá học; hình học phân tử; thuyết liên kết hoá trị (VB); thuyết obitan phân tử (MO); phương pháp gần đúng MO-Hucken); liên kết hoá học trong hợp chất phức; đại cương về hoá học tinh thể. Các khái niệm cơ bản về dung dịch, các tính chất của dung dịch chất tan không điện li không bay hơi và tính chất của dung dịch chất điện li.

11.29. Hoá học đại cương 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm nghiên cứu các qui luật điều khiển các quá trình hoá học: Nhiệt động học, động hoá học, cân bằng hóa học, dung dịch, điện hoá học. Xét các thông số nhiệt động, nội năng, entanpi, entropi, thế đẳng áp, đẳng nhiệt, khả năng và chiều hướng diễn biến các quá trình hoá học. Các khái niệm cơ bản về tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học cùng các yếu tố ảnh hưởng đến chúng. Những kiến thức về phản ứng oxi hóa khử, thế điện cực, pin điện, sự điện phân và ăn mòn kim loại.

11.30. Hoá học đại cương 3

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hoá học đại cương 1, 2

Học phần thí nghiệm Hóa học đại cương gồm 15 bài thực hành, trong đó 3 bài đầu dành cho quy tắc làm việc trong phòng thí nghiệm và một số kỹ thuật cơ bản khi làm việc với các dụng cụ thủy tinh, với một số dụng cụ khác như cân, lò nung, tủ sấy, ... Những bài còn lại dành cho các thí nghiệm liên quan tới hiệu ứng nhiệt, xác định khối lượng mol chất khí, cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, dung dịch, phản ứng oxy hóa khử - điện hóa.

11.31. Hóa sinh học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hoá học đại cương, Sinh học tế bào.

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản, hiện đại về cấu tạo hoá học, về chức năng sinh học của các nhóm hợp chất cấu tạo tế bào, điều tiết các hoạt động sống (protein, axit nucleic, glucid, lipid, vitamin, enzym, hormone), về cơ chế quá trình chuyển hoá vật chất và năng lượng trong cơ thể sống.

11.32. Toán cao cấp B

2 TC

Điều kiện tiên quyết:

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số và phương trình vi phân làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành như vận dụng vào thực tiễn.

11.33. Xác suất - Thống kê B

2 TC

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần gồm những phần sau đây: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng, một số định lý về luật số lớn và định lý giới hạn trung tâm, mẫu ngẫu nhiên, hàm phân phối mẫu, các số đặc trưng mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

11.34. Sinh học phân tử

2TC

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung nghiên cứu cấu trúc và chức năng của các đại phân tử, chủ yếu là protein và axit nucleic, các cấu trúc và bào quan của tế bào ở mức độ phân tử; nghiên cứu sinh học phân tử một số quá trình sống như tổng hợp và phân giải các chất, phiên mã và dịch

mã, hoạt động của phage, những vấn đề hiểu biết về ung thư v.v..., các quá trình cơ bản xảy ra ở mức phân tử liên quan đến protein và axit nucleic; đề cập đến một số phản ứng in vitro liên quan đến axit nucleic, làm cơ sở cho các kỹ thuật di truyền ứng dụng trong thực tế, các công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh vật.

11.35. Sinh học tế bào

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trình bày cấu tạo và chức năng từng phần trong cấu trúc tế bào sống, các quá trình sống cơ bản trong tế bào sống như: sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào, sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào, một số ứng dụng cơ bản của công nghệ tế bào hiện đại trong chọn giống.

11.36. Hình thái giải phẫu học thực vật

2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học tế bào

Nội dung bao gồm những đặc điểm cấu tạo điển hình của tế bào thực vật. Hình dạng, cấu tạo và chức năng của từng loại tế bào (các loại mô) trong cơ thể thực vật; những đặc trưng cơ bản về hình dạng ngoài, cấu tạo bên trong của các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá), cơ quan sinh sản (hoa, hạt và quả); Sự sinh sản và chu trình phát triển của các ngành thực vật, từ rêu đến thực vật có hoa; sự tiến hóa hình thái, cấu tạo giải phẫu từ thực vật chưa có hạt đến thực vật có hạt, từ thực vật chưa có hoa đến thực vật có hoa; kỹ năng làm tiêu bản hiển vi, kỹ năng quan sát, mô tả, phân biệt các loại mô trong cơ thể thực vật.

11.37. Phân loại học thực vật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hình thái giải phẫu thực vật

Học phần này cung cấp các kiến thức chung về giới thực vật; những căn cứ để phân chi giới thực vật thành các bậc đơn vị khác nhau: loài, họ, lớp, ngành và nhóm ngành; cũng như các đặc điểm chứng minh quan hệ họ hàng và chiều hướng tiến hóa của các nhóm, ngành thực vật.

11.38. Động vật học không xương sống

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các ngành, các lớp đại diện cho động vật không xương sống; sơ đồ cấu tạo của ngành, các đặc điểm về hình thái cấu tạo, sinh sản, phát triển, phân loại và vai trò của chúng với thiên nhiên và con người; các phương pháp giải phẫu các đối tượng dùng trong giảng dạy ở đại học và trung học.

11.39. Động vật học có xương sống

2TC

Điều kiện tiên quyết: Động vật học không xương sống

Nội dung bao gồm các kiến thức về cấu tạo hình thái, giải phẫu, hoạt động sống, phân loại, sinh thái, nguồn gốc tiến hóa và ý nghĩa thực tiễn của các lớp trong ngành động vật có dây sống; giải phẫu so sánh các hệ cơ quan (bộ xương, hệ cơ, hệ thần kinh, hệ tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, bài tiết, sinh dục...); giới thiệu khái quát về sự phân bố của động vật trên trái đất.

11.40. Sinh thái học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê, Phân loại học thực vật, Động vật không xương sống, Động vật có xương sống.

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về Sinh thái: mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường với các cấp tổ chức của sự sống (cá thể, quần thể, quần xã) quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái tức là hệ thống gồm quần xã và sinh cảnh của nó, một số bài thực hành về sinh thái học cá thể, sinh thái học quần thể và quần xã.

11.41. Giải phẫu và sinh lý người **4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Động vật học có xương sống.

Học phần cung cấp các kiến thức về cấu tạo và các quy luật thực hiện chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người như : hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh và giác quan, hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ nội tiết, hệ tiết niệu, hệ sinh dục ...

11.42. Di truyền học **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Phân loại học thực vật, Động vật không xương sống, Động vật có xương sống, Giải phẫu và sinh lý người.

Trang bị kiến thức cơ bản về di truyền học. Biết ứng dụng các kiến thức di truyền vào trong sản xuất, đời sống, tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, phẩm chất tốt. Có kỹ năng làm một số phép lai, gây đột biến, làm các tiêu bản về nhiễm sắc thể, nguyên tắc phân tích izozim, ADN...

11.43. Sinh lý học thực vật **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: TN2.1.408.2; TN2.1.421.2

Nội dung bao gồm các kiến thức cơ bản, hiện đại có tính quy luật về các quá trình sinh lý diễn ra trong cơ thể thực vật (trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng, quang hợp, hô hấp, sinh trưởng phát triển...), mối quan hệ giữa các quá trình sống của cơ thể với môi trường, khả năng ứng dụng và điều khiển các quá trình sinh lý của cây trồng theo hướng có lợi nhất cho con người – thu hoạch tốt nhất về năng suất và chất lượng trồng trọt nhằm tăng chất lượng, hiệu quả trong trồng trọt.

11.44. Công nghệ sinh học **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh học, Sinh học phân tử, Di truyền học đại cương, Vi sinh học, Sinh lý học thực vật.

Nội dung gồm Đại cương về công nghệ sinh học, phân loại công nghệ sinh học. Quá trình phát triển công nghệ sinh học, những thành tựu của công nghệ sinh học. Triển vọng công nghệ sinh học thế kỷ XXI, chương trình công nghệ sinh học ở nước ta, giới thiệu: Công nghệ vi sinh vật; công nghệ nuôi cấy tế bào và mô; công nghệ sinh học hiện đại. Nhiệm vụ của công nghệ sinh học.

11.45. Vi sinh vật học **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh thái học

Vi sinh vật học là khoa học nghiên cứu sự sống hiển vi bao gồm các nhóm VSV và các dạng sống chưa có cấu tạo tế bào (vi rút), bao gồm một hệ thống kiến thức hoàn chỉnh về sự sống: hình thái, trao đổi chất, các quá trình biến dị và di truyền, miễn dịch...; một số thực hành, đặt một số thí nghiệm nghiên cứu về enzym, trao đổi chất, sử dụng các phương pháp nhuộm màu, sử dụng kính hiển vi... và một số kỹ năng liên hệ với thực tiễn sản xuất và đời sống.

11.46. Tiễn hóa **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học tế bào

Nội dung là những kiến thức cơ bản về Tiến hóa sinh vật, bao gồm các tư tưởng tiến hóa và các học thuyết tiến hóa, các quy luật tiến hóa, giải thích các vấn đề về nguồn gốc các loài, mối quan hệ giữa các loài, sự hình thành đặc điểm thích nghi và sự hình thành loài mới. Dựa vào các kiến thức về di truyền học và sinh học phân tử, tiến hóa hiện đại đi sâu vào cơ chế tiến hóa giải thích cơ chế biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể, dẫn tới sự hình thành loài mới (*tiến hóa nhỏ*), bổ sung và hoàn chỉnh về nguyên liệu tiến hóa, đơn vị tiến hóa, các nhân tố tiến hóa. Nội dung của cũng đề cập đến những vấn đề của tiến hóa trên loài (*tiến hóa lớn*). Dựa trên các bằng chứng tiến hóa, này còn phân tích nguồn gốc, sự phát triển của sinh vật qua các đại địa chất, sự tiến hóa hệ gen và sự phát sinh loài người.

11.47. Thực tập nghiên cứu thiên nhiên

2 TC

Điều kiện tiên quyết: TN2.1.424.2; TN2.1.413.3; TN2.1.410.2

Học phần giúp cho sinh viên mở rộng hiểu biết thực tế sau khi học các học phần Thực vật, Động vật, Sinh thái. Sinh viên được tập dượt các kỹ năng Sinh học như quan sát, theo dõi, ghi chép, thu thập, xử lý, bảo quản mẫu vật, xây dựng sưu tập, làm báo cáo thu hoạch.

11.48. Kim loại và phi kim (Hoá học vô cơ 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần Hoá học đại cương

Học phần giới thiệu cấu tạo, thành phần và tính chất của các nguyên tố phi kim, kim loại và các nguyên tố chuyển tiếp trong bảng hệ thống tuần hoàn và các hợp chất của chúng.

Giới thiệu một số phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm, trong sản xuất công nghiệp của một số đơn chất và hợp chất quan trọng, điển hình.

11.49. Thí nghiệm hoá học vô cơ (Hoá học vô cơ 2)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hoá học vô cơ 1

Phần thực hành các tính chất các chất hoá học vô cơ. Rèn luyện thực hành và các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm để có thể thực hiện các thí nghiệm chứng minh ở phổ thông.

11.50. Đại cương và Hidrocacbon (Hoá học hữu cơ 1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học sau môn học Hoá học đại cương

Học phần nghiên cứu khái niệm về hoá hữu cơ, phân loại, cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các cách biểu diễn cấu trúc không gian của phân tử, các loại hiệu ứng electron về ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ. Tính chất vật lí, tính chất hoá học, các phương pháp điều chế các hidrocacbon và dẫn xuất hidroxyl của hidrocacbon.

Trong mỗi loại hidrocacbon, dẫn xuất hidroxyl của hidrocacbon môn học cũng đề cập đến cơ chế của các phản ứng cơ bản như: thế gốc, thế electrophin, cộng electrophin, cộng gốc và các quy tắc, quy luật cơ bản của các loại cơ chế này.

11.51. Dẫn xuất của Hidrocacbon (Hoá học hữu cơ 2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa học hữu cơ 1

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc phân tử, tính chất vật lý, tính chất hoá học, các phương pháp điều chế các hợp chất cacbonyl, axit cacboxylic và dẫn xuất của axit cacboxylic, aminoaxit và protein, cacbohidrat, dị vòng, polime.

Với các tính chất hoá học và phương pháp điều chế, môn học cũng đề cập đến cơ chế của các phản ứng để tạo thành dẫn xuất của hidrocacbon cũng như các phản ứng mà các dẫn xuất tham gia.

11.52. Thực hành hoá học hữu cơ (Hoá học hữu cơ 3) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hoá học hữu cơ 1, 2

Phần thực hành về hoá học hữu cơ giúp cho sinh viên hiểu và thực hiện được những kỹ thuật cơ bản về thực hành hoá học hữu cơ, phản ứng đặc trưng của các hợp chất hữu cơ.

11.53. Cân bằng ion trong dung dịch và các phương pháp định lượng

(Hoá học phân tích 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi đã học xong học phần Hoá học đại cương, hóa học vô cơ.

Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết cân bằng ion nhằm cung cấp các qui luật cần thiết để hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong dung dịch gồm: Các định luật cơ bản của hoá học áp dụng cho hệ các chất điện li; cân bằng axit – bazơ, cân bằng oxi hoá - khử, cân bằng trong dung dịch chứa hợp chất ít tan; Cân bằng giữa hai pha không trộn lẫn.

Các phương pháp định lượng hoá học: đối tượng nhiệm vụ của phân tích định lượng; Phân loại các phương pháp phân tích định lượng; Biểu diễn và đánh giá kết quả phân tích định lượng; Phương pháp phân tích khối lượng, phương pháp phân tích thể tích; phương pháp chuẩn độ axit – bazơ; chuẩn độ axit – bazơ; chuẩn độ tạo phức; Chuẩn độ tạo kết tủa; Chuẩn độ oxi hoá - khử.

11.54. Thực hành hoá học phân tích (Hoá học phân tích 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi đã học xong học phần Hoá học phân tích 1, 2.

Học phần này nhằm giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành về phương pháp phân tích định tính: về tính chất và phản ứng ion trong dung dịch (sau khi đã học lý thuyết Hoá học phân tích 1 và học phần Hoá học vô cơ) nhằm giúp sinh viên vận dụng thành thạo các kiến thức đã được học.

Phần thực hành phân tích định lượng nhằm giúp sinh viên nắm được các kỹ năng cơ bản về pha chế dung dịch các loại nồng độ, sử dụng thành thạo các dụng cụ đo thể tích chính xác và kỹ năng chuẩn độ.

11.55. Hoá học công nghệ môi trường 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa học vô cơ 1

Phần 1: Trang bị những kiến thức cơ bản về Hoá kỹ thuật đại cương gồm những kiến thức cơ bản về công nghệ hoá học; Quy trình sản xuất một số chất: axit sunfuric; amoniac, axit nitric; NaOH, Clo, HCl; phân bón; công nghệ silicat; gang thép; kỹ thuật nhiên liệu; hợp chất cao phân tử;

Phần 2: Những kiến thức cơ bản về Hoá học môi trường; môi trường khí quyển; thạch quyển; thủy quyển; sự ô nhiễm môi trường; độc chất hoá học; công nghệ môi trường; giáo dục môi trường trong nhà trường.

Phần 3: Tham quan thực tế các nhà máy hoá chất để tăng cường hiểu biết thực tiễn cho người học. Tuỳ điều kiện có thể tham quan từ 2 đến 4 nhà máy sản xuất các hoá chất khác nhau. Tham quan công nghệ xử lý chất thải của các nhà máy.

11.56. Danh pháp hợp chất hữu cơ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Hoá học hữu cơ

Trang bị những kiến thức đại cương về danh pháp hữu cơ; danh pháp hidrocacbon, các ion và gốc tự do; danh pháp các dẫn xuất của hidrocacbon.

11.57. Hóa nông học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa học vô cơ 2

Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về đất phân bón và các loại nông dược dùng trong nông nghiệp gồm: thành phần hoá học, sự chuyển hoá và cách bảo quản, sử dụng chúng.

11.58. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn hóa học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lý luận dạy học môn hóa học, Phương pháp dạy học hóa học ở trường phổ thông.

Nội dung học phần là trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá theo chuẩn: Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá, thiết kế câu hỏi, quy trình thiết kế đề kiểm tra, xây dựng bộ công cụ đánh giá.

11.59. Phương tiện dạy học sinh học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lí luận dạy học và lí luận giáo dục.

Nghiên cứu cơ sở lý luận, phương pháp sử dụng và bảo quản những phương tiện dạy học hiện đại và những phương tiện dạy học truyền thống. Sinh viên phân biệt được các loại phương tiện DH sử dụng trong DSSH. Biết lựa chọn các phương tiện thích hợp trong DSSH. Kỹ thuật sử dụng các phương tiện DSSH và tổ chức học tập của học sinh theo hướng tích cực hoá các hoạt động nhận thức.

11.60. Tập tính động vật

2TC

Điều kiện tiên quyết: Động vật học có xương sống

Tập tính học là môn học nghiên cứu về hoạt động sống, cách sống của động vật qua đó giúp người học hiểu biết thêm về tiến hoá, quá trình hình thành tính nết, thói quen của loài vật, kể cả người từ đó có cơ sở khoa học để cải tiến phương pháp giáo dục, xây dựng các biện pháp khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn lợi động vật, phòng trừ dịch hại trong chăn nuôi và trồng trọt.

11.61. Sinh lý sinh trưởng và phát triển thực vật

2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học tế bào, Sinh lí học thực vật.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về qui luật sinh trưởng phát triển ở thực vật, bản chất của sự sinh trưởng và phát triển của thực vật, những biện pháp điều khiển sự sinh trưởng và phát triển của thực vật ứng dụng vào thực tiễn.

11.62. Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục & đào tạo; Luật Giáo dục; điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; thực tiễn giáo dục địa phương.

11.63. Tâm lý học đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người; giới thiệu các quy luật hoạt động của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý, ý thức của nhân cách. Giúp người học nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp dạy học và giáo dục. Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

11.64. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức:

- a) Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của TLH LT và TLH SP; lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý
- b) Tâm lý học sinh lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông
- c) Tâm lý học dạy học
- d) Tâm lý học giáo dục
- e) Một số vấn đề tâm lý học nhân cách người giáo viên.

11.65. Giáo dục học đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần cung cấp một hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm, các phạm trù, và phương pháp cơ bản của giáo dục học; mục đích, nguyên lý, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

11.66. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp một hệ thống các kiến thức lý luận về bản chất, đặc điểm, các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường trung học, làm cơ sở để tiếp thu các học phần về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm; trên cơ sở đó hình thành và phát triển năng lực sư phạm cho người học.

11.67. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học, Giáo dục học đại cương.

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học, phương pháp trình bày một báo cáo khoa học, viết được một công

trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

11.68. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lí luận dạy học và lí luận giáo dục.

Củng cố cho sinh viên một số kiến thức cơ bản đã được học, nghiên cứu, đặc biệt là các môn học mang tính chất nghiệp vụ sư phạm như tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học môn Sinh học và Hóa học. Nhằm chuẩn bị cho sinh viên phương pháp làm việc có hiệu quả trong các đợt thực tập sư phạm.

Rèn luyện cho sinh viên hệ thống kỹ năng nghiệp vụ cơ bản và thực hành môn Sinh học và Hóa học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học.

11.69. Đại cương phương pháp dạy học Sinh học 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần về Sinh học

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Sinh học, bước đầu có một số kỹ năng vận dụng các kiến thức lí luận nói trên vào hoạt động dạy học, làm cơ sở để học tiếp học phần Phương pháp dạy học Sinh học ở trường THCS.

Tương ứng với các chương trình lí thuyết là chương trình thực hành theo nhóm, nhằm hình thành các kỹ năng bộ phận và tổng hợp (phân tích chương trình, xác định mục tiêu bài học, xác định kiến thức cơ bản trong bài, nhận xét một tiết lên lớp, sử dụng lời, sử dụng tranh, mô hình, thí nghiệm trong bài lên lớp, tổ chức các hoạt động học tập khám phá của học sinh, sử dụng sách giáo khoa và các phương tiện kĩ thuật, lập kế hoạch dạy một chương, soạn giáo án một bài, tập lên lớp một tiết học).

11.70. Phương pháp dạy học Sinh học 1 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương phương pháp dạy học Sinh học, Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục.

Phương pháp dạy học Sinh học 1 là một phần kiến thức khoa học giáo dục trang bị cho sinh viên các thao tác, kỹ năng, kỹ thuật dạy học, phương pháp dạy học các thành phần kiến thức của chương trình Thực vật học, Động vật học, Cơ thể người - Vệ sinh, Di truyền và sinh thái học ở trường THCS.

11.71. Phương pháp dạy học Sinh học 2 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương phương pháp dạy học Sinh học; các môn cơ bản (Sinh học phân tử, Sinh học tế bào, Di truyền học, Tiến hoá, Sinh thái học); Phương pháp dạy học Sinh học 1.

Phương pháp dạy học Sinh học 2 là một phần kiến thức khoa học giáo dục trang bị cho sinh viên các thao tác, kỹ năng, kỹ thuật dạy học, phương pháp dạy học các thành phần kiến thức của chương trình Sinh học cơ thể, Di truyền học, Học thuyết tiến hoá, Sinh thái học ở trường THPT.

11.72. Những vấn đề đại cương của PPDH Hóa học (PPDH 1) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học và giáo dục học.

Nội dung bao gồm các kiến thức cơ bản và hiện đại về nhiệm vụ môn học, phương pháp nghiên cứu khoa học và lí luận dạy học hóa học; các nhiệm vụ của việc dạy và học hóa học ở

trường phổ thông bao gồm nhiệm vụ trí dục, phát triển và giáo dục; nội dung dạy học hóa học ở trường phổ thông; các phương pháp dạy học hóa học (Định nghĩa, cơ sở phân loại, hệ thống các phương pháp dạy học); vấn đề đổi mới phương pháp dạy học hóa học; các hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông nhằm đảm bảo tính giáo dục và tính phát triển của việc dạy và học hóa học (kỹ năng thiết kế bài dạy, điều khiển tiết dạy trên lớp, xử lý tình huống trong dạy học Hóa học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS...).

11.73. Giảng dạy các chương mục quan trọng của Hoá học phổ thông

(Phương pháp dạy học 2)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học, Giáo dục học và Những vấn đề đại cương của PPDH Hóa học.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung và cấu trúc chương trình hóa học phổ thông. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp dạy học sử dụng trong các dạng bài dạy về các học thuyết và định luật hóa học, các nguyên tố và các chất hóa học, các hợp chất hữu cơ, các bài luyện tập và thực hành hóa học. Ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Các phương pháp giải toán hóa học ở trường phổ thông. Cách xây dựng bài tập hóa học mới và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học.

11.74. Thực hành và giải bài tập hóa học

(Phương pháp dạy học 3)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học, Phương pháp dạy học 2, các học phần thí nghiệm hoá vô cơ 2, hoá hữu cơ 3.

Môn học trang bị cho sinh viên nội dung của các thí nghiệm (sự chuẩn bị hóa chất, dụng cụ, cách tiến hành thí nghiệm, những hiện tượng cơ bản và giải thích, cách sử dụng thí nghiệm trong các bài dạy) về: Các nhóm nguyên tố, hợp chất vô cơ và phân tích hóa học phổ thông; tính chất các loại hợp chất hữu cơ trong chương trình hóa học phổ thông; một số thí nghiệm hóa học vui và các bài tập hoá học điển hình.

11.75. Thực tập sư phạm 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên.

Bao gồm các hoạt động về tìm hiểu thực tế giáo dục ở các địa phương; kiến tập việc dạy các môn học (quan sát các giờ dạy mẫu của giáo viên, tham gia và quan sát các hoạt động chuẩn bị dạy các tiết học, đánh giá kết quả học tập, tham gia và quan sát việc tổ chức cho học sinh tự học, học nhóm, rút kinh nghiệm các giờ đã dự, các hoạt động giáo dục đã tham quan và quan sát); kiến tập các hoạt động giáo dục (quan sát các buổi sinh hoạt tập thể, quan sát các hoạt động giáo dục, quan sát các hoạt động ngoài giờ lên lớp, làm bài tập thu hoạch); thực tập dạy một số tiết và điều khiển một số sinh hoạt tập thể hoặc hoạt động ngoài giờ lên lớp; hoàn thành bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục; tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.

11.76. Thực tập sư phạm 2

5 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập sư phạm 1

Bao gồm các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở THCS như sau: chuẩn bị thực tập sư phạm; lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức cho sinh viên tìm hiểu thực tế giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục, chuẩn bị bài dạy, thiết kế các hoạt động giáo dục; Thực hiện việc dự giờ, quan sát các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện, rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục. tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.

11.77. Kỹ thuật dạy học sinh học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: học xong tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn

Chương trình đề cập đến những vấn đề chung về kỹ thuật dạy học, công nghệ dạy học sinh học ở trường phổ thông: Kỹ thuật xác định mục tiêu của bài học, kỹ thuật định nghĩa các khái niệm, phát biểu nội dung quy luật sinh học, sử dụng câu hỏi và xây dựng, sử dụng phiếu học tập.

11.78. Cơ sở di truyền chọn giống

2TC

Điều kiện tiên quyết: Di truyền học, Động vật học và Thực vật học

Chương trình trình bày những cơ sở sinh học và di truyền học của khoa học chọn giống thực vật và động vật, trên cơ sở đó đưa ra những nguyên tắc của các phương pháp và kỹ thuật chọn giống áp dụng cho cây trồng, vật nuôi.

11.79. Đa dạng sinh học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Thực vật học, Phân loại Thực vật, Sinh lý thực vật, Động vật học, Sinh thái học

Giới thiệu về đa dạng sinh học nói chung và của Việt nam nói riêng; ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đa dạng sinh học.

11.80. Những vấn đề cốt lõi của hóa học hữu cơ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học sau các môn học Hoá hữu cơ 1, 2, 3

Nội dung môn học đề cập đến những vấn đề cốt lõi của hoá học hữu cơ:

Thứ nhất là vấn đề cấu trúc phân tử, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của hợp chất hữu cơ; cơ chế của các phản ứng hữu cơ và vấn đề chuyển vị.

Thứ hai là vấn đề thực nghiệm, môn học giúp sinh viên củng cố và nâng cao cơ sở lý thuyết của vấn đề thực nghiệm trong hoá học hữu cơ.

Thứ ba là vấn đề danh pháp hợp chất hữu cơ, môn học giúp sinh viên nắm chắc việc phiên chuyển và việc sử dụng danh pháp hợp chất hữu cơ.

11.81. Bài tập môn hóa học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần Hóa học

Hệ thống hoá được các nội dung chính của chương trình hoá học phổ thông. Ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Các phương pháp giải toán hóa học ở trường phổ thông. Cách xây dựng bài tập hóa học mới và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Chương trình khung trình độ Đại học ngành Sư phạm Sinh học

Chương trình khung giáo dục đại học trình độ Đại học Sư phạm Sinh học thuộc khối ngành sư phạm được thiết kế theo hình thức tín chỉ (theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ giáo dục và Đào tạo) và tuân thủ theo hướng dẫn số 1583/HD-ĐHTT ngày 25/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào việc xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng hiện đang đào tạo ngành Sinh học.

Chương trình khung giáo dục đại học trình độ Đại học Sư phạm Sinh học thuộc khối ngành sư phạm được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình cấu trúc kiểu hai ngành, trong đó ngành thứ nhất là Sư phạm Sinh học và ngành thứ hai là Sư phạm Hoá học với tổng khối lượng kiến thức không dưới 132 tín chỉ.

Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng được đưa ra ở mục 7 là những quy định bắt buộc tối thiểu với tổng khối lượng kiến thức là 132 tín chỉ (không kể các nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó: Kiến thức giáo dục đại cương có 23 tín chỉ, kiến thức cơ bản 12 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên ngành có 56 tín chỉ (Kiến thức ngành bắt buộc có 52 tín chỉ: Kiến thức ngành Sư phạm Sinh học (ngành thứ nhất) có 35 tín chỉ, kiến thức ngành Sư phạm Hóa học (ngành thứ hai) có 19 tín chỉ; kiến thức ngành tự chọn có 04 tín chỉ (chọn 02 trong 06 học phần); kiến thức nghiệp vụ có 34 tín chỉ; các học phần thay thế tốt nghiệp có 7 tín chỉ (chọn 03 trong 05 học phần)).

Giúp sinh viên sau này ra trường có thể đảm nhiệm được việc giảng dạy bộ môn Sinh học và Hóa học với chuyên ngành Sư phạm Sinh học – Hóa học ở trường phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh theo chương trình, sách giáo khoa mới.

12.2. Về nội dung các học phần

Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giản giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận các bài tập và thực hành tại cơ sở. Mỗi học phần chuyên ngành, chuyên sâu tối đa 4 tín chỉ/ học phần, chủ yếu 2 – 3 tín chỉ.

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy học đại học, chú trọng đúng mức tình hình cụ thể trong nước và từng bước hội nhập các nước trong khu vực và trên toàn thế giới.

- Phần thực hành bao gồm bài tập và thí nghiệm. Phần thí nghiệm: một số được ghép với phần lý thuyết, một số được xây dựng thành học phần độc lập, được phân bố đều ở các học kỳ.

- Yêu cầu phân bài tập: nhằm rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, năng lực tự học và góp phần rèn luyện năng lực sư phạm (tập trình bày, diễn giảng, viết bảng). Do thời lượng có hạn, cần phải tận dụng triệt để giờ làm việc tại lớp, tránh việc chữa bài tập đơn thuần hoặc giảng lại lý thuyết. Bài tập cho sinh viên chuẩn bị trước ở nhà để tận dụng thời gian trên lớp. Giảng viên cần kiểm tra, phát hiện những tồn tại và đưa ra tình huống vận dụng ở mức độ cao hơn. Tùy theo học phần, nên bố trí mỗi lần 1 tiết bài tập sau khi đã học xong một phần lý thuyết. Có thể tổ chức xemina thay cho giờ bài tập để nâng cao năng lực tự học của sinh viên, trong đó tổ chức thảo luận các chủ đề tự chọn hoặc chủ đề d giảng viên gợi ý.

Về thời gian tỉ lệ lý thuyết: bài tập: thực hành dao động xấp xỉ theo tỷ lệ 2:1.

- Yêu cầu phân thí nghiệm: phải minh họa những vấn đề lý thuyết của môn học, hình thành các kỹ năng thực nghiệm và quan trọng là rèn luyện năng lực độc lập, sáng tạo, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, bồi dưỡng năng lực tự học. Vì thời gian làm việc tại phòng thí nghiệm rất hạn chế, cần coi trọng việc chuẩn bị trước của sinh viên (tự đọc tài liệu, làm đề cương thí nghiệm). Tại phòng thí nghiệm giảng viên kiểm tra đề cương thí nghiệm, hướng dẫn kế hoạch làm việc, các kỹ thuật và thao tác khó. Phòng thí nghiệm cần có đủ hóa chất, thiết bị, có nhân viên thí nghiệm để chuẩn bị tốt hóa chất, dụng cụ tối thiểu cho buổi thực hành.

12.3. Định hướng đổi mới phương pháp đào tạo

12.3.1. Phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo của sinh viên

Một trong những đổi mới của chương trình phổ thông mới là "Phát huy tính tích cực, tự giác chủ động, sáng tạo của học sinh" thông qua việc giảng dạy các bộ môn của chuyên ngành Sinh học và Hóa học theo ngành đào tạo.

12.3.2. Tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ

Trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung của các học phần cần chú ý đến việc tích hợp giữa chuyên môn và nghiệp vụ. Học phần Phương pháp giảng dạy có vai trò chủ động trong việc nâng cao chất lượng nghề nghiệp, song tính chất nghề nghiệp phải được quán triệt trong tất cả các học phần.

Đối với các học phần nặng về lí thuyết cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, chủ động tích cực của người học. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học. Tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho sinh viên và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

Đối với các học phần nặng về thực hành cần chú trọng các hoạt động thực hành, tập dượt, làm mẫu trong việc dạy và học, mục đích chủ yếu là rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ. Khi dạy học các học phần này cần đảm bảo các điều kiện về đồ dùng, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm.

12.3.3. Định hướng đánh giá

Tổ chức đào tạo, thi và kiểm tra theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Chú ý đúng mức đến việc đánh giá khả năng vận dụng và sáng tạo của sinh viên.

Phối hợp đánh giá kết quả thi học phần với kiểm tra thường xuyên: Tăng cường tỉ lệ các câu hỏi, bài tập thực hành trong nội dung kiểm tra, đánh giá; Đề cao kết quả của bài tập nghiên cứu, của các bài thuyết trình, báo cáo, điều tra, làm dự án, các cuộc hội thảo, xemina và các hoạt động ngoài lớp.

Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra (viết hoặc vấn đáp).

Tổ chức thi học phần theo các hình thức: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, thực hành và kết hợp các hình thức trên.

13. Dự kiến mức học phí

Theo quy định của Nhà nước.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ tên: Nguyễn Quang Hoài Châu
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn LLCT
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Tổ KH Mác - Lênin
- Điện thoại: 0904048878, Email: chautqvn@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học; Chủ nghĩa Mác-Lênin

Giảng viên thứ hai

- Họ tên: Phan Thị Hồng Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn LLCT
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Tổ KH Mác - Lênin
- Điện thoại: 0912649289, Email: phanhongnhungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học; Chủ nghĩa Mác-Lênin

2. Thông tin chung về học phần

- Tên môn học: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1
- Mã môn học: LL2.1.001.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 giờ
 - + Thảo luận trên lớp: 9 giờ
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Lý luận chính trị.

3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin: Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; những nội dung cơ bản của lí luận nhận thức duy vật biện chứng; những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.

Vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Học phần Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và một số học phần thuộc kiến thức chuyên ngành khác.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Tóm tắt được sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin. Hiểu được Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành
CDR 2	So sánh được Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và lấy ví dụ về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Chứng minh được Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật
CDR 3	Tóm tắt được các hình thức cơ bản của phép biện chứng duy vật. Lấy được ví dụ minh họa về các nguyên lý, quy luật và các cặp phạm trù của phép Biện chứng duy vật. Vận dụng những phương pháp luận khoa học của phép biện chứng duy vật trong hoạt động thực tiễn. Hiểu được con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý
CDR 4	Hiểu được vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Lấy được ví dụ về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Chứng minh được tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Hiểu được vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp và quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Có khả năng bảo vệ tính khoa học, tính đúng đắn của Chủ nghĩa Mác - Lênin.
CDR 6	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá một vấn đề mang tính quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong nhận thức chủ nghĩa Mác-Lênin; thực hiện tốt đường lối của Đảng, và chính sách, pháp luật của Nhà nước
CDR 9	Tăng cường bản lĩnh chính trị, xây dựng niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã chọn

CDR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
--------	---

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		Cứng		Mềm		C	C	C	C	C	C
		Đ	R	Đ	R						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1. Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin	1				1	1	1	1	1	1
	Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin”	2				1	1	1	1	1	1
2. Chương I. Chủ nghĩa duy vật Biện chứng	Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng		2			1	2	1	1	1	1
	Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức		2			2	2	1	2	2	2
3. Chương II. Phép Biện chứng duy vật	Phép biện chứng duy vật			2		2	2	2	2	1	2
	Các nguyên lý cơ bản của Phép biện chứng duy vật			2		2	1	2	2	2	2
	Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật			2		1	1	1	2	2	1
	Các quy luật cơ bản của PBCDV			2		2	2	2	2	2	2
	Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			2		1	2	2	2	1	2
4. Chương III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất				2	2	2	1	2	2	1
	Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng				2	2	1	2	1	1	2
	Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội				2	2	2	2	2	2	2

Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp				2	2	1	1	2	2	1
Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân				1	2	1	1	2	1	1
Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội				1	1	2	1	1	1	1
Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân				2	1	2	1	2	1	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp

1 - Có đóng góp

2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 là phần Triết học Mác-Lênin. Cụ thể:

- Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Phép biện chứng duy vật
- Chủ nghĩa duy vật lịch sử

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	2	* <i>Đọc:</i> Đề cương môn học. * Chuẩn bị học liệu theo hướng dẫn.		
Lý thuyết	I. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin 1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành 2. Khái lược sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin” 1. Đối tượng và mục đích của việc		- Đọc học liệu số [1] Chương mở đầu - Tham khảo liệu số [2] Chương IV và Học liệu số [6]	Trên lớp	

	học tập, nghiên cứu 2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn	4	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	6			
Lý thuyết	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong giải quyết vấn đề cơ bản của triết học II. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1. Phạm trù vật chất 2. Phạm trù ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức a. Vai trò của vật chất đối với ý thức b. Vai trò của ý thức đối với vật chất c. Ý nghĩa phương pháp luận	4	- Đọc học liệu [1] Chương 1 - Tham khảo học liệu [2] Chương V - Tham khảo học liệu [3] [4],[5];[6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề	2	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn	12	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương II: Phép biện chứng duy vật	7			
Lý thuyết	I. Phép biện chứng duy vật 1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng II. Các nguyên lý cơ bản của Phép biện chứng duy vật	4	- Đọc học liệu [1] Chương II - Tham khảo học liệu [2] Chương V	Trên lớp	

	<p>1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p> <p>2. Nguyên lý về sự phát triển</p> <p>III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>1. Cái chung và cái riêng</p> <p>2. Nguyên nhân và kết quả</p> <p>5. Nội dung và hình thức</p> <p>IV. Các quy luật cơ bản của PBCDV</p> <p>1. Quy luật từ những sự chuyển hóa về lượng thành những sự chuyển hóa về chất và ngược lại</p> <p>2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập</p> <p>3. Quy luật phủ định của phủ định</p>		<p>- Tham khảo học liệu [4],[5];[6]</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương VI</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương VII</p>		
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	3	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>I. Phép biện chứng duy vật</p> <p>2. Phép biện chứng duy vật</p> <p>III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Tất nhiên và ngẫu nhiên</p> <p>4. Bản chất và hiện tượng</p> <p>6. Khả năng và hiện thực</p> <p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn</p>	14	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Tiếp Chương II	4			
	<p>V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</p> <p>2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</p>	3	<p>- Đọc học liệu [1] Chương II</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương VIII</p> <p>- Tham khảo học liệu [5];[6]</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	

Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn	8	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	11			
Lý thuyết	<p>I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</p> <p>2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</p> <p>2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</p> <p>1. Con người và bản chất của con người</p>	8	<p>- Đọc học liệu [1] Chương III</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương IX</p> <p>- Tham khảo học liệu [5];[6]</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương XIII</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương X</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương XI</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương XIV</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	3	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu	Trên lớp	

			của giảng viên		
Tự học, tự nghiên cứu	<p>IV. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>1. Khái niệm, cấu trúc hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3. Giá trị khoa học của lí luận hình thái kinh tế – xã hội</p> <p>VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</p> <p>2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</p> <p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn</p>	22	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Giáo trình, Học liệu

8.1. Tài liệu chính

[1] Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) Nxb. CTQG, 2009.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002.

[3] Bộ giáo dục và đào tạo, *Lịch sử triết học*, (dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Giáo dục-1999

[4] Các tạp chí: Tạp chí Triết học, Tạp chí Lý luận chính trị, Tạp chí Cộng sản,...

[5] Các website

1. <http://www.cpv.org.vn>

2. <http://www.tapchicongsan.org.vn>

[6] Các tài liệu tham khảo khác có liên quan đến môn học

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)	
------	---------------------------	--	--

	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	Tổng
1	2			0	2	2	6
2	2			0	2	2	6
3	2			0	2	2	6
4	0			2	2	2	6
5	2			0	2	2	6
6	2			0	2	2	6
7	0			2	2	2	6
8	0	1		1	2	2	6
9	2			0	2	2	6
10	1			1	2	2	6
11	2			0	2	2	6
12	2			0	2	2	6
13	2			0	2	2	6
14	1			1	2	2	6
15	0			2	2	2	6
Tổng cộng	20	1		9	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8 do giảng viên tổ chức): 30%

- Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (5 điểm)	60 phút	10	
Vấn đáp	- Lý thuyết - Liên hệ			

Trọng số: Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

**TRƯỜNG KHOA TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TỔ TRƯỞNG**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phan Thị Hồng Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, email: 0912649289 Email: phanhongnhungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hà Thị Thu Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0978413463 Email: hathutrang.ht@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2
- Mã học phần: LL2.1.002.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 31 giờ
 - + Thảo luận, kiểm tra trên lớp: 14 giờ
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị.

3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được những nội dung cơ bản học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lí luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội; người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội; phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình, tư duy phản biện; có ý thức, thái độ đúng đắn bảo vệ Chủ nghĩa Mác –Lênin; thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Phân tích được những nội dung cơ bản của Học thuyết Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, quy luật giá trị; tóm tắt được sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản, sự chuyển hóa của thặng dư thành tư bản, tích lũy tư bản; So sánh nội dung học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.
CĐR 2	Hiểu được những nội dung cơ bản của Học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phân tích nguyên nhân và nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; tóm tắt những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; hiểu được nội dung của học thuyết Mác - Lênin chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 3	Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.
CĐR 4	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.
Kỹ năng mềm	
CĐR 5	Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình, tư duy phản biện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 6	Có ý thức, thái độ đúng đắn bảo vệ Chủ nghĩa Mác –Lênin, thực hiện nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước
CĐR 7	Củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1. Chương 4: Học thuyết giá trị	Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế sản xuất hàng hóa	2		2	2	2	2	2
	Hàng hóa	2		2	2	2	2	2
	Tiền tệ	2		2	2	2	2	2
	Quy luật giá trị	2		2	2	2	2	2
2. Chương 5: Học thuyết giá trị thặng dư	Sự chuyên hóa của tiền tệ thành tư bản	2		2	2	2	2	2
	Sự sản xuất ra giá trị thặng dư	2		2	2	2	2	2
	Sự chuyên hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản	2		2	2	2	2	2
	Các hình thái biểu hiện của tư bản giá trị thặng dư	2		2	2	2	2	2
3. Chương 6: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	Chủ nghĩa tư bản độc quyền	2		2	2	2	2	2
	Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	2		2	2	2	2	2
4. Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	1	2	2	2	2	2	2
	Cách mạng xã hội chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2
	Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ	1	2	2	2	2	2	2

	nghĩa							
5. Chương 8: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2
	Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2
	Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo	1	2	2	2	2	2	2
6. Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	1	2	2	2	2	2	2
	Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó	1	2	2	2	2	2	2
Ghi chú:	0 - Không đóng góp	1 - Có đóng góp			2 - Đóng góp nhiều			

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin về: học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; lí luận về chủ nghĩa xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1 và 2	30			
	Chương IV: Học thuyết giá trị	9			
Lý thuyết	I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế sản xuất hàng hóa 1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa a. Phân công lao động xã hội b. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động 2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa	6	- Đọc đề cương học phần. - Đọc học liệu số 1: chương 4	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> a. Đặc trưng của sản xuất hàng hoá b. Ưu thế của sản xuất hàng hoá II. Hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> 1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> a. Khái niệm hàng hoá b. Hai thuộc tính của hàng hóa c. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa. 2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> a. Lao động cụ thể b. Lao động trừu tượng 3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> a. Thước đo lượng giá trị hàng hóa. b. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá. III. Tiền tệ <ul style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ <ul style="list-style-type: none"> a. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị b. Bản chất của tiền tệ IV. Quy luật giá trị <ul style="list-style-type: none"> 1. Nội dung của quy luật giá trị 2. Tác động của quy luật giá trị 		- Đọc học liệu số 3: bài 3		
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	3	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> III. Tiền tệ 2. Chức năng của tiền tệ <ul style="list-style-type: none"> a. Thước đo giá trị b. Phương tiện lưu thông 	18	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương IV, trong đó	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	c. Phương tiện thanh toán d. Phương tiện cất trữ e. Tiền tệ thế giới		nghiên cứu kỹ phần III. 2.		
	Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư	15			
Lý thuyết	<p>I. Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản</p> <p>1. Công thức chung của tư bản</p> <p>2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản</p> <p>3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>a. Hàng hóa sức lao động</p> <p>b. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <p>1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <p>a. Quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>b. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <p>2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến</p> <p>a. Khái niệm tư bản</p> <p>b. Tư bản bất biến và tư bản khả biến</p> <p>3. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động</p> <p>a. Tuần hoàn của tư bản</p> <p>b. Chu chuyển của tư bản</p> <p>c. Tư bản cố định và tư bản lưu động</p> <p>III. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản</p> <p>1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản</p> <p>2. Tích tụ và tập trung tư bản</p> <p>3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản</p> <p>IV. Các hình thái biểu hiện của tư bản giá trị thặng dư</p> <p>1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận</p>	10	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 5</p> <p>- Đọc học liệu số 3: bài 5</p> <p>- Đọc học liệu số 3: bài 6</p>	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> a. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa b. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất <ul style="list-style-type: none"> a. Cạnh tranh nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường. b. Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân c. Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất 3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản <ul style="list-style-type: none"> a. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp b. Tư bản cho vay và lợi tức 				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	5	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư 4. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư <ul style="list-style-type: none"> a. Tỷ suất giá trị thặng dư b. Khối lượng giá trị thặng dư 5. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch <ul style="list-style-type: none"> a. Sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối b. Sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối c. Giá trị thặng dư siêu ngạch 6. Sản xuất ra giá trị thặng dư – Quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản IV. Các hình thái biểu hiện của tư bản giá trị thặng dư 3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản <ul style="list-style-type: none"> c. Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán 	30	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương V, trong đó nghiên cứu kỹ phần II.4; II.5; II.6 và IV.3.c' IV.3.d.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	d. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa				
	Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	6			
Lý thuyết	<p>I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>a. Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền</p> <p>b. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính</p> <p>c. Xuất khẩu tư bản</p> <p>d. Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền</p> <p>e. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc</p> <p>II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>a. Sự kết hợp về con người giữa các tổ chức độc quyền và bộ máy nhà nước</p> <p>b. Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước</p> <p>c. Sự can thiệp của nhà nước vào các quá trình kinh tế</p>	4	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 6</p> <p>- Đọc học liệu số 3: bài 7</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	2	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự	I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền	12	Nghiên cứu và học tập	Thư viện, ở	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	<p>3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>a. Sự hoạt động của quy luật giá trị</p> <p>b. Sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư</p> <p>III. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội</p> <p>2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p>		nội dung kiến thức của chương V, trong đó nghiên cứu kỹ phần I.3 và III.	nhà	
Tín chỉ 3		15			
	Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	6			
Lý Thuyết	<p>I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó</p> <p>a. Khái niệm giai cấp công nhân</p> <p>b. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.</p> <p>a. Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa</p> <p>b. Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân</p> <p>3. Vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.</p> <p>a. Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân</p> <p>b. Mọi quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân</p> <p>II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó</p> <p>a. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ</p>	5	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 7</p> <p>- Đọc học liệu số 4, 5,.</p>	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>nghĩa</p> <p>2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>a. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>				
Thảo luận	<p>Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.</p>	1	<p>Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.</p>	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân</p> <p>b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.</p> <p>III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>b. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>c. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.</p>	12	<p>Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương VII, trong đó nghiên cứu kỹ phần II.3; III.1 và III.2.b, III.2.c.</p>	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương VIII: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.	6			
Lý thuyết	<p>I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Khái niệm về dân chủ và nền dân chủ</p> <p>b. Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Khái niệm “Nhà nước xã hội chủ nghĩa”</p> <p>b. Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>II. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Khái niệm văn hoá, nền văn hoá và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Nội dung và tính chất cơ bản của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo</p> <p>1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</p> <p>a. Khái niệm dân tộc; hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</p> <p>2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo</p> <p>a. Khái niệm tôn giáo và vấn đề tôn giáo</p>	5	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 8</p> <p>- Đọc học liệu số 2.</p>		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội b. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa c. Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa II. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa b. Xây dựng gia đình văn hóa xã hội chủ nghĩa – một trong những nội dung cơ bản của nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa c. Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	12	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương VIII, trong đó nghiên cứu kỹ phần I.1.c; I.2.c; II.1.c; II.2.b và II.2.c	Thư viện, ở nhà	
	Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.	3			
Lý thuyết	I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới a. Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)	2	- Đọc học liệu số 1: chương 9		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>b. Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới</p> <p>2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó</p> <p>a. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực</p> <p>II. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó</p> <p>1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>a. Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>b. Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp</p>				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người</p> <p>2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người</p> <p>a. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn</p> <p>c. Đã xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.</p>	6	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương IX, trong đó nghiên cứu kỹ phần III.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), Giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Harry Shutt (2002), *Chủ nghĩa Tư bản những bất ổn tiềm tàng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Phạm Văn Hùng – Nguyễn Văn Long (1998), *Hướng dẫn ôn tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Giáo dục.

[4] Phạm Văn Linh – Nguyễn Tiến Hoàng, *Về những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Vũ Hồng Tiến (1998), *Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	0			3	3	3	9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	1			2	6		9
8	0			3	3	3	9
9	2	1			6		9
10	1			2	3	3	9
11	3				6		9
12	2			1	6		9
13	3				6		9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
14	2			1	3	3	9
15	2			1	3	3	9
Tổng	31	1	0	13	69	21	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có máy chiếu, projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Điểm thành phần 2: Kiểm tra giữa kỳ: 30%

11.3. Điểm thành phần 3: Thi hết học phần: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1 (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2 (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3 (3 điểm)	90 phút	15

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TỔ TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tur tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Giảng viên thứ nhất

- Họ tên: Hứa Đức Hội
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0973571284 Email: huaduchoi@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục chính trị; Triết học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2. Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Chu Văn Liều
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận Chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0989833963 Email: lieuchuvan@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Mã học phần: LL2.1.003.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 giờ
 - + Thảo luận, kiểm tra trên lớp: 9 giờ.
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị.

3. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh;
- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin;
- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tạo lập

những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta;

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
VỀ KIẾN THỨC	
CDR 1	Nắm rõ được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh;
CDR 2	Hiểu rõ nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;
CDR 3	Phân tích được hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh;
CDR 4	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào giải thích, đánh giá thực tiễn.
VỀ KỸ NĂNG	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn;
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học;
CDR 7	Hình thành và phát triển kỹ năng bình luận, đánh giá, so sánh của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn.
VỀ THÁI ĐỘ, NĂNG LỰC TỰ CHỦ	
CDR8	Sau khi học xong môn học tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có niềm tin, trân trọng, gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn và có khả năng tuyên truyền cho người khác.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		CDR1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	Cứng	Mềm		CD R8	CD R9	CDR 10
						CDR5	CD R6	CD R7			
1. Chương mở đầu: Đối tượng,	I. Đối tượng nghiên cứu	2	1	1	1	2	2	1	2	2	2

phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	II. Phương pháp nghiên cứu	2	1	1	1	2	2	1	2	2	2
	III. Ý nghĩa của việc học tập học phân với sinh viên	2	1	1	1	2	2	2	2	1	2
2. Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh	I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2
	II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2
	III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2
3. Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc	1	2	2	1	1	2	1	2	1	2
	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc	1	2	2	1	1	2	1	2	1	2
4. Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2
5. Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam	I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2
	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2
6. Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	1	2	2	2	2	2	2	2	1	2

đoàn kết quốc tế	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	1	1	2	1	1	2	1	2	2	2
7.Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ	1	2	2	1	1	2	2	2	1	2
	II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8.Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới	I. Những quan niệm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2

0 - Không đóng góp

1. Có đóng góp

Ghi chú: 2. Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày cơ sở quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	1			
Lý thuyết	I. Đối tượng nghiên cứu 1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh	1	* Đọc tài liệu [1], chương mở đầu.	Trên lớp	

	<p>2. Đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của học phần tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>3. Mối quan hệ với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1. Cơ sở phương pháp luận</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể</p> <p>III. Ý nghĩa của việc học tập học phần với sinh viên</p> <p>1. Nâng cao năng lực tư duy lí luận và phương pháp công tác</p> <p>2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.</p>		<p>* Đọc tài liệu [2], chương 1.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VII, IX và XI (Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)).</p>		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	2	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh	3			
Lý thuyết	<p>I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Cơ sở khách quan</p> <p>2. Nhân tố chủ quan</p> <p>II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Thời kỳ trước năm 1911: hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước</p> <p>2. Thời kỳ từ 1911-1920: tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc</p> <p>3. Thời kỳ từ 1921 – 1930: hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>4. Thời kỳ từ 1930 – 1945: vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng</p> <p>5. Thời kỳ từ 1945 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển,</p>	2	<p>* Đọc tài liệu [1], Chương 1</p> <p>* Đọc tài liệu [2], Chương 1.</p>	Trên lớp	

	<p>hoàn thiện</p> <p>III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp.	
	Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	4			
Lý thuyết	<p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc</p> <p>1. Vấn đề dân tộc thuộc địa</p> <p>2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách vô sản</p> <p>3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</p> <p>4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc</p> <p>5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</p> <p>6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</p>	3	<p>* Đọc tài liệu [1], chương 2.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 2.</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu	Trên lớp	

	môn học và thực tiễn.		do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	4			
Lý thuyết	<p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội</p>	3	<p>* Đọc tài liệu [1], chương 3.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 3.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam	3			
Lý thuyết	<p>I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1. Về sự ra đời của Đảng cộng sản</p>	2	<p>* Đọc tài liệu. [1], chương 4</p> <p>* Đọc tài liệu</p>	Trên lớp	

	Việt Nam 2. Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam 3. Bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 4. Quan niệm về Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền		[2], chương 4. * Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.		
Kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra	1	Sinh viên nghiêm túc làm bài.	Trên lớp	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam (tiếp)	1			
Lý thuyết	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 1. Xây dựng Đảng- quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 2. Nội dung công tác xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam	1	* Đọc tài liệu [1]; chương 4. * Đọc tài liệu [2], chương 4. * Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	4			
Lý thuyết	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 1. Vai trò của đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế	3	* Đọc học liệu [1],, chương 5. * Đọc học liệu [2], chương 5 và chương 8. * Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu	Trên lớp	

	môn học và thực tiễn.		do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	4			
Lý thuyết	<p>I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ</p> <p>1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ</p> <p>2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội</p> <p>3. Thực hành dân chủ</p> <p>II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân</p> <p>1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước</p> <p>3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ</p> <p>4. Xây dựng một Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả</p>	3	<p>* Đọc học liệu [1], chương 6.</p> <p>* Đọc học liệu [2], chương 7.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương VII: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới	6			
Lý thuyết	<p>I. Những quan niệm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá</p> <p>1. Định nghĩa về văn hoá và quan</p>	3	<p>* Đọc tài liệu [1], chương 7.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 9,</p>	Trên lớp	

	điểm về xây dựng nền văn hóa mới 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”		chương 10 và chương 11. * Đọc tài liệu [9]		
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	3	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1 Tài liệu bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ giáo dục và đào tạo (2008), *Chương trình môn học tư tưởng Hồ Chí Minh*, Ban hành theo Quyết định 52/2008/QĐ – BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

[4] Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Tuyên Quang (2007), *Bác Hồ với Tuyên Quang*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Phan Ngọc Liên (Chủ biên - 2006), *Hướng dẫn học tập tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[6] Nguyễn Quốc Hùng (2005), *Hồ Chí Minh người chiến sỹ quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7] Hồ Chí Minh toàn tập (2002), *12 tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8] Viện Hồ Chí Minh – Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phủ Chủ tịch (2007), *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. <http://www.cpv.org.vn/cpv/> (Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), VII (1991), VIII (1996), IX (2001), X (2006), XI (2011) và lần thứ XII (2016).

[10]. <http://www.tapchiconsan.org.vn> (Tập chí cộng sản).

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2	0		0	2	2	6
2	1	0		1	2	2	6
3	2	0		0	2	2	6
4	1	0		1	2	2	6
5	2	0		0	2	2	6
6	1	0		1	2	2	6
7	2	0		0	2	2	6
8	1	1		0	2	2	6
9	2	0		0	2	2	6
10	1	0		1	2	2	6
11	2	0		0	2	2	6
12	1	0		1	2	2	6
13	1	0		1	2	2	6
14	1	0		1	2	2	6
15	1	0		1	2	2	6
Tổng cộng	21	1		8	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1,2 (5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 1,2 (5 điểm)	60 phút	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ
ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thúy Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị
- Điện thoại: 0985771268 - Email: vantran7785@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính trị học, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hoàng Thị Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận Chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0979649481 Email: hoangtrangcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Mã học phần: LL2.1.004.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 31 giờ
 - + Thảo luận, kiểm tra trên lớp: 14 giờ
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: + Bộ môn Lý luận chính trị

3. Mục tiêu học phần

Người học hiểu được cơ sở, quá trình hình thành, nội dung cơ bản của đường lối cách mạng do Đảng cộng sản Việt Nam đề ra.

Sau khi học xong học phần, người học phải hình thành được ý thức chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đề ra.

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được thói quen tìm hiểu, chấp hành, tuyên truyền, tham gia góp ý vào chủ trương, chính sách của Đảng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Phân tích, chứng minh được tính tất yếu ra đời Đảng cộng sản Việt Nam.
CDR 2	Làm rõ được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.
CDR 3	Tóm tắt được nội dung cơ bản của đường lối. Đánh giá được kết quả thực hiện đường lối trong thực tiễn. Từ đó rút ra được những bài học trong quá trình xây dựng và phát triển lý luận của Đảng.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng đánh giá được nội dung, tính đúng đắn của đường lối Đảng đề ra.
CDR 5	Có kỹ năng phân tích, lý giải, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. Biết đúc kết giá trị của đường lối, bổ sung, đóng góp cho sự hoàn thiện đường lối.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.
CDR 8	Ủng hộ con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta đã lựa chọn.
CDR 9	Tham gia phản biện, xây dựng một số chủ trương, chính sách liên quan đến bản thân.
CDR 10	Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng tới quần chúng nhân dân và những người xung quanh.
CDR 11	Đấu tranh bảo vệ đường lối của Đảng trước âm mưu xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù.
CDR 12	Vận dụng những chủ trương, đường lối của Đảng vào công việc và cuộc sống.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ				
					Cứng		Mềm					
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11
Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Chương 1: Sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ				
					Cứng		Mềm					
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11
	1945											
Chương 3: Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược	I. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954- 1975)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa	I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Đường lối Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ				
					Cứng		Mềm					
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11
	II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN	2	2	2	1	2	2	1	1	1	1	1
Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2
Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội	I. Quá trình nhận thức và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	I. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 8: Đường lối đối ngoại	I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN				CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ					
					Cứng		Mềm						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	
	Đổi mới												
	II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp những nội dung cơ bản về : Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) ; Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) ; Đường lối của Đảng trong từng lĩnh vực (công nghiệp hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại). Sau khi học xong học phần, người học sẽ hiểu được quá trình hình thành, bổ sung và hoàn thiện đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	1			
Lý thuyết	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học 2. Ý nghĩa của việc học tập môn	1	- Đọc học liệu số [1]	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	học				
Thảo luận	Không				
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	2	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	Chương 1. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	4			
Lý thuyết	I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 2. Hoàn cảnh trong nước II. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. 1. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam 3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	3	- Đọc học liệu số [1], [3], [5], [7]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	8	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	4			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939</p> <p>1. Trong những năm 1930-1935</p> <p>2. Trong những năm 1936-1939</p> <p>II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng</p> <p>2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</p>	3	- Đọc học liệu số [1], [3], [5],	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</p> <p>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)</p>	8	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)	6			
Lý thuyết	<p>I. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</p> <p>2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p> <p>II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975)</p>	5	Đọc học liệu số [1], [3], [5]	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	12	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) (tiếp theo)	1			
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	2	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa	6			
Lý thuyết	I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 2. Đánh giá sự thực hiện đường	4	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>lối công nghiệp hóa</p> <p>II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới</p> <p>1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa</p> <p>2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức</p> <p>4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p>				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</p> <p>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</p>	12	<p>- Nghiên cứu tài liệu</p> <p>- Tìm hiểu thực trạng tiến hành CNH - HĐH ở địa phương</p>	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	6			
Lý thuyết	<p>I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường</p> <p>1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới</p> <p>2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới</p> <p>II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta</p> <p>1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản</p> <p>2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và</p>	4	<p>- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]</p>	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	nguyên nhân				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn	12	- Nghiên cứu tài liệu - Tìm hiểu về sự phát triển kinh tế thị trường ở địa phương	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	2			
Lý thuyết	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954 – 1975) 3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975 – 1985) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị	2	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Không				
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn	4	- Nghiên cứu tài liệu - Tìm hiểu về hệ thống chính trị ở cơ sở (địa phương)	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 3	15			
	Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị (tiếp theo)	3			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối	1	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn	6	- Nghiên cứu tài liệu tham khảo - Tìm hiểu hệ thống chính trị ở cơ sở (địa phương)	Thư viện, ở nhà	
	Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.	6			
Lý thuyết	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 1. Thời kỳ trước đổi mới 2. Trong thời kỳ đổi mới II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 1. Thời kỳ trước đổi mới 2. Trong thời kỳ đổi mới	4	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn	12	- Nghiên cứu tài liệu - Tìm hiểu về tình hình văn hóa và công tác giải quyết các vấn đề xã hội ở	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			địa phương		
	Chương 8: Đường lối đối ngoại	6			
Lý thuyết	<p>I. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986</p> <ol style="list-style-type: none"> Hoàn cảnh lịch sử Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân <p>II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới</p> <ol style="list-style-type: none"> Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân 	4	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn 	12	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu tài liệu Tìm hiểu đường lối đối ngoại của Đảng CSVN trong giai đoạn hiện nay 	Thu viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2012), *Tài liệu giảng dạy lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang*.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI*.

[5] Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Chặng đường qua hai thế kỷ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Đoàn Minh Huân, Doãn Hùng, Nguyễn Ngọc Hà (2007), *Đảng cộng sản Việt Nam - Những tìm tòi và đổi mới trên con đường lên chủ nghĩa xã hội (giai đoạn 1986-2006)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[7] Phạm Xuân Mỹ (2014), *Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (giai đoạn 1920-1930)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	2			1	6		9
3	2			1	6		9
4	3				6		9
5	2			1	6		9
6	2			1	6		9
7	2			1	6		9
8	2	1			6		9
9	2			1	6		9
10	2			1	6		9
11	1			2	6		9
12	3				6		9
13	1			2	6		9
14	3				6		9
15	1			2	6		9
Tổng	31	1		13	90		135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có đầy đủ bàn ghế, ánh sáng cho sinh viên, có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Thi hết học phần: 60 %

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, 2 (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 3 (5 điểm)	90 phút	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiếng Anh 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Chu Thị Hoàng Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên, cử nhân tiếng Anh.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Tân Trào – Km6 – xã Trung Môn – huyện Yên Sơn – tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0942818816; Email: sy290110@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng, phương pháp học tập và giảng dạy, quản lý lớp.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên, cử nhân tiếng Anh.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Tân Trào – Km6 – xã Trung Môn – huyện Yên Sơn – tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 01633103938; Email: builan.ngoaingu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng, phương pháp học tập và giảng dạy, quản lý lớp.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: NN2.1.001.3
- Số tín chỉ: 03 (3,0)
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc: Có
 - + Điều kiện tiên quyết: SV đã học chương trình tiếng Anh THPT hệ 7 năm.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30
 - + Bài tập và thảo luận trên lớp: 12
 - + Kiểm tra: 03
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Tiếng Anh.
 - + Khoa: Ngoại Ngữ.

3. Mục tiêu chung của học phần

- Về kiến thức: Sau khi học xong môn học, sinh viên có kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng, có khả năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh tương đương Bậc A1.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Modern life.
CDR 2	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Fortune. Vận dụng tự giới thiệu và trả lời những thông tin về bản thân và người khác.
CDR 3	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Your future.
CDR 4	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Relationship.
CDR 5	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề The law.
CDR 6	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Travel.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề chủ đề Modern life.
CDR 8	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Fortune.
CDR 9	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Your future.
CDR 10	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Relationship.
CDR 11	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề The law.
CDR 12	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Travel.
Kỹ năng mềm	
CDR 13	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
CDR 14	Có kĩ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc tập thể.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 15	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 16	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học

	tập và nghiên cứu.
CĐR 17	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Chương/Bài	Kiến thức	Kĩ năng														Thái độ, năng lực tự chủ		
		Kiến thức																
		Cứng						Mềm										
CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17		
Starting out; Unit 1: Modern life	Grammar: Talking about the present	2						2						2	2	1	1	2
	Vocabulary: Using a dictionary.	2						2						2	2	1	1	2
	Reading: Voc. file: Idiomatic expressions	2						2						2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Language focus: Present tenses; Con. pieces: Commenting	2						2						2	2	1	1	2
	Pronunciation IPA	2						2						2	2	1	1	2
	Extension: Voc. file: Personality adjectives; Language focus: Adverbs of frequency	2						2						2	2	1	1	2
	Writing: Personal letters.	2						2						2	2	1	1	2
Unit 2: Fortune	Grammar: Talking about the past		2						2					2	2	1	1	2
	Vocabulary: Dealing with new words		2						2					2	2	1	1	2
	Reading: Voc. file: Synonyms		2						2					2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Con. pieces: Responding to news; Language focus: <i>used to</i>		2						2					2	2	1	1	2
	Pronunciation The IPA: Vowels		2						2					2	2	1	1	2
	Extension: Voc. file: Phrasal		2						2					2	2	1	1	2

	verbs and idioms																		
	Writing: Linking words		2						2						2	2	1	1	2
Unit 3: Your future	Grammar: Talking about the future			2						2					2	2	1	1	2
	Vocabulary: The weather			2						2					2	2	1	1	2
	Reading: Expressing probability; Voc. file: Word association			2						2					2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Con. pieces: Asking about the weather; making suggestions			2						2					2	2	1	1	2
	Pronunciation The IPA: Consonant			2						2					2	2	1	1	
	Extension: Language focus: <i>would</i>			2						2					2	2	1	1	2
	Writing: Linking words: But, however, although			2						2					2	2	1	1	2
Unit 4: Relationship	Grammar: Relative clauses				2					2					2	2	1	1	2
	Vocabulary: Communicating				2					2					2	2	1	1	2
	Reading:				2					2					2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Question tags				2					2					2	2	1	1	2
	Pronunciation Vowel sound pairs; Question tag intonation				2					2					2	2	1	1	2
	Extension: Season's greetings				2					2					2	2	1	1	2
	Writing: Paragraph organization.				2					2					2	2	1	1	2
Unit 5: The law	Grammar: The passive					2								2	2	2	1	1	2
	Vocabulary: Crime and the law					2								2	2	2	1	1	2
	Reading: Language focus: Model verbs and the passive					2								2	2	2	1	1	
	Listening & speaking:					2								2	2	2	1	1	2
	Pronunciation Word linking					2								2	2	2	1	1	2
	Extension: Reading and listening Questions in the passive					2								2	2	2	1	1	2
	Writing: Linking words; Sequence linkers.					2								2	2	2	1	1	2
Unit 6: Travel	Grammar: Conditionals; time clause						2							2	2	2	1	1	2

Vocabulary: Phrasal verbs							2							2	2	2	1	1	2
Reading: Vocabulary file: Synonyms							2							2	2	2	1	1	2
Listening & speaking: Check- in problems							2							2	2	2	1	1	2
Pronunciation Diphthongs; Questions with choices							2							2	2	2	1	1	2
Extension: Reading and listening; Vocabulary file: Working out meanings							2							2	2	2	1	1	2
Writing: Linking words							2							2	2	2	1	1	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- Nghe, Nói, Đọc, Viết. Kết thúc học phần, SV có trình độ Tiếng Anh sơ cấp (Bậc A1), cụ thể SV có khả năng: Hiểu và sử dụng được các cấu trúc quen thuộc thường nhật; tự giới thiệu và trả lời những thông tin về bản thân và người khác; Nhận biết và sử dụng được các từ và nhóm từ quen thuộc về bản thân, gia đình và môi trường sống xung quanh; Hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo; Viết bưu thiếp đơn giản và ngắn gọn; Điền biểu mẫu với các thông số cá nhân.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Starting out; Unit 1: Modern life		22			
Lý thuyết	<p>Starting out</p> <ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Introductions; revision <p>Unit 1: Modern life</p> <ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Talking about the present - Vocabulary: Using a dictionary. - Reading: Voc. file: Idiomatic expressions - Listening & speaking: Language focus: Present tenses; Con. pieces: Commenting - Pronunciation: IPA - Extension: Voc. file: Personality adjectives; Language focus: Adverbs of 	5	<ul style="list-style-type: none"> - Học liệu số 1: (p.6-7); và (p.8-15); mục (1.1 - 1.6), (p. 120 - 122). - Học liệu số 3: (p.198-209) và (p.61-62) - Học liệu số 4: (p.16-25) - Học liệu số 5: (p.252-260). 	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	frequency - Writing: Personal letters.				
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.04-10)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
Unit 2: Fortune		22			
Lý thuyết	- Grammar: Talking about the past - Vocabulary: Dealing with new words - Reading: Voc. file: Synonyms - Listening & speaking: Con. pieces: Responding to news; Language focus: <i>used to</i> - Pronunciation: The IPA: Vowels - Extension: Voc. file: Phrasal verbs and idioms - Writing: Linking words	6	- Học liệu số 1: (p.16-23); (mục 2.1-2.4), (p. 122-124) - Học liệu số 3: (p. 210-216; 362-410). - Học liệu số 4: (p.26-33; 141). - Học liệu số 5: (p.261-267).	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.11-16)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
Unit 3: Your future		22			
Lý thuyết	- Grammar: Talking about the future - Vocabulary: The weather - Reading: Language focus: Expressing probability; Voc. file: Word association - Listening & speaking: Con. pieces: Asking about the weather; making suggestions - Pronunciation: The IPA: Consonant - Extension: Language focus:	5	- Học liệu số 1: (p.24-31); (mục 3.1-3.6), (p. 124-126) - Học liệu số 3: (p. 236-256). - Học liệu số 4: (p.51-62; 99-100). - Học liệu số 5: (p.280).	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<i>would</i> - Writing: Linking words: But, however, although				
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.17-21)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
Unit 4: Relationship		22			
Lý thuyết	- Grammar: Relative clauses - Vocabulary: Communicating - Reading: Language focus: Reduced relative clauses - Listening & speaking: Language focus: Question tags - Pronunciation: Vowel sound pairs; Question tag intonation - Extension: Season's greetings - Writing: Paragraph organization.	6	- Học liệu số 1: (p.32-39); mục (4.1-4.3), (p. 126-127) - Học liệu số 3: (p. 95-108) - Học liệu số 4: (p.288-297).	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.22-26)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
Unit 5: The law		22			
Lý thuyết	- Grammar: The passive - Vocabulary: Crime and the law - Reading: Language focus: Model verbs and the passive - Listening & speaking: Language focus: Questions in the passive - Pronunciation: Word linking - Extension: Reading and	5	- Học liệu số 1: (p.40-47); (mục 5.1), (p.127). - Học liệu số 3: (p. 351-358). - Học liệu số 4: (p.101-104).	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	listening - Writing: Linking words; Sequence linkers.				
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.27-32)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
Unit 6: Travel		23			
Lý thuyết	- Grammar: Conditionals; time clause - Vocabulary: Phrasal verbs - Reading: Vocabulary file: Synonyms - Listening & speaking: Conversation pieces: Check- in problems - Pronunciation: Diphthongs; Questions with choices • Extension: Reading and listening; Vocabulary file: Working out meanings • Writing: Linking words	6	- Học liệu số 1: Unit 6(p.48-55), (mục6.1-6.4), (p.127-128) - Học liệu số 3: (p.362-410) - Học liệu số 4: (p.266-273). - Học liệu số 5: (p.268-271). - Học liệu số 6: (p. 42-48).	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook)	2	- Học liệu số 2: (p.37-37)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000.

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		1		6		9
2	2		1		6		9
3	2		1		6		9
4	2		1		6		9
5	2	1	0		6		9
6	2		1		6		9
7	2		1		6		9
8	2		1		6		9
9	2		1		6		9
10	2	1	0		6		9
11	2		1		6		9
12	2		1		6		9
13	2		1		6		9
14	2		1		6		9
15	2	1	0		6		9
Tổng cộng	30	3	12		90		135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có máy chiếu, loa, đài.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp với ý thức nhiệt tình, trách nhiệm cao; chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%.

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30 %.

11.3. Điểm thành phần 3: Điểm thi hết học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = 0,1 x điểm thành phần 1 + 0,3 x điểm thành phần 2 + 0,6 x điểm thành phần 3.

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Trắc nghiệm, tự luận	80 câu trong đó 30% trắc nghiệm, với nội dung đã học ở cả 3 tín chỉ.	90 phút	10	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiếng Anh 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sỹ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Tin học Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học Ngoại Ngữ, trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0165.6506.319, Email: tolerate.batch3ma@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe, nói; phương pháp giảng dạy ngữ pháp, từ vựng theo chủ đề, giảng dạy theo đường hướng giao tiếp.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Lương Thị Hải Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên; Cử nhân tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Khoa Ngoại Ngữ,
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0988.907.932; Email: luongha.anha@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy ngữ pháp, từ vựng theo chủ đề, giảng dạy theo đường hướng giao tiếp.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 2 – English 2.
- Mã học phần: NN2.1.002.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc:
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành chương trình Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 12
 - + Bài tập trên lớp: 16
 - + Kiểm tra: 02
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Tiếng Anh

+ Khoa: Ngoại Ngữ

3. Mục tiêu chung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về các bình diện ngôn ngữ tiếng Anh (Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng); Rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Người học có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đơn giản hàng ngày, đọc hiểu ý chính sách, báo, tạp chí phổ thông bằng tiếng Anh đơn giản nhằm hỗ trợ cho công việc và giải trí. Bên cạnh đó, người học nghe hiểu được ý chính các thông tin đơn giản liên quan tới các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Người học có thể bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hoá, xã hội về các chủ đề quen thuộc như giải trí, sức khỏe,

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CĐR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề giải trí (entertainment)
CĐR 2	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề kì nghỉ (time-out)
CĐR 3	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề sức khỏe (health)
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 4	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề giải trí (entertainment)
CĐR 5	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề kì nghỉ (time-out)
CĐR 6	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề sức khỏe (health)
Kỹ năng mềm	
CĐR 7	Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập, công việc.
CĐR 8	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức			Kĩ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng			Mềm					
Chương/ Bài	Kiến thức	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Unit 7 Entertainment	1. Grammar: The present perfect simple and continuous	2			2			2	2	1	1	2	
	2. Vocabulary: Entertainment	2			2			2	2	1	1	2	
	3. Reading: I'm so lucky!	2			2			2	2	1	1	2	
	4. Listening and speaking: Stating your views	2			2			2	2	1	1	2	
	5. Pronunciation: Syllables; word linking (2)	2			2			2	2	1	1	2	
	6. Extension: Reading and listening: Rock and roll will never die	2			2			2	2	1	1	2	
Unit 8 Time out	1. Grammar: Question forms, indirect questions		2		2			2	2	1	1	2	
	2. Vocabulary compound nouns, sport		2		2			2	2	1	1	2	
	3. Reading: Fit for life or fit to drop		2		2			2	2	1	1	2	
	4. Listening and speaking: Making polite requests		2		2			2	2	1	1	2	
	5. Pronunciation / ʃ /, / tʃ /, / dʒ /; Polite intonation		2		2			2	2	1	1	2	
	6. Extension: Reading and listening: Ironman		2		2			2	2	1	1	2	
Unit 9 All in the mind?	1. Grammar: -ing forms			2				2	2	2	1	1	2
	2. Vocabulary: Strong adjectives			2				2	2	2	1	1	2
	3. Reading: Coincidence			2				2	2	2	1	1	2
	4. Listening and speaking: Agreeing and disagreeing			2				2	2	2	1	1	2
	5. Pronunciation Reduced words			2				2	2	2	1	1	2
		6. Extension: Reading and listening: Money			2				2	2	2	1	1
Unit 10	1. Grammar: Modal verbs			2				2	2	2	1	1	2
Memory	2. Vocabulary: Medical terms			2				2	2	2	1	1	2
	3. Reading:			2				2	2	2	1	1	2

What's good for you?												
4. Listening and speaking: At the doctor's			2			2	2	2	1	1	2	
5. Pronunciation Strong and weak forms			2			2	2	2	1	1	2	
6. Extension: Reading and listening: Sentenced to death			2			2	2	2	1	1	2	

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cao hơn của tiếng Anh về mặt ngữ âm như phân biệt nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, trọng âm từ, trọng âm câu, dạng yếu và dạng mạnh của các âm.

Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc như giải trí, công việc, sức khỏe,

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn, danh động từ, các dạng câu hỏi.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
Lý thuyết	Unit 7: Entertainment <ul style="list-style-type: none"> Grammar: The present perfect simple and continuous. Vocabulary: Entertainment Reading: 	03	- Đọc học liệu 1 từ trang 56 – 63.	Lớp học	
	<ul style="list-style-type: none"> Listening & speaking: Conversation pieces: Expressing opinions Pronunciation: Syllables; Word linking Extension: Reading and listening Writing: A review 		<ul style="list-style-type: none"> Đọc học liệu 2 từ trang 191-196. Đọc học liệu 3 mục 186 từ trang 221-22. 	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 7.1 đến 7.5 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: 7.6; 7.7 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 7.10 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập.	04	- Nắm vững lý thuyết về thì hiện tại hoàn thành; thì hiện tại tiếp diễn; chủ đề từ vựng về giải trí; ngữ âm: cách phát âm nguyên âm đôi.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tập.				
Tự học	Tự học và nghiên cứu về thì hiện tại hoàn thành, thì hiện tại tiếp diễn, chủ đề từ vựng về giải trí, ngữ âm: cách phát âm nguyên âm đôi. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	14	- Đọc học liệu 4 và làm bài tập Unit 15, Unit 16, Unit 17 từ trang 30-35. - Đọc học liệu 5 và làm bài tập từ trang 62-64.	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Unit 8: Time out <ul style="list-style-type: none"> • Grammar: Question forms; indirect questions • Vocabulary: Compound nouns; sport • Reading: Vocabulary file: Fitness • Listening & speaking: Conversation pieces: Polite requests for information. • Pronunciation: /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/; Polite intonation • Extension: Reading and listening Vocabulary file: Synonyms; Language focus: Adjectival expressions with numbers <ul style="list-style-type: none"> • Writing: Formal letters Test 1 Writing	03	- Đọc học liệu 1 từ trang 64 – 71. - Đọc học liệu 2 về danh từ ghép phần 3 & 4 từ trang 6-11. - Đọc học liệu 4 từ Unit 41 đến Unit 46, trang 82-93. - Đọc học liệu 6 bài 22, 23 từ trang 74 - 80. - Đọc học liệu 7 Unit 41 trang 82-83	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: 8.1; 8.2; 8.3- Unit 8 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: 8.4; 8.5; 8.6; 8.7 - Unit 8 trong học liệu số 1 sách bài tập.	05	- Nắm vững lý thuyết về các loại câu hỏi Wh-question; danh từ ghép; chủ đề từ vựng về thể thao.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu về các loại câu hỏi Wh- question, danh từ ghép, chủ đề từ vựng về thể thao. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	16	- Đọc học liệu 4 từ Unit 41 đến Unit 46, trang 82-93. - Đọc học liệu 7 Unit 41 trang 82-83	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 2	15			
Lý thuyết	Unit 9: <i>All in the mind</i> <ul style="list-style-type: none"> • Grammar: -ing forms • Vocabulary: Strong adjectives • Reading: Vocabulary file: Phrasal verbs • Listening&speaking: Conversation pieces: Agreeing and disagreeing • Pronunciation: -o-; Reduced words • Extension: Reading and listening • Writing: A ghost story 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 1 từ trang 72 –79. - Đọc học liệu 2 về cụm động từ; từ trang 132-145. - Đọc học liệu 6 từ trang 29-33 	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 9.1 đến 9.9- Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: Từ 9.10 đến 9.12- Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 9.13 - Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập.	04	- Nắm vững lý thuyết về “-ing forms”; cụm động từ; ngữ âm: nguyên âm -o- & reduced words.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu về “-ing forms”, cụm động từ, ngữ âm: nguyên âm -o- & reduced words. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	14	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 2 về cụm động từ, từ trang 132-145. - Đọc học liệu 2 về cụm động từ, từ trang 132-145. - Đọc học liệu 5 phần 7-75 the gerund từ trang 113-114. - Đọc học liệu 6 từ trang 29-33 	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Unit 10: <i>Your health</i> <ul style="list-style-type: none"> • Grammar: Model verbs • Vocabulary: Medical terms • Reading: Vocabulary file: Synonyms; Language focus: 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 1 từ trang 80 – 87. - Đọc học liệu 2 phần 3.1.b từ trang 97-108. - Đọc học liệu 4 từ Unit 25 đến Unit 28, từ trang 50- 	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Expressing possibility and probability <ul style="list-style-type: none"> • Listening& speaking: Conversation pieces: Polite enquiries; Language focus: <i>must, mustn't, have to, needn't</i> • Pronunciation: -i-; Strong and weak forms • Extension: Reading and listening; Vocabulary file: Collocations • Writing: A letter of apology Test 2 Writing		57. - Đọc học liệu 6 bài 3 trang 13-15. - Đọc học liệu 7 Unit 48 trang 96-97		
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 10.1 đến 10.4 - Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: Từ 10.5 đến 10.8; 10.12 -Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 10.11 - Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập.	05	- Nắm vững lý thuyết về Model verbs; chủ đề từ vựng về sức khỏe; ngữ âm: nguyên âm -i-; strong and weak forms.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu lý thuyết về Model verbs; chủ đề từ vựng về sức khỏe; ngữ âm: nguyên âm -i-; strong and weak forms. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	16	- Đọc học liệu 2 phần 3.1.b từ trang 97-108. - Đọc học liệu 4 từ Unit 25 đến Unit 28, từ trang 50-57. - Đọc học liệu 5 phần 22 đến 27 từ trang 40-46. - Đọc học liệu 6 bài 3 trang 13-15. - Đọc học liệu 7 Unit 48 trang 96-97	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000;

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	0		2		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	0		2		2	2	6
6	1	1			2	2	6
7	0		2		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	2		0		2	2	6
10	0		2		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1	1			2	2	6
15	0		2		2	2	6
Tổng cộng	12	2	16	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học, máy tính, đĩa CD, loa đài, máy chiếu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Yêu cầu sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp, có ý thức học tập, làm bài tập và đọc tài liệu khi được yêu cầu, hăng say và sáng tạo trong tự học và nghiên cứu.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên , điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30 %

11.3. Điểm thành phần 3: điểm thi hết học phần, trọng số 60%

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

$Điểm học phần = 0,1 x điểm thành phần 1 + 0,3 x điểm thành phần 2 + 0,6 x điểm thành phần 3.$

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Thi viết	Tự luận + Trắc nghiệm (Đề thi gồm 50 câu trong đó 40% câu trắc nghiệm, 60% câu tự luận. Đề thi bao gồm các phần: Kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ; đọc hiểu; viết. Kiến thức của Unit 7 đến Unit 10)	60'	10	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiếng Anh 3

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thục Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915.591.268; Email: thucanhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Từ vựng, Ngữ pháp, dạy học tiếng Anh giao tiếp.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Thị Hoàng Huệ
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0985 677 558; Email: hoanghuecdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Từ vựng, Ngữ pháp, dạy học tiếng Anh giao tiếp.

2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần: Tiếng Anh 3 – English 3
- Mã học phần: NN2.1.003.2
- Số tín chỉ: 2(2,0)
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc/ Tự chọn: Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành chương trình tiếng Anh 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lí thuyết trên lớp: 15
 - + Bài tập trên lớp: 13
 - + Kiểm tra: 02
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Tiếng Anh

+ Khoa: Ngoại ngữ

3. Mục tiêu chung của học phần

Sinh viên (SV) được học tập, rèn luyện kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng tiếng Anh; được luyện tập khả năng sử dụng tiếng Anh ở cả 4 kỹ năng - Nghe, Nói, Đọc, Viết; kết thúc môn học, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về cuộc sống hàng ngày, xã hội, văn hoá, thể thao, du lịch, ... thông thường.
CDR 2	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 3	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về các tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 4	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về quan điểm, miêu tả các chủ đề, tình huống, sự kiện quen thuộc.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề cuộc sống hàng ngày, xã hội, văn hoá, thể thao, du lịch, ... thông thường.
CDR 6	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 7	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề các tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 8	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề tình huống, sự kiện quen thuộc.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập, công việc.
CDR 10	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 13	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.
CDR 14	Có nhận thức được tầm quan trọng, sự hữu ích của ngoại ngữ trong xu thế phát triển mới của địa phương, của cả nước.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ				
Chương/ Bài	Kiến thức					Cứng				Mềm					
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	
		R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14
Unit 11: Priorities	<i>Part 1: Grammar</i> Causative; <i>have; make/ let/get</i>	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Noun formation	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Synonyms	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> Polite expressions; need + ing	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 5: Pronunciation</i> -ea- letters in BrE; Corrective stress	2				2				2	2	1	2	2	1
Unit 12 News	<i>Part 1: Grammar</i> Reported speech of statements in direct speech		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Phrasal verbs		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Indirect commands and requests		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> 'Reported speech' in giving news		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 5: Pronunciation</i> Silent letters; Word liking (3)		2				2			2	2	1	2	2	1
Unit 13 No regrets	<i>Part 1: Grammar</i> Third conditional; should/ shouldn't			2				2		2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Colloquial expressions			2				2		2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Application of (1) the third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect in practice			2				2		2	2	1	2	2	1

Unit 14: Success	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> Talking about a holiday							2						2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 5: Pronunciation</i> Expressing interests							2						2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 1: Grammar</i> Revision							2						2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> - Expressions with prepositions - Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns							2						2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Guessing from context							2						2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> Responding							2						2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 5: Pronunciation</i> - Revision: Rhymes; Stress and intonation - Final Test							2						2			2	2	1	2	2	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- Nghe, Nói, Đọc, Viết. Kết thúc học phần, SV có trình độ Tiếng Anh đầu trung cấp (đầu Bậc B1), cụ thể SV có khả năng:

Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Hiểu được ý chính của bài nói về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong trường lớp, giải trí và công việc sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, rõ ràng. Có thể hiểu được ý chính các chương trình phát thanh hay truyền hình về các vấn đề thời sự hoặc các chủ đề SV quan tâm khi bài nói tương đối chậm và rõ ràng.

Giao tiếp được không cần chuẩn bị về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến sở thích cá nhân, cuộc sống hoặc thời sự hằng ngày (ví dụ: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra).

Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng. Có thể đưa ra lý do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của SV. Có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một cuốn sách hoặc bộ phim và bày tỏ suy nghĩ của mình.

Hiểu các ý chính của các văn bản chuẩn mực, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập. Có thể hiểu được các sự kiện, cảm xúc, mong ước qua các thư trao đổi cá nhân.

Viết bài đơn giản có tính liên kết về những chủ đề quen thuộc hay mối quan tâm cá nhân. Có thể viết thư mô tả trải nghiệm hoặc cảm nhận của bản thân.

Viết một bài đơn giản có bố cục về một chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1					
Lý thuyết	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 1: Grammar</i> Causative <i>have; make/ let/get</i>	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 88 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 1; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 2: Vocabulary</i> Noun formation	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 90 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 1; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 3: Reading</i> Synonyms	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 90 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 2; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Polite expressions; need + ing	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 92 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 3; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 5: Pronunciation</i> -ea- letters in BrE; Corrective stress	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 93 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 3; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 1: Grammar</i> Reported speech of statements in direct speech	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 96 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 4; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 2: Vocabulary</i> Phrasal verbs	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 98 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 4; tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Unit 12: NEWS <i>Part 3: Reading</i> Indirect commands and requests	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 98, 99 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 5; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> 'Reported speech' in giving news	1	- Đọc tài liệu [1]- trang 100, 101 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 6 ; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 5: Pronunciation</i> Silent letters; Word liking (3)	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 101 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 7 ; tại lớp	
Bài tập	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 1: Grammar</i> <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) Causative <i>have</i> ; (2) 'make/let somebody do something; get somebody to do something' làm bài tập 3 trang 90- Tài liệu 1	Tuần 1; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 3,4 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'synonyms' làm bài tập 3,4 trang 90 - Tài liệu [1]	Tuần 2; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Bài tập 3,4,5 trang 92, 93 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức của (1) cấu trúc need + ing ; (2) polite expressions làm bài tập 3, 4, 5 trang 92, 93 - Tài liệu [1]	Tuần 3; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 5: Pronunciation</i> Bài tập 1,2 trang 93 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) cách phiên âm của chữ 'ea' trong tiếng Anh-Anh; (2) nguyên tắc của 'corrective stress' làm bài tập 1,2 trang 93 - Tài liệu [1]	Tuần 3; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 1: Grammar</i> Bài tập trang 96, 97 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Indirect speech of statements' làm bài tập trang 96, 97 - Tài liệu [1]	Tuần 4; Tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Unit 12: NEWS <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 2,3 trang 98- Vocabulary - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về một số 'phrasal verbs' đi kèm động từ 'stand', 'get', 'run', 'look' làm tập 2,3 trang 98- Vocabulary - Tài liệu [1]	Tuần 4; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 2,3,4 trang 98- Reading - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Indirect commands and requests' làm bài tập 2,3,4 trang 98- Reading - Tài liệu [1]	Tuần 5; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 4: Listening and speaking</i> Bài tập 1,2,3 trang 100 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Reported speech' in giving news' làm bài tập 1,2,3 trang 100 - Tài liệu [1]	Tuần 6; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 5: Pronunciation</i> Bài tập 1,2 trang 101 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) Silent letters, (2) Word liking (3) áp dụng trong kỹ năng nói' làm bài tập 1,2 trang 101 - Tài liệu [1]	Tuần 7; Tại lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	1) Causative <i>have; make/let/get</i>	3	- Đọc tài liệu [4] – trang 265, 266 - Sử dụng từ điển tra từ mới ở tài liệu [1] - trang 104 Làm bài tập 1,2,4 (trang 70,71,72 - Tài liệu [2])	Tuần 1; Thư viên, ở nhà	
	2) Noun formation	3	- Đọc tài liệu [4] - trang 18 - Làm bài tập 5 trang 60, bài tập 6 trang 61 -Tài liệu [2]	Tuần 1 Thư viên, ở nhà	
	3) Synonyms	6	- Đọc tài liệu [17] - Đọc và làm bài tập ở Tài liệu [18])	Tuần 2 Thư viên, ở nhà	
	4) Polite expressions; need + ing	3	- Đọc tài liệu [4] mục 283 -Làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Tuần 3 Thư viên, ở nhà	
	5) -ea- letters in Br; Corrective stress	3	Đọc và luyện nói theo tài liệu [1], [11]	Tuần 3; Thư viên, ở nhà	
	6) Reported speech of statements in direct	6	- Đọc tài liệu [4] - mục 147 trang 145	Tuần 4; Thư viên,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	speech		- Làm bài tập 1 (trang 65 - Tài liệu [2])	ở nhà	
	7) Phrasal verbs	3	- Đọc và làm bài tập ở tài liệu [5] mục 89, 90, 91, 92, 93, 94 trang 180-191 - Làm bài 4,5 (trang 66 - Tài liệu [2])	Tuần 5 Thư viên, ở nhà	
	8) Indirect commands and requests	6	- Đọc tài liệu [4] mục 320 trang 280, 281 - Làm bài tập ở 6, 7, 8, 9 (trang 67 - Tài liệu [2])	Tuần 6; Thư viên, ở nhà	
	9) Silent letters; Word liking (3)	3	- Làm bài tập 10 trang 68 - Tài liệu [2]	Tuần 7; Ở nhà	
	10) Using nouns as adjectives	3	- Làm bài tập 11 (trang 68 – Tài liệu [2])	Tuần 7; Thư viên, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
Lý thuyết	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 1: Grammar</i> Third conditional; should/shouldn't	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 104; Đọc tài liệu [3] trang 118, 119 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 8; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 2: Vocabulary</i> Colloquial expressions	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 108 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 9; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 3: Reading</i> Application of (1) the third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect in practice	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 106, - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 9; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Talking about a holiday	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 108, 109 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 10; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 5: Pronunciation</i>	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 109	Tuần 11; tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Expressing interests		- Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm		
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 1: Grammar</i> Revision	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 112 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 12; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 2: Vocabulary</i> - Expressions with prepositions - Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 114 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 12; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 3: Reading</i> Guessing from context	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 114, 115 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 13; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Responding	1	- Đọc tài liệu [1]- trang 116, 117 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 14; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 5: Pronunciation</i> - Revision: Rhymes; Stress and intonation - Final Test	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 117 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 15; tại lớp	
Bài tập	Unit 13: REGRETS <i>Part 1: Grammar</i> <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 1,2,3 trang 89 - Tài liệu [1] Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>Third conditional; should/shouldn't</i> , (2) <i>Colloquial expressions</i> làm bài tập 1,2,3 trang 89 - Tài liệu [1]; Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	Tuần 8; Tại lớp	
	Unit 13: REGRETS <i>Part 3 : Reading</i> Bài tập 3,4 trang 72- Tài liệu [1])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>third conditional</i> , (2) <i>Past Simple</i> , and (3) <i>Past Perfect</i> làm bài 3,4 trang 72- Tài liệu [1])	Tuần 9; Tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Unit 13: REGRETS Part 4: <i>Listening and Speaking</i> Bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>cách đặt câu hỏi về kỳ nghỉ của người được đối thoại</i> , (2) <i>cách đặt câu hỏi về những vấn đề không mong đợi</i> (3) <i>cách kể về một sự kiện trong quá khứ</i> , (4) <i>bày tỏ sự thông cảm</i> làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS Part 5: <i>Pronunciation</i> Làm bài tập 1,2 trang 109 _ tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>quy tắc phiên âm của chữ cái 'r' trong tiếng Anh - Anh (Br)</i> , (2) <i>quy tắc về ngữ điệu khi thể hiện sự quan tâm</i> nghiên cứu tài liệu [13], [14]	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS Part 6: <i>Writing</i> Bài tập 14 (trang 74- Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>cấu trúc của 'fomal letter'</i> , (2) <i>cách diễn đạt thông thường của một lá thư bày tỏ sự không hài lòng trong thư tín thương mại</i> làm bài tập 14 (trang 74- Tài liệu [2])	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 1: Grammar</i> Bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức <i>từ vựng đã học trong giáo trình Lifelines - Intermediate trong thực hành ngôn ngữ</i> làm bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	Tuần 11; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 5, 6 (trang 76,77 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>một số 'Expressions with prepositions'</i> ; (2) <i>Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns</i>	Tuần 12; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 1 (trang 75 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về <i>kỹ năng 'Guessing from context'</i> làm bài tập 1 (trang 75 - Tài liệu [2])	Tuần 13; Ở nhà	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 4: Listening and Speaking</i>	3	Áp dụng kiến thức về <i>'một số cách hỏi đáp thông dụng trong tiếng Anh nói'</i> làm bài	Tuần 14; Ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài tập 7 (trang 77 - Tài liệu [2])		tập 7 (trang 77 - Tài liệu [2])		
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 5: Pronunciation</i> Đọc và luyện nói tài liệu [19]	3	Áp dụng kiến thức về (1) các quy tắc phát âm nguyên âm, (2) quy tắc trọng âm và ngữ điệu trong phạm vi câu' đọc và luyện nói tài liệu [19]	Tuần 15; Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	1) Third conditional; should/ shouldn't	6	- Đọc tài liệu [3] trang 118; Đọc tài liệu [4] – trang 265, 266 - Sử dụng từ điển tra từ mới ở tài liệu [1]- trang 104 Làm bài tập 1, 2, 4 (trang 70,71,72 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	2) Colloquial expressions	6	- Bài tập 3, 8, 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Ở nhà	
	3) Vận dụng (1) <i>Third Conditional</i> , (2) <i>Past Simple</i> , and (3) <i>Past Perfect</i> trong thực hành ngôn ngữ	6	- Đọc tài liệu [1] – trang 104, 105 - Làm bài tập 5,6,7 (trang 72 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	4) Cách đặt câu hỏi về kỳ nghỉ của người được đối thoại, đặt câu hỏi về những vấn đề không mong đợi, cách kể về một sự kiện trong quá khứ, bày tỏ sự thông cảm	6	-Làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Ở nhà	
	5) Quy tắc phiên âm của chữ cái 'r' trong tiếng Anh - Anh (Br), (2) quy tắc về ngữ điệu khi thể hiện sự quan tâm	6	Đọc và luyện nói theo tài liệu [1] trang 109,	Ở nhà	
	6) Expressions with prepositions; Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns	6	- Đọc tài liệu [1]- trang 114; tài liệu [4] trang 18, 27, 28, 29, mục 96, 97 trang 123, 124, 125; - Làm bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	7) Kỹ năng 'Guessing from context'	6	- Đọc tài liệu [5] trang 16	Thư viên,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	8) Một số cách hỏi đáp thông dụng trong tiếng Anh nói	6	- Làm bài tập ở 7 - Tài liệu [2] trang 77	Thư viên, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000.

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1		1		2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	1	1	0		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	1		1		2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	1	1	0		2	2	6
Tổng cộng	15	2	13	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học, liệu tham khảo trang bị tại thư viện [1], [2], [3], [4], [5], máy tính, mạng wifi, máy chiếu projector, băng đĩa nghe.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Sinh viên cần tham gia đầy đủ các tiết học trên lớp, hoàn thành bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên về nội dung cũng như thời gian theo yêu cầu của giảng viên, có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%.

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%.

11.3. Điểm thành phần 3: điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

$Điểm\ học\ phần = 0,1 \times điểm\ thành\ phần\ 1 + 0,3 \times điểm\ thành\ phần\ 2 + 0,6 \times điểm\ thành\ phần\ 3.$

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trừ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Thi viết	Tự luận + Trắc nghiệm (Đề thi gồm 50 câu trong đó 40% câu trắc nghiệm, 60% câu tự luận. Đề thi bao gồm các phần: Kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ, đọc hiểu, viết. Kiến thức của Unit 11 đến Unit 14)	60'	10	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiếng Anh 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sỹ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Tin học Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học Ngoại Ngữ, trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0165.6506.319, Email: tolerate.batch3ma@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe, nói; phương pháp giảng dạy ngữ pháp, từ vựng theo chủ đề, giảng dạy theo đường hướng giao tiếp.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Lương Thị Hải Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên; Cử nhân tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Khoa Ngoại Ngữ,
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0988.907.932; Email: luongha.anha@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy ngữ pháp, từ vựng theo chủ đề, giảng dạy theo đường hướng giao tiếp.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 2 – English 2.
- Mã học phần: NN2.1.002.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc:
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành chương trình Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 12
 - + Bài tập trên lớp: 16
 - + Kiểm tra: 02
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Tiếng Anh

+ Khoa: Ngoại Ngữ

3. Mục tiêu chung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về các bình diện ngôn ngữ tiếng Anh (Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng); Rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Người học có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đơn giản hàng ngày, đọc hiểu ý chính sách, báo, tạp chí phổ thông bằng tiếng Anh đơn giản nhằm hỗ trợ cho công việc và giải trí. Bên cạnh đó, người học nghe hiểu được ý chính các thông tin đơn giản liên quan tới các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Người học có thể bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hoá, xã hội về các chủ đề quen thuộc như giải trí, sức khỏe,

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề giải trí (entertainment)
CDR 2	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề kì nghỉ (time-out)
CDR 3	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề sức khỏe (health)
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề giải trí (entertainment)
CDR 5	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề kì nghỉ (time-out)
CDR 6	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề sức khỏe (health)
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập, công việc.
CDR 8	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 11	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức			Kĩ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
Chương/ Bài	Kiến thức				Cứng		Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CCĐR9	CCĐR10	CĐR11
Unit 7 Entertainment	1. Grammar: The present perfect simple and continuous	2			2			2	2	1	1	2
	2. Vocabulary: Entertainment	2			2			2	2	1	1	2
	3. Reading: I'm so lucky!	2			2			2	2	1	1	2
	4. Listening and speaking: Stating your views	2			2			2	2	1	1	2
	5. Pronunciation: Syllables; word linking (2)	2			2			2	2	1	1	2
	6. Extension: Reading and listening: Rock and roll will never die	2			2			2	2	1	1	2
Unit 8 Time out	1. Grammar: Question forms, indirect questions		2			2		2	2	1	1	2
	2. Vocabulary compound nouns, sport		2			2		2	2	1	1	2
	3. Reading: Fit for life or fit to drop		2			2		2	2	1	1	2
	4. Listening and speaking: Making polite requests		2			2		2	2	1	1	2
	5. Pronunciation /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/; Polite intonation		2			2		2	2	1	1	2
	6. Extension: Reading and listening: Ironman		2			2		2	2	1	1	2
Unit 9 All in the mind?	1. Grammar: -ing forms			2			2	2	2	1	1	2
	2. Vocabulary: Strong adjectives			2			2	2	2	1	1	2
	3. Reading: Coincidence			2			2	2	2	1	1	2
	4. Listening and speaking: Agreeing and disagreeing			2			2	2	2	1	1	2
	5. Pronunciation Reduced words			2			2	2	2	1	1	2
	6. Extension: Reading and listening: Money			2			2	2	2	1	1	2
Unit 10	1. Grammar: Modal verbs			2			2	2	2	1	1	2
Memory	2. Vocabulary: Medical terms			2			2	2	2	1	1	2
	3. Reading:			2			2	2	2	1	1	2

What's good for you?												
4. Listening and speaking: At the doctor's			2			2	2	2	1	1	2	
5. Pronunciation Strong and weak forms			2			2	2	2	1	1	2	
6. Extension: Reading and listening: Sentenced to death			2			2	2	2	1	1	2	

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cao hơn của tiếng Anh về mặt ngữ âm như phân biệt nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, trọng âm từ, trọng âm câu, dạng yếu và dạng mạnh của các âm.

Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc như giải trí, công việc, sức khỏe,

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn, danh động từ, các dạng câu hỏi.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
Lý thuyết	Unit 7: Entertainment <ul style="list-style-type: none"> Grammar: The present perfect simple and continuous. Vocabulary: Entertainment Reading: 	03	- Đọc học liệu 1 từ trang 56 – 63.	Lớp học	
	<ul style="list-style-type: none"> Listening & speaking: Conversation pieces: Expressing opinions Pronunciation: Syllables; Word linking Extension: Reading and listening Writing: A review 		- Đọc học liệu 2 từ trang 191-196. - Đọc học liệu 3 mục 186 từ trang 221-22.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 7.1 đến 7.5 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: 7.6; 7.7 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 7.10 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập.	04	- Nắm vững lý thuyết về thì hiện tại hoàn thành; thì hiện tại tiếp diễn; chủ đề từ vựng về giải trí; ngữ âm: cách phát âm nguyên âm đôi.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tập.				
Tự học	Tự học và nghiên cứu về thi hiện tại hoàn thành, thi hiện tại tiếp diễn, chủ đề từ vựng về giải trí, ngữ âm: cách phát âm nguyên âm đôi. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	14	- Đọc học liệu 4 và làm bài tập Unit 15, Unit 16, Unit 17 từ trang 30-35. - Đọc học liệu 5 và làm bài tập từ trang 62-64.	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Unit 8: Time out <ul style="list-style-type: none"> • Grammar: Question forms; indirect questions • Vocabulary: Compound nouns; sport • Reading: Vocabulary file: Fitness • Listening & speaking: Conversation pieces: Polite requests for information. • Pronunciation: /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/; Polite intonation • Extension: Reading and listening Vocabulary file: Synonyms; Language focus: Adjectival expressions with numbers <ul style="list-style-type: none"> • Writing: Formal letters Test 1 Writing	03	- Đọc học liệu 1 từ trang 64 – 71. - Đọc học liệu 2 về danh từ ghép phần 3 & 4 từ trang 6-11. - Đọc học liệu 4 từ Unit 41 đến Unit 46, trang 82-93. - Đọc học liệu 6 bài 22, 23 từ trang 74 - 80. - Đọc học liệu 7 Unit 41 trang 82-83	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: 8.1; 8.2; 8.3- Unit 8 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: 8.4; 8.5; 8.6; 8.7 - Unit 8 trong học liệu số 1 sách bài tập.	05	- Nắm vững lý thuyết về các loại câu hỏi Wh-question; danh từ ghép; chủ đề từ vựng về thể thao.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu về các loại câu hỏi Wh- question, danh từ ghép, chủ đề từ vựng về thể thao. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	16	- Đọc học liệu 4 từ Unit 41 đến Unit 46, trang 82-93. - Đọc học liệu 7 Unit 41 trang 82-83	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 2	15			
Lý thuyết	Unit 9: All in the mind <ul style="list-style-type: none"> • Grammar: -ing forms • Vocabulary: Strong adjectives • Reading: Vocabulary file: Phrasal verbs • Listening&speaking: Conversation pieces: Agreeing and disagreeing • Pronunciation: -o-; Reduced words • Extension: Reading and listening • Writing: A ghost story 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 1 từ trang 72 –79. - Đọc học liệu 2 về cụm động từ; từ trang 132-145. - Đọc học liệu 6 từ trang 29-33 	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 9.1 đến 9.9- Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: Từ 9.10 đến 9.12- Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 9.13 - Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập.	04	- Nắm vững lý thuyết về “-ing forms”; cụm động từ; ngữ âm: nguyên âm -o- & reduced words.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu về “-ing forms”, cụm động từ, ngữ âm: nguyên âm -o- & reduced words. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	14	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 2 về cụm động từ, từ trang 132-145. - Đọc học liệu 2 về cụm động từ, từ trang 132-145. - Đọc học liệu 5 phần 7-75 the gerund từ trang 113-114. - Đọc học liệu 6 từ trang 29-33 	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Unit 10: Your health <ul style="list-style-type: none"> • Grammar: Model verbs • Vocabulary: Medical terms • Reading: Vocabulary file: Synonyms; Language focus: Expressing possibility and 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 1 từ trang 80 – 87. - Đọc học liệu 2 phần 3.1.b từ trang 97-108. - Đọc học liệu 4 từ Unit 25 đến Unit 28, từ trang 50-57. 	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	probability <ul style="list-style-type: none"> • Listening& speaking: Conversation pieces: Polite enquiries; Language focus: <i>must, mustn't, have to, needn't</i> • Pronunciation: -i-; Strong and weak forms • Extension: Reading and listening; Vocabulary file: Collocations • Writing: A letter of apology Test 2 Writing		- Đọc học liệu 6 bài 3 trang 13-15. - Đọc học liệu 7 Unit 48 trang 96-97		
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 10.1 đến 10.4 - Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: Từ 10.5 đến 10.8; 10.12 -Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 10.11 - Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập.	05	- Nắm vững lý thuyết về Model verbs; chủ đề từ vựng về sức khỏe; ngữ âm: nguyên âm -i-; strong and weak forms.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu lý thuyết về Model verbs; chủ đề từ vựng về sức khỏe; ngữ âm: nguyên âm -i-; strong and weak forms. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	16	- Đọc học liệu 2 phần 3.1.b từ trang 97-108. - Đọc học liệu 4 từ Unit 25 đến Unit 28, từ trang 50-57. - Đọc học liệu 5 phần 22 đến 27 từ trang 40-46. - Đọc học liệu 6 bài 3 trang 13-15. - Đọc học liệu 7 Unit 48 trang 96-97	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000;

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	0		2		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	0		2		2	2	6
6	1	1			2	2	6
7	0		2		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	2		0		2	2	6
10	0		2		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1	1			2	2	6
15	0		2		2	2	6
Tổng cộng	12	2	16	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học, máy tính, đĩa CD, loa đài, máy chiếu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Yêu cầu sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp, có ý thức học tập, làm bài tập và đọc tài liệu khi được yêu cầu, hăng say và sáng tạo trong tự học và nghiên cứu.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên , điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30 %

11.3. Điểm thành phần 3: điểm thi hết học phần, trọng số 60%

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

$Điểm\ học\ phần = 0,1 \times điểm\ thành\ phần\ 1 + 0,3 \times điểm\ thành\ phần\ 2 + 0,6 \times điểm\ thành\ phần\ 3.$

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Thi viết	Tự luận + Trắc nghiệm (Đề thi gồm 50 câu trong đó 40% câu trắc nghiệm, 60% câu tự luận. Đề thi bao gồm các phần: Kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ; đọc hiểu; viết. Kiến thức của Unit 7 đến Unit 10)	60'	10	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiếng Anh 3

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thục Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915.591.268; Email: thucanhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Từ vựng, Ngữ pháp, dạy học tiếng Anh giao tiếp.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Thị Hoàng Huệ
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0985 677 558; Email: hoanghuecdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Từ vựng, Ngữ pháp, dạy học tiếng Anh giao tiếp.

2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần: Tiếng Anh 3 – English 3
- Mã học phần: NN2.1.003.2
- Số tín chỉ: 2(2,0)
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc/ Tự chọn: Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành chương trình tiếng Anh 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lí thuyết trên lớp: 15
 - + Bài tập trên lớp: 13
 - + Kiểm tra: 02
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Tiếng Anh
 - + Khoa: Ngoại ngữ

3. Mục tiêu chung của học phần

Sinh viên (SV) được học tập, rèn luyện kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng tiếng Anh; được luyện tập khả năng sử dụng tiếng Anh ở cả 4 kỹ năng - Nghe, Nói, Đọc, Viết; kết thúc môn học, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về cuộc sống hàng ngày, xã hội, văn hoá, thể thao, du lịch, ... thông thường.
CDR 2	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 3	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về các tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 4	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về quan điểm, miêu tả các chủ đề, tình huống, sự kiện quen thuộc.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề cuộc sống hàng ngày, xã hội, văn hoá, thể thao, du lịch, ... thông thường.
CDR 6	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 7	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề các tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CDR 8	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề tình huống, sự kiện quen thuộc.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập, công việc.
CDR 10	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 13	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.
CDR 14	Có nhận thức được tầm quan trọng, sự hữu ích của ngoại ngữ trong xu thế phát triển mới của địa phương, của cả nước.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức				Kĩ năng				Thái độ, năng lực tự chủ					
Chương/ Bài	Kiến thức					Cứng								Mềm	
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	MỀM R9	MỀM R10	MỀM R11	MỀM R12	MỀM R13	MỀM R14
Unit 11: Priorities	<i>Part 1: Grammar</i> Causative; have; make/ let/get	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Noun formation	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Synonyms	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> Polite expressions; need + ing	2				2				2	2	1	2	2	1
	<i>Part 5: Pronunciation</i> -ea- letters in BrE; Corrective stress	2				2				2	2	1	2	2	1
Unit 12 News	<i>Part 1: Grammar</i> Reported speech of statements in direct speech		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Phrasal verbs		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Indirect commands and requests		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> 'Reported speech' in giving news		2				2			2	2	1	2	2	1
	<i>Part 5: Pronunciation</i> Silent letters; Word liking (3)		2				2			2	2	1	2	2	1
Unit 13 No regrets	<i>Part 1: Grammar</i> Third conditional; should/ shouldn't			2				2		2	2	1	2	2	1
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Colloquial expressions			2				2		2	2	1	2	2	1
	<i>Part 3: Reading</i> Application of (1) the third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect in practice			2				2		2	2	1	2	2	1
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i>			2				2		2	2	1	2	2	1

Unit 14: Success	Talking about a holiday														
	Part 5: Pronunciation			2			2		2	2	1	2	2	1	
	Expressing interests														
	Part 1: Grammar														
	Revision				2			2	2	2	1	2	2	1	
	Part 2: Vocabulary														
	- Expressions with prepositions				2				2	2	2	1	2	2	1
	- Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns														
	Part 3: Reading														
Guessing from context					2			2	2	2	1	2	2	1	
Part 4: Listening and Speaking															
Responding					2			2	2	2	1	2	2	1	
Part 5: Pronunciation															
- Revision: Rhymes; Stress and intonation					2			2	2	2	1	2	2	1	
- Final Test															

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- Nghe, Nói, Đọc, Viết. Kết thúc học phần, SV có trình độ Tiếng Anh đầu trung cấp (đầu Bậc B1), cụ thể SV có khả năng:

Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Hiểu được ý chính của bài nói về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong trường lớp, giải trí và công việc sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, rõ ràng. Có thể hiểu được ý chính các chương trình phát thanh hay truyền hình về các vấn đề thời sự hoặc các chủ đề SV quan tâm khi bài nói tương đối chậm và rõ ràng.

Giao tiếp được không cần chuẩn bị về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến sở thích cá nhân, cuộc sống hoặc thời sự hằng ngày (ví dụ: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra).

Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng. Có thể đưa ra lý do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của SV. Có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một cuốn sách hoặc bộ phim và bày tỏ suy nghĩ của mình.

Hiểu các ý chính của các văn bản chuẩn mực, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập. Có thể hiểu được các sự kiện, cảm xúc, mong ước qua các thư trao đổi cá nhân.

Viết bài đơn giản có tính liên kết về những chủ đề quen thuộc hay mối quan tâm cá nhân. Có thể viết thư mô tả trải nghiệm hoặc cảm nhận của bản thân.

Viết một bài đơn giản có bố cục về một chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1					
Lý thuyết	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 1: Grammar</i> Causative <i>have; make/ let/get</i>	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 88 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 1; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 2: Vocabulary</i> Noun formation	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 90 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 1; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 3: Reading</i> Synonyms	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 90 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 2; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Polite expressions; need + ing	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 92 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 3; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 5: Pronunciation</i> -ea- letters in BrE; Corrective stress	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 93 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 3; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 1: Grammar</i> Reported speech of statements in direct speech	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 96 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 4; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 2: Vocabulary</i> Phrasal verbs	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 98 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 4; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 3: Reading</i>	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 98, 99	Tuần 5; tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Indirect commands and requests		- Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm		
	Unit 12: NEWS Part 4: <i>Listening and Speaking</i> 'Reported speech' in giving news	1	- Đọc tài liệu [1]- trang 100, 101 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 6 ; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 5: Pronunciation</i> Silent letters; Word liking (3)	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 101 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 7 ; tại lớp	
Bài tập	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 1: Grammar</i> <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) Causative <i>have</i> ; (2) ' <i>make/let somebody do something; get somebody to do something</i> ' làm bài tập 3 trang 90- Tài liệu 1	Tuần 1; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 3,4 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'synonyms' làm bài tập 3,4 trang 90 - Tài liệu [1]	Tuần 2; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Bài tập 3,4,5 trang 92, 93 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức của (1) cấu trúc <i>need + ing</i> ; (2) polite expressions làm bài tập 3, 4, 5 trang 92, 93 - Tài liệu [1]	Tuần 3; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 5: Pronunciation</i> Bài tập 1,2 trang 93 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) cách phiên âm của chữ 'ea' trong tiếng Anh-Anh; (2) nguyên tắc của 'corrective stress' làm bài tập 1,2 trang 93 - Tài liệu [1]	Tuần 3; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 1: Grammar</i> Bài tập trang 96, 97 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Indirect speech of statements' làm bài tập trang 96, 97 - Tài liệu [1]	Tuần 4; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 2: Vocabulary</i>	3	Áp dụng kiến thức về một số ' <i>phrasal verbs</i> ' đi kèm động từ ' <i>stand</i> ', ' <i>get</i> '	Tuần 4; Tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài tập 2,3 trang 98- Vocabulary - Tài liệu [1]		'run', 'look' làm tập 2,3 trang 98- Vocabulary - Tài liệu [1]		
	Unit 12: NEWS <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 2,3,4 trang 98- Reading - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Indirect commands and requests' làm bài tập 2,3,4 trang 98- Reading - Tài liệu [1]	Tuần 5; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 4: Listening and speaking</i> Bài tập 1,2,3 trang 100 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Reported speech' in giving news' làm bài tập 1,2,3 trang 100 - Tài liệu [1]	Tuần 6; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 5: Pronunciation</i> Bài tập 1,2 trang 101 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) Silent letters, (2) Word liking (3) áp dụng trong kỹ năng nói' làm bài tập 1,2 trang 101 - Tài liệu [1]	Tuần 7; Tại lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	1) Causative <i>have; make/let/get</i>	3	- Đọc tài liệu [4] – trang 265, 266 - Sử dụng từ điển tra từ mới ở tài liệu [1] - trang 104 Làm bài tập 1,2,4 (trang 70,71,72 - Tài liệu [2])	Tuần 1; Thư viên, ở nhà	
	2) Noun formation	3	- Đọc tài liệu [4] - trang 18 - Làm bài tập 5 trang 60, bài tập 6 trang 61 -Tài liệu [2]	Tuần 1 Thư viên, ở nhà	
	3) Synonyms	6	- Đọc tài liệu [17] - Đọc và làm bài tập ở Tài liệu [18])	Tuần 2 Thư viên, ở nhà	
	4) Polite expressions; need + ing	3	- Đọc tài liệu [4] mục 283 -Làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Tuần 3 Thư viên, ở nhà	
	5) -ea- letters in Br; Corrective stress	3	Đọc và luyện nói theo tài liệu [1], [11]	Tuần 3; Thư	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
				viên, ở nhà	
	6) Reported speech of statements in direct speech	6	- Đọc tài liệu [4] - mục 147 trang 145 - Làm bài tập 1 (trang 65 - Tài liệu [2])	Tuần 4; Thư viên, ở nhà	
	7) Phrasal verbs	3	- Đọc và làm bài tập ở tài liệu [5] mục 89, 90, 91, 92, 93, 94 trang 180-191 - Làm bài 4,5 (trang 66 - Tài liệu [2])	Tuần 5 Thư viên, ở nhà	
	8) Indirect commands and requests	6	- Đọc tài liệu [4] mục 320 trang 280, 281 - Làm bài tập ở 6, 7, 8, 9 (trang 67 - Tài liệu [2])	Tuần 6; Thư viên, ở nhà	
	9) Silent letters; Word liking (3)	3	- Làm bài tập 10 trang 68 - Tài liệu [2]	Tuần 7; Ở nhà	
	10) Using nouns as adjectives	3	- Làm bài tập 11 (trang 68 - Tài liệu [2])	Tuần 7; Thư viên, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
Lý thuyết	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 1: Grammar</i> Third conditional; should/ shouldn't	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 104; Đọc tài liệu [3] trang 118, 119 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 8; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 2: Vocabulary</i> Colloquial expressions	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 108 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 9; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 3: Reading</i> Application of (1) the third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect in practice	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 106, - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 9; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 4: Listening and</i>	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 108, 109	Tuần 10; tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<i>Speaking</i> Talking about a holiday		- Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm		
	Unit 13: NO REGRETS Part 5: <i>Pronunciation</i> Expressing interests	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 109 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 11; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS Part 1: <i>Grammar</i> Revision	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 112 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 12; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS Part 2: <i>Vocabulary</i> - Expressions with prepositions - Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 114 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 12; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS Part 3: <i>Reading</i> Guessing from context	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 114, 115 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 13; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS Part 4: <i>Listening and Speaking</i> Responding	1	- Đọc tài liệu [1]- trang 116, 117 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 14; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS Part 5: <i>Pronunciation</i> - Revision: Rhymes; Stress and intonation - Final Test	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 117 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 15; tại lớp	
Bài tập	Unit 13: REGRETS Part 1: <i>Grammar</i> Part 2: <i>Vocabulary</i> Bài tập 1,2,3 trang 89 - Tài liệu [1] Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>Third conditional; should/shouldn't</i> , (2) <i>Colloquial expressions'</i> làm bài tập 1,2,3 trang 89 - Tài liệu [1]; Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	Tuần 8; Tại lớp	
	Unit 13: REGRETS	3	Áp dụng kiến thức về (1)	Tuần 9;	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<i>Part 3 : Reading</i> Bài tập 3,4 trang 72- Tài liệu [1])		<i>third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect</i> làm bài 3,4 trang 72- Tài liệu [1])	Tại lớp	
	Unit 13: REGRETS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>cách đặt câu hỏi về kỳ nghỉ của người được đối thoại,</i> (2) <i>cách đặt câu hỏi về những vấn đề không mong đợi</i> (3) <i>cách kể về một sự kiện trong quá khứ,</i> (4) <i>bày tỏ sự thông cảm</i> làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 5: Pronunciation</i> Làm bài tập 1,2 trang 109 _ tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>quy tắc phiên âm của chữ cái 'r' trong tiếng Anh - Anh (Br),</i> (2) <i>quy tắc về ngữ điệu khi thể hiện sự quan tâm</i> nghiên cứu tài liệu [13], [14]	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 6: Writing</i> Bài tập 14 (trang 74- Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>cấu trúc của 'formal letter',</i> (2) <i>cách diễn đạt thông thường của một lá thư bày tỏ sự không hài lòng trong thư tín thương mại</i> làm bài tập 14 (trang 74- Tài liệu [2])	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 1: Grammar</i> Bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức từ <i>vùng đã học trong giáo trình Lifelines - Intermediate trong thực hành ngôn ngữ</i> làm bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	Tuần 11; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 5, 6 (trang 76,77 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>một số 'Expressions with prepositions';</i> (2) <i>Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns</i>	Tuần 12; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 1 (trang 75 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về kỹ năng <i>'Guessing from context'</i> làm bài tập 1 (trang 75 - Tài liệu [2])	Tuần 13; Ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Unit 14: SUCCESS Part 4: <i>Listening and Speaking</i> Bài tập 7 (trang 77 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về 'một số cách hỏi đáp thông dụng trong tiếng Anh nói' làm bài tập 7 (trang 77 - Tài liệu [2])	Tuần 14; Ở nhà	
	Unit 14: SUCCESS Part 5: <i>Pronunciation</i> Đọc và luyện nói tài liệu [19]	3	Áp dụng kiến thức về (1) các quy tắc phát âm nguyên âm, (2) quy tắc trọng âm và ngữ điệu trong phạm vi câu' đọc và luyện nói tài liệu [19]	Tuần 15; Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	1) Third conditional; should/ shouldn't	6	- Đọc tài liệu [3] trang 118; Đọc tài liệu [4] – trang 265, 266 - Sử dụng từ điển tra từ mới ở tài liệu [1]- trang 104 Làm bài tập 1, 2, 4 (trang 70,71,72 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	2) Colloquial expressions	6	- Bài tập 3, 8, 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Ở nhà	
	3) Vận dụng (1) <i>Third Conditional</i> , (2) <i>Past Simple</i> , and (3) <i>Past Perfect</i> trong thực hành ngôn ngữ	6	- Đọc tài liệu [1] – trang 104, 105 - Làm bài tập 5,6,7 (trang 72 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	4) Cách đặt câu hỏi về kỳ nghỉ của người được đối thoại, đặt câu hỏi về những vấn đề không mong đợi, cách kể về một sự kiện trong quá khứ, bày tỏ sự thông cảm	6	-Làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Ở nhà	
	5) Quy tắc phiên âm của chữ cái 'r' trong tiếng Anh - Anh (Br), (2) quy tắc về ngữ điệu khi thể hiện sự quan tâm	6	Đọc và luyện nói theo tài liệu [1] trang 109,	Ở nhà	
	6) Expressions with prepositions; Compound nouns; phrasal verbs;	6	- Đọc tài liệu [1]- trang 114; tài liệu [4] trang 18, 27, 28, 29, mục 96, 97	Thư viên, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	abstract nouns		trang 123, 124, 125; - Làm bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])		
	7) Kỹ năng 'Guessing from context'	6	- Đọc tài liệu [5] trang 16	Thư viên,	
	8) Một số cách hỏi đáp thông dụng trong tiếng Anh nói	6	- Làm bài tập ở 7 - Tài liệu [2] trang 77	Thư viên, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000.

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1		1		2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	1	1	0		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	1		1		2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6

14	1		1		2	2	6
15	1	1	0		2	2	6
Tổng cộng	15	2	13	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học, liệu tham khảo trang bị tại thư viện [1], [2], [3], [4], [5], máy tính, mạng wifi, máy chiếu projector, băng đĩa nghe.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Sinh viên cần tham gia đầy đủ các tiết học trên lớp, hoàn thành bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên về nội dung cũng như thời gian theo yêu cầu của giảng viên, có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%.

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%.

11.3. Điểm thành phần 3: điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

$Điểm\ học\ phần = 0,1 \times điểm\ thành\ phần\ 1 + 0,3 \times điểm\ thành\ phần\ 2 + 0,6 \times điểm\ thành\ phần\ 3.$

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Thi viết	Tự luận + Trắc nghiệm (Đề thi gồm 50 câu trong đó 40% câu trắc nghiệm, 60% câu tự luận. Đề thi bao gồm các phần: Kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ, đọc hiểu, viết. Kiến thức của Unit 11 đến Unit 14)	60'	10	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 1 (học phần bắt buộc)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Vũ Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Trung tâm TDDT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0985564388; email: phuongdhdt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Sơn Tùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0977028666; email: endlesslove2102@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

2. Thông tin học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 1
- Mã học phần: TC2.1.001.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 6 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 24 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh
 - + Trung tâm: Thể dục thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về GDTC, các kiến thức cơ bản cho việc bảo vệ và nâng sức khỏe cho sinh viên, kiến thức thực hành về chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.

Sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học trong luyện tập và hoạt động thực tiễn.

Sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập, thảo luận và luyện tập ngoài sân bãi, đồng thời hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Sinh viên có được sự hiểu biết chung về học phần chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa, tác dụng của việc luyện tập môn điền kinh đối với mọi người và có thể tự tập nâng cao sức khỏe
CDR 2	Nắm chắc những vấn đề cơ bản về lý thuyết của bộ môn, nguyên lý kỹ thuật cũng như lịch sử ra đời của nội dung chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa.
CDR 3	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng thực hiện một cách tương đối thuần thục các kỹ thuật động tác chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa
CDR 5	Nắm được phương pháp làm trọng tài, cách thức, phương pháp tổ chức thi đấu
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Từ những kiến thức đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống để từ đó tự học, tự nghiên cứu, lựa chọn ra những bài tập phù hợp để tập luyện nâng cao sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xã hội đòi hỏi
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CDR 8	Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng		Mềm		
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
Chương 1: Kiến thức chung	Lý Thuyết								
	1.1. Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển TDTT ở nước ta. 1.2. Mục đích và nhiệm vụ của GDTC trong trường học. 1.3. Vai trò, tác dụng của hoạt động TDTT trong rèn luyện thể chất và trong công tác tổ chức hoạt động giáo dục.	2	2	1		1	2	2	2
Chương 2: Một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC	2.1. Một số khái niệm cơ bản về TDTT	2	2	1	2		2	2	2
	2.2. Các nguyên tắc GDTC								
Chương 3: Một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TDTT	3.1. Phương pháp kiểm tra y học TDTT								
	3.2. Các bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu.	2	2	1	2		2	2	2
Chương 4: Chạy cự ly ngắn	Giảng dạy ngoài sân bãi.								
	4.1. Các bài tập hỗ trợ cho chạy cự ly ngắn. 4.2. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 4.3. Kỹ thuật chạy giữa quãng	2	2	1	2		2	2	2

	4.4. Kỹ thuật chạy về đích.								
Chương 5: Chạy cự ly trung bình	Giảng dạy ngoài sân bãi.								
	5.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. 5.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 5.3. Kỹ thuật chạy về đích. 5.4. Một số bài tập bổ trợ phát triển sức bền. Kiểm tra	2	2	1	2		2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Kiến thức chung
- Một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC
- Một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TDTT
- Chạy cự ly ngắn
- Chạy cự ly trung bình

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
		2			
Lý thuyết	1.1. Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển TDTT ở nước ta. 1.2. Mục đích và nhiệm vụ của GDTC trong trường học. 1.3. Vai trò, tác dụng của hoạt động TDTT trong rèn luyện thể chất và trong công tác tổ chức hoạt động giáo dục.	2	Đọc học liệu số 2 chương II, học liệu số 6 chương 2	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 2: Một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC	2			
Lý thuyết	2.1. Một số khái niệm cơ bản về TDDT 2.2. Các nguyên tắc GDTC	2	Đọc học liệu số 2 chương I; chương V; học liệu số 6 chương I; chương V	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
	Chương 3: Một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TDDT	2			
Lý thuyết	3.1. Phương pháp kiểm tra y học TDDT 3.2. Các bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu.	2	Đọc học liệu số 3 chương 6	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
	Chương 4: Chạy cự ly ngắn	10			
Giảng dạy ngoài sân bãi	4.1. Các bài tập bổ trợ cho chạy cự ly ngắn.	2	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
	4.2. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát.	3	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
	4.3. Kỹ thuật chạy giữa quãng	3	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
	4.4. Kỹ thuật chạy về đích	2	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Lịch sử ra đời và phát triển môn chạy cự ly ngắn, nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn. - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly ngắn.	20	- Nắm được lịch sử ra đời và phát triển chạy cự ly ngắn cũng như nguyên lý kỹ thuật của chạy ngắn để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	
	Chương 5: Chạy cự ly trung bình	14			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Giảng dạy ngoài sân bãi	5.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.	2	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
	5.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng.	2	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
	5.3. Kỹ thuật về đích.	2	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
	5.4. Một số bài tập bổ trợ, bài tập kỹ thuật, trò chơi phát triển sức bền tốc độ.	8	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Lịch sử ra đời và phát triển môn chạy cự ly trung bình, nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly trung bình. - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly trung bình.	48	- Nắm được lịch sử ra đời và phát triển chạy cự ly ngắn cũng như nguyên lý kỹ thuật của trung bình để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nông Thị Hồng và cộng sự (2003), *Vệ sinh và Y học TDTT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Kim Minh và cộng sự (2003), *Giáo trình điền kinh*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[3]. Ủy ban Thể dục thể thao (2006), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[4]. Dương Nghiệp Chí (1978), *Điền kinh*, NXB TDTT, Hà Nội.

[5]. Phạm Tuấn Phương (1994), *Đo đạc thể hình*, NXB TDTT, Hà Nội.

[6]. Vũ Đức Thu - Trương Anh Tuấn (2007), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				4		6
2	2				4		6

3	2				4		6
4			2		2	2	6
5			2		2	2	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2		2	2	6
11			2		2	2	6
12			2			4	6
13			2			4	6
14		1	1			4	6
15			2			4	6
Tổng cộng	6	1	23		20	40	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, có đầy đủ bàn ghế xuất phát và dây xích.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá
 - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
 - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
 - + Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 2-Bóng đá 1 (Học phần Tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phùng Quang Phát
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân trào.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0979681560 -Email: phungquagphat@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790 - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2- Bóng đá 1
- Mã học phần: TC2.1.002.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 04
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 41
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90
- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh

+ Đơn vị : Trung tâm thể dục thể thao.

3. Mục tiêu của học phần

Biết được nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn bóng đá và hiểu được những điều luật cơ bản trong luật bóng đá.

Thực hiện các động tác kỹ thuật ở mức độ tương đối chính xác thuần thực cơ bản làm cơ sở cho quá trình sau này đi thực tập tại cơ sở.

Tích cực tập luyện và nghiên cứu lý thuyết, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tập trung chú ý nghe giảng, có ý thức tập luyện cao, có sự nỗ lực trong tập luyện, có tinh thần giúp đỡ bạn bè.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá trên thế giới và ở Việt Nam. Biết được những đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện và một số điểm trong luật bóng đá
CDR 2	Biết được những kiến thức về nguồn gốc sự phát triển môn bóng đá trên thế giới, cũng như ở Việt Nam qua từng thời kì, xu hướng phát triển bóng đá hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tìm hiểu về: nguồn gốc phát triển môn bóng đá, đặc điểm tác dụng người tập luyện. Trên cơ sở đó để thực hiện các kỹ thuật cơ bản đúng, chuẩn cho người học.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.
CDR 5	Thực hiện tương đối tốt các kỹ thuật di chuyển không bóng, kỹ thuật có bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng mu trong, má ngoài, mu giữa bàn chân, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật giữ bóng bằng lòng, mu giữa, đùi, ngực. để vận dụng trong quá trình thi đấu.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Biết cách khắc phục và tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản trong quá trình tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng	Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Chương 1: Giới thiệu môn học	1.1. Nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá 1.2. Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện. 1.3. Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7 người 1.4. Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá. 1.5. Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên chuyên ngành. 1.6. Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.	2	2	1	2	2	1	2	2	1
Chương 2: Kỹ thuật bóng đá	2.1. Giảng dạy một số trò chơi, động tác hỗ trợ làm quen bóng. 2.2. Giảng dạy kỹ thuật Di chuyển 2.3. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng lòng bàn chân 2.4. Giảng dạy kỹ thuật Giữ bóng 2.5. Giảng dạy kỹ thuật Dẫn bóng 2.6. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng mu trong bàn chân 2.7. Giảng dạy kỹ thuật ném biên	2	2	1	2	2	1	2	2	1
Chương 3: Chiến thuật bóng đá	3.1. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài tập phối hợp và trong tập luyện và thi đấu theo luật 3.2. Giảng dạy kỹ thuật Kỹ thuật đánh đầu 3.3. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài phối hợp đầu tập, thực tập trọng tài.	2	2	1	2	2	1	2	2	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp

1- Có đóng góp

2- Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Nguồn gốc và sự phát triển Đặc điểm, tác dụng bóng của môn bóng đá
- Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người
- Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.
- Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên.
- Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Giới thiệu môn học	4			
Lý thuyết	<p>1.5. Nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá</p> <p>1.6. Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện.</p> <p>1.7. Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7 người</p> <p>1.8. Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.</p> <p>1.9. Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên chuyên ngành.</p> <p>1.6. Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.</p>	4	Đọc học liệu số [1] [2] chương 1 tr.11-31	Giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc trước vấn đề học liệu về nguồn gốc phát triển, các đặc điểm, ý nghĩa tác dụng và luật bóng đá hiện đại. Đề vận dụng vào trong những tình huống của buổi học do giáo viên đưa ra.	8	Chủ động nghiên cứu sưu tầm tài liệu. [1] [2]	Thư viện, ở nhà, tại sân bóng đá trường ĐH Tân Trào	
	Chương 2: Kỹ thuật bóng đá	30			
Giảng dạy ngoài sân bãi.	<p>2.1. Giảng dạy một số trò chơi, động tác hỗ trợ làm quen bóng.</p> <p>2.2. Giảng dạy kỹ thuật Di chuyên</p> <p>2.3. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng lòng bàn chân</p> <p>2.4. Giảng dạy kỹ thuật Giữ bóng</p> <p>2.5. Giảng dạy kỹ thuật Dẫn bóng</p> <p>2.6. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng mu trong bàn chân</p>	30	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.33-75	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.7. Giảng dạy kỹ thuật ném biên				
Tự học, tự nghiên cứu	Nắm chắc các yêu cầu về kỹ thuật động tác: Kỹ thuật đá bóng bằng long, mu trong bàn chân, các kỹ thuật di chuyển. Kỹ thuật dẫn bóng và ném biên cơ bản trong bóng đá.	60	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
	Chương 3: Chiến thuật bóng đá	11			
Giảng dạy ngoài sân bãi	3.1. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài tập phối hợp và trong tập luyện và thi đấu theo luật 3.2. Giảng dạy kỹ thuật đánh đầu 3.3. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài phối hợp đầu tập, thực tập trọng tài.	11	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên cứu phương pháp thi đấu, phương pháp chỉ đạo thi đấu, phương pháp trọng tài.	22	Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng đá	Sân bóng đá	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp luyện tập, năm 2000, Nhà xuất bản TĐTT.

[2] 2004, Giáo trình bóng đá, Nhà xuất bản ĐHSP, HN.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] 2006, Phương pháp tổ chức và huấn luyện trọng tài Giáo trình bóng đá - Nhà xuất bản TĐTT.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9
6			3			6	9
7			3			6	9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
8			3			6	9
9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
Tổng	4	1	40		8	82	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, điểm ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10% (A1)

- Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (Xemina) Điểm thực hành, điểm thảo luận, trọng số 30% (A2)

- Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% (A3)

Điểm Học phần = $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2-Bóng bàn 1 (Học phần Tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân GDTC
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 22 phường tân hà, huyện Yên Sơn Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0962192598 - Email: nguyenhaidhtt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 29 Phường Minh Xuân TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0987941489 - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2- Bóng bàn 1
- Mã học phần: TC2.1.002.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện kiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 04
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 41
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh
 - + Đơn vị : Trung tâm thể dục thể thao.

3. Mục tiêu của học phần

- Hiểu kiến thức cơ bản về lịch sử quá trình phát triển môn bóng bàn, nguyên lý kỹ thuật môn bóng bàn
- Vận dụng được kiến thức vào thực hiện các kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn.

- Thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng bàn.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được nguồn gốc, lịch sử và sự phát triển của môn bóng bàn trên thế giới và ở Việt Nam. Biết được những đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng bàn đối với người tập luyện và một số điểm trong luật bóng bàn
CDR 2	Biết được những kiến thức về nguồn gốc sự phát triển môn bóng bàn trên thế giới, cũng như ở Việt Nam qua từng thời kì, xu hướng phát triển bóng bàn và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tìm hiểu thêm về: nguồn gốc phát triển môn bóng bàn, đặc điểm tác dụng người tập luyện. Trên cơ sở đó để thực hiện các kỹ thuật cơ bản đúng, chuẩn cho người học môn bóng bàn.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện các kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn.
CDR 5	Thực hiện tương đối tốt các kỹ thuật cơ bản như: cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng, kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật vụt bóng nhanh thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay và kỹ thuật vụt bóng nhanh trái tay, kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay. Để vận dụng tốt trong quá trình thi đấu.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Biết cách khắc phục và tìm ra phương pháp tự sửa chữa những sai lầm thường mắc trong quá trình tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện, đảm bảo an toàn trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
		Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng	Mềm				
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	C	C	C	C	C	C	C	C	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Chương 1:	1.1. Lịch sử ra đời môn bóng bàn	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	1.2. Quá trình phát triển môn bóng bàn.									

	1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn bóng bàn									
Chương 2: Kỹ thuật môn bóng bàn	2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2.2. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay									
	2.3. Kỹ thuật vọt nhanh thuận tay									
	2.4. Kỹ thuật lúp bóng trái tay									
	2.5. Kỹ thuật vọt nhanh trái									
	2.6. Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay									
	Kiểm tra									

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng bàn
- Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng
- Kỹ thuật lúp bóng thuận tay
- Kỹ thuật vọt nhanh thuận tay
- Kỹ thuật lúp bóng trái tay
- Kỹ thuật vọt nhanh trái
- Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng bàn	4			
Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn bóng bàn 1.2. Quá trình phát triển môn bóng bàn. 1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn bóng bàn	4	Đọc học liệu số 1 chương 1; học liệu số 2.	Giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện.	
	Chương 2: Kỹ thuật môn bóng bàn	41			
Giảng dạy ngoài sân bãi.	2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng 2.2. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay 2.3. Kỹ thuật vọt nhanh thuận tay 2.4. Kỹ thuật lúp bóng trái tay 2.5. Kỹ thuật vọt nhanh trái tay	2 4 12 4 12	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.33-75	Nhà thi đấu trường ĐH Tân Trào.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.6. Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay Kiểm tra	7			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa	82	Đọc học liệu số[1] [2] chương 2 tr.83-87	Nhà thi đấu trường Đại học Tân Trào.	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Vũ Thành Sơn – Nguyễn Danh Hoàng Việt (2004), Giáo trình Bóng Bàn, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Trương Tuệ Lâm – Tô Khảm (2001), Huấn luyện kỹ chiến thuật bóng bàn hiện đại, Nhà xuất bản thể dục thể thao.

[2]. Nguyễn Văn Phúc (2012), *Các bài tập thể lực trong Điền Kinh*, NXB TĐTT.

[3] Đồng Văn Triệu (2015), *GT Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao*, NXB TĐTT.

[4] Vũ Chung Thủy (2014), *GT Vệ sinh Thể dục thể thao*, NXB TĐTT.

[5] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		1	5	9
3			3		1	5	9
4			3			6	9
5			3		1	5	9
6			3		1	5	9
7			3			6	9
8			3		1	5	9
9			3			6	9
10			3			6	9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
11			3			6	9
12			3		1	5	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3		1	5	9
Tổng	4	1	40		13	77	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 05 bàn bóng bàn.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá
- + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
- + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
- + Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TỔ TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 2-Bóng chuyền1(Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao trường Đại học Tân Trào tỉnh tuyên Quang
- Điện thoại: 0987941489 - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao - Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790 - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền 1
- Mã học phần: TC2.1.004.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn

+ Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 04 tiết

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 41 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

+ Trung tâm: Thể dục thể thao.

3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử quá trình phát triển môn bóng chuyền, nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền.

Hiểu được lịch sử phát triển môn bóng chuyền, nắm được nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền, thực hiện tương đối tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.

Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền ở Việt Nam, xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.
CDR 2	Nắm vững những kiến thức về sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền ở Việt Nam, xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng thấp tay.
Kỹ năng mềm	

CĐR 5	Biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR6	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 7	Có khả năng tự học và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và tự nghiên cứu.

5. Ma trận kiến thức học phần và chuẩn đầu ra học phần.

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Chương 1: Sơ lược lịch sử quá trình phát triển môn bóng chuyên	1.1 Sự xuất hiện môn bóng chuyên trên thế giới	2	2	2	2	1	2	2
	1.2 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyên	2	2	2	2	2	2	2
	1.3 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyên Việt Nam	1	2	2	2	2	2	2
	1.4 Xu hướng phát triển bóng chuyên hiện đại	1	2	2	2	1	2	2
Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyên	2.1 Phân loại kỹ thuật di chuyển trong môn bóng chuyên.	2	2	2	1	2	2	2
	2.2 Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản.	2	2	2	2	2	2	2
	2.3 Kỹ thuật chuyên bóng cao tay	2	2	2	2	2	2	2
	2.4 Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.	2	2	2	2	2	2	2
	2.5 Kỹ thuật phát bóng cao tay.	2	2	2	2	2	2	2
	2.6 Kỹ thuật phát bóng thấp tay	2	2	2	2	2	2	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp 1 - Có đóng góp 2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng chuyền.
- Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền.
- Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Sơ lược lịch sử quá trình phát triển môn bóng chuyền	4			
Lý thuyết	<p>1. Sơ lược nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn bóng chuyền.</p> <p>1.1 Sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới</p> <p>1.2 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền</p> <p>1.3 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền Việt Nam</p> <p>1.4 Xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại</p>	4	Học học liệu số [1]: chương 1(các mục 1.1-1.4)	Giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Sơ lược nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn bóng chuyền.</p> <p>1.1 Sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới</p> <p>1.2 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền</p> <p>1.3 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền Việt Nam</p> <p>1.4 Xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại</p>	8	<p>Học học liệu số [1]: chương 1(các mục 1.1-1.4)</p> <p>Nắm được nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triển môn bóng chuyền và quá trình phát triển môn bóng chuyền tại Việt Nam.</p>	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
	Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyền	41			
Giảng dạy ngoài sân bãi.	<p>2. Kỹ thuật môn bóng chuyền.</p> <p>2.1 Phân loại kỹ thuật di chuyển trong môn bóng chuyền.</p> <p>2.2 Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản.</p> <p>2.3 Kỹ thuật chuyền bóng cao tay</p> <p>2.4 Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.</p> <p>2.5 Kỹ thuật phát bóng cao tay.</p>	41	Học học liệu số [1]: chương 2 (mục 2.1-2.7)	Sân bóng chuyền trường Đại học Tân Trào.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.6 Kỹ thuật phát bóng thấp tay Kiểm tra				
Tự học, tự nghiên cứu	2. Kỹ thuật môn bóng chuyền. 2.1 Phân loại kỹ thuật di chuyển trong môn bóng chuyền. 2.2 Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản. 2.3 Kỹ thuật chuyền bóng cao tay 2.4 Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. 2.5 Kỹ thuật phát bóng cao tay. 2.6 Kỹ thuật phát bóng thấp tay	82	Học học liệu số [1] (Chương 1 và chương 2) Tự giác tích cực chủ động tham khảo tài liệu chăm chỉ trong tập luyện kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.	Thư viện, ở nhà, tại sân bóng chuyền trường Đại học Tân Trào.	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Việt Minh – Hồ Đắc Sơn (2010) *Giáo trình bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm, nơi xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đồng Văn Triệu - Trương Anh Tuấn (2015) *Giáo trình lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

[2] Nguyễn Văn Phúc - Nguyễn Đại Dương - Đàm Trung Kiên (2012) *Các bài tập thể lực trong Điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

[3]. Đặng Đức Thao - Phạm Vĩnh Thông (1999), *Thể dục và phương pháp dạy học*, Nhà xuất bản giáo dục.

[4]. Vũ Đào Hùng - Nguyễn Mậu Loan (1998), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nhà xuất bản giáo dục

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3			6	9
9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
Tổng	4	1	40		8	82	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá:

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2-Cầu lông 1(Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ giáo dục thể chất
- Thời gian địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TDDT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân Trào.
- Số điện thoại: 0972 162 530 - Email: thanh.aytz@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ giáo dục thể chất
- Thời gian địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TDDT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân Trào.
- Số điện thoại: 0915 475 878 - Email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông 1
- Mã học phần: TC2.1.005.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn.
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần giáo dục thể chất 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 3 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 42 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục Thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn Cầu lông, thực hiện được các kỹ thuật cơ bản về kỹ thuật động tác. Nắm được các bài tập hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn Cầu lông ở trong nước và thế giới, những kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật động tác.
CDR 2	Sinh viên nắm được những kiến thức về nguyên lý kỹ thuật động tác của môn cầu lông, cách thức thực hiện các kỹ thuật của môn cầu lông
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Biết cách thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông.
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái), kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay, kỹ thuật phong cầu.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Vận dụng các kỹ thuật đã học để tập luyện và thi đấu, biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện và thi đấu.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR6	Sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong tập luyện, có động cơ học tập đúng đắn.
CDR 7	Có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập, có khả năng tự học và học theo nhóm.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7
1. Chương 1	Lịch sử và quá trình phát triển môn cầu lông	2	2	2	2	2	1	2
2. Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông	Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị	2	2	2	2	2	2	2
	Kỹ thuật di chuyển	2	2	2	2	2	2	2

	Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải và bên trái	2	2	2	2	2	2	1
	Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay	2	2	2	2	2	2	1
	Kỹ thuật phong cầu	2	2	2	2	2	2	1

Ghi chú: 0 - Không đóng góp 1 - Có đóng góp 2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử phát triển môn cầu lông, quá trình phát triển của môn cầu lông.
- Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị.
- Kỹ thuật di chuyển trong cầu lông.
- Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái).
- Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay.
- Kỹ thuật phong cầu.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Lịch sử và quá trình phát triển môn cầu lông.	3			
Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn cầu lông. 1.2. Quá trình phát triển của môn cầu lông. 1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn cầu lông.	3	- Đọc học liệu số 2 chương 1 tr.5-15; học liệu số 1 tr.11-28	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Nắm vững lý thuyết.	Thư viện	
	Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông.	42			
Giảng dạy ngoài sân bãi	2.1. Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị.	3	Đọc học liệu số 1 tr.78	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Kỹ thuật di chuyển.	12	Đọc học liệu số 1 tr.81	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái).	9	Đọc học liệu số 1 tr.97	Thư viện, nhà thi	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
				đầu	
	2.4. Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay.	6	Đọc học liệu số 1 tr.143	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.5. Kỹ thuật phòng cầu.	12	Đọc học liệu số 1 tr.109	Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa.	84	Nắm vững các kỹ thuật và thực hiện tốt kỹ thuật	Thư viện, nhà thi đấu	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Văn Vinh (2004), *Giáo trình cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] TS. Nguyễn Văn Đức – Giáo trình cầu lông – NXB TDTT 2015.

[3] Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật cầu lông*,

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				4	2	9
2			3		4	2	9
3			3		1	5	9
4			3			6	9
5			3		2	4	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3		1	5	9
9			3			6	9
10			3		1	5	9
11			3			6	9
12			3			6	9

13			3		1	5	9
14			3			6	9
15		1	2			6	9
Tổng cộng	3	1	41		14	76	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 04 sân cầu lông.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá
- + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
- + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
- + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2-Võ thuật 1(Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Minh Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Trung tâm TDDT,
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại:0344466759; email: tranminhhangcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915475878; email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

2. Thông tin học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật 1
- Mã học phần: TC2.1.006.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn
- + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 43 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên có hiểu biết chung về môn võ Vovinam - Việt võ đạo và tác dụng của môn học đối với người tập. các bài tập khởi động, các kỹ thuật ngã, các kỹ thuật căn bản, cách phản đòn và nắm chắc các đòn đối luyện, bài quyền theo yêu cầu môn học. Vận dụng được những kiến thức đã học trong luyện tập và hoạt động thực tiễn.

Tích cực, tự giác trong học tập, thảo luận và luyện tập ngoài sân bãi, đồng thời hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được Lịch sử ra đời , quá trình phát triển và vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam và các nguyên lý kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam như: (Tư thế thủ, các thế tấn công cơ bản gạt cạnh tay, chém cạnh tay, đánh trở, đánh gối, các lối đấm, các kỹ thuật đá, tập bài quyền số 1)
CDR 2	Hiểu được Lịch sử ra đời , quá trình phát triển và vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam và phân tích các kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam như: (Tư thế thủ, các thế tấn công cơ bản gạt cạnh tay, chém cạnh tay, đánh trở, đánh gối, các lối đấm, các kỹ thuật đá, tập bài quyền số 1)
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tìm hiểu về: Kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam
Về kỹ năng	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CDR 4	Có khả năng thực hiện được kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam
CDR 5	Có kỹ năng cơ bản về môn võ VoViNam
	<i>Kỹ năng mềm</i>
CDR 6	Có kỹ năng phân tích và đánh giá việc thực hiện các kỹ thuật động tác trong môn võVoViNam
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành đào tạo.
CDR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
1. Chương 1: Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn võ VoViNam	2	2	2	2	2	2	2	1	1
	1.2. Quá trình phát triển môn võ VoViNam bóng bàn.									
	1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam									
Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam	2.1. Các bài tập khởi động	2	2	1	2	2	1	1	2	1
	2.2. Tập các kỹ thuật ngã	2	2	1	2	2	2	1	2	1
	2.3. Tập các kỹ thuật căn bản	2	2	2	2	2	2	2	1	1
	2.4. Các lối đấm	2	2	2	2	2	2	1	2	1
	2.5. Các kỹ thuật đá	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	2.6. Tập bài quyền số 1	2	2	2	2	2	2	1	2	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ VoViNam.
- Kỹ thuật môn võ VoViNam..

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Lịch sử và quá trình phát triển môn võ VoViNam.	2			
Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn võ VoViNam 1.2. Quá trình phát triển môn võ VoViNam	2	Đọc học liệu số 1 chương 1 tr.7-35	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	bóng bàn. 1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
Luyện tập ngoài sân bãi	Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam	43			
	2.1. Các bài tập khởi động	1	Đọc học liệu số 1 tr.36- 40	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Tập các kỹ thuật ngã	4	Đọc học liệu số 1 tr.41- 43	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Tập các kỹ thuật căn bản.	12	Đọc học liệu số 1 tr.44- 52	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.4. Các lối đấm	10	Đọc học liệu số 1 tr.53- 54	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.5. Các kĩ thuật đá	10	Đọc học liệu số 1 tr.55- 57	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.6. Tập bài quyền số 1 Kiểm tra	6		Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoài khóa	86	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. Chăm chỉ luyện tập ngoài khóa	Thư viện, nhà thi đấu	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 1*, NXB TDTT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 2*, NXB TDTT, Hà Nội. Sách nghiên cứu ngoài thư viện

[3]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 3*, NXB TDTT, Hà Nội. Sách nghiên cứu ngoài thư viện

[4]. Nông Thị Hồng, Lê Quý Phương (2005), *Vệ sinh y học TDTT*, NXB Hà Nội. Sách nghiên cứu trong thư viện

[5]. Lê Văn Xem (2007), *Tâm lý học TDTT*, NXB ĐHSPT. Sách nghiên cứu trong thư viện

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Bài tập	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2		1		4	2	9
2			3		1	5	9
3			3		1	5	9
4			3			6	9
5			3		1	5	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3		1	5	9
9			3			6	9
10			3		1	5	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3		1	5	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
Tổng cộng	2	1	42		10	80	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, tham tập, giáp thi đấu, các đồ dùng tập luyện và thi đấu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Thông qua học phần sinh viên nắm được một số kiến thức cơ bản về nội dung môn học chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa, Có khả năng thực hiện một cách thuần thục các kỹ thuật động tác, Rèn luyện tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu về bộ môn điền kinh, biết được tác dụng của việc luyện tập môn điền kinh đối với sức khỏe mọi người và có thể tự tập nâng cao sức khỏe.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Sinh viên có được sự hiểu biết chung về học phần chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa, tác dụng của việc luyện tập môn điền kinh đối với mọi người và có thể tự tập nâng cao sức khỏe
CDR 2	Nắm chắc những vấn đề cơ bản về lý thuyết của bộ môn, nguyên lý kỹ thuật cũng như lịch sử ra đời của nội dung chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa.
CDR 3	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng thực hiện một cách tương đối thuần thục các kỹ thuật động tác chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa
CDR 5	Nắm được phương pháp làm trọng tài, cách thức, phương pháp tổ chức thi đấu
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Từ những kiến thức đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống để từ đó tự học, tự nghiên cứu, lựa chọn ra những bài tập phù hợp để tập luyện nâng cao sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xã hội đòi hỏi
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CDR 8	Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ		
		CD R 1	CD R 2	CD R 3	Cứng	Mềm	CD R 7	CD R 8	
					CD R 4	CD R 5			CD R 6
Chương 1: Chạy cự ly ngắn	Lý Thuyết								
	1.1. Khái niệm 1.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly ngắn 1.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly ngắn đối với người tập	2	2	1		1	2	2	2
	Giảng dạy ngoài sân bãi								
	1.4. Các bài tập bổ trợ cho chạy cự ly ngắn. 1.5. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 1.6. Kỹ thuật chạy giữa quãng 1.7. Kỹ thuật chạy về đích	2	2	1	2		2	2	2
Chương 2: Chạy cự ly trung bình	Lý Thuyết								
	2.1. Khái niệm chạy cự ly trung bình 2.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly trung bình 2.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly trung bình đối với người tập	2	2	1			2	2	2
	Giảng dạy ngoài sân bãi								
	2.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. 2.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 2.3. Kỹ thuật về đích. 2.4. Một số bài tập bổ trợ, bài tập kỹ thuật, trò chơi phát triển sức bền tốc độ.	2	2	1	2		2	2	2
Chương 3: nhảy xa	Lý Thuyết								
	3.1. Khái niệm nhảy xa 3.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn nhảy xa 3.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng nhảy xa đối với người tập	2	2	1		1	2	2	2
	Giảng dạy ngoài sân bãi								

Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi									
3.1. Kỹ thuật giai đoạn chạy đà									
3.2. Kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy	2	2	1	2		2	2	2	
3.3. Kỹ thuật giai đoạn trên không									
3.4. Kỹ thuật giai đoạn tiếp cát									
Kiểm tra									

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Chạy cự ly ngắn
- Chạy cự ly trung bình
- Nhảy xa

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Chạy cự ly ngắn	15			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm 1.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly ngắn 1.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly ngắn đối với người tập	1			
Luyện tập ngoài sân bãi	1.2. Các bài tập bổ trợ cho chạy cự ly ngắn. 1.3. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 1.4. Kỹ thuật chạy giữa quãng 1.5. Kỹ thuật chạy về đích	14	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nguyên lý kỹ thuật của chạy cự ly ngắn - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly ngắn.	30	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật của chạy cự ly ngắn để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	
	Chương 2: Chạy cự ly trung bình	15			
Lý thuyết	2.1. Khái niệm chạy cự ly trung bình 2.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra	1			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	đòi môn chạy cự ly trung bình 2.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly trung bình đối với người tập				
Luyện tập ngoài sân bãi	2.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. 2.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 2.3. Kỹ thuật về đích. 2.4. Một số bài tập hỗ trợ, bài tập kỹ thuật, trò chơi phát triển sức bền tốc độ.	14	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	' '
Tự học, tự nghiên cứu	- Nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn. - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly trung bình.	30	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật của chạy CLTB để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	
	Chương 3. Nhảy xa	15			
Lý thuyết	3.1. Khái niệm nhảy xa 3.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn nhảy xa 3.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng nhảy xa đối với người tập	1	- Đọc giáo trình điển kinh môn, nhảy xa		
Luyện tập ngoài sân bãi	3. Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi - Kỹ thuật chạy đà - Kỹ thuật giậm nhảy - Kỹ thuật trên không - Kỹ thuật tiếp cát 3.5. Kiểm tra	14	- Đọc giáo trình điển kinh nội dung nhảy xa, tự tập tăng cường sức mạnh của chân.	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nguyên lý kỹ thuật nhảy xa - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly ngắn.	30	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật của nhảy xa để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Kim Minh và cộng sự (2003), *Giáo trình điền kinh*, Nxb Đại học sư phạm.

[2]. Lê Quang Sơn - Nguyễn Đình Thành (2007), *thể dục*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[3]. Trương Anh Tuấn (2007), *Giáo trình thể dục*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Việt Minh - Đậu Bình Hương (2007), *Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[2]. Trần Đồng Lâm - Nguyễn Thế Xuân (1998), *Chạy cự ly ngắn*, Nhà xuất bản giáo dục.

[3]. Bùi Thị Dương - Trần Đình Thuận (1998), *Nhảy xa kiểu ngồi, uốn thân và ba bước* (1998), Nhà xuất bản giáo dục.

[4]. Nguyễn Kim Minh - Nguyễn Thế Xuân (1999), *Chạy tiếp sức, cự ly trung bình, cự ly dài, việt dã* (1999), Nhà xuất bản giáo dục

[5]. Nguyễn Mậu Loan (1997), *Giáo trình lý luận và phương pháp giảng dạy thể dục thể thao*, Nhà xuất bản giáo dục.

[6]. Đặng Đức Thao - Phạm Vĩnh Thông (1999), *Thể dục và phương pháp dạy học*, Nhà xuất bản giáo dục

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3			6	9
9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9

15			3			6	9
Tổng cộng	4	1	40		8	82	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, có đầy đủ bàn ghế xuất phát và dây xích, đệm nhảy cao các dụng cụ khác.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá:

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần A3, trọng số 60%

+ Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 2 (Học phần Tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phùng Quang Phát
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân trào.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0979681560 - Email: phungquagphat@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790 - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2- Bóng đá 2
- Mã học phần: TC2.1.008.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 02
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 28
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh.
 - + Đơn vị : Trung tâm thể dục thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm chắc kiến thức cơ bản về kĩ, chiến thuật môn bóng đá, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng đá.

Thực hiện các động tác kĩ thuật ở mức độ tương đối chính xác thuần thục cơ bản làm cơ sở cho quá trình sau này đi thực tập tại cơ sở.

Tích cực tập luyện và nghiên cứu lý thuyết, tổ chức kỷ luật tốt, tập trung chú ý nghe giảng, có ý thức tập luyện cao, có sự nỗ lực trong tập luyện, có tinh thần giúp đỡ bạn bè.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Hiểu được các kỹ chiến thuật bóng đá cơ bản, qua đó hình thành kỹ năng vận động đảm bảo trong quá trình thực tiễn tập luyện bóng đá.
CĐR 2	Biết được những kiến thức kỹ chiến thuật bóng đá cơ bản được nâng cao về kỹ thuật chuyền bóng bằng lòng di chuyển, kỹ thuật bóng bằng mu trong di chuyển, kỹ thuật đỡ bóng bằng đùi, kỹ thuật đỡ bóng bằng ngực.
CĐR 3	Vận dụng các kỹ chiến thuật bóng đá cơ bản đã được trang bị cho sinh viên trong quá trình học tập tập luyện các kỹ chiến thuật cơ bản trong học phần môn bóng đá.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 4	Biết và thực hiện tốt các kỹ thuật động tác di chuyển nâng cao trong bóng đá. Các bài tập kỹ chiến thuật áp dụng trong tập luyện theo lộ trình hợp lý khoa học.
CĐR 5	Thực hiện tốt kỹ thuật di chuyển không bóng, kỹ thuật có bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng mu trong, má ngoài, mu giữa bàn chân, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật giữ bóng bằng lòng, mu giữa, đùi, ngực.
Kỹ năng mềm	
CĐR 6	Biết cách khắc phục và tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản trong quá trình tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CĐR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Chương 1: Kỹ thuật bóng đá	1.1 Kỹ thuật chuyền bóng bằng lòng di chuyển. 1.2 Kỹ thuật bóng bằng mu trong di chuyển. 1.3 Kỹ thuật đỡ bóng bằng đùi 1.4 Kỹ thuật đỡ bóng bằng ngực	2	2	1	2	2	1	2	1	1
Chương 2: Chiến thuật bóng đá	2.1 Chiến thuật tấn công 2.1.1 Chiến thuật tấn công cá nhân 2.1.2 Chiến thuật tấn công 2 người 2.1.3. Chiến thuật tấn công 3 người 2.1.4. Chiến thuật tấn công nhóm 2.2 Chiến thuật phòng thủ 2.2.1 Chiến thuật phòng thủ cá nhân 2.2.2 Chiến thuật phòng thủ khu vực 2.2.3. Chiến thuật phòng thủ tập thể	2	2	1	2	2	1	2	1	1
Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo và trọng tài bóng đá	3.1 Phương pháp tổ chức thi đấu 3.1.1 Điều lệ thi đấu 3.1.2 Đăng kí thi đấu 3.1.3 Rút thăm 3.1.4 Tính chất thi đấu 3.1.5 Hình thức thi đấu 3.2 Phương pháp chỉ đạo thi đấu 3.2.1 Tầm quan trọng của thi đấu bóng đá 3.2.2 Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu 3.3 Phương pháp tổ chức trọng tài 3.3.1 Nhiệm vụ, nhiệm vụ 3.3.2 Thành phần trọng tài của giải 3.3.3 Quyền hạn và trách nhiệm của các trọng tài	2	2	1	2	2	1	2	1	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

* Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau:

- Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người
- Một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá.
- Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Kĩ thuật bóng đá	10			
Giảng dạy ngoài sân bãi	1.1 Kỹ thuật chuyền bóng bằng lòng di chuyển. 1.2 Kỹ thuật bóng bằng mu trong di chuyển. 1.3 Kỹ thuật đỡ bóng bằng đùi 1.4 Kỹ thuật đỡ bóng bằng ngực	10	Đọc học liệu số[1] [2] chương 1 tr.11-31 Thực hiện tốt các kỹ thuật môn bóng đá	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn tập các kỹ thuật đã học vận dụng vào trong những tình huống của buổi học do giáo viên đưa ra.	20	Thực hiện tốt các kỹ thuật môn bóng đá.	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	
	Chương 2: Chiến thuật bóng đá	18			
Lý thuyết	2.1 Chiến thuật tấn công 2.2 Chiến thuật phòng thủ		Đọc học liệu số[1] [2] chương 2 tr.83-87		
Giảng dạy ngoài sân bãi.	2.1 Chiến thuật tấn công 2.1.1 Chiến thuật tấn công cá nhân 2.1.2 Chiến thuật tấn công 2 người 2.1.3. Chiến thuật tấn công 3 người 2.1.4. Chiến thuật tấn công nhóm 2.2 Chiến thuật phòng thủ 2.2.1 Chiến thuật phòng thủ cá nhân 2.2.2 Chiến thuật phòng thủ khu vực 2.2.3. Chiến thuật phòng thủ tập thể	18		Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên cứu, phân loại các loại		Nắm vững và biết cách sử	Thư viện, sân	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
cứu	chiến thuật trong bóng đá.	36	dụng các loại chiến thuật trong môn bóng đá	bóng đá trường Đại học Tân Trào	
	Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo và trọng tài bóng đá	2			
Lý thuyết	3.1 Phương pháp tổ chức thi đấu 3.1.1 Điều lệ thi đấu 3.1.2 Đăng kí thi đấu 3.1.3 Rút thăm 3.1.4 Tính chất thi đấu 3.1.5 Hình thức thi đấu 3.2 Phương pháp chỉ đạo thi đấu 3.2.1 Tâm quan trọng của thi đấu bóng đá 3.2.2 Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu	2	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	3.3 Phương pháp tổ chức trọng tài 3.3.1 Nhiệm vụ, nhiệm vụ 3.3.2 Thành phần trọng tài của giải 3.3.3 Quyền hạn và trách nhiệm của các trọng tài		Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng đá	Sân bóng đá	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên cứu phương pháp thi đấu, phương pháp chỉ đạo thi đấu, phương pháp trọng tài.	4	Nắm vững các phương pháp để tổ chức được 1 giải bóng đá	Thư viện, sân bóng đá	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp luyện tập, năm 2000, Nhà xuất bản TĐTT.

[2] 2004, Giáo trình bóng đá, Nhà xuất bản ĐHSP, HN.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] 2006, Phương pháp tổ chức và huấn luyện trọng tài Giáo trình bóng đá - Nxb TĐTT.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1			2			4	6
2			2			4	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13	2				4		6
14		1	1			4	6
15			2			4	6
Tổng	2	1	27		4	56	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, điểm ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10% (A1)

- Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (Xemina) điểm thực hành, điểm thảo luận, trọng số 30% (A2)

- Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% (A3)

$$\text{Điểm Học phần} = A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$$

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 3 - Bóng bàn 2 (Học phần Tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân GDTC
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 22 phường tân hà, huyện Yên Sơn Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0962192598 - Email: nguyenhaidhtt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 29 Phường Minh Xuân TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0987941489 - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng bàn 2
- Mã học phần: TC2.1.009.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - +Tự chọn
- + Điều kiện tiên quyết: đã học xong học phần Giáo dục thể chất 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 28 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

3. Mục tiêu của học phần

- Hiểu kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng bàn.

- Thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng bàn, biết cách tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng bàn.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được các kỹ chiến môn bóng bàn, qua đó hình thành kỹ năng vận động đảm bảo trong quá trình học tập cũng như thi đấu.
CDR 2	Biết được những kiến thức kỹ chiến thuật bóng bàn, được nâng cao về kỹ thuật Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật phát bóng.
CDR 3	Vận dụng các kỹ chiến thuật bóng bàn cơ bản đã được trang bị cho sinh viên trong quá trình học tập, tập luyện các kỹ chiến thuật cơ bản trong học phần môn bóng bàn đạt kết quả cao.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Biết và thực hiện tốt các kỹ thuật động tác nâng cao trong bóng bàn. Các bài tập kỹ chiến thuật áp dụng trong tập luyện theo lộ trình hợp lý, khoa học và mang tính thực tế.
CDR 5	Thực hiện tốt kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật phát bóng.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Biết được một số các phương pháp tập luyện và tự sửa chữa những sai lầm thường mắc trong tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	CĐ R6	C Đ R 7	C Đ R 8	CĐ R9
Chương 1: Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn	1.1. Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn 1.2. Luật bóng bàn.	2	2	1	2	2	1	2	1	1
Chương 2: Kỹ thuật môn bóng bàn	2.1. Kỹ thuật vạt nhanh thuận tay 2.2. Kỹ thuật vạt nhanh trái tay 2.3. Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay 2.4. Kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay 2.5. Kỹ thuật Kiểm tra	2	2	1	2	2	1	2	1	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn
- Kỹ thuật vạt nhanh thuận tay
- Kỹ thuật vạt nhanh trái
- Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay
- Kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay
- Kỹ thuật phát bóng

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn	2			
Lý thuyết	1.1. Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn 1.2. Luật bóng bàn.	2	Đọc học liệu số 1 chương IV; học liệu số 2 chương V.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Lớp học	
	Chương 2: Kỹ thuật môn bóng bàn	28			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Giảng dạy ngoài sân bãi	2.1. Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay	2	Đọc học liệu số 1,2,3,4.	Nhà thi đấu	
	2.2. Kỹ thuật vụt nhanh trái tay	2			
	2.3. Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay	6			
	2.4. Kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay	11			
	2.5. Kỹ thuật giao bóng	4			
	2.6. Kỹ thuật đỡ giao bóng, Kiểm tra	3			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa.	56	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa	Thư viện, nhà thi đấu.	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Vũ Thành Sơn – Nguyễn Danh Hoàng Việt (2004), Giáo trình Bóng Bàn, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Trương Tuệ Lâm – Tô Khâm (2001), Huấn luyện kỹ chiến thuật bóng bàn hiện đại, Nhà xuất bản thể dục thể thao.

[2]. Nguyễn Văn Phúc (2012), *Các bài tập thể lực trong Điền Kinh*, NXB TĐTT.

[3] Đồng Văn Triệu (2015), *GT Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao*, NXB TĐTT.

[4] Vũ Chung Thủy (2014), *GT Vệ sinh Thể dục thể thao*, NXB TĐTT.

[5] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				4		6
2			2		1	3	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2		1	3	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2		1	4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2		1	3	6
13			2			4	6
14		1	1			4	6
15			2		1	3	6
Tổng	2	1	27		9	51	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 05 bàn bóng bàn.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 3-Bóng chuyền2(Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0987941489 - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790 - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Bóng chuyền
- Mã học phần: TC2.1.010.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp:
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 30 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

+ Trung tâm: Thể dục thể thao.

3. Mục tiêu chung của học phần

Nắm vững kỹ thuật môn bóng chuyên, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.

Thực hiện tốt các kỹ thuật động tác môn bóng chuyên. Biết tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu, và làm trọng tài môn bóng chuyên

Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được nguyên lý cơ bản của kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng và những kiến thức về phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.
CDR 2	Nắm vững nguyên lý kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng và những kiến thức về phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện, biết cách tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu.
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng, biết cách điều hành 1 trận thi đấu bóng chuyên.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện và xử lý tình huống trong trận thi đấu bóng chuyên.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR6	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 7	Có khả năng tự học và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và tự nghiên cứu.

5. Ma trận kiến thức học phần và chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyên	2.1 Kỹ thuật chuyên bóng cao tay	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.	2	2	2	2	2	2	2

	2.3. Kỹ thuật phát bóng	2	2	2	2	2	2	2
	2.4. Kỹ thuật đập bóng	2	2	2	2	2	2	2
	2.5. Kỹ thuật chắn bóng	1	2	2	1	2	2	2
Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên	1. Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên.	1	2	2	2	1	2	2
	2. Phương pháp tổ chức thi đấu	1	2	2	2	1	2	2
	3. Điều lệ thi đấu	2	2	2	2	1	2	2
	4. Đăng kí thi đấu	2	2	2	2	1	2	2
	5. Rút thăm	1	2	2	1	2	2	2
	6. Tính chất thi đấu	2	2	2	1	2	2	2
	7. Hình thức thi đấu	2	2	2	1	2	2	2
	8. Phương pháp chỉ đạo thi đấu	1	2	2	2	1	2	2
	9. Tầm quan trọng của thi đấu bóng chuyên	2	2	2	2	2	2	2
	10. Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu	1	2	2	1	2	2	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp

1 - Có đóng góp

2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyên.
- Chiến thuật thi đấu môn bóng chuyên.
- Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyên	20			
Giảng dạy ngoài sân bãi	1. Kỹ thuật môn bóng chuyên. 2. Kỹ thuật chuyên bóng cao tay 3. Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay. 4. Kỹ thuật phát bóng 5. Kỹ thuật đập bóng 6. Kỹ thuật chắn bóng	20	Học học liệu số [1]: chương 2 (mục 2.1 – 2.5)	Sân bóng chuyên trường ĐH Tân Trào..	
Tự học, tự nghiên cứu	- Kỹ thuật môn bóng chuyên. - Kỹ thuật chuyên bóng cao tay - Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.	40	Học học liệu số [1]: chương 2 (mục 2.1 – 2.5)	Sân bóng chuyên	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật phát bóng - Kỹ thuật đập bóng - Kỹ thuật chắn bóng. 		Thực hiện tốt các kỹ thuật môn bóng chuyên.	trường ĐH Tân Trào.	
	Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên	10			
Giảng dạy ngoài sân bãi	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên. 2. Phương pháp tổ chức thi đấu 3. Điều lệ thi đấu 4. Đăng kí thi đấu 5. Rút thăm 6. Tính chất thi đấu 7. Hình thức thi đấu 8. Phương pháp chỉ đạo thi đấu 9. Tầm quan trọng của thi đấu bóng chuyên 10. Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu 	10	Học học liệu số [1]: Chương 3 (các mục 3.1-3.2)	Giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên. - Phương pháp tổ chức thi đấu - Điều lệ thi đấu - Đăng kí thi đấu - Rút thăm - Tính chất thi đấu - Hình thức thi đấu - Phương pháp chỉ đạo thi đấu - Tầm quan trọng của thi đấu bóng chuyên - Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu 	20	Học học liệu số [1]: Chương 4 (các mục 3.1-3.2) Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng chuyên		

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Viết Minh – Hồ Đắc Sơn (2010) *Giáo trình bóng chuyên*, Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm, nơi xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đồng Văn Triệu - Trương Anh Tuấn (2015) *Giáo trình lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

[2] Nguyễn Văn Phúc - Nguyễn Đại Dương - Đàm Trung Kiên (2012) *Các bài tập thể lực trong Điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

[3] Đặng Đức Thao - Phạm Vĩnh Thông (1999), *Thể dục và phương pháp dạy học*, Nhà xuất bản giáo dục.

[4] Vũ Đào Hùng - Nguyễn Mậu Loan (1998), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nhà xuất bản giáo dục

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1			2			4	6
2			2			4	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13		1	1			4	6
14			2			4	6
15			2			4	6
Tổng		1	29			60	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
 - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
 - + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 3-Cầu lông 2(Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ giáo dục thể chất
- Thời gian địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TDDT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân Trào.
- Số điện thoại: 0972 162 530 - Email: thanh.aytz@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ giáo dục thể chất
- Thời gian địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TDDT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân Trào.
- Số điện thoại: 0915 475 878 - Email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 3- cầu lông 2
- Mã học phần: TC2.1.011.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn.
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần giáo dục thể chất 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 28 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh
 - + Trung tâm: Thể dục Thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu lông, những kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật động tác. Nắm được các bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Sinh viên nắm được những kiến thức về nguyên lý kỹ thuật động tác của môn cầu lông, cách thức thực hiện các kỹ thuật của môn cầu lông
CDR 2	Sinh viên nắm được cách thức thực hiện kỹ thuật phong cầu và kỹ thuật đập cầu của môn cầu lông, và nắm được các bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Thực hiện được tốt các kỹ thuật cơ bản của cầu lông, biết cách tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật đập cầu và phong cầu trong cầu lông. biết cách điều hành 1 trận thi đấu cầu lông.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Áp dụng các kỹ thuật đã học để tự tập luyện ngoại khóa và thi đấu, biết cách tổ chức một trận thi đấu cầu lông và xử lý tình huống trong trận thi đấu cầu lông.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR6	Sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong tập luyện, có động cơ học tập đúng đắn.
CDR 7	Có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập, có khả năng tự học và học theo nhóm.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7
1. Chương 1	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông	2	2	2	2	2	2	1
2. Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông	Kỹ thuật phong cầu	2	2	2	2	2	2	2
	Kỹ thuật đập cầu	2	2	2	2	2	2	1

	Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu cầu lông	2	2	2	2	2	1	2
--	--	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: 0 - Không đóng góp 1 - Có đóng góp 2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.
- Kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu (phông cầu).
- Kỹ thuật đập cầu.
- Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu đơn, đôi môn cầu lông.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	Chương 1: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và luật cầu lông.	2			
Lý thuyết	1.1. Phương pháp tổ chức thi đấu cầu lông 1.2. Phương pháp trọng tài cầu lông. 1.3. Luật cầu lông.	2	Đọc học liệu số 1 chương 1 tr.41-74, học liệu 4	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Nắm vững lý thuyết.	Thư viện	
	Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông.	28			
Giảng dạy ngoài sân bãi	2.1. Kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu (phông cầu)	8	Đọc học liệu số 1 tr.109	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Kỹ thuật đập cầu.	18	Đọc học liệu số 1 tr.150, học liệu số 2 tr.82	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu đơn, đôi môn cầu lông	2	Đọc học liệu số 1 tr.160	Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa	56	Nắm vững các kỹ thuật và thực hiện tốt kỹ thuật	Thư viện, nhà thi đấu	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Văn Vinh (2004), *Giáo trình cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] TS. Nguyễn Văn Đức – Giáo trình cầu lông – NXB TDTT 2015.

[3] Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật cầu lông*,

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				2	2	6
2			2		2	2	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2		1	3	6
10			2		1	3	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13			2		1	3	6
14			2			4	6
15		1	1			4	6
Tổng	2	1	27		7	53	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 04 sân cầu lông.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

- + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
- + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 3-Võ thuật 2(Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Minh Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Trung tâm TDDT,
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại:0344166759; email: tranminhhangcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915475878; email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật 2
- Mã học phần: TC2.1.012.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
 - + Luyện tập sân bãi: 28 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

3. Mục tiêu học phần

Sinh viên có hiểu biết chung về nguyên lý kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn võ Vovinam - Việt võ đạo

Sinh viên có khả năng thực hiện các động tác kỹ thuật chính xác, thực hành soạn giáo án và tiến hành giảng dạy võ thuật cho học sinh Tiểu học và THCS, tổ chức thi đấu trọng tài trong quá trình tập luyện.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được nguyên lý cơ bản của kỹ thuật phản đòn trình độ 1. Thực hiện được các bài tập chiến thuật cơ bản và những kiến thức về kỹ thuật phản đòn.
CDR 2	Nắm vững các thế chiến lược từ 1-10, thực hiện được một số đòn tháo gỡ trình độ 1 trong môn võ VoViNam.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Biết phân tích nguyên lý các kỹ thuật căn bản để áp dụng vào tập luyện, Thực hiện một số bài tập chiến thuật cơ bản trong môn võ VoViNam
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật phản đòn trình độ 1, các thế chiến lược, các đòn tháo gỡ trong môn võ VoViNam.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện môn võ VoViNam.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR6	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 7	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
			Cứng			Mềm					
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	
Chương 1: Lý thuyết	1.1. Nguyên lý chiến, phương pháp giảng dạy.	2	2	1	2	2	2	2	2	2	
Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam	2.1. Kỹ thuật phản đòn căn bản trình độ 1.	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	2.2. Đòn chân tấn công từ số 1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	

	đến số 6.									
	2.3. Kỹ thuật khoá đỡ.	2	2	2	2	2	1	1	2	1
	2.4. Các thế chiến lược tấn công.	2	2	2	2	2	2	1	2	1
	2.5. Tập bài quyền số 2	2	2	2	2	2	1	1	2	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về

- Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vôvĩnam
- Kỹ thuật môn võ VoViNam

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1: Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, Luật thi đấu môn võ VoViNam.	2			
Lý thuyết	1.1. Nguyên lý chiến, phương pháp giảng dạy. 1.2. Luật môn võ VoViNam.	2	Đọc học liệu số 1 chương IV tr.88-101; học liệu số 2 chương V tr.65-76.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
	Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam.	28			
Luyện tập ngoài sân bãi	2.1. Kỹ thuật phản đòn căn bản trình độ 1.	4	Đọc học liệu số 1 tr.58	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Đòn chân tấn công từ số 1 đến số 6.	4	Đọc học liệu số 1 tr.74	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Kỹ thuật khoá đỡ.	4	Đọc học liệu số 1 tr.80	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.4. Các thế chiến lược tấn công.	8	Đọc học liệu số 1 tr.100	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.5. Tập bài quyền số 2.	8	Đọc học liệu số 1 tr.54	Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa	56	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa	Thư viện, nhà thi đấu	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 1*, NXB TDTT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 2*, NXB TDTT, Hà Nội. Sách nghiên cứu ngoài thư viện

[3]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 3*, NXB TDTT, Hà Nội. Sách nghiên cứu ngoài thư viện

[4]. Nông Thị Hồng, Lê Quý Phương (2005), *Vệ sinh y học TDTT*, NXB Hà Nội. Sách nghiên cứu trong thư viện

[5]. Lê Văn Xem (2007), *Tâm lý học TDTT*, NXB ĐHSP. Sách nghiên cứu trong thư viện

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Bài tập	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				4		6
2			2		1	3	6
3			2			4	6
4			2		1	3	6
5			2			4	6
6			2		1	3	6
7			2			4	6
8			2		1	3	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2		1	3	6
13			2			4	6
14		1	1		1	3	6
15			2			4	6
Tổng cộng	2	1	27		10	50	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, thảm tập, các dụng cụ tập luyện và thi đấu, giáp thi đấu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ hoặc bài tập học phần: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 2 (Học phần tự chọn)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lý Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Thể dục thể thao
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0985286779 - Email: Lyvanthanh.cdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Thể dục thể thao
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0983.844.790 - Email: trananhdungtdq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)
- Mã học phần: TC 2.1.013.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - + Tự chọn.
 - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 28 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng-An ninh

+ Trung tâm : Thể dục thể thao

3. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản và nâng cao về môn học nhảy xa, nhảy cao đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để phát triển các tố chất thể lực và nâng cao năng lực vận động. Có thể tự nghiên cứu và làm việc theo yêu cầu xã hội đòi hỏi. Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao về môn học nhảy xa, nhảy cao, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
CDR 2	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để phát triển các tố chất thể lực và nâng cao năng lực vận động. Nắm chắc một số kiến thức về luật, phương pháp làm trọng tài và tổ chức thi đấu, có thể tự nghiên cứu và làm việc theo yêu cầu xã hội đòi hỏi.
CDR 3	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng thực hiện một cách thuần thục các kỹ thuật động tác , nhảy cao và nhảy xa
CDR 5	Có khả năng làm trọng tài và nắm chắc được cách thức tổ chức thi đấu
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Từ những kiến thức đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống để từ đó lựa chọn ra những bài tập phù hợp để tập luyện nâng cao sức khỏe, Có thể tự nghiên cứu và làm việc theo yêu cầu xã hội đòi hỏi.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CDR 8	Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng		Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
	Lý thuyết								
Chương 1: Nhảy cao	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	2	2			2	1	2	2
	Giảng dạy ngoài sân bãi								
	1. Kỹ thuật động tác Nhảy cao úp bụng: 1.1. Các bài tập bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực 1.2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. 1.3. Dạy kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy đá lăng. 1.4. Dạy kỹ thuật qua xà và tiếp đất Nhảy cao “kiểu úp bụng”. 1.5. Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy cao “kiểu úp bụng” 1.6. Kiểm tra	2	1	1	2	1	1	2	2
Chương 2: Nhảy xa	Lý thuyết								
	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	2	2			2	1	2	2
	Giảng dạy ngoài sân bãi								

	<p>2. Kỹ thuật động tác nhảy xa kiểu uốn thân.</p> <p>2.1 Dạy kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ trên không.</p> <p>2.2. Dạy kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy bước bộ trên không.</p> <p>2.3. Dạy kỹ thuật trên không và tiếp đất trong nhảy xa “kiểu uốn thân”.</p> <p>2.4 Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy xa “kiểu uốn thân”.</p> <p>2.5 Tập luyện nâng cao thành tích nhảy xa.</p> <p>2.6. Kiểm tra</p>	2	1	1	2	1	1	2	2
--	---	---	---	---	---	---	---	---	---

6. Tóm tắt nội dung học phần

Nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa, các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa và một số điểm trong luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa, qua đó đảm bảo được công tác chuyên môn sau khi các em ra trường

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1. Nhảy cao	15			
Lý thuyết	<p>1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao</p> <p>2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao</p>	1	Đọc giáo trình Điền kinh trang 205 - trang 242	Thư viện và ở nhà	
Giảng dạy ngoài sân bãi	<p>1. Kỹ thuật động tác Nhảy cao úp bụng:</p> <p>1.1. Các bài tập bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực</p> <p>1.2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.</p> <p>1.3. Dạy kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy đá lăng.</p> <p>1.4. Dạy kỹ thuật qua xà và tiếp đất Nhảy cao “kiểu úp bụng”.</p>	14	Thực hiện các bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên, sinh viên tập luyện tự giác và tích cực.	Ngoài sân bãi	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.5. Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy cao “kiểu úp bụng” 1.6. Kiểm tra				
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên lý kỹ thuật và phương pháp trọng tài nhảy cao. Tập luyện ngoại khóa thường xuyên	30	Đọc giáo trình Điền kinh trang 205 - trang 242	Thư viện và ở nhà	
	Chương 2. Nhảy xa	15	Đọc giáo trình Điền kinh trang 166 - trang 205	Thư viện	
Lý thuyết	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	1			
Giảng dạy ngoài sân bãi	2. Kỹ thuật động tác nhảy xa kiểu uốn thân. 2.1 Dạy kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ trên không. 2.2. Dạy kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy bước bộ trên không. 2.3. Dạy kỹ thuật trên không và tiếp đất trong nhảy xa “kiểu uốn thân”. 2.4 Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy xa “kiểu uốn thân”. 2.5 Tập luyện nâng cao thành tích nhảy xa. 2.6. Kiểm tra	14	Thực hiện các bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên. Tập luyện tự giác và tích cực	Ngoài sân bãi	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên lý kỹ thuật, luật thi đấu và trọng tài nhảy xa. Tập luyện ngoại khóa thường xuyên.	30	Đọc giáo trình Điền kinh trang 166 - trang 205	Thư viện và ở nhà	

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

- [1]. Nguyễn Kim Minh và cộng sự (2003), *Giáo trình điền kinh*, Nxb Đại học sư phạm.
- [2]. Lê Quang Sơn - Nguyễn Đình Thành (2007), *thể dục*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
- [3]. Trương Anh Tuấn (2007), *Giáo trình thể dục*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm

8.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Việt Minh - Đậu Bình Hương (2007), *Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[2]. Trần Đồng Lâm - Nguyễn Thế Xuân (1998), *Chạy cự ly ngắn*, Nhà xuất bản giáo dục.

[3]. Bùi Thị Dương - Trần Đình Thuận (1998), *Nhảy xa kiểu ngồi, uốn thân và ba bước* (1998), Nhà xuất bản giáo dục.

[4]. Nguyễn Kim Minh - Nguyễn Thế Xuân (1999), *Chạy tiếp sức, cự ly trung bình, cự ly dài, việt dã* (1999), Nhà xuất bản giáo dục

[5]. Nguyễn Mậu Loan (1997), *Giáo trình lý luận và phương pháp giảng dạy thể dục thể thao*, Nhà xuất bản giáo dục.

[6]. Đặng Đức Thao - Phạm Vĩnh Thông (1999), *Thể dục và phương pháp dạy học*, Nhà xuất bản giáo dục

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2			2			4	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13			2			4	6
14		1	1			4	6
15			2			4	6
Tổng	2	1	27		4	56	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, dụng cụ đầy đủ.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tập luyện tự giác, tích cực, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
 - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
 - + Thi kết thúc học phần A3, trọng số 60%
 - + Điểm học phần: ĐHP = $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục quốc phòng – An ninh1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: tổ 19 phường Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0973333458 - Email: phamquyen1985@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 29 Phường Minh Xuân, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0987941489 - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đường lối quân sự của Đảng
- Mã học phần: TC2.1.014.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất , Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
 - + Trung tâm: Thể dục thể thao.

3. Mục tiêu của học phần

Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-LêNin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
CDR 2	Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam vào công việc học tập và thực tiễn.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Có khả năng nhận thức và đánh giá được quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc;
CDR 4	Có kỹ năng phát hiện, phân tích vấn đề kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam Trên cơ sở đó vận dụng vào học tập và thực tiễn
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm, nắm vững các nội dung đường lối quân sự của Đảng vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 6	Có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối quân sự xây dựng của Đảng.

CDR 7	Luôn xác định động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
		Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
CĐ Đ R 1	C Đ R 2			Cứng		Mềm CĐ R5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	
		C Đ R 3	C Đ R 4							
ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG	KIẾN THỨC									
	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2	2	2	2	1	2	2	1	
	Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	2	2	2	2	1	2	2	1	
	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.	2	2	2	2	1	2	2	1	
	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	2	2	2	1	2	2	1	
	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.	2	2	2	2	1	2	2	1	
	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.	2	2	2	2	1	2	2	1	
	Nghệ thuật quân sự Việt Nam.	2	2	2	2	1	2	2	1	

0 - Không đóng góp

1 - Có đóng góp

2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học
- Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.
- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.
- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh.
- Nghệ thuật quân sự Việt Na

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2			
Lý thuyết	1. Đặc điểm môn học 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học	2	Học học liệu số [1] Bài 1.	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	4	Học học liệu số [1] Bài 1. Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao về nhà, đặt ra các câu hỏi cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 2: Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	6			
Lý thuyết	1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. 2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.	6	Học học liệu số [1] Bài 2.	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	12	Học học liệu số [1] Bài 2. Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi của giáo viên về chiến tranh và quân đội trong các nước xã hội chủ nghĩa.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân	6			
Lý thuyết	1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. 2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững	6	Học học liệu số [1] Bài 3	Giảng đường trường.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.</p>				
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	12	<p>Học học liệu số [1]</p> <p>Bài 3</p> <p>Tìm hiểu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đưa ra các câu hỏi cần giải đáp trong bài học.</p>	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	6			
Lý thuyết	<p>1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p>	6	<p>Học học liệu số [1]</p> <p>Bài 4</p>	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	12	<p>Học học liệu số [1]</p> <p>Bài 4</p> <p>Tìm hiểu về các cuộc chiến tranh của cha ông. Đưa ra các câu hỏi.</p>	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.	8			
Lý thuyết	<p>1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.</p> <p>2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới.</p> <p>3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>	8	<p>Học học liệu số [1]</p> <p>Bài 5</p>	Giảng đường.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	16	Học học liệu số [1] Bài 5 Tìm hiểu về đặc điểm của lực lượng vũ trang nhân dân. So sánh sự khác nhau của các lực lượng.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.	9			
Lý thuyết	1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh ở Việt Nam. 2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay. 3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh ở nước ta hiện nay.	9	Học học liệu số [1] Bài 6	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	18	Học học liệu số [1] Bài 6 Đưa ra những ví dụ về việc phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh hiện nay.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 7: Nghệ thuật quân sự Việt Nam	8			
Lý thuyết	1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta. 2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. 3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.	8	Học học liệu số [1] Bài 7	Giảng đường.	
Tự học tự	Đọc các phần kiến thức trước	16	Học học liệu số [1] Bài	Thư viện,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	khi nghe giảng.		7 Đưa ra đặc điểm về nghệ thuật trong các trận đánh của cuộc chiến tranh Việt Nam.	ở nhà, tại giảng.	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đào Huy Hiệp và cộng sự (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục

2. Nguyễn Tiến Hải và cộng sự (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Ban CHQS Đại học Tân trào (2017), *Tình hình kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương* (Bài giảng chính trị HL DQTV)

2. Phạm Văn Sinh cùng cộng sự (2009), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin*, NXB Chính trị quốc gia.

3. Phạm Ngọc Anh (2009), *GT Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia.

4. Đinh Xuân Lý cùng cộng sự (2013), *GT Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.

5. Ban CHQS Đại học Tân Trào (2017), *Đường lối, quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay*. (Bài giảng chính trị HL DQTV)

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	3				6		9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	3				6		9
8	3				6		9
9	3				6		9
10	3				6		9
11	3				6		9
12	3				6		9
13	3				6		9
14	3				6		9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
15	3	1			6		10
Tổng	45	1			90		136

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Tự luận
- Phương pháp đánh giá
 - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
 - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
 - + Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giáo dục quốc phòng – An ninh2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 29 Phường Minh Xuân ,TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0987941489 - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Phạm Thị Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: tổ 19 phường Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0973333458 - Email: phamquyen1985@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Công tác quốc phòng, an ninh
- Mã học phần: TC2.1.015.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh.

+ Trung tâm : Thể dục thể thao.

3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.

Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.

Xây dựng được niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh, vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.
CDR 2	Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Có khả năng nhận thức về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong giai đoạn hiện nay.
CDR 4	Có kỹ năng phát hiện, phân tích được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Xây dựng được niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh, vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 6	Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu

	nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		CDR 1	CDR 2	Cứng		Mềm	CDR 6	CDR7	CDR8
				CDR 3	CDR 4	CDR 5			
Công tác quốc phòng, an ninh	Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.	2	2	2	1	2	2	2	2
	Phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao.	2	2	2	1	2	2	2	2
	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và đội ngũ công nhân viên công nghiệp quốc phòng.	2	2	2	1	2	2	2	2
	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	2	2	2	1	2	2	2	2
	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN	2	2	2	1	2	2	2	2
	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	2	2	2	1	2	2	2	2
	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.	2	2	2	1	2	2	2	2
	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	2	2	2	1	2	2	2	2

5. Ma trận kiến thức học phần và chuẩn đầu ra học phần.

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau:

- Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.
- Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.
- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.
- Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.
- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.
- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 8: Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.	5			
Lý thuyết	1. Chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội. 2. Chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. 3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ. 4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "DBHB", BLLĐ ở Việt Nam hiện nay.	5	Học học liệu số [1] Bài 8	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	-Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.	10	Học học liệu số [1] Bài 8 Tìm hiểu bản chất "DBHB" BLLĐ	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 9: Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.	4			

Lý thuyết	1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh. 2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	4	Học học liệu số [1] Bài 9	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	8	Học học liệu số [1] Bài 8 Tìm hiểu đặc điểm bản chất vũ khí công nghệ cao.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 10: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.	5			
Lý thuyết	1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 3. Động viên công nghiệp quốc phòng	5	Học học liệu số [1] Bài 10	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	10	Học học liệu số [1] Bài 10 Tìm hiểu về lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV, đặt các câu hỏi về nhiệm vụ của lực lượng này.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 11: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	4			
Lý thuyết	1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. 2. Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.	4	Học học liệu số [1] Bài 11	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	8	Học học liệu số [1] Bài 11 Tìm hiểu về các khái niệm, đặc điểm lãnh thổ quốc gia, biên giới quốc gia.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 12: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.	3			

Lý thuyết	1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc. 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo 3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	3	Học học liệu số [1] Bài 12	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.	6	Học học liệu số [1] Bài 12 Tìm hiểu về đặc điểm các dân tộc, các tôn giáo	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 13: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	3			
Lý thuyết	1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội 3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới. 4. Một số quan điểm của Đảng và nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.	3	Học học liệu số [1] Bài 13 Tìm hiểu về những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	6	Học học liệu số [1] Bài 13 Tìm hiểu về những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	Bài 14: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.	3			
Lý thuyết	1. Những vấn đề cơ bản phòng chống tội phạm 2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội.	3	Học học liệu số [1] Bài 14	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.	6	Học học liệu số [1] Bài 14 Tìm hiểu về đặc điểm của 1 số loại tội phạm và tệ nạn xã hội.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	

	Bài 15: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	3			
Lý thuyết	1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.	3	Học học liệu số [1] Bài 15	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	6	Học học liệu số [1] Bài 15 Tìm hiểu những nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Liên hệ với trách nhiệm của sinh viên.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

- Đào Huy Hiệp và cộng sự (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục
- Nguyễn Tiến Hải và cộng sự (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

- Ban CHQS Đại học Tân Trào (2017), *Tình hình kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương* (Bài giảng chính trị HL DQTV)
- Phạm Văn Sinh cùng cộng sự (2009), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, NXB Chính trị quốc gia.
- Phạm Ngọc Anh (2009), *GT Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia.
- Đình Xuân Lý cùng cộng sự (2013), *GT Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
- Ban CHQS Đại học Tân Trào (2017), *Đường lối, quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay*. (Bài giảng chính trị HL DQTV)

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	

1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	2				4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14	2				4		6
15	2	1			4		7
Tổng	30	1	0		60		91

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra tự luận

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục quốc phòng – An ninh 3

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lý Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0985286779 - Email: lyvanthanh.cdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Phạm Thị Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0973333458 - Email: phamquyen1985@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.
- Mã học phần: TC2.1.016.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
 - + Giảng dạy ngoài sân bãi : 28 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
 - + Trung tâm : Thể dục thể thao.

3. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương. Nắm vững và thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.
CDR 2	Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.
CDR 3	Từ những kiến thức, kỹ năng đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống, học được tính tự giác, kỷ luật trong quân đội, sẵn sàng tham gia nhập ngũ bảo vệ tổ quốc.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Hiểu biết một số kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu; biết vận dụng các kỹ năng quân sự trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng
CDR 5	Nắm vững và sử dụng thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng thích ứng với môi trường quân đội và làm việc độc lập
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CDR 8	xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Học phần	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng		Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	Đội ngũ đơn vị và 3 môn quan sự phối hợp	2	2	1	2		2	2	2
	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	2	2	1	2		2	2	2
	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	2	2	1	2	2	2	2	2
	Thuốc nổ	2	2	1	2		2	2	2
	Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	2	2	1	2		2	2	2
	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	2	2	1	2		2	2	2
	Tùng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự	2	2	1	2		2	2	2
	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2	2	1	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

- Đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp
- Sử dụng bản đồ địa hình quân sự
- Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
- Thuốc nổ
- Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn
- Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh
- Tùng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự
- Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 1: Đội ngũ đơn vị và 3 môn	5			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	quan sự phối hợp.				
Giảng dạy ngoài sân bãi	1. Đội ngũ đơn vị 1.1 Đội hình tiểu đội 1.2 Đội hình trung đội 1.3 Đối hướng đội hình 2. Ba môn quân sự phối hợp. 2.1 Đặc điểm và điều kiện thi đấu. 2.2 Quy tắc thi đấu 2.3 Các tính thành tích	5	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	10	Đọc học liệu số 2 bài 1 và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 2. Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	4			
Lý thuyết	1. Khái niệm ý nghĩa 2. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình 3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình 4. Cách chia mảnh, ghi số liệu bản đồ. 5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	Thực hành sử dụng bản đồ quân sự.	2		Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Đọc học liệu số 2 bài 2 và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 3: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	5			
Lý thuyết	1. Súng tiểu liên AK 2. Súng trường CKC 3. Súng diệt tăng B40, B41 4. Súng trung liên RPD	3	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng	Hướng dẫn tháo lắp một số loại vũ	2	Học học liệu số	Sân vận	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
dạy ngoài sân bãi	khí bộ binh		2	động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	10	Đọc học liệu số 2 bài 3 và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 4: Thuốc nổ	3			
Lý thuyết	1. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ. 2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu. 3. Ứng dụng thuốc nổ trong sản xuất.	3	Học học liệu số [2]	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Trả lời các câu hỏi giáo viên giao về nhà, cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 5: Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	3			
Lý thuyết	1. Vũ khí hạt nhân 2. Vũ khí hóa học 3. Vũ khí sinh học 4. Vũ khí lửa	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	Thực hành phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	1	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Đọc học liệu số 2 bài 5 cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 6: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	4			
Lý thuyết	1. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó chuyển thương. 2. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng	Thực hành băng bó, cấp cứu ban đầu	2	Học học liệu số	Sân vận	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
dạy ngoài sân bãi	vết thương chiến tranh		2	động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Trả lời các câu hỏi giáo viên giao về nhà, cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 7: Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự	6			
Lý thuyết	1. Từng người trong chiến đấu tiến công 2. Từng người trong chiến đấu phòng ngự	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	Thực hành từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự	4	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	12	Đọc học liệu số 2 bài 7 cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	Bài 8: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	15			
Lý thuyết	1. Ngắm bắn 2. Ngắm trúng và ngắm chụm. 3. Kỹ thuật động tác nắm bắn súng tiểu liên AK	3	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	1. Thực hành động tác nắm bắn súng tiểu liên AK 2. Tập ngắm bắn 3. Tập bắn trúng, bắn chụm 4. Tập bắn mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK	12	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	30	Đọc học liệu số 2 bài 8 cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đào Huy Hiệp và cộng sự (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục

2. Nguyễn Tiến Hải và cộng sự (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Ban CHQS Đại học Tân trào (2017), *Tình hình kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương* (Bài giảng chính trị HL DQTV)

2. Phạm Văn Sinh cùng cộng sự (2009), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin*, NXB Chính trị quốc gia.

3. Phạm Ngọc Anh (2009), *GT Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia.

4. Đinh Xuân Lý cùng cộng sự (2013), *GT Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.

5. Ban CHQS Đại học Tân Trào (2017), *Đường lối, quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay*. (Bài giảng chính trị HL DQTV)

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1			3		6		9
2	1		2		6		9
3	1		2		6		9
4	3				6		9
5	1		2		6		9
6	3				6		9
7	2		1		6		9
8	1		2		6		9
9	2		1		6		9
10			3		6		9
11	3				6		9
12			3		6		9
13			3		6		9
14			3		6		9
15		1	2		6		9
Tổng	17	1	28		90		136

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN Tin học đại cương

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Khánh Trinh.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TH-NN.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 2 nhà B Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0978.090.017; Email: trinhvtk.dhtt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học máy tính.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Thị Hồng Dung.
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng khoa Tự nhiên - KTCN.
- Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Tự nhiên - KTCN, trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0949.198.118; Email: tranhongdungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: An toàn bảo mật thông tin.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tin học đại cương.
- Mã học phần: TN2.1.501.2.
- Số tín chỉ: 02.
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: không.
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15
 - + Bài tập trên lớp và kiểm tra: 15
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60.
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Tin học.
 - + Khoa: Tự nhiên - KTCN

3. Mục tiêu chung

Người học nắm được các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu, Internet, hệ điều hành, ...; khai thác một số phần mềm ứng dụng như: soạn thảo văn bản,

tính toán trên bảng tính, trình chiếu hội thảo khoa học. Vận dụng kiến thức để truy cập Internet để tìm kiếm thông tin, trao đổi email, ... Biết sử dụng hệ điều hành, soạn thảo văn bản nói chung và biết ứng dụng trong công việc, tính toán thành thạo trên bảng tính, trình chiếu báo cáo khoa học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu, Internet, hệ điều hành, phần mềm, giải thuật, hệ đếm nhị phân và các phép toán Logic, hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan ...;
CĐR 2	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các thao tác cơ bản (đối với tệp), các chức năng cơ bản (định dạng, sao chép, di chuyển, chèn các đối tượng vào văn bản, các thao tác trên bảng, ...) và các chức năng nâng cao (trộn thư, siêu liên kết) của phần mềm soạn thảo văn bản MS Word. - Nắm được các thao tác cơ bản (đối với tệp), các kiểu dữ liệu trong Excel, cách định dạng dữ liệu, cách sử dụng các hàm đơn giản (Sum, Max, Min, Average, ..) và các hàm Logic (If, And, Or, Not), Hàm tìm kiếm (Hlookup, Vlookup), các tạo và hiệu chỉnh biểu đồ trong Excel. - Nắm được các thao tác cơ bản trên PowerPoint, cách thiết kế trang trình diễn, cách tạo hiệu ứng (cho đối tượng, hiệu ứng chuyển tiếp Slide) và trình chiếu tranh trình diễn.
CĐR 3	Vận dụng các kiến thức đã học để soạn thảo văn bản, tính toán trên Excel và thiết kế trang trình diễn.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 4	Có khả năng soạn thảo văn bản MS Word, tính toán trên Excel, thiết kế trang trình diễn với PowerPoint, có khả năng sử dụng máy tính và Internet để tìm kiếm thông tin.
CĐR 5	Có kỹ năng soạn thảo văn bản, tính toán, thiết kế trang trình diễn nhanh, trình bày khoa học, đúng mẫu quy định.
Kỹ năng mềm	
CĐR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, chặt chẽ, tư duy phân tích, tổng hợp và sáng tạo trong học tập.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân.
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức

NỘI DUNG HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA										
Phần	Chương	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ			
								Cứng	Mềm				
			CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CD R6		CĐ Đ R 7	CĐ Đ R 8	CĐ Đ R 9	
Phần I: Hệ thống máy tính		Một số khái niệm cơ bản	1										
		Hệ đếm nhị phân và các phép toán Logic	1					1					
		Hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan	1								1	1	
		Phần mềm và giải thuật	1					1		1			
Phần II: Phần mềm ứng dụng	Chương I: Soạn thảo văn bản MS Word	Các thao tác cơ bản		2	1	2	1						
		Các chức năng cơ bản		2	2	2	1	1					1
		Thao tác với bảng biểu		2	2	2	2	1					2
		Các chức năng nâng cao		2	2	2	2	1			1	2	
		In ấn tài liệu		2	2	2	2						1
	Chương II: Bảng tính MS Excel	Tổng quan về Excel		2	1	2	1						
		Các kiểu dữ liệu và định dạng dữ liệu		2	2	2	1	1					1
		Biểu thức và hàm		2	2	2	1	1			1	2	
		Biểu đồ		2	2	2	1	1			1	3	
		Hoàn thiện và in bảng tính		2	2	2	2						1
	Chương III: Thiết kế trang trình diễn với MS PP	Giới thiệu PowerPoint		2	1	2	1						
		Thiết kế trang trình diễn		2	2	2	2	1			1	2	
		Một số hiệu ứng cho trang trình diễn		2	2	2	2	1			1	2	
		Trình chiếu trang trình diễn		2	2	2	1						1
Phần III: Mạng máy tính và Internet		Mạng máy tính	1								1		
		Internet	1					1					2

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm 3 phần cơ bản:

Phần I - Kiến thức cơ bản về máy tính: trang bị cho người học một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành.

Phần II - Phần mềm ứng dụng: Người học làm quen với phần mềm soạn thảo văn bản được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay - MS Word, ngoài ra Người học có thể sử dụng

bảng tính MS Excel để tính toán và cuối cùng biết thiết kế những trang trình chiếu cơ bản với MS PowerPoint.

Phần III - Mạng máy tính và Internet: mang đến cho người học kiến thức về mạng máy tính, cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị cần thiết trong mạng máy tính, kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1				
	Phần I Kiến thức cơ bản về máy tính	4			
Lý thuyết	1. Một số khái niệm cơ bản 2. Hệ đếm nhị phân và các phép toán logic. 3. Hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan đến máy tính. 4. Phần mềm và giải thuật	4	Học học liệu số 1	Lớp học, phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Phần II Phần mềm ứng dụng	22			
	Chương 1 Soạn thảo văn bản MS Word	8			
Lý thuyết	1. Các thao tác cơ bản. 2. Các chức năng cơ bản. 3. Thao tác với bảng biểu. 4. Các chức năng nâng cao. 5. In ấn tài liệu.	3	Học học liệu số 2	Lớp học, phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v)	Sinh viên soạn thảo văn bản và xử lý văn bản thành thạo theo yêu cầu	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	16	Sinh viên phải soạn thảo thành thạo một văn bản.	Thư viện, ở nhà.	
	Chương 2 Bảng tính MS Excel	10			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1. Tổng quan về MS Excel. 2. Các kiểu dữ liệu và định dạng dữ liệu. 3. Biểu thức và hàm.	2	Học liệu số 2, 4	Lớp học, phòng máy tính.	
	Tín chỉ 2				
	Chương 2 Bảng tính MS Excel (tiếp)	10			
Lý thuyết	4. Biểu đồ. 5. Hoàn thiện và in bảng tính. Kiểm tra giữa kỳ	2	Học liệu số 2, 4	Lớp học, phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v).	Sinh viên thao tác, tính toán trên bảng tính thành thạo theo yêu cầu.	6	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu.	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	Chương 3 Thiết kế trang trình diễn với MS PowerPoint	4			
Lý thuyết	1. Giới thiệu Powerpoint. 2. Thiết kế trang trình diễn. 3. Một số hiệu ứng cho trang trình diễn. 4. Trình chiếu trang trình diễn.	2	Học liệu số 2	Phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v).	Sinh viên thiết kế slide, tạo hiệu ứng và trình chiếu thành thạo theo yêu cầu.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu.	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức để thiết kế các trang trình diễn.	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	Phần III Mạng máy tính và Internet	4			
Lý thuyết	1. Mạng máy tính 1.1. Khái niệm. 1.2. Phân loại mạng. 1.3. Các thiết bị liên quan đến mạng máy tính. 2. Internet	2	Học liệu số 3	Phòng máy tính.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.1. Khái niệm. 2.2. Kết nối. 2.3. Trình duyệt web. 2.4. Tài nguyên trên Internet. 2.5. Tìm kiếm thông tin. 2.6. Sử dụng Email.				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v)	Sinh viên phải tìm kiếm dữ liệu, tài liệu trên Internet, đăng ký, nhận gửi email.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực tế.	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để tìm kiếm, khai thác thông tin trên internet.	8	Sử dụng thành thạo các thao tác tìm kiếm khai thác thông tin và gửi thư trên internet, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

- [1] Lê Tấn Liên (2008), *Tin học cơ sở 2008*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
 [2] Bộ môn Tin học trường Đại học Tân Trào, *Micorsoft Office 2010*, Lưu hành nội bộ.
 [3] Phạm Ngọc Thắng (2013), *Giáo trình Máy tính và Mạng máy tính*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Tạ Văn Ninh (2016), *Bài tập về sử dụng các hàm trong Excel 2010*, Lưu hành nội bộ.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		0		4	0	6
2	2		0		4	0	6
3	2		0		4	0	6
4	0		2		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	0		2		2	2	6
7	2		0		4	0	6
8	1		1		2	2	6
9	0	1	1		2	2	6
10	1		1		2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
11	0		2		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	1		1		2	2	6
Tổng	15	1	14	0	38	22	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector, phòng máy tính, máy tính có cài đặt các phần mềm học tập MS Office 2010, có kết nối Internet.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần:

11.1. Điểm thành phần 1: Một điểm chuyên cần: 10%;

11.2. Điểm thành phần 2: Có một điểm kiểm tra thường xuyên: 30%;

11.3. Điểm thành phần 3: Một điểm thi kết thúc học phần: 60%;

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Thực hành	Số lượng câu hỏi: 02; Nội dung câu hỏi tương ứng: - Tín chỉ 1: 1 câu, 4 điểm; - Tín chỉ 2: 1 câu, 6 điểm;	60 phút	(Theo yêu cầu của phòng Khảo thí)

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiếng Việt thực hành

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Bùi Thị Mai Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ Giáo dục học - Giảng viên chính
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0914786258. - Email: maianhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận văn học, Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn, các học phần Tiếng Việt.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089 - Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: văn học Việt Nam; văn hóa Tuyên Quang, văn học Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên ngành Ngữ văn.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt thực hành
- Mã học phần: XH2.1.001.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp : 13 tiết

+ Bài tập, kiểm tra trên lớp : 17 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Ngữ văn

+ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Mục tiêu chung học phần: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về tạo lập văn bản, dựng đoạn văn, viết câu, dùng từ, chính tả tiếng Việt trong văn bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về tạo lập văn bản tiếng Việt.
CDR 2	Hiểu được những kiến thức cơ bản về dựng đoạn văn trong văn bản.
CDR3	Hiểu được những kiến thức cơ bản về viết câu (ngữ pháp) tiếng Việt trong văn bản.
CDR4	Hiểu được những kiến thức cơ bản về dùng từ tiếng Việt trong văn bản.
CDR5	Hiểu được những kiến thức cơ bản về chính tả tiếng Việt trong văn bản.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Phân tích được các bước tạo lập văn bản và giải được các bài tập về văn bản tiếng Việt.
CDR 7	Phân tích được các bước tạo lập đoạn văn, phân biệt được các dạng đoạn văn khác nhau, biết cách lập luận trong đoạn văn và giải được các bài tập về đoạn văn.
CDR8	Phân tích được các từ loại tiếng Việt, cấu trúc câu và giải được các bài tập về ngữ pháp tiếng Việt.
CDR9	Phân tích được cách dùng từ đúng trong tiếng Việt và giải được các bài tập về cách dùng từ trong tiếng Việt.
CDR10	Biết cách dùng đúng chính tả tiếng Việt trong văn bản.
Kỹ năng mềm	
CDR 11	Biết cách sử dụng tiếng Việt văn hóa trong giao tiếp và học tập.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 12	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 13	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 14	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kĩ năng													Thái độ, năng lực tự chủ			
Chương	Kiến thức	Kiến thức					Cứng					Mềm			CĐĐ	CĐĐ	CĐĐ	
		CĐĐ1	CĐĐ2	CĐĐ3	CĐĐ4	CĐĐ5	CĐĐ6	CĐĐ7	CĐĐ8	CĐĐ9	CĐĐ10	CĐĐ11	CĐĐ12	CĐĐ13				CĐĐ14
Chương 1. Luyện kĩ năng tạo lập văn bản	1.1. Khái quát về văn bản	2					2					2			2	2	2	2
	1.2. Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản	2					2					2			2	2	2	2
	1.3. Rèn luyện kĩ năng tiếp nhận văn bản	2					2					2			2	2	2	2
Chương 2. Luyện kĩ năng dựng đoạn văn	2.1. Khái niệm đoạn văn		2					2				2			2	2	2	2
	2.2. Những yêu cầu chung của một đoạn văn		2					2				2			2	2	2	2
	2.3. Luyện dựng đoạn văn theo kết cấu		2					2				2			2	2	2	2
	2.4. Luyện chữa lỗi đoạn văn		2					2				2			2	2	2	2
Chương 3. Rèn luyện kĩ năng đặt câu	3.1. Vài nét về câu			2						2				2	2	2	2	2
	3.2. Chữa các lỗi thông thường về câu			2						2				2	2	2	2	2
Chương 4. Rèn luyện kĩ năng dùng từ	4.1. Vài nét về từ				2						2			2	2	2	2	2
	4.2. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ				2						2			2	2	2	2	2
Chương 5. Rèn luyện kĩ năng chính tả Tiếng Việt	5.1. Nguyên tắc chính tả tiếng Việt					2						2	2	2	2	2	2	2
	5.2. Luyện chữa các lỗi chính tả tiếng Việt					2						2	2	2	2	2	2	2
	5.3. Nguyên tắc viết hoa					2						2	2	2	2	2	2	2
	5.4. Những phương thức biểu hiện khi viết các từ ngữ, thuật ngữ tiếng nước ngoài					2							2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: kĩ năng tạo lập văn bản; kĩ năng dựng đoạn văn; kĩ năng đặt câu; kĩ năng dùng từ; kĩ năng viết chữ đúng chuẩn tiếng Việt.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
	Chương 1 Luyện kỹ năng tạo lập văn bản	08			
Lí thuyết	1.1. Khái quát về văn bản 1.1.1. Khái niệm văn bản 1.1.2. Đặc trưng của văn bản 1.1.3. Một số loại văn bản 1.2. Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản 1.2.1. Xác định chủ đề 1.2.2. Lập dàn ý 1.2.3. Tổ chức lập luận trong một đoạn văn 1.2.4. Liên kết trong văn bản 1.3. Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản 1.3.1. Tóm tắt một tài liệu khoa học 1.3.2. Tổng thuật các tài liệu khoa học	03	Học học liệu số 1 (chương 1, từ mục 1.1- 1.3); tham khảo học liệu số 2,4,5.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của chương 1 trong học liệu số 1, học liệu số 2.	05	Nắm vững lý thuyết để vận dụng hoàn thành bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
Chương 2 Luyện kỹ năng dựng đoạn văn		07			
Lí thuyết	2.1. Khái niệm đoạn văn 2.2. Những yêu cầu chung của một đoạn văn 2.3. Luyện dựng đoạn văn theo kết cấu 2.4. Luyện chữa lỗi đoạn văn	02	Học học liệu số 1 (chương 2, từ mục 2.1- 2.4); tham khảo học liệu số 2,4,5.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của chương 2 trong học liệu số 1, học liệu số 2.	05	Nắm vững lý thuyết để vận dụng hoàn thành bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 2	15			
	Kiểm tra giữa kỳ	01			
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn tập nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên	02	Đọc lý thuyết trước khi kiểm tra; vận dụng được các kiến thức thuộc tín chỉ 1 để giải các nội dung kiểm tra.	Thư viện, ở nhà	
		06			
Lí thuyết	3.1. Vài nét về câu 3.2. Chữa các lỗi thông thường về câu	03	Học học liệu số 1(chương 3, từ mục 3.1- 3.2); tham khảo học liệu số 2,4,5.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong học liệu số 1, học liệu số 2, học liệu số 3.	03	Nắm vững lí thuyết để vận dụng hoàn thành bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	06	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4 Rèn luyện kĩ năng dùng từ	05			
Lí thuyết	4.1. Vài nét về từ 4.2. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ	03	Học học liệu số 1 (chương 4, từ mục 4.1- 4.2); tham khảo học liệu số 2,4,5.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 1, học liệu số 2, học liệu số 3.	02	Nắm vững lí thuyết để vận dụng hoàn thành bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5 Rèn luyện kĩ năng chính tả Tiếng Việt	04			
Lí thuyết	5.1. Nguyên tắc chính tả tiếng Việt 5.2. Luyện chữa các lỗi chính tả tiếng Việt	02	Học học liệu số 1 (chương 5, từ mục 5.1-5.4); tham	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.3. Nguyên tắc viết hoa 5.4. Những phương thức biểu hiện khi viết các từ ngữ, thuật ngữ tiếng nước ngoài		khảo học liệu số 2; 3; 6; 7;		
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 5 trong học liệu số 1, học liệu số 2, học liệu số 3.	02	Nắm vững lí thuyết để vận dụng hoàn thành bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập	04	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bùi Minh Toán (2013), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Diệp Quang Ban (2009), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*; Nxb Giáo dục, Hà Nội

[3] Hoàng Phê (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội

[4] Hoàng Phê (chủ biên) (1995), *Từ điển chính tả tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

[5] Sách giáo khoa *Ngữ văn THCS* (từ lớp 6 đến lớp 9) (2001), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6] Sách giáo khoa *Ngữ văn THPT* (từ lớp 10 đến lớp 12) (2014), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3			2		2	2	6
4			2		2	2	6
5			2		2	2	6
6	1		1		2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9			2		2	2	6
10	2				2	2	6
11			2		2	2	6
12	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
13			2		2	2	6
14	2				2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng cộng	13	01	16	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

11.3. Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: thuộc tính chỉ 1 (2 điểm) Câu 2: thuộc tính chỉ 1 (3 điểm) Câu 3: thuộc tính chỉ 2 (2 điểm) Câu 4: thuộc tính chỉ 2 (3 điểm)	60 phút	Theo yêu cầu của phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Pháp luật đại cương

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Hoàng Thị Tuyết Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0987846958. Email: maihoang.106@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý công, Hành chính học, Luật học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mai Chinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 01695076189. Email: maichinh1989@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách công, Luật học, Hành chính học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Pháp luật đại cương
- Mã học phần: LL2.1.007.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ
 - + Thảo luận: 15 giờ
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn Lý luận chính trị.

3. Mục tiêu chung của học phần

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng làm nền tảng cho việc học, thực hiện pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Tóm tắt một số vấn đề cơ bản về nhà nước, nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam
CDR 2	Phân tích khái niệm, thuộc tính của pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, văn bản QPPL, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
CDR 3	Hiểu được một số quy định chung về pháp luật dân sự, quyền nhân thân, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng dân sự; luật lao động, hợp đồng lao động, kỷ luật lao động; luật hình sự, tội phạm và các loại hình phạt; luật hành chính, các nội dung cơ bản của luật hành chính và các thủ tục của tố tụng dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng hành chính
CDR 4	Phân tích khái niệm, đặc trưng của tham nhũng, Các hành vi tham nhũng; nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng; tác hại của tham nhũng; Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng; các giải pháp phòng, chống tham nhũng; Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống pháp luật
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Vận dụng kiến thức pháp luật vào cuộc sống để tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích các hiện tượng chính trị - pháp lý trong xã hội
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho mọi người xung quanh, giúp mỗi cá nhân hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp với các quy định của pháp luật

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	Cứng	Mềm	CDR 7	CDR 8
						CDR 5	CDR 6		
1.Chương I. Một số vấn đề cơ	Khái niệm và đặc trưng của nhà nước	1				1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm	CDR 7	CDR 8
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6		
bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Chức năng của nhà nước	2				1	1	1	1
	Hình thức và bộ máy nhà nước	2				1	1	1	1
	Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	2				1	2	2	2
2. Chương II. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật		1			1	1	1	1
	Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật		2			2	2	2	2
	Quan hệ pháp luật		2			2	2	2	2
	Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý		2			2	2	2	2
3. Chương III. Pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự	Pháp luật dân sự			2		2	2	2	2
	Pháp luật tố tụng dân sự			2		1	2	2	2
4. Chương IV. Pháp luật lao động	Những vấn đề chung			2		1	2	2	2
	Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động			2		2	2	2	2
5. Chương V. Pháp luật hình sự	Pháp luật hình sự			2		2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật Tố tụng hình sự			2		1	2	2	2
6. Chương VI. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính	Luật hành chính			2		2	2	2	2
	Pháp luật tố tụng hành chính			2		1	2	2	2
7. Chương VII. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Khái niệm tham nhũng				2	1	2	2	2
	Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng				1	1	2	2	2
	Tác hại của tham nhũng				2	1	2	2	2
	Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng				2	1	2	2	2
	Các giải pháp phòng, chống tham nhũng				2	1	2	2	2
	Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng				1	1	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
	Phần thứ nhất: Đại cương về nhà nước và pháp luật Chương I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4			
Lý thuyết	<p>I. Khái niệm và đặc trưng của nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm nhà nước 2. Các dấu hiệu đặc trưng của nhà nước <p>II. Chức năng của nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm chức năng của nhà nước 2. Phân loại chức năng của nhà nước <p>III. Hình thức và bộ máy nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thức nhà nước 2. Bộ máy nhà nước <p>IV. Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 	2	<p>* Đọc đề cương học phần</p> <p>Đọc học liệu số [1]</p> <p>Tham khảo học liệu số [3], [4], [5]</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề thảo luận, câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương II. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật	6			
Lý thuyết	<p>I. Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm pháp luật 2. Thuộc tính cơ bản của pháp luật 3. Hình thức pháp luật <p>II. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy phạm pháp luật 2. Văn bản quy phạm pháp luật <p>III. Quan hệ pháp luật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật 2. Phân loại quan hệ pháp luật 3. Nội dung quan hệ pháp luật 4. Sự kiện pháp lý <p>IV. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện pháp luật 2. Vi phạm pháp luật 3. Trách nhiệm pháp lý 	2	<p>Đọc học liệu số [1]</p> <p>Tham khảo học liệu số [3], [4], [5]</p>	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	4	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ các vấn đề thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Phần thứ hai: Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương III. Pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự	5			
Lý thuyết	I. Pháp luật dân sự 1. Những quy định chung 2. Những chế định cụ thể III. Pháp luật tố tụng dân sự 1. Các quy định chung 2. Các thủ tục tố tụng	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	3	Chuẩn bị chủ đề thảo luận, câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật dân sự	10	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
	Chương IV. Pháp luật lao động	4			
Lý thuyết	I. Những vấn đề chung 1. Những vấn đề được quy định trong pháp luật lao động 2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động Việt Nam II. Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động 1. Hợp đồng lao động 2. Kỷ luật lao động	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học,	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra	Thư viện, ở	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
tự nghiên cứu	thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật lao động		những vấn đề cần giải đáp.	nhà	
	Chương V. Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự	3			
Lý thuyết	I. Pháp luật hình sự 1. Những vấn đề chung 2. Một số tội phạm trong Bộ luật Hình sự II. Luật Tố tụng hình sự 1. Khái niệm 2. Nhiệm vụ của Luật Tố tụng hình sự 3. Thủ tục giải quyết vụ án hình sự	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [5]	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật hình sự	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	Chương VI. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính	3			
Lý thuyết	I. Luật hành chính 1. Các vấn đề chung của Luật Hành chính 2. Nội dung cơ bản của Luật Hành chính II. Pháp luật tố tụng hành chính 1. Các vấn đề chung của Luật Tố tụng hành chính 2. Thủ tục giải quyết vụ án hành chính	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [3]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề.	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật hành chính	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà.	
	Chương VII. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	5			
Lý thuyết	<p>I. Khái niệm tham nhũng</p> <p>1. Định nghĩa và những đặc trưng cơ bản của tham nhũng</p> <p>2. Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>II. Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng</p> <p>1. Nguyên nhân và điều kiện khách quan</p> <p>2. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan</p> <p>III. Tác hại của tham nhũng</p> <p>1. Tác hại về chính trị</p> <p>2. Tác hại về kinh tế</p> <p>3. Tác hại về xã hội</p> <p>IV. Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng</p> <p>V. Các giải pháp phòng, chống tham nhũng</p> <p>1. Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng</p> <p>2. Các giải pháp phát hiện tham nhũng</p> <p>3. Xử lý hành vi tham nhũng và tài sản tham nhũng</p> <p>VI. Trách nhiệm của công dân trong</p>	3	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2]		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	việc phòng, chống tham nhũng 1. Trách nhiệm của công dân tham gia phòng, chống tham nhũng 2. Trách nhiệm của công dân trong tố cáo hành vi tham nhũng 3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phòng, chống tham nhũng thông qua Ban thanh tra nhân dân, tổ chức mà mình là thành viên.				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn	10	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà.	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bộ giáo dục và đào tạo (2014), *Giáo trình Pháp luật*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Các văn bản pháp luật hiện hành.

[3] Nguyễn Văn Động (2012), *Giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4] Lê Minh Toàn (2013), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia

[5] Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an Nhân dân.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2			0	4		6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
2	0			2	4		6
3	2			0	2	2	6
4	0			2	4		6
5	0			2	4		6
6	2			0	4		6
7	0	1		1	3	1	6
8	1			1	4		6
9	1			1	2	2	6
10	1			1	3	1	6
11	1			1	4		6
12	2			0	4		6
13	1			1	4		6
14	2			0	4		6
15	0			2	4		21
Tổng cộng	15	1		14	60	6	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Thi hết học phần: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1,2 (5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 1, 2 (5 điểm)	60 phút	(Theo yêu cầu của Phòng Khảo thí)

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Môi trường và con người

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Đoàn Thị Phương Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường ĐH Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
- Điện thoại, email: 0914400017; ly.pktdaihoctantrao@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học, môi trường.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, VPK KH Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - KT&CN.Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0962.975.056; Email: hainguyentq0495@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực vật, PPDH

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Môi trường và con người
- Mã học phần: TN2.1.408.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15
 - + Thảo luận trên lớp: 5
 - + Thực tập thực tế: 9
 - + Kiểm tra: 1
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: KH Tự nhiên – KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường; tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và con người; sự gia tăng dân số quá mức cùng với các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đã dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu các khái niệm về môi trường và tài nguyên: bảo vệ môi trường, sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, tiêu chuẩn môi trường; các chức năng cơ bản của môi trường.
CDR 2	Nắm rõ cơ sở sinh thái học của khoa học môi trường; các kiến thức về dân số học;
CDR 3	Hiểu và phân tích được các nhu cầu cơ bản của con người đã gây tác động lớn tới môi trường sống của họ.
CDR 4	Hiểu khái niệm, đánh giá được hiện trạng và tình hình khai thác quá mức các tài nguyên hiện nay; Phân tích được nguyên nhân và các chính sách bảo vệ các nguồn tài nguyên trên thế giới và đặc biệt ở VN.
CDR 5	Hiểu và phân tích được ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất; Phân tích nguyên nhân, hậu quả và đưa ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam.
CDR 6	- Hiểu những vấn đề cấp bách hiện nay trên toàn cầu phải bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sống của con người. Phân tích được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với môi trường và vấn đề bảo vệ sức khỏe con người. - Nắm vững nội dung của chương trình hành động về bảo vệ môi trường của cộng đồng quốc tế hiện nay.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Rèn luyện kỹ năng phân tích các mối liên hệ giữa ba yếu tố: môi trường, sinh vật và con người trong quá trình phát triển; các mối liên hệ về dân số tác động tới môi trường; các mối liên hệ về nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên trên thế giới cũng như ở VN
CDR 8	Biết nhận xét, đánh giá, thu thập các số liệu liên quan đến ô nhiễm môi trường sống của địa phương.
CDR 9	Rèn luyện các kỹ năng tổng hợp, phân tích các mối liên hệ về nguyên nhân làm ô nhiễm các môi trường sống hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam.
Kỹ năng mềm	
CDR 10	Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về thông tin về dân số và môi trường.

CDR 11	Kỹ năng phân tích và kỹ năng hoạt động nhóm về nhu cầu và các hoạt động đáp ứng nhu cầu của con người, ảnh hưởng của các nhu cầu và hoạt động này đến môi trường sống.
CDR 12	Biết liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của cá nhân và ở địa phương.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 13	Biết bảo vệ thiên nhiên và bảo vệ các hệ sinh thái.
CDR 14	Có ý thức tuyên truyền thực hiện bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên ở các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất và đời sống.
CDR 15	Có thái độ đúng đắn về chính sách phát triển kinh tế xã hội của nhà nước và địa phương.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA														
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		
								Cứng			Mềm					
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15
Chương 1: Những vấn đề cơ bản về môi trường	1. Môi trường	1						1								
	2. Khoa học môi trường	1						1								
Chương 2: Các nguyên lí sinh thái áp dụng trong khoa học môi trường	1. Yếu tố môi trường, yếu tố sinh thái	1						1		1		1	1			
	2. Một số quy luật sinh thái học cơ bản	1						1	1	1		1	1	1		
	3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh đến sinh vật	1						1	1	1		1	1	1		
	4. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái hữu sinh đến sinh vật	1						1	1	1		1	1	1		
	5. Quần thể	1						1	1			1	1	1		
	6. Quần xã	1						1	1			1	1	1		
	7. Hệ sinh thái tự nhiên	1						1	1			1	1	1	1	
Chương 3: Dân số và môi trường	1. Các thông số cơ bản của dân số học	1								1	1		1			1
	2. Cấu trúc dân số	1						1		1	1		1			1
	3. Lí thuyết dân số	1						1			1		1			1
	4. Biến trình tăng dân số thế giới và Việt Nam	1						1			1		1			1

	5. Mối quan hệ dân số, môi trường và phát triển	1					1		1		1	1		2	
	6. Chính sách và chương trình dân số	1					1		1		1	1		2	
Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên	1. Khái niệm, phân loại			1							1	1		1	
	2. Tài nguyên rừng			1		1	1				1	1	1	1	
	3. Đa dạng sinh học			1		1	1				1	1	1	1	
	4. Tài nguyên đất			1		1	1				1	1	1	1	
	5. Tài nguyên nước			1		1	1				1	1	1	1	
	6. Tài nguyên biển			1		1	1				1	1	1	1	
	7. Tài nguyên khoáng sản và năng lượng			1		1	1				1	1	1	1	
Chương 5: Các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người và hệ quả	1. Nhu cầu lương thực, thực phẩm		1			1	1	1		1	1		1	1	
	2. Nhu cầu nhà ở và tác động tới môi trường		1			1	1	1		1	1		1	1	
	3. Du lịch và môi trường		1		1	1	1	1		1	1		1	1	
	4. Công nghiệp hóa, đô thị hóa và môi trường		1		1	1	1	1		1	1		1	1	
Chương 6: Những vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt nam	1. Chất thải và ô nhiễm môi trường ở những nước đang phát triển				1	1	1	1	1		1	1		2	2
	2. Sự nóng dần lên của Trái đất và biến đổi khí hậu				1	1		1		1	1			2	2
	3. Suy thoái tầng ozon				1	1		1		1	1			2	2
	4. Hoang mạc hóa đất				1	1		1		1	1			1	1
	5. Ô nhiễm biển				1	1		1		1	1			2	1
	6. Lan truyền ô nhiễm qua biên giới				1	1		1		1	1			2	1
	7. Môi trường Việt Nam				1	1	1	1	1		1	1		2	2
Chương 7: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	1. Con người – công dân sinh thái				1	1	1					1	1	1	
	2. Cách tiếp cận bảo vệ môi trường và tài nguyên				1	1	1					1	1	2	
	3. Phát triển bền vững				1							1	2	2	
	4. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam				1			1				1	2	2	

6. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường; tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và con người; sự gia tăng

dân số quá mức cùng với các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đã dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường.

Tìm hiểu một số vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt Nam; phương hướng giải quyết và chương trình hành động bảo vệ môi trường trên quy mô toàn cầu và ở Việt Nam; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về môi trường	02			
Lý thuyết	1. Môi trường 1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Thành phần của môi trường 1.3. Các chức năng chủ yếu của môi trường 1.4. Phân loại môi trường 2. Khoa học môi trường 2.1. Khái niệm 2.2. Đối tượng và nhiệm vụ	02	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các yếu tố môi trường.	04	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Các nguyên lý sinh thái áp dụng trong khoa học môi trường	04			
Lý thuyết	1. Yếu tố môi trường, yếu tố sinh thái 2. Một số quy luật sinh thái học cơ bản 3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh đến sinh vật 4. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái hữu sinh đến sinh vật 5. Quần thể 6. Quần xã 7. Hệ sinh thái tự nhiên	03	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thực hành, bài tập	1. Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sự nảy mầm của hạt (giảng viên giao cho các nhóm thực hiện từ tuần 1). Báo cáo thu hoạch trước lớp. 2. Bài tập về chuỗi và lưới thức ăn	01	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Ở nhà và trên lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các yếu tố môi trường để thực hành và giải bài tập.	08	Tự đọc học liệu số [1]: chương II và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Dân số và môi trường	03			
Lý thuyết	1. Các thông số cơ bản của dân số học 2. Cấu trúc dân số 3. Lý thuyết dân số 4. Biến trình tăng dân số thế giới và Việt Nam 5. Mối quan hệ dân số, môi trường và phát triển 6. Chính sách và chương trình dân số	02	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Xemina, thảo luận	1. Tình hình và thực trạng dân số ở Việt Nam hiện nay, nguyên nhân và giải pháp nhằm hạn chế sự gia tăng dân số. 2. Liên hệ với địa phương nơi đang sống và nêu trách nhiệm của bản thân về vấn đề dân số.	01	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa dân số và môi trường.	06	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Tài nguyên thiên nhiên	05			
Lý thuyết	1. Khái niệm, phân loại 2. Tài nguyên rừng 3. Đa dạng sinh học 4. Tài nguyên đất 5. Tài nguyên nước	02	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	6. Tài nguyên biển 7. Tài nguyên khoáng sản và năng lượng 7.1. Tài nguyên khoáng sản 7.2. Tài nguyên năng lượng				
Xemina, Thảo luận	1. Di dân tự do, thực trạng và những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, trật tự xã hội...Giải pháp khắc phục. 2. Bàn về những giải pháp để làm chậm quá trình cạn kiệt TN hữu hạn. 3. Tìm hiểu một số khu dự trữ sinh quyển Thế giới tại miền Bắc Việt Nam- Hiểu biết về tầm quan trọng của các khu dự trữ sinh quyển.	03	- Nắm vững lý thuyết các chương 1; 2; 3; 4 - Vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân. - Trao đổi, thảo luận theo nhóm.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các loại tài nguyên thiên	10	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.		
	Chương 5: Các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người và hệ quả	01			
Lý thuyết	1. Nhu cầu lương thực, thực phẩm 1.1. Nhu cầu lương thực, thực phẩm của nhân loại 1.2. Sản xuất nông nghiệp và tác động của hoạt động sản xuất nông nghiệp tới môi trường 1.3. Hiện trạng nghèo đói và mối quan hệ giữa nghèo đói và suy thoái môi trường	01	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa dân số và môi trường.	02	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.		
	Kiểm tra tín chỉ 1	01			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi kiểm tra; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để lý giải một số vấn đề đặt ra trong đề kiểm tra.	01	Sau khi nghe giảng lý thuyết và thảo luận chỉ ra những	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			vấn đề cần giải đáp.		
Tín chỉ 2		15			
	Chương 5. Các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người và hệ quả (Tiếp)	03			
Lý thuyết	<p>2. Nhu cầu nhà ở và tác động tới môi trường</p> <p>3. Du lịch và môi trường</p> <p>4. Công nghiệp hóa, đô thị hóa và môi trường</p> <p>4.1. Nguồn gốc và quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa</p> <p>4.2. Các vấn đề môi trường và xã hội liên quan đến công nghiệp hóa, đô thị hóa</p> <p>4.3. Sự phát triển đô thị và các khu công nghiệp ở Việt Nam</p> <p>4.4. Xây dựng khu công nghiệp và đô thị sinh thái</p>	01	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Xemina, thảo luận	Những nhu cầu nhằm thỏa mãn cho con người đều ảnh hưởng tới môi trường. Vậy con người cần có những nguyên tắc và đưa ra những biện pháp gì nhằm giảm thiểu nguy hại đến môi trường trong hiện tại và trong tương lai để bảo vệ môi trường sống của chính mình.	02	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các loại tài nguyên thiên	06	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Chương 6. Ô nhiễm môi trường		04			
Lý thuyết	<p>1. Một số vấn đề chung</p> <p>2. Ô nhiễm không khí</p> <p>3. Ô nhiễm nước</p> <p>4. Ô nhiễm đất</p>	02	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	Điều tra tình hình ô nhiễm môi trường tại 1 trong những nơi (nơi sản	02		Đến các cơ sở này	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú								
	<p>xuất, quanh nơi ở, chuồng trại chăn nuôi, kho cất giữ thuốc bảo vệ thực vật, ao, hồ....) điều tra theo mẫu bảng sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tác nhân gây ô nhiễm</th> <th>Mức độ ô nhiễm</th> <th>Nguyên nhân gây ô nhiễm</th> <th>Đề xuất biện pháp khắc phục</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Tác nhân gây ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Đề xuất biện pháp khắc phục							để điều tra theo các nội dung yêu cầu của giảng viên.	
Tác nhân gây ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Đề xuất biện pháp khắc phục										
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các dạng ô nhiễm môi trường.	08	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà									
	Chương 7. Những vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt nam	03											
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất thải và ô nhiễm môi trường ở những nước đang phát triển 2. Sự nóng dần lên của Trái đất và biến đổi khí hậu 3. Suy thoái tầng ozon 4. Hoang mạc hóa đất 5. Ô nhiễm biển 6. Lan truyền ô nhiễm qua biên giới 7. Môi trường Việt Nam 	01	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học									
Xemina, Thảo luận	Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt Nam	02	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học									
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về sự ô nhiễm môi trường.	06	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà									
	Chương 7. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	05											
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Con người - công dân sinh thái 2. Cách tiếp cận bảo vệ môi trường và tài nguyên 	01	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo	Lớp học									

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3. Phát triển bền vững 4. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam		học liệu khác.		
Thảo luận	1. Nhận thức của người Việt Nam về biến đổi khí hậu? Các giải pháp Việt Nam đang làm để ứng phó với biến đổi khí hậu? Vai trò của thanh niên, sinh viên trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu? 2. Các vấn đề ô nhiễm môi trường do lạm dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong nông nghiệp ở Việt Nam. 3. Vấn đề ô nhiễm rác thải sinh hoạt ở Việt Nam 4. Những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường ở Việt Nam.	02	- Nắm vững lí thuyết các chương 5; 6; 7 - Tăng cường kiến thức về môi trường qua các phương tiện truyền thông và qua thực tế - Tích cực nêu vấn đề để trao đổi, thảo luận.	Lớp học	
Thực tập, thực tế	Tham quan, khảo sát tại một số địa bàn cụ thể (trong nhà máy, ngoài đồng ruộng, nông thôn và đô thị...) nơi có các vấn đề suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, qua đó sinh viên có thể lựa chọn, phân tích vấn đề thực tế và đề xuất những giải pháp khả thi để giải quyết.	02	Nắm vững lí thuyết, trang bị các kỹ năng cơ bản để đánh giá các vấn đề và tham gia bảo vệ môi trường	Tại thực địa	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	10	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Môi trường và con người*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Văn Khoa (chủ biên) (2004), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.

[3] Vũ Trung Tạng (2003), *Cơ sở sinh thái học*, NXB Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)	SV tự học, tự nghiên cứu	Tổng
------	---------------------------	--------------------------	------

	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập, thực tế	Xêmina, thảo luận	(tiết)		
					Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		4
2	2				4		4
3	1		1		2	2	4
4	2				4		4
5	1			1	2	2	4
6	1			1	2	2	4
7				2		4	4
8	1	1			4		4
9	1		1		2	2	4
10	1		1		2	2	4
11	1		1		2	2	4
12	1		1		2	2	4
13			2			4	4
14	1		1		2	2	4
15			1	1		4	4
Tổng	15	1	9	5	32	28	60

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy: phòng học có đủ các phương tiện để sử dụng giáo án điện tử, xem phim tư liệu....

- Yêu cầu đối với SV: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết và giờ thảo luận trên giảng đường, tích cực và chủ động nêu các vấn đề đã được đề cập khi học lý thuyết và các vấn đề môi trường trong thực tế để thảo luận. Tham gia chương trình đi thực tế để trực tiếp quan sát, phân tích các vấn đề môi trường, đồng thời có những hành động cụ thể góp phần bảo vệ môi trường.

11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kì: 1 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm	Yêu cầu số	Dự trữ kinh phí/bộ đề
---------------	-----------------	---------------	------------	-----------------------

		bài	đề	thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (3 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (3 điểm) Câu 3: Nội dung thuộc tín chỉ 2 (4 điểm)	60'	07	

Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 2/10; Mục 9.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học đại cương 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học Đại cương 1
- Mã học phần: TN2.1.306.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 20 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 10 tiết

- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ Môn: Hóa học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Sinh viên hiểu các khái niệm và định luật cơ bản của hoá học, những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, bảng hệ thống tuần hoàn, về cấu tạo phân tử và liên kết hóa học, một số vấn đề về tinh thể

4. Chuẩn đầu ra

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR 1	Biết các khái niệm và định luật cơ bản của hoá học.
CĐR 2	Hiểu những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, bảng hệ thống tuần hoàn.
CĐR 3	Hiểu những kiến thức cơ bản về cấu tạo phân tử và liên kết hóa học, một số vấn đề về tinh thể.
CĐR 4	Hiểu những kiến thức cơ bản một số vấn đề về tinh thể.
Về kỹ năng	
CĐR 4	Kỹ năng tính toán, vận dụng các lý thuyết để giải các bài tập hóa học về phần cấu tạo chất.
CĐR 5	Phân tích và xử lý kết quả thu được
CĐR 6	Viết và trình bày vấn đề nghiên cứu.
Kỹ năng mềm	
CĐR 7	Bồi dưỡng kỹ năng làm đề tài nghiên cứu.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học..

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10
Chương 1: Các khái niệm và định luật cơ bản của hoá học	1. Các khái niệm cơ bản	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	2. Các định luật cơ bản	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
Chương 2: Các vấn đề liên quan chương trình môn học	1. Giảng dạy hiđrocacbon trong chương trình THCS - phổ thông trung học, Cao đẳng sư phạm, Đại học sư phạm.	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	2. Vai trò của môn phương pháp dạy học trong đào tạo sinh viên cao đẳng sư phạm	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3: Các vấn đề liên quan đến phương pháp luận	1. Cách dạy bài lý thuyết hoá học	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	2. Cách dùng bài tập hoá học để nâng cao chất lượng dạy và học môn hoá học	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	3. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi hoá học ở lớp 9	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	4. Tổ chức cho học sinh tham quan thực tế địa phương nhằm nâng cao kết quả học tập môn hoá học	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	5. Sử dụng các phương tiện kĩ thuật trong giảng dạy một bài, một chương của giáo trình hoá học dạy cho THCS	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
Chương 4: Các vấn đề do thực tế địa phương đặt ra	1. Việc dùng phân bón và bảo vệ môi trường	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	2. Việc dùng thuốc trừ sâu và bảo vệ môi trường	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	3. Nguồn nước dùng sinh hoạt ở địa phương dưới con mắt nhà Hoá học	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	4. Độ pH của nước ao, hồ.	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3
	5. Độ cứng của nước, v.v...	2	3	3	2	3	3	2	2	2	3

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

Một số vấn đề về Hóa học hạt nhân; một số vấn đề tiền cơ học lượng tử; cấu tạo nguyên tử; các khái niệm cơ bản (AO, Hàm mật độ xác suất; mây electron; spin electron); mối liên hệ giữa bảng hệ thống tuần hoàn với cấu tạo nguyên tử; phân tử và liên kết hoá học (Đại cương về liên kết hoá học; hình học phân tử; thuyết liên kết hoá trị (VB); thuyết obitan phân tử (MO); phương pháp gần đúng MO-Hucken); liên kết hoá học trong hợp chất phức; đại cương về hoá học tinh thể.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Các khái niệm và định luật cơ bản của hoá học	3			
Lý thuyết	1.1. Các khái niệm cơ bản 1.1.1. Nguyên tử - Nguyên tố hoá học - Kí hiệu hoá học 1.1.2. Phân tử - Chất - Công thức hoá học- Phương trình hóa học. 1.1.3. Khối lượng nguyên tử, khối lượng phân tử, khối lượng mol 1.1.4. Đương lượng 1.2. Các định luật cơ bản 1.2.1. Định luật bảo toàn khối lượng 1.2.2. Định luật đương lượng 1.2.3. Định luật thành phần không đổi 1.2.4. Định luật tỉ lệ bội 1.2.5. Các định luật về chất khí: định luật tỉ lệ thể tích, Avogadro, áp suất riêng phần, phương trình trạng thái khí.	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1; 2; Tham khảo các học liệu khác.	1	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	6	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Cấu tạo nguyên tử và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hoá học	12			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	2.1. Nguyên tử, thành phần cấu trúc của nguyên tử 2.2. Hạt nhân nguyên tử 2.2.1. Cấu tạo hạt nhân 2.2.2. Năng lượng hạt nhân 2.2.3. Động học các quá trình phóng xạ 2.3. Vỏ nguyên tử 2.3.1. Thuyết lượng tử Planck và đại cương về cơ học lượng tử 2.3.2. Nguyên tử Hidro và ion giống Hidro 2.3.3. Nguyên tử nhiều electron 2.4. Hệ thống tuần hoàn 2.4.1. Nguyên tắc sắp xếp 2.4.2. Cấu trúc của bảng tuần hoàn 2.4.3. Sự biến đổi tuần hoàn một số tính chất quan trọng - Định luật tuần hoàn	8	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1; 2; Tham khảo các học liệu khác.	4	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	24	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 3: Cấu tạo phân tử và liên kết hoá học	12			
Lý thuyết	3.1. Khái quát về phân tử và liên kết hoá học 3.1.1. Khái niệm về phân tử 3.1.2. Các đặc trưng cơ bản của liên kết 3.2. Liên kết ion 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Bản chất	8	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.2.3. Một số hợp chất có liên kết ion điển hình 3.3. Liên kết cộng hoá trị 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Thuyết liên kết hoá trị (thuyết VB) 3.3.3. Thuyết obitan phân tử (thuyết MO) 3.4. Liên kết trong phân tử phức chất 3.4.1. Các khái niệm mở đầu 3.4.2. Thuyết Pauling giải thích liên kết hoá học trong phức chất 3.4.3. Thuyết trường tinh thể giải thích liên kết hoá học trong phức chất				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1; 2; Tham khảo các học liệu khác.	4	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	24	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Một số vấn đề về tinh thể	3			
Lý thuyết	4.1. Khái niệm 4.2. Các kiểu cấu trúc cơ bản 4.3. Tinh thể ion. Năng lượng mạng lưới 4.4. Tinh thể nguyên tử. Tinh thể kim loại. Thuyết vùng 4.5. Tinh thể phân tử 4.6. Tinh thể lỏng	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1; 2; Tham khảo các học liệu khác.	1	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	6	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đào Đình Thúc (2004), *Hoá học đại cương - Tập 1*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

[2] Đào Đình Thúc (2008), *Bài tập hoá học đại cương*, Nxb Giáo dục;

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Đăng Độ, *Cơ sở lý thuyết các quá trình hoá học*, NXB Giáo dục, 2006;

[4] Trần Thành Huế (2004), *Hoá học đại cương - Tập 1*, Nxb ĐHQG Hà Nội;

[5] Lâm Ngọc Thiềm (2004), *Cấu tạo chất đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

[6] Lâm Ngọc Thiềm, Trần Hiệp Hải (2004), *Bài tập hóa đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

[7] Đào Đình Thúc (2006), *Cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học, Tập 1*, Nxb Giáo dục;

[8] Lê Mậu Quyền, *Cơ sở lý thuyết hóa học, Phần bài tập*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2001;

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4	2	8
2	1		1		4	2	8
3	2				4	2	8
4	2				4	2	8
5	2				4	2	8
6	1		1		4	2	8
7			2		4	2	8
8		1	1		4	2	8
9	2				4	2	8
10	2				4	2	8
11	2				4	2	8
12	1		1		4	2	8
13			2		4	2	8
14	1		1		4	2	8
15	1		1		4	2	8
Tổng	19	1	10		60	30	120

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

- + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1:</u> Với nội dung thuộc chương 1: (2 điểm) <u>Câu 2:</u> Với nội dung thuộc chương 2: (4 điểm) <u>Câu 3:</u> Với nội dung chương 3: (4 điểm)	60'	07	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học đại cương 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912 716 160; Email: vutamhieu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học Đại cương 2
- Mã học phần: TN2.1.307.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Hoá học Đại cương 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 16 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 14 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
 - + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ Môn: Hóa học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Trang bị cho Sinh viên các kiến thức cơ bản:

Gồm những vấn đề chung nhất về nhiệt động lực hoá học, động hoá học, điện hoá học, vận dụng các kiến thức cơ bản đó vào việc giải thích các hiện tượng hoá học.

Các khái niệm cơ bản về dung dịch, các tính chất của dung dịch chất tan không điện li không bay hơi và tính chất của dung dịch chất điện li.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết nhiệt động lực hoá học của các phản ứng hoá học.
CDR 2	Hiểu những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết phản ứng xảy ra trong dung dịch. Các tính chất của dung dịch chất tan không điện li không bay hơi và tính chất của dung dịch chất điện li.
CDR 3	Hiểu những kiến thức cơ bản về cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, các yếu tố ảnh hưởng tới cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng.
CDR 4	Hiểu những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết phản ứng điện hoá.
Về kỹ năng	
CDR 5	Kỹ năng tính toán, viết phương trình phản ứng, vận dụng các lý thuyết để giải các bài tập hóa học về phần cấu tạo chất; cơ sở lý thuyết hóa học.
CDR 6	Vận dụng các kiến thức vào thực tế đời sống xã hội và sản xuất, lý giải được những hiện tượng và những vấn đề hay gặp trong thực tế (quá trình nung vôi, sự ô nhiễm nguồn nước do thiếu oxi hoà tan, ăn mòn kim loại, tinh chế kim loại bằng điện phân...)
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn; kỹ năng học tập và làm việc theo nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 8	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 10	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CDR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11
Chương 1: Cơ sở của nhiệt động học	1. Một số khái niệm cơ bản của nhiệt động học	1				1				1	1	1
	2. Nguyên lí 1 của nhiệt động học	2				2	2	2	1	2	1	1
	3. Nguyên lí 2 của nhiệt động học	2				2	2	2	1	2	1	1
	4. Chiều hướng diễn biến của phản ứng hoá học	2				2	2	2	1	2	1	2
Chương 2: Dung dịch	1. Một số khái niệm cơ bản về dung dịch		1			1				1	1	
	2. Tính chất của dung dịch loãng chứa chất tan không bay hơi, không điện li		1			1	2			1	1	1
	3. Tính chất của dung dịch chất điện li		2			2	2	2	1	2	1	1
	4. Dung dịch của chất điện li ít tan		2			2	2	2	1	2	1	1
	5. Sự tạo phức trong dung dịch		1			1	1	1	1	1	1	1
Chương 3. Cân bằng hóa học	1. Khái niệm về phản ứng thuận nghịch và phản ứng không thuận nghịch			1		1	1	1	1	1	1	1
	2. Cân bằng hoá học. Hằng số cân bằng			2		2	2	2	1	2	1	2
	3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hoá học. Nguyên lí LeSatoriê.			2		2	2	2	1	2	1	2
	4. Sơ lược về cân bằng pha			1		1	1	1	1	1	1	1
Chương 4: Cơ sở của động hoá học	1. Một số khái niệm chung			1		1	1	1	1	1	1	1
	2. Ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng			2		2	2	2	1	2	1	2
	3. Phương trình động học của phản ứng			1		1	1	1	1	1	1	1
Chương 5: Phản ứng oxi hoá khử. Hoá học và dòng điện	1. Một số khái niệm cơ bản về phản ứng oxi hoá khử				1	1		1	1	1	1	1
	2. Cặp oxi hoá khử. Thế oxi hoá khử. Chiều của phản ứng oxi hoá khử				2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Chuyển hoá hoá năng thành điện năng				1			1	1	1		1
	4. Sự điện phân				2	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

Các quy luật điều khiển các quá trình hoá học: nhiệt động học hoá học, động hoá học, điện hoá học. Xét các thông số nhiệt động, nội năng, entanpi, entropi, thế đẳng áp, đẳng nhiệt, khả năng và chiều hướng mức độ diễn ra quá trình hoá học. Đại cương về nhiệt động học dung dịch.

Tốc độ và cơ chế phản ứng hoá học: ảnh hưởng của nồng độ, nhiệt độ, chất xúc tác đến tốc độ phản ứng; phản ứng dây chuyền, quang hoá, xúc tác men (enzim). Hoá học với dòng điện (điện cực, thế điện cực, phương trình Nernst, cân bằng oxi hoá khử, sự điện phân). Một số cân bằng khác trong dung dịch chất điện li (cân bằng axit bazơ, cân bằng hoà tan, sự điện li, thuỷ phân, cân bằng tạo phức, dung dịch keo), thuyết axit bazơ.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Cơ sở của nhiệt động học	8			
Lý thuyết	1.1. Một số khái niệm cơ bản của nhiệt động học 1.2. Nguyên lí 1 của nhiệt động học 1.2.1. Nội dung 1.2.2. Các biểu thức 1.2.3. Hiệu ứng nhiệt của các quá trình hoá học 1.3. Nguyên lí 2 của nhiệt động học 1.3.1. Nội dung 1.3.2. Các biểu thức 1.3.3. Áp dụng nguyên lí 2 để tính biến thiên entropi của một số quá trình 1.4. Chiều hướng diễn biến của phản ứng hoá học 1.4.1. Ảnh hưởng của các yếu tố entanpi và entropi tới chiều diễn biến của các quá trình 1.4.2. Thế nhiệt động đẳng áp, đẳng nhiệt. Năng lượng tự do của hệ và chiều diễn biến của các quá trình	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 2. Tham khảo các học liệu khác.	4	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe	16	Làm bài tập sau	Thư viện,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập		khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	ở nhà	
	Chương 2: Dung dịch	7			
Lý thuyết	<p>2.1. Một số khái niệm cơ bản về dung dịch</p> <p>2.1.1. Chất tan, dung môi, dung dịch</p> <p>2.1.2. Độ tan, dung dịch bão hoà, chưa bão hoà và các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan</p> <p>2.1.3. Nồng độ và các phương pháp biểu diễn nồng độ</p> <p>2.2. Tính chất của dung dịch loãng chứa chất tan không bay hơi, không điện li</p> <p>2.2.1. Áp suất hơi bão hoà của dung dịch</p> <p>2.2.2. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch</p> <p>2.2.3. Áp suất thẩm thấu của dung dịch</p> <p>2.3. Tính chất của dung dịch chất điện li</p> <p>2.3.1. Sự điện li</p> <p>2.3.2. Độ điện li. Hằng số điện li</p> <p>2.3.3. pH của dung dịch</p> <p>2.3.4. Hỗn hợp đệm</p> <p>2.3.5. Sự thủy phân của muối</p> <p>2.4. Dung dịch của chất điện li ít tan</p> <p>2.4.1. Cân bằng trong dung dịch chất điện li ít tan</p> <p>2.4.2. Tích số tan</p> <p>2.4.3. Hiệu ứng ion chung</p> <p>2.5. Sự tạo phức trong dung dịch</p> <p>2.5.1. Cân bằng tạo phức trong dung dịch</p> <p>2.5.2. Hằng số bền của phức</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 2. Tham khảo các học liệu khác.	3	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 3: Cân bằng hoá học	3			
Lý thuyết	3.1. Khái niệm về phản ứng thuận nghịch và phản ứng không thuận nghịch 3.2. Cân bằng hoá học. Hằng số cân bằng 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hoá học. Nguyên lí LeSatoliê. 3.3.1. Ảnh hưởng của nồng độ 3.3.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ 3.3.3. Ảnh hưởng của áp suất 3.3.4. Nguyên lí LeSatoliê 3.4. Sơ lược về cân bằng pha	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 2. Tham khảo các học liệu khác.	1	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	6	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Cơ sở của động hoá học	4			
Lý thuyết	4.1. Một số khái niệm chung 4.2. Ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng 4.2.1. Ảnh hưởng của nồng độ - Định luật tác dụng khối lượng 4.2.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ - Phương trình Areniuyt 4.2.3. Ảnh hưởng của xúc tác 4.2.4. Các yếu tố khác 4.3. Phương trình động học của phản	2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>ứng</p> <p>4.3.1. Phản ứng bậc không</p> <p>4.3.2. Phản ứng bậc một</p> <p>4.3.3. Phản ứng bậc hai</p> <p>4.3.4. Các phản ứng phức tạp</p>				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 2. Tham khảo các học liệu khác.	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5: Phản ứng oxi hoá khử. Hoá học và dòng điện	8			
Lý thuyết	<p>5.1. Một số khái niệm cơ bản về phản ứng oxi hoá khử</p> <p>5.1.1. Chất oxi hoá, chất khử</p> <p>5.1.2. Quá trình oxi hoá, quá trình khử</p> <p>5.1.3. Số oxi hoá</p> <p>5.1.4. Phản ứng oxi hoá khử</p> <p>5.1.5. Cách cân bằng phản ứng oxi hoá khử</p> <p>5.2. Cặp oxi hoá khử. Thế oxi hoá khử. Chiều của phản ứng oxi hoá khử</p> <p>5.2.1. Cặp oxi hoá khử</p> <p>5.2.2. Thế oxi hoá khử - Phương trình Nernst</p> <p>5.2.3. Chiều của phản ứng oxi hoá khử</p> <p>5.3. Pin và các loại điện cực</p> <p>5.3.1. Cấu tạo và hoạt động của pin</p> <p>5.3.2. Sức điện động của pin</p> <p>5.3.2. Các loại điện cực</p> <p>5.4. Sự điện phân</p> <p>5.4.1. Sự điện phân</p> <p>5.4.2. Định luật Faraday</p> <p>5.5. Sự ăn mòn điện hoá</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.5.1. Bản chất của ăn mòn điện hoá 5.5.2. Cách chống ăn mòn điện hoá				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 2. Tham khảo các học liệu khác.	4	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đào Đình Thúc (2004), *Hoá học đại cương - Tập 2*, NXB ĐHQG Hà Nội;

[2] Đào Đình Thúc (2008), *Bài tập hoá học đại cương*, Nxb Giáo dục;

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Ngọc Ban (2004), Trần Hiệp Hải, Trần Thành Huế, *Hoá học đại cương - Tập 2*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

[4] Vũ Đăng Độ (2006), *Cơ sở lý thuyết các quá trình hoá học*, NXB Giáo dục;

[5] Nguyễn Hạnh (1998), *Cơ sở lý thuyết hóa học*, Nxb Giáo dục.

[6] Lê Mậu Quyền (2001), *Cơ sở lý thuyết hóa học*, Nxb Khoa học & Kỹ thuật.

[7] Lâm Ngọc Thiềm, Trần Hiệp Hải (2004), *Bài tập Hoá học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8] Đào Đình Thúc (1999), *Bài tập Hoá học đại cương*, NXB Giáo dục;

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể:

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4	2	8
2	2				4	2	8
3			2		4	2	8
4			2		4	2	8
5	2				4	2	8
6	2				4	2	8
7			2		4	2	8

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
8	1		1		4	2	8
9	2				4	2	8
10			2		4	2	8
11		1	1		4	2	8
12	2				4	2	8
13	2				4	2	8
14			2		4	2	8
15			2		4	2	8
Tổng	15	1	14		60	30	120

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)	60'	07	

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi + đáp án
	<u>Câu 2</u> : Với nội dung thuộc tin chỉ 2: (2 điểm)			

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học đại cương 3

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912 716 160; Email: vutamhieu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học Đại cương 3
- Mã học phần: TN2.1.308.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Hoá học Đại cương 1, 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp:
 - + Bài tập trên lớp:
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 30 tiết (60 tiết thực hành)

- + Tự học, tự nghiên cứu: 30 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ Môn: Hóa học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Củng cố những kiến thức thu được ở Hoá đại cương 1, 2.

Làm quen và rèn luyện tác phong làm thí nghiệm hoá học, nâng cao kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm: trật tự, ngăn nắp, mỹ thuật, khoa học, trung thực với kết quả.

Biết sử dụng một số dụng cụ thông thường trong phòng thí nghiệm, sử dụng các loại cân (cân điện, cân hiện số,...).

Biết và có ý thức trong an toàn và bảo hộ lao động trong khi làm việc trong phòng thí nghiệm.

Phải thành thạo trong khi sử dụng các dụng cụ thuỷ tinh (pipet, ống đong, buret, bình kíp, bình rửa...), một số kỹ thuật phòng thí nghiệm (uốn ống thuỷ tinh, tận dụng phần nóng nhất của ngọn lửa đèn cồn, cách lọc và gấp giấy lọc, cô cạn dung dịch, tinh chế chất...).

Thành thạo trong xử lý kết quả thực nghiệm (phương pháp giải tích và phương pháp đồ thị).

Các bài thí nghiệm Hóa học đại cương có mối liên hệ chặt chẽ với một số tính chất hóa học của các chất vô cơ và hữu cơ (hiệu ứng nhiệt, tính axit bazơ, oxihoa khử, pH ...), hóa học môi trường (ô nhiễm, nước cứng,...).

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Làm quen và rèn luyện tác phong làm thí nghiệm hoá học, nâng cao kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm: trật tự, ngăn nắp, mỹ thuật, khoa học, trung thực với kết quả.
CDR 2	Biết sử dụng một số dụng cụ thông thường trong phòng thí nghiệm, sử dụng các loại cân (cân điện, cân hiện số,...).
CDR 3	Biết và có ý thức trong an toàn và bảo hộ lao động trong khi làm việc trong phòng thí nghiệm.
CDR 4	Phải thành thạo trong khi sử dụng các dụng cụ thuỷ tinh (pipet, ống đong, buret, bình kíp, bình rửa...), một số kỹ thuật phòng thí nghiệm (uốn ống thuỷ tinh, tận dụng phần nóng nhất của ngọn lửa đèn cồn, cách lọc và gấp giấy lọc, cô cạn dung dịch, tinh chế chất...).
CDR 5	Thành thạo trong xử lý kết quả thực nghiệm (phương pháp giải tích và phương pháp đồ thị).
CDR 6	Nắm được các bài thí nghiệm Hóa học đại cương có mối liên hệ chặt chẽ với một số tính chất hóa học của các chất vô cơ và hữu cơ (hiệu ứng nhiệt, tính axit bazơ, oxihoa khử, pH ...), hóa học môi trường (ô nhiễm, nước cứng,...).
Về kỹ năng	

CĐR 7	Nâng cao kỹ năng thực hành, liên hệ hữu cơ giữa lý thuyết và thực nghiệm, lí giải sự khác biệt giữa thực nghiệm và lý thuyết.
CĐR 8	Lắp ráp dụng cụ và thiết bị thí nghiệm, giúp sinh viên có thể làm việc tốt hơn các thí nghiệm chuyên ngành.
Kỹ năng mềm	
CĐR 9	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn; kỹ năng học tập và làm việc theo nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CĐR 10	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 12	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CĐR 13	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào các môn hóa học khác và thực tiễn.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		KIẾN THỨC						Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
Cứng								Mềm						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13
		Bài 1. Một số dụng cụ thí nghiệm và những thao tác thực hành cơ bản	1. Một số dụng cụ thí nghiệm		1		1							1
2. Những thao tác thực hành cơ bản trong phòng thí nghiệm			1		1				1			1	1	
Bài 2. Kỹ thuật làm việc ở phòng thí nghiệm	1. Đun nóng, chưng và nung		1	1	1				1	1	1			
	2. Hoà tan		1	1	1				1	1	1			
	3. Tách các chất		1	1	1				1	1	1			
	4. Rửa kết tủa		1	1	1				1	1	1			
	5. Cân và phương pháp cân		1	1	1				1	1	1			
Bài 3. Tinh chế chất rắn, khí. Sự kết tinh lại. Sự thăng hoa	1. Tinh chế chất rắn, khí (muối ăn, nước...)	1		1	1				1	1		1	1	
	2. Sự kết tinh lại (BaCl ₂ ...)	1		1	1				1	1		1	1	
	3. Sự thăng hoa (Iot...)	1		1	1				1	1		1	1	
Bài 4. Xác định khối lượng phân tử khí oxi	Xác định khối lượng phân tử khí oxi	2	1	1	1	2	2		1	1	1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ					
								Cứng		Mềm							
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13			
	tử khí oxi																
	Bài 5. Xác định khối lượng phân tử khí cacbonic	Xác định khối lượng phân tử khí cacbonic.	2	1	1	1	2	2		1	1	1	1	1			
	Bài 6. Xác định đương lượng của Magie	Xác định đương lượng của Magie	2	1	1	1	2	2		1	1	1	1	1			
	Bài 7. Pha chế dung dịch và chuẩn độ	1. Pha chế dung dịch	2	1	1	1		2		1	1	1	1	1	1	1	
		2. Xác định nồng độ dung dịch	2	1	1	1		2		1	1	1	1	1	1	1	1
	Bài 8. Độ tan của các chất	1. Xác định độ tan của chất rắn kali đicromat trong nước	2	1	1	1	2	2		1	1	1	1	1	1	1	
		2. Chuẩn bị dung dịch quá bão hòa	2	1	1	1		2		1	1	1	1	1	1	1	
		3. Sự hòa tan các chất lỏng với nhau	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		4. Sự tan của chất khí trong nước	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Bài 9. Chất điện li và phản ứng ion trong dung dịch	1. Độ dẫn điện của dung dịch các chất điện li	2	1	1		2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		2. Ảnh hưởng của sự pha loãng đến độ điện li	2	1	1			2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		3. Cân bằng dung dịch trong bazơ yếu	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		4. Cân bằng dung dịch trong axit yếu	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		5. Điều kiện tạo thành kết tủa	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		6. Hoà tan kết tủa	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		7. Thủy phân	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		8. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến sự thủy phân	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		9. Ảnh hưởng của sự pha loãng dung dịch đến sự thủy phân	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	
		10. Đo pH dung dịch axit, bazơ	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	
	Bài 10. Xác định nhiệt của phản ứng hóa học, nhiệt hòa tan của muối	Xác định nhiệt của phản ứng hóa học, nhiệt hòa tan của muối	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
	Bài 11. Xác định	Xác định áp suất hơi bão hòa và nhiệt	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ				
								Cứng		Mềm								
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12		CĐR13			
áp suất hơi bão hòa và nhiệt bay hơi của nước	bay hơi của nước																	
Bài 12. Cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học	1. Ảnh hưởng của nồng độ tới cân bằng	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới cân bằng	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Bài 13. Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng	1. Ảnh hưởng nồng độ các chất phản ứng tới tốc độ phản ứng	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Ảnh hưởng của chất xúc tác tới tốc độ phản ứng	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Bài 14: Phản ứng oxi hóa – khử	1. Thí nghiệm về phản ứng oxi hóa – khử	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Các yếu tố ảnh hưởng tới Phản ứng oxi hóa – khử	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Bài 15: Pin điện, dây điện hóa, điện phân	1. Pin Zn - Cu	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Pin nồng độ	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Xác định thế điện cực	2	1	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Toàn bộ chương trình thí nghiệm Hóa học đại cương gồm 15 bài thực hành, trong đó 3 bài đầu dành cho quy tắc làm việc trong phòng thí nghiệm và một số kỹ thuật cơ bản khi làm việc với các dụng cụ thủy tinh, với một số dụng cụ khác như cân, lò nung, tủ sấy, ... Những bài còn lại dành cho các thí nghiệm liên quan tới hiệu ứng nhiệt, xác định khối lượng mol chất khí, cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, dung dịch, phản ứng oxy hóa khử - điện hóa.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 1. Một số dụng cụ thí nghiệm và những thao tác thực hành cơ bản	2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thực hành	1. Một số dụng cụ thí nghiệm 2. Những thao tác thực hành cơ bản trong phòng thí nghiệm 2.1. Rửa dụng cụ hoá học 2.2. Làm khô các dụng cụ 2.3. Cách sử dụng hoá chất 2.4. Cắt và uốn ống thủy tinh 2.5. Chọn và khoan nút 2.6. Đun nóng, chưng và nung 2.7. Hoà tan 2.8. Tách các chất 2.9. Rửa kết tủa	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Chuẩn bị đề cương. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 2. Kỹ thuật làm việc ở phòng thí nghiệm	2			
Thực hành	2.1. Đun nóng, chưng và nung 2.2. Hoà tan 2.3. Tách các chất 2.3.1. Phương pháp làm bay hơi dung môi 2.3.2. Kết tinh 2.3.3. Li tâm 2.3.4. Lọc 2.4. Rửa kết tủa 2.5. Cân và phương pháp cân 2.5.1. Cân kỹ thuật 2.5.2. Cân phân tích thường và điện tử	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Chuẩn bị đề		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	thí nghiệm.		cương. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 3. Tinh chế chất rắn, khí. Sự kết tinh lại. Sự thăng hoa	2			
Thực hành	3.1. Tinh chế chất rắn, khí (muối ăn, nước...) 3.2. Sự kết tinh lại (BaCl_2 ...) 3.3. Sự thăng hoa (Iot ...)	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Chuẩn bị đề cương. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 4. Xác định khối lượng phân tử khí oxi	2			
Thực hành	Xác định khối lượng phân tử khí oxi	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Chuẩn bị đề cương. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 5. Xác định khối lượng phân tử khí cacbonic	2			
Thực hành	Xác định khối lượng phân tử khí cacbonic.	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4			
	Bài 6. Xác định đương lượng của Magie	2			
Thực hành	Xác định đương lượng của Magie	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Chuẩn bị đề cương. Viết báo cáo thực		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			hành.		
	Bài 7. Pha chế dung dịch và chuẩn độ	2			
Thực hành	<p>7.1. Pha chế dung dịch</p> <p>7.1.1. Pha dung dịch chuẩn</p> <p>7.1.2. Pha chế dung dịch từ dung dịch có nồng độ khác.</p> <p>7.2. Xác định nồng độ dung dịch</p> <p>7.2.1. Xác định nồng độ của dung dịch bằng phù kế.</p> <p>7.2.2. Xác định nồng độ của dung dịch bằng phương pháp chuẩn độ.</p>	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Chuẩn bị đề cương. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 8. Độ tan của các chất	2			
Thực hành	<p>8.1. Xác định độ tan của chất rắn kali đicromat trong nước</p> <p>8.2. Chuẩn bị dung dịch quá bão hòa</p> <p>8.3. Sự hòa tan các chất lỏng với nhau</p> <p>8.4. Sự tan của chất khí trong nước</p>	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 9. Chất điện li và phản ứng ion trong dung dịch	2			
Thực hành	<p>9.1. Độ dẫn điện của dung dịch các chất điện ly</p> <p>9.2. Ảnh hưởng của sự pha loãng đến độ điện ly</p>	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	9.3. Cân bằng dung dịch trong bazơ yếu 9.4. Cân bằng dung dịch trong axit yếu 9.5. Điều kiện tạo thành kết tủa 9.6. Hoà tan kết tủa 9.7. Thủy phân 9.8. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến sự thủy phân 9.9. Ảnh hưởng của sự pha loãng dung dịch đến sự thủy phân 9.10. Đo pH dung dịch axit, bazơ				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 10. Xác định nhiệt của phản ứng hóa học, nhiệt hòa tan của muối	2			
Thực hành	Xác định nhiệt của phản ứng hóa học, nhiệt hòa tan của muối	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 11. Xác định áp suất hơi bão hòa và nhiệt bay hơi của nước				
Thực hành	Xác định áp suất hơi bão hòa và nhiệt bay hơi của nước	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 12. Cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học	2			
Thực hành	11.1. Ảnh hưởng của nồng độ tới cân bằng 11.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới cân bằng	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 13. Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng	2			
Thực hành	12.1. Ảnh hưởng nồng độ các chất phản ứng tới tốc độ phản ứng 12.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng 12.3. Ảnh hưởng của chất xúc tác tới tốc độ phản ứng	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 14: Phản ứng oxi hóa – khử	2			
Thực hành	14.1. Thí nghiệm về phản ứng oxi hóa – khử 14.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới Phản ứng oxi hóa – khử	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		
	Bài 15: Pin điện, dây điện hóa, điện phân	2			
Thực hành	15.1. Pin Zn - Cu 15.2. Pin nồng độ	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng thí	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	15.3. Xác định thế điện cực 15.4. Vai trò của đồng trong phản ứng giữa kẽm với axit. Dây điện hoá. 15.5. Điện phân dung dịch NaCl 15.6. Điện phân dung dịch đồng sunfat 15.7. Điện phân nước theo phương pháp Hofmann			nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1. Viết báo cáo thực hành.		

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Hà Thị Ngọc Loan, Nguyễn Khắc Chính, *Hoá học đại cương 3 – Thực hành trong phòng thí nghiệm*, NXB ĐHQG, 2003;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hà Thị Ngọc Loan, Nguyễn Khắc Chính - *Thực hành Hoá học đại cương – NXB Khoa học và kỹ thuật – 2003;*

[3] Các giáo trình Hoá học đại cương.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể:

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1			2		2	2	6
2			2		2	2	6
3			2		2	2	6
4			2		2	2	6
5			2		2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8			2		2	2	6
9			2		2	2	6
10			2		2	2	6
11			2		2	2	6
12			2		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
Tổng			30		30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ và hóa chất.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi thực hành theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao. Chuẩn bị đề cương thí nghiệm.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo thực hành.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ và hóa chất.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi thực hành theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao. Chuẩn bị đề cương thí nghiệm.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo thực hành.

12. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học:

- 12.1. Đánh giá ý thức tự đọc tài liệu ở nhà, ý thức làm thí nghiệm trên phòng thí nghiệm và chuẩn bị bài thí nghiệm, dự đủ các bài thực hành: 10%.
- 12.2. Kiểm tra bài trước buổi thí nghiệm: 30%.
- 12.3. Điểm báo cáo các bài thực hành, phải làm và nộp đầy đủ các bài tường trình thí nghiệm: 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Hóa sinh học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất:

- Họ và tên : Trần Thị Sửu
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính -Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc:Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại, email:0942.978.102; Email: phuongsuucd@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Di truyền học, Di truyền thực vật

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Đỗ Công Ba
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên .
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Phòng Đào tạo.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Đào tạo - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916549990; Email: congbacdsp@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Động vật học, Sinh thái học.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Hóa sinh học
- Mã môn học: TN2.1.409.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc: có
 - + Điều kiện tiên quyết: Hóa học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lí thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành, bài tập: 7 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học.

3. Mục tiêu của môn học

Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản về cấu tạo, thành phần, tính chất lý hóa học, chức năng và quá trình trao đổi của các chất: axit amin, protein, lipid, carbohydrate, vitamin, enzyme...trong tế bào và cơ thể sinh vật. Biết sử dụng kiến thức hóa sinh để giải thích cơ sở phân tử của các hiện tượng di truyền, biến dị và công nghệ sinh học. Thấy rõ tầm quan trọng của học phần Hóa sinh học trong hệ thống các lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến Sinh học,

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
VỀ KIẾN THỨC	
CDR 1	- Hiểu được đặc tính chung và vai trò sinh học của protein, nguồn gốc protein, cấu tạo phân tử protein, một số tính chất quan trọng của protein, phân nhóm protein.
CDR 2	- Hiểu được thành phần cấu tạo: Bazơ nitơ, Pentoz. - Cách liên kết giữa các thành phần cấu tạo của mononucleotit. - Liên kết photphodiester giữa các mononucleotit trong chuỗi polinucleotit. - Phân loại axit nucleic và một số tính chất của axit nucleic.
CDR 3	- Hiểu được Monoxacarit: Định nghĩa về xacarit, vai trò của xacarit trong sự sống, các tính chất của xacarit, vấn đề đồng phân và mạch vòng của monoxacarit, các mono xacarit phổ biến. - Hiểu được các Oligoxacarit như: Đixacarit; Trixacarit; Polixacarit - Xác định được tính chất và phản ứng phát hiện aa, protein trong nguyên liệu. Các phản ứng định tính và định lượng axit nucleic - Xác định được tính chất và định lượng saccharid trong một số nguyên liệu
CDR 4	- Nắm được các Lipit đơn giản như: Triaxilglixerol; Sáp; Sterit - Nắm được các Lipit phức tạp: Glixerolphotpholipit; Glixeroglicolipit; Sphingophotpholipit; Sphingoglicolipit
CDR 5	- Nắm được các vitamin tan trong nước như: Vitamin B; Acid pantotenic; Vitamin PP; Vitamin B6; Acid folic; Vitamin B12; Vitamin C. - Nắm được các vitamin tan trong chất béo như: Nhóm vitamin A; Nhóm vitamin D; Nhóm vitamin E; Nhóm vitamin K.
CDR 6	- Hiểu được cấu tạo hoá học của enzym, tính chất đặc hiệu của enzym, cơ chế tác dụng của enzym, zimogen và sự hoạt hóa của zimogen. các yếu tố ảnh hưởng đến vận tốc phản ứng enzym, cách gọi tên và phân loại enzym. - Xác định được tính chất và định lượng lipid trong một số nguyên liệu - Biết cách làm các phản ứng định tính và định lượng vitamin trong một số nguyên liệu - Xác định được hoạt tính một số enzyme trong tế bào động vật, thực vật
CDR 7	- Hiểu được khái niệm chung, vai trò sinh học của hoocmon, phân loại hoocmon, hoocmon động vật, hoocmon thực vật

CĐR 8	Hiểu được sự trao đổi chất, sự trao đổi năng lượng, năng lượng sinh học, đặc tính năng lượng của sự trao đổi chất, các hợp chất cao năng - Định tính, định lượng cacbohidrate và lipid
CĐR 9	- Hiểu được sự phân giải xacarit và sự tổng hợp xacarit - Hiểu được sự phân giải lipid và sự sinh tổng hợp lipid - Hiểu được sự phân giải protein, sự sinh tổng hợp axit amin, sự sinh tổng hợp protein. - Hiểu được sự phân giải axit nucleic, sinh tổng hợp nucleic purin, sinh tổng hợp nucleic pirimidin, sinh tổng hợp AND, sinh tổng hợp ARN.
CĐR 10	- Hiểu được mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và lipid, giữa sự trao đổi xacarit và protein, giữa sự trao đổi lipid và protein, giữa sự trao đổi xacarit và axit nucleic giữa sự trao đổi protein và axit nucleic, giữa sự trao đổi lipid và axit nucleic.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 11	- Phân tích được cấu tạo, thành phần, tính chất lý hóa học, chức năng và quá trình trao đổi của các chất của các chất: Protein, Axit nucleic, Xacarit, Lipit, Vitamin, Enzim, Hócmon - Khái niệm chung về sự trao đổi chất và năng lượng, trao đổi Xacarit, Lipit, Protein, Axit nucleic. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit, lipit, axit nucleic và protein. - Vận dụng được các kiến thức Hóa sinh học để giải thích cơ sở phân tử của các hiện tượng sinh học
Kỹ năng mềm	
CĐR 12	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 13	- Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân. - Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA													
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
												Cứng	Mềm		
		CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13											
		CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13											
Chương 1. Protein	1. Đặc tính chung và vai trò sinh học của protein, nguồn protein.	2											2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
												Cứng	Mềm	
		CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13										
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10			
	2. Cấu tạo phân tử protein.	2										2	1	1
	3. Một số tính chất quan	2										2	1	2
	4. Phân nhóm protein.	2										2	2	1
Chương 2. Axit nucleic	1. Thành phần cấu tạo.		2									2	1	1
	2. Liên kết photphodieste giữa các mononucleotit trong chuỗi polinucleotit.		2									2	2	2
Chương 3. Xacarit	1. Monoxacarit.			2								2	1	1
	2. Oligoxacarit.			2								2	2	1
	3. Xác định tính chất và phản ứng phát hiện aa, protein trong nguyên liệu			2								2	2	2
	4. Các phản ứng định tính và định lượng axit nucleic			2								2	2	2
	5. Xác định tính chất và định lượng saccharid trong một số nguyên liệu			2								2	2	1
Chương 4. Lypit	1. Lipit đơn giản.				2							2	1	2
	2. Lipit phức tạp				2							2	2	1
Chương 5. Vitamin	1. Các vitamin tan trong nước.					2						2	1	2
	2. Các vitamin tan trong chất béo.					2						2	1	1
Chương 6. Enzim	1. Cấu tạo hoá học của enzym.						2					2	2	1
	2. Tính chất đặc hiệu của enzym						2					2	1	2
	3. Cơ chế tác dụng của enzym.						2					2	1	1
	4. Zimogen và sự hoạt hóa của zimogen.						2					2	2	2
	5. Các yếu tố ảnh hưởng						2					2	1	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ			
												Cứng	Mềm				
		CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13													
	đến vận tố phản ứng enzym.																
	6. Cách gọi tên và phân loại enzym.					2							2	1	1		
	7. Xác định tính chất và định lượng lipid trong một số nguyên liệu					2							2	2	2		
	8. Các phản ứng định tính và định lượng vitamin trong một số nguyên liệu					2							2	2	2		
	9. Xác định hoạt tính một số enzyme trong tế bào động vật, thực vật					2							2	2	2		
Chương 7. Hócmon	1. Khái niệm chung						2						2	1	1		
	2. Vai trò sinh học của hócmon						2						2	2	1		
	3. Phân loại hócmon						2						2	1	2		
Chương 8. Khái niệm chung về sự trao đổi chất và năng lượng	1. Sự trao đổi chất								2				2	1	1		
	2. Sự trao đổi năng lượng								2				2	2	2		
Chương 9. Trao đổi Xacarit	1. Sự phân giải xacarit									2			2	2	2		
	2. Sự tổng hợp xacarit									2			2	1	1		
Chương 10. Trao đổi Lipit	1. Sự phân giải lipit.									2			2	2	1		
	2. Sinh tổng hợp lipit.									2			2	1	2		
Chương 11. Trao đổi Protein	1. Sự phân giải protein.									2			2	1	1		
	2. Sinh tổng hợp axit amin.									2			2	2	1		
	3. Sinh tổng hợp protein									2			2	1	1		

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
												Cứng	Mềm	
		CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13										
CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13		
Chương 12. Trao đổi axit nucleic	1. Sự phân giải axit nucleic									2		2	1	2
	2. Sinh tổng hợp nucleic purin									2		2	1	1
	3. Sinh tổng hợp nucleic pirimidin									2		2	1	1
	4. Sinh tổng hợp ADN.									2		2	2	2
	5. Sinh tổng hợp ARN.									2		2	1	1
Chương 13. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit, lipit, axit nucleic và protein	1. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và lipit.									2		2	2	2
	2. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và protein.									2		2	1	2
	3. Mối liên quan giữa sự trao đổi lipit và protein.									2		2	2	1
	4. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và axit nucleic.									2		2	2	2
	5. Mối liên quan giữa sự trao đổi protein và axit nucleic.									2		2	1	2
	6. Mối liên quan giữa sự trao đổi lipit và axit nucleic.									2		2	1	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học cung cấp những kiến thức về cấu tạo, thành phần hoá học, tính chất lý hóa và quá trình trao đổi của các chất trong tế bào và cơ thể sống như: Protein, Axit nucleic, Xacarit, Lipit, Vitamin, Enzim, Hoocmon. Khái niệm chung về sự trao đổi chất và năng lượng, trao đổi Xacarit, Lipit, Protein, Axit nucleic, Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit, lipit, axit nucleic và protein

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
---------------------------	----------------	---------	---------------------------	---------------------	---------

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Chương 1. Protein		4			
Lý thuyết	<p>1.1. Đặc tính chung và vai trò sinh học của protein, nguồn protein.</p> <p>1.2. Cấu tạo phân tử protein.</p> <p>1.2.1. Thành phần nguyên tố của protein.</p> <p>1.2.2. Đơn vị cấu tạo cơ sở của protein.</p> <p>1.2.3. Các bậc cấu trúc của phân tử protein.</p> <p>1.3. Một số tính chất quan trọng của protein.</p> <p>1.4. Phân nhóm protein.</p> <p>1.4.1. Protein đơn giản.</p> <p>1.4.2. Protein phức tạp.</p>	3	Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	Các bậc cấu trúc của phân tử protein. Ý nghĩa các bậc cấu trúc trong nghiên cứu phân tử bệnh lí.	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	4	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2. Axit nucleic		2			
Lý thuyết	<p>2.1. Thành phần cấu tạo.</p> <p>2.1.1. Bazơ nitơ.</p> <p>2.1.2. Pentoz.</p> <p>2.1.3. Cách liên kết giữa các thành phần cấu tạo của mononucleotit.</p> <p>2.2. Liên kết photphodiester giữa các mononucleotit trong chuỗi polinucleotit.</p> <p>2.2.1. Phân loại axit nucleic.</p> <p>2.2.2. Một số tính chất của axit nucleic.</p>	1	Học học liệu số 1, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập	Trình bày các bậc cấu trúc không gian của phân tử ADN?	1		Ở nhà, lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Xacarit	3			
Lý thuyết	3.1. Monoxacarit. 3.1.1. Định nghĩa về xacarit 3.1.2. Vai trò của xacarit trong sự sống 3.1.3. Các tính chất của xaccarit 3.1.4. Vấn đề đồng phân và mạch vòng của monoxacarit 3.1.5. Các mono xacarit phổ biến 3.2. Oligoxacarit. 3.2.1. Đixacarit. 3.2.2. Trixacarit 3.2.3. Polixacarit	2	Học học liệu số 1, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Thực hành	1. Xác định tính chất và phản ứng phát hiện aa, protein trong nguyên liệu 2. Các phản ứng định tính và định lượng axit nucleic 3. Xác định tính chất và định lượng saccharid trong một số nguyên liệu	1	TH các phản ứng đặc trưng của aminoacid, protein axit nucleic và saccharid. Phương pháp định lượng protein, axit nucleic và sacharid	Phòng thí nghiệm Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	3	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Lypit	2			
Lý thuyết	4.1. Lipit đơn giản. 4.1.1. Triaxilglixerol	2	Học học liệu số 1, tham khảo		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.1.2. Sáp 4.1.3. Sterit 4.2. Lipit phức tạp 4.2.1. Glixerolphotpholipit 4.2.2. Glixeroglicolipit 4.2.3. Sphingophotpholipit 4.2.4. Sphingoglicolipit		các học liệu khác		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Vitamin	2			
Lý thuyết	5.1. Các vitamin tan trong nước. 5.1.1. Vitamin B, (Tiamin, areorin, vitamin chống viêm thần kinh) 5.1.2. Acid pantotenic (vitamin B3) 5.1.3. Vitamin PP 5.1.4. Vitamin B6 5.1.5. Acid folic (vitamin Bc) 5.1.6. Vitamin B12 (xyancobalamin, vitamin chống thiếu máu ác tính) 5.1.7. Vitamin C (Acid ascorbic) 5.2. Các vitamin tan trong chất béo. 5.2.1. Nhóm vitamin A 5.2.2. Nhóm vitamin D 5.2.3. Nhóm vitamin E 5.2.4. Nhóm vitamin K	1	Học học liệu số 1, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Vitamin và vấn đề dinh dưỡng. Những bệnh liên quan đến thừa - thiếu vitamin.	1		Ở nhà, lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết,	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.		
	Chương 6. Enzim	3			
Lý thuyết	6.1.Cấu tạo hoá học của enzim. 6.2. Tính chất đặc hiệu của enzim. 6.3.Cơ chế tác dụng của enzim. 6.4.Zimogen và sự hoạt hóa của zimogen. 6.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến vận tốc phản ứng enzim. 6.6. Cách gọi tên và phân loại enzim.	2			
	Tín chỉ 2	15			
Thực hành	1.Xác định tính chất và định lượng lipid trong một số nguyên liệu 2.Các phản ứng định tính và định lượng vitamin trong một số nguyên liệu 3.Xác định hoạt tính một số enzyme trong tế bào động vật, thực vật	1	TH các phản ứng đặc trưng của lipid, vitamin và enzyme, nguyên tắc định lượng lipid		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	3	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 7. Hócmon	2			
Lý thuyết	7.1. Khái niệm chung 7.2. Vai trò sinh học của hócmon 7.3. Phân loại hócmon 7.3.1. Hócmon động vật 7.3.2. Hócmon thực vật	1	Học học liệu số 1: chương 7, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	Cơ chế tác dụng của hormon? Bệnh liên quan đến rối loạn hormon ở cơ thể người.	1		Lớp học	
Tự học, tự	Đọc các phần lý thuyết trước khi	2	Trả lời tốt các	Thư viện, ở	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập		câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	nhà	
	Chương 8. Khái niệm chung về sự trao đổi chất và năng lượng	2			
Lý thuyết	8.1. Sự trao đổi chất 8.2. Sự trao đổi năng lượng 8.2.1. Năng lượng sinh học 8.2.2. Đặc tính năng lượng của sự trao đổi chất 8.2.3. Các hợp chất cao năng Định tính, định lượng cacbohidrate và lipid	2		Phòng thí nghiệm Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 9. Trao đổi Xacarit	2			
Lý thuyết	9.1. Sự phân giải xacarit 9.1.1. Phân giải polixacarit và đixacarit 9.1.2. Sự oxi hoá monoxacarit 9.2. Sự tổng hợp xacarit 9.2.1. Tổng hợp xacarit đơn giản. Quá trình quang hợp. 9.2.2. Tổng hợp oligoxacarit	2	Học học liệu số 1: chương 9, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 10. Trao đổi Lipit	2			
Lý thuyết	10.1. Sự phân giải lipit. 10.1.1. Sự phân giải lipit đơn giản	2	Học học liệu số 1: chương 10, tham khảo các		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	10.1.2.Sự phân giải lipit phức tạp 10.1.3. Sự phân giải glixerol 10.1.4. Sự oxi hoá axit béo 10.2. Sinh tổng hợp lipit. 10.2.1.Sinh tổng hợp axit béo 10.2.2.Sinh tổng hợp triaxilglixerit, glixerophotpholipit và sterit		học liệu khác		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 11. Trao đổi Protein	2			
Lý thuyết	11.1. Sự phân giải protein. 11.1.1. Thủy phân protein 11.1.2.Sự phân giải axit amin 11.2.Sinh tổng hợp axit amin. 11.3. Sinh tổng hợp protein.	1	Học học liệu số 1: chương 11, tham khảo các học liệu khác		
Thảo luận	Quá trình tổng hợp và phân giải Glycogen? Những hormon điều khiển quá trình này?	1		Lớp học,	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 12. Trao đổi axit nucleic	2			
Lý thuyết	12.1.Sự phân giải axit nucleic. 12.2.Sinh tổng hợp nucleic purin. 12.3.Sinh tổng hợp nucleic pirimidin. 12.4. Sinh tổng hợp ADN. 12.5. Sinh tổng hợp ARN.	2	Học học liệu số 1: chương 12, tham khảo các học liệu khác		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 13: Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit, lipit, axit nucleic và protein	2			
Lý thuyết	13.1. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và lipit. 13.2. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và protein. 13.3. Mối liên quan giữa sự trao đổi lipit và protein. 13.4. Mối liên quan giữa sự trao đổi xacarit và axit nucleic. 13.5. Mối liên quan giữa sự trao đổi protein và axit nucleic. 13.6. Mối liên quan giữa sự trao đổi lipit và axit nucleic.	1	Học học liệu số 1: chương 13, tham khảo các học liệu khác		
Bài tập	Trình bày cơ chế hoá sinh của một số bệnh liên quan đến chuyển hoá.	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Phạm Thị Trân Châu (chủ biên), Trần Thị Áng (2008), *Hóa sinh học*, NXB Giáo dục.;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Thị Trân Châu (chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Phùng Gia Tường (1998), *Thực hành Hóa sinh học*, NXBGD;

[3]. Nguyễn Xuân Thắng, Đào Kim Chi (2008) *Hoá sinh học*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1			1	2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	1	1			2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	1			1	2	2	6
13	1			1	2	2	6
14	2				2	2	6
15	1		1		2	2	6
Tổng cộng	21	1	5	3	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
- + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
- + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
- + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
- + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
- + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 9, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Toán cao cấp B

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Dương Thị Hồng Hải.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0914 060 856 - Email: anphuong.cd@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Đại số và lý thuyết số.

Giảng viên thứ hai

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Mai Thị Hiền.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0979 409 679; Email: maihiencdtq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Toán giải tích, Lý luận và PPDH môn Toán

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Toán cao cấp B
- Mã học phần: TN2.1.143.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 20 tiết.
 - + Bài tập (thảo luận / Kiểm tra) trên lớp: 10 tiết.
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ.
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Toán THCS.
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.

3. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kiến thức đơn giản, cơ bản nhất về đại số tuyến tính : ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; các phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số: giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân kép, tích phân suy rộng và phương trình vi phân cấp một

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng giải hệ phương trình tuyến tính, thực hiện thành thạo các phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số: giới hạn, đạo hàm, vi phân. Biết tính tích phân kép, tích phân đường và giải phương trình vi phân cấp một.

- Về thái độ: Sinh viên có ý thức tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về: tính định thức, giải hệ phương trình tuyến tính, tìm đạo hàm riêng, tìm cực trị của hàm hai biến, tính tích phân, giải phương trình vi phân.
CDR 2	Hiểu được các mối liên hệ cơ bản, tính chất của các chủ đề: tính định thức, giải hệ phương trình tuyến tính, tìm đạo hàm riêng, tìm cực trị của hàm hai biến, tính tích phân, giải phương trình vi phân và thành thực các phép toán cơ bản về các loại toán trên.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài toán cơ bản về tính định thức, giải hệ phương trình tuyến tính, tìm đạo hàm riêng, tìm cực trị của hàm hai biến, tính tích phân, giải phương trình vi phân
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng làm các bài toán liên quan đến tính định thức, giải hệ phương trình tuyến tính, tìm đạo hàm riêng, tìm cực trị của hàm hai biến, tính tích phân, giải phương trình vi phân.
CDR 5	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá bài toán liên quan đến học phần ; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề liên quan.
CDR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy lôgic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập thông qua học phần.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết kết hợp giữa các chủ đề hình thành tư duy lôgic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo và tư duy biện chứng trong học tập, giải quyết các bài toán có liên quan giữa các chủ đề kiến thức với nhau.
CDR 8	Tạo kỹ năng nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp các kiến thức toán đã học theo từng chủ đề cơ bản đến nâng cao trong học phần.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần:

NỘI DUNG HP		CHUẨN ĐẦU RA										
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng				Thái độ, NL tự chủ			
					Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11
Chương 1. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính	1. Khái niệm mở đầu về ma trận	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	2. Định thức	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	3. Ma trận	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	4. Hệ phương trình tuyến tính	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
Chương 2. Bổ túc một số kiến thức về giải tích	1. Hàm số nhiều biến số	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	2. Tích phân suy rộng	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	3. Tích phân kép	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức đơn giản, cơ bản nhất về đại số tuyến tính: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; giới thiệu các phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số: giới hạn, đạo hàm, vi phân; Tích phân kép, tích phân suy rộng, phương trình vi phân cấp một.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính	11			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm mở đầu về ma trận 1.1.1. Các khái niệm cơ bản về ma trận 1.1.2. Các dạng ma trận 1.2. Định thức 1.2.1. Định nghĩa định thức của ma trận vuông 1.2.2. Các tính chất của định thức	08	Học học liệu số 1. Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.2.3. Các ví dụ 1.3. Ma trận 1.3.1. Các phép toán về ma trận 1.3.2. Hạng của ma trận 1.3.3. Ma trận nghịch đảo 1.4. Hệ phương trình tuyến tính 1.4.1. Dạng tổng quát của hệ phương trình tuyến tính 1.4.2. Dạng ma trận của hệ phương trình tuyến tính 1.4.3. Hệ Cramer 1.4.4. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát 1.4.5. Phương pháp khử Gauss 1.4.6. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v)	Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.	03	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	22	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi tiết học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Bổ túc một số kiến thức về giải tích	18			
Lý thuyết	2.1. Hàm số nhiều biến số 2.1.1. Định nghĩa hàm số nhiều biến số 2.1.2. Miền xác định của hàm số nhiều biến số 2.1.3. Giới hạn của hàm số hai biến số	03	Học học liệu số 2,3. Tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.1.4. Đạo hàm riêng của hàm số hai biến số 2.1.5. Vi phân toàn phần của hàm số hai biến số 2.1.6. Đạo hàm của hàm số hợp hai biến số				
Kiểm tra	Kiểm tra tín chỉ 1	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. - Ôn tập kiểm tra	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi tiết học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
Lý thuyết	2.2. Tích phân suy rộng 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Cách tính 2.3. Tích phân kép 2.3.1. Định nghĩa 2.3.2. Cách tính 2.3.3. Đổi biến số trong tích phân kép 2.4. Phương trình vi phân cấp một 2.3.1. Phương trình với biến số phân ly 2.3.2. Phương trình thuần nhất 2.3.3. Phương trình tuyến tính	9	Học học liệu số 2, 3. Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v)	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3 Tham khảo bài tập trong các học liệu khác.	06	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	30	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi tiết học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2002), *Toán học cao cấp, tập một*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2002), *Toán học cao cấp, tập hai*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2002), *Toán học cao cấp, tập ba*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[4] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2001), *Bài tập toán cao cấp tập ba*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội..

[5] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2001), *Bài tập toán cao cấp tập hai*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[6] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2001), *Bài tập toán cao cấp tập một*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4			2		2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9			2		2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng	20	1	9		30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%.

11.2. Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%.

11.3. Thi hết học phần : 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 2: (5 điểm)	60 phút	06	

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Xác suất thống kê B

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Khổng Chí Nguyễn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng đào tạo.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng đào tạo. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0916.732.576; nguyenkc69@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Đại số tuyến tính; Toán rời rạc; Giải tích toán học; Xác suất và thống kê.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Mai Thị Hiền.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0979 409 679; Email: maihiencdtq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích hàm.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Xác suất thống kê B.
- Mã học phần: TN2.1.107.2
- Số tín chỉ: 02.
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: Không.
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 18 tiết.
 - + Bài tập (thảo luận/Kiểm tra) trên lớp: 12 tiết.
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ.
- Đơn vị phụ trách học phần :

+ Bộ môn: Toán

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật – Công nghệ.

3. Mục tiêu học phần :

Sinh viên hiểu, biết và nắm được kiến thức cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn.

Sinh viên được rèn luyện tư duy khoa học, kỹ năng phân tích vấn đề, vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài toán cơ bản của xác suất thống kê và một số bài toán thực tế có liên quan.

Sinh viên có thái độ, động cơ học tập đúng đắn, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, lý thuyết tương quan hồi quy.
CDR 2	Hiểu được các mối liên hệ cơ bản, tính chất của các chủ đề: xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, lý thuyết tương quan hồi quy.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài toán cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, lý thuyết tương quan hồi quy làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn và các vấn đề liên quan đến các khái niệm này.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng làm các bài toán liên quan đến xác suất, biến ngẫu nhiên và hàm phân phối, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số vấn đề về thống kê toán và các vấn đề thực tiễn khác.
CDR 5	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá bài toán xác suất thống kê; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề liên quan đến bài toán về xác suất thống kê.
CDR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập thông qua học phần.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết kết hợp giữa các chủ đề hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo và tư duy biện chứng trong học tập, giải quyết các bài

	toán có liên quan giữa các chủ đề kiến thức với nhau.
CĐR 8	Tạo kỹ năng nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp các kiến thức toán đã học theo từng chủ đề cơ bản đến nâng cao trong học phần.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	Cứng		Mềm		CĐR 8	CĐR 9	CĐR1 0	CĐR1 1
					CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7				
Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất	1. Đại số tổ hợp	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2. Bổ túc toán cao cấp	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	3. Phép thử và biến cố	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	4. Các định nghĩa của xác suất	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	5. Các công thức của xác suất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	1. Biến ngẫu nhiên	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1

Chương 2. Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	2. Hàm phân phối	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1
	3. Phân phối rời rạc	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1
	4. Phân phối liên tục tuyệt đối	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	5. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	6. Một số phân phối thông dụng	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán	1. Mẫu ngẫu nhiên	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2. Hàm phân phối mẫu, đa giác tần suất và tổ hợp đồ tần suất	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
	3. Các số đặc trưng mẫu	2	2	2	2	1	2	1	2	2	2	2

4. Ước lượng điểm	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
5. Ước lượng khoảng	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
6. Kiểm định giả thiết	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
7. Phân tích hồi quy	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về : Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số vấn đề về thống kê toán giúp người học có khả năng vận dụng phân thống kê vào công tác kiểm tra đánh giá hoặc nghiên cứu giáo dục.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất	07			
Lý thuyết	1.1. Đại số tổ hợp 1.1.1. Hoán vị 1.1.2. Chỉnh hợp 1.1.3. Tổ hợp 1.2. Bổ túc toán cao cấp 1.2.1. Hàm số hai biến số 1.2.1.1. Khái niệm hàm số hai biến số 1.2.1.2. Tập xác định 1.2.1.3. Tính liên tục 1.2.2. Đạo hàm	05	Học học liệu số 1: chương 0, chương I. Tham khảo học liệu số 3: chương I và tham khảo trong các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.2.2.1. Đạo hàm riêng 1.2.2.2. Đạo hàm riêng cấp cao 1.2.3. Tích phân kép 1.2.4. Tích phân suy rộng 1.3. Phép thử và biến cố 1.3.1. Phép thử và biến cố 1.3.2. Các phép toán trên biến cố. 1.4. Các định nghĩa của xác suất 1.4.1. Định nghĩa cổ điển của xác suất 1.4.2. Định nghĩa xác suất theo tần suất 1.4.3. Định nghĩa xác suất hình học 1.5. Các công thức của xác suất 1.5.1. Công thức cộng xác suất 1.5.2. Xác suất có điều kiện. Công thức nhân xác suất 1.5.3. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes 1.5.4. Công thức xác suất nhị thức.				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	Làm bài tập trong học liệu số 1 (chương 0, chương I). Tham khảo bài tập trong học liệu số 4 (chương I) và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.	02	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi tiết học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	08			
Lý thuyết	2.1. Biến ngẫu nhiên 2.1.1. Định nghĩa	04	Học học liệu số 1: chương II.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2.1.2. Ví dụ</p> <p>2.2. Hàm phân phối</p> <p>2.2.1. Định nghĩa</p> <p>2.2.2. Ví dụ</p> <p>2.3. Phân phối rời rạc</p> <p>2.3.1. Bảng phân phối xác suất</p> <p>2.3.2. Hàm phân phối xác suất</p> <p>2.4. Phân phối liên tục tuyệt đối</p> <p>2.4.1. Định nghĩa</p> <p>2.4.2. Hàm phân phối xác suất</p> <p>2.4.3. Hàm mật độ xác suất</p> <p>2.5. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên</p> <p>2.5.1. Kỳ vọng của biến ngẫu nhiên</p> <p>2.5.2. Phương sai của biến ngẫu nhiên. Độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên</p> <p>2.5.3. Trung vị (median).</p> <p>2.5.4. Mốt (mod).</p> <p>2.6. Một số phân phối thông dụng</p> <p>2.6.1. Phân phối nhị thức</p> <p>2.6.1.1. Định nghĩa</p> <p>2.6.1.2. Các số đặc trưng và ví dụ</p> <p>2.6.2. Phân phối Poisson.</p> <p>2.6.2.1. Định nghĩa</p> <p>2.6.2.2. Các số đặc trưng và ví dụ</p> <p>2.6.3. Phân phối siêu bội</p> <p>2.6.3.1. Định nghĩa</p> <p>2.6.3.2. Các số đặc trưng và ví dụ</p> <p>2.6.4. Phân phối đều</p> <p>2.6.4.1. Định nghĩa</p> <p>2.6.4.2. Các số đặc trưng và ví dụ</p> <p>2.6.5. Phân phối chuẩn</p> <p>2.6.5.1. Định nghĩa</p> <p>2.6.5.2. Các số đặc trưng và ví dụ</p>		<p>Học học liệu số 2: chương III, chương IV.</p> <p>Tham khảo học liệu số 3: chương II, chương IV và tham khảo trong các học liệu khác.</p>		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.6.6. Phân phối khi bình phương 2.6.6.1. Định nghĩa 2.6.6.2. Các số đặc trưng và ví dụ				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	Làm bài tập trong học liệu số 1 (chương II). Tham khảo bài tập trong học liệu số 4 (chương II, chương IV) và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.	04	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán	15			
Lý thuyết	3.1. Mẫu ngẫu nhiên 3.1.1. Khái niệm về mẫu ngẫu nhiên 3.1.2. Phương pháp chọn mẫu 3.1.3. Sắp xếp số liệu thực nghiệm. 3.2. Hàm phân phối mẫu, đa giác tần suất và tổ chức đồ tần suất 3.2.1. Hàm phân phối mẫu 3.2.2. Đa giác tần suất 3.2.3. Tổ chức đồ tần suất 3.3. Các số đặc trưng mẫu 3.3.1. Trung bình mẫu 3.3.2. Phương sai mẫu 3.3.3. Hệ số tương quan mẫu 3.3.4. Mômen mẫu 3.3.5. Trung vị mẫu 3.3.6. Mốt (mod) 3.4. Ước lượng điểm 3.4.1. Định nghĩa ước lượng điểm 3.4.2. Ước lượng không chệch 3.4.3. Ước lượng vững	09	Học học liệu số 1: chương IV, chương V, chương VI, chương VII. Tham khảo học liệu số 3: chương VI, chương VII, chương VIII và tham khảo trong các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3.5. Ước lượng khoảng</p> <p>3.5.1. Định nghĩa ước lượng khoảng</p> <p>3.5.2. Khoảng ước lượng của kỳ vọng trong mẫu từ phân phối chuẩn</p> <p>3.5.2.1. Biết phương sai</p> <p>3.5.2.2. Không biết phương sai</p> <p>3.5.3. Khoảng ước lượng của phương sai trong mẫu từ phân phối chuẩn</p> <p>3.5.4. Khoảng ước lượng của hiệu hai trung bình của hai mẫu độc lập từ phân phối chuẩn</p> <p>3.5.5. Khoảng ước lượng của hiệu hai xác suất trong hai dãy phép thử Bernoulli</p> <p>3.6. Kiểm định giả thiết</p> <p>3.6.1. Kiểm định về xác suất p trong phân phối nhị thức (tỷ lệ phần trăm)</p> <p>3.6.1.1. Bài toán</p> <p>3.6.1.2. Ví dụ</p> <p>3.6.1.3. Tiêu chuẩn một phía</p> <p>3.6.2. Kiểm định hai xác suất trong phân phối nhị thức</p> <p>3.6.2.1. Bài toán</p> <p>3.6.2.2. Ví dụ</p> <p>3.6.2.3. Tiêu chuẩn một phía</p> <p>3.6.3. Kiểm định về trung bình trong mẫu ngẫu nhiên độc lập từ phân phối chuẩn $N(a, \sigma^2)$</p> <p>3.6.3.1. Trường hợp σ đã biết</p> <p>3.6.3.2. Trường hợp σ chưa biết</p> <p>3.6.4. So sánh hai trung bình của hai mẫu độc lập từ phân phối chuẩn</p> <p>3.6.4.1. Trường hợp đã biết phương sai</p> <p>3.6.4.2. Trường hợp chưa biết phương sai</p> <p>3.7. Phân tích hồi quy</p> <p>3.7.1. Khái niệm hàm hồi quy và</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>phương pháp bình phương bé nhất</p> <p>3.7.2. Tỷ số tương quan và độ sai dự báo</p> <p>3.7.3. Khoảng ước lượng và kiểm định giả thiết về hệ số hồi quy</p> <p>3.7.4. Hệ số tương quan</p>				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	<p>Làm bài tập trong học liệu số 1 (chương IV, chương V, chương VI).</p> <p>Tham khảo bài tập trong học liệu số 4 (chương VI, chương VII, chương VIII) và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.</p>	06	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	30	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] PGS. TS. Phạm Văn Kiều (2012), *Giáo trình xác suất và thống kê (Dùng cho sinh viên các ngành Sinh học, Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Kinh tế và Quản lý kinh tế, Tâm lý – Giáo dục học)*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2] Nguyễn Thành Mậu (2006), *Toán cao cấp đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Đinh Văn Gắng ((2010), *Lý thuyết xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Đinh Văn Gắng (2001), *Bài tập xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng cộng	18	1	11	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần:

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%.

11.2. Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%.

11.3. Thi hết học phần : 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1: (3 điểm). Câu 2: Với nội dung thuộc chương 2: (3 điểm). Câu 3: Với nội dung thuộc chương 3: (4 điểm).	60 phút	10	

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Sinh học phân tử

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Hoàng Thị Lệ Thương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên
- Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0983 586 193; hoangthilethuong@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh – Công nghệ sinh học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 212 985; quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học động vật.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sinh học phân tử
- Mã học phần: TN2.1.410.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc: Có
 - + Điều kiện tiên quyết: **Sinh học đại cương**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
 - + Bài tập trên lớp: Không
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học.

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về vật liệu di truyền (DNA, RNA) và các cơ chế hoạt động, biểu hiện của gen; các vật liệu, kỹ thuật, phương pháp sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử; những ứng dụng của sinh học phân tử trong khoa học và đời sống, làm cơ sở để vận dụng vào thực tiễn. Sinh viên nhận biết sự khác nhau giữa vật chất di truyền, cơ chế di truyền của Prokaryote với Eucaryote và các phương pháp cơ bản của sinh học phân tử. Trình bày được các bước cơ bản khi tiến hành một phân tích, thao tác trong sinh học phân tử. Sinh viên thấy được vai trò quan trọng của Sinh học phân tử với nghiên cứu, cuộc sống hiện nay. Từ đó yêu thích môn học, xác lập động cơ học tập đúng đắn, chủ động trong học tập nghiên cứu và biết ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được vật liệu di truyền (DNA, RNA) và các cơ chế hoạt động, biểu hiện của gen;
CDR 2	Hiểu được các vật liệu, kỹ thuật, phương pháp sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử; những ứng dụng của sinh học phân tử trong khoa học và đời sống
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải thích các hiện tượng di truyền ở cấp độ phân tử
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng nhận biết sự khác nhau giữa vật chất di truyền, cơ chế di truyền của Prokaryote với Eucaryote và các phương pháp cơ bản của sinh học phân tử.
CDR 5	Trình bày được các bước cơ bản khi tiến hành một phân tích, thao tác trong sinh học phân tử.
CDR 6	Thực hiện được các thao tác sinh học phân tử chính xác, hiệu quả
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết kết hợp giữa các kiến thức di truyền, sinh học đại cương để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo trong học tập, thực hành thí nghiệm sinh học phân tử.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận chuẩn đầu ra kiến thức

NỘI DUNG HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA
-------------------	--------------

CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
				Cứng		Mềm				
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9
Chương 1. Các đại phân tử sinh học và các liên kết hóa học yếu	1.1. Giới thiệu về SHPT	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.2. Các đại phân tử sinh học quan trọng	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.3. Các liên kết hóa học trong hệ thống sinh học	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2. Cấu trúc gen và sao chép acid nucleic	2.1. Cấu trúc Genome	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Sao chép acid nucleic	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Cơ chế gây biến đổi DNA	3.1. Đột biến.	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.2. Nguyên nhân gây biến đổi DNA ở vi sinh vật	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.3. Các gen nhảy hay yếu tố di động	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Gen và sự điều hoà hoạt động của gen	4.1. Tổng quan về sự điều hoà biểu hiện gen	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.2. Điều hoà biểu hiện gen ở prokaryote	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.3. Điều hoà biểu hiện gen ở eukaryote	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5. Phiên mã và dịch mã di truyền	5.1. Phiên mã di truyền	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	5.2. Dịch mã di truyền	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 6. Phương pháp tách chiết axit nucleic	6.1. Phương pháp tách chiết axit nucleic	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	6.2. Phương pháp phân tích định tính và định lượng axit nucleic	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 7. Các enzym, mẫu dò, vector và sự tạo dòng trong kỹ thuật di truyền	7.1. Các enzyme thông dụng trong kỹ thuật di truyền	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	7.2. Các mẫu dò	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	7.3. Tạo dòng	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 8. Phương pháp lai phân tử	8.1. Lai phân tử DNA	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	8.2. Các kiểu lai phân tử axit nhân	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	8.3. Các kiểu lai khác	1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 9. Tổng hợp axit nhân và	9.1. Enzym DNA polymease và tổng hợp DNA trong ống nghiệm	1	2	2	2	2	2	2	2	2

phương pháp PCR	9.2. Tổng hợp và tinh lọc oligonucleotide	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	9.3. Phương pháp PCR	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	9.4. Ứng dụng của PCR	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều											

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về các đại phân tử sinh học; DNA và sự biểu hiện của gen ; các vật liệu, kỹ thuật, phương pháp sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử và những ứng dụng của sinh học phân tử trong thực tiễn.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
	Chương 1. Các đại phân tử sinh học và các liên kết hóa học yếu	2			
Lý thuyết	1.1 Giới thiệu về SHPT 1.2. Các đại phân tử sinh học quan trọng 1.2.1. Các axit nucleic – DNA và NRA 1.2.2 Protein 1.3. Các liên kết hóa học trong hệ thống sinh học 1.3.1. Định nghĩa và đặc điểm chung 1.3.2. Bốn loại liên kết yếu cơ bản	2	Học học liệu số 1 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	4	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Cấu trúc gen và sao chép acid nucleic	3			
Lý thuyết	2.1. Cấu trúc Genome 2.1.1. Khái niệm và chức năng của genome 2.1.2 Hệ gen của Virus 2.1.3. Hệ gen của sinh vật nhân sơ Prokaryotes	3	Học học liệu số 1 tham khảo học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.1.4. Hệ gen ở sinh vật nhân chuẩn Eukaryotes 2.1.5. Transposon ở tế bào prokaryote, eukaryote và cơ chế hoạt động 2.1.6. Tính phức tạp của genom 2.1.7. Mối quan hệ giữa kích thước hệ gen và sự tiến hóa 2.2. Sao chép acid nucleic 2.2.1. Sao chép DNA mạch kép 2.2.2. Sao chép các loại axit nucleic khác 2.2.3. Hệ thống sửa sai				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Cơ chế gây biến đổi DNA	4			
Lý thuyết	3.1. Đột biến 3.1.1. Đặc điểm của đột biến 3.1.2. Cơ sở phân tử của đột biến 3.1.3. Hậu quả của đột biến 3.1.4. Ung thư là hậu quả của đột biến 3.1.5. Tác nhân lý hoá gây đột biến 3.2. Nguyên nhân gây biến đổi DNA ở vi sinh vật 3.2.1. Tái tổ hợp E.coli tạo biến đổi DNA 3.2.2. Mô hình tái tổ hợp theo Holliday 3.3. Các gen nhảy hay yếu tố di động 3.3.1. Trình tự IS 3.3.2. Transposon 3.3.3. Transposon tổng hợp 3.3.4. Các cơ chế chuyển gen ở vi khuẩn 3.3.5. Các Transposon ở Eucaryote,	3	Học học liệu số 1 Tham khảo học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	virut HIV, nấm men, ngô				
Thảo luận	Cơ sở phân tử của đột biến và nguyên nhân gây biến đổi DNA ở vi sinh vật	1	Trình bày được cơ sở phân tử của đột biến và nguyên nhân gây biến đổi DNA ở vi sinh vật	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	8	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4 Gen và sự điều hoà hoạt động của gen	3			
Lý thuyết	<p>4.1. Tổng quan về sự điều hòa biểu hiện gen</p> <p>4.1.1. Khái niệm về các gen cấu trúc (constitutive) và gen cảm ứng (inducible)</p> <p>4.1.2. Khái niệm về điều hòa dương tính và điều hòa âm tính</p> <p>4.2. Điều hòa biểu hiện gen ở prokaryote</p> <p>4.2.1. Sự điều hòa khởi đầu phiên mã ở vi khuẩn: Oeron Lac</p> <p>4.2.2. Sự điều hòa gen sau khởi đầu phiên mã ở vi khuẩn: Operon – Trp</p> <p>4.3. Điều hòa biểu hiện gen ở eukaryote</p> <p>4.3.1. Điều hòa biểu hiện gen ở eukaryote qua khởi đầu phiên mã</p> <p>4.3.2. Điều hòa biểu hiện gen ở eukaryote qua dịch mã</p>	3	Học học liệu số 1 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết, hoàn thành bài thuyết trình, nộp bản word và powerpoint theo nhóm	6	Trả lời tốt các câu hỏi của giáo viên và các nhóm khác	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Phiên mã và dịch mã di truyền	3			
Lý thuyết	5.1. Phiên mã di truyền	3	Học học liệu số 1, tham	Lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.1.1. Biểu hiện gen thông qua phiên mã và dịch mã 5.1.2. Các thành phần tham gia phiên mã 5.1.3. Các bước của quá trình phiên mã 5.1.4. Phiên mã ở prokaryote 5.1.5. Phiên mã ở eukaryote 5.1.6. Sự hoàn thiện và vận chuyển các loại RNA sau phiên mã ở Eukaryote 5.2. Dịch mã di truyền 5.2.1. Thành phần, cơ chế hoạt động của các thành phần tham gia dịch mã 5.2.2. Các bước của quá trình dịch mã 5.2.3. Đặc điểm chung của mã di truyền		khảo các học liệu	học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
	Chương 6 Phương pháp tách chiết axit nucleic	4			
Lý thuyết	6.1. Phương pháp tách chiết axit nucleic 6.1.1. Phương pháp tách chiết DNA 6.1.2. Phương pháp tách chiết RNA toàn phần và mRNA 6.2. Phương pháp phân tích định tính và định lượng axit nucleic 6.2.1. Định lượng bằng quang phổ kế 6.2.2. Phương pháp điện di	2	Học học liệu số 1 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Thực hành	Tách chiết và định tính, định lượng DNA	2	Tách chiết và định tính, định lượng được DNA	PTN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	8	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 7 Các enzym, mẫu dò, vector và sự tạo dòng trong kỹ thuật di truyền	3			
Lý thuyết	7.1. Các enzyme thông dụng trong kỹ thuật di truyền 7.2. Các mẫu dò 7.2. Các vector 7.3. Tạo dòng 7.3.1. Các bước cơ bản của phương pháp tạo dòng 7.3.2. Thư viện bộ gen 7.3.4. Thư viện DNA	3	Học học liệu số 1 và tham khảo học liệu khảo	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 8 Phương pháp lai phân tử	3			
Lý thuyết	8.1. Lai phân tử DNA 8.2. Các kiểu lai phân tử axit nhân 8.2.1. Lai trong pha lỏng 8.2.2. Ứng dụng 8.2.3. Lai trong pha rắn Southern blot 8.2.4. Phương pháp lai Northern blot 8.2.5. Phương pháp lai Western blot 8.2.6. Phương pháp dot và slot blot 8.2.7. Phương pháp ELISA 8.3. Các kiểu lai khác	3	Học học liệu số 1 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 9 Tổng hợp axit nhân và phương pháp PCR	5			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	9.1. Enzym DNA polymease và tổng hợp DNA trong ống nghiệm 9.1.1. Tái bản DNA trong ống nghiệm 9.1.2. Các loại polymerase 9.2. Tổng hợp và tinh lọc oligonucleotide 9.2.1. Tổng hợp 9.2.2. Tinh lọc 9.3. Phương pháp PCR 9.3.1. Khái niệm về PCR 9.3.2. Nguyên lý phương pháp PCR 9.3.3. Điểm chú ý khi tiến hành nhân DNA bằng PCR 9.4. Ứng dụng của PCR	2	Học học liệu số 1 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	Ứng dụng của PCR, cơ sở khoa học chuẩn đoán bệnh di truyền và ung thư	1	Trình bày được ứng dụng của PCR, cơ sở khoa học chuẩn đoán bệnh di truyền và ung thư	Lớp học	
Thực hành	PCR một đoạn DNA đã tách chiết	2	PCR được đoạn DNA đã tách chiết	PTN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	10	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Phan Hữu Tôn (2010), *Giáo trình Sinh học phân tử đại cương*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội

[2]. Phan Hữu Tôn (2010), *Giáo trình Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

8.2 Tài liệu tham khảo

[3]. Hồ Huỳnh Thùy Dương (2011), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)	

	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmi na, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	Tổng
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	1			1	2	2	6
6	2				2	2	6
7	2				2	2	6
8	2				2	2	6
9	2				2	2	6
10			2		2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	1			1	2	2	6
15		1	1		2	2	6
Tổng cộng	24		3	2	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kỳ (do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết môn học (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm): 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 3: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 6: (4 điểm)	60'	10	

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Sinh học tế bào

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Hoàng Thị Lệ Thương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên
- Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0983 586 193; hoangthilethuong@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh – Công nghệ sinh học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên
- Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 212 985; quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học động vật.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sinh học tế bào
- Mã học phần: TN2.1.411.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc:
 - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.

3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng tế bào. Sự sinh trưởng, phát triển, sinh sản của tế bào và các phương pháp nghiên cứu tế bào. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, thảo luận và liên hệ thực tiễn. Người học có nhận thức khoa học đúng đắn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng tế bào
CDR 2	Hiểu được quá trình sinh trưởng, phát triển, sinh sản của tế bào
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải thích các hiện tượng di truyền ở cấp độ tế bào
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng nhận biết, quan sát, phân tích, so sánh, thảo luận và liên hệ thực tiễn
CDR 5	Trình bày được các bước cơ bản khi tiến hành một phân tích, thao tác trong sinh học tế bào
CDR 6	Thực hiện được các thao tác sinh học phân tử chính xác, hiệu quả
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết kết hợp giữa các kiến thức di truyền, sinh học đại cương để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo trong học tập, thực hành thí nghiệm sinh học phân tử.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
				Cứng		Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
Chương 1. Đại cương về tế bào	1.1. Lược sử nghiên cứu tế bào	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.2. Các phương pháp nghiên cứu tế bào	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.3. Cơ sở phân tử của tế bào	1	2	2	2	2	2	2	2	2

	1.4. Tế bào nhân sơ và nhân thực	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2. Cấu trúc và chức năng của tế bào nhân thực	2.1. Màng tế bào	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Mạng lưới nội sinh chất	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.3. Ribôxôm	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.4. Ty thể	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.5. Lạp thể.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.6. Thể Golgi.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.7. Lizôxôm và Peroxixôm.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.8. Trung thể, lông, roi.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.9. Bộ khung tế bào	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.10. Nhân	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Sự sinh trưởng và Sự sinh sản của tế bào	3.1 Sinh trưởng của tế bào nhân sơ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.2 Sinh trưởng của tế bào nhân thực	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.3. Các kiểu phân bào.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.4. Phân bào nguyên nhiễm	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.5. Phân bào giảm nhiễm	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.6. Quá trình hình thành giao tử	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào	4.1. Khái quát về sự chuyển hóa vật chất và năng lượng.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.2. Enzym và vai trò của enzym trong quá trình chuyển hóa vật chất.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.3. Sự chuyển hóa năng lượng qua quá trình hô hấp tế bào	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.4. Sự chuyển hóa lipid, protein và axit nucleic	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.5. Quá trình đồng hóa cacbon.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều											

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về về cấu trúc, chức năng, sinh trưởng, phát triển, sinh sản của tế bào và các phương pháp nghiên cứu tế bào. Từ đó, có những kiến thức cơ bản để hiểu rõ các môn khoa học sinh học liên quan và dạy tốt kiến thức tế bào học ở trường phổ thông.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Chương 1. Đại cương về tế bào		3			
Lý thuyết	1.1. Lược sử nghiên cứu tế bào 1.2. Các phương pháp nghiên cứu tế bào 1.3. Cơ sở phân tử của tế bào 1.4. Tế bào nhân sơ và nhân thực 1.4.1. Tế bào nhân sơ 1.4.2. Tế bào nhân thực	2	Học giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lớp học	
Thảo luận	- Phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.	1	Đọc giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tế bào.	6	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2. Cấu trúc và chức năng của tế bào nhân thực		12			
Lý thuyết	2.1. Màng tế bào 2.2. Mạng lưới nội sinh chất 2.3. Ribôxôm. 2.4. Ty thể. 2.5. Lạp thể. 2.6. Thể Golgi. 2.7. Lizôxôm và Peroxixôm. 2.8. Trung thể, lông, roi. 2.9. Bộ khung tế bào 2.10. Nhân	7	Học giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	
Thảo luận	Đặc điểm giống nhau cơ bản giữa màng nhân và màng sinh chất.	1	Đọc giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	
Thực hành	- Phương pháp sử dụng kính hiển vi quan học - Quan sát hình thái tế bào động thực vật ở cấp độ hiển vi.	3	Nắm vững lí thuyết chương 2. Đọc giáo trình số [1], [2], [3].	Phòng TN	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	- Quan sát sự vận động của dòng tế bào chất và sự vận chuyển các chất qua màng				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tế bào.	24	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
Chương 3. Sự sinh trưởng và Sự sinh sản của tế bào		10			
Lý thuyết	3.1 Sinh trưởng của tế bào nhân sơ 3.2 Sinh trưởng của tế bào nhân thực 3.2.1 Chu kì tế bào 3.2.2. Kỳ trung gian. 3.3. Các kiểu phân bào. 3.4. Phân bào nguyên nhiễm 3.5. Phân bào giảm nhiễm 3.6. Quá trình hình thành giao tử	6	Học giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	
Thảo luận	- Những đặc điểm khác nhau cơ bản giữa phân bào nguyên nhiễm và phân bào giảm nhiễm.	1	Đọc giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	
Thực hành	- Quan sát nguyên phân của tế bào rễ hành. - Quan sát giảm nhiễm của tinh hoàn châu chấu.	3	Nắm vững lí thuyết chương 3. Đọc giáo trình số [1], [2], [3].	Phòng TN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tế bào.	20	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 4. Sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào		7			
Lý thuyết	4.1. Khái quát về sự chuyển hóa vật chất và năng lượng. 4.2. Enzym và vai trò của enzym trong quá trình chuyển hóa vật chất. 4.3. Sự chuyển hóa năng lượng qua quá trình hô hấp tế bào	5	Học giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.4. Sự chuyển hóa lipit, protein và axit nucleic 4.5. Quá trình đồng hóa cacbon.				
Thảo luận	Các sản phẩm có thể tạo ra từ các quá trình hô hấp và quang hợp của tế bào	1	Đọc giáo trình số [1], [2], [3] và tham khảo các giáo trình khác.	Lên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tế bào.		Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Học liệu

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Như Hiền (2008), *Giáo trình Sinh học tế bào*, Nxb Giáo dục;

[2]. Nguyễn Như Hiền (2007), *Tế bào học*, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Thái Duy Ninh (1996), *Tế bào học đại cương*. Nxb Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	1			1	4		6
3	2				4		6
4	1			1	4		6
5	1		1		4		6
6	1		1		4		6
7	1		1		4		6
8	1	1			4		6
9	1				4		6
10	1		1		4		6
11	1		1		4		6
12	1		1		4		6
13	1			1	4		6

14	1			1	4		6
15	1	1			4		6
Tổng cộng	18	2	6	4	60	0	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kỳ : 30%

11.3. Thi hết học phần: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3: (4 điểm)	60'	10	

* **Trọng số:** Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hình thái giải phẫu thực vật

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, VPK KH Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - KT&CN. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0962.975.056; Email: hainguyentq0495@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực vật.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên- Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; VPK KH Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0915 212 985; quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Hình thái giải phẫu thực vật
- Mã môn học: TN2.1.412.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc: Có
 - + Điều kiện tiên quyết: học sau môn Tế bào
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 19 tiết
 - + Thực hành, bài tập: 6 tiết
 - + Thảo luận: 4 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật - Công nghệ.

3. Mục tiêu của môn học

Nội dung bao gồm những đặc điểm cấu tạo điển hình của tế bào thực vật. Hình dạng, cấu tạo và chức năng của từng loại tế bào (các loại mô) trong cơ thể thực vật; những đặc trưng cơ bản về hình dạng ngoài, cấu tạo bên trong của các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá), cơ quan sinh sản (hoa, hạt và quả); Sự sinh sản và chu trình phát triển của các ngành thực vật, từ rêu đến thực vật có hoa; sự tiến hóa hình thái, cấu tạo giải phẫu từ thực vật chưa có hạt đến thực vật có hạt, từ thực vật chưa có hoa đến thực vật có hoa; kỹ năng làm tiêu bản hiển vi, kỹ năng quan sát, mô tả, phân biệt các loại mô trong cơ thể thực vật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm được những đặc điểm cấu tạo điển hình của tế bào thực vật. Hình dạng, cấu tạo và chức năng của từng loại tế bào (các loại mô) trong cơ thể thực vật.
CDR 2	Hiểu được những đặc trưng cơ bản về hình dạng ngoài, cấu tạo bên trong của các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá), cơ quan sinh sản (hoa, hạt và quả).
CDR 3	Phân tích sự sinh sản và chu trình phát triển của các ngành thực vật, từ rêu đến thực vật có hoa; sự tiến hóa hình thái, cấu tạo giải phẫu từ thực vật chưa có hạt đến thực vật có hạt, từ thực vật chưa có hoa đến thực vật có hoa.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Rèn luyện kỹ năng quan sát, mô tả các đặc điểm cấu tạo các bộ phận cơ thể thực vật
CDR 5	Kỹ năng làm tiêu bản hiển vi thông qua các bài thực hành.
CDR 6	Kỹ năng phân biệt được hình thái - giải phẫu cơ thể thực vật và thu thập mẫu vật ngoài thiên nhiên.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu
CDR 8	Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu
CDR 9	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Say mê nghiên cứu khoa học.

CDR 11	Có ý thức bảo vệ cây xanh và môi trường sống.
CDR 12	Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn của cá nhân và ở địa phương.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng						Thái độ			
					Cứng			Mềm						
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	
Chương 1. Mở đầu	1.1. Giới thực vật và vai trò của giới thực vật	1	1									1	1	1
	1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của hình thái - giải phẫu thực vật	1												
	1.3. Phương pháp nghiên cứu	1												1
Chương 2. Tế bào thực vật	2.1. Khái niệm tế bào	1			1		1							
	2.2. Thành phần, cấu trúc của tế bào thực vật	1			1	1	1		1			1		
	2.3. Sự phân chia tế bào: Phân biệt sự phân bào nguyên nhiễm và giảm nhiễm	1				1	1	1	1	1				1
Chương 3. Mô thực vật	3.1. Khái niệm mô	1			1	1	1							
	3.2. Phân loại mô: Phân biệt sự hình thành các loại mô, vai trò của từng loại mô trong quá trình sinh trưởng và phát triển của cây	1				1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 4. Cơ quan sinh dưỡng	4.1. Khái niệm về cơ quan sinh dưỡng		1		1		1					1	1	
	4.2. Tính chất của cơ quan sinh dưỡng		1		1		1	1	1					
	4.3. Các cơ quan sinh dưỡng: Rễ, thân, lá cây		1		1	1	1	1		1	1	1	1	1
Chương 5. Sự sinh sản và cơ quan sinh sản của thực vật	5.1. Khái niệm sinh sản và ý nghĩa của sinh sản		1	1			1	1	1	1	1	1	1	
	5.2. Các hình thức sinh sản: vô tính và hữu tính		1	1			1	1	1	1	1			1
	5.3. Xen kẽ thế hệ và xen kẽ hình thái		1	1			1	1	1	1	1	1		
	5.4. Sự sinh sản ở cây Hạt trần		1	1	1		1	1	1		1	1	1	1
	5.5. Sinh sản ở thực vật có hoa		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo bên ngoài, cấu tạo bên trong của các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá), cơ quan sinh sản (hoa, hạt và quả); Sự sinh sản và chu trình phát triển của các ngành thực vật, từ rêu đến thực vật có hoa; sự tiến

hóa hình thái - giải phẫu từ thực vật chưa có hạt đến thực vật có hạt, từ thực vật chưa có hoa đến thực vật có hoa. Mặt khác, sinh viên có kỹ năng làm tiêu bản hiển vi trong phòng thí nghiệm và thu thập mẫu vật ngoài thiên nhiên.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương I. Mở đầu	1			
Lý thuyết	1.1. Giới thực vật và vai trò của giới thực vật 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của hình thái - giải phẫu thực vật 1.3. Phương pháp nghiên cứu	1	Học học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về thực vật.	2	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Tế bào thực vật	4			
Lý thuyết	2.1. Khái niệm tế bào 2.2. Thành phần, cấu trúc của tế bào thực vật 2.2.1. Vách tế bào 2.2.2. Màng tế bào 2.2.3. Chất tế bào 2.2.4. Các bào quan 2.2.5. Nhân tế bào 2.2.6. Các thể ảm nhập, các chất dự trữ 2.2.7. Không bào và dịch tế bào 2.3. Sự phân chia tế bào	2	Học học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Phân biệt sự phân bào nguyên nhiễm và giảm nhiễm.	1	Đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	1. Quan sát thành phần cấu tạo tế bào 2. Quan sát hiện tượng co nguyên sinh và sự phân bào	1	Nắm vững lý thuyết chương 1, 2. Đọc học liệu số [4]	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về thực vật.	8	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Mô thực vật	4			
Lý thuyết	3.1. Khái niệm mô 3.2. Phân loại mô 3.2.1. Mô phân sinh 3.2.2. Mô che chở 3.2.3. Mô cơ 3.2.4. Mô dẫn 3.2.4. Gỗ 3.2.4. Li be 3.2.5. Mô mềm 3.2.6. Mô tiết	2	Học học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Phân biệt sự hình thành các loại mô, vai trò của từng loại mô trong quá trình sinh trưởng và phát triển của cây	1	Đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	1. Mô phân sinh ngọn, mô che chở, mô nâng đỡ 2. Mô dẫn, mô tiết, mô cơ bản	1	Nắm vững lý thuyết chương 3. Đọc học liệu số [4].	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về thực vật.	8	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Cơ quan sinh dưỡng	5			
Lý thuyết	4.1. Khái niệm về cơ quan sinh dưỡng 4.2. Tính chất của cơ quan sinh dưỡng 4.3. Các cơ quan sinh dưỡng 4.3.1. Rễ cây 4.3.1.1. Vai trò của rễ cây 4.3.1.2. Hình thái ngoài của rễ 4.3.1.3. Các biến thái của rễ 4.3.1.4. Cấu tạo giải phẫu của rễ	11	Học học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.3.2. Thân cây 4.3.2. Vai trò của thân 4.3.2. Hình thái ngoài của thân 4.3.2. Biến dạng của thân 4.3.2. Cấu tạo giải phẫu của thân				
	Kiểm tra giữa kì	1			
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 4. Cơ quan sinh dưỡng	5			
Lý thuyết	4.3.3. Lá cây 4.3.3. Vai trò của lá 4.3.3. Hình dạng ngoài của lá 4.3.3. Biến dạng của lá. 4.3.3. Cấu tạo giải phẫu của lá	2			
Thảo luận	1. Sự khác nhau về cấu tạo của thân, lá của cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm. 2. Sự chuyển tiếp cấu tạo giữa thân và rễ, giữa lá và thân.	1	Đọc học liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	1. Hình thái cấu tạo rễ 2. Hình thái cấu tạo thân cây Một lá mầm và Hai lá mầm 3. Hình thái cấu tạo của lá 4. Thực hành chiết, ghép	2	Nắm vững lí thuyết chương 4. Đọc học liệu số [4].	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về thực vật.	20	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Sự sinh sản và cơ quan sinh sản của thực vật	10			
Lý thuyết	5.1. Khái niệm sinh sản và ý nghĩa của sinh sản 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Ý nghĩa 5.2. Các hình thức sinh sản 5.2.1. Sinh sản vô tính 5.2.2. Sinh sản hữu tính	7	Học học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.3. Xen kẽ thế hệ và xen kẽ hình thái 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Xen kẽ thế hệ ở Tảo 5.3.3. Xen kẽ thế hệ ở Dương xỉ 5.3.4. Xen kẽ thế hệ ở Quyển bá 5.3.5. Xen kẽ thế hệ ở thực vật có hạt 5.4. Sự sinh sản ở cây Hạt trần 5.4.1. Nón sinh sản 5.4.2. Sự hình thành giao tử 5.4.3. Sự thụ phấn, thụ tinh 5.4.4. Hạt 5.5. Sinh sản ở thực vật có hoa 5.5.1. Hoa 5.5.2. Cụm hoa 5.5.3. Sự thụ phấn 5.5.4. Thụ tinh 5.5.5. Hạt 5.5.6. Quả				
Thảo luận	1. Phân biệt sự thụ phấn và sự thụ tinh 2. Cấu tạo của hạt ở cây Hạt trần và ở thực vật có hoa	1	Đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	1. Cơ quan sinh sản ở rêu, dương xỉ, thông 2. Hoa, cụm hoa, hoa thức, hoa đò 3. Hạt và quả	2	Nắm vững lí thuyết chương 5. Đọc học liệu số [4].	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về thực vật.	20	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Hoàng Thị Sản, Nguyễn Phương Nga (2004), *Hình thái giải phẫu học thực vật*, NXBĐHSP, Hà Nội;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Bá (2006), *Hình thái học thực vật*, NXB Giáo dục;

[3] Trần Văn Ba, Hoàng Thị Sản (1998), *Giải phẫu hình thái học thực vật*, NXB Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	1			1	4		6
3	1		1		4		6
4	2				4		6
5			1	1	4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	1	1			4		6
9	1		1		4		6
10			1	1	4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14	1			1	4		6
15			2		4		6
Tổng cộng	19	1	6	4	60	0	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

11.1. Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần: 10%

11.2. Điểm kiểm tra thường xuyên: (1 tiết vào tuần 8 do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Điểm thi hết môn học (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm): 60%

Kết quả đánh giá môn học được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 2, 3 (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: chương 4: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3: chương 5: (4 điểm)	60'	10	

* **Trọng số:** Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Phân loại học thực vật

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Đỗ Công Ba
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Đào tạo
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Đào tạo - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916549990; - Email: congbacdsp@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Phòng Khảo thí - ĐBCL
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0972997176; - Email: ninhdiiep.tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: PPDH Sinh học.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phân loại học thực vật
- Mã học phần: TN3.1.410.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: TN3.1.421.2; TN3.1.409.3
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lí thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thực hành: 8 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh - Hóa.
 - + Khoa: Tự nhiên - KTCN.

3. Mục tiêu của học phần

Người học trình bày được hệ thống Thực vật từ thấp đến cao qua các hệ thống phân loại lớn (ngành, lớp) quan hệ họ hàng, hướng tiến hóa, đặc điểm sinh học và ý nghĩa thực tế của chúng. Hình thành các kỹ năng quan sát, mô tả, thu thập và phân tích mẫu vật, làm tiêu bản tạm thời để phục vụ việc tự học, nghiên cứu khoa học. Từ đó, có những nhận thức và hành động cụ thể trong công tác bảo vệ cây xanh và môi trường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được quá trình lịch sử phát triển, các phương pháp phân loại, sự phân chia của sinh giới và các nhóm thực vật chính.
CDR 2	Nắm được những tính chất đặc trưng của các giới, ngành, lớp về tổ chức cơ thể, cấu tạo tế bào, sinh sản và sự tiến hóa.
CDR 3	Giải thích được vai trò của các giới, ngành, lớp trong tự nhiên và trong đời sống con người.
CDR 4	Phân biệt được đặc điểm chính giữa các giới, ngành, lớp.
CDR 5	Nắm được khái quát về khu hệ thực vật Việt Nam, từ đó hiểu được tình hình phân bố sinh thái của thực vật trong cả nước cũng như từng vùng nói riêng.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Quan sát, phân tích mẫu vật, sưu tầm, bổ sung dẫn liệu phục vụ bài giảng có liên quan. Nhận diện, tra cứu và phân loại được các taxon thực vật trong tự nhiên.
CDR 7	Thu thập mẫu, nuôi cấy, làm tiêu bản thực vật, làm bách thảo tập, bảo quản các mẫu thực vật phục vụ học tập và để làm đồ dùng giảng dạy sau này.
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Biết cách hướng dẫn thực hành và thiết kế được bài giảng phục vụ cho công tác giảng dạy sau này.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thực vật, tài nguyên rừng và các giá trị của thực vật.
CDR 10	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của giới thực vật đối với đời sống của nhân loại.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
		Kiến thức					Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	C	C	C	C	C	C	C	C	CD	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	R	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	10	R
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
Chương 1:	Đối tượng, nhiệm vụ và lược sử phát triển môn phân loại học thực vật	2					1	1	1	1	1

Mở đầu	Các phương pháp phân loại, đơn vị phân loại các bậc phân loại	2				1	1	1	1	1
	Sự phân chia của sinh giới và các nhóm thực vật chính	2				1	1	1	1	1
Chương 2: Giới Nấm	Đại cương về tổ chức cơ thể, cấu tạo tế bào và sinh sản.	2		1		1	1	1	1	1
	Phân loại	2		1		1	1	1	1	1
	Nguồn gốc và sự xuất hiện của nấm	2		1		1	1	1	1	1
	Vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người		2	1		1	1	1	1	1
Chương 3: Tảo - Địa y	Đại cương về tổ chức cơ thể, cấu tạo tế bào và sinh sản.	2		1		1	1	1	1	1
	Phân loại	2		1		1	1	1	1	1
	Vai trò của tảo - địa y trong thiên nhiên và trong đời sống con người		2	1		1	1	1	1	1
Chương 4: Rêu - Quyết - Hạt trần	Đại cương về thực vật ở cạn	2		1		1	1	1	1	1
	Sự phân chia các nhóm /ngành trong thực vật ở cạn	2		1		1	1	1	1	1
Chương 5: Ngành Hạt kín	Đại cương về ngành Hạt kín	2		1		2	1	1	1	1
	Phân loại và hệ thống sinh	2		1		2	1	1	1	1
Chương 6: Giới thiệu khu hệ thực vật Việt Nam	Những điều kiện tự nhiên và lịch sử của hệ thực vật Việt Nam				2	1	1	1	1	1
	Đặc điểm của hệ thực vật Việt Nam				2	1	1	1	1	1
	Phân chia các khu hệ thực vật ở Việt Nam				2	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu cho người học hệ thống thực vật theo trình tự tiến hóa từ thấp đến cao qua các bậc phân loại lớn (ngành, lớp), riêng đối với ngành Hạt kín xuống tới một số bộ chính. Học phần còn trình bày một số đặc điểm sinh học và ý nghĩa thực tiễn của các nhóm thực vật quan trọng, hình thành hiểu biết về sự đa dạng phong phú của thực vật nước ta, trang bị một số kỹ năng quan sát, mô tả, thu thập, phân tích mẫu vật, làm tiêu bản bách thảo để nghiên cứu thực vật.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1. Mở đầu	1			
Lý thuyết	1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và vai trò của Phân loại học thực vật	1	Học học liệu số 1: (chương 1); tham khảo các học liệu	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.2. Lược sử phát triển môn Phân loại học thực vật</p> <p>1.3. Các phương pháp phân loại</p> <p>1.4. Các quy tắc phân loại</p> <p>1.5. Sự phân chia của sinh giới và các nhóm thực vật chính</p>		khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	2	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	Chương 2. Giới nấm (Mycophyta)	4			
Lý thuyết	<p>2.1. Đại cương về Nấm</p> <p>2.1.1. Tổ chức cơ thể</p> <p>2.1.2. Đặc điểm cấu tạo tế bào</p> <p>2.1.3. Sinh sản</p> <p>2.2. Phân loại</p> <p>2.2.1. Lớp Nấm cổ (Chytridiomycetes)</p> <p>2.2.2. Lớp Nấm trứng = Nấm noãn (Oomycetes)</p> <p>2.2.3. Lớp Nấm tiếp hợp (Zygomycetes)</p> <p>2.2.4. Lớp Nấm túi (Ascomycetes)</p> <p>2.2.5. Lớp Nấm đảm (Basidiomycetes)</p> <p>2.2.6. Lớp Nấm bất toàn (Deuteromycetes = Fungi imperfecti)</p> <p>2.3. Nguồn gốc và sự xuất hiện của Nấm</p> <p>2.4. Vai trò của Nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người</p>	3	Học học liệu số 1, 2: (chương 2); tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	Ngành Nấm, Tảo	1	Quan sát hình dạng ngoài và cấu tạo của một số đại diện thuộc Ngành Nấm, Tảo.	Phòng thực hành Sinh học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	8	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Tảo – Địa y	3			
Lý thuyết	<p>3.1. Tảo (Algae)</p> <p>3.1.1. Đại cương về Tảo.</p> <p>3.1.2. Tổ chức cơ thể</p> <p>3.1.3. Cấu tạo tế bào</p> <p>3.1.4. Đặc điểm cơ quan sinh sản</p> <p>3.1.5. Các hình thức sinh sản.</p> <p>3.2. Phân loại</p> <p>3.2.1. Ngành Tảo Silic (Bacillariophyta = Diatomae)</p> <p>3.2.2. Ngành Tảo nâu (Phaeophyta)</p> <p>3.2.3. Ngành Tảo đỏ (Rhodophyta)</p> <p>3.2.4. Ngành Tảo lục (Chlorophyta)</p> <p>3.2.5. Ngành Tảo vòng (Charophyta)</p> <p>3.3. Vai trò của tảo trong tự nhiên và trong đời sống con người.</p> <p>3.4. Địa y (Lichenes)</p> <p>3.4.1. Định nghĩa.</p> <p>3.4.2. Đặc điểm cấu tạo.</p> <p>3.4.3. Đặc điểm sinh sản.</p> <p>3.4.4. Tầm quan trọng của Địa y trong tự nhiên và trong đời sống con người</p>	3	Học học liệu số 1, 2: (chương 3); tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập	6	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Rêu – Quyết – Hạt trần	7			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>4.1. Đại cương về thực vật ở cạn:</p> <p>4.1.1. Đặc điểm chung</p> <p>4.1.2. Nguồn gốc và tiến hóa</p> <p>4.1.3. Sự phân chia giới Thực vật</p> <p>4.2. Sự phân chia các nhóm, ngành trong thực vật ở cạn:</p> <p>4.2.1. Ngành Rêu (Bryophyta)</p> <p>4.2.2. Ngành Quyết trần và ngành Lá thông</p> <p>4.2.3. Ngành Thông đá (Lycopodiophyta)</p> <p>4.2.4. Ngành Cỏ tháp bút (Equysetophyta)</p> <p>4.2.5. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)</p> <p>4.2.6. Ngành Hạt trần (Gymnospermatophyta) hay ngành Thông (Pinophyta)</p> <p>4.2.7. Vị trí và hướng tiến hóa của ngành Hạt trần.</p>	3	Học học liệu số 1, 2: (chương 4); tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Kiểm tra		1			
Thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Rêu, Quyết, Dương xỉ. - Ngành Hạt trần 	3	- Quan sát hình dạng ngoài và cấu tạo của một số đại diện thuộc Ngành Rêu, Quyết, Dương xỉ và Hạt trần.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	14	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 5. Ngành hạt kín (Angiospermatophyta)	13			
Lý thuyết	<p>5.1. Đại cương về ngành hạt kín.</p> <p>5.1.1. Đặc điểm chung</p> <p>5.1.2. Nguồn gốc</p> <p>5.1.3. Các vấn đề về tiến hoá</p> <p>5.2. Phân loại:</p>	9	Học học liệu số 1, 2: (chương 5); tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>5.2.1. Lớp Hai lá mầm (Dicotyledonae)</p> <p>a. Phân lớp Ngọc lan (Magnoliidae)</p> <p>b. Phân lớp Mao lương (Ranunculidae)</p> <p>c. Phân lớp Sau sau (Hamamelididae)</p> <p>d. Phân lớp Cẩm chướng (Caryophyllidae)</p> <p>e. Phân lớp Sô (Dilenniidae)</p> <p>f. Phân lớp Hoa hồng (Rosidae)</p> <p>g. Phân lớp Cúc (Asteridae)</p> <p>5.2.2. Lớp Một lá mầm (Monocotyledonae) hay lớp Hành (Liliopsida)</p> <p>a. Phân lớp Trạch tả (Alismidae)</p> <p>b. Phân lớp Hành hay phân lớp Huệ tây (Liliidae)</p> <p>c. Phân lớp Cau (Areccidae)</p>				
Thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Phân lớp Ngọc lan, Mao lương, Sau sau - Phân lớp Cẩm chướng, Sô - Phân lớp Hoa hồng, Cúc. - Phân lớp Trạch tả, Huệ tây - Phân lớp Cau 	4	- Quan sát hình dạng ngoài và cấu tạo của một số đại diện thuộc các Phân lớp. Nhận biết được các đại diện trong tự nhiên.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	26	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6. Giới thiệu hệ thực vật Việt Nam	2			
Lý thuyết	<p>6.1. Những điều kiện tự nhiên và lịch sử của hệ thực vật Việt Nam.</p> <p>6.2. Đặc điểm của hệ thực vật Việt Nam</p> <p>6.2.1. Thành phần phức tạp phong phú</p>	2	Học học liệu số 1: (chương 6); tham khảo các học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	6.2.2. Có nhiều thực vật cổ 6.2.3 Yếu tố đặc hữu 6.2.4. Nhiều loài có giá trị kinh tế cao. 6.3. Phân chia các khu vực hệ thực vật ở Việt Nam.				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Hoàng Thị Sản (2006), *Phân loại học Thực vật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội;

[2] Hoàng Thị Sản, Hoàng Thị Bé (2001), *Thực hành phân loại thực vật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Hoàng Thị Sản (chủ biên), Hoàng Thị Bé (2005), *Phân loại học Thực vật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	3	6
15	2				2	2	6
Tổng cộng	21	1	8	0	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy:
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên:
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chủ đề 2, 3, 4: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung chủ đề 5, 6, 7: (5 điểm)	60'	3

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Động vật học có xương sống

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Kiều Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Phòng Thanh tra – Pháp chế
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Cơ bản. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0917317467; Email: nguyenkieulinh84tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ sinh học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa KH Cơ bản
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Cơ bản. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0915212985 Email: quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học .

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Động vật học có xương sống
- Mã học phần: TN2.1.415.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc: Có
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau HP Động vật không xương sống
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 14 tiết
 - + Thực hành: 10 tiết
 - + Thảo luận: 5 tiết
 - + Kiểm tra: 01
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, hoạt động sống, sinh sản và phát triển của từng ngành hoặc từng lớp động vật. Rèn luyện kỹ năng điều tra thu mẫu, quan sát, sử dụng kính hiển vi, giải phẫu, phân tích và liên hệ những kiến thức đã học với thực tiễn. Giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu độc lập, biết cập nhật, vận dụng những kiến thức mới, có ý thức bảo vệ các loài động vật quý hiếm và bảo vệ môi trường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được đặc điểm cấu tạo của các hệ cơ quan của các lớp động vật có xương sống.
CDR 2	Hiểu được đặc điểm cấu tạo phù hợp với chức năng sinh lí của các hệ cơ quan của các lớp động vật có xương sống.
CDR 3	Vận dụng các đặc điểm cấu tạo và hoạt động sinh lí của các hệ cơ quan trong cơ thể để phân loại các ngành, các lớp của động vật có xương sống..
CDR 4	Phân tích được cấu tạo, hoạt động sống của các lớp động vật có xương sống và nguyên nhân một số loại bệnh thường gặp ở các loài động vật để bảo vệ các loài động vật quý hiếm và bảo vệ môi trường.
CDR 5	Hiểu được bản chất, đặc điểm của hoạt động sinh sản và phát triển của từng ngành hoặc từng lớp động vật có xương sống.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Biết quan sát, nhận biết, so sánh đặc điểm cấu tạo của các cơ quan của các ngành, các lớp động vật có xương sống.
CDR 7	Phân tích được các cơ chế, quá trình hoạt động của các cơ quan trong cơ thể động vật có xương sống.
CDR 8	Vận dụng các kiến thức về cấu tạo và hoạt động sinh lí của các cơ quan để giải thích một số hiện tượng có liên quan trong cuộc sống.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Hiểu được kỹ năng giải phẫu để sau này tổ chức tốt các giờ thực hành ở trường THCS.
CDR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 13	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, cập nhật kiến thức mới, để hình thành kỹ năng thực hành.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

12		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	Cứng		Mềm		C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13
							C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	CĐ R 9				
Chương 1. Ngành Nửa sống và Đại cương về Ngành Dây sống	1. Ngành nửa sống	2	1	1					1	1		1	1	1
	2. Đại cương về Ngành Dây sống	2	1	1	1				1	1		1	1	1
Chương 2. Phân ngành Động vật có xương sống	1. Đặc điểm chung.		2	1	2	2				1		1	1	1
	2. Phân loại phân ngành Động vật có xương sống.	2	1	1			2			1		1	1	1
	3. Tổ tiên và hướng tiến hoá của động vật có xương sống	2	1	1			2			1		1	1	1
Chương 3. Lớp Cá Miệng tròn	1. Cấu tạo cơ thể Cá bóm	2	1	1	2	2	2			1		1	1	1
	2. Sinh sản và phát triển của Cá bóm	2	1	1	2	1	2			1		1	1	1
	3. Phân loại lớp Miệng tròn		2	1			2		1	1		1	1	1
	4. Ý nghĩa kinh tế của cá Miệng tròn		2	1				2	1	1		1	1	1
Chương 4. Lớp Cá sụn	1. Đặc điểm chung	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	2. Cấu tạo cơ thể		2	1				2	1	1		1	1	1
	3. Sinh sản và phát triển	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	4. Phân loại lớp Cá sụn		2	1				2	1	1		1	1	1
	5. Nguồn gốc và tiến hoá của Cá sụn		2	1				2	1	1		1	1	1
	6. Ý nghĩa kinh tế của Cá sụn			2						1	1	1	1	1
Chương 5. Lớp cá xương	1. Đặc điểm chung	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	2. Cấu tạo cơ thể		2	1				2	1	1		1	1	1
	3. Sinh sản và phát triển		2	1			2		1	1		1	1	1
	4. Phân loại lớp Cá xương	2	1	1						1		1	1	1

	5. Đặc điểm sinh học và sinh thái học	2	1				1	1		1	1	1
	6. Nguồn gốc và tiến hoá của Cá xương	2	1				1	1		1	1	1
	7. Ý nghĩa kinh tế của Cá xương	2	1				1	1		1	1	1
Chương 6. Lớp Lưỡng cư	1. Đặc điểm chung	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	2. Cấu tạo cơ thể	2	1			2	1	1	1	1	1	1
	3. Sinh sản và phát triển	2	1			2	1	1	1	1	1	1
	4. Phân loại lớp Lưỡng cư			2				1	1	1	1	1
	5. Nguồn gốc và tiến hoá của Lưỡng cư	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	6. Ý nghĩa kinh tế của Lưỡng cư	2	1			2	1	1		1	1	1
Chương 7 Lớp bò sát	1. Đặc điểm chung	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	2. Cấu tạo cơ thể	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	3. Sinh sản và phát triển	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	4. Phân loại lớp Bò sát .	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	5. Nguồn gốc và tiến hoá	2	1			2	1	1	1	1	1	1
	6. Ý nghĩa kinh tế của Bò sát						1	1	1	1	1	1
Chương 8 Lớp chim	1. Đặc điểm chung.	2	1	1			1	1		1	1	1
	2. Cấu tạo cơ thể.	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	3. Sinh sản và phát triển	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	4. Phân loại lớp Chim		2	1		2	1	1	1	1	1	1
	5. Nguồn gốc và tiến hoá	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	6. Ý nghĩa kinh tế của Chim	2	1	1		2	1	1		1	1	1
Chương 9. Lớp thú	1. . Đặc điểm chung.	2	1	1	2			1		1	1	1
	2. Cấu tạo cơ thể.	2	1	1	2		1	1	1	1	1	1
	3. Sinh sản và phát triển.	2	1	1	2		1	1	1	1	1	1
	4. Phân loại lớp Thú.	1	2	1	2		1	1	1	1	1	1
	5. Nguồn gốc và tiến hoá	2	1	1	2		1	1	1	1	1	1
	6. Ý nghĩa kinh tế của Thú	2	1	1	2		1	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Động vật học có xương sống trình bày những đặc điểm cơ bản về cấu tạo, chức năng và hệ thống đặc trưng cho từng ngành hoặc từng lớp động vật. Phân loại

đến bộ, họ, các lớp của các ngành động vật. Đặc điểm sống một số loài của mỗi lớp và ý nghĩa thực tiễn. Nguồn gốc và tiến hoá của mỗi ngành.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Chương 1: Ngành Nửa sống (Hemichordata) và Đại cương về Ngành Dây sống (Chordata)		3			
Lý thuyết	1.1. Ngành Nửa sống (Hemichordata) 1.2. Đại cương về Ngành Dây sống (Chordata)	2	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Những đặc điểm giống và khác nhau của Sống đầu và Sống đuôi	1	Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	6	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2: Phân ngành Động vật có xương sống (Vertebrata)		3			
Lý thuyết	2.1. Đặc điểm chung. 2.2. Phân loại phân ngành Động vật có xương sống. 2.3. Tổ tiên và hướng tiến hoá của động vật có xương sống.	1	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	So sánh những đặc điểm cơ bản của phân ngành Động vật có xương sống với các phân ngành Sống đuôi, Sống đầu.	2	Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	6	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 3: Lớp Cá Miệng tròn (Cyclostomata)		2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	3.1. Cấu tạo cơ thể Cá bắm 3.2. Sinh sản và phát triển của Cá bắm 3.3. Phân loại lớp Miệng tròn 3.4. Ý nghĩa kinh tế của cá Miệng tròn	1	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Đặc điểm cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của Cá miệng tròn.	1	Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	4	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 4: Lớp Cá sụn (Chondrichthyes)		2			
Lý thuyết	4.1. Đặc điểm chung 4.2. Cấu tạo cơ thể 4.3. Sinh sản và phát triển 4.4. Phân loại lớp Cá sụn 4.5. Nguồn gốc và tiến hoá của Cá sụn 4.6. Ý nghĩa kinh tế của Cá sụn	1	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	So sánh đặc điểm cấu tạo cơ thể của lớp Cá sụn với lớp Cá miệng tròn.	1	Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	4	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 5: Lớp Cá xương (Osteichthyes)		5			
Lý thuyết	5.1. Đặc điểm chung 5.2. Cấu tạo cơ thể 5.3. Sinh sản và phát triển 5.4. Phân loại lớp Cá xương 5.5. Đặc điểm sinh học và sinh thái học	2	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.6. Nguồn gốc và tiến hoá của Cá xương 5.7. Ý nghĩa kinh tế của Cá xương				
Thực hành	Bài 1: Lớp Cá xương – Giải phẫu cá chép	2	Nắm vững lí thuyết chương 5. Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4].	Phòng TN	
Kiểm tra		1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	10	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
Chương 6: Lớp Lưỡng cư (Amphibia)		3			
Lý thuyết	6.1. Đặc điểm chung 6.2. Cấu tạo cơ thể 6.3. Sinh sản và phát triển 6.4. Phân loại lớp Lưỡng cư 6.5. Nguồn gốc và tiến hoá của Lưỡng cư 6.6. Ý nghĩa kinh tế của Lưỡng cư	1	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	Bài 2: Lớp Lưỡng cư - Giải phẫu ếch đồng	2	Nắm vững lí thuyết chương 6. Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4].	Phòng TN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	6	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 7: Lớp Bò sát (Reptilia)		4			
Lý thuyết	7.1. Đặc điểm chung 7.2. Cấu tạo cơ thể 7.3. Sinh sản và phát triển 7.4. Phân loại lớp Bò sát 7.5. Nguồn gốc và tiến hoá 7.6. Ý nghĩa kinh tế của Bò sát	2	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thực hành	Bài 3. Lớp Bò sát - Giải phẫu thạch sùng	2	Nắm vững lí thuyết chương 7. Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4].	Phòng TN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	8	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 8: Lớp Chim (Aves)		4			
Lý thuyết	8.1. Đặc điểm chung. 8.2. Cấu tạo cơ thể. 8.3. Sinh sản và phát triển 8.4. Phân loại lớp Chim 8.5. Nguồn gốc và tiến hoá 8.6. Ý nghĩa kinh tế của Chim	2	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	Bài 4. Lớp Chim - Giải phẫu chim bồ câu	2	Nắm vững lí thuyết chương 8. Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4].	Phòng TN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	8	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 9: Lớp Thú (Mammalia)		4			
Lý thuyết	9.1. Đặc điểm chung. 9.2. Cấu tạo cơ thể. 9.3. Sinh sản và phát triển. 9.4. Phân loại lớp Thú. 9.5. Nguồn gốc và tiến hoá 9.6. Ý nghĩa kinh tế của Thú	2	Học tài liệu số [1], [2], [3], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	Bài 5. Lớp Thú - Giải phẫu thỏ Bài 6. Phân loại Chim và Thú	2	Nắm vững lí thuyết chương 9. Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4].	Phòng TN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về động vật.	8	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập:

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Vũ Khôi, *Động vật học Có xương sống*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, (tái bản lần thứ nhất), 2008;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Hà Đình Đức, Nguyễn Lân Hùng Sơn (2014), *Giải phẫu so sánh động vật có xương sống*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội;.

[3]. Trần Kiên, Trần Hồng Việt (2014), *Động vật học có xương sống*, Sách Cao đẳng Sư phạm, Nxb Giáo dục, Hà Nội;

[4] Trần Hồng Việt, Nguyễn Hữu Dực, Lê Nguyên Ngật (2011), *Thực hành Động vật có xương sống*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể:

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	1			1	4		6
3	2				4		6
4	1			1	4		6
5	1			1	4		6
6				2	4		6
7	1	1			4		6
8	2				4		6
9			2		4		6
10	2				4		6
11			2		4		6
12	2				4		6
13			2		4		6
14			2		4		6
15			2		4		6
Tổng cộng	14	1	10	5	60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy như có phòng học phù hợp: Có máy chiếu hỗ trợ khi giảng dạy lí thuyết trên lớp, có đầy đủ phương tiện để tiến hành thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Yêu cầu đối với sinh viên: Tham gia tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học học tập trên lớp và phòng thí nghiệm. Thực hiện nghiêm túc các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà,..

11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 7 do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực tế, điểm tiểu luận (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1(2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 2:(4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc chương 3:(4 điểm)	60'	07	

Trọng số: Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Giải phẫu và sinh lý người

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên- Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; VPK Tự nhiên - KTCN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Tự nhiên - KTCN.Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0915 212 985; quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học; Giải phẫu sinh lí người

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Kiều Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ .
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Phòng Thanh Tra.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Thanh tra.Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0917317467; Email: nguyenkieulinh84tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ sinh học; Giải phẫu sinh lý người.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giải phẫu và sinh lý người
- Mã học phần: TN2.1.417.4
- Số tín chỉ: 04
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc: có
 - + Điều kiện tiên quyết: Học xong Động vật học có xương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
 - + Thực hành: 20 giờ
 - + Thảo luận: 8 giờ
 - + Kiểm tra: 02 giờ
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 120 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:
- + Bộ môn: Hóa – Sinh - KTNN
- + Khoa: Tự nhiên - KTCN.

3. Mục tiêu của học phần

Người học có được các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình hoạt động của các cơ quan, của từng hệ cơ quan trong cơ thể người; Mối quan hệ thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của từng hệ cơ quan trong cơ thể; Những tri thức về các hoạt động sống của cơ thể người và động vật trong mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường và trong nội bộ cơ thể. Đồng thời thấy được sự giống và khác nhau giữa các hoạt động của cơ thể động vật và người thể hiện sự tiến hóa về cấu tạo và chức năng của các cơ quan và hệ cơ quan khác nhau.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA													
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức									Kĩ năng		Thái độ, năng lực tự chủ		
											Cứng	Mềm			
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CD R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12		
Chương 1. Khái niệm mở đầu	1.1. Định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ và tầm quan trọng của môn Giải phẫu sinh lí người.	1	1	1			2	1	1	1		1	1	1	
	1.2. Tế bào – đơn vị cấu tạo và chức năng của cơ thể	1	1	1			2	1	1	1		1	1	1	
	1.3. Đặc điểm và chức năng của các loại mô trong cơ thể.	2	1	2		1	1	2	1	1		1	1	1	
	1.4. Cơ quan và hệ cơ quan	2	2	1		2	1	1	2	1		1	1	1	
	1.5. Cơ thể với môi trường	1	1	1		2	1	1	1	1		1	1	1	
Chương 2. Hệ xương và hệ cơ	2.1. Tầm quan trọng của hệ xương.	1	2	1	1		2	1	1			1	1	1	
	2.2. Thành phần, cấu tạo, tính chất của xương.	2	1	1			2	1	1			1	1	1	
	2.3. Sự tiến hóa của xương người so với động vật.	1	1	1			2	1	1			1	1	1	
	2.4. Phân loại khớp xương	2					2	1	1			1	1	1	
	2.5. Tầm quan trọng của hệ cơ	1		2	2		2	1	1			1	1	1	
	2.6. Cấu tạo cơ trơn	2					2	1	1			1	1	1	
	2.7. Cấu tạo cơ vân.	2					2	1	1			1	1	1	
	2.8. Hình dạng, vị trí, tên gọi chức năng các cơ	1					2	1	1			1	1	1	
Chương 3:	3.1. Tầm quan trọng của hệ tiêu hóa	1		2	2		2	1	1			1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN					CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kĩ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
					Cứng		Mềm						
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CD R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12
Hệ tiêu hóa	3.2. Cấu tạo từng phần của ống tiêu hóa	2		1	1		2	1	1		1	1	1
	3.3 Cấu tạo và chức năng của các tuyến tiêu hóa	2	2	1	1		2	1	1		1	1	1
Chương 4. Hệ hô hấp và hệ tuần hoàn	4.1. Tầm quan trọng của hệ hô hấp.	1		2	2		2	1	1		1	1	1
	4.2. Cấu tạo và chức năng của xoang mũi.	2	2	1	1		2	1	1		1	1	1
	4.3. Cấu tạo của đường hô hấp.	2		1	1		2	1	1		1	1	1
	4.4. Cấu tạo của phổi.	2		2	2		2	1	1		1	1	1
	4.5. Tầm quan trọng của hệ tuần hoàn.	1		1	1		2	1	1		1	1	1
	4.6. Cấu tạo của tim.	2		2	2		2	1	1		1	1	1
	4.7 .Các mạch của 2 vòng tuần hoàn.	2		1	1		2	1	1		1	1	1
	4.8. Hệ bạch huyết. Cấu tạo của hạch bạch huyết.	2		1	1		2	1	1		1	1	1
	4.9. Sự tuần hoàn phổi	1	2	2	2		2	1	1		1	1	1
Chương 5. Hệ niệu sinh dục và hệ nội tiết	5.1. Nguồn gốc và mối liên quan giữa hệ niệu và hệ sinh dục.	1	1				2	1	1		1	1	1
	5.2. Cấu tạo của cơ quan tiết niệu. Sự bài tiết nước tiểu. Sự tuần hoàn máu qua thận.	2	2	2	2		2	1	1		1	1	1
	5.3. Cấu tạo của cơ quan sinh dục nam và cơ quan sinh dục nữ.	2		2	2		2	1	1		1	1	1
	5.4. Đại cương về hệ nội tiết	1					2	1	1		1	1	1
	5.5. Các tuyến nội tiết chính trong cơ thể	2		2	2		2	1	1		1	1	1
Chương 6. Hệ thần kinh và giác quan	6.1. Đại cương về hệ thần kinh.	1					2	1	1		1	1	1
	6.2. Tủy sống và các dây thần kinh tủy.	2		2	2		2	1	1		1	1	1
	6.3. Não bộ và các dây thần kinh sọ.	2					2	1	1		1	1	1
	6.4. Một số đường dẫn truyền.	1		1	1		2	1	1		1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN					CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng						Mềm
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CD R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12
	6.5. Hệ thần kinh thực vật tính	1		1	1		2	1	1		1	1	1
	6.6. Đại cương về các cơ quan cảm giác.	1		1	1		2	1	1		1	1	1
Chương 7. Sinh lý máu và tuần hoàn	7.1. Ý nghĩa và chức năng của máu		1	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.2. Khối lượng, thành phần và tính chất của máu	2					2	1	1	1	1	1	1
	7.3. Sự đông máu		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.4. Nhóm máu và sự truyền máu	1		2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.5. Điều hòa thành phần của máu		2				2	1	1	1	1	1	1
	7.6. Đại cương về tuần hoàn máu		1	2	1		2	1	1	1	1	1	1
	7.7. Sinh lý tim		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.8. Sinh lý hệ mạch		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.9. Sự tuần hoàn máu		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.10. Sự điều hòa hoạt động tim mạch		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	7.11. Sinh lý bạch huyết		2	2	1		2	1	1	1	1	1	1
Chương 8. Sinh lý hô hấp và Sinh lý tiêu hóa	8.1. Đại cương về hô hấp	1					2	1	1	1	1	1	1
	8.2. Cơ chế cử động hô hấp		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	8.3. Quá trình vận chuyển khí		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	8.4. Sự trao đổi khí ở phổi và mô		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	8.5. Điều hòa hô hấp		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	8.6. Đại cương về tiêu hóa	1					2	1	1	1	1	1	1
	8.7. Tiêu hóa cơ học và hóa học		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	8.8. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
Chương 9. Sự trao đổi chất, trao đổi năng lượng và Sinh lý nội tiết	9.1. Đại cương về trao đổi chất và năng lượng	1					2	1	1	1	1	1	1
	9.2. Trao đổi chất		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	9.3. Trao đổi năng lượng		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	9.4. Khẩu phần ăn		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	9.5. Đại cương về nội tiết	1					2	1	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN					CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng		Mềm				
		CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CĐ Đ R 6	CĐ Đ R 7	CĐ Đ R 8	CD R 9	CĐ Đ R 10	CĐ Đ R 11	CĐ Đ R 12
	9.6. Cơ chế tác động của hormon		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	9.7. Điều hòa tiết hormon		2				2	1	1	1	1	1	1
	9.8. Chức năng sinh lý của các tuyến nội tiết trong cơ thể		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
Chương 10. Sinh lý bài tiết và sinh lý sinh sản	10.1. Đại cương về bài tiết	1					2	1	1	1	1	1	1
	10.2. Sự tạo thành nước tiểu		2	1	2		2	1	1	1	1	1	1
	10.3. Sự bài tiết nước tiểu		2	1	2		2	1	1	1	1	1	1
	10.4. Sự điều hòa bài tiết		2	1			2	1	1	1	1	1	1
	10.5. Đại cương về sinh dục và sinh sản	1					2	1	1	1	1	1	1
	10.6. Sinh lý sinh dục đực		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	10.7. Sinh lý sinh dục cái		2	2	2		2	1	1	1	1	1	1
	10.8. Quá trình chữa và đẻ		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	10.9. Điều khiển sinh sản		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
Chương 11. Sinh lý thân nhiệt và sinh lý vận động	11.1. Khái niệm về thân nhiệt		1				2	1	1	1	1	1	1
	11.2. Cơ chế chống nóng, chống lạnh của cơ thể		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	11.3. Sự điều hòa thân nhiệt		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	11.4. Đại cương về vận động	1					2	1	1	1	1	1	1
	11.5. Sinh lý cơ vân		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
	11.6. Sinh lý cơ trơn		2	1	1		2	1	1	1	1	1	1
Chương 12. Sinh lý thần kinh, sinh lý vỏ não và sinh lý các cơ quan cảm giác	12.1. Đại cương về thần kinh	1				2	2	1	1	1	1	1	1
	12.2. Điện thế của tế bào thần kinh	2				2	2	1	1	1	1	1	1
	12.3. Dẫn truyền xung thần kinh		2	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1
	12.4. Sinh lý thần kinh trung ương		2			2	2	1	1	1	1	1	1
	12.5. Sinh lý thần kinh ngoại biên		2			2	2	1	1	1	1	1	1
	12.6. Đại cương về vỏ não	1				2	2	1	1	1	1	1	1
	12.7. Hoạt động phản xạ của vỏ não		2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1
	12.8. Ước chế phản xạ có điều kiện		2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1
	12.9. Các loại hình hoạt động thần		2	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN					CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ					
					Cứng		Mềm						
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	kinh												
	12.10. Đại cương về các cơ quan cảm giác	2				2	2	1	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần.

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức nghiên cứu cơ thể người ở mức đại thể và theo phương pháp hệ thống (các bộ phận trong cơ thể người được mô tả theo hệ thống các cơ quan cùng làm một chức năng nhất định) và các kiến thức về quy luật thực hiện chức năng của các hệ cơ quan và cơ quan của động vật và người, đó là hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, thân nhiệt, trao đổi chất và năng lượng, hệ nội tiết, hệ sinh sản, hệ thần kinh và giác quan.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
	Chương 1. Khái niệm mở đầu	2			
Lý thuyết	1.1. Định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ và tầm quan trọng của môn Giải phẫu sinh lí người. 1.2. Tế bào - đơn vị cấu tạo và chức năng của cơ thể 1.3. đặc điểm và chức năng các loại mô 1.4. Cơ quan và hệ cơ quan 1.5. Cơ thể với môi trường	2	Học học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Hệ xương và hệ cơ	4			
Lý thuyết	2.1. Tầm quan trọng của hệ xương. 2.2. Thành phần, cấu tạo, tính chất của xương. 2.3. Sự tiến hóa của xương người	2	Học học liệu số 1, 2..		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	so với động vật. 2.4. Phân loại khớp xương 2.5. Tầm quan trọng của hệ cơ 2.6. Cấu tạo cơ tron 2.7. Cấu tạo cơ vân. 2.8. Hình dạng, vị trí, tên gọi chức năng các cơ				
Thực hành	1. QS đặc điểm cấu tạo, chức phận và ĐĐ tiến hoá của x.sọ 2. Đặc điểm cấu tạo của xương thân và xương chi.	2		Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Hệ tiêu hóa	4			
Lý thuyết	3.1. Tầm quan trọng của hệ tiêu hóa 3.2. Cấu tạo từng phần của ống tiêu hóa. 3.3 Cấu tạo và chức năng của các tuyến tiêu hóa	2	Học học liệu số 1, 2..		
Thực hành	Đặc điểm cấu tạo, cách gọi và phân loại của hệ cơ	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Hệ hô hấp và hệ tuần hoàn	5			
Lý thuyết	4.1. Tầm quan trọng của hệ hô hấp. 4.2. Cấu tạo và chức năng của xoang mũi. 4.3. Cấu tạo của đường hô hấp. 4.4. Cấu tạo của phổi. 4.5. Tầm quan trọng của hệ tuần hoàn 4.6. Cấu tạo của tim. 4.7. Các mạch của 2 vòng tuần hoàn.	2	Học học liệu số 1, 2..		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.8. Hệ bạch huyết. Cấu tạo của hạch bạch huyết.				
Thực hành	Quan sát cấu tạo và chức năng của hệ tiêu hoá và bài tiết	2			
Thảo luận	- Vệ sinh hệ hô hấp và tuần hoàn - Sự tuần hoàn phổi	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 5. Hệ niệu sinh dục và hệ nội tiết	5			
Lý thuyết	5.1. Nguồn gốc và mối liên quan giữa hệ niệu và hệ sinh dục. 5.2. Cấu tạo của cơ quan tiết niệu. Sự bài tiết nước tiểu. Sự tuần hoàn máu qua thận. 5.3. Cấu tạo của cơ quan sinh dục nam và cơ quan sinh dục nữ. 5.4. Đại cương về hệ nội tiết 5.5. Các tuyến nội tiết chính trong cơ thể	3	Học học liệu số 1,2..		
Thực hành	1: Quan sát cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn. 2: Quan sát cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6. Hệ thần kinh và giác quan	10			
Lý thuyết	6.1. Đại cương về hệ thần kinh. 6.2. Tủy sống và các dây thần kinh tủy 6.3. Não bộ và các dây thần kinh sọ. 6.4. Một số đường dẫn truyền. 6.5. Hệ thần kinh thực vật tính 6.6. Đại cương về các cơ quan	5	Học học liệu số 1,2..		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	cảm giác.				
Thực hành	1. Quan sát cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh 2. Quan sát các cơ quan cảm giác	2			
Thảo luận	Chứng minh : Cấu tạo của các hệ cơ quan trong cơ thể luôn phù hợp với chức năng mà chúng đảm nhận	3			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 3	15			
	Chương 7. Sinh lý máu và tuần hoàn	6			
Lý thuyết	7.1. Ý nghĩa và chức năng của máu 7.2. Khối lượng, thành phần và tính chất của máu 7.3. Sự đông máu 7.4. Nhóm máu và sự truyền máu 7.5. Điều hòa thành phần của máu 7.6. Đại cương về tuần hoàn máu 7.7. Sinh lý tim 7.8. Sinh lý hệ mạch 7.9. Sự tuần hoàn máu 7.10. Sự điều hòa hoạt động tim mạch 7.11. Sinh lý bạch huyết	4	Học học liệu số 4,5...		
Thực hành	1. TP máu, đếm hồng cầu, nhóm máu, thắt nút Stanius 2. Điều hòa hoạt động của tim	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	12	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 8. Sinh lý hô hấp và Sinh lý tiêu hóa	5			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	8.1. Đại cương về hô hấp 8.2. Cơ chế cử động hô hấp 8.3. Quá trình vận chuyển khí 8.4. Sự trao đổi khí ở phổi và mô 8.5. Điều hòa hô hấp 8.6. Đại cương về tiêu hóa 8.7. Tiêu hóa cơ học và hóa học thức ăn 8.8. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng	3	Học học liệu số 4,5, tham khảo các học liệu khác		
Thực hành	1. Đo dung tích sống 2. Quan sát sự co dẫn của ruột non	2		PTN	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	10	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 9. Sự trao đổi chất, trao đổi năng lượng và Sinh lý nội tiết	4			
Lý thuyết	9.1. Đại cương về trao đổi chất và năng lượng 9.2. Trao đổi chất 9.3. Trao đổi năng lượng 9.4. Khẩu phần ăn 9.5. Đại cương về nội tiết 9.6. Cơ chế tác động của hormon 9.7. Điều hòa tiết hormon 9.8. Chức năng sinh lý của các tuyến nội tiết trong cơ thể	2	Học học liệu số 4,5....		
Thảo luận	-Việc nuôi cấy mô, phôi ở người, việc cấy ghép tạng ở người và động vật.	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	8	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 4	15			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 10. Sinh lý bài tiết và sinh lý sinh sản	3			
Lý thuyết	10.1. Đại cương về bài tiết 10.2. Sự tạo thành nước tiểu 10.3. Sự bài tiết nước tiểu 10.4. Sự điều hòa bài tiết 10.5. Đại cương về sinh dục và sinh sản 10.6. Sinh lý sinh dục đực 10.7. Sinh lý sinh dục cái 10.8. Quá trình chữa và đẻ 10.9. Điều khiển sinh sản	3	Học học liệu số 4,5, tham khảo các học liệu khác		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 11. Sinh lý thân nhiệt và sinh lý vận động	4			
Lý thuyết	11.1. Khái niệm về thân nhiệt 11.2. Cơ chế chống nóng, chống lạnh của cơ thể 11.3. Sự điều hòa thân nhiệt 11.4. Đại cương về vận động 11.5. Sinh lý cơ vân 11.6. Sinh lý cơ trơn	2	Học học liệu số 4, 5 tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	1. Việc nuôi cấy mô, phôi ở người. 2. Giải thích các hiện tượng bệnh, tật ở người	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập và giải thích thực tế	8	Làm bài sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 12. Sinh lý thần kinh, sinh lý vỏ não và sinh lý các cơ quan cảm giác	8			
Lý thuyết	12.1. Đại cương về thần kinh 12.2. Điện thế của tế bào thần kinh	2	Học học liệu số 4,5...		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	12.3. Dẫn truyền xung thần kinh 12.4. Sinh lý thần kinh trung ương 12.5. Sinh lý thần kinh ngoại biên 12.6. Đại cương về vỏ não 12.7. Hoạt động phản xạ của vỏ não 12.8. Ước chế phản xạ có điều kiện 12.9. Các loại hình hoạt động thần kinh 12.10. Đại cương về các cơ quan cảm giác				
Thực hành	1. Làm chế phẩm cơ, thần kinh 2. Dòng điện sinh học	2			
Thực hành	3. Quan sát hệ thần kinh củaẾch 4. Tủy sống, phản xạ tủy sống	2			
Thực hành	5. Cung phản xạ tủy sống	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập và giải thích thực tế	16	Làm bài sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Học liệu

8.1. Giáo trình bắt buộc

- [1]. Trần Thúy Nga (2003), *Giải phẫu người*, NxbGD;
 [2].Trịnh Hữu Hằng, Đỗ Công Huỳnh (2006). *Sinh lý học người và động vật*, Tập 1 + 2, Nxb ĐHQG Hà Nội;
 [3] Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2005), *Thực hành Giải phẫu - Sinh lí người*, NXB Đại học Sư phạm;

8.2. Tài liệu tham khảo

- [4]. Võ Văn Toàn, Lê Thị Phụng (2013), *Giáo trình Giải phẫu sinh lí người và động vật*, NXB Giáo dục Việt Nam;
 [5]. Nguyễn Như Hiền, Nguyễn Hồng Hạnh (2009), *Sinh lí học Người và động vật*, NXB Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmia, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	4				4	4	12
2	2		2		4	4	12
3	2		2		4	4	12
4	3			1	4	4	12
5	2		2		4	4	12
6	2		2		4	4	12
7	3	1			4	4	12
8	1			3	4	4	12
9	2		2		4	4	12
10	2		2		4	4	12
11	2		2		4	4	12
12	2			2	4	4	12
13	1	1		2	4	4	12
14	2		2		4	4	12
15			4		4	4	12
Tổng cộng	30	2	20	8	60	60	180

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (2 tiết, vào tuần 7 và 13 do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1,2 (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 3 (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 4 (4 điểm)	60'	10	

Trọng số: Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

3. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, tế bào; các qui luật di truyền và biến dị; các cơ chế tái tổ hợp di truyền ở sinh vật; công nghệ tái tổ hợp ADN; những kiến thức cơ bản về di truyền học người, di truyền học quần thể; ứng dụng của Di truyền học trong thực tiễn chọn giống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm được các đặc điểm cơ bản của vật chất di truyền ở các cấp độ, khái niệm và đặc tính của mã di truyền. Đồng thời nắm được cơ chế của phiên mã, dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein.
CDR 2	Phân tích được cấu trúc và chức năng của gen, phân biệt được các loại đột biến và hiểu được cơ chế phát sinh các đột biến.
CDR 3	Hiểu được khái niệm và cơ chế thường biến. Hiểu được nội dung, cơ sở tế bào học và ý nghĩa của các quy luật di truyền Mendel và sau Mendel
CDR 4	Hiểu được thuyết NST. Phân tích được cơ chế di truyền của các gen trên NST và của các gen ngoài NST
CDR 5	Phân tích được cơ chế tái tổ hợp di truyền ở vi khuẩn và virus. Đồng thời hiểu được cơ sở di truyền của sự phát triển cá thể
CDR 6	Hiểu được cấu trúc di truyền trong các quần thể và các nhân tố ảnh hưởng đến trạng thái cân bằng trong quần thể. Nắm được các phương pháp cơ bản nghiên cứu di truyền người. Nắm được những nét cơ bản của công nghệ AND tái tổ hợp.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Kĩ năng thực hành thí nghiệm và khả năng phân tích các hiện tượng di truyền và biến dị trong thực tế
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Bồi dưỡng kĩ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn; kĩ năng học tập và làm việc theo nhóm
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
								Cứng	Mềm	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
Chương 1. Vật chất di	1.1. Đặc điểm chung về vật chất di truyền ở các nhóm sinh vật	2							2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kĩ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
								Cứng	Mềm	
		CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9						
truyền		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6			
	1.2. Axit nucleic	2						2	2	2
	1.3. Nhiễm sắc thể	2						2	2	2
Chương 2: Mã di truyền	2.1. Khái niệm và đặc tính mã di truyền (DT)	2						1	2	2
	2.2. Phiên mã (tổng hợp ARN)	2						1	1	2
	2.3. Dịch mã (tổng hợp protein)	2						1	1	2
	2.4. Điều hòa sinh tổng hợp protein	2						1	1	2
Chương 3: Cấu trúc và chức năng của gen	3.1. Đặc điểm cấu trúc của gen ở các nhóm sinh vật.	1						2	2	2
	3.2. Quan niệm hiện đại về gen	2						1	1	2
	3.3. Tổ chức phức tạp của bộ gen ở sinh vật nhân chuẩn	1						1	2	2
Chương 4: Biến đổi của vật chất DT	4.1. Khái niệm và phân loại biến dị		2					1	2	2
	4.2. Phân loại đột biến		2					2	2	2
	4.3. Tác nhân và cơ chế đột biến		2					1	1	2
	4.4. Các cơ chế sửa chữa ADN		2					1	1	2
	4.5. Đột biến gen (ĐBG)		2					2	2	2
	4.6. Đột biến cấu trúc NST		2					2	2	2
	4.7. Đột biến số lượng NST		2					2	2	2
Chương 5. Thường biến	5.1. Khái niệm và cơ chế của thường biến			2				2	2	2
	5.2. Mức phản ứng			2				1	2	2
	5.3. Độ thâm nhập và độ biểu hiện			1					1	2
Chương 6: Các quy luật về hiện tượng di truyền	6.1. Các quy luật di truyền của Mendel			2				1	2	2
	6.2. Các quy luật di truyền sau Mendel			2				2	2	2
Chương 7. Di truyền nhiễm sắc thể	7.1. Thuyết di truyền NST				2				1	2
	7.2. Di truyền học giới tính và di truyền liên kết giới tính				2			1	1	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
								Cứng	Mềm	
		CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9						
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6			
Chương 8. Di truyền ngoài NST	8.1. Đặc điểm cấu tạo gen ngoài NST				2			2	2	2
	8.2. Di truyền lập thể				1			1	2	2
	8.3. Di truyền ti thể				1			1	2	2
	8.4. Đặc điểm di truyền ngoài NST				2				2	2
	8.5. Tính bất thụ đực tế bào chất				2			2	2	2
Chương 9. Di truyền học vi khuẩn và virus	9.1. Cơ chế tái tổ hợp DT ở virus – Cấu trúc tinh vi của gen r _{II} của phage T ₄					2			1	2
	9.2. Chu trình sống của phage ϕ X174.					1		1	1	2
	9.3. Tái tổ hợp về vật chất di truyền ở vi khuẩn					2		1	1	2
Chương 10: Cơ sở di truyền của sự phát triển cá thể	10.1. Cơ sở di truyền của sự phân hóa					2			2	2
	10.2. Mối quan hệ giữa kiểu gen và kiểu hình					2			2	2
	10.3. Cơ chế biểu hiện phân hóa của gen					1		1	1	2
Chương 11. Di truyền quần thể	11.1. Một số khái niệm và thuật ngữ						1		2	2
	11.2. Cấu trúc DT của quần thể						2	1	2	2
	11.3. Sự DT trong quần thể						1	1	2	2
	11.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến trạng thái cân bằng trong quần thể.						2	1	2	2
Chương 12. Di truyền học người	12.1. Đặc điểm bộ NST và hệ gen người						2	2	2	2
	12.2. Các phương pháp nghiên cứu di truyền học người						2	2	2	2
	12.3. Bệnh di truyền ở người						2	2	2	2
Chương 13. Công nghệ ADN tái tổ hợp	13.1. Khái niệm enzym giới hạn và kỹ thuật DT						2	1	2	2
	13.2. Tính chất, phân loại và vai trò của enzym giới hạn						1	1	1	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kĩ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
								Cứng	Mềm	
		CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9						
CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9		
	13.3. Thể truyền, đặc điểm thể truyền, tạo ADN tái tổ hợp					1	1	1	2	
	13.4. Các cách đưa ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận					2	1	1	2	
	13.5. Phân lập dòng tế bào chứa ADN tái tổ hợp					1	1	1	2	
	13.6. Ứng dụng kĩ thuật DT để tạo sinh vật biến đổi gen					2	2	2	2	

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần di truyền học cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, tế bào; Mã di truyền – Môi liên hệ giữa ADN, ARN và protein; các qui luật di truyền và biến dị; các cơ chế tái tổ hợp di truyền ở sinh vật; công nghệ tái tổ hợp ADN; những kiến thức cơ bản về di truyền học người, di truyền học quần thể; ứng dụng của Di truyền học trong thực tiễn chọn giống.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1: Vật chất di truyền	2			
Lý thuyết	1.1. Đặc điểm chung về vật chất di truyền ở các nhóm sinh vật 1.2. Axit nucleic 1.3. Nhiễm sắc thể	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Mã di truyền	2			
	2.1. Khái niệm và đặc tính mã di truyền (DT) 2.2. Phiên mã (tổng hợp ARN) 2.3. Dịch mã (tổng hợp protein)	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	2.4. Điều hòa sinh tổng hợp protein				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Cấu trúc và chức năng của gen	7			
Lý thuyết	3.1. Đặc điểm cấu trúc của gen ở các nhóm sinh vật. 3.2. Quan niệm hiện đại về gen 3.3. Tổ chức phức tạp của bộ gen ở sinh vật nhân chuẩn	1	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	- Xác định số vòng xoắn, chiều dài gen, số lượng và thành phần nucleotit, số lần tái bản của ADN, số axit amin trong chuỗi polipeptit, số liên kết hidro, số liên kết peptit...	1	Nắm vững lí thuyết chương 1,2,3 và xem các dạng bài tập để chuẩn bị	Lớp học	
Thực hành	Bài 1: Phân bào nguyên nhiễm. Bài 2: Phân bào giảm nhiễm. Bài 3: Quan sát NST khổng lồ.	3	Đọc học liệu 5 và đọc bài thực hành trong học liệu	P. TN	
Thảo luận	- So sánh quá trình sao chép ADN ở sinh vật nhân sơ và nhân chuẩn. - So sánh cấu trúc nhiễm sắc thể của các sinh vật khác nhau: virus, vi khuẩn và sinh vật nhân chuẩn. - Các bậc cấu trúc của nhiễm sắc thể nhân chuẩn. - Ý nghĩa của sự cuộn xoắn nhiễm sắc thể; Các ngoại lệ của mã di truyền ở sinh vật nhân sơ. - So sánh những điểm khác biệt của quá trình phiên mã và dịch mã ở sinh vật nhân sơ và nhân chuẩn.	2	Đọc học liệu 2,3,4 và các học liệu tham khảo 6,7,8,9	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	14	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			đề cần giải đáp.		
	Chương 4: Biến đổi của vật chất DT	4			
Lý thuyết	4.1. Khái niệm và phân loại biến dị 4.2. Phân loại đột biến 4.3. Tác nhân và cơ chế đột biến 4.4. Các cơ chế sửa chữa ADN 4.5. Đột biến gen (ĐBG) 4.6. Đột biến cấu trúc NST 4.7. Đột biến số lượng NST	4	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	8	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
	Chương 5: Thường biến	2			
Lý thuyết	5.1. Khái niệm và cơ chế của thường biến 5.2. Mức phản ứng 5.3. Độ thâm nhập và độ biểu hiện	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: Các quy luật về hiện tượng di truyền	2			
Lý thuyết	6.1. Các quy luật di truyền của Mendel 6.2. Các quy luật di truyền sau Mendel 6.2.1. Các quy luật di truyền do sự phân li của một cặp gen không alen 6.2.2. Các quy luật di truyền do phân li độc lập của các gen không alen	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác Chuẩn bị các câu hỏi cho những phần chưa hiểu kỹ.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 7: Di truyền nhiễm sắc thể	8			
Lý thuyết	7.1. Thuyết di truyền NST 7.2. Di truyền học giới tính và di truyền liên kết giới tính	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Bài tập về các quy luật di truyền Mendel và sau Mendel; liên kết và hoán vị gen; liên kết với giới tính.	3	Chuẩn bị các bài tập do giáo viên yêu cầu	Lớp học	
Thực hành	Các quy luật DT: (1) lai 1,2 tính; (2) xác định DT liên kết hoàn toàn, hoán vị gen, (3) liên kết với giới tính. <i>(Tùy theo điều kiện các năm học và PTN mà tiến hành một trong các bài trên)</i>	3	Đọc học liệu 5, tùy thuộc vào ĐK của PTN, giáo viên yêu cầu mà chuẩn bị.	Phòng TN	
Tự học, tự nghiên cứu	Nắm chắc các kiến thức về các quy luật DT; biết phương pháp làm các bài tập trong các đề thi đại học và HSG ...	16	Đọc các học liệu bắt buộc và tham khảo có liên quan	Thư viện, ở nhà	
	Chương 8: Di truyền ngoài nhiễm sắc thể	2			
	8.1. Đặc điểm cấu tạo gen ngoài NST 8.1. Di truyền lạp thể 8.2. Di truyền ti thể 8.3. Đặc điểm di truyền ngoài NST 8.4. Tính bất thụ đực tế bào chất	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Kiểm tra		1			
Tín chỉ 3		15			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 9: Di truyền học vi khuẩn và virus	2			
	9.1. Cơ chế tái tổ hợp DT ở virus – Cấu trúc tinh vi của gen r_{II} của phage T ₄ 9.2. Chu trình sống của phage ϕ X174. 9.3. Tái tổ hợp về vật chất di truyền ở vi khuẩn	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành		Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 10: Cơ sở di truyền của sự phát triển cá thể	2			
Lý thuyết	10.1. Cơ sở di truyền của sự phân hóa 10.2. Mối quan hệ giữa kiểu gen và kiểu hình 10.3. Cơ chế biểu hiện phân hóa của gen		Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập		Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 11: Di truyền quần thể	5			
Lý thuyết	11.1. Một số khái niệm và thuật ngữ 11.2. Cấu trúc DT của quần thể 11.3. Sự DT trong quần thể 11.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến trạng thái cân bằng trong quần thể.	3	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	BT về di truyền quần thể	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	10	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 12: Di truyền học	2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	người				
Lý thuyết	12.1. Đặc điểm bộ NST và hệ gen người 12.2. Các phương pháp nghiên cứu di truyền học người 12.3. Bệnh di truyền ở người	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	4	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 13: Công nghệ ADN tái tổ hợp	3			
Lý thuyết	13.1. Khái niệm enzym giới hạn và kỹ thuật DT 13.2. Tính chất, phân loại và vai trò của enzym giới hạn 13.3. Thê truyền, đặc điểm thê truyền, tạo ADN tái tổ hợp 13.4. Các cách đưa ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận 13.5. Phân lập dòng tế bào chứa ADN tái tổ hợp 13.6. Ứng dụng kỹ thuật DT để tạo sinh vật biến đổi gen	2	Học học liệu 1, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Xêmina Thảo luận	- Ứng dụng của công nghệ ADN tái tổ hợp. ý nghĩa đối với các nghiên cứu cơ bản trong sinh học phân tử. ADN tái tổ hợp và cuộc cách mạng công nghệ sinh học. - Các phương pháp dò tìm gen trong thư viện. - Gen dưới ánh sáng của các thành tựu sinh học phân tử.	1	Nắm vững lí thuyết chương 13 và chuẩn bị các chủ đề có liên quan	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập và giải thích thực tế	6	Làm bài sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Kiểm tra		1			

8. Tài liệu học tập:

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1.] Phan Cự Nhân (chủ biên) (2011, 2012) *Di truyền học tập I và II*. NXBGD;

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Đình Lương, Phan Cự Nhân (2000) *Cơ sở di truyền học*. NXBGD;

[3]. Phan Cự nhân (2003), *Hướng dẫn tự học sách di truyền học*, NXB Đại học Sư phạm.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xê-mia, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9
3			3		3	3	9
4			1	2	3	3	9
5	3				3	3	9
6	3				3	3	9
7	3				3	3	9
8			3		3	3	9
9	1		2		3	3	9
10	2	1			3	3	9
11	3				3	3	9
12	1		2		3	3	9
13	3				3	3	9
14	3				3	3	9
15	1	1		1	3	3	9
Tổng cộng	29	2	11	3	45	45	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

11.3. Điểm thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3,(2 điểm)	60'	10	

Trọng số: Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Sinh lý học thực vật

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Đỗ Công Ba
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Đào tạo
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916549990; - Email: congbaensp@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Phòng Khảo thí - ĐBCL
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0972997176; - Email: ninhdiiep.tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Sinh học.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Sinh lý học thực vật
- Mã môn học: TN3.1.422.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc: có
 - + Điều kiện tiên quyết: TN3.1.408.2; TN3.1.421.2
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lí thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thực hành: 8 tiết
 - + Kiểm tra: 1
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ môn: Sinh học

3. Mục tiêu của học phần

Học phần Sinh lí học thực vật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về bản chất và cơ chế của các quá trình sinh lí của cơ thể thực vật. Giải thích được các hiện tượng, quá trình sinh lý thực vật. Trên cơ sở đó, tìm ra các biện pháp điều khiển các quá trình sinh lí của cây theo lợi ích của con người. Có nhận thức và hành vi đúng đắn trong việc bảo vệ môi trường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được bản chất và cơ chế của các quá trình sinh lí của cơ thể thực vật.
CDR 2	Giải thích được các hiện tượng, quá trình sinh lý thực vật để cho ta có khả năng điều chỉnh thực vật theo hướng có lợi cho con người.
CDR 3	Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh (điều kiện sinh thái) đến các hoạt động sinh lí của cây.
CDR 4	Đề xuất được các biện pháp kĩ thuật tác động lên cây trồng để tăng năng suất và chất lượng nông sản phẩm.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Làm thí nghiệm và phương pháp phân tích các chỉ tiêu sinh lí của thực vật.
CDR 6	Thu thập mẫu, nuôi cấy, bảo quản các mẫu thực vật phục vụ học tập và để làm đồ dùng giảng dạy sau này.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết cách hướng dẫn thực hành và thiết kế được bài giảng phục vụ cho công tác giảng dạy sau này.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có nhận thức và hành vi đúng đắn trong việc bảo vệ môi trường.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
								Cứng	Mềm	
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	
Chương 1: Sinh lý tế	Khái niệm chung về tế bào	1				1	1	2	2	
	Cấu tạo và chức năng tế bào thực vật	1				2	1	2	2	

bào thực vật									
Chương 2: Nước và đời sống thực vật	Vai trò của nước đối với đời sống của cây	2	1			1	1	2	2
	Sự hấp thụ và vận chuyển nước của thực vật	2	1	1		1	1	2	2
	Thoát hơi nước	2	1	1		2	1	2	2
	Cơ sở sinh lý của sự tưới tiêu hợp lý cho cây trồng.	2	1	1	2	1	1	2	2
Chương 3: Dinh dưỡng khoáng và nitơ ở thực vật	Khái niệm về nitơ và dinh dưỡng khoáng ở thực vật	2				1	1	2	2
	Các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của cây về dinh dưỡng khoáng và nitơ	2	1			2	1	2	2
	Vai trò sinh lý của các nguyên tố dinh dưỡng khoáng và nitơ đối với thực vật	1	1			1	1	2	2
	Vai trò sinh lý và quá trình đồng hóa nitơ ở thực vật	1	1			1	1	2	2
	Sự xâm nhập của chất khoáng vào rễ cây	2	1			1	1	2	2
	Sự vận chuyển các chất khoáng trong cây	2	1			1	1	2	2
	Các điều kiện ảnh hưởng đến sự hút khoáng của thực vật		2			2	1	2	2
	Cơ sở sinh lý của việc bón phân hợp lý cho cây trồng		2			2	1	2	2
Chương 4: Quang hợp	Khái niệm về quang hợp	2				1	1	2	2
	Lá là cơ quan quang hợp	2	2			2	1	2	2
	Năng lượng học của quang hợp	2	2			1	1	2	2
	Hai pha của quang hợp	2	1			1	1	2	2
	Sản phẩm của quang hợp	2	1			1	1	2	2
	Các tác nhân ngoại cảnh ảnh hưởng đến quang hợp	2		2		1	1	2	2
	Quang hợp và năng suất cây trồng	2			2	1	1	2	2
Chương 5: Hô hấp ở thực vật	Khái niệm về hô hấp	2				1	1	2	2
	Các con đường trao đổi hô hấp	2				1	1	2	2
	Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp của thực vật		2			1	1	2	2
	Mối liên quan giữa hô hấp với các quá trình sinh lý khác			2		1	1	2	2

	Hô hấp thực vật và thực tiễn sản xuất				2	1	1	2	2
Chương 6: Sinh trưởng và phát triển của thực vật	Khái niệm chung về sinh trưởng và phát triển của thực vật	2				1	1	2	2
	Chu trình sống, sinh trưởng, phát triển của thực vật	2	1	1		1	1	2	2
	Hooc mon sinh trưởng thực vật	2	1	1		1	2	2	2
	Sinh trưởng của cây nguyên vẹn ở thực vật có hoa	2	1	1		1	1	2	2
	Tương quan sinh trưởng	2	1	1		1	1	2	2
	Các hình thức vận động của thực vật	2	1	1		1	1	2	2
	Các trạng thái phát triển của thực vật	2	1	1		1	1	2	2
	Sự phát triển của thực vật có hoa	2	1	1		1	1	2	2
	Sinh sản ở thực vật	2	1	1		1	1	2	2
Chương 7: Sinh lý chống chịu của thực vật	Khái niệm chung	1				1	1	2	2
	Tính chịu hạn của thực vật	1	2	2	2	1	1	2	2
	Tính chống chịu nóng (chịu nhiệt độ cao)	1	2	2	2	1	1	2	2
	Tính chịu nhiệt độ thấp	1	2	2	2	1	1	2	2
	Tính chịu mặn	1	2	2	2	1	1	2	2
	Tính chịu thiếu oxy	1	2	2	2	1	1	2	2
	Tính chịu bệnh của thực vật	1	2	2	2	1	1	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

Qua học phần này, người học hiểu và giải thích cơ chế các quá trình sinh lý của thực vật, đặc biệt ở cây có hoa. Từ đó, đề xuất biện pháp điều khiển các quá trình sinh lý của cây theo lợi ích của con người. Mặt khác, trang bị cho người học kỹ năng làm thí nghiệm và phương pháp phân tích các chỉ tiêu sinh lý của thực vật.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1. Sinh lý tế bào thực vật	5			
Lý thuyết	1. Khái niệm chung về tế bào 2. Cấu tạo và chức năng tế bào thực vật	4	Học học liệu số 1 phần (chương 1); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.1. Cấu tạo đại cương 2.2. Cấu tạo và chức năng của tế bào thực vật trong các mô 2.3. Cấu tạo và chức năng của các bộ phận hợp thành tế bào 2.4. Sự hút nước và các chất hòa tan của tế bào thực vật				
Thực hành	- Tính thấm và sự hấp thụ vật chất qua màng tế bào. - Phát hiện các tính chất của tế bào	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Nước và đời sống thực vật	3			
Lý thuyết	1. Vai trò của nước đối với đời sống của cây 2. Sự hấp thụ và vận chuyển nước của thực vật 3. Thoát hơi nước 4. Cơ sở sinh lý của sự tưới tiêu hợp lý cho cây trồng.	2	Học học liệu số 1 phần (chương 2); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	
Thực hành	Trao đổi nước ở thực vật	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập	6	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Dinh dưỡng khoáng và nitơ ở thực vật	5			
Lý thuyết	1. Khái niệm về nitơ và dinh dưỡng khoáng ở thực vật 2. Các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của cây về dinh dưỡng khoáng và nitơ 3. Vai trò sinh lý của các nguyên tố dinh dưỡng khoáng và nitơ đối với thực vật	3	Học học liệu số 1 phần (chương 3); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>4. Vai trò sinh lý và quá trình đồng hóa nitơ ở thực vật</p> <p>5. Sự xâm nhập của chất khoáng vào rễ cây</p> <p>6. Sự vận chuyển các chất khoáng trong cây</p> <p>7. Các điều kiện ảnh hưởng đến sự hút khoáng của thực vật</p> <p>8. Cơ sở sinh lý của việc bón phân hợp lý cho cây trồng</p>				
Thực hành	Xác định vai trò của chất dinh dưỡng đối với sự sinh trưởng của thực vật.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Quang hợp	2			
Lý thuyết	<p>1. Khái niệm về quang hợp</p> <p>2. Lá là cơ quan quang hợp</p> <p>3. Năng lượng học của quang hợp</p>	1	Học học liệu số 1 phần (chương 4); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	
Kiểm tra		1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	4	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 4. Quang hợp (tiếp)	4			
Lý thuyết	<p>4. Hai pha của quang hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pha sáng - Pha tối <p>5. Sản phẩm của quang hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp tinh bột - Tổng hợp saccarose <p>6. Các tác nhân ngoại cảnh ảnh hưởng đến quang hợp</p>	2	Học học liệu số 1 phần (chương 4); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	7. Quang hợp và năng suất cây trồng				
Thực hành	Xác định sản phẩm của quang hợp.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập	8	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Hô hấp ở thực vật	6			
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm về hô hấp 2. Các con đường trao đổi hô hấp <ul style="list-style-type: none"> - Đường phân và con đường Krebs - Con đường axit glyoxylic - Con đường pentosephosphat - Con đường lên men 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp của thực vật 4. Mối liên quan giữa hô hấp với các quá trình sinh lý khác 5. Hô hấp thực vật và thực tiễn sản xuất 	5	Học học liệu số 1 phần (chương 5); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	
Thực hành	- Phát hiện sự giải phóng CO ₂ và hấp thụ O ₂ trong hô hấp ở thực vật.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập.	12	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6. Sinh trưởng và phát triển của thực vật	3			
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm chung về sinh trưởng và phát triển của thực vật 2. Chu trình sống, sinh trưởng, phát triển của thực vật 3. Hooc mon sinh trưởng thực vật 4. Sinh trưởng của cây nguyên 	2	Học học liệu số 1 phần (chương 6); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	vện ở thực vật có hoa 5. Tương quan sinh trưởng 6. Các hình thức vận động của thực vật 7. Các trạng thái phát triển của thực vật 8. Sự phát triển của thực vật có hoa 9. Sinh sản ở thực vật				
Thực hành	Sinh trưởng của thực vật.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Phòng thực hành Sinh học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập.	6	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 7. Sinh lý chống chịu của thực vật	2			
Lý thuyết	1. Khái niệm chung 2. Tính chịu hạn của Thực vật 3. Tính chống chịu nóng (chịu nhiệt độ cao) 4. Tính chịu nhiệt độ thấp 5. Tính chịu mặn 6. Tính chịu thiếu oxy 7. Tính chịu bệnh của thực vật	2	Học học liệu số 1 phần (chương 7); tham khảo các học liệu còn.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập.	4	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Hoàng Minh Tấn (Chủ biên), Vũ Quang Sáng, Nguyễn Kim Thanh (2006), *Sinh lý thực vật*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[2] Nguyễn Như Khanh, Nguyễn Lương Hùng (2007), *Sinh lý học thực vật*, Sách dùng cho các trường CĐ, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trần Đăng Kế, Nguyễn Như Khanh (2001), *Sinh lý học Thực vật – Tập I, II*, Nxb GD, Tái bản lần 1, Hà Nội;

[4] Nguyễn Như Khanh (2002), *Sinh học phát triển của Thực vật*, Nxb GD, Hà Nội;

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	1		1		4		6
4	2				4		6
5	1		1		4		6
6	1		1		4		6
7	1		1		4		6
8	1	1			4		6
9	2				4		6
10	1		1		4		6
11	1		1		4		6
12	2				4		6
13	1		1		4		6
14	1		1		4		6
15	2				4		6
Tổng cộng	21	1	8	0	60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy:
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên:
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chủ đề 1, 2, 3, 4: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung chủ đề 5, 6, 7: (5 điểm)	60'	3

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về sinh học phân tử, các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu Sinh học phân tử và các ứng dụng của vi sinh vật trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, y học để có biện pháp bảo vệ môi trường. Rèn kỹ năng phân tích, khái quát hóa để vận dụng kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề thực tế trong giảng dạy, học tập và sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc trong tự nhiên nhờ các tác nhân sinh học. Sinh viên nắm được cơ sở khoa học của các thành tựu của sinh học ngày nay, từ đó có định hướng tốt cho công tác nghiên cứu sinh học hiện đại cũng như thực hiện tốt công tác giảng dạy ở phổ thông, đam mê môn học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được khái niệm, phân loại, quá trình phát triển công nghệ sinh học; những thành tựu đạt được và triển vọng của ngành công nghệ sinh học.
CDR 2	Tìm hiểu về các kỹ thuật trong phân tích axit nucleic: đặc điểm chung về DNA tái tổ hợp. Các công cụ của kỹ thuật DNA tái tổ hợp; Các phương pháp tạo dòng, tách dòng và tách chiết DNA và RNA; phương pháp PCR, kỹ thuật tạo cDNA và các phương pháp lai axit nucleic và phương pháp giải trình tự DNA và RNA
CDR 3	Khái quát về công nghệ sinh học thực vật, tế bào động vật; phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật, động vật; các ứng dụng; Công nghệ gen động vật và công nghệ sinh sản nhân tạo ở người.
CDR 4	Tìm hiểu cấu trúc protein; các phương pháp tách chiết và tinh sạch protein; những sản phẩm của công nghệ protein. Một số loại enzyme công nghiệp.
CDR 5	Tìm hiểu đặc điểm chung của vi sinh vật; quá trình lên men vi sinh vật; các ứng dụng trọng thực tiễn: công nghiệp sản xuất vaccin; công nghệ thuốc kháng sinh và công nghệ rượu bia, cồn nhiên liệu.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Có các kỹ năng thao tác cơ bản nuôi cấy mô, tế bào thực vật; tế bào động vật. Biết thực hành các kỹ thuật phân tích axit nucleic, tách chiết, tinh sạch protein, quá trình lên men vi sinh vật để vận dụng trong thực tiễn.
CDR 7	Có năng lực nghiên cứu khoa học, tạo ra sản phẩm mới ở qui mô phòng thí nghiệm, nghiên cứu phát triển và đưa sản phẩm ra thị trường.
CDR 8	Tìm hiểu và sử dụng được một số loại vi sinh vật có nguồn gốc từ vi khuẩn để nghiên cứu tạo ra các chế phẩm nhằm bảo vệ môi trường.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Bồi dưỡng khả năng tự học, yêu thích bộ môn, nghiên cứu tài liệu.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Có kỷ luật, thái độ nghiêm túc trong công việc, tác phong làm việc khoa học, ham học hỏi công nghệ mới phục vụ cho nghiên cứu bộ môn.
CDR 11	Tinh thần say mê, kiên trì, sáng tạo, yêu thích môn học, ý thức về cộng đồng và bảo vệ môi trường.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN															
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức								Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ			
										Cứng	Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11			
Chương 1: Đại cương về công nghệ sinh học	1. Khái niệm về công nghệ sinh học	2	1	1					1	1	1			1	
	2. Phân loại công nghệ sinh học	2	1		1	1			1	1				1	
	3. Quá trình phát triển công nghệ sinh học	2					1		1	1	1	1	1	1	
	4. Những thành tựu của công nghệ sinh học	2			1										
	5. Triển vọng công nghệ sinh học thế kỷ XXI.	2	1			1		2	1	1				1	
Chương 2: Các kỹ thuật chủ yếu trong phân tích axit nucleic	1. Khái quát chung về DNA tái tổ hợp	1	2	1			1			1				1	
	2. Các công cụ của kỹ thuật DNA tái tổ hợp		2	1			1			1				1	
	3. Tạo, tách và chọn lọc dòng DNA tái tổ hợp		2	1			1	1	1	1	1	1			
	4. Các phương pháp tách chiết DNA và RNA		2	1	1		1	1	1	1				1	
	5. Một số phương pháp phân tích DNA		2		1		1	1	1					1	
	6. Phương pháp PCR		2	1	1			1	1	1				1	
	7. Các phương pháp phân tích DNA phụ thuộc PCR		2	1				1		1				1	
	8. Kỹ thuật tạo cDNA		2	1		1		1		1				1	
	9. Một số phương pháp lai axit nucleic		2	1		1		1		1				1	
	10. Phương pháp giải trình tự DNA và RNA		2	1		1		1		1				1	
Chương 3: Công nghệ sinh học thực vật	1. Khái quát về công nghệ sinh học thực vật.	1		2					1	1	1	1			
	2. Nuôi cấy mô và cơ quan thực vật			2	1				1	1	1	1	1	1	
	3. Các ứng dụng của nuôi cấy mô tế bào	1		2	1				2	1				1	

	4. Nuôi tế bào thực vật			2				2	1	1	1
Chương 4: Công nghệ sinh học động vật	1. Khái quát về công nghệ tế bào người và động vật	1		1					1	1	1
	2. Nuôi cấy tế bào động vật			2		2	1		1	1	1
	3. Tạo dòng hay nhân bản vô tính ở động vật	1	1	2	1			1		1	1
	4. Tế bào gốc phôi và tế bào gốc soma	1		2	1			1		1	
	5. Các ứng dụng.	1		2			1		1	1	1
	6. Công nghệ gen động vật.	1		2			1		1	1	1
	7. Ghép cơ quan động vật.	1		2			1		1	1	1
	8. Các công nghệ sinh sản nhân tạo ở người.	1		2			1		1	1	1
Chương 5: Công nghệ protein và enzym	1. Cấu trúc protein	1			2			1	1	1	
	2. Các biến đổi sau dịch mã	1			2			1	1	1	
	3. Biểu hiện và xác định mức độ biểu hiện protein tái tổ hợp	1	1		2			1	1	1	
	4. Tách chiết và tinh sạch protein	1	1		2			1	1	1	
	5. Một số sản phẩm của công nghệ protein	1			2			2	1	1	
	6. Các enzyme công nghiệp	1			2			2	1	1	
	7. Cố định enzyme và tế bào	1			2			1	1	1	
Chương 6: Công nghệ vi sinh	1. Đặc điểm chung của vi sinh vật	1			2	1			1	1	
	2. Công nghệ lên men vi sinh vật	1	1	1	2	1		1	1		
	3. Công nghiệp vaccine	1	1	1	2	1		1	1		
	4. Công nghệ thuốc kháng sinh	1	1	1	2	1		1	1		
	5. Công nghiệp rượu bia và cồn nhiên liệu	1	1	1	2	1		1	1		

6. Tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và ứng dụng cơ bản trong sinh học phân tử, khoa học và ứng dụng của công nghệ vi sinh trong sản xuất insulin, vacin, trong chế biến thực phẩm, sản xuất acid hữu cơ, thuốc trừ sâu vi sinh và bảo vệ môi trường, các kiến thức về công nghệ sinh học người và động vật, trong phần này chủ yếu đề cập đến các nội dung như: công nghệ gen động vật, tế bào gốc,... Trên cơ sở kiến thức của môn học, học viên nắm được một số quy trình sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc trong tự nhiên nhờ các tác nhân sinh học.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, Địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Chương 1: Đại cương về công nghệ sinh học		3			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm về công nghệ sinh học 1.2. Phân loại công nghệ sinh học 1.3. Quá trình phát triển công nghệ sinh học 1.4. Những thành tựu của công nghệ sinh học 1.5. Triển vọng công nghệ sinh học thế kỷ XXI.	2	Học tài liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các tài liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	Các thành tựu về mới công nghệ sinh học.	1	Đọc tài liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về công nghệ sinh học.	6	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2: Các kỹ thuật chủ yếu trong phân tích axit nucleic		6			
Lý thuyết	2.1. Khái quát chung về DNA tái tổ hợp 2.2. Các công cụ của kỹ thuật DNA tái tổ hợp 2.3. Tạo, tách và chọn lọc dòng DNA tái tổ hợp 2.4. Các phương pháp tách chiết DNA và RNA 2.5. Một số phương pháp phân tích DNA 2.6. Phương pháp PCR 2.7. Các phương pháp phân tích DNA phụ thuộc PCR 2.8. Kỹ thuật tạo cDNA 2.9. Một số phương pháp lai axit nucleic 2.10. Phương pháp giải trình tự DNA và RNA	4	Học tài liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các tài liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	Các ứng dụng của công nghệ gen	2	Đọc tài liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, Địa điểm	Ghi chú
			tài liệu khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về công nghệ gen.	12	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 3: Công nghệ sinh học thực vật		6			
Lý thuyết	3.1. Khái quát về công nghệ sinh học thực vật. 3.2. Nuôi cấy mô và cơ quan thực vật 3.3. Các ứng dụng của nuôi cấy mô tế bào 3.4. Nuôi tế bào thực vật	2	Học tài liệu số [1], [5], [6] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Các thành tựu về chọn công nghệ sinh học thực vật	2	Đọc tài liệu số [1], [5], [6] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thực hành	Bài 1: Nuôi cấy mô thực vật	1	Nắm vững lí thuyết chương 3. Đọc tài liệu số [1], [5], [6].	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về công nghệ sinh học thực vật.	12	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
Chương 4: Công nghệ sinh học động vật		5			
Lý thuyết	4.1. Khái quát về công nghệ tế bào người và động vật 4.2. Nuôi cấy tế bào động vật 4.3. Tạo dòng hay nhân bản vô tính ở động vật 4.4. Tế bào gốc phôi và tế bào gốc soma 4.5. Các ứng dụng. 4.6. Công nghệ gen động vật. 4.7. Ghép cơ quan động vật. 4.8. Các công nghệ sinh sản nhân tạo ở người.	3	Học tài liệu số [1], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, Địa điểm	Ghi chú
Thảo luận	Các thành tựu mới về công nghệ sinh học động vật	3	Đọc tài liệu số [1], [4] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về công nghệ sinh học động vật.	10	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 5: Công nghệ protein và enzym		4			
Lý thuyết	5.1. Cấu trúc protein 5.2. Các biến đổi sau dịch mã 5.3. Biểu hiện và xác định mức độ biểu hiện protein tái tổ hợp 5.4. Tách chiết và tinh sạch protein 5.5. Một số sản phẩm của công nghệ protein 5.6. Các enzyme công nghiệp 5.7. Cố định enzyme và tế bào	2	Học tài liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Các thành tựu trong công nghệ protein và enzym	2	Đọc tài liệu số [1], [2], [3] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về công nghệ sinh protein.	8	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 6: Công nghệ vi sinh		6			
Lý thuyết	6.1. Đặc điểm chung của vi sinh vật 6.2. Công nghệ lên men vi sinh vật 6.1. Công nghiệp vaccine 6.1. Công nghệ thuốc kháng sinh 6.1. Công nghiệp rượu bia và cồn nhiên liệu	2	Học tài liệu số [1], [7], [8] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	Sử dụng vi sinh vật trong đấu tranh sinh học, thuốc trừ sâu có nguồn gốc từ vi khuẩn	2	Đọc học tài liệu số [1], [7], [8] và tham khảo các tài liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, Địa điểm	Ghi chú
Thực hành	Bài 2: Công nghệ nuôi trồng nấm thực phẩm Bài 3: Công nghệ nuôi trồng nấm dược liệu	2	Nắm vững lí thuyết chương 6. Đọc tài liệu số [1], [7], [8].	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về công nghệ sinh vi sinh.	12	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Nguyễn Như Hiền, Vũ Văn Vụ, Nguyễn Mộng Hùng, Lê Hồng Điệp, Phạm Thị Trân Châu, Phan Tuấn Nghĩa, Trịnh Đình Đạt, Phạm Văn Ty, *Công nghệ sinh học* (bộ sách 5 tập), Nxb Giáo dục, 2006.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Thành Hồ, *Nhập môn công nghệ sinh học*. Nxb Giáo dục, 2005.

[3]. Hồ Huỳnh Thủy Dương, 2008, *Sinh học phân tử*, Nxb Giáo dục.

[4]. Phan Cự Nhân (chủ biên). *Cơ sở di truyền chọn giống động vật*. NXBGD. 1999

[5]. Lê Duy Thành (chủ biên). *Cơ sở di truyền chọn giống thực vật*. NXB khoa học và kỹ thuật, 2000

[6]. Lê Trần Bình, Hồ Hữu Nhị, Lê Thị Muội, *Công nghệ sinh học thực vật trong cải tiến giống cây trồng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1997.

[7]. Lương Đức Phẩm, *Công nghệ vi sinh*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2004.

[8]. Phạm Văn Ty, Vũ Nguyên Thành, *Công nghệ sinh học*, tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1			1	4		6
2	1			1	4		6
3	1			1	4		6
4	1			1	4		6
5	1			1	4		6
6	1			1	4		6
7	1			1	4		6
8	1			1	4		6

9	1			1	4		6
10	1			1	4		6
11	1			1	4		6
12	1			1	4		6
13	1		1		4		6
14	1		1		4		6
15	1		1		4		6
Tổng cộng	15	0	3	12	60	0	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học:

+ Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên:

+ Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập; chuyên cần: 10%

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số: 30%

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do phòng khảo thí và kiểm định chất lượng đảm nhiệm): 60%

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = 0,1 x điểm thành phần 1 + 0,3 x điểm thành phần 2 + 0,6 x điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1 (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 2: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc chương 3: (4 điểm)	60'	07	

* **Trọng số:** Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Vi sinh vật học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Hoàng Thị Lệ Thương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0983 586 193; hoangthilethuong@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Đoàn Thị Phương Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường ĐH Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
- Điện thoại, email: 0914400017; ly.pktgdaihoctantrao@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học, môi trường.

2. Thông tin môn học

- Tên môn học: Vi sinh học
- Mã số môn học: TN2.1.421.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương, Sinh thái học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động
 - + Học lí thuyết trên lớp: 20
 - + Thảo luận trên lớp: 4
 - + Thực hành trong PTN: 6
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách:
 - + Bộ môn: Sinh học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Nắm được các kiến thức đại cương về vi sinh vật gồm: hình thái, cấu tạo tế bào của các nhóm vi khuẩn, nấm men, nấm mốc, xạ khuẩn, vi rút; quá trình trao đổi chất, hoạt động sinh lý, sự trao đổi chất qua màng, sự đa dạng của các nhóm vi sinh vật trong tự nhiên, các quá trình lên men, truyền nhiễm miễn dịch, kháng nguyên kháng thể; ứng dụng của vi sinh vật trong chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất công nghiệp thực phẩm, sản xuất nguyên liệu, công nghiệp, dược... Ứng dụng sản xuất một số sản phẩm từ công nghệ lên men vi sinh vật, ứng dụng vào việc bảo vệ môi trường. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về hệ thống phân loại vi sinh vật; kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa thông tin về các nhóm vi sinh vật, phát triển kỹ năng so sánh các nhóm vi sinh vật và ứng dụng vào thực tiễn đời sống.. Phân tích, bình luận, đánh giá sự tiến hóa của một số nhóm vi sinh vật. Vận dụng các kiến thức vi sinh đã học trong giải quyết các vấn đề thực tiễn đời sống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được kiến thức đại cương về vi sinh vật gồm: hình thái, cấu tạo tế bào của các nhóm vi khuẩn, nấm men, nấm mốc, xạ khuẩn, vi rút; quá trình trao đổi chất, hoạt động sinh lý, sự trao đổi chất qua màng, sự đa dạng của các nhóm vi sinh vật trong tự nhiên, các quá trình lên men, truyền nhiễm miễn dịch, kháng nguyên kháng thể; ứng dụng của vi sinh vật trong chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất công nghiệp thực phẩm, sản xuất nguyên liệu, công nghiệp dược
CDR 2	Ứng dụng sản xuất một số sản phẩm từ công nghệ lên men vi sinh vật, ứng dụng vào việc bảo vệ môi trường
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải thích các hiện tượng liên quan đến vi sinh vật
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng nhận biết, quan sát, phân tích, so sánh, thảo luận và liên hệ thực tiễn
CDR 5	Trình bày được các bước cơ bản khi tiến hành một phân tích, thao tác trong nghiên cứu vi sinh
CDR 6	Thực hiện được các thao tác sinh học phân tử chính xác, hiệu quả
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết kết hợp giữa các kiến thức di truyền, sinh học đại cương để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo trong học tập, thực hành thí nghiệm vi sinh
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kĩ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
		Cứng		Mềm		C			CĐR			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	
Chương 1. Mở đầu	1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của vi sinh vật học	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.2. Các phương pháp nghiên cứu	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.3. Sơ lược về lịch sử phát triển môn học.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.4. Vị trí của vi sinh vật trong tự nhiên và đời sống	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2. Cấu tạo của tế bào vi sinh vật	2.1. Vi sinh vật nhân chuẩn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Vi sinh vật nhân nguyên thủy	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.3. Một số nhóm vi khuẩn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.4. Nấm	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Virut	3.1. Cấu tạo và thành phần hoá học của Phage	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.2. Chu trình sống của Phage	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.3. Virut động vật, thực vật	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3.4. Interferol và phản ứng bảo vệ cơ thể	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Sinh trưởng vi sinh vật	4.1. Nhu cầu về các yếu tố hoá học là chất dinh dưỡng	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.2. Các điều kiện môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng của vi sinh vật	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.3. Phân loại dinh dưỡng của vi sinh vật	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.4. Sinh sản của vi khuẩn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.5. Sinh trưởng của quần thể vi khuẩn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.6. Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật trong nuôi cấy liên tục, nuôi cấy đồng bộ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4.7. Các tác nhân kháng khuẩn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5. Trao đổi chất	5.1. Những con đường phân giải Glucoza	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	5.2. Sự vận chuyển chất dinh dưỡng qua màng tế bào vi khuẩn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 6. Các quá trình lên men	6.1. Lên men rượu êtylic	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6.2. Lên men lactic	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6.3. Lên men propionic	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6.4. Lên men foocmic	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6.5. Lên men mêtan	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

	6.6. Mối quan hệ giữa lên men và hô hấp	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6.7. Tổng quát về quá trình lên men	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 7. Di truyền và biến dị	7.1. Sao chép (<i>Replication</i>)	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7.2. Phiên mã (<i>Trancription</i>)	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7.3. Phiên dịch (<i>Translation</i>)	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7.4. Đột biến và sự phát sinh đột biến.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7.5. Sự chuyển tính trạng và tái tổ hợp	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 8. Truyền nhiễm, miễn dịch, các chất có hoạt tính sinh học	8.1. Các mối quan hệ giữa sinh vật	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	8.2. Bệnh truyền nhiễm và độc lực	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	8.3. Miễn dịch, kháng nguyên và kháng thể	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	8.4. Các chất có hoạt tính sinh học	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 9. Thực hành	Bài 1: Pha chế môi trường, phân lập và nuôi cấy vi sinh vật	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Bài 2: Hình dạng tế bào vi sinh vật - Nhuộm đơn	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Bài 3: Cấu tạo tế bào vi sinh vật - Nhuộm kép	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Bài 4: Lên men rượu, lên men lactic.	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Bài 5: Enzim	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Bài 6: Sự chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
hi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều											

6. Tóm tắt nội dung môn học

Vi sinh vật học cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về hình thái, cấu tạo tế bào, sinh trưởng, sự trao đổi chất và hoạt động sinh lý rất đa dạng của vi sinh vật cũng như một số ứng dụng trong chăn nuôi, trồng trọt, công nghiệp thực phẩm, sản xuất nguyên liệu, công nghiệp dược phẩm.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Lý thuyết	Chương 1. Mở đầu 1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của vi sinh vật học 1.2. Các phương pháp nghiên cứu 1.3. Sơ lược về lịch sử phát triển môn học. 1.4. Vị trí của vi sinh vật trong tự nhiên và đời sống	1	Đọc giáo trình số 1. Tham khảo giáo trình số 4	Lớp học	

Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	2	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 2. Cấu tạo của tế bào vi sinh vật 2.1. Vi sinh vật nhân chuẩn 2.2. Vi sinh vật nhân nguyên thủy 2.3. Một số nhóm vi khuẩn 2.4. Nấm	3	Đọc giáo trình số 1, tham khảo giáo trình số 4 Đọc giáo trình số 1, 2	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 3. Virut 3.1. Cấu tạo và thành phần hoá học của Phage 3.2. Chu trình sống của Phage 3.3. Virut động vật, thực vật 3.4. Interferol và phản ứng bảo vệ cơ thể	3	Đọc giáo trình số 1, tham khảo giáo trình số 4, 5	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.		
Chương 4. Sinh trưởng vi sinh vật		2			
Lý thuyết	4.1. Nhu cầu về các yếu tố hoá học là chất dinh dưỡng 4.2. Các điều kiện môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng của vi sinh vật 4.3. Phân loại dinh dưỡng của vi sinh vật 4.4. Sinh sản của vi khuẩn 4.5. Sinh trưởng của quần thể vi khuẩn 4.6. Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật trong nuôi cấy liên tục, nuôi cấy đồng bộ 4.7. Các tác nhân kháng khuẩn	2	Đọc giáo trình số 1, 4, 5	Lớp học	

Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	4	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.		
Chương 5. Trao đổi chất		2			
Lý thuyết	5.1. Những con đường phân giải Glucoza 5.2. Sự vận chuyển chất dinh dưỡng qua màng tế bào vi khuẩn	2	Đọc giáo trình số 1, 4, 5	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	4	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.		
Chương 6. Các quá trình lên men		4			
Lý thuyết	6.1. Lên men rượu êtylic 6.2. Lên men lactic 6.3. Lên men propionic 6.4. Lên men foocmic 6.5. Lên men mêtan 6.6. Mối quan hệ giữa lên men và hô hấp 6.7. Tổng quát về quá trình lên men	4	Đọc giáo trình số 1, 3, 4	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	8	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.		
Tín chỉ 2					
Chương 7. Di truyền và biến dị		3			
Lý thuyết	7.1. Sao chép (<i>Replication</i>) 7.2. Phiên âm (<i>Transcription</i>) 7.3. Phiên dịch (<i>Translation</i>) 7.4. Đột biến và sự phát sinh đột biến. 7.5. Sự chuyển tính trạng và tái tổ hợp	3	Đọc giáo trình số 1, 4, 5	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề		

			cần giải đáp.		
Chương 8. Truyền nhiễm, miễn dịch, các chất có hoạt tính sinh học		2			
Lý thuyết	8.1. Các mối quan hệ giữa sinh vật 8.2. Bệnh truyền nhiễm và độc lực 8.3. Miễn dịch, kháng nguyên và kháng thể 8.4. Các chất có hoạt tính sinh học	2	Đọc giáo trình số 1, 3, 4	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	4	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.		
Chương 9. Thực hành		6			
Thực hành	Bài 1: Pha chế môi trường, phân lập và nuôi cấy vi sinh vật Bài 2: Hình dạng tế bào vi sinh vật - Nhuộm đơn Bài 3: Cấu tạo tế bào vi sinh vật - Nhuộm kép Bài 4: Lên men rượu, lên men lactic. Bài 5: Enzim Bài 6: Sự chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ		Nắm vững lý thuyết chương 2,4,6,8 Đọc giáo trình số 2.	Lớp học	
Xêmina, thảo luận	1. So sánh vi sinh vật nhân chuẩn và vi sinh vật nhân sơ. 2. Chu trình sống của phage 3. Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật trong nuôi cấy liên tục, nuôi cấy đồng bộ. 4. Các quá trình lên men	4	Nắm vững kiến thức chương 2,3,4,6.	Lớp học, nhóm hoạt động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi thực hành và thảo luận	20	Hoàn thành tốt nội dung thực hành		

8. Giáo trình

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Thành Đạt (2006), *Cơ sở sinh học vi sinh vật*, tập 1 và 2. Nxb Đại học Quốc gia, Nxb ĐHSP Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Mai Thị Hằng, Vương Trọng Hào, Đinh Thị Kim Nhung (2010), *Thực hành vi sinh vật học*, Nxb Đại học Sư Phạm Hà Nội.

[3] Lương Đức Phẩm, Đinh Thị Kim Nhung, Trần Cẩm Vân (2009), *Cơ sở vi sinh trong công nghệ bảo vệ môi trường*, Nxb Giáo Dục Việt Nam,.

[4] Nguyễn Thành Đạt, Nguyễn Duy Thảo (1986), *Vi sinh vật học*, Nxb Giáo dục

[5] Nguyễn Đình Quyến(1998), *Bài giảng vi sinh vật học*. ĐH KHTN - ĐHQG Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				SV tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Xêmina, thảo luận	Thực hành, bài tập	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4				2	2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7			1	1	2	2	6
8	2				2	2	6
9				2	2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13			1	1	2	2	6
14	2				2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng	20		4	6	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy như: Lớp học có máy chiếu projector
- Yêu cầu đối với SV: sự tham gia học tập trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà...

11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kì: 1 tiết (trong quỹ thời gian học lí thuyết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
---------------	-----------------	-------------------	---------------	----------------------------------

Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (3 điểm)	90'	3	
	Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 1, (3 điểm)			
	Câu 3: Nội dung thuộc tín chỉ 2, (4 điểm)			

Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tiến hóa

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Hoàng Thị Lệ Thương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên
- Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0983 586 193; hoangthilethuong@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh – Công nghệ sinh học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 212 985; quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học động vật.

2. Thông tin về

- Tên : Tiến hóa
- Mã : TN2.1.422.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại :
 - + Bắt buộc: Có
 - + Điều kiện tiên quyết: Sinh học tế bào
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
 - + Bài tập trên lớp: Không
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách :
 - + Bộ môn: Sinh học.
 - + Khoa: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần

Giúp người học cần nắm vững những kiến thức cơ bản về lịch sử tiến hóa, các học thuyết tiến hóa đặc biệt là những vấn đề cơ bản của học thuyết tiến hóa hiện đại, những quy luật phát sinh và phát triển của sự sống từ mức độ phân tử đến mức độ sinh quyển. rèn luyện kỹ năng tự đọc sách và khả năng phân tích các hiện tượng tiến hóa trong tự nhiên. Rèn luyện tư duy logic để giải quyết các vấn đề nghiên cứu đặt ra. Kỹ năng xác định nội dung kiến thức và giảng dạy kiến thức có liên quan trong chương trình phổ thông. Có thái độ nghiêm túc trong các giờ học trên lớp. Làm đủ các bài tập và thảo luận ở nhà. Có tinh thần làm việc chủ động

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được kiến thức cơ bản về lịch sử tiến hóa, các học thuyết tiến hóa
CDR 2	Hiểu được những vấn đề cơ bản của học thuyết tiến hóa hiện đại, những quy luật phát sinh và phát triển của sự sống từ mức độ phân tử đến mức độ sinh quyển
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải thích các hiện tượng tiến hóa
Về kỹ năng	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CDR 4	Có khả năng nhận biết, quan sát, phân tích, so sánh, thảo luận và liên hệ thực tiễn tiến hóa
<i>Kỹ năng mềm</i>	
CDR 5	Biết kết hợp giữa các kiến thức di truyền, sinh học đại cương để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo trong học tập.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 6	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 7	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 8	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần:

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
		Kiến thức			Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ		
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	C	C	C	Cứng	Mềm			
		Đ R 1	Đ R 2	Đ R 3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8
Chương 1. Học thuyết tiến hóa cổ điển	1.1. Tư tưởng tiến hóa trước Đacuyn	1	2	2	2	2	2	2	2
	1.2. Học thuyết tiến hóa của S.R.Đacuyn	1	2	2	2	2	2	2	2

Chương 2. Học thuyết tiến hóa tổng hợp – Tiến hóa nhỏ	2.1. Quần thể - Đơn vị tiến hóa cơ bản	1	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Khái niệm tiến hóa nhỏ và tiến hóa l	1	2	2	2	2	2	2	2
	2.3. Các nhân tố tiến hóa cơ bản	1	2	2	2	2	2	2	2
	2.4. Sự hình thành quần thể sinh vật thích nghi	1	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Học thuyết tiến hóa tổng hợp – Tiến hóa lớn	3.1. Phân li tính trạng và sự hình thành các nhóm phân loại	1	2	2	2	2	2	2	2
	3.2. Chiều hướng tiến hóa chung của sinh giới	1	2	2	2	2	2	2	2
	3.3. Chiều hướng tiến hóa của từng nhóm loài	1	2	2	2	2	2	2	2
	3.4. Bằng chứng tiến hóa và sự phát sinh, phát triển sự sống trên Trái Đất	1	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Tiến hóa hệ gen và nguồn gốc loài người	4.1. Tiến hóa hệ gen	1	2	2	2	2	2	2	2
	4.2. Người và mối quan hệ di truyền với các loài linh trưởng cỡ lớn	1	2	2	2	2	2	2	2
	4.3. Hệ gen người và nguồn gốc loài người theo bằng chứng phân tử	1	2	2	2	2	2	2	2
Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều									

6. Tóm tắt nội dung

Nội dung là những kiến thức cơ bản về Tiến hóa sinh vật, bao gồm các tư tưởng tiến hóa và các học thuyết tiến hóa, các quy luật tiến hóa, giải thích các vấn đề về nguồn gốc các loài, mối quan hệ giữa các loài, sự hình thành đặc điểm thích nghi và sự hình thành loài mới. Dựa vào các kiến thức về di truyền học và sinh học phân tử, tiến hóa hiện đại đi sâu vào cơ chế tiến hóa giải thích cơ chế biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể, dẫn tới sự hình thành loài mới (*tiến hóa nhỏ*), bổ sung và hoàn chỉnh về nguyên liệu tiến hóa, đơn vị tiến hóa, các nhân tố tiến hóa. Nội dung của cũng đề cập đến những vấn đề của tiến hóa trên loài (*tiến hóa lớn*). Dựa trên các bằng chứng tiến hóa, này còn phân tích nguồn gốc, sự phát triển của sinh vật qua các đại địa chất, sự tiến hóa hệ gen và sự phát sinh loài người.

7. Nội dung chi tiết

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
	Chương I. Học thuyết tiến hóa cổ điển	7			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>1.1. Tư tưởng tiến hóa trước Đacuyn.</p> <p>1.1.1. Những quan niệm duy tâm siêu hình về giới sinh vật trước thế kỉ XVIII</p> <p>1.1.2. Những cơ sở duy vật trong nhận thức về phát triển sinh giới trước Đacuyn</p> <p>1.1.3. Học thuyết tiến hóa của U.J.B. Lamac</p> <p>1.1.4. Tư tưởng tiến hóa ở nửa đầu thế kỉ XIX</p> <p>1.2. Học thuyết tiến hóa của S.R.Đacuyn</p> <p>1.2.1. Điều kiện ra đời của học thuyết Đacuyn</p> <p>1.2.2. Biến dị và di truyền theo Đacuyn</p> <p>1.2.3. Chọn lọc nhân tạo</p> <p>1.2.4. Chọn lọc tự nhiên:</p> <p>1.2.5. Sự phát triển học thuyết tiến hóa sau Đacuyn</p>	7	Học giáo trình số 1,2 và tham khảo giáo trình khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	14	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Học thuyết tiến hóa tổng hợp – Tiến hóa nhỏ	8			
Lý thuyết	<p>2.1. Quần thể - Đơn vị tiến hóa cơ bản</p> <p>2.2. Khái niệm tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn</p> <p>2.3. Các nhân tố tiến hóa cơ bản</p> <p>2.3.1. Đột biến</p> <p>2.3.2. Di - nhập gen</p> <p>2.2.3. Giao phối không ngẫu nhiên</p> <p>2.3.4. Chọn lọc tự nhiên</p> <p>2.3.5. Các yếu tố ngẫu nhiên.</p> <p>2.4. Sự hình thành quần thể sinh vật thích nghi</p> <p>2.4.1. Cơ chế hình thành quần thể thích nghi</p> <p>2.4.2. Hiện tượng đa hình cân bằng di truyền</p> <p>2.4.3. Sự hợp lí tương đối của các đặc điểm thích nghi</p> <p>2.4.5. Loài sinh học và các cơ chế cách li</p>	8	Học giáo trình số 1 tham khảo giáo trình khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.4.6. Các con đường hình thành loài mới				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	16	Trả lời tốt các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
Chương 3. Học thuyết tiến hóa tổng hợp – Tiến hóa lớn		7			
Lý thuyết	3.1. Phân li tính trạng và sự hình thành các nhóm phân loại 3.2. Chiều hướng tiến hóa chung của sinh giới 3.3. Chiều hướng tiến hóa của từng nhóm loài 3.3.1. Những hướng tiến hóa khác nhau 3.3.2. Bốn con đường của tiến bộ sinh học 3.3.3. Bốn con đường của sự thích ứng một phần 3.5.4. Tính quy luật của quá trình tiến hóa	3	Học giáo trình số 1 Tham khảo giáo trình khác	Lớp học	
	3.4. Bằng chứng tiến hóa và sự phát sinh, phát triển sự sống trên Trái Đất 3.4.1. Bằng chứng tiến hóa 3.4.2. Sự phát sinh sự sống trên Trái Đất 3.4.3. Sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất 3.4.4. Hóa thạch và sự phân chia thời gian địa chất 3.4.5. Sự phát triển của sinh vật qua các đại địa chất	3			
Thảo luận	1. Sự tiến bộ của các loài ngày nay có ý nghĩa gì trong quá trình tiến hóa 2. Sử dụng một số bằng chứng để chứng minh sự tồn tại của Khủng long	1	SV đọc tài liệu và chuẩn bị ở nhà. GV hướng dẫn thảo luận	Lớp học	

8. Giáo trình

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Xuân Việt (2009), *Giáo trình Học thuyết tiến hóa*, NXB Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Thái Trần Bái (2015). *Tiến hóa thích nghi của động vật ở nước ở cạn và kí sinh*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	1			1	2	2	6
6	2				2	2	6
7	2				2	2	6
8	2				2	2	6
9	1			1	2	2	6
10	21				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	1			1	2	2	6
15		1		1	2	2	6
Tổng cộng	25	1		4	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy : Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kỳ (do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm): 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 2: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 3, 4 (4 điểm)	60'	10	

Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Thực tập nghiên cứu thiên nhiên

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, VPK KH Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - KT&CN. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0962.975.056; Email: hainguyentq0495@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực vật.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian; địa điểm làm việc: Giờ hành chính; khoa KH Tự nhiên – KT & CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên-KT&CN. Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0915212985; - Email: quanthidungk19@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực tập nghiên cứu thiên nhiên
- Mã học phần: TN2.1.423.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: TN2.1.424.2; TN2.1.413.3; TN2.1.410.2
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết: 2 tiết
 - + Thực hành: 28 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học.
 - + Khoa: KH Tự nhiên – KT & CN.

3. Mục tiêu của học phần

Học phần giúp cho sinh viên mở rộng hiểu biết thực tế sau khi học các học phần Thực vật, Động vật, Sinh thái. Sinh viên được tập dượt các kỹ năng Sinh học như quan sát, theo dõi, ghi chép, thu thập, xử lý, bảo quản mẫu vật, xây dựng sưu tập, làm báo cáo thu hoạch.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Biết được thành phần chính về sinh vật của hệ sinh thái.
CDR 2	Phân tích được sự thích nghi của sinh vật với điều kiện sống thông qua quan sát, phân tích ngoài thiên nhiên.
CDR 3	Có cơ hội được mở rộng hiểu biết thực tế và biết cách tổ chức các buổi tham quan thiên nhiên, học tập ngoài trời trong chương trình phổ thông.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Rèn các kỹ năng quan sát, phân tích, theo dõi, ghi chép, thu thập, xử lý, bảo quản mẫu vật.
CDR 5	Cách làm các sưu tập, thu hoạch, tường trình, viết báo cáo nghiên cứu khoa học.
CDR 6	Có năng lực tổ chức các buổi, đợt tham quan, thực địa ngoài thiên nhiên.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu
CDR 8	Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu
CDR 9	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Say mê nghiên cứu khoa học.
CDR 11	Có ý thức bảo vệ môi trường sống và nguồn tài nguyên thiên nhiên.
CDR 12	Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn của cá nhân và ở địa phương.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng						Thái độ		
					Cứng			Mềm					
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
Chương 1. Công việc và các hoạt động chuẩn bị cho thực tập nghiên cứu thiên nhiên	1.1. Thời gian	1		1									
	1.2. Địa điểm	1		1									
	1.3. Phương tiện đi lại	1		1									
	1.4. Dụng cụ, vật liệu dùng cho	1		1				1	1				

	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên.																
	1.5. Chuẩn bị trước khi lên đường thực tập nghiên cứu thiên nhiên.	2		1				1	1								
	1.6. Quan trắc thời tiết, thủy triều quan sát sinh vật biển gồm động vật, thực vật	1	1	1	1			1	1								
	1.7. Cách tiến hành quan sát ngoài thiên nhiên:	1		1		1	1	1	1	1	1				1		
Chương 2. Tổ chức thực tập nghiên cứu thiên nhiên ở các cảnh quan khác nhau	2.1. Vùng rừng nhiệt đới Rừng nguyên sinh; Rừng thứ sinh.	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2.2. Vùng ven biển hay rừng ven biển	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 3. Tổ chức thực tập nghiên cứu thiên nhiên ở các cảnh quan khác nhau	3.1. Vùng rừng núi đá vôi	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
	3.2. Vùng thung lũng giữa các núi đá, vùng sông suối.	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 4. Cách tổ chức, theo dõi nghiên cứu đề tài nhỏ	4.1. Nghiên cứu đề tài ở dạng nhóm		1	1	1	2	1	2		1	1	1	1	1	1	1	1
	4.2. Các vấn đề nghiên cứu của đề tài: Đối với động vật: Nghiên cứu lưu về phân loại, về hình thái, về đặc điểm thích nghi		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 5. Cách tổ chức định loại mẫu vật và khai thác tài liệu làm tường trình và báo cáo thu hoạch	5.1. Cách tổ chức định loại mẫu vật			1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1		
	5.2. Cách khai thác tư liệu làm tường trình và báo cáo thu hoạch			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1
	5.3. Cách viết thu hoạch và báo cáo kết quả nghiên cứu			1		1	1	1	1								

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp cho sinh viên mở rộng hiểu biết thực tế sau khi học các học phần Thực vật, Động vật, Sinh thái - Môi trường. Chuẩn bị cho sinh viên khi về trường phổ thông có thể tổ chức các buổi tham quan thiên nhiên, học tập ngoài trời trong chương trình phổ thông.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1. Công việc và các hoạt động chuẩn bị cho thực tập nghiên cứu thiên nhiên	2			
Lý thuyết	1.1. Thời gian 1.2. Địa điểm 1.3. Phương tiện đi lại	2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.4. Dụng cụ, vật liệu dùng cho Thực tập nghiên cứu thiên nhiên.</p> <p>1.5. Chuẩn bị trước khi lên đường thực tập nghiên cứu thiên nhiên.</p> <p>1.6. Quan trắc thời tiết, thủy triều quan sát sinh vật biển gồm động vật, thực vật</p> <p>1.7. Cách tiến hành quan sát ngoài thiên nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với môi trường rừng nguyên sinh, thú sinh nhiệt đới: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát về số loài thực vật, sự phân tầng, đặc điểm đặc trưng của thực vật phù hợp với môi trường + Quan sát và tìm hiểu số loài động vật có ở môi trường bao gồm cả động vật không xương sống và có xương sống + Nghiên cứu về đặc điểm sinh thái của rừng để thấy được sự thích nghi của sinh vật - Đối với môi trường rừng ngập mặn: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát và phân biệt số loài thực vật, động vật khu rừng ngập mặn + Nghiên cứu đặc điểm sinh thái rừng ngập mặn, so sánh rừng ngập mặn ở khu vực phía bắc và khu vực phía nam của Việt Nam. - Đối với vùng biển: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát sinh vật biển vùng ven bờ (thực vật, động vật) + Quan sát sinh vật vùng ngoài khơi (thực vật, động vật) <p>- Thu thập mẫu quan sát, hướng dẫn cách xử lí mẫu thu thập</p> <p>* Các lĩnh vực cần nghiên cứu:</p> <p>Giải phẫu hình thái thực vật:.</p> <p>Phân loại thực vật.</p> <p>Động vật học không xương sống.</p> <p>Động vật có xương sống.</p> <p>Sinh thái học và môi trường.</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi đi thực tế	4	Đọc lại các phần lý thuyết chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Tổ chức thực tập nghiên cứu thiên nhiên ở các cảnh quan khác nhau	13			
Thực hành	2.1. Vùng rừng nhiệt đới - Rừng nguyên sinh: Cúc Phương, Pù Mát, Vụ Quang - Rừng thứ sinh: Ba Vì, Tam Đảo, Cát Bà, Cát Tiên, Đảo Phú Quốc, Yên Tử 2.2. Vùng ven biển hay rừng ven biển Vùng ven biển đơn thuần gồm rừng ngập mặn, rừng đầm lầy Vùng biển ngoài khơi	13			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi đi thực tế	26	Đọc lại các phần lý thuyết chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
	Chương 3. Tổ chức thực tập nghiên cứu thiên nhiên ở các cảnh quan khác nhau	12			
Thực hành	3.1. Vùng rừng núi đá vôi Thác Bản Giốc (Cao Bằng), Hồ Ba Bể (Bắc Kạn), Cát Bà (Hải Phòng), Vịnh Hạ long (Quảng Ninh), Phong Nha (Quảng Bình), Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), Cúc Phương (Ninh Bình). 3.2. Vùng thung lũng giữa các núi đá, vùng sông suối.	12			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi đi thực tế	24	Đọc lại các phần lý thuyết chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4. Cách tổ chức, theo dõi nghiên cứu đề tài nhỏ	1			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thực hành	4.1. Nghiên cứu đề tài ở dạng nhóm 4.2. Các vấn đề nghiên cứu của đề tài: Đối với động vật: Nghiên cứu về phân loại, về hình thái, về đặc điểm thích nghi	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi đi thực tế	2	Đọc lại các phần lý thuyết chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Cách tổ chức định loại mẫu vật và khai thác tài liệu làm tường trình và báo cáo thu hoạch	2			
Thực hành	5.1. Cách tổ chức định loại mẫu vật 5.2. Cách khai thác tư liệu làm tường trình và báo cáo thu hoạch 5.3. Cách viết thu hoạch và báo cáo kết quả nghiên cứu Nội dung bài thu hoạch hay báo cáo kết quả nghiên cứu * Phần mở đầu: nêu lí do, tầm quan trọng và giới hạn vấn đề thu hoạch hay báo cáo * Phần địa điểm, thời gian và phương pháp nghiên cứu Địa điểm thời gian có ghi khi hậu thời tiết ảnh hưởng đến động vật, thực vật * Phần kết quả nghiên cứu Nội dung nghiên cứu Kết quả nghiên cứu.	2			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi đi thực tế	4	Đọc lại các phần lý thuyết chỉ ra được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1] Nguyễn Văn Khang (2007), *Thực tế thiên nhiên*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Khang (1998), *Thực tập nghiên cứu thiên nhiên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		8
2			2		4		8
3			2		4		8
4			2		4		8
5			2		4		8
6			2		4		8
7			2		4		8
8			2		4		8
9			2		4		8
10			2		4		8
11			2		4		8
12			2		4		8
13			2		4		8
14			2		4		8
15			2		4		8
Tổng cộng	2	0	28	0	60		120

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có máy chiếu hỗ trợ khi giảng dạy lý thuyết trên lớp, có đầy đủ phương tiện để tiến hành thực tập nghiên cứu ngoài thiên nhiên.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Tham gia học tập đợt thực tập nghiên cứu thiên nhiên. Thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về thời gian, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần là điểm bài thu hoạch hay báo cáo nghiên cứu khoa học.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học vô cơ 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.716.160; Email: vutamhieu@gmail.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học vô cơ 1
- Mã học phần: TN3.1.309.3
- Số tín chỉ: 3
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Các học phần hóa học đại cương (TN2.1.306.2; TN2.1.307.2)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 27 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 18 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm:

- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ Môn: Hóa học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về: vị trí trong bảng tuần hoàn, cấu trúc electron, cấu tạo nguyên tử, bản chất liên kết, tính chất lý - hoá học, khả năng phản ứng, phương pháp điều chế, khai thác và ứng dụng các đơn chất của các nguyên tố phi kim trên cơ sở lý thuyết về cấu tạo chất và các quá trình hoá học.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm được vị trí trong bảng tuần hoàn, cấu trúc electron, bán kính nguyên tử, bán kính ion, năng lượng ion hoá, ái lực electron, độ âm điện.
CDR 2	Biết được tính chất lý và ứng dụng các đơn chất của các nguyên tố phi kim, kim loại trên cơ sở lý thuyết về cấu tạo chất và các quá trình hoá học.
CDR 3	Hiểu được tính chất hoá học, khả năng phản ứng, phương pháp điều chế các nguyên tố phi kim, kim loại đặc biệt là các nguyên tố phi kim, kim loại có trong chương trình Phổ thông.
CDR 4	Hiểu được tính chất hoá học, khả năng phản ứng, phương pháp điều chế các hợp chất của nguyên tố phi kim, kim loại đặc biệt là các hợp chất có trong chương trình Phổ thông.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Kỹ năng tính toán, viết phương trình phản ứng. Phân tích, so sánh, tổng hợp và giải thích các vấn đề.
CDR 6	Vận dụng các kiến thức về hóa đại cương vào việc học hóa Vô cơ.
CDR 7	Vận dụng những lý luận cơ bản về hoá học các nguyên tố phi kim, kim loại vào việc tìm hiểu và giải thích các hiện tượng hoá học có liên quan đến sản xuất, đời sống và môi trường.
CDR 8	Vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội được về hoá học các nguyên tố phi kim, kim loại vào việc chuẩn bị giáo án, giảng dạy chương trình hoá học ở Trường phổ thông và hướng dẫn học sinh học tốt môn hoá học.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 10	Sử dụng được các phần mềm tin học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.

CDR 12	Có ý thức thường xuyên cập nhật các thông tin khoa học Hóa học, phục vụ cho giảng dạy.
CDR 13	Ý thức được vai trò của hoá học đối với cuộc sống, cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm giáo dục học sinh góp phần bảo vệ môi trường.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức	Kỹ năng										Thái độ, năng lực tự chủ	
			Cứng					Mềm						
			CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
Chương 1. Hidro, oxi và nước	1. Hidro	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	1
	2. Oxi	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	3. Nước. Hidro peoxit	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
Chương 2. Các nguyên tố nhóm VIIA (Halogen)	1. Đơn chất Halogen	2	2	2		2	2	2	2	1	1	1	2	2
	2. Hợp chất với Hidro	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	3. Các oxit của các halogen	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	4. Các oxi axit của các halogen	1	1		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 3. Các nguyên tố nhóm VIA	2. Lưu huỳnh	2	2	2		2	2	2	2	1	1	1	2	2
	3. Hidro sunfua, axit sunfuhidric mà muối sunfua.	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	4. Các hợp chất S (IV) với oxi: SO ₂ , H ₂ SO ₃ và muối SO ₃ ²⁻	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	5. Các hợp chất S (VI) với oxi: SO ₃ , H ₂ SO ₄ và muối SO ₄ ²⁻	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
Chương 4. Các nguyên tố nhóm VA (N, P, As, Sb)	1. Nitơ	2	2	2		2	2	2	2	1	1	1	2	2
	2. Amoniac và muối amoni	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	3. NO	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	4. NO ₂	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	5. Axit nitơ và muối nitrit	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	6. Axit nitric và muối nitrat	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	7. Photpho	2	2	2	2		2	2	2	1	1	1	2	2
	8. Photphin và điphotphin	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	9. Axit H ₃ PO ₃ và H ₃ PO ₄	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
Chương 5.	1. Cacbon	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ				
				Cứng			Mềm							
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13
Cacbon –Silic	2. Hợp chất cacbua	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	3. Cacbon oxit	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	4. Cacbon đioxit	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	5. Một số hợp chất khác của cacbon	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	6. Silic	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	7. Một số hợp chất của silic	2	2		2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
	Chương 6. Đại cương về kim loại	1. Vị trí của kim loại trong bảng tuần hoàn	2					2		2	1	1	2	2
2. Đặc điểm cấu trúc lớp vỏ electron của nguyên tử kim loại		2					2		2	1	1	2	2	2
3. Cấu tạo mạng tinh thể kim loại		2					2			1	1	2	2	2
4. Liên kết kim loại		2					2		2	1	1	2	2	2
5. Tính chất lý – hoá học của kim loại			2	2		2	1		2	1	1	2	2	2
6. Nguyên tắc điều chế kim loại					2				2	1	1	2	2	2
7. Các phương pháp điều chế kim loại					2	2			2	1	1	2	2	2
Chương 7. Các nguyên tố nhóm I A (Kim loại kiềm)	1. Đơn chất	1	2	2		2	1		2	1	1	2	2	2
	2. Hợp chất hidroxit của kim loại kiềm		2	2		2	1		2	1	1	2	2	2
	3. Hợp chất hidrua của kim loại kiềm		2	2		2	1		1	1	1	2	2	1
	4. Hợp chất oxit, supe oxit của các kim loại kiềm		2	2		2	1		1	1	1	2	2	1
	5. Hợp chất muối Clorua, cacbonnat, nitrat, sunfat của các kim loại kiềm.		2	2		2	1		1	1	1	2	2	1
Chương 8. Các nguyên tố nhóm II A (Kim loại kiềm thổ)	1. Đơn chất	1	2	2		2	1		2	1	1	2	2	2
	2. Hợp chất hidroxit của kim loại kiềm thổ		2	2		2	1	2	2	1	1	2	2	2
	3. Hợp chất hidrua của kim loại kiềm thổ		2	2		2	1		1	1	1	2	2	1
	4. Hợp chất oxit, supe oxit của các kim loại kiềm thổ		2	2		2	1		1	1	1	2	2	1
	5. Hợp chất muối Clorua, cacbonnat, nitrat, sunfat của các kim loại kiềm thổ.		2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
Chương 9. Các nguyên tố nhóm III A	1. Đơn chất nhôm	1	2	2		2	1	2	2	1	1	2	2	2
	2. Luyện nhôm		2	2		2	1	2	2	1	1	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ				
				Cứng			Mềm							
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13
	3. Các hợp chất hiđrua, oxit, hiđroxit, muối của nhôm		2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
	4. Phèn nhôm		2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
Chương 10. Gecmani - Thiếc - Chì	1. Các kim loại Ge, Sn, Pb	1	2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
	2. Các oxit, hiđroxit của Ge, Sn, Pb		1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 11. Các nguyên tố nhóm B	1. Các nguyên tố nhóm IB: đơn chất và hợp chất	1	2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	2
	2. Các nguyên tố nhóm IIB: đơn chất và hợp chất	1	2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
	3. Các nguyên tố nhóm VIB: đơn chất và hợp chất	1	2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
	4. Các nguyên tố nhóm VIIB: đơn chất và hợp chất	1	2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	1
	5. Các nguyên tố nhóm VIIIB: đơn chất và hợp chất	1	2	2		2	1	2	1	1	1	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Hóa vô cơ 1 giới thiệu các kiến thức cơ bản nhất, có tính hệ thống logic về tính chất và phương pháp điều chế các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố phi kim nhóm VII A, VI A, V A, IV A, III A và tính chất và phương pháp điều chế các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố kim loại nhóm I A, II A, III A, IB, II B, III B, VI B, VII B, VIII B. Học phần Hoá học vô cơ 1 đặt cơ sở cho việc tiếp thu các học phần: Hoá học vô cơ 2 (thực hành Hóa vô cơ), các môn: Hóa học phân tích, Hóa công nghệ và môi trường, Phương pháp giảng dạy Hóa học và các học phần phải học tiếp Cao học.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
Lý thuyết	Chương 1: Hidro, oxi và nước 2.1. Hidro 2.1.1. Vị trí trong bảng tuần hoàn, cấu trúc electron, bán kính nguyên tử, bán kính ion, năng lượng ion hoá, ái lực electron, độ âm	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 4, 5	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>điện, thế điện cực chuẩn của hiđro.</p> <p>2.1.2. Trạng thái thiên nhiên, thành phần đồng vị và phương pháp điều chế.</p> <p>2.1.3. Tính chất lý - hoá học và ứng dụng của hiđro.</p> <p>2.1.4. Hiđrua của các nguyên tố (hiđrua ion, hiđrua cộng hoá trị, hiđrua kiểu kim loại). Ảnh hưởng của liên kết hiđro đến tính chất của hiđrua cộng hoá trị.</p> <p>2.2. Oxi</p> <p>2.2.1. Vị trí trong bảng tuần hoàn, cấu trúc electron, bán kính nguyên tử, bán kính ion, năng lượng ion hoá, ái lực electron, độ âm điện của oxi.</p> <p>2.2.2. Trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế.</p> <p>2.2.3. Cấu tạo phân tử, tính chất lý - hoá học và ứng dụng của oxi.</p> <p>2.2.4. Vai trò sinh học của oxi.</p> <p>2.2.5. Chu trình oxi trong tự nhiên.</p> <p>2.2.6. Cấu tạo phân tử, tính chất lý - hoá học và ứng dụng của ozon. Phương pháp điều chế ozon.</p> <p>2.2.7. Tầng ozon, vai trò của tầng ozon và bảo vệ tầng ozon.</p> <p>2.3. Nước</p> <p>2.3.1. Cấu tạo phân tử.</p> <p>2.3.2. Trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế.</p> <p>2.3.3. Tính chất lý - hoá học.</p> <p>2.3.4. Sự ô nhiễm môi trường nước. Xử lý nước thải.</p> <p>2.3.5. Hiđro peoxit (Cấu tạo phân tử, phương pháp điều chế, tính chất lý - hoá học và ứng dụng của hiđro peoxit).</p>				
Lý thuyết	<p align="center">Chương 2. Các nguyên tố nhóm VIIA (Halogen)</p> <p>2.1. Nhận xét chung</p> <p>2.2. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị</p>	3			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2.3. Đơn chất:</p> <p>2.3.1. Tính chất lý-hoá học của các halogen</p> <p>2.3.2. Phương pháp điều chế và ứng dụng của các halogen</p> <p>2.4. Hợp chất:</p> <p>2.4.1. Hidro halogenua. Điều chế. Tính chất lý hoá học và ứng dụng.</p> <p>2.4.2. Các oxit và oxi axit của các halogen. Tính chất. Điều chế và ứng dụng.</p>				
Lý thuyết	<p>Chương 3. Các nguyên tố nhóm VIA</p> <p>3.1. Nhận xét chung</p> <p>3.2. Lưu huỳnh</p> <p>3.2.1. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị.</p> <p>3.2.2. Các dạng thù hình và phương pháp khai thác lưu huỳnh.</p> <p>3.2.3. Tính chất lý – hoá học của lưu huỳnh.</p> <p>3.2.4. Hidro sunfua, axit sunfuhidric mà muối sunfua.</p> <p>3.2.5. Các hợp chất S(IV) với oxi: SO₂, H₂SO₃ và muối SO₃²⁻</p> <p>3.2.6. Các hợp chất S(VI) với oxi: SO₃, H₂SO₄ và muối SO₄²⁻</p>	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 4, 5	Phòng thí nghiệm	
Bài tập	<p>Bài tập trong học liệu 4</p> <p>Hidro – Oxi - Nước</p> <p>Các nguyên tố nhóm VIIA (Halogen)</p> <p>Các nguyên tố nhóm VIA</p>	2 3 2	Nắm vững lý thuyết chương 1,2,3	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Tính chất vật lý, hoá học, phương pháp điều chế và ứng dụng các đơn chất và hợp chất của chúng.	30	Đọc học liệu số 1, 3, 4, 6, 8	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
Lý thuyết	<p>Chương 4. Các nguyên tố nhóm VA (N, P, As, Sb)</p> <p>4.1. Nhận xét chung</p> <p>4.2. Nitơ và hợp chất.</p> <p>4.2.1. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các</p>	3	Đọc học liệu số 1, 3, 4	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>đồng vị của nitơ.</p> <p>4.2.2. Tính chất lý – hoá học của nitơ.</p> <p>4.2.3. Phương pháp điều chế nitơ.</p> <p>4.2.4. Amoniac và muối amoni: tính chất lý – hoá học. Phương pháp điều chế và ứng dụng.</p> <p>4.2.5. NO. Tính chất lý -hoá học. Phương pháp điều chế.</p> <p>4.2.6. NO₂. Tính chất lý- hoá học. Phương pháp điều chế.</p> <p>4.2.7. Axit nitơ và muối nitrit. Tính chất lý – hoá học. Phương pháp điều chế.</p> <p>4.2.8. Axit nitric và muối nitrat. Tính chất lý – hoá học. Phương pháp điều chế và ứng dụng.</p> <p>4.3. Photpho.và hợp chất .</p> <p>4.3.1. Trạng thái tự nhiên. Đồng vị. Thù hình.</p> <p>4.3.2. Tính chất lý – hoá học. Phương pháp điều chế Photpho.</p> <p>4.3.3. Photphin và điphotphin: cấu tạo, điều chế, tính chất.</p> <p>4.3.4. Axit H₃PO₃ và H₃PO₄. Tính chất lý – hoá học. Phương pháp điều chế và ứng dụng.</p>				
Lý thuyết	<p>Chương 5. Cacbon –Silic</p> <p>5.1. Cacbon và hợp chất</p> <p>5.1.1. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị. Các dạng thù hình và phương pháp điều chế của cac bon</p> <p>5.1.2. Tính chất lý hoá học của cacbon</p> <p>5.1.3. Hợp chất cacbua</p> <p>5.1.4. Cacbon oxit. Phương pháp điều chế . Tính chất lý hoá học, ứng dụng</p> <p>5.1.5. Cacbon đioxit. Phương pháp điều chế. Tính chất lý hoá học, ứng dụng</p> <p>5.1.6. Một số hợp chất khác của cacbon. Tính chất lý hoá học, Phương pháp điều chế</p> <p>5.2. Silic và hợp chất</p>	2	Đọc học liệu số 1, 3, 4	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>5.2.1. Silic. Trạng thái tự nhiên. Thành phần đồng vị. Phương pháp điều chế</p> <p>5.2.2. Tính chất lý hoá học của silic</p> <p>5.2.3. Tính chất lý hoá học một số hợp chất của silic</p>				
	<p>Chương 6. Đại cương về kim loại</p> <p>6.1. Vị trí của kim loại trong bảng tuần hoàn</p> <p>6.2. Đặc điểm cấu trúc lớp vỏ electron của nguyên tử kim loại</p> <p>6.3. Cấu tạo mạng tinh thể kim loại</p> <p>6.4. Liên kết kim loại</p> <p>6.5. Tính chất lý – hoá học của kim loại</p> <p>6.6. Nguyên tắc điều chế kim loại</p> <p>6.7. Các phương pháp điều chế kim loại</p>	2	Đọc học liệu số 1, 3, 5	Lớp học	
	<p>Chương 7. Các nguyên tố nhóm I A (Kim loại kiềm)</p> <p>7.1. Nhận xét chung</p> <p>7.2. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị của các kim loại kiềm</p> <p>7.3. Đơn chất</p> <p>7.3.1. Tính chất lý - hoá học của các kim loại kiềm</p> <p>7.3.2. Phương pháp điều chế và ứng dụng</p> <p>7.4. Hợp chất</p> <p>7.4.1. Tính chất lý hoá học, phương pháp điều chế các hidroxit kim loại kiềm</p> <p>7.4.2. Tính chất lý - hoá học, phương pháp điều chế các hợp chất hidrua, oxit, supe oxit của các kim loại kiềm</p> <p>7.4.3. Tính chất của các hợp chất muối Clorua, cacbonnat, nitrat, sunfat của các kim loại kiềm. Phương pháp điều chế</p>	2	Đọc học liệu số 1, 3, 5	Lớp học	
Bài tập	<p>Bài tập trong học liệu 4</p> <p>Các nguyên tố nhóm VA, cacbon-silic</p> <p>Đại cương kim loại, các nguyên tố nhóm IA</p>	4 2	Nắm vững lý thuyết chương 4,5,6,7	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Tính chất vật lý, hoá học, phương pháp điều chế và ứng dụng các đơn chất và hợp chất của chúng.	30	Đọc học liệu số 1, 3, 4, 6, 8	Thư viện, ở nhà	
	TÍN CHỈ 3	15			
Lý thuyết	<p style="text-align: center;">Chương 8. Các nguyên tố nhóm II A (Kim loại kiềm thổ)</p> <p>8.1. Nhận xét chung</p> <p>8.2. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị của các kim loại kiềm thổ</p> <p>8.3. Đơn chất</p> <p>8.3.1. Phương pháp điều chế các kim loại kiềm thổ</p> <p>8.3.2. Tính chất lý - hoá học của các kim loại kiềm thổ</p> <p>8.4. Hợp chất</p> <p>8.4.1. Tính chất lý - hoá học, phương pháp điều chế, ứng dụng của các hidroxit của kim loại kiềm thổ</p> <p>8.4.2. Tính chất lý hoá học, phương pháp điều chế các hidrua, oxit, peoxit của các kim loại kiềm thổ</p> <p>8.4.3. Tính chất của các muối Clorua, cacbonat, sunfat. Phương pháp điều chế</p>	2	Đọc học liệu số 1, 3, 5	Lớp học	
	<p style="text-align: center;">Chương 9. Các nguyên tố nhóm III A</p> <p>9.1. Nhận xét chung</p> <p>9.2. Nhôm và hợp chất</p> <p>9.2.1. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị của nhôm</p> <p>9.2.2. Tính chất lý hoá học của nhôm. Cơ sở lý thuyết của phương pháp nhiệt nhôm</p> <p>9.2.3. Luyện nhôm</p> <p>9.2.4. Tính chất lý hoá học. Phương pháp điều chế các hợp chất hidrua, oxit, hidroxit, muối của nhôm</p> <p>9.2.5. Phèn nhôm</p>	2	Đọc học liệu số 1, 3, 5	Lớp học	
	<p style="text-align: center;">Chương 10. Gecmani - Thiếc - Chì</p> <p>10.1. Trạng thái tự nhiên. Thành phần các đồng vị</p>	1	Đọc học liệu số 1, 3, 5	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	10.2. Tính chất lý hoá học. Phương pháp điều chế các kim loại Ge, Sn, Pb 10.3. Tính chất các oxit, hidroxit của Ge, Sn, Pb. Phương pháp điều chế				
	Chương 11 . Các nguyên tố nhóm B 11.1. Các nguyên tố nhóm IB: trạng thái tự nhiên, điều chế, tính chất lý – hóa học của đơn chất và hợp chất 11.2. Các nguyên tố nhóm IIB: trạng thái tự nhiên, điều chế, tính chất lý – hóa học đơn chất và hợp chất 11.3. Các nguyên tố nhóm VIB: trạng thái tự nhiên, điều chế, tính chất lý – hóa học đơn chất và hợp chất 11.4. Các nguyên tố nhóm VIIB: trạng thái tự nhiên, điều chế, tính chất lý – hóa học đơn chất và hợp chất 11.5. Các nguyên tố nhóm VIIIB: trạng thái tự nhiên, điều chế, tính chất lý – hóa học đơn chất và hợp chất	5	Đọc học liệu số 2, 3, 5, 7		
Bài tập	Bài tập trong học liệu 4 Nhóm IIA, IIIA, IVA Các nguyên tố nhóm B	2 3	Nắm vững lý thuyết chương 8,9,10	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Tính chất vật lý, hoá học, phương pháp điều chế và ứng dụng các đơn chất và hợp chất của chúng.	30	Đọc học liệu số 2, 3, 5, 6, 9	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

- [1] Hoàng Nhâm (2002), *Hoá học vô cơ - Tập 2*, Nxb Giáo dục;
- [2] Hoàng Nhâm (2002), *Hoá học vô cơ - Tập 3*, Nxb Giáo dục;
- [3] Nguyễn Đức Vận (1983), *Bài tập hóa học vô cơ*, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Vũ Đăng Độ (2008), *Hoá học vô cơ - Tập 1*, Nxb Giáo dục;
- [5] Vũ Đăng Độ (2008), *Hoá học vô cơ - Tập 2*, Nxb Giáo dục
- [6] Hoàng Nhâm (2004), *Hoá học các nguyên tố - Tập 1*, Nxb ĐHQG Hà Nội;
- [7] Hoàng Nhâm (2004), *Hoá học các nguyên tố - Tập 1*, Nxb ĐHQG Hà Nội;

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		1		4	2	9
2	2		1		4	2	9
3	2		1		4	2	9
4	2		1		4	2	9
5	2		1		4	2	9
6	2		1		4	2	9
7	2		1		4	2	9
8	2		1		4	2	9
9	2		1		4	2	9
10		1	2		4	2	9
11	2		1		4	2	9
12	1		2		4	2	9
13	2		1		4	2	9
14	2		1		4	2	9
15	1		2		4	2	9
Tổng	26	1	18		60	30	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
 - + Phòng học nhóm
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 10, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<p><u>Câu 1</u>: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm)</p> <p><u>Câu 2</u>: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (3 điểm)</p> <p><u>Câu 3</u>: Với nội dung thuộc tín chỉ 3: (4 điểm)</p>	90'	10	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Hóa học vô cơ 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.716.160; Email: yutamhieu@gmail.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học vô cơ 2
- Mã học phần: TN2.1.310.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Hoá học vô cơ 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 30 tiết (60 tiết)
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ Môn: Hóa học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Sinh viên hiểu được: Kỹ năng thực hành: chứng minh được tính chất lý – hóa học của các đơn chất và hợp chất vô cơ quan trọng. Thành thạo một số kỹ năng thao tác lắp đặt dụng cụ để điều chế một số hợp chất và hợp chất vô cơ quan trọng. Củng cố được các phần lý thuyết qua quá trình thực hành.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm được cách tiến hành các thí nghiệm: chứng minh tính chất lý – hóa học của các đơn chất và hợp chất vô cơ quan trọng.
CDR 2	Thành thạo một số kỹ năng thao tác lắp đặt dụng cụ để điều chế một số chất và hợp chất vô cơ quan trọng.
CDR 3	Củng cố được các phần lý thuyết qua quá trình thực hành.
Về kỹ năng	
CDR 4	Rèn luyện kỹ năng thực hành và các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm để có thể thực hiện các thí nghiệm chứng minh khi giảng dạy ở trường phổ thông.
CDR 5	Rèn luyện kỹ năng quan sát, giải thích hiện tượng, viết phương trình phản ứng xảy ra trong Hoá học vô cơ để sinh viên có thể tự nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Trang bị cho sinh viên niềm say mê nghiên cứu khoa học, các phương pháp tiếp cận với kiến thức khoa học. Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 7	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có ý thức làm việc trong phòng thí nghiệm: trật tự, ngăn nắp, mỹ thuật, khoa học, trung thực với kết quả.
CDR 9	Có thái độ tích cực trong học tập, tự học, tự nghiên cứu tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ về hóa học vô cơ và các môn học có liên quan. Thường xuyên cập nhật các thông tin khoa học Hóa học, phục vụ cho giảng dạy.
CDR 10	Ý thức được vai trò của hoá học đối với cuộc sống, cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm giáo dục học sinh góp phần bảo vệ môi trường.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
			Cứng		Mềm						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Bài 1: Hidro, Oxi, Ozon, hidro peoxit	1. Điều chế hidro, kẽm tác dụng với axit, nhôm tác dụng với dung dịch kiềm. Tính chất hidro	2	2	2	2	2	1	2	1	2	1
	2. Tính chất hóa học của hidro (phản ứng với oxi, với CuO).	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2
	3. So sánh tính khử của hidro phân tử và hidro mới sinh.	2	1	1	1	2	1	2	1	2	1
	4. Điều chế oxi bằng phương pháp nhiệt phân $KClO_3$, $KMnO_4$. Phương pháp nhận biết khí oxi.	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2
	5. Tác dụng của oxi với sắt, lưu huỳnh và photpho.	2		2	2	2	1	2	1	2	2
	6. Điều chế ozon từ $(NH_4)_2S_2O_8$.	2	2	2		2	1	2	1	1	2
	8. Điều chế H_2O_2 : $BaO_2 + H_2SO_4$ loãng; $Na_2O_2 + H_2SO_4$ loãng.	2	2	2		2	1	2	1	1	
	9. Tác dụng của H_2O_2 với dung dịch $KMnO_4$, KI.	2		2		2	1	2	1	1	
	10. Tính bền của dung dịch H_2O_2	2		2		2	1	2	1	1	
	11. Tác dụng của H_2O_2 với dung dịch $FeSO_4$, với PbS.	2		2		2	1	2	1	1	
	Bài 2: Halogen	1. Điều chế clo bằng cách cho axit clohidric đặc tác dụng với MnO_2 , PbO_2 , $KMnO_4$. Cách nhận biết khí đó.	2	2	2	2	2	1	2	1	2
2. Điều chế brom, iot bằng cách cho KBr, KI tác dụng với hỗn hợp MnO_2 và axit sunfuric đặc. Cách nhận biết brom và iot.		2	2	2	1	2	1	2	1	2	
3. Khả năng hòa tan của brom, iot trong dung môi hữu cơ, trong nước.		2		2		2	1	2	1	2	2
4. Tác dụng của clo với hidro, kim loại, photpho và hợp chất hữu cơ.		2		2	2	2	1	2	1	2	1
5. Tác dụng của brom, iot với kim loại.		2		2	1	2	1	2	1	2	1
6. Tác dụng của iot với hồ tinh bột.		2		2	2	2	1	2	1	2	1
7. So sánh khả năng hoạt động hóa học của clo, brom và iot.		2		2	2	2	1	2	1	2	
8. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch nước iot.		2		2	1	2	1	2	1	2	
9. Điều chế clo bằng cách cho HCl tác dụng với Kali đicromat		2	2	2	2	2	1	2	1	2	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng		Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Bài 3: Hợp chất của các halogen	1. Điều chế hiđro clorua bằng cách cho NaCl tác dụng với H ₂ SO ₄ đặc	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2
	2. Khả năng hòa tan của khí hiđro clorua trong nước.	2		2	2	2	1	2	1	2	1
	3. Tính axit của dung dịch HCl trong nước. Cách nhận biết dung dịch HCl.	2		2	2	2	1	2	1	2	1
	4. So sánh tính khử của các ion Cl ⁻ , Br ⁻ , I ⁻ .	2		2	2	2	1	2	1	2	1
	5. Cách nhận biết các ion Cl ⁻ , Br ⁻ , I ⁻ .	2		2	2	2	1	2	1	2	1
	6. Điều chế và tính chất của nước Cl ₂ , nước javen, clorua vôi.	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2
	7. Điều chế và tính chất của KClO ₃ (phản ứng của KClO ₃ với S, C).	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	8. Phản ứng của KClO ₃ với axit clohidric đặc.	2		2		2	1	2	1	2	1
	9. Phản ứng khắc thủy tinh.	2		2	2	2	1	2	1	2	1
Bài 4: Lưu huỳnh và Hidro sunfua	1. Quan sát tinh thể của lưu huỳnh dưới kính hiển vi.	1		1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Quan sát sự thay đổi màu sắc, độ nhớt của lưu huỳnh theo nhiệt độ	1		1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Quan sát dạng lưu huỳnh dẻo và lưu huỳnh kim.	1		1	1	1	1	1	1	1	1
	4. Tác dụng của lưu huỳnh với Fe, HNO ₃ đặc.	2		2	2	2	1	2	1	2	1
	5. Điều chế H ₂ S (FeS + H ₂ SO ₄) và khả năng hòa tan của H ₂ S trong nước. Tính axit của dung dịch H ₂ S.	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2
	6. Tác dụng của H ₂ S với dung dịch KMnO ₄ , dung dịch H ₂ O ₂ , dung dịch K ₂ Cr ₂ O ₇ .	1		1		1	1	1	1	1	1
	7. Điều chế và quan sát màu sắc của các sunfua ít tan.	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	8. Đốt cháy khí hiđro sunfua.	1		1	1	1	1	1	1	1	1
	9. Tác dụng của S với oxi, với H ₂ SO ₄ đặc.	1		1	1	1	1	1	1	1	1
Bài 5: Các oxit và các axit của lưu huỳnh	1. Điều chế khí SO ₂ (Na ₂ SO ₃ + axit H ₂ SO ₄).	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Tác dụng của dung dịch SO ₂ với nước brom, iot, FeCl ₃ , KMnO ₄ .	1		1		1	1	1	1	1	1
	3. Tác dụng của dung dịch SO ₂ với H ₂ S.	1		1		1	1	1	1	1	1
	4. Tác dụng của Na ₂ SO ₃ với KMnO ₄ .	1		1		1	1	1	1	1	1
	5. Tác dụng của Na ₂ S ₂ O ₃ với axit HCl, Cl ₂ , Br ₂ , I ₂	1		1		1	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng			Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
	6. Hòa tan từ từ axit sunfuric đặc vào nước. Quan sát	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	7. Tác dụng của axit sunfuric loãng với kim loại.	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	8. Tác dụng của axit sunfuric đặc với kim loại C, S, đường kính,	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	9. Tác dụng của axit sunfuric đặc với hợp chất hữu cơ (giấy, vỏ bào).	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	10. Tác dụng của dung dịch SO ₂ với dung dịch K ₂ Cr ₂ O ₇ .	1	1	1		1	1	1	1	1	1
Bài 6: Nitơ, photpho, ammoniac, muối amoni	1. Điều chế nitơ từ amoni nitrit. Xác định thành phần thể tích của nitơ trong không khí.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Tính không dung tri sự cháy và sự sống của nitơ.	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	3. Quan sát sự biến đổi giữa photpho đỏ và photpho trắng. Tác dụng của photpho trắng với oxi.	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	4. Điều chế NH ₃ từ (NH ₄ Cl + Ca(OH) ₂) và từ dung dịch amoniac. Tính tan của NH ₃ trong nước.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	5. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch amoniac.	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	6. Tác dụng của NH ₃ với nước brom.	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	7. Nhiệt phân các muối amoniac. Cách nhận biết các muối amoni. Thuốc thử Nettle.	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	8. Photpho trắng cháy dưới nước.	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	9. Tính chất của amoni nitrat.	1	1	1		1	1	1	1	1	1
Bài 7: Oxit và oxit axit của nitơ	1. Điều chế N ₂ O bằng phương pháp nhiệt phân NH ₄ NO ₃ . Tính chất của N ₂ O.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Điều chế NO. Tác dụng của NO với O ₂ , với dung dịch FeSO ₄ .	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	3. Điều chế NO ₂ . Khả năng trùng hợp của NO ₂ thành N ₂ O ₄	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	4. Tác dụng của KNO ₂ với KI, KMnO ₄	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	5. Tác dụng của HNO ₃ với Cu, Zn, H ₂ S	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	6. Phản ứng cháy của S, C trong KNO ₃ nóng chảy	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	7. Tác dụng của KNO ₂ với dung dịch KMnO ₄ , H ₂ SO ₄ , K ₂ Cr ₂ O ₇	1	1	1		1	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
			Cứng		Mềm						
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5		CĐR6	CĐR7	CĐR8
	8. Tác dụng của bạc nitrat nóng chảy lên giấy lọc	1	1	1		1	1	1	1	1	1
Bài 8: Cacbon, Silic, hợp chất của cacbon	1. Điều chế than hoạt tính từ than gỗ. Khả năng hấp phụ màu và mùi của than hoạt tính. So sánh khả năng hấp phụ của than hoạt tính than thường.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Tác dụng của cacbon với CuO, với axit nitric đặc.	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	3. Điều chế khí CO ₂ . Tính không duy trì sự cháy và sự sống của CO ₂ .	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	4. Tác dụng của CO ₂ với Mg, với nước vôi. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch CO ₂ .	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	5. Điều chế cacbonat ít tan. Cách nhận biết khí CO ₂ và muối cacbonat tan.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	6. Sự nhiệt phân của các muối cacbonat và hidrocacbonat. Sự thủy phân muối cacbonat và hidrocacbonat.	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	7. Điều chế và tính chất của silic vô định hình.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	8. Tác dụng của cacbon với axit sunfuaric đặc.	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	9. Chứng minh khí cacbon đioxit nặng hơn không khí.	2	2	2		2	1	2	1	2	2
Bài 9: Kim loại kiềm và hợp chất của chúng	1. Tác dụng của Li, Na, K với Oxi và H ₂ O										
	2. Màu ngọn lửa của các kim loại kiềm	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	3. Điều chế và tính chất của Na ₂ O ₂ (tác dụng của H ₂ O với KMnO ₄ , KI)	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	4. Điều chế và tính chất của natri hidroxit	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2
	5. Điều chế và tính chất của Na ₂ CO ₃	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	6. Điều chế và tính chất của NaHCO ₃	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	7. Điều chế muối ít tan của Na và K	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	8. Điều chế và tính tan của Li ₂ CO ₃	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	9. Tinh chế NaCl	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2
Bài 10: Kim loại kiềm thổ và muối của	1. Tác dụng của Mg với oxi với H ₂ O. Khả năng hòa tan của MgO trong nước	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	2. Tác dụng của Ca với nước	2	2	2		2	1	2	1	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
				Cứng		Mềm						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	
chúng	3. Màu ngọn lửa của kim loại kiềm thổ	2	2	2		2	1	2	1	2	2	
	4. Tác dụng của Mg với axit	2	2	2		2	1	2	1	2	2	
	5. Điều chế và tính chất của Mg(OH) ₂	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2	
	6. Khả năng hấp thụ I ₂ của Mg(OH) ₂	2	2	2		2	1	2	1	2	2	
	7. Điều chế CaO và nước vôi (canxi hiđroxit) từ canxi cacbonat	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2	
	8. So sánh khả năng hòa tan của các hiđroxit kim loại kiềm thổ	2	2	2		2	1	2	1	2	2	
	9. So sánh tính tan của muối sunfat, muối cacbonat của Ca và Ba	2	2	2		2	1	2	1	2	2	
	10. Nước cứng, làm mềm nước cứng. Tác dụng của nước cứng và nước mềm với dung dịch xà phòng.	2	2	2		2	1	2	1	2	2	
	11. Tính chất của bari peoxit	1	1	1		1	1	1	1	1	1	
	12. Mg cháy trong khí cacbon đioxit	1	1	1		1	1	1	1	1	1	
	Bài 11: Nhôm và hợp chất của nhôm	1. Tác dụng của Al với oxi và với H ₂ O	2	2	2		2	1	2	1	2	2
		2. Tác dụng của Al với axit	2	2	2		2	1	2	1	2	2
3. Tác dụng của Al với dung dịch kiềm		2	2	2		2	1	2	1	2	2	
4. Sự thụ động hóa của Al bởi HNO ₃ đặc, bởi H ₂ SO ₄ đặc		2	2	2		2	1	2	1	2	2	
5. Điều chế và tính chất của Al(OH) ₃		2	2	2	1	2	1	2	1	2	2	
6. Điều chế và tính chất của Al ₂ S ₃		1	1	2	2	2	1	1	1	1		
7. Điều chế phen nhôm Kali		1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	
8. Tác dụng của nhôm với iot		2	2	2		2	1	2	1	2	2	
9. Nhôm hiđroxit hấp thụ alizarin		1	1	1		1	1	1	1	1	1	
Bài 12: Thiếc chì và hợp chất của chúng	1. Điều chế Sn kim loại	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	
	2. Điều chế Pb kim loại	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	
	3. Tác dụng của Sn với axit và kiềm	1	1	1		1	1	1	1	1	1	
	4. Điều chế và tính chất của Sn(OH) ₂	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	
	5. Tính khử của SnCl ₂	1	1	1		1	1	1	1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ						
			Cứng		Mềm									
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5		CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	
	6. Tính chất của Pb kim loại	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	7. Điều chế và tính chất của Pb(OH) ₂	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1			
	8. Điều chế và tính chất của PbCl ₂	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	9. Thủy phân thiếc (II) clorua	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	10. Điều chế và tính chất của chì (II) iotđua	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
Bài 13: Crom, Mangan và hợp chất của chúng	1. Điều chế và tính chất của Cr(OH) ₃	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2			
	2. Sự chuyển dịch cân bằng giữa muối cromat và đicromat	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	3. Tính oxi hóa của dung dịch Kali đicromat	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	4. Điều chế và tính chất của Mn(OH) ₂	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1			
	5. Tính chất của dung dịch muối Mn(II)	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	6. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch K ₂ MnO ₄	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	7. Tác dụng của kali manganat với kali sunfit, với nước clo	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	8. Tính chất oxi hóa của KMnO ₄ trong các môi trường khác nhau.	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	9. Điều chế các muối cromat khó tan.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1			
Bài 14: Sắt và hợp chất của sắt	1. Tác dụng của sắt với các axit clohidric, nitric, sunfuric.	2	2	2		2	1	2	1	2	2			
	2. Điều chế và tính chất của Fe(OH) ₂ .	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2			
	3. Tác dụng của muối Fe(II) với dung dịch AgNO ₃ , KMnO ₄ , K ₃ (Fe(CN) ₆).	2	2	2		2	1	2	1	2	2			
	4. Điều chế và tính chất của Fe(OH) ₃ .	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2			
	5. Tác dụng của muối Fe(III) với dung dịch H ₂ S, KI.	2	2	2		2	1	2	1	2	2			
	6. Tác dụng của muối Fe(III) với dung dịch NH ₄ CNS, K ₄ (Fe(CN) ₆).	1	1	1		1	1	1	1	1	1			
	7. Điều chế muối Mohr.	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1			
Bài 15: Đồng, kẽm,	1. Điều chế Cu từ CuO, từ CuSO ₄ và Zn bột.	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2			
	2. Tác dụng của Cu với axit	2	2	2		2	1	2	1	2	2			

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
			Cứng		Mềm						
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5		CĐR6	CĐR7	CĐR8
và hợp chất của chúng	3. Điều chế tính chất của Cu ₂ O	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	4. Điều chế tính chất của Cu(OH) ₂	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2
	5. Tác dụng của ion Cu ²⁺ với dung dịch KI	1	1	1		1	1	1	1	1	1
	6. Điều chế tính chất của dung dịch (Cu(NH ₃) ₄) ²⁺	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
	7. Tác dụng của Zn với axit	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	8. Tác dụng của Zn với kiềm	2	2	2		2	1	2	1	2	2
	9. Điều chế tính chất của Zn(OH) ₂	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Phần thực hành gồm 15 bài thực hành: Khảo sát tính chất của các chất vô cơ, tổng hợp một số chất vô cơ.

Mỗi bài được sắp xếp một cách hệ thống, từ các thí nghiệm điều chế và thí nghiệm chứng minh tính chất của các đơn chất đến thí nghiệm điều chế và thí nghiệm chứng minh tính chất của các hợp chất.

5. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 1: Hidro, Oxi, Ozon, hidro peoxit	4			
Thực hành	1.1. Điều chế hidro, kẽm tác dụng với axit, nhôm tác dụng với dung dịch kiềm. Tinh chế hidro. 1.2. Tính chất hóa học của hidro (phản ứng với oxi, với CuO). 1.3. So sánh tính khử của hidro phân tử và hidro mới sinh. 1.4. Điều chế oxi bằng phương pháp nhiệt phân KClO ₃ , KMnO ₄ . Phương pháp nhận biết khí oxi. 1.5. Tác dụng của oxi với sắt, lưu huỳnh và photpho. 1.6. Điều chế ozon từ (NH ₄)S ₂ O ₈ .	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.7. Tác dụng của ozon với dung dịch chậm, dung dịch $MnSO_4$</p> <p>1.8. Điều chế H_2O_2: $BaO_2 + H_2SO_4$ loãng; $Na_2O_2 + H_2SO_4$ loãng.</p> <p>1.9. Tác dụng của H_2O_2 với dung dịch $KMnO_4$, KI.</p> <p>1.10. Tính bền của dung dịch H_2O_2</p> <p>1.11. Tác dụng của H_2O_2 với dung dịch $FeSO_4$, với PbS.</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm.	4	Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 2: Halogen	4			
Thực hành	<p>2.1. Điều chế clo bằng cách cho axit clohidric đặc tác dụng với MnO_2, PbO_2, $KMnO_4$. Cách nhận biết khí đó.</p> <p>2.2. Điều chế brom, iot bằng cách cho KBr, KI tác dụng với hỗn hợp MnO_2 và axit sunfuric đặc. Cách nhận biết brom và iot.</p> <p>2.3. Khả năng hòa tan của brom, iot trong dung môi hữu cơ, trong nước.</p> <p>2.4. Tác dụng của clo với hiđro, kim loại, photpho và hợp chất hữu cơ.</p> <p>2.5. Tác dụng của brom, iot với kim loại.</p> <p>2.6. Tác dụng của iot với hồ tinh bột.</p> <p>2.7. So sánh khả năng hoạt động hóa học của clo, brom và iot.</p> <p>2.8. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch nước iot.</p> <p>2.9. Điều chế clo bằng cách cho HCl tác dụng với Kali đicromat</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 3: Hợp chất của các halogen	4			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thực hành	<p>3.1. Điều chế hidro clorua bằng cách cho NaCl tác dụng với H₂SO₄ đặc</p> <p>3.2. Khả năng hòa tan của khí hidro clorua trong nước.</p> <p>3.3. Tính axit của dung dịch HCl trong nước. Cách nhận biết dung dịch HCl.</p> <p>3.4. So sánh tính khử của các ion Cl⁻, Br⁻, I⁻.</p> <p>3.5. Cách nhận biết các ion Cl⁻, Br⁻, I⁻.</p> <p>3.6. Điều chế và tính chất của nước Cl, nước javen, clorua vôi.</p> <p>3.7. Điều chế và tính chất của KClO₃ (phản ứng của KClO₃ với S, C).</p> <p>3.8. Phản ứng của KClO₃ với axit clohidric đặc.</p> <p>3.9. Phản ứng khắc thủy tinh.</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 4: Lưu huỳnh và Hidro sunfua	4			
Thực hành	<p>4.1. Quan sát tinh thể của lưu huỳnh dưới kính hiển vi.</p> <p>4.2. Quan sát sự thay đổi màu sắc, độ nhớt của lưu huỳnh theo nhiệt độ</p> <p>4.3. Quan sát dạng lưu huỳnh dẻo và lưu huỳnh kim.</p> <p>4.4. Tác dụng của lưu huỳnh với Fe, HNO₃ đặc.</p> <p>4.5. Điều chế H₂S (FeS + H₂SO₄) và khả năng hòa tan của H₂S trong nước. Tính axit của dung dịch H₂S.</p> <p>4.6. Tác dụng của H₂S với dung dịch KMnO₄, dung dịch H₂O₂, dung dịch K₂Cr₂O₇.</p> <p>4.7. Điều chế và quan sát màu sắc của các sunfua ít tan.</p> <p>4.8. Đốt cháy khí hidro sunfua.</p> <p>4.9. Tác dụng của S với oxi, với H₂SO₄</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	đặc.				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 5: Các oxit và các oxit axit của lưu huỳnh	4			
Thực hành	<p>5.1. Điều chế khí SO₂ (Na₂SO₃ + axit H₂SO₄).</p> <p>5.2. Tác dụng của dung dịch SO₂ với nước brom, iot, FeCl₃, KMnO₄.</p> <p>5.3. Tác dụng của dung dịch SO₂ với H₂S.</p> <p>5.4. Tác dụng của Na₂SO₃ với KMnO₄.</p> <p>5.5. Tác dụng của Na₂S₂O₃ với axit HCl, Cl₂, Br₂, I₂</p> <p>5.6. Hòa tan từ từ axit sunfuric đặc vào nước. Quan sát</p> <p>5.7. Tác dụng của axit sunfuric loãng với kim loại.</p> <p>5.8. Tác dụng của axit sunfuric đặc với kim loại C, S, đường kính,</p> <p>5.9. Tác dụng của axit sunfuric đặc với hợp chất hữu cơ (giấy, vỏ bào).</p> <p>5.10. Tác dụng của dung dịch SO₂ với dung dịch K₂Cr₂O₇.</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 6: Nitơ, photpho, ammoniac, muối amoni	4			
Thực hành	<p>6.1. Điều chế nitơ từ amoni nitrit. Xác định thành phần thể tích của nitơ trong không khí.</p> <p>6.2. Tính không dung trì sự cháy và sự sống của nitơ.</p> <p>6.3. Quan sát sự biến đổi giữa photpho đỏ và photpho trắng. Tác dụng của photpho trắng</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>với oxi.</p> <p>6.4. Điều chế NH_3 từ $(\text{NH}_4\text{Cl} + \text{Ca}(\text{OH})_2)$ và từ dung dịch amoniac. Tính tan của NH_3 trong nước.</p> <p>6.5. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch amoniac.</p> <p>6.6. Tác dụng của NH_3 với nước brom.</p> <p>6.7. Nhiệt phân các muối amoniac. Cách nhận biết các muối amoni. Thuốc thử Netle.</p> <p>6.8. Photpho trắng cháy dưới nước.</p> <p>6.9. Tính chất của amoni nitrat.</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 7: Oxit và oxit axit của nitơ	4			
Thực hành	<p>7.1. Điều chế N_2O bằng phương pháp nhiệt phân NH_4NO_3. Tính chất của N_2O.</p> <p>7.2. Điều chế NO. Tác dụng của NO với O_2, với dung dịch FeSO_4.</p> <p>7.3. Điều chế NO_2. Khả năng trùng hợp của NO_2 thành N_2O_4</p> <p>7.4. Tác dụng của KNO_2 với KI, KMnO_4</p> <p>7.5. Tác dụng của HNO_3 với Cu, Zn, H_2S</p> <p>7.6. Phản ứng cháy của S, C trong KNO_3 nóng chảy</p> <p>7.7. Tác dụng của KNO_2 với dung dịch KMnO_4, H_2SO_4, $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$</p> <p>7.8. Tác dụng của bạc nitrat nóng chảy lên giấy lọc</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 8: Cacbon, Silic, hợp chất của	4			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	cacbon				
Thực hành	<p>8.1. Điều chế than hoạt tính từ than gỗ. Khả năng hấp phụ màu và mùi của than hoạt tính. So sánh khả năng hấp phụ của than hoạt tính than thường.</p> <p>8.2. Tác dụng của cacbon với CuO, với axit nitric đặc.</p> <p>8.3. Điều chế khí CO₂. Tính không duy trì sự cháy và sự sống của CO₂.</p> <p>8.4. Tác dụng của CO₂ với Mg, với nước vôi. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch CO₂.</p> <p>8.5. Điều chế cacbonat ít tan. Cách nhận biết khí CO₂ và muối cacbonat tan.</p> <p>8.6. Sự nhiệt phân của các muối cacbonat và hidrocacbonat. Sự thủy phân muối cacbonat và hidrocacbonat.</p> <p>8.7. Điều chế và tính chất của silic vô định hình.</p> <p>8.8. Tác dụng của cacbon với axit sunfuic đặc.</p> <p>8.9. Chứng minh khí cacbon đioxit nặng hơn không khí.</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 9: Kim loại kiềm và hợp chất của chúng	4			
Thực hành	<p>9.1. Tác dụng của Li, Na, K với Oxi và H₂O</p> <p>9.2. Màu ngọn lửa của các kim loại kiềm</p> <p>9.3. Điều chế và tính chất của Na₂O₂(tác dụng của H₂O với KMnO₄ , KI)</p> <p>9.4. Điều chế và tính chất của natri hidroxit</p> <p>9.5. Điều chế và tính chất của Na₂CO₃</p> <p>9.6. Điều chế và tính chất của NaHCO₃</p> <p>9.7. Điều chế muối ít tan của Na và K</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	9.8. Điều chế và tính tan của Li_2CO_3 9.9. Tinh chế NaCl				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 10: Kim loại kiềm thổ và muối của chúng	4			
Thực hành	10.1. Tác dụng của Mg với oxi với H_2O . Khả năng hòa tan của MgO trong nước 10.2. Tác dụng của Ca với nước 10.3. Màu ngọn lửa của kim loại kiềm thổ 10.4. Tác dụng của Mg với axit 10.5. Điều chế và tính chất của Mg(OH)_2 10.6. Khả năng hấp thụ I_2 của Mg(OH)_2 10.7. Điều chế CaO và nước vôi (canxi hiđroxit) từ canxi cacbonat 10.8. So sánh khả năng hòa tan của các hiđroxit kim loại kiềm thổ 10.9. So sánh tính tan của muối sunfat, muối cacbonat của Ca và Ba 10.10. Nước cứng, làm mềm nước cứng. Tác dụng của nước cứng và nước mềm với dung dịch xà phòng. 10.11. Tính chất của bari peoxit 10.12. Mg cháy trong khí cacbon đioxit	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 11: Nhôm và hợp chất của nhôm	4			
Thực hành	11.1. Tác dụng của Al với oxi và với H_2O 11.2. Tác dụng của Al với axit 11.3. Tác dụng của Al với dung dịch kiềm	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	11.4. Sự thụ động hóa của Al bởi HNO ₃ đặc, bởi H ₂ SO ₄ đặc 11.5. Điều chế và tính chất của Al(OH) ₃ 11.6. Điều chế và tính chất của Al ₂ S ₃ 11.7. Điều chế phèn nhôm Kali 11.8. Tác dụng của nhôm với iot 11.9. Nhôm hidroxit hấp thụ alizarin				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 12: Thiếc chì và hợp chất của chúng	4			
Thực hành	12.1. Điều chế Sn kim loại 12.2. Điều chế Pb kim loại 12.3. Tác dụng của Sn với axit và kiềm 12.4. Điều chế và tính chất của Sn(OH) ₂ 12.5. Tính khử của SnCl ₂ 12.6. Tính chất của Pb kim loại 12.7. Điều chế và tính chất của Pb(OH) ₂ 12.8. Điều chế và tính chất của PbCl ₂ 12.9. Thủy phân thiếc (II) clorua 12.10. Điều chế và tính chất của chì (II) iotua	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 13: Crom, Mangan và hợp chất của chúng	4			
Thực hành	13.1. Điều chế và tính chất của Cr(OH) ₃ 13.2. Sự chuyển dịch cân bằng giữa muối cromat và đicromat 13.3. Tính oxi hóa của dung dịch Kali đicromat 13.4. Điều chế và tính chất của Mn(OH) ₂	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>13.5. Tính chất của dung dịch muối Mn(II)</p> <p>13.6. Sự chuyển dịch cân bằng trong dung dịch K_2MnO_4</p> <p>13.7. Tác dụng của kali manganat với kali sunfit, với nước clo</p> <p>13.8. Tính chất oxi hóa của $KMnO_4$ trong các môi trường khác nhau.</p> <p>13.9. Điều chế các muối cromat khó tan.</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 14: Sắt và hợp chất của sắt	4			
Thực hành	<p>14.1. Tác dụng của sắt với các axit clohidric, nitric, sunfuric.</p> <p>14.2. Điều chế và tính chất của $Fe(OH)_2$.</p> <p>14.3. Tác dụng của muối $Fe(II)$ với dung dịch $AgNO_3$, $KMnO_4$, $K_3(Fe(CN)_6)$.</p> <p>14.4. Điều chế và tính chất của $Fe(OH)_3$.</p> <p>14.5. Tác dụng của muối $Fe(III)$ với dung dịch H_2S, KI.</p> <p>14.6. Tác dụng của muối $Fe(III)$ với dung dịch NH_4CNS, $K_4(Fe(CN)_6)$.</p> <p>14.7. Điều chế muối Mohr.</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	
	Bài 15: Đồng, kẽm, và hợp chất của chúng	4			
Thực hành	<p>15.1. Điều chế Cu từ CuO, từ $CuSO_4$ và Zn bột.</p> <p>15.2. Tác dụng của Cu với axit</p> <p>15.3. Điều chế tính chất của Cu_2O</p> <p>15.4. Điều chế tính chất của $Cu(OH)_2$</p> <p>15.5. Tác dụng của ion Cu^{2+} với dung</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Phòng thực hành	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	dịch KI 15.6. Điều chế tính chất của dung dịch $(\text{Cu}(\text{NH}_3)_4)^{2+}$ 15.7. Tác dụng của Zn với axit 15.8. Tác dụng của Zn với kiềm 15.9. Điều chế tính chất của $\text{Zn}(\text{OH})_2$				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và chuẩn bị đề cương trước mỗi buổi thực hành; dự đoán được các quá trình xảy ra trong các thí nghiệm	4	Trả lời các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1	Thư viện, ở nhà	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn thế Ngôn (2005), *Thực hành Hóa học vô cơ*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần thị Đà, Nguyễn thế Ngôn (2000), *Hóa học vô cơ tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Vũ Đăng Độ (2008), *Hoá học vô cơ - Tập 1*, Nxb Giáo dục.

[4] Nguyễn thế Ngôn (1999), *Hóa học vô cơ, tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Hoàng Nhâm (2002), *Hoá học vô cơ - Tập 2*, Nxb Giáo dục.

[6] Hoàng Nhâm (2004), *Hoá học các nguyên tố - Tập 1*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[7] Nguyễn Đức Vận (1984), *Thực hành Hóa học vô cơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

7. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1			4		2	2	8
2			4		2	2	8
3			4		2	2	8
4			4		2	2	8
5			4		2	2	8
6			4		2	2	8
7			4		2	2	8
8			4		2	2	8
9			4		2	2	8

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
10			4		2	2	8
11			4		2	2	8
12			4		2	2	8
13			4		2	2	8
14			4		2	2	8
15			4		2	2	8
Tổng			60		30	30	120

8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

+ Phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ và hóa chất.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

+ Dự lớp các buổi thực hành theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao. Chuẩn bị đề cương thí nghiệm.

+ Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.

+ Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.

+ Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo thực hành.

9. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học:

9.1. Đánh giá ý thức tự đọc tài liệu ở nhà, ý thức làm thí nghiệm trên phòng thí nghiệm và chuẩn bị bài thí nghiệm, dự đủ các bài thực hành: 10%.

9.2. Kiểm tra bài trước buổi thí nghiệm: 30%.

9.3. Điểm báo cáo các bài thực hành, phải làm và nộp đầy đủ các bài tường trình thí nghiệm: 60%.

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Cơ sở hóa học hữu cơ 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Cơ sở hóa học hữu cơ 1
- Mã học phần: TN2.1.311.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương 1, 2 (TN3.1.303.2; TN3.1.304.3)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 13 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
 - + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ Môn: Hóa học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Hiểu biết sơ bộ về lịch sử phát triển của hóa học hữu cơ, về các nguồn tài nguyên trong nước rất phong phú (thực vật nhiệt đới, than mỏ, dầu mỏ, khí thiên nhiên...) làm cơ sở cho sự phát triển khoa học và công nghệ hóa học hữu cơ ở Việt Nam.

Hiểu các kiến thức cơ bản và hiện đại mang tính chất đại cương về hóa học hữu cơ, bao gồm: những khái niệm về chất hữu cơ và hóa hữu cơ với những đặc thù riêng; những khái niệm về cấu trúc phân tử hữu cơ; hiệu ứng cấu trúc và phản ứng hữu cơ.

Hiểu được tính chất, điều chế và những ứng dụng quan trọng của các loại hidrocarbon no, không no và thơm, dẫn xuất halogen của hidrocarbon, hợp chất cơ nguyên tố, đặc biệt là các hidrocarbon có trong chương trình phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Biết sơ bộ về lịch sử phát triển của hóa học hữu cơ, về các nguồn tài nguyên trong nước rất phong phú (thực vật nhiệt đới, than mỏ, dầu mỏ, khí thiên nhiên...) làm cơ sở cho sự phát triển khoa học và công nghệ hóa học hữu cơ ở Việt Nam.
CDR 2	Hiểu các kiến thức cơ bản và hiện đại mang tính chất đại cương về hóa học hữu cơ, bao gồm: những khái niệm về chất hữu cơ và hóa hữu cơ với những đặc thù riêng; những khái niệm về cấu trúc phân tử hữu cơ; hiệu ứng cấu trúc và phản ứng hữu cơ.
CDR 3	Hiểu được tính chất, điều chế và những ứng dụng quan trọng của các loại hidrocarbon no, không no và thơm, dẫn xuất halogen của hidrocarbon, hợp chất cơ nguyên tố, đặc biệt là các hidrocarbon có trong chương trình Phổ thông.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Viết công thức cấu tạo và gọi tên hợp chất hữu cơ. Kỹ năng tính toán, viết phương trình phản ứng. Phân tích, so sánh, tổng hợp và giải thích các vấn đề.
CDR 5	Vận dụng các kiến thức về hóa đại cương vào việc học hóa hữu cơ.
CDR 6	Vận dụng những kiến thức tiếp thu được ở học phần này vào việc giảng dạy ở trường phổ thông.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 8	Sử dụng được các phần mềm tin học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 10	Có ý thức thường xuyên cập nhật các thông tin khoa học Hóa học, phục vụ cho giảng dạy.

CDR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
--------	---

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng			Mềm						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	
Chương 1: Đại cương	1. Hợp chất hóa hữu cơ và hóa học hữu cơ		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Cấu trúc không gian và đồng phân lập thể		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	4. Cấu trúc electron. Liên kết cộng hóa trị và các liên kết yếu		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	5. Hiệu ứng cấu trúc		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	6. Phương pháp xác định cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	7. Phản ứng hữu cơ		1			1	1	1	1	1	1	1	1
	8. Nguyên tắc chung của danh pháp hữu cơ		1			1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 2: Hidrocarbon no	1. Ankan			2	2	1	2	1	1	1	2	1	
	2. Xicloankan			2	2	1	1	1	1	1	1	1	
Chương 3: Hidrocarbon không no	1. Anken			2	2	1	2	1	1	1	2	1	
	2. Polien			2	2	1	1	1	1	1	1	1	
	3. Ankin			2	2	1	2	1	1	1	2	1	
Chương 4: Hidrocarbon thơm	1. Benzen và các chất đồng đẳng			2	2	1	2	1	1	1	2	1	
	2. Các aren khác			1	1	1	1	1	1	1		1	
	3. Hợp chất thơm không có vòng benzen			1	1	1	1	1	1	1		1	
Chương 5: Nguồn hidrocarbon trong thiên nhiên	1. Khí thiên nhiên và khí dầu mỏ	1		2	2	1	2	1	1	1	2	1	
	2. Dầu mỏ	1		2	2	1	2	1	1	1	2	1	
	3. Than mỏ	1		2	2	1	2	1	1	1	2	1	
Chương 6: Dẫn xuất halogen của hidrocarbon. Hợp chất cơ nguyên tố	1. Dẫn xuất halogen của Hidrocarbon			2	2	1	2	1	1	1	2	1	
	2. Hợp chất cơ nguyên tố			1	1	1	1	1	1	1	1	1	

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các cách biểu diễn cấu trúc không gian của phân tử, các loại hiệu ứng electron về ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ. Tính chất vật lí, tính chất hoá học, các phương pháp điều chế các hidrocarbon, dẫn xuất halogen của hidrocarbon, hợp chất cơ nguyên tố.

Trong mỗi loại hidrocarbon, môn học cũng đề cập đến cơ chế của các phản ứng cơ bản như: thế gốc, thế electrophin, cộng electrophin, cộng gốc và các quy tắc, quy luật cơ bản của các loại cơ chế này.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Đại cương	5			
Lý thuyết	1.1. Hợp chất hóa hữu cơ và hóa học hữu cơ 1.1.1. Định nghĩa và đối tượng nghiên cứu của hóa học hữu cơ. 1.1.2. Lược sử phát triển hóa học hữu cơ. 1.1.3. Đặc điểm chung của các hợp chất hữu cơ. 1.1.4. Phân loại hợp chất hữu cơ. 1.1.5. Chất tinh khiết. Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ.	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Thư viện, ở nhà	
	1.2. Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ 1.2.1. Thành phần nguyên tố và công thức phân tử. 1.2.2. Công thức cấu tạo. Thuyết cấu tạo hóa học. 1.2.3. Khái niệm về đồng đẳng và đồng phân cấu tạo. 1.3. Cấu trúc không gian và đồng phân lập thể 1.3.1. Khái niệm về cấu trúc không gian và công thức mô tả cấu trúc không gian 1.3.2. Đồng phân hình học 1.3.3. Mở đầu về đồng phân quang				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>học</p> <p>1.3.4. Sơ lược về cấu dạng</p> <p>1.4. Cấu trúc electron. Liên kết cộng hóa trị và các liên kết yếu</p> <p>1.4.1. Bản chất và đặc điểm của liên kết cộng hóa trị</p> <p>1.4.2. Liên kết hidro</p> <p>1.4.3. Lực hút Van deVan</p> <p>1.5. Hiệu ứng cấu trúc</p> <p>1.5.1. Hiệu ứng cảm ứng</p> <p>1.5.2. Hiệu ứng liên hợp</p> <p>1.5.3. Hiệu ứng siêu liên hợp.</p> <p>1.5.4. Khái niệm về thuyết cộng hưởng.</p> <p>1.5.5. Hiệu ứng không gian</p> <p>1.6. Phương pháp xác định cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ</p> <p>1.6.1. Khái niệm chung về các phương pháp xác định cấu trúc phân tử.</p> <p>1.6.2. Phương pháp phổ electron</p> <p>1.6.3. Phương pháp phổ hồng ngoại</p> <p>1.6.4. Phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân.</p> <p>1.6.5. Phương pháp phổ khối lượng</p> <p>1.7. Phản ứng hữu cơ</p> <p>1.7.1. Phân loại phản ứng hữu cơ</p> <p>1.7.2. Các sản phẩm trung gian kém bền vững trong phản ứng: Cacbocation, cacbanion, gốc cacbo tự do.</p> <p>1.7.3. Khái niệm về cơ chế phản ứng</p> <p>1.8. Nguyên tắc chung của danh pháp hữu cơ</p> <p>1.8.1. Các loại danh pháp cơ bản</p> <p>1.8.2. Danh pháp thay thế</p> <p>1.8.3. Danh pháp gốc - chức</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 4, 7.	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Hidrocacbon no	4			
Lý thuyết	<p>2.1. Ankan</p> <p>2.1.1. Đồng phân, danh pháp và cấu trúc (liên kết C- C và cấu dạng)</p> <p>2.1.2. Tính chất vật lý</p> <p>2.1.3. Tính chất hóa học: Phản ứng thế và cơ chế S_R; phản ứng tách hiđro và phản ứng crackinh; phản ứng oxi hóa</p> <p>2.1.4. Điều chế: Tách từ nguồn thiên nhiên; từ hidrocacbon không no; từ dẫn xuất halogen; từ muối natri của axit cacboxylic</p> <p>2.1.5. Ứng dụng</p> <p>2.1.6. Giới thiệu riêng về metan</p> <p>2.2. Xicloankan</p> <p>2.2.1. Phân loại, danh pháp và đồng phân (đồng phân cấu tạo và đồng phân hình học)</p> <p>2.2.2. Cấu trúc (các sức căng, liên kết C- C, cấu dạng)</p> <p>2.2.3. Tính chất hóa học: phản ứng cộng - mở vòng; phản ứng thế; phản ứng oxi hóa; phản ứng đồng phân hóa.</p> <p>2.2.4. Điều chế</p> <p>2.2.5. Giới thiệu về xiclohexan</p>	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 4, 7.	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Hidrocacbon không no	6			
Lý thuyết	<p>3.1. Anken</p> <p>3.1.1. Đồng phân (đồng phân cấu tạo và đồng phân hình học). Danh pháp</p> <p>3.1.2. Tính chất vật lý</p> <p>3.1.3. Tính chất hóa học: phản ứng cộng và các cơ chế cộng; phản ứng trùng hợp; phản ứng thế; các phản ứng oxi hóa</p> <p>3.1.4. Điều chế: Từ ankan, ancol, dẫn xuất halogen (phản ứng tách) và từ ankin (phản ứng cộng)</p> <p>3.1.5. Điều chế từ hợp chất cacbonyl và ylit photpho</p> <p>3.1.6. Ứng dụng</p> <p>3.1.7. Giới thiệu về etilen</p> <p>3.2. Polien</p> <p>3.2.1. Phân loại, đồng phân và danh pháp</p> <p>3.2.2. Cấu trúc phân tử điện liên hợp.</p> <p>3.2.3. Tính chất hóa học của điện liên hợp: phản ứng cộng và cơ chế cộng; phản ứng trùng hợp; phản ứng Đinxơ - Anđơ.</p> <p>3.2.4. Giới thiệu riêng về butan-1,3- dien và về isopren</p> <p>3.2.5. Khái niệm tecpen</p> <p>3.3. Ankin</p> <p>3.3.1. Đồng phân và danh pháp</p> <p>3.3.2. Tính chất vật lý</p> <p>3.3.3. Tính chất hóa học: phản ứng cộng; phản ứng oligome; phản ứng</p>	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	oxi hóa; phản ứng thế nguyên tử H ở C _{SP} 3.3.4. Điều chế: Các phương pháp chung (từ dẫn xuất halogen) và các phương pháp điều chế riêng axetilen 3.3.5. Ứng dụng 3.3.6. Giới thiệu riêng về axetilen				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 4, 7.	3	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	12	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 4: Hidrocacbon thơm	5			
Lý thuyết	4.1. Benzen và các chất đồng đẳng 4.1.1. Cấu trúc phân tử Benzen 4.1.2. Đồng phân và danh pháp các đồng đẳng Benzen 4.1.3. Tính chất vật lý 4.1.4. Tính chất hóa học: phản ứng thế ở nhân thơm, cơ chế thế và hướng thế; phản ứng cộng; phản ứng oxi hóa và các phản ứng ở mạch nhánh 4.1.5. Điều chế benzen và các đồng đẳng 4.1.6. Ứng dụng 4.1.7. Giới thiệu riêng về benzen 4.2. Các aren khác 4.2.1. Hidrocacbon thơm có mạch nhánh không no: stiren, phenylaxetilen. 4.2.2. Hidrocacbon thơm chứa nhiều vòng benzen riêng rẽ biphenyl, điphenylmetan,	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>triphenylmetan.</p> <p>4.2.3. Hidrocacbon thơm chứa nhiều vòng benzen giáp nhau: naphtalen, antraxen, phenantren.</p> <p>4.3. Hợp chất thơm không có vòng benzen</p> <p>4.3.1. Tính chất thơm và đặc điểm cấu trúc của vòng thơm</p> <p>4.3.2. Hợp chất thơm không có vòng benzen, chứa các hệ vòng 5 cạnh và 7 cạnh</p> <p>4.3.3. Hợp chất thơm không có vòng benzen, chứa các hệ vòng 6 cạnh, 8 cạnh và các vòng lớn</p>				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 4, 7.	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5: Nguồn hidrocacbon trong thiên nhiên	5			
Lý thuyết	<p>5.1. Khí thiên nhiên và khí dầu mỏ</p> <p>5.1.1. Trạng thái thiên nhiên</p> <p>5.1.2. Thành phần</p> <p>5.1.3. Ứng dụng</p> <p>5.2. Dầu mỏ</p> <p>5.2.1. Tính chất vật lý. Trạng thái thiên nhiên</p> <p>5.2.2. Nguồn gốc của dầu mỏ. Quá trình hình thành và phát triển ngành dầu khí trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p>5.2.3. Thành phần dầu mỏ.</p> <p>5.2.4. Chung cất dầu mỏ. Các sản phẩm chung cất dầu mỏ. Chỉ số octan.</p>	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6, 7.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>5.2.5. Chế biến hóa học các phân đoạn dầu mỏ: cracking, rifominh.</p> <p>5.3. Than mỏ</p> <p>5.3.1. Các loại than mỏ. Sự chưng cất than mỏ.</p> <p>5.3.2. Các sản phẩm thu được từ khí lò cốc</p> <p>5.3.3. Các sản phẩm thu được từ nhựa than mỏ</p> <p>5.3.4. Sự chuyển hóa than mỏ thành nhiên liệu lỏng</p>				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 4, 7.	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: Dẫn xuất halogen của hidrocarbon. Hợp chất cơ nguyên tố	5			
Lý thuyết	<p>6.1. Dẫn xuất halogen của Hidrocarbon</p> <p>6.1.1. Danh pháp và đồng phân</p> <p>6.1.2. Tính chất vật lý</p> <p>6.1.3. Tính chất hóa học: Phản ứng thế và cơ chế thế; phản ứng tách và cơ chế tách; phản ứng với kim loại</p> <p>6.1.4. Điều chế: Từ Hidrocarbon và từ ancol</p> <p>6.1.5. Đặc tính hóa học của các dẫn xuất flo</p> <p>6.1.6. Giới thiệu riêng về một số dẫn xuất halogen quan trọng.</p> <p>6.1.7. Ứng dụng thực tiễn và tác hại của một số dẫn xuất halogen đối với môi trường.</p> <p>6.2. Hợp chất cơ nguyên tố</p> <p>6.2.1. Hợp chất cơ magie</p>	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	6.2.2. Một số loại hợp chất cơ kim khác. 6.2.3. Hợp chất photpho 6.2.4. Một số loại hợp chất cơ phi kim khác				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1, 5.	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu (2005), *Cơ sở hóa học hữu cơ, tập 1*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Tình Dung, Hoàng Nhâm, Trần Quốc Sơn, Phạm Văn Tư (1999), *Tài liệu nâng cao và mở rộng kiến thức hóa học phổ thông trung học, chương 3*, Nxb Giáo dục.

[3] Đỗ Đình Răng và Nguyễn Hồ chủ biên (1997), *Hóa học hữu cơ, tập 1*, Nxb Đại học sư phạm - Đại học quốc gia Hà Nội.

[4] Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu (2001), *Cơ sở hóa học hữu cơ, tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Trần Quốc Sơn (1997, 2004), *Một số phản ứng của hợp chất hữu cơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6] Nguyễn Văn Tông chủ biên (2004), *Bài tập hóa học hữu cơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[7] Các sách giáo khoa, sách giáo viên và sách bài tập về hóa hữu cơ ở THCS và PTTH.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	1		1		4		6
3	1		1		4		6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
4	1		1		4		6
5	1		1		4	6	12
6	2				4		6
7			2		4		6
8		1	1		4	6	12
9	2				4		6
10			2		4		6
11	2				4	6	12
12	1		1		4		6
13	1		1		4		6
14	2				4	6	12
15			2		4	6	12
Tổng	16	1	13		60	30	120

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) <u>Câu 2</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)	60'	03	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Hóa học hữu cơ 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Đức Đại
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa KHTN - KT&CN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0982.925.330; dudaitq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa đại cương; Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học hữu cơ 2
- Mã học phần: TN2.1.312.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Hoá học hữu cơ 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 16 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 14 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
 - + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học:
- + Bộ Môn: Hóa học
- + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, tính chất, ứng dụng và điều chế các loại dẫn xuất quan trọng của hiđrocacbon: các hợp chất hữu cơ đơn chức, đa chức và tạp chức.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, tính chất, ứng dụng và phương pháp điều chế các loại dẫn xuất quan trọng của hiđrocacbon – hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức: ancol, phenol, ete, hợp chất cacbonyl, axit cacboxylic và dẫn xuất của axit cacboxylic.
CDR 2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, tính chất, ứng dụng và phương pháp điều chế các điều chế hợp chất cơ nguyên tố, hợp chất dị vòng.
CDR 3	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, tính chất, ứng dụng và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ tạp chức: aminoaxit, protein, glucit và Polime.
Về kỹ năng	
CDR 4	Kỹ năng tư duy về các hợp chất chứa nhóm chức nói riêng và dẫn xuất của hiđrocacbon nói chung.
CDR 5	Kỹ năng tính toán, viết phương trình phản ứng, giải bài tập. Phân tích, so sánh, tổng hợp và giải thích các vấn đề.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Trang bị cho sinh viên niềm say mê nghiên cứu khoa học, các phương pháp tiếp cận với kiến thức khoa học. Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 7	Sử dụng được các phần mềm tin học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có thái độ tích cực trong học tập, tự học, tự nghiên cứu tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ về hóa học hữu cơ và các môn học có liên quan. Thường xuyên cập nhật các thông tin khoa học Hóa học, phục vụ cho giảng dạy.
CDR 9	Ý thức được vai trò của hoá học đối với cuộc sống, cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm giáo dục học sinh góp phần bảo vệ môi trường.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học..

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
			Cứng		Mềm						
			CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9
Chương 1: Dẫn xuất hidroxi của hidrocarbon	1. Ancol	2					1	1	1	1	1
	2. Phenol	2					1	1	1	1	1
	3. Ete										
Chương 2: Hợp chất cacbonyl	1. Hợp chất monocarbonyl	2					1	1	1	1	1
	2. Hợp chất policarbonyl	2					1	1	1	1	1
Chương 3: Axit cacboxylic và dẫn xuất của axit cacboxylic	1. Axit cacboxylic	2		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Dẫn xuất của axit cacboxylic	2		2	2	2	1	1	1	1	1
	3. Lipit và xà phòng	2		2	2	2	1	1	1	1	1
Chương 4: Amin và muối Diazoni	1. Phân loại các hợp chất chứa nitơ trong hóa học Hữu cơ và cấu trúc của một số nhóm chức chứa nitơ.	1		1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Amin	2		1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Muối diazoni	1		1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 5. Hợp chất dị vòng	1. Định nghĩa và phân loại			1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Dị vòng không thơm			1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Dị vòng thơm 5 cạnh			1	1	1	1	1	1	1	1
	4. Dị vòng 6 cạnh			1	1	1	1	1	1	1	1
	5. Ankaloit và chất kháng sinh			1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 6: Cacbohidrat (Gluxit)	1. Khái niệm	2		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Monosaccarit	2		2	2	2	1	1	1	2	1
	3. Disaccarit	2		2	2	2	1	1	1	2	1
	4. Polisaccarit	2		2	2	2	1	1	1	2	1
	5. Quá trình chuyển hóa sinh học của chất đường	2		2	2	2	1	1	1	2	1
Chương 7: Aminoaxit - Protein	1. Aminoaxit			2	2	2	1	1	1	2	1
	2. Peptit			2	2	2	1	1	1	2	1
	3. Protit			2	2	2	1	1	1	2	1
	4. Nucleotit và axit Nucleic			2	2	2	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ		
				Cứng		Mềm					
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	
Chương 8: Hợp chất cao phân tử (Polime)	1. Khái niệm			2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Danh pháp của polime			2	2	2	1	1	1	2	1
	3. Phương pháp tổng hợp polime			2	2	2	1	1	1	2	1
	4. Cấu trúc của polime			2	2	2	1	1	1	2	1
	5. Trạng thái vật lý và tính chất của polime			2	2	2	1	1	1	1	1
	6. Chất dẻo			2	2	2	1	1	1	2	1
	7. Tơ sợi			2	2	2	1	1	1	2	1
	8. Cao su			2	2	2	1	1	1	2	1
	9. Keo dán			2	2	2	1	1	1	2	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

- Học phần nghiên cứu về cấu trúc phân tử, tính chất vật lí, tính chất hoá học, các phương pháp điều chế các dẫn xuất của hidrocacbon: ancol, phenol, ete, hợp chất cacbonyl, axit cacboxylic và dẫn xuất của axit cacboxylic, aminoaxit và protein, Polime, Gluxit, hợp chất dị vòng.

- Với các tính chất hoá học và phương pháp điều chế, học phần cũng đề cập đến cơ chế của các phản ứng để tạo thành dẫn xuất của hidrocacbon cũng như các phản ứng mà các dẫn xuất tham gia.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Dẫn xuất hidroxi của hidrocacbon	4			
Lý thuyết	1.1. Ancol 1.1.1. Cấu tạo, đồng phân, danh pháp 1.1.2. Các phương pháp điều chế 1.1.3. Tính chất vật lí - liên kết hidro 1.1.4. Tính chất hóa học	2	Đọc học liệu số 1, 3, 7, 8	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.1.5. Poliancol 1.1.6. Giới thiệu một số chất tiêu biểu 1.2. Phenol 1.2.1. Cấu tạo, danh pháp 1.2.2. Các phương pháp điều chế 1.2.3. Tính chất vật lí 1.2.4. Tính chất hóa học 1.2.5. Giới thiệu một số chất tiêu biểu 1.3. Ete 1.3.1. Cấu tạo, danh pháp 1.3.2. Các phương pháp điều chế 1.3.3. Tính chất vật lí 1.3.4. Tính chất hóa học 1.3.5. Giới thiệu 1 số chất tiêu biểu				
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 4, 5, 6	2	Nắm vững lí thuyết chương 1	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đọc về ứng dụng của ancol, phenol, ete. - Các cơ chế S_N1, S_N2, S_N1', S_N2', S_EAr, S_{Ni}, E_1, E_2, E_{1cb}. - Các quy tắc: tách Zaixep, quy luật thế vào nhân benzen. 	8	Đọc học liệu số 1, 3, 7, 8	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Hợp chất cacbonyl	4			
Lí thuyết	2.1. Hợp chất monocarbonyl 2.1.1. Cấu tạo, danh pháp và đồng phân 2.1.2. Các phương pháp điều chế 2.1.3. Tính chất vật lí 2.1.4. Tính chất hoá học 2.1.5. Giới thiệu một số chất tiêu biểu 2.2. Hợp chất policarbonyl 2.2.1. Hợp chất 1,2-đicarbonyl: Phương pháp điều chế, tính chất hóa học 2.2.2. Một số hợp chất policarbonyl khác	2	Đọc học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 1, 3 và các học liệu khác.	2	Nắm vững lí thuyết chương	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			1		
Tự học, tự nghiên cứu	- Tự đọc về ứng dụng của anđehit và xeton. - Các cơ chế E ₁ , E ₂ , E _{1cb} . - Các quy tắc: quy tắc Cram...	6	Đọc học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Axit cacboxylic và dẫn xuất của axit cacboxylic	4			
Lí thuyết	3.1. Axit cacboxylic 3.1.1. Cấu tạo, danh pháp 3.1.2. Các phương pháp điều chế 3.1.3. Tính chất vật lí 3.1.4. Tính chất hóa học 3.1.5. Giới thiệu một số chất tiêu biểu 3.2. Dẫn xuất của axit cacboxylic 3.2.1. Este: Cấu tạo, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất 3.2.2. Halogenua axit: Cấu tạo, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất 3.2.3. Anhidrit axit: Cấu tạo, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất 3.2.4. Amit: Cấu tạo, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất 3.3. Lipit và xà phòng 3.3.1. Lipit: Phân loại, tính chất, khả năng chuyển hóa, tổng hợp. 3.3.2. Xà phòng và chất tẩy rửa tổng hợp	2	Đọc học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 1, 3 và các học liệu khác.	2	Nắm vững lí thuyết chương 2	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	- Các loại chất có tính chất axit. - Tính chất axit và hiệu ứng cấu trúc. - Xà phòng và chất tẩy rửa tổng hợp.	8	Đọc học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Amin và muối Diazoni	3			
Lí thuyết	4.1. Phân loại các hợp chất chứa nitơ trong hóa học Hữu cơ và cấu trúc của một số nhóm chức chứa nitơ.	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>4.2. Amin</p> <p>4.2.1. Phân loại, cấu tạo và danh pháp</p> <p>4.2.2. Các phương pháp điều chế</p> <p>4.2.3. Tính chất vật lí</p> <p>4.2.4. Tính chất hóa học</p> <p>4.2.5. Giới thiệu một số chất tiêu biểu</p> <p>4.3. Muối diazoni</p> <p>4.3.1. Cấu tạo</p> <p>4.3.2. Phương pháp điều chế</p> <p>4.3.3. Tính chất hóa học</p> <p>4.3.4. Chất màu azo</p>		khác.		
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 1, 3 và các học liệu khác.	1	Nắm vững lí thuyết chương 3 để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Các yếu tố ảnh hưởng đến tính bazơ của amin. - Phương pháp tổng hợp chất màu azo và ứng dụng của chất màu. 	6	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học khác.	Thư viện, ở nhà	
	TÍN CHỈ 2				
	Chương 5. Hợp chất dị vòng	2			
Lý thuyết	<p>5.1. Định nghĩa và phân loại</p> <p>5.2. Dị vòng không thơm</p> <p>5.3. Dị vòng thơm 5 cạnh</p> <p>5.4. Dị vòng 6 cạnh</p> <p>5.5. Ankaloit và chất kháng sinh</p>	1	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học khác.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 1, 3 và các học liệu khác.	1	Nắm vững lí thuyết chương 4 để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Lớp học	
Tự học, tự	- Các tính chất của dị vòng	4	Đọc học liệu	Thư	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	- Phản ứng thế electrofin với dị vòng thơm 5 cạnh. - Phản ứng thế nucleofin của piridin.		số 1; Tham khảo các học khác.	viện, ở nhà	
	Chương 6: Cacbohidrat (Gluxit)	4			
	6.1. Khái niệm 6.2. Monosaccarit 6.2.1. Cấu tạo mạch hở, mạch vòng 6.2.2. Tính chất vật lí 6.2.3. Tính chất hóa học 6.2.4. Giới thiệu riêng: Glucozơ, Fructozơ 6.3. Disaccarit 6.3.1. Cấu tạo, phân loại và trạng thái tự nhiên 6.3.2. Tính chất vật lí 6.3.3. Tính chất hóa học 6.3.4. Giới thiệu riêng: 6.4. Polisaccarit 6.4.1. Cấu tạo, phân loại và trạng thái tự nhiên 6.4.2. Tính chất vật lí 6.4.3. Tính chất hóa học 6.4.4. Giới thiệu riêng: Tinh bột, Xellulozơ 6.5. Quá trình chuyển hóa sinh học của chất đường	2			
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 2, 3 và các học liệu khác.	2	Nắm vững lí thuyết chương 5	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	- Các phương pháp chuyển hoá giữa các loại công thức đối với monosaccarit. - Vai trò sinh học của chất đường, bệnh tiểu đường...	8	Đọc học liệu số 2 và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 7: Aminoaxit - Protein	4			
Lí thuyết	7.1. Aminoaxit 7.1.1. Cấu tạo, phân loại, danh pháp 7.1.2. Trạng thái tự nhiên	2	Đọc học liệu số 2 và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	7.1.3. Các phương pháp điều chế 7.1.4. Tính chất vật lí 7.1.5. Tính chất hóa học 7.2. Peptit 7.2.1. Cấu tạo, danh pháp 7.2.2. Các phương pháp tổng hợp 7.2.3. Tính chất 7.3. Protit 7.3.1. Cấu tạo, phân loại 7.3.2. Tính chất vật lí 7.3.3. Tính chất hóa học-sự biến tính của protit 7.3.4. Trạng thái tự nhiên, ứng dụng 7.4. Nucleotit và axit Nucleic				
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 2, 3 và các học liệu khác.	2	Nắm vững lí thuyết chương 6	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	- Vai trò của aminoaxit và protein trong cuộc sống.	6	Đọc học liệu số 2 và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 8: Hợp chất cao phân tử (Polime)	5			
Lí thuyết	8.1. Khái niệm 8.2. Danh pháp của polime 8.3. Phương pháp tổng hợp polime 8.4. Cấu trúc của polime 8.5. Trạng thái vật lý và tính chất của polime 8.6. Chất dẻo 8.7. Tơ sợi 8.8. Cao su 8.9. Keo dán	3	Đọc học liệu số 2 và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập trong học liệu số 2, 3 và các học liệu khác.	2	Nắm vững lí thuyết chương 7	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	- Vai trò của polime trong cuộc sống.	10	Đọc học liệu số 2 và các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đỗ Đình Rãng (chủ biên) và tập thể tác giả (2006), *Hoá học hữu cơ 2*, Nxb Giáo dục;

[2] Đỗ Đình Răng (chủ biên) và tập thể tác giả (2006), *Hoá học hữu cơ 3*, Nxb Giáo dục;

[3] Nguyễn Văn Tòng (2004), *Bài tập hóa học hữu cơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội;

8.2. Tài liệu tham khảo

[4] Đặng Đình Bạch (2002), *Những vấn đề hoá học hữu cơ*, NXBKH&KT;

[5] Trần Quốc Sơn (1979), *Cơ sở lý thuyết hoá học Hữu cơ tập 2*, Nxb Giáo dục;

[6] Phan Tổng Sơn, Trần Quốc Sơn, Đặng Như Tại (1979), *Cơ sở hoá học Hữu cơ, Tập 2*; NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp;

[7] Trần Quốc Sơn (1997, 2004), *Một số phản ứng của hợp chất hữu cơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[8] Thái Doãn Tĩnh, (2000), *Giáo trình cơ sở lý thuyết hoá Hữu cơ*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật;

[9] Nguyễn Văn Tòng (chủ biên) và tập thể tác giả, (1995), *Bài tập Hoá học hữu cơ*, Trường ĐHS- ĐHQG Hà nội;

[10] Ngô Thị Thuận (2008), *Hoá học hữu cơ, Phần bài tập, tập 2*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4	2	8
2			2		4	2	8
3	2				4	2	8
4			2		4	2	8
5	2				4	2	8
6			2		4	2	8
7	1		1		4	2	8
8	1	1			4	2	8
9	1		1		4	2	8
10	1		1		4	2	8
11	1		1		4	2	8
12	1		1		4	2	8
13	1		1		4	2	8
14	2				4	2	8
15			2		4	2	8
Tổng	15	1	14		60	30	120

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

+ Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

+ Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.

+ Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.

+ Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.

+ Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5,0 điểm) <u>Câu 2:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ : (5,0 điểm)	60'	03	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Hóa học hữu cơ 3 (Thực hành Hóa hữu cơ)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Đức Đại
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa KHTN - KT&CN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0982.925.330; dudaitq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa đại cương; Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học hữu cơ 3
- Mã học phần: TN2.1.313.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Hoá học hữu cơ 1, 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp:
 - + Bài tập trên lớp:
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 30 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn:
- Đơn vị phụ trách môn học:
- + Bộ Môn: Hóa học
- + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản và cách thức làm một số thí nghiệm hóa học Hữu cơ nhằm chứng minh, củng cố lý thuyết trong Hóa hữu cơ 1, 2 đã học và dự đoán những sản phẩm hóa học có thể tạo được trong quá trình thí nghiệm.

Giúp sinh viên làm quen với việc phân tích mẫu và xử lý các mẫu trong quá trình thí nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Biết những kỹ thuật cơ bản làm một số thí nghiệm hóa học Hữu cơ.
CDR 2	Biết cách tiến hành một số thí nghiệm hóa học Hữu cơ nhằm chứng minh, củng cố lý thuyết trong Hóa hữu cơ 1, 2 đã học và dự đoán những sản phẩm hóa học có thể tạo được trong quá trình thí nghiệm.
CDR 3	Biết làm quen với việc phân tích mẫu và xử lý các mẫu trong quá trình thí nghiệm.
Về kỹ năng	
CDR 4	Kỹ năng quan sát, giải thích hiện tượng, viết phương trình phản ứng.
CDR 5	Rèn luyện các kỹ năng thực hành hóa học để giúp sinh viên có thể thực hiện được các thí nghiệm khi giảng dạy ở trường phổ thông.
CDR 6	Rèn luyện các kỹ năng thực hành hóa học để giúp sinh viên có thể làm việc tốt hơn ở các phòng thí nghiệm chuyên ngành.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Rèn luyện các kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập.
CDR 8	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Rèn cho sinh viên thái độ chuyên cần, hăng say học tập, nghiên cứu và tìm hiểu những vấn đề trong hóa hữu cơ nhằm phục vụ cho việc học tập các môn chuyên ngành.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào các môn hóa học khác và thực tiễn.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng			Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Bài 1. Kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm Hóa học hữu cơ	1. Đun nóng	1			1	1	1	1	1	1	1
	2. Làm lạnh	1			1	1	1	1	1	1	1
	3. Đo và điều hòa nhiệt độ	1			1	1	1	1		1	1
	4. Khuấy, trộn, lắc	1			1	1	2	1	1	1	1
	5. Làm khô	1			1	1	2	1	1	1	1
	6. Lọc, gạn, ép, li tâm	1			1	1	2	1	1	1	1
	7. Tinh chế dung môi	1			1	1	2	1		1	1
Bài 2. Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ	1. Phương pháp kết tinh	1			1	1	2	1		1	1
	2. Phương pháp thăng hoa	1			1	1	2	1		1	1
	3. Phương pháp chiết	1			1		2	1		1	1
	4. Phương pháp chưng cất	1			1	1	2	1		1	1
	5. Phương pháp sắc kí	1			1		2	1		1	1
Bài 3. Xác định hằng số vật lý, nhận biết nguyên tố trong hợp chất hữu cơ	1. Xác định nhiệt độ nóng chảy của chất rắn	1		1	1		1	1	1	1	1
	2. Xác định nhiệt độ sôi của chất lỏng	1		1	1		1	1	1	1	1
	3. Xác định độ khúc xạ của chất lỏng	1		1	1		1	1	1	1	1
	4. Xác định tỉ khối của chất lỏng	1		1	1		1	1	1	1	1
	5. Xác định cacbon bằng phương pháp cacbon hóa	1		1	1		1	1	1	1	1
	6. Xác định cacbon và hiđro bằng phương pháp oxi hóa	1		1	1		1	1	1	1	1
	7. Xác định nitơ	1		1	1		1	1	1	1	1
	8. Xác định lưu huỳnh	1		1	1		1	1	1	1	1
	9. Xác định halogen	1		1	1		1	1	1	1	1
Bài 4. Hidrocacbon	1. Hidrocacbon no	1	2		2	2	1	1	1	1	1
	2. Hidrocacbon không no	1	2		2	2	1	1	1	1	1
	3. Hidrocacbon thơm	1	2		2	2	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
			Cứng			Mềm					
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Bài 5. Dẫn xuất halogen của hidrocarbon – ancol – phenol – ete	1. Phản ứng của dẫn xuất halogen với dung dịch kiềm	1	2		1		1	1	1	1	1
	2. Điều chế ancol etylic tuyệt đối	1	2		1	1	1	1	1	1	1
	3. Phản ứng của ancol etylic với natri	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	4. Oxi hóa ancol etylic bằng đồng (II) oxit	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	5. Phản ứng của etylenglicol và glixerin với đồng (II) hiđroxit	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	6. Điều chế dietyl ete	1	2		1		1	1	1	1	1
	7. Phản ứng của phenol với natri hiđroxit và natri cacbonat	1	1		1	2	1	1	1	1	1
	8. Phản ứng của phenol với sắt (III) clorua	1	2		1		1	1	1	1	1
Bài 6. Andehit – Xeton	1. Điều chế axetanđehit từ axetilen	1	1		1		1	1	1	1	1
	2. Điều chế axeton từ canxi axetat	1	1		1		1	1	1	1	1
	3. Phản ứng màu của anđehit với axit fucsinsunfuro	1	1		1		1	1	1	1	1
	4. Phản ứng oxi hóa anđehit bằng phức của bạc (thuốc thử Tolen)	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	5. Phản ứng oxi hóa anđehit bằng đồng (II) hiđroxit	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	6. Phản ứng oxi hóa anđehit bằng thuốc thử Feling	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	7. Phản ứng của axeton và anđehit với natri hiđrosunfit	1	1		1		1	1	1	1	1
	8. Phản ứng ngưng tụ andol và croton của anđehit axetic	1	1		1		1	1	1	1	1
Bài 7. Axit cacboxylic và dẫn xuất của axit	1. Tính chất axit của axit cacboxylic	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	2. Phản ứng oxi hóa axit fomic	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	3. Điều chế và thủy phân sắt (III) axetat	1	1		1		1	1	1	1	1
	4. Phản ứng thủy phân este	2	2		1	2	1	1	1	1	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng			Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
	5. Tính chất nhũ tương của xà phòng	1	2		1	2	1	1	1	1	2
	6. Phản ứng tạo thành các muối không tan của axit béo	1	2		1	2	1	1	1	1	1
Bài 8. Amin – aminoaxit – protein	1. Điều chế etylamin từ axetamid	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	2. Tính chất của amin mạch hở	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	3. Phản ứng tạo thành và phân giải các muối của anilin	1	2		1	2	1	1	1	1	1
	4. Phản ứng oxi hóa anilin	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	5. Phản ứng diazo hóa anilin	1	1		1		1	1	1	1	1
	6. Phản ứng của axit aminoaxetic với các chất chỉ thị	1	1		1		1	1	1	1	1
	7. Phản ứng của axit aminoaxetic với đồng (II) oxit	1	1		1		1	1	1	1	1
	8. Kết tủa protit bằng axit vô cơ đặc	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	9. Kết tủa thuận nghịch protit	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	10. Kết tủa protit bằng phenol và fomalin	1	1		1		1	1	1	1	1
	11. Sự đông tụ protit khi đun nóng	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	12. Các phản ứng màu của protit	2	2		1	2	1	1	1	1	1
Bài 9. Gluxit - Dị vòng - hợp chất polime	1. Phản ứng của nhóm hiđroxi trong phân tử monosaccarit	1	1		1		1	1	1	1	1
	2. Phản ứng của nhóm cacbonyl trong phân tử monosaccarit	1	1		1		1	1	1	1	1
	3. Phản ứng của nhóm hiđroxi trong phân tử đisaccarit	1	1		1		1	1	1	1	1
	4. Phản ứng của nhóm cacbonyl trong phân tử đisaccarit	1	1		1		1	1	1	1	1
	5. Phản ứng thủy phân polisaccarit	1	1		1		1	1	1	1	1
	6. Tính chất của piridin	1	1		1		1	1	1	1	1
	7. Điều chế fufuran (chuẩn bị trước lõi ngô hoặc cám, mật cưa)	1	1		1		1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
			Cứng			Mềm					
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
	8. Tính chất của fufuran	1	1		1		1	1	1	1	1
	9. Điều chế stiren từ polistiren	1	1		1		1	1	1	1	1
	10. Trùng hợp stiren	1	1		1		1	1	1	1	1
	11. Điều chế nhựa phenol fomandehit	1	1		1		1	1	1	1	1
	12. Ngưng tụ ure với fomandehit	1	1		1		1	1	1	1	1
Bài 10. Nhận biết các chất hữu cơ bằng phương pháp hóa học	1. Nhận biết hợp chức liên kết kép C - C	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	2. Nhận biết nhóm Hidroxyl	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	3. Nhận biết andehit và xeton	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	4. Nhận biết axit	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	5. Nhận biết este	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	6. Nhận biết Amin	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	7. Nhận biết aminoaxit và Protit	2	2		1	2	1	1	1	1	1
	8. Nhận biết Gluxit	2	2		1	2	1	1	1	1	1
Bài 11. Phản ứng halogen hóa	- Tổng hợp etylbromua từ ancol etylic	2	1	1	2		2	1	1	1	1
Bài 12. Phản ứng nitro hóa	- Tổng hợp nitrobenzen từ benzen	2	1	1	2		2	1	1	1	1
Bài 13. Phản ứng axyl hóa	- Tổng hợp etylaxetat	2	1	1	2		2	1	1	1	1
Bài 14. Phản ứng ngưng tụ	- Điều chế benzal anilin	2	1	1	2		2	1	1	1	1
Bài 15. Phản ứng ankyl hóa	- Điều chế ete etylic	2	1	1	2		2	1	1	1	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học này trang bị cho người học các kiến thức về :

Kỹ năng thực nghiệm với thí nghiệm lượng nhỏ. Nhằm chứng minh những tính chất điển hình nhất của các hợp chất hữu cơ.

Kỹ năng thực nghiệm với thí nghiệm lượng lớn. Đây là các bài tổng hợp đặc trưng cho các phản ứng hữu cơ.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 1. Kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm Hóa học hữu cơ	2			
Thực hành	1.1. Đun nóng 1.2. Làm lạnh 1.3. Đo và điều hòa nhiệt độ 1.4. Khuấy, trộn, lắc 1.5. Làm khô 1.6. Lọc, gạn, ép, li tâm 1.7. Tinh chế dung môi	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 2. Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ	2			
Thực hành	3.1. Phương pháp kết tinh 3.2. Phương pháp thăng hoa 3.3. Phương pháp chiết 3.4. Phương pháp chưng cất 3.5. Phương pháp sắc kí	2		Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 3: Xác định hằng số vật lý, nhận biết nguyên tố trong hợp chất hữu cơ	2			
Thực hành	3.1. Xác định nhiệt độ nóng chảy của chất rắn 3.2. Xác định nhiệt độ sôi của chất lỏng 3.3. Xác định độ khúc xạ của chất lỏng 3.4. Xác định tỉ khối của chất lỏng	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.5. Xác định cacbon bằng phương pháp cacbon hóa 3.6. Xác định cacbon và hiđro bằng phương pháp oxi hóa 3.7. Xác định nitơ 3.8. Xác định lưu huỳnh 3.9. Xác định halogen		thành công.		
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 4. Hidrocacbon	2			
Thực hành	4.1. Hidrocacbon no 4.1.1. Điều chế và tính chất của metan 4.1.2. Tác dụng của $KMnO_4$ với hidrocacbon no 4.1.3. Tác dụng của axit sunfuric với hidrocacbon no 4.2. Hidrocacbon không no 4.2.1. Điều chế etilen 4.2.2. Phản ứng cộng brom vào etilen 4.2.3. Điều chế axetilen 4.2.4. Phản ứng oxi hóa axetilen bằng dung dịch kali pemanganat 4.2.5. Phản ứng tạo bạc axetilua 4.3. Hidrocacbon thơm 4.3.1. Phản ứng oxi hóa benzen và toluen 4.3.2. Phản ứng sunfo hóa benzen và toluen	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 5. Dẫn xuất halogen của hidrocarbon – ancol – phenol – ete	2			
Thực hành	5.1. Phản ứng của dẫn xuất halogen với dung dịch kiềm 5.2. Điều chế ancol etylic tuyệt đối 5.3. Phản ứng của ancol etylic với natri 5.4. Oxi hóa ancol etylic bằng đồng (II) oxit 5.5. Phản ứng của etylenglicol và glixerin với đồng (II) hiđroxit 5.6. Điều chế dietyl ete 5.7. Phản ứng của phenol với natri hiđroxit và natri cacbonat 5.8. Phản ứng của phenol với sắt (III) clorua	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 6. Andehit – Xeton	2			
Thực hành	6.1. Điều chế axetanđehit từ axetilen 6.2. Điều chế axeton từ canxi axetat 6.3. Phản ứng màu của andehit với axit fucsinsunfuro 6.4. Phản ứng oxi hóa andehit bằng phức của bạc (thuốc thử Tolen) 6.5. Phản ứng oxi hóa andehit bằng đồng (II) hiđroxit 6.6. Phản ứng oxi hóa andehit bằng thuốc thử Feling 6.7. Phản ứng của axeton và andehit với natri hiđrosunfit 6.8. Phản ứng ngưng tụ andol và croton của andehit axetic	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến	5	- Học học liệu số 1,	Thư	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.		2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	viện, ở nhà	
	Bài 7. Axit cacboxylic và dẫn xuất của axit	2			
Thực hành	7.1. Tính chất axit của axit cacboxylic 7.2. Phản ứng oxi hóa axit fomic 7.3. Điều chế và thủy phân sắt (III) axetat 7.4. Phản ứng thủy phân este 7.5. Tính chất nhũ tương của xà phòng 7.6. Phản ứng tạo thành các muối không tan của axit béo 7.7. Tách hỗn hợp axit béo từ xà phòng	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 8. Amin – aminoaxit – protein	2			
Thực hành	8.1. Điều chế etylamin từ axetamid 8.2. Tính chất của amin mạch hở 8.3. Phản ứng tạo thành và phân giải các muối của anilin 8.4. Phản ứng oxi hóa anilin 8.5. Phản ứng diazo hóa anilin 8.6. Phản ứng của axit aminoaxetic với các chất chỉ thị 8.7. Phản ứng của axit aminoaxetic với đồng (II) oxit 8.8. Kết tủa protit bằng axit vô cơ đặc 8.9. Kết tủa thuận nghịch protit 8.10. Kết tủa protit bằng phenol và fomalin	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	8.11. Sự đông tụ protit khi đun nóng 8.12. Các phản ứng màu của protit				
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 9. Gluxit - Dị vòng - hợp chất polime	2			
Thực hành	9.1. Phản ứng của nhóm hiđroxi trong phân tử monosaccarit 9.2. Phản ứng của nhóm cacbonyl trong phân tử monosaccarit 9.3. Phản ứng của nhóm hiđroxi trong phân tử đisaccarit 9.4. Phản ứng của nhóm cacbonyl trong phân tử đisaccarit 9.5. Phản ứng thủy phân polisaccarit 9.6. Tính chất của piridin 9.7. Điều chế fufuran (chuẩn bị trước lõi ngô hoặc cám, mật cưa) 9.8. Tính chất của fufuran 9.9. Điều chế stiren từ polistiren 9.10. Trùng hợp stiren 9.11. Điều chế nhựa phenol fomandehit 9.12. Ngưng tụ ure với fomandehit	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 10. Nhận biết các chất hữu cơ bằng phương pháp hóa học	2			
Thực hành	10.1. Nhận biết hợp chức liên kết kép C - C 10.2. Nhận biết nhóm Hiđroxyl	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	10.3. Nhận biết andehit và xêton. 10.4. Nhận biết axit 10.5. Nhận biết este 10.6. Nhận biết Amin 10.7. Nhận biết aminoaxit và Protit 10.8. Nhận biết Gluxit		nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.		
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	5	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 11. Phản ứng halogen hóa	2			
Thực hành	Tổng hợp etylbromua từ ancol etylic	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 12. Phản ứng nitro hóa	2			
Thực hành	- Tổng hợp nitrobenzen từ benzen	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm.	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được.	3	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 13. Phản ứng axyl hóa	2			
Thực hành	- Tổng hợp etylaxetat	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. - Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm.	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được.	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 14. Phản ứng ngưng tụ	2			
Thực hành	- Điều chế benzal anilin	2			
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được.	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 15. Phản ứng ankyl hóa	2			
Thực hành	- Điều chế ete etylic	2			
Tự học, tự nghiên cứu	- Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm. - Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được.	2	- Học học liệu số 1, 2, 3, 4. - Chuẩn bị đề cương.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

- [1] Ngô Thị Thuận (2001), *Thực tập hóa học hữu cơ*, NXB ĐHQG Hà Nội;
 [2] Thái Doãn Tĩnh (1992), *Thực hành hóa học hữu cơ*, tập 1, NXB Giáo dục.
 [3] Nguyễn Văn Tông (1998), *Thực hành hóa học hữu cơ*, Tập 2, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Lê Thị Anh Đào, Đặng Văn Liễu (2005), *Thực hành hóa học hữu cơ*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1					2	2	6
2			2		5		7
3			2		5		7
4			2		5		7
5			2		5		7
6			2		5		7
7			2		5		7
8			2		5		7
9			2		5		7
10			2		5		7
11			2		2		4
12			2		2		4
13			2		2		4
14			2		2		4
15			2		2		4
Tổng			30		60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

+ Phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ và hóa chất.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

+ Dự lớp các buổi thực hành theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao. Chuẩn bị đề cương thí nghiệm.

+ Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.

+ Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.

+ Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo thực hành.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học:

11.1. Đánh giá ý thức tự đọc tài liệu ở nhà, ý thức làm thí nghiệm trên phòng thí nghiệm và chuẩn bị bài thí nghiệm, dự đủ các bài thực hành: 10%.

11.2. Kiểm tra bài trước buổi thí nghiệm: 30%.

11.3. Điểm báo cáo các bài thực hành, phải làm và nộp đầy đủ các bài tường trình thí nghiệm: 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học phân tích 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.716.160; Email: vutamhieu@gmail.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học phân tích
- Mã học phần: TN2.1.314.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 15 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

+ Bài tập ở nhà, bài tập lớn:

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ Môn: Hóa học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản:

Cơ sở lý thuyết cơ bản về cân bằng axit – bazơ, cân bằng tạo thành phức chất trong dung dịch, cân bằng oxi hóa – khử, cân bằng chất tan giữa hai dung môi không trộn lẫn và các cơ chế xảy ra trong dung dịch.

Cơ sở lý thuyết về phương pháp định lượng hoá học đặc biệt là phương pháp chuẩn độ thể tích (phương pháp chuẩn độ axit – bazơ, chuẩn độ oxi hoá - khử, chuẩn độ tạo phức và chuẩn độ kết tủa).

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Biết các định luật cơ bản của hoá học áp dụng cho hệ chất điện li;
CDR 2	Hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết cân bằng axit - bazơ; Cân bằng tạo phức trong dung dịch; Cân bằng oxi hóa - khử; Cân bằng trong dung dịch chứa hợp chất ít tan; Cân bằng phân bố chất tan giữa hai pha không trộn lẫn và các cơ chế xảy ra trong dung dịch.
CDR 3	Hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết về phương pháp định lượng hoá học đặc biệt là phương pháp chuẩn độ thể tích (phương pháp chuẩn độ axit – bazơ, chuẩn độ oxi hoá - khử, chuẩn độ tạo phức và chuẩn độ kết tủa).
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Mô tả đúng các cân bằng xảy ra trong dung dịch các chất điện li khác nhau.
CDR 5	Sử dụng được các phương pháp gần đúng để đánh giá bán định lượng và định lượng chiều hướng phản ứng xảy ra trong dung dịch..
CDR 6	Giải các loại bài tập. Vận dụng được lý thuyết cân bằng ion để giải thích các hiện tượng xảy ra trong dung dịch các chất điện ly cũng như khi tiến hành các qui trình phân tích.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 8	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 10	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CDR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng								Thái độ, năng lực tự chủ		
			Cứng				Mềm				CĐR 10	CĐR 11	
			CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8			CĐR 9
PHẦN I. CÂN BẰNG ION TRONG DUNG DỊCH													
Chương 1: Các định luật cơ bản của hóa học áp dụng cho các hệ các chất điện li	1. Trạng thái của các chất điện li trong dung dịch	1			1			1	1	1	1	1	
	2. Định luật hợp thức	1			1			1	1	1	1	1	
	3. Định luật bảo toàn khối lượng	1			1			1	1	1	1	1	
	4. Định luật tác dụng khối lượng	1			2	1	2	1	1	1	1	1	
	5. Đánh giá gần đúng thành phần cân bằng trong dung dịch	1			2	1	2	1	1	1	1	1	
Chương 2: Cân bằng axit – bazơ	1. Các axit và bazơ		2	1	1			1	1	1	1	1	
	2. Định luật bảo toàn proton	1	2	1	1			2	1	1	1	1	
	3. Dung dịch các đơn axit và đơn bazơ		2	1	1			2	1	1	1	1	
	4. Hỗn hợp các đơn axit và đơn bazơ		2	1	1			2	1	1	1	1	
	5. Các chất điện ly lưỡng tính		2	1	1			2	1	1	1	1	
	6. Dung dịch đệm		2	1	1			2	1	1	1	1	
	7. Các chất chỉ thị axit – bazơ		2	1	1			1	1	1	1	1	
Chương 3: Cân bằng tạo phức trong dung dịch	1. Một số khái niệm chung về phức chất		1	1	1			1	1	1	1	1	
	2. Đánh giá cân bằng tạo phức trong dung dịch		2	1	1			1	1	1	1	1	
	3. Ảnh hưởng của pH đến sự tạo phức		2	1	1			1	1	1	1	1	
	4. Sự tạo phức với thuốc thử hữu cơ		1	1	1			1	1	1	1	1	
	5. Ứng dụng phức chất trong hóa học phân tích		1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	
Chương 4: Cân bằng oxi hóa – khử	1. Các khái niệm về phản ứng oxi hóa – khử		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
	2. Cân bằng phương trình phản ứng oxi hóa – khử theo phương pháp io electron		2	1	1			2	1	1	1	1	
	3. Thế điện cực		2	1	1			2	1	1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng			Mềm			CĐR 10	CĐR 11	CĐR 11	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8				CĐR 9
	4. Sự phụ thuộc thế theo nồng độ - Phương trình Nec (Neranst)		2	1	1			2	1	1	1	1	1
	5. Hằng số cân bằng của phản ứng oxi hóa – khử		2	1	1			2	1	1	1	1	1
	6. Tính cân bằng oxi hóa – khử		2	1	1			2	1	1	1	1	1
	7. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng oxi hóa – khử		2	1	1			2	1	1	1	1	1
Chương 5: Cân bằng trong dung dịch chứa hợp chất ít tan	1. Độ tan và tích số tan		2	1	1			2	1	1	1	1	1
	2. Sự kết tủa các chất ít tan từ dung dịch quá bão hòa		2	1	1			2	1	1	1	1	1
	3. Sự hòa tan các kết tủa ít tan trong nước		2	1	1			2	1	1	1	1	1
Chương 6: Cân bằng phân bố chất tan giữa hai pha không trộn lẫn	1. Sự phân bố chất tan giữa nước và dung môi không trộn lẫn với nước		1	1	1			1	1	1	1	1	1
	2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết		1	1	1			1	1	1	1	1	1
PHẦN II. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG HÓA HỌC													
Chương 7. Các phương pháp phân tích thể tích	1. Mở đầu. Phân loại các phương pháp phân tích thể tích			1	1				1	1	1	1	
	2. Phương pháp chuẩn độ axit – bazơ			2	1	2	2	1	1	1	1	1	1
	3. Phương pháp chuẩn độ tạo phức			2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	4. Phương pháp chuẩn độ oxi hoá - khử			2	1	2	2	1	1	1	1	1	1
	5. Phương pháp chuẩn độ kết tủa			2	1	2	2	1	1	1	1	1	1
Chương 8. Phương pháp phân tích khối lượng	1. Nguyên tắc chung. Dạng kết tủa và dạng cân.			1	1				1	1	1	1	
	2. Lựa chọn điều kiện làm kết tủa.			1	1	1			1	1	1	1	1
	3. Lọc và rửa kết tủa. Chuyển dạng kết tủa thành dạng cân			2	1	2	1	1	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ				
			Cứng			Mềm			CĐ		CĐ		
			CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	RĐ	RĐ	
	4. Sự hút ẩm của kết tủa			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	5. Phạm vi ứng dụng của phương pháp phân tích khối lượng			1	1		2	1	1	1	1	1	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần trang bị các kiến thức về lý thuyết cân bằng ion: Các định luật cơ bản của hoá học áp dụng cho hệ chất điện li; cân bằng axit - bazơ; Cân bằng tạo phức trong dung dịch; Cân bằng oxi hóa - khử; Cân bằng trong dung dịch chứa hợp chất ít tan; Cân bằng phân bố chất tan giữa hai pha không trộn lẫn;

Các phương pháp định lượng hoá học: Phương pháp phân tích khối lượng, phương pháp phân tích thể tích; Phương pháp chuẩn độ axit - bazơ; Chuẩn độ tạo phức; Chuẩn độ kết tủa; Chuẩn độ oxi hoá - khử.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
PHẦN I. CÂN BẰNG ION TRONG DUNG DỊCH					
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Các định luật cơ bản của hóa học áp dụng cho các hệ các chất điện li	4			
Lý thuyết	1.1. Trạng thái của các chất điện li trong dung dịch 1.2. Định luật hợp thức 1.3. Định luật bảo toàn khối lượng 1.4. Định luật tác dụng khối lượng 1.5. Đánh giá gần đúng thành phần cân bằng trong dung dịch	3	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 3, 5	1	Nắm vững lí	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Cân bằng axit – bazơ	6			
Lý thuyết	2.1. Các axit và bazơ 2.2. Định luật bảo toàn proton 2.3. Dung dịch các đơn axit và đơn bazơ 2.4. Hỗn hợp các đơn axit và đơn bazơ 2.5. Các chất điện ly lưỡng tính 2.6. Dung dịch đệm 2.7. Các chất chỉ thị axit – bazơ	4	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Tính cân bằng trong dung dịch axit – bazơ	12	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Cân bằng tạo phức trong dung dịch	5			
Lý thuyết	3.1. Một số khái niệm chung về phức chất 3.2. Đánh giá cân bằng tạo phức trong dung dịch 3.2.1. Tính gần đúng cân bằng tạo phức trong dung dịch 3.2.2. Hằng số cân bằng điều kiện 3.3. Ảnh hưởng của pH đến sự tạo phức	3	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.4. Sự tạo phức với thuốc thử hữu cơ 3.5. Ứng dụng phức chất trong hóa học phân tích				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Ứng dụng phức chất trong hóa học phân tích	10	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 4: Cân bằng oxi hóa – khử	6			
Lý thuyết	4.1. Các khái niệm về phản ứng oxi hóa – khử 4.2. Cân bằng phương trình phản ứng oxi hóa – khử theo phương pháp io electron 4.3. Thế điện cực 4.4. Sự phụ thuộc thế theo nồng độ - Phương trình Nec (Nernst) 4.5. Hằng số cân bằng của phản ứng oxi hóa – khử 4.6. Tính cân bằng oxi hóa – khử 4.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng oxi hóa – khử	4	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Các hệ oxi hóa – khử thường gặp	12	Nắm vững lí thuyết	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5: Cân bằng trong dung dịch chứa hợp chất ít tan	6			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	5.1. Độ tan và tích số tan 5.1.1. Độ tan 5.1.2. Tích số tan 5.1.3. Đánh giá độ tan và tích số tan 5.1.3.4. Tích số tan điều kiện 5.2. Sự kết tủa các chất ít tan từ dung dịch quá bão hòa 5.3. Sự hòa tan các kết tủa ít tan trong nước	4	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Các yếu tố ảnh hưởng đến trạng thái và tính chất của kết tủa	12	Đọc học liệu số 2, 3	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: Cân bằng phân bố chất tan giữa hai pha không trộn lẫn	3			
Lý thuyết	6.1. Sự phân bố chất tan giữa nước và dung môi không trộn lẫn với nước 6.1.1. Sự chiết 6.1.2. Định luật phân bố 6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết 6.2.1. Ảnh hưởng của pH 6.2.2. Vai trò của sự tạo phức 6.2.3. Ảnh hưởng của sự tạo thành hợp chất ít tan	2	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	1	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Lớp học	
Tự học, tự	Ứng dụng phân tích của quá trình chiết	6	Đọc học liệu số 1, 2; Tham khảo các	Thư viện, ở	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu			học liệu khác	nhà	
	TÍN CHỈ 3	15			
	PHẦN II. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG HÓA HỌC				
	Chương 7. Các phương pháp phân tích thể tích	12			
Lý thuyết	<p>7.1. Mở đầu. Phân loại các phương pháp phân tích thể tích</p> <p>7.2. Phương pháp chuẩn độ axit – bazơ</p> <p>7.2.1 Chất chỉ thị trong chuẩn độ axit – bazơ</p> <p>7.2.2 Chuẩn độ axit mạnh và bazơ mạnh</p> <p>7.2.3 Chuẩn độ các đơn axit yếu và các đơn bazơ yếu</p> <p>7.2.4 Chuẩn độ đa axit và đa bazơ</p> <p>7.3. Phương pháp chuẩn độ tạo phức</p> <p>7.3.1. Sự tạo phức của EDTA với các ion kim loại</p> <p>7.3.2. Đường chuẩn độ ion kim loại bằng EDTA</p> <p>7.3.3 Các chất chỉ thị trong chuẩn độ complexon</p> <p>7.3.4 Các phương pháp chuẩn độ complexon</p> <p>7.3.4.1 Chuẩn độ trực tiếp</p> <p>7.3.4.2 Chuẩn độ ngược</p> <p>7.3.4.3 Chuẩn độ thế</p> <p>7.3.4.4 Chuẩn độ gián tiếp</p> <p>7.4. Phương pháp chuẩn độ oxi hoá - khử</p> <p>7.4.1 Đường chuẩn độ oxi hoá - khử.</p> <p>7.4.2 Các chất chỉ thị dùng trong chuẩn độ oxi hoá - khử.</p> <p>7.4.3 Các thuốc thử dùng trong chuẩn độ oxi hoá - khử.</p> <p>7.5. Phương pháp chuẩn độ kết tủa</p> <p>7.5.1 Đường chuẩn độ kết tủa</p> <p>7.5.2 Các phương pháp xác định điểm cuối trong chuẩn độ do bạc</p>	8	<p>Đọc học liệu số 4; Tham khảo các học liệu khác</p>	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	4	Nắm vững lý thuyết để vận	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp		
Tự học, tự nghiên cứu.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng, nhiệm vụ của phân tích định lượng. - Biểu diễn kết quả trong phân tích định lượng. - Sai số trong phân tích định lượng. - Ứng dụng phân tích của quá trình chiết. - Quá trình oxi hoá và khử trước khi tiến hành chuẩn độ các chất. - Các phản ứng oxi hoá - khử cảm ứng. 	24	Đọc học liệu số 4; Tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	
	Chương 8. Phương pháp phân tích khối lượng	3			
Lý thuyết	8.1 Nguyên tắc chung. Dạng kết tủa và dạng cân. 8.2 Lựa chọn điều kiện làm kết tủa. 8.3 Lọc và rửa kết tủa. Chuyển dạng kết tủa thành dạng cân. 8.4 Sự hút ẩm của kết tủa. 8.5 Phạm vi ứng dụng của phương pháp phân tích khối lượng.	2	Đọc học liệu số 4; Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 2, 3	1	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu.		6	Đọc học liệu số 4; Tham khảo các học liệu khác	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Tinh Dung (2000), *Hoá học phân tích – Phần 2, Các phản ứng ion trong dung dịch nước*, Nxb Giáo dục;

[2] Nguyễn Tinh Dung (2005), *Hoá học phân tích 1, Cân bằng ion trong dung dịch*, Nxb ĐHSP, Hà Nội;

[3] Nguyễn Tinh Dung, Đào Thị Phương Diệp (2005), *Hoá học phân tích, Câu hỏi và bài tập, Cân bằng ion trong dung dịch*, Nxb ĐHSP, Hà Nội;

[4] Nguyễn Tinh Dung (1981 - 2007), *Hóa học phân tích – Phần 3, Các phương pháp định lượng hóa học*, Nxb Giáo dục;

[5] Nguyễn Tinh Dung (1982), *Bài tập hóa học phân tích*, Nxb Giáo dục;

8.2. Tài liệu tham khảo

[6] . Hồ Viết Quý (2008), *Cơ sở hoá học phân tích hiện đại, tập 1*. Các phương pháp phân tích hoá học, NXB ĐHSP.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	2		1		6		9
3	2		1		6		9
4	2		1		6		9
5	1		2		6		9
6	3				6		9
7	1		2		6		9
8	3				6		9
9	1		2		6		9
10	1	1	1		6		9
11	3				6		9
12	3				6		9
13	2		1		6		9
14			3		6		9
15	2		1		6		9
Tổng	29	1	15		90		135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<p><u>Câu 1</u>: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm)</p> <p><u>Câu 2</u>: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (3 điểm)</p> <p><u>Câu 3</u>: Với nội dung thuộc tín chỉ 3: (4 điểm)</p>	90'	10	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học phân tích 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.716.160; Email: yutamhieu@gmail.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hoá học phân tích
- Mã học phần: TN2.1.315.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: TN2.1.314.2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp:
 - + Bài tập trên lớp:
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 30 tiết (60 tiết thực hành)

- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn:
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ Môn: Hóa học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành về phương pháp phân tích hóa học định tính của các phản ứng ion trong dung dịch nước; phương pháp phân tích khối lượng và phương pháp định lượng: chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ; chuẩn độ đa axit và đa bazơ; chuẩn độ kết tủa; chuẩn độ oxi hóa khử; Chuẩn độ phức chất.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Biết những kiến thức thực hành về phương pháp phân tích hóa học định tính của các phản ứng ion trong dung dịch nước.
CDR 2	Hiểu các kiến thức thực hành về phương pháp định lượng: chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ; chuẩn độ đa axit và đa bazơ; chuẩn độ kết tủa; chuẩn độ oxi hóa khử; Chuẩn độ phức chất. Biết và có ý thức trong an toàn và bảo hộ lao động trong khi làm việc trong phòng thí nghiệm.
Về kỹ năng	
CDR 4	Thực hành thành thạo các phản ứng nhận biết các chất điện li.
CDR 4	Giải thích được các quy luật và tương tác ion trong dung dịch.
CDR 5	Sử dụng thành thạo cân phân tích, chuẩn độ thể tích.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn; kỹ năng học tập và làm việc theo nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 7	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào các môn hóa học khác và thực tiễn.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
			Cứng				Mềm			
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
Chương 1. Các phản ứng ion trong dung dịch nước										
Bài 1. Mở đầu và nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm I	1. Giới thiệu nội quy phòng thí nghiệm	1					1	1		
	2. Các kĩ năng cơ bản: Giá thuốc thử, quan sát hiện tượng, đun nóng, ly tâm, tách dung dịch ra khỏi kết tủa, hòa tan kết tủa	1					1	1	1	1
	3. Cách chuẩn bị đề cương thực nghiệm. Cách ghi chép và xử lý kết quả thực nghiệm						1	1	1	1
	4. Nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm I	1		1	1	1	1	1	1	1
	5. Nhận biết các cation trong dung dịch mất nhãn: NaCl, KCl, NH ₄ Cl và hỗn hợp của chúng: (NaCl + NH ₄ Cl; KCl + NH ₄ Cl)	2		2	2	1	1	1	1	1
Bài 2. Nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm II (Ba²⁺, Ca²⁺, Sr²⁺)	1. Tính chất chung: Phản ứng tạo thành muối sunfat ít tan	2		2	2	1	1	1	1	1
	2. Phản ứng của các ion	2		2	2	1	1	1	1	1
	3. Minh họa cân bằng Ion	1		2	2	1	1	1	1	1
	4. Nhận biết các cation - Trong các dung dịch (Mất nhãn): BaCl ₂ ; CaCl ₂ ; SrCl ₂ - Trong hỗn hợp: BaCl ₂ + CaCl ₂ ; BaCl ₂ + SrCl ₂ ; BaCl ₂ + NH ₄ Cl; CaCl ₂ + SrCl ₂	2		2	2	1	1	1	1	1
Bài 3. Nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm III (Ag⁺, Pb²⁺, Hg₂²⁺)	1. Tính chất chung: Phản ứng HCl tạo thành muối clorua ít tan	2		2	2	1	1	1	1	1
	2. Phản ứng của các ion	2		2	2	1	1	1	1	1
	3. Minh họa cân bằng Ion	1		2	2	1	1	1	1	1
	4. Nhận biết các cation - Trong các dung dịch (Mất nhãn): AgNO ₃ ; Pb(NO ₃) ₂ ; Hg ₂ (NO ₃) ₂ - Trong hỗn hợp: AgNO ₃ + Pb(NO ₃) ₂ ; AgNO ₃ + Hg ₂ (NO ₃) ₂ Ba(NO ₃) ₂ + Pb(NO ₃) ₂	2		2	2	1	1	1	1	1
Bài 4. Nghiên cứu phản ứng	1. Tính chất chung: Hidroxit của các cation nhóm 4 tan trong NaOH dư	2		2	2	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
			Cứng				Mềm				
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
của các cation nhóm IV (Al^{3+} , Cr^{3+} , Zn^{2+} , Sn^{2+})	2. Phản ứng của các ion	2		2	2	1	1	1	1	1	1
	3. Minh họa cân bằng Ion	1		2	2	1	1	1	1	1	1
	4. Nhận biết các cation - Trong các dung dịch (Mất nhãn): $AlCl_3$; $Cr_2(SO_4)_3$, $Zn(NO_3)_2$; $SnCl_2$ - Trong hỗn hợp: $AlCl_3 + Cr_2(SO_4)_3$; $AlCl_3 + Zn(NO_3)_2$, $Cr_2(SO_4)_3 + Zn(NO_3)_2$, $Pb(NO_3)_2 + AlCl_3$	2		2	2	1	1	1	1	1	1
	Bài 5. Các cation tạo được hidroxit tan trong amoniac dư (Nhóm cation V)	1. Phản ứng của ion Cu^{2+} .	2		2	2	1	1	1	1	1
	2. Phản ứng của ion Cd^{2+} .	2		2	2	1	1	1	1	1	
	3. Phản ứng của ion Hg^{2+} .	2		2	2	1	1	1	1	1	
	4. Phản ứng của ion Ni^{2+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	5. Phản ứng của ion Co^{2+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	6. Phân tích hỗn hợp cation nhóm V	2		2	2	1	1	1	1	1	
Bài 6. Các cation tạo được hidroxit ít tan trong kiềm dư và amoniac dư (Nhóm cation VI)	1. Phản ứng của ion Fe^{2+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	2. Phản ứng của ion Fe^{3+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	3. Phản ứng của ion Mg^{2+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	4. Phản ứng của ion Mn^{2+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	5. Phản ứng của ion Bi^{3+}	2		2	2	1	1	1	1	1	
	6. Phân tích hỗn hợp cation nhóm VI	2		2	2	1	1	1	1	1	
Bài 7. Tính chất một số anion: Cl^-, Br^-, I^-, SO_4^{2-}, NO_3^-, CO_3^{2-}, PO_4^{3-}, CH_3COO^-	1. Phản ứng của các anion	2		2	2	1	1	1	1	1	
	2. Minh họa cân bằng ion	2		2	2	1	1	1	1	1	
	3. Sự kết tủa từng phần của các halogenua bạc	2		2	2	1	1	1	1	1	
Chương 2. Các phương pháp định lượng hóa học											
Bài 8. Giới thiệu về phương pháp thực nghiệm phân tích định lượng. Chuẩn độ đơn axit và đơn	1. Giới thiệu về phương pháp thực nghiệm phân tích định lượng		1	2	2	1	1	1	1	1	
	2. Chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ 2.1. Chuẩn độ axit mạnh bằng kiềm 2.2. Chuẩn độ bazơ mạnh bằng axit mạnh		2	2	2	1	1	1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
			Cứng				Mềm			
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
bazo	2.3. Chuẩn độ đơn axit yếu bằng kiềm									
	2.4. Chuẩn độ đơn bazo yếu bằng axit mạnh									
Bài 9. Chuẩn độ đa axit. Chuẩn độ đa bazo	1. Chuẩn độ đa axit		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Chuẩn độ đa bazo		2	2	2	1	1	1	1	1
Bài 10. Chuẩn độ phức chất	1. Xác định độ cứng của nước		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Định lượng Ni ²⁺		2	2	2	1	1	1	1	1
Bài 11. Chuẩn độ kết tủa	1. Chuẩn độ ion Cl ⁻ bằng AgNO ₃ theo phương pháp Mohr		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Chuẩn độ ion Cl ⁻ bằng AgNO ₃ theo phương pháp Volhard		2	2	2	1	1	1	1	1
Bài 12. Chuẩn độ oxi hóa- khử	1. Phương pháp pemanganat: Định lượng Fe ²⁺		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Phương pháp đicromat: Định lượng Fe ²⁺		2	2	2	1	1	1	1	1
	3. Phương pháp iot: Định lượng Cu ²⁺		2	2	2	1	1	1	1	1
Bài 13. Phương pháp phân tích khối lượng	1. Xác định nước kết tinh trong BaCl ₂ .2H ₂ O		2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Định lượng Fe trong phèn sắt (III) amoni		2	2	2	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành về phương pháp phân tích định tính và định lượng hóa học, để có thể vận dụng vào trong việc học tập các môn khoa học và tiến hành nghiên cứu; lý giải, đề xuất, tiến hành được quy trình phân tích trong các trường hợp đơn giản để nhận biết và xác định nồng độ một số chất trong hỗn hợp.

Giúp sinh viên có được các kỹ năng thực hành về phản ứng nhận biết chất điện li, cân phân tích và chuẩn độ thể tích, bước đầu có tác phong làm việc khoa học, cẩn thận, chính xác. Xây dựng phong cách tự học, tự nghiên cứu khoa học.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1	16			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1. Các phản ứng ion trong dung dịch nước				
	Bài 1. Mở đầu và nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm I	2			
Thực hành	<p>1.1. Giới thiệu nội quy phòng thí nghiệm</p> <p>1.2. Các kỹ năng cơ bản: Giở thuốc thử, quan sát hiện tượng, đun nóng, ly tâm, tách dung dịch ra khỏi kết tủa, hòa tan kết tủa</p> <p>1.3. Cách chuẩn bị đề cương thực nghiệm. Cách ghi chép và xử lý kết quả thực nghiệm</p> <p>1.4. Nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm I</p> <p>1.5. Nhận biết các cation trong dung dịch mất nhãn: NaCl, KCl, NH₄Cl và hỗn hợp của chúng: (NaCl + NH₄Cl; KCl + NH₄Cl)</p>	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thực hành hóa học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 2. Nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm II (Ba²⁺, Ca²⁺, Sr²⁺)	2			
Thực hành	<p>2.1. Tính chất chung: Phản ứng tạo thành muối sunfat ít tan</p> <p>2.2. Phản ứng của các ion</p> <p>2.3. Minh họa cân bằng Ion</p> <p>2.4. Nhận biết các cation</p> <p>- Trong các dung dịch (Mất nhãn): BaCl₂; CaCl₂; SrCl₂</p> <p>- Trong hỗn hợp: BaCl₂ + CaCl₂; BaCl₂ + SrCl₂; BaCl₂ + NH₄Cl; CaCl₂ + SrCl₂</p>	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 3. Nghiên cứu phản ứng của	2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	các cation nhóm III (Ag^+ , Pb^{2+} , Hg_2^{2+})				
Thực hành	3.1. Tính chất chung: Phản ứng HCl tạo thành muối clorua ít tan 3.2. Phản ứng của các ion 3.3. Minh họa cân bằng Ion 3.4. Nhận biết các cation - Trong các dung dịch (Mất nhãn): AgNO_3 ; $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$; $\text{Hg}_2(\text{NO}_3)_2$ - Trong hỗn hợp: $\text{AgNO}_3 + \text{Pb}(\text{NO}_3)_2$; $\text{AgNO}_3 + \text{Hg}_2(\text{NO}_3)_2$ $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2 + \text{Pb}(\text{NO}_3)_2$	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 4. Nghiên cứu phản ứng của các cation nhóm IV (Al^{3+} , Cr^{3+} , Zn^{2+} , Sn^{2+})	2			
Thực hành	4.1. Tính chất chung: Hidroxit của các cation nhóm 4 tan trong NaOH dư 4.2. Phản ứng của các ion 4.3. Minh họa cân bằng Ion 4.4. Nhận biết các cation - Trong các dung dịch (Mất nhãn): AlCl_3 ; $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$, $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$; SnCl_2 - Trong hỗn hợp: $\text{AlCl}_3 + \text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$; $\text{AlCl}_3 + \text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3 + \text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2 + \text{AlCl}_3$	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 5. Các cation tạo được hidroxit tan trong amoniac dư (Nhóm cation V)	3			
Thực hành	5.1 Phản ứng của ion Cu^{2+} . 5.2 Phản ứng của ion Cd^{2+} . 5.3 Phản ứng của ion Hg^{2+} .	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích,	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.4 Phản ứng của ion Ni^{2+} . 5.5 Phản ứng của ion Co^{2+} 5.6 Phân tích hỗn hợp cation nhóm V		lý giải hiện tượng và kết quả thu được.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 6. Các cation tạo được hidroxít ít tan trong kiềm dư và amoniác dư (Nhóm cation VI)	3			
Thực hành	6.1 Phản ứng của ion Fe^{2+} 6.2 Phản ứng của ion Fe^{3+} . 6.3 Phản ứng của ion Mg^{2+} . 6.4 Phản ứng của ion Mn^{2+} . 6.5 Phản ứng của ion Bi^{3+} . 6.6 Phân tích hỗn hợp cation nhóm VI 6.7 Phân tích hệ thống cation từ nhóm II đến nhóm VI	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 7. Tính chất một số anion: Cl^-, Br^-, I^-, SO_4^{2-}, NO_3^-, CO_3^{2-}, PO_4^{3-}, CH_3COO^-	2			
Thực hành	7.1. Phản ứng của các anion 7.2. Minh họa cân bằng ion 7.3. Sự kết tủa từng phần của các halogenua bạc	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	TÍN CHỈ 2	14			
	Chương 2. Các phương pháp định lượng hóa học				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bài 8. Giới thiệu về phương pháp thực nghiệm phân tích định lượng. Chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ	4			
Thực hành	8.1 Giới thiệu về phương pháp thực nghiệm phân tích định lượng 8.2 Chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ 8.2.1. Chuẩn độ axit mạnh bằng kiềm 8.2.2. Chuẩn độ bazơ mạnh bằng axit mạnh 8.2.3. Chuẩn độ đơn axit yếu bằng kiềm 8.2.4. Chuẩn độ đơn bazơ yếu bằng axit mạnh	4	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết định lượng và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	8	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 9. Chuẩn độ đa axit. Chuẩn độ đa bazơ	2			
Thực hành	9.1. Chuẩn độ đa axit 9.2. Chuẩn độ đa bazơ	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết định lượng và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 10. Chuẩn độ phức chất	2			
Thực hành	10.1. Xác định độ cứng của nước 10.2. Định lượng Ni^{2+}	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết định lượng và thực hành trong các học liệu trước	4	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các	Thư viện, ở	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
cứu	khi nghe giảng và làm thí nghiệm.		học liệu số 3, 4, 5.	nhà	
	Bài 11. Chuẩn độ kết tủa	2			
Thực hành	11.1. Chuẩn độ ion Cl ⁻ bằng AgNO ₃ theo phương pháp Mohr 11.2. Chuẩn độ ion Cl ⁻ bằng AgNO ₃ theo phương pháp Volhard	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết định lượng và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 12. Chuẩn độ oxi hóa- khử	2			
Thực hành	12.1. Phương pháp pemanganat: Định lượng Fe ²⁺ 12.2. Phương pháp đicromat: Định lượng Fe ²⁺ 12.3. Phương pháp iot: Định lượng Cu ²⁺	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết định lượng và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Bài 13. Phương pháp phân tích khối lượng	2			
Thực hành	13.1. Xác định nước kết tinh trong BaCl ₂ .2H ₂ O 13.2. Định lượng Fe trong phèn sắt (III) amoni	2	Sinh viên làm thí nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải hiện tượng và kết quả thu được.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết định lượng và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.	4	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Tinh Dung (1986 -2007), *Hoá học phân tích – Phần 2, Các phản ứng ion trong dung dịch nước*, Nxb Giáo dục;

[2] Nguyễn Tinh Dung (1981 - 2007), *Hóa học phân tích – Phần 3, Các phương pháp định lượng hóa học*, Nxb Giáo dục;

[3]. Từ Vọng Nghi (2001), *Hoá học phân tích - Phần 1, Cơ sở lý thuyết các phương pháp hoá học phân tích*, NXBĐHQG Hà Nội;

8.2. Tài liệu tham khảo

[4] Nguyễn Tinh Dung (1982), *Bài tập hóa học phân tích*, Nxb Giáo dục;

[5] . Hồ Việt Quý (2008), *Cơ sở hoá học phân tích hiện đại, tập 1*. Các phương pháp phân tích hoá học, NXB ĐHSP.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1			2		4		6
2			2		4		6
3			2		4		6
4			2		4		6
5			2		4		6
6			2		4		6
7			2		4		6
8			2		4		6
9			2		4		6
10			2		4		6
11			2		4		6
12			2		4		6
13			2		4		6
14			2		4		6
15			2		4		6
Tổng			30		60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

+ Phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ và hóa chất.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

+ Dự lớp các buổi thực hành theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao. Chuẩn bị đề cương thí nghiệm.

+ Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.

+ Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.

+ Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo thực hành.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học:

11.1. Đánh giá ý thức tự đọc tài liệu ở nhà, ý thức làm thí nghiệm trên phòng thí nghiệm và chuẩn bị bài thí nghiệm, dự đủ các bài thực hành: 10%.

11.2. Kiểm tra bài trước buổi thí nghiệm: 30%.

11.3. Điểm báo cáo các bài thực hành, phải làm và nộp đầy đủ các bài tường trình thí nghiệm: 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Hóa học công nghệ môi trường

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912 716 160; Email: vutamhieu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Đức Đại
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.925.330; Email: ducdaigt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa hữu cơ;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hóa học công nghệ môi trường
- Mã học phần: TN2.1.316.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
 - + Bài tập ở nhà, bài tập lớn:

- + Thực tế: 15 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
- + Bộ Môn: Hóa học
- + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết cơ bản về: Công nghệ hoá học, sản xuất trong công nghiệp, quy trình sản xuất một số loại hóa chất. Mối quan hệ giữa Hóa học và môi trường, sự ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí do các hoá chất thải ra từ các nhà máy hóa chất, do quá trình đốt nhiên liệu vào môi trường gây nên. Các giải pháp bảo vệ môi trường và phương pháp giáo dục môi trường thông qua môn Hóa học.

Thực tế về quá trình sản xuất trong công nghiệp và đời sống.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm được công nghệ hoá học, sản xuất trong công nghiệp, quy trình sản xuất một số loại hóa chất.
CDR 2	Hiểu được mối quan hệ giữa Hóa học và môi trường, sự ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí do các hoá chất thải ra từ các nhà máy hóa chất, do quá trình đốt nhiên liệu vào môi trường gây nên.
CDR 3	Biết được các giải pháp bảo vệ môi trường và phương pháp giáo dục môi trường thông qua môn Hóa học.
CDR 4	Đi thực tế để hiểu được quá trình sản xuất trong công nghiệp và đời sống.
Về kỹ năng	
CDR 5	Kỹ thuật phục vụ sản xuất, tổ chức sản xuất, gắn giảng dạy với thực tiễn đời sống. Giải quyết một số vấn đề thực tiễn không phức tạp, hoặc giải thích các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên bằng cơ sở hoá học.
CDR 6	Tham gia vào các hoạt động điều tra, thu thập thông tin, đánh giá môi trường, có thể đề xuất một số biện pháp giảm đơn nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc xử lý môi trường.
CDR 7	Quan sát, ghi chép, lắng nghe để thu thập và xử lý thông tin.
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Sử dụng tin học thiết kế các chủ đề về môi trường.
CDR 9	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Người học có cái nhìn linh hoạt hơn trong cách tiếp cận thực tế sản xuất, hăng say học tập, chuyên cần; có thái độ giữ gìn sự trong sạch của môi trường, biết cách sử dụng các hoá chất phục vụ sản xuất nông nghiệp. Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.
CDR 11	Tổ chức được các hoạt động tập thể của học sinh hay cộng đồng làm cho môi trường ngày càng trở nên tốt hơn, có trách nhiệm đối với cộng đồng, có ý thức tự

	giác bảo vệ môi trường, sử dụng nhiên liệu một cách khoa học.
CĐR 12	Chuẩn bị tốt mọi mặt cho mỗi cuộc tham quan cả về nội dung khoa học, vật chất và tinh thần.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

CHƯƠNG	NỘI DUNG HỌC PHẦN KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA													
		Kiến thức		Kỹ năng							Thái độ, năng lực tự chủ				
				Cứng			Mềm				CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12		
CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12				
	PHẦN I HÓA HỌC CÔNG NGHỆ														
Chương 1: Nguyên tắc của nền sản xuất hóa học	1. Tăng tốc độ của các quá trình hoá học	1	1	1	1	1	1	1							
	2. Thực hiện các quá trình liên tục tuần hoàn kín	1	1	1	1	1	1	1							
	3. Liên hợp giữa các xí nghiệp	1	1	1	1	1	1	1							
	4. Cơ khí hoá và tự động hoá các quá trình sản xuất	1	1	1	1	1	1	1							
	5. Tận dụng phế thải, chống ô nhiễm môi trường	1	1	1	1	1	1	1							
	6. Ứng dụng một số biện pháp mới trong kỹ thuật hoá học	1	1	1	1	1	1	1							
Chương 2: Kỹ thuật vô cơ	1. Tinh chế chất rắn, khí (muối ăn, nước...)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	2. Sản xuất một số bazơ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	3. Sản xuất phân bón hoá học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	4. Sản xuất một số vật liệu silicat	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	5. Sản xuất một số kim loại	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
Chương 3: Kỹ thuật hữu cơ	1. Kỹ thuật sản xuất nhiên liệu	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	2. Tổng hợp một số hợp chất hữu cơ cơ bản	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	3. Kỹ thuật sản xuất một số hợp chất polime	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	4. Sự tan của chất khí trong nước	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1		
	PHẦN II HÓA MÔI TRƯỜNG														
Chương 4:	1. Mục đích ý nghĩa		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ				
				Cứng			Mềm		CĐR10	CĐR11	CĐR12		
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7				CĐR8	CĐR9
Đại cương về môi trường	2. Một vài khái niệm cơ bản về môi trường		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Những cơ sở khoa học của khoa học môi trường.		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 5: Ô nhiễm môi trường và biện pháp xử lý	1. Môi trường khí quyển		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Môi trường thủy quyển		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Môi trường thạch quyển		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 6: Giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường	1. Ý nghĩa, vai trò và vị trí của nhà trường trong công tác giáo dục bảo vệ môi trường		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Tình hình giáo dục bảo vệ môi trường trong hệ thống giáo dục quốc dân trên thế giới và Việt Nam		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Phương thức đưa giáo dục môi trường vào môn Hóa học		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4. Phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường qua môn Hóa học		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
THAM QUAN THỰC TẾ CƠ SỞ SẢN XUẤT	PHẦN III THAM QUAN THỰC TẾ CƠ SỞ SẢN XUẤT												
	1. Tham quan các nhà máy hoá chất.		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Tham quan công nghệ xử lý chất thải của các nhà máy.		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Tham quan một số khu bảo tồn Quốc gia, một số khu nghỉ mát, một số khu đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh...theo nội dung môi trường và những trung tâm xử lý ô nhiễm môi trường.		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4. Mỗi lớp chia thành từng nhóm, mỗi nhóm có giáo viên của trường hướng dẫn và cán bộ kỹ thuật nhà máy giới thiệu dây truyền sản xuất.		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	5. Nghe một báo cáo chung về quá trình xây dựng và phát triển nhà máy, công nghệ sản		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																				
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ													
				Cứng			Mềm		CĐ		ĐĐ		CĐ									
		CĐ ĐĐ RĐ 1	CĐ ĐĐ RĐ 2	CĐ ĐĐ RĐ 3	CĐ ĐĐ RĐ 4	CĐ ĐĐ RĐ 5	CĐ ĐĐ RĐ 6	CĐ ĐĐ RĐ 7	CĐ ĐĐ RĐ 8	CĐ ĐĐ RĐ 9	CĐ ĐĐ RĐ 10	CĐ ĐĐ RĐ 11	CĐ ĐĐ RĐ 12									
	xuất và hướng phát triển. Tham quan thực tế tại các phân xưởng.																					
	6. Viết thu hoạch sau khi kết thúc tham quan, nộp cho cán bộ giảng dạy trường Sư phạm để đánh giá.	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7. Họp tổng kết rút kinh nghiệm toàn đợt tham quan thực tế.	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về sản xuất trong công nghiệp, quy trình sản xuất, về hoá học môi trường. Đây là môn học sử dụng các kiến thức cơ bản áp dụng vào thực tiễn sản xuất như công nghệ sản xuất một số loại hóa chất: sản xuất axit sunfuric; tổng hợp amoniac và sản xuất axit nitric; điện phân dung dịch NaCl; sản xuất NaOH, Cl₂, HCl; sản xuất phân bón; công nghệ silicat; sản xuất gang thép; kỹ thuật nhiên liệu; sản xuất hợp chất cao phân tử. Các kiến thức về hóa học môi trường: môi trường khí quyển; thạch quyển; thủy quyển; sự ô nhiễm môi trường; độc chất hoá học; công nghệ môi trường; giáo dục môi trường trong nhà trường.

Tham quan các nhà máy hoá chất. Tùy điều kiện có thể tham quan từ 2 đến 4 nhà máy sản xuất các hoá chất khác nhau. Tham quan công nghệ xử lý chất thải của các nhà máy.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	PHẦN I HÓA HỌC CÔNG NGHỆ	15			
	Chương 1: Nguyên tắc của nền sản xuất hóa học	1			
Lý thuyết	1.1. Tăng tốc độ của các quá trình hoá học 1.2. Thực hiện các quá trình liên tục tuần hoàn kín 1.3. Liên hợp giữa các xí nghiệp 1.4. Cơ khí hoá và tự động hoá các quá trình sản xuất	1	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 5, 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.5. Tận dụng phế thải, chống ô nhiễm môi trường 1.6. Ứng dụng một số biện pháp mới trong kỹ thuật hoá học				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	2	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Kỹ thuật vô cơ	7			
Lý thuyết	2.1. Sản xuất một số axit vô cơ 2.1.1. Sản xuất axit sunfuric 2.1.2. Sản xuất axit nitric 2.1.3. Sản xuất axit clohydric 2.2. Sản xuất một số bazơ 2.2.1. Sản xuất amoniac 2.2.2. Sản xuất natri hydroxit 2.3. Sản xuất phân bón hoá học 2.3.1. Sản xuất phân lân 2.3.2. Sản xuất phân đạm 2.3.3. Sản xuất phân kali 2.3.4. Sản xuất phân hỗn hợp và phân phức hợp 2.4. Sản xuất một số vật liệu silicat 2.4.1. Sản xuất xi măng pooc lăng 2.4.2. Sản xuất thủy tinh 2.4.3. Sản xuất gốm – sứ 2.5. Sản xuất một số kim loại 2.5.1. Khái niệm chung về gang và thép 2.5.2. Luyện gang 2.5.3. Luyện thép	7	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 5, 6.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	14	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Kỹ thuật hữu cơ	7			
Lý thuyết	3.1. Kỹ thuật sản xuất nhiên liệu		Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.1.1. Kỹ thuật sản xuất khí than 3.1.2. Kỹ thuật luyện than cốc 3.1.3. Kỹ thuật chế biến dầu mỏ 3.2. Tổng hợp một số hợp chất hữu cơ cơ bản 3.2. 1. Sản xuất etanol 3.2. 2. Sản xuất fomandehit 3.2. 3. Sản xuất axit axetic 3.2. 4. Sản xuất vinylclorua 3.3. Kỹ thuật sản xuất một số hợp chất polime 3.3.1. Khái niệm chung 3.3.2. Kỹ thuật sản xuất chất dẻo 3.3.3. Kỹ thuật sản xuất cao su 3.3.4. Kỹ thuật sản xuất sợi hóa học 3.3.5. Kỹ thuật sản xuất keo dán	7	liệu số 5, 6.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	14	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	PHẦN II HÓA MÔI TRƯỜNG	15			
	Chương 4: Đại cương về môi trường	2			
Lý thuyết	4.1. Mục đích ý nghĩa 4.2. Một vài khái niệm cơ bản về môi trường 4.1.1. Môi trường và chức năng của môi trường 4.1.2. Tài nguyên 4.1.3. Sự ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường 4.1.4. Bảo vệ môi trường 4.1.5. Hoá học môi trường 4.3. Những cơ sở khoa học của khoa học môi trường. 4.3.1. Sinh thái, hệ sinh thái, cân bằng	2	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 4, 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	sinh thái 4.3.2. Tính đa dạng sinh học 4.3.3. Môi trường và phát triển, phát triển bền vững 4.3.4. Con người và môi trường 4.3.5. Quản lý môi trường				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	4	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5: Ô nhiễm môi trường và biện pháp xử lý	12			
Lý thuyết	5.1. Môi trường khí quyển 5.1.1. Thành phần hoá học và vai trò của khí quyển 5.1.2. Sự ô nhiễm không khí. Phân loại tác nhân gây ô nhiễm 5.1.3. Sự phát sinh và chu chuyển toàn cầu của một số tác nhân chất gây ô nhiễm không khí. 5.1.3.1. Các hợp chất chứa S 5.1.3.2. Oxit cacbon 5.1.3.3. Các hợp chất chứa nito 5.1.3.4. Các hydrocacbon 5.1.3.5. Các loại bụi 5.1.3.6. Mưa axit 5.1.4. Hiệu ứng nhà kính và sự phá hủy tầng ozon 5.1.4.1. Hiệu ứng nhà kính 5.1.4.2. Các khí gây hiệu ứng nhà kính 5.1.4.3. Sự phá hủy lớp ozon ở tầng bình lưu 5.2. Môi trường thủy quyển 5.2.1. Vai trò của nước trong khí quyển. Tài nguyên nước. Chu trình nước toàn cầu. 5.2.2. Thành phần hoá sinh và đặc tính của nước liên quan đến môi trường.	12	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 4, 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>5.2.2.1. Thành phần hoá sinh của nước</p> <p>5.2.2.2. Những đặc điểm của nước có liên quan đến môi trường</p> <p>5.2.3. Khả năng tạo phức chất trong nước.</p> <p>5.2.4. Ô nhiễm môi trường nước.</p> <p>5.2.4.1. Nguồn gốc và thành phần gây ô nhiễm nước</p> <p>5.2.4.2. Hiện tượng nước bị ô nhiễm</p> <p>5.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước và phương pháp xác định</p> <p>5.2.5.1. Phương pháp xác định các chỉ tiêu vật lý của nước</p> <p>5.2.5.2. Phương pháp xác định các chỉ tiêu hoá học của nước</p> <p>5.3. Môi trường thạch quyển</p> <p>5.3.1. Cấu trúc và thành phần hoá học của địa quyển.</p> <p>5.3.1.1. Cấu trúc của địa quyển</p> <p>5.3.1.2. Thành phần hoá học của đất</p> <p>5.3.2. Những chất dinh dưỡng vi lượng, vĩ lượng</p> <p>5.3.4. Ô nhiễm môi trường thạch quyển</p> <p>5.3.4.1. Các nguồn gây ô nhiễm đất</p> <p>5.3.4.2. Các phương pháp xác định ô nhiễm đất</p> <p>5.3.5. Biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất</p> <p>5.3.6. Rừng và cây xanh</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	24	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	Chương 6: Giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường	1			
Lý thuyết	<p>6.1. Ý nghĩa, vai trò và vị trí của nhà trường trong công tác giáo dục bảo vệ môi trường</p> <p>6.2. Tình hình giáo dục bảo vệ môi trường</p>	1	Đọc học liệu số 2; Tham khảo các học liệu số 4, 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>trường trong hệ thống giáo dục quốc dân trên thế giới và Việt Nam</p> <p>6.3. Phương thức đưa giáo dục môi trường vào môn Hóa học</p> <p>6.4. Phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường qua môn Hóa học</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	2	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	PHẦN III THAM QUAN THỰC TẾ CƠ SỞ SẢN XUẤT	15			
Thực tế	<p>1. Tham quan các nhà máy hoá chất. Tùy điều kiện có thể tham quan từ 2 đến 4 nhà máy sản xuất các hoá chất khác nhau. Một số nhà máy sản xuất hóa học như: sản xuất xút, clo, axit clohidric; sản xuất phân lân Lâm Thao; sản xuất phân đạm và axit nitric; sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất gang thép; sản xuất thủy tinh; sản xuất xi măng; sản xuất bánh kẹo, rượu bia, nước giải khát.</p> <p>2. Tham quan công nghệ xử lý chất thải của các nhà máy.</p> <p>3. Tham quan một số khu bảo tồn Quốc gia, một số khu nghỉ mát, một số khu đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh...theo nội dung môi trường và những trung tâm xử lý ô nhiễm môi trường.</p> <p>4. Mỗi lớp chia thành từng nhóm, mỗi nhóm có giáo viên của trường hướng dẫn và cán bộ kỹ thuật nhà máy giới thiệu dây truyền sản xuất.</p> <p>5. Đến mỗi nhà máy, sinh viên được nghe một báo cáo chung về quá trình xây dựng và phát triển nhà máy, công nghệ sản xuất và hướng phát triển. Sau đó mỗi lớp được chia thành từng nhóm theo các cán bộ của nhà máy xuống tham quan thực tế tại các phân xưởng.</p> <p>6. Viết thu hoạch sau khi kết thúc tham</p>	15	Đọc học liệu số về Hóa công nghệ môi trường.	Ngoài lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	quan, nộp cho cán bộ giảng dạy trường Sư phạm để đánh giá. 7. Họp tổng kết rút kinh nghiệm toàn đợt tham quan thực tế.				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi đi thực tế;	30	Chuẩn bị bài trước khi đi thực tế, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Phùng Tiến Đạt, Trần Thị Bích (2005), *Hoá kỹ thuật đại cương*, Nxb ĐHSP.

[2] Phùng Tiến Đạt, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn Nội (2003), *Cơ sở hoá học môi trường*, Nxb ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trần Thị Bích, Phùng Tiến Đạt, Lê viết Phùng, Phạm Văn Thường (2001), *Hoá công nghệ và môi trường*, Nxb Giáo dục.

[4] Khuất Minh Tú, Nguyễn Diệu Vân, Nguyễn Đức Cung...(1980), *Kỹ thuật hoá học đại cương* (giáo trình), Trường Đại học bách khoa Hà Nội.

[5] Phạm Văn Thường, Đặng Đình Bạch (2000), *Cơ sở hoá học môi trường*, Nxb KH-KT, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập, thực tế	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	3				6		9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	3				6		9
8	3				6		9
9	3				6		9
10	2	1			6		9
11			3		6		9
12			3		6		9
13			3		6		9
14			3		6		9
15			3		6		9
Tổng	29	1	15		90		135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
- + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
- + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.

+ Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.

+ Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.

+ Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm báo cáo thu hoạch, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KDCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2 : (5 điểm)	90'	10	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Danh pháp hợp chất hữu cơ

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; Email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Danh pháp hợp chất hữu cơ
 - Mã học phần: TN2.1.320.2
 - Số tín chỉ: 2
 - Loại môn học:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 16 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 14 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm:

- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn:
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ Môn: Hóa học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về danh pháp hợp chất hữu cơ, các quy tắc gọi tên theo danh pháp IUPAC.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR 1	Nắm được những kiến thức cơ bản về danh pháp hợp chất hữu cơ, các quy tắc gọi tên theo danh pháp IUPAC.
CĐR 2	Hiểu được các quy tắc gọi tên theo danh pháp hidrocarbon, các ion và gốc tự do.
CĐR 3	Hiểu được các quy tắc gọi tên theo danh pháp các dẫn xuất của hidrocarbon.
Về kỹ năng	
CĐR 4	Gọi tên hợp chất hữu cơ theo danh pháp IUPAC.
CĐR 5	Vận dụng các quy tắc gọi tên hợp chất hữu cơ và việc gọi tên các hợp chất hữu cơ thông thường trong chương trình Đại học và phổ thông.
Kỹ năng mềm	
CĐR 6	Trang bị cho sinh viên niềm say mê nghiên cứu khoa học, tính trung thực trong khoa học, các phương pháp tiếp cận với kiến thức khoa học.
CĐR 7	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học..

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng		Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Chương 1: Đại cương về danh pháp hữu cơ	1. Mở đầu: 1.1. Quá trình hình thành và phát triển danh pháp hữu cơ trên thế giới. 1.2. Tình hình sử dụng thuật ngữ và danh pháp hữu cơ ở nước ta.	1					1	1	1	1	1
	2. Phân loại: 2.1. Phân loại chung về danh pháp hữu cơ. 2.2. Phân loại danh pháp IUPAC	1					1	1	1	1	1
	3. Các quy định về sử dụng chỉ số vị trí và các loại dấu trong danh pháp IUPAC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	4. Tiền tố, hiđrua nền, nhóm đặc trưng.										
	5. Quy tắc chung gọi tên hiđrocacbon và dẫn xuất theo danh pháp thay thế.	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	6. Danh pháp đồng phân cấu hình.	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	Chương 2: Danh pháp hiđrocacbon, các ion và gốc tự do	1. Hiđrocacbon no mạch hở	1	2	2	2	2	1	1	1	1
2. Hiđrocacbon không no mạch hở	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	
3. Hiđrocacbon no và không no đơn vòng	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	
4. Hiđrocacbon đa vòng dãy spiro và dãy bixiclo	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	
5. Hiđrocacbon thơm.	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	
6. Gốc tự do và ion Hiđrocacbon	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	
Chương 3: Danh pháp các dẫn xuất của hiđrocacbon	1. Dẫn xuất halogen và hợp chất nitro	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	2. Ancol, phenol và ete	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	3. Andehit và xeton	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	4. Axit cacboxylic và các dẫn xuất	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	5. Amin và một số chức chứa hai nguyên tố nitơ	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	6. Aminoaxit và peptit	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1
	7. Saccarit (gluxit)	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về danh pháp hữu cơ; danh pháp hidrocacbon, các ion và gốc tự do; danh pháp các dẫn xuất của hidrocacbon.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Đại cương về danh pháp hữu cơ	10			
Lý thuyết	<p>1. Mở đầu:</p> <p>1.1. Quá trình hình thành và phát triển danh pháp hữu cơ trên thế giới.</p> <p>1.2. Tình hình sử dụng thuật ngữ và danh pháp hữu cơ ở nước ta.</p> <p>2. Phân loại:</p> <p>2.1. Phân loại chung về danh pháp hữu cơ.</p> <p>2.2. Phân loại danh pháp IUPAC</p> <p>3. Các quy định về sử dụng chỉ số vị trí và các loại dấu trong danh pháp IUPAC</p> <p>3.1. Chỉ số vị trí</p> <p>3.2. Dấu phẩy và dấu chấm</p> <p>3.3. Các dấu móc đóng</p> <p>4. Tiền tố, hiđrua nền, nhóm đặc trưng.</p> <p>4.1. Tiền tố về độ bội và tiền tố cấu tạo</p> <p>4.2. Khái niệm về hiđrua nền</p> <p>4.3. Nhóm đặc trưng: phân loại và thứ tự ưu tiên.</p> <p>5. Quy tắc chung gọi tên hidrocacbon và dẫn xuất theo danh pháp thay thế.</p> <p>5.1. Hidrocacbon.</p> <p>5.2. Các dẫn xuất của hidrocacbon</p> <p>6. Danh pháp đồng phân cấu hình.</p> <p>6.1. Đồng phân hình học</p> <p>6.2. Đồng phân quang học</p>	5	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1. Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.	5	Nắm vững lí thuyết để vận	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			dụng giải bài tập		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Danh pháp hidrocacbon, các ion và gốc tự do	8			
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hidrocacbon no mạch hở. <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Ankan không nhánh 1.2. Ankan có nhánh 1.3. Nhóm hay gốc ankyl hoá trị một 1.4. Nhóm hay gốc ankyl đa hoá trị 2. Hidrocacbon không no mạch hở. <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Hidrocacbon không no 2.2. Nhóm hay gốc hidrocacbon không no. 3. Hidrocacbon no và không no đơn vòng. <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Hidrocacbon no đơn vòng và nhóm hay gốc tương ứng 3.2. Hidrocacbon không no đơn vòng và nhóm hay gốc tương ứng. 4. Hidrocacbon đa vòng dãy spiro và dãy bixiclo <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Dãy spiro 4.2. Dãy bixiclo 5. Hidrocacbon thơm. <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Hidrocacbon thơm 5.2. Nhóm hay gốc Hidrocacbon thơm. 6. Gốc tự do và ion Hidrocacbon. <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Gốc cacbo tự do 6.2. Cacbo cation 6.3. Cacbanion 	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.	Lớp học	
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1. Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.	4	Nắm vững lí thuyết để vận	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			dụng giải bài tập		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Danh pháp các dẫn xuất của hidrocarbon	12			
Lý thuyết	<p>1. Dẫn xuất halogen và hợp chất nitro</p> <p>1.1 Các loại danh pháp dẫn xuất halogen của hidrocarbon.</p> <p>1.2. Danh pháp hợp chất nitro</p> <p>2. Ancol, phenol và ete.</p> <p>2.1. Ancol</p> <p>2.2. Phenol</p> <p>2.3. Ete</p> <p>3. Andehit và xeton</p> <p>3.1. Andehit</p> <p>3.2. Xeton</p> <p>3.3. Một số dẫn xuất ở nhóm chứa của andehit và xeton</p> <p>4. Axit cacboxylic và các dẫn xuất.</p> <p>4.1. Axit caboxylic và nhóm (gốc) axyl.</p> <p>4.2. Dẫn xuất ở nhóm chức của axit</p> <p>4.3. Triglixerit.</p> <p>5. Amin và một số chức chứa hai nguyên tố nitơ.</p> <p>5.1. Amin bậc I</p> <p>5.2. Amin bậc II và amin bậc III</p> <p>5.3. Hợp chất azo và hợp chất điazo.</p> <p>6. Aminoaxit và peptit.</p> <p>6.1. α - Aminoaxit và nhóm axyl tương ứng.</p> <p>6.2. Peptit.</p> <p>7. Saccarit (gluxit)</p>	6	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	7.1. Monosaccarit và các dẫn xuất 7.2. Disaccarit				
Bài tập	Làm bài tập trong học liệu số 1. Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.	6	Nắm vững lí thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	24	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Quốc Sơn, Trần Thị Tửu (2000), *Danh pháp hợp chất hữu cơ*, NXBGD Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Duy Ái, Nguyễn Tinh Dung, Trần Thành Huế, Trần Quốc Sơn, Nguyễn Văn Tòng (1999), *Một số vấn đề chọn lọc của Hóa Học*. NXBGD Hà nội.

[3] Đặng Đình Bạch (2002), *Những vấn đề hoá học hữu cơ*, NXBK&KT.

[4] Hoàng Nhâm, Nguyễn Tinh Dung, Trần Quốc Sơn, Phạm Văn Tư (1999), *Tài liệu nâng cao và mở rộng kiến thức Hóa học phổ thông trung học*; NXBGD & Hội Hóa học VN.

[5] Ngô Thị Thuận (1999), *Hoá học hữu cơ, Phần bài tập*. NXBK&KT.

[6] Nguyễn Văn Tòng (chủ biên) và tập thể tác giả (1995), *Bài tập Hoá học hữu cơ*, Trường ĐHS- ĐHQG Hà nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	1		1		4		6
4			2		4		6
5			2		4		6
6	2				4		6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
7	2				4		6
8			2		4		6
9		1	1		4		6
10	2				4		6
11			2		4		6
12	2				4		6
13			2		4		6
14	2				4		6
15			2		4		6
Tổng	15	1	14		60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) <u>Câu 2</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)	60'	07	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Hóa nông học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Đức Đại
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.925.330; Email: ducdaitq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa hữu cơ;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912 716 160; Email: vutamhieu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa vô cơ

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Hóa nông học
- Mã học phần: TN2.1.321.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Hóa vô cơ 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 25 tiết
 - + Bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Xêmina, thảo luận trên lớp: 05 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

+ Bài tập ở nhà, bài tập lớn:

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ Môn: Hóa học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết cơ bản về:

Đất, nước, phân bón và các hoá chất được dùng trong nông nghiệp, bao gồm: thành phần hoá học, sự chuyển hoá và cách bảo quản, sử dụng chúng.

- Về kỹ năng:

Tích hợp những nội dung ứng dụng của hoá học trong nông nghiệp vào bài giảng có tính thực tiễn: biết giải thích các hiện tượng biến hoá các chất hoá học, góp phần vào hình thành thế giới quan duy vật biện chứng.

- Thái độ:

Tích cực trong học tập, tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ. Thường xuyên cập nhật các thông tin Hóa nông học phục vụ cho giảng dạy nội dung hóa học ở THCS. Chuẩn bị tốt mọi mặt cho mỗi cuộc tham quan cả về nội dung khoa học, vật chất và tinh thần cho cuộc tham quan.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm được thành phần hoá học, quá trình dinh dưỡng của cây trồng.
CDR 2	Nắm được thành phần hoá học, tính chất nông hoá của đất.
CDR 3	Hiểu các phương pháp cải tạo các loại đất.
CDR 4	Vai trò và đặc điểm của các loại phân bón. Chế độ bón phân, phương pháp xác định lượng phân cần bón.
Về kỹ năng	
CDR 5	Tích hợp những nội dung ứng dụng của hoá học trong nông nghiệp vào bài giảng có tính thực tiễn.
CDR 6	Giải thích các hiện tượng biến hoá các chất hoá học, góp phần vào hình thành thế giới quan duy vật biện chứng.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn; kỹ năng học tập và làm việc theo nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 8	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Tích cực trong học tập, tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ. Thường xuyên cập nhật các thông tin Hóa nông học phục vụ cho giảng dạy nội dung hóa học ở trường Phổ thông.

CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
CĐR 11	Chuẩn bị tốt mọi mặt cho mỗi cuộc tham quan cả về nội dung khoa học, vật chất và tinh thần cho cuộc tham quan.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
						Cứng		Mềm						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11		
Chương 1: Đối tượng nghiên cứu của nông học	Đối tượng nghiên cứu của nông học	1	1											
Chương 2: Dung dịch	1. Thành phần hoá học của cây trồng		2		1	2	2	2	2	2	2			
	2. Quá trình dinh dưỡng của cây trồng		2		1	2	2	2	2	2	2			
Chương 3: Thành phần và tính chất nông hóa của đất	1. Thành phần hoá học của đất			2	1	2	2	2	2	2	2			
	2. Tính chất nông hoá của đất			2	1	2	2	2	2	2	2			
Chương 4: Phương pháp cải tạo đất	1. Cải tạo đất chua			2	1	2	2	2	2	2	2			
	2. Cải tạo đất kiềm			2	1	2	2	2	2	2	2			
	3. Đất mặn và phương pháp cải tạo đất mặn			2	1	2	2	2	2	2	2			
	4. Đất phèn và phương pháp cải tạo đất phèn			2	1	2	2	2	2	2	2			
Chương 5: Hóa học về phân bón	1. Vai trò và đặc điểm của các loại phân bón				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Phân đạm				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Phân lân				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	5. Phân vi lượng và phân sinh vật				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6. Phân hỗn hợp và phân phức hợp				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7. Phân hữu cơ				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	8. Chế độ bón phân, phương pháp xác định lượng phân cần bón.				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Hoá nông học gồm đất phân bón. Các loại hoá chất được dùng trong nông nghiệp gồm: thành phần hoá học, sự chuyển hoá và cách bảo quản, sử dụng chúng.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	TÍN CHỈ 1	15			
Lý thuyết	Chương 1: Đối tượng nghiên cứu của nông học	1	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2.	Thư viện, ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	1	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Thành phần hóa học và dinh dưỡng của cây trồng	2			
Lý thuyết	2.1. Thành phần hoá học của cây trồng 2.2. Quá trình dinh dưỡng của cây trồng 2.1. Dinh dưỡng của cây xanh trong không khí 2.2. Dinh dưỡng của cây trồng trong đất	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	4	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Thành phần và tính chất nông hóa của đất	7			
Lý thuyết	3.1. Thành phần hoá học của đất 3.1.1. Thành phần khí 3.1.2. Dung dịch đất 3.1.3. Thành phần rắn của đất 3.1.4. Hàm lượng chất dinh dưỡng và khả năng cung cấp chất dinh dưỡng của đất. 3.2. Tính chất nông hoá của đất 3.2.1. Tính chất hấp thụ chất dinh dưỡng của đất 3.2.2. Các dạng hấp thụ của đất 3.2.3. Tính chất chua, kiềm và phản	7	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	ứng của dung dịch đất 3.2.4. Tính chất đệm của đất				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	14	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Phương pháp cải tạo đất	5			
Lý thuyết	4.1. Cải tạo đất chua 4.2. Cải tạo đất kiềm 4.3. Đất mặn và phương pháp cải tạo đất mặn 4.4. Đất phèn và phương pháp cải tạo đất phèn	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Xemina	1. Thành phần hoá học và dinh dưỡng của cây trồng. 2. Thành phần và tính chất nông hóa của đất. 3. Phương pháp cải tạo đất.	2		Phòng học nhóm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	10	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	TÍNH CHỈ 2	15			
	Chương 5: Hóa học về phân bón	10			
Lý thuyết	2.1. Vai trò và đặc điểm của các loại phân bón 2.1.1. Các loại phân bón 2.1.2. Vai trò của phân bón 2.1.3. Đặc điểm của phân bón 2.2. Phân đạm 2.2.1. Vai trò của nitơ đối với cây trồng 2.2.2. Nitơ trong đất và biến đổi hoá học các hợp chất của chúng. 2.2.3. Chu trình biến đổi nitơ trong tự nhiên và vấn đề cân bằng đạm trong	8	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>sản xuất nông nghiệp.</p> <p>2.2.4. Các dạng phân đạm</p> <p>2.3. Phân lân</p> <p>2.3.1. Vai trò của photpho đối với thực vật</p> <p>2.3.2. Khả năng cung cấp photpho của đất</p> <p>2.3.3. Sự hấp thụ photpho của đất</p> <p>2.3.4. Các loại phân lân</p> <p>2.4. Phân kali</p> <p>2.4.1. Kali với cây trồng</p> <p>2.4.2. Kali trong đất</p> <p>2.4.3. Các loại phân kali</p> <p>2.4.4. Cách sử dụng phân kali</p> <p>2.5. Phân vi lượng và phân sinh vật</p> <p>2.6. Phân hỗn hợp và phân phức hợp</p> <p>2.7. Phân hữu cơ</p> <p>2.8. Chế độ bón phân, phương pháp xác định lượng phân cần bón.</p>				
Xemina	<p>1. Vai trò và đặc điểm của các loại phân bón.</p> <p>2. Chế độ bón phân, phương pháp xác định lượng phân cần bón.</p>	2		Phòng học nhóm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	20	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: Thuốc bảo vệ thực vật	5			
Lý thuyết	<p>3.1. Đại cương về hoá học bảo vệ thực vật</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Tác động của chất độc</p> <p>*3.1.3. Quan hệ giữa cấu tạo hoá học và tính độc.</p> <p>3.1.4. Thành phần thương phẩm của thuốc bảo vệ thực vật</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.1.5. Qui tắc sử dụng an toàn và có hiệu quả 3.2. Một số thuốc hoá học bảo vệ thực vật thường sử dụng 3.2.1. Thuốc trừ sâu 3.2.2. Thuốc trừ nấm 3.2.3. Thuốc trừ cỏ đại				
Xemina	1. Thành phần thương phẩm của thuốc bảo vệ thực vật 2. Qui tắc sử dụng an toàn và có hiệu quả	1		Phòng học nhóm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	10	Chuẩn bị bài trước khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đào Văn Bảy, Phùng Tiến Đạt (2007), *Hoá nông học*, Nxb ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Thị Bích, Phùng Tiến Đạt, Lê viết Phùng, Phạm Văn Thường (2001), *Hoá công nghệ và môi trường*, Nxb Giáo dục.

[3] Lê Văn Căn (1968), *Nông hoá học*, NXB Khoa học, Hà Nội;

[4] Lê Viết Phùng (1987), *Hoá nông học*, NXB Giáo dục, Hà Nội;

[5] Vụ đào tạo, Bộ nông nghiệp (1978), *Giáo trình nông hoá*, NXB Nông nghiệp.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập, thực tế	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập, thực tế	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
7				2	4		6
8	1	1			4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	1			1	4		6
13	1			1	4		6
14	2				4		6
15	1			1	4		6
Tổng	24	1		5	60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)	60'	03	

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
	<u>Câu 2</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)			

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
**Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn hóa học theo chuẩn kiến thức
và kỹ năng**

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn hóa học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng
- Mã môn học: TN2.1.323.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Tự chọn:
 - + Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học hóa học 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
 - + Bài tập trên lớp:

- + Xêmina, thảo luận trên lớp: 15 tiết
- + Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng máy, sân bãi:
- + Thực tập, thực tế:
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học
 - + Bộ môn: Hoá học
 - + Khoa: Khoa KHTN - KT&CN

3. Mục tiêu của môn học:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập môn Hoá học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng: kiểm tra miệng, kiểm tra viết theo các hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận. Đánh giá theo năng lực và thiết kế đánh giá theo năng lực. Biết xây dựng bộ công cụ đánh giá.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Biết đánh giá theo năng lực và thiết kế đánh giá theo năng lực.
CDR 2	Hiểu rõ hơn những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Hoá học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng: kiểm tra miệng, kiểm tra viết theo các hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận.
CDR 3	Biết xây dựng, lựa chọn bộ công cụ đánh giá.
Về kỹ năng	
CDR 4	Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu tài liệu, sách về kiểm tra đánh giá, phân tích chuẩn kiến thức kỹ năng, viết mục tiêu.
CDR 5	Kỹ năng thiết kế câu hỏi, thiết kế đề kiểm tra.
CDR 6	Xây dựng bộ công cụ đánh giá.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 8	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 10	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CDR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, vận dụng để đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Hoá học.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
				Cứng			Mềm					
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	Đ5	Đ6	Đ7	Đ8	Đ9	Đ10	Đ11		
Chương 1. Định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập và vấn đề đánh giá năng lực	1. 1. Vì sao phải đổi mới đánh giá	1			1			1	1	1	1	
	2. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá	1			1			1	1	1	1	
	3. Đánh giá năng lực và thiết kế đánh giá theo năng lực	2			2	2	2	1	1	2	1	2
Chương 2. Thiết kế câu hỏi TNKQ	1. Câu hỏi đúng sai: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng.	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	2. Câu hỏi nhiều lựa chọn: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng.	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	3. Câu hỏi cặp đôi: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	4. Câu hỏi điền khuyết: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng	1	2		2	2		1	1	2	1	2
Chương 3. Thiết kế câu hỏi tự luận	1. Câu hỏi lí thuyết: Mức độ biết, hiểu, vận dụng.	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	2. Câu hỏi định lượng (Bài toán): Mức độ biết, hiểu, vận dụng	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	3. Câu hỏi có nội dung thực nghiệm: Mức độ biết hiểu, vận dụng	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	4. Câu hỏi vận dụng thực tiễn: Mức độ biết, hiểu, vận dụng	1	2		2	2		1	1	2	1	2
	5. Bài tập tổng hợp	1	2		2	2		1	1	2	1	2
Chương 4. Thiết kế đề kiểm tra	1. Kiểm tra miệng: Mục tiêu, đề, đáp án	1	2		2	2	2	1	1	2	1	2
	2. Kiểm tra 15 phút: Mục tiêu, đề, đáp án và biểu điểm	1	2		2	2	2	1	1	2	1	2
	3. Kiểm tra 45 phút: Mục tiêu, ma trận đề, đề, đáp án và biểu điểm	1	2		2	2	2	1	1	2	1	2
	4. Kiểm tra học kì và cuối năm: Mục tiêu, ma trận đề, đề, đáp án và biểu điểm	1	2		2	2	2	1	1	2	1	2
Chương 5. Xây dựng bộ công cụ đánh giá	1. Xác định mục tiêu đánh giá	1		2	1	1	2	1	1	1	1	1
	2. Ma trận đề	1		2	1	1	2	1	1	1	1	1
	3. Thiết kế câu hỏi	1		2	1	2	2	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN				CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kỹ năng							Thái độ, năng lực tự chủ			
		Kiến thức			Cứng		Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11
	4. Thử nghiệm ở trường phổ thông							2	2	1	1	2
	5. Thu thập kết quả và phân tích thống kê				2			2	2	1	1	1
	6. Đánh giá và lựa chọn câu hỏi	1	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá theo chuẩn: Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá, thiết kế câu hỏi, quy trình thiết kế đề kiểm tra, xây dựng bộ công cụ đánh giá.

7. Nội dung chi tiết môn học:

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Lý thuyết	Chương 1. Định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập và vấn đề đánh giá năng lực 1. Vì sao phải đổi mới đánh giá. 2. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá. 3. Đánh giá năng lực và thiết kế đánh giá theo năng lực.	1	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5	Lớp học	
	Chương 2. Thiết kế câu hỏi TNKQ 2.1. Câu hỏi đúng sai: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng. 2.2. Câu hỏi nhiều lựa chọn: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng. 2.3. Câu hỏi cặp đôi: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng. 2.4. Câu hỏi điền khuyết: Nội dung định tính, định lượng và thực nghiệm với các mức độ biết, hiểu và vận dụng.	4	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5	Lớp học	

	<p>Chương 3. Thiết kế câu hỏi tự luận</p> <p>3.1. Câu hỏi lí thuyết : Mức độ biết, hiểu, vận dụng.</p> <p>3.2. Câu hỏi định lượng (Bài toán): Mức độ biết, hiểu, vận dụng .</p> <p>3.3. Câu hỏi có nội dung thực nghiệm: Mức độ biết hiểu, vận dụng .</p> <p>3.4. Câu hỏi vận dụng thực tiễn: Mức độ biết, hiểu, vận dụng .</p> <p>3.5. Bài tập tổng hợp.</p>	3	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5	Lớp học	
Xemina	<p>1. Thiết kế các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan.</p> <p>2. Thiết kế các dạng câu hỏi và bài tập tự luận.</p> <p>3. Chuyển các dạng câu hỏi và bài tập tự luận sang các dạng câu hỏi TNKQ và ngược lại.</p>	7		Phòng học nhóm	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Đọc trước các nội dung lí thuyết của chương 1, 2, 3.</p> <p>2. Chuẩn bị các bài tập của chương 1, 2, 3.</p>	30	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, ...	Thư viện, ở nhà	
Tín chỉ 2		15			
	Chương 4. Thiết kế đề kiểm tra	15			
Lý thuyết	<p>4.1. Kiểm tra miệng: Mục tiêu, đề, đáp án.</p> <p>4.2. Kiểm tra 15 phút: Mục tiêu, đề, đáp án và biểu điểm.</p> <p>4.3. Kiểm tra 45 phút: Mục tiêu, ma trận đề, đề, đáp án và biểu điểm.</p> <p>4.4. Kiểm tra học kì và cuối năm: Mục tiêu, ma trận đề, đề, đáp án và biểu điểm.</p>	5	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5	Lớp học	
	<p>Chương 5. Xây dựng bộ công cụ đánh giá</p> <p>5.1. Xác định mục tiêu đánh giá</p> <p>5.2. Ma trận đề</p> <p>5.3. Thiết kế câu hỏi</p> <p>5.4. Thử nghiệm ở trường phổ thông</p> <p>5.5. Thu thập kết quả và phân tích thống kê</p> <p>5.6. Đánh giá và lựa chọn câu hỏi.</p>	2	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5	Lớp học	
Xemina	<p>1. Thiết kế các đề kiểm tra miệng, 15 phút, 45 phút, học kì và cuối năm.</p> <p>2. Xác định mục tiêu đánh giá, lập ma trận đề, thiết kế câu hỏi kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá một số đề kiểm tra cụ thể.</p>	8		Phòng học nhóm	

Tự học, tự nghiên cứu	1. Đọc trước các nội dung lí thuyết của chương 4, 5. 2. Chuẩn bị các bài tập của chương 4, 5.	30	Đọc học liệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, ...	Thư viện, ở nhà	
------------------------------	--	----	---	-----------------	--

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bài giảng của giảng viên.

[2] Cao Thị Thặng (2008), *Kiểm tra đánh giá kết quả học tập Hoá học 9*, NXB GD, Hà Nội;

[3] Bộ Giáo dục và đào tạo - *Hướng dẫn thực hiện chương trình và SGK theo chuẩn kiến thức và kĩ năng*;

[4] Bộ giáo dục và đào tạo, *Bộ sách giáo khoa Hóa lớp 8, 9, và 10, 11, 12* (theo chương trình chuẩn và nâng cao);

8.2. Tài liệu tham khảo

[5] Nguyễn Công Khanh (Chủ biên) (2014), Đào Thị Oanh, Lê Mỹ Dung, *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học sư phạm;

[6] Cao Thị Thặng (Chủ biên) (2007), *Kiểm tra đánh giá kết quả học tập Hoá học 11*, NXB Giáo dục, Hà Nội;

[7] Cao Thị Thặng (2009), *Kiểm tra đánh giá kết quả học tập Hoá học 12*, NXB GD, Hà Nội;

[8] Chương trình Giáo dục phổ thông môn Hoá học (2008)- NXBGD, Hà Nội;

[9] Chương trình chuyên sâu Hoá học 8 THPT;

[10] Chương trình chuyên sâu Hoá học 9 THPT;

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể:

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2			0	3	3	8
2	2			1	3	3	9
3	1			1	3	3	8
4	2			2	3	3	10
5	1			2	3	3	9
6	2			2	3	3	10
7	2			2	3	3	10
8	1			2	3	3	9
9	1			2	3	3	9
10	1			1	3	3	8

Tổng	15			15	30	30	90
-------------	----	--	--	----	----	----	----

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 10, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2 : (5 điểm)	60	03

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Phương tiện dạy học Sinh học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Sinh học; Thực vật học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Khảo thí - ĐBCL.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại : DD : 0972.997.176; Email : ninhdiep.tq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Dạy học nhóm nhỏ; Phương pháp dạy học Sinh học.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương tiện dạy học Sinh học
- Mã học phần: TN2.1.424.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở trường THCS
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
 - + Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 15 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: Khoa KH Tự nhiên – KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản và phạm vi sử dụng của phương tiện dạy học, hiểu rõ những yêu cầu đối với PTDH và những nguyên tắc để sử dụng PTDH hiệu quả trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học. Từ đó, hình thành cho các em thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, bồi dưỡng tình cảm và ý thức nghề nghiệp sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được khái niệm, phân loại, vai trò, phạm vi sử dụng, kỹ thuật sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
CDR 2	Vận dụng được các nguyên tắc sử dụng có hiệu quả phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
CDR 3	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế các phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
CDR 4	Vận dụng quy trình sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Có kỹ năng thiết kế và lựa chọn các phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
CDR 6	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thiết kế các phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
CDR 7	Có kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông.
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu các kỹ thuật dạy học tích cực.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Hình thành thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, say mê nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng		Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Chương 1. Các phương tiện dạy học và phạm vi sử dụng	1. Khái niệm, vai trò phương tiện dạy học	2						1	1	1	
	2. Phân loại phương tiện dạy học	2						1	1	1	
	3. Các phương tiện dạy học và phạm vi sử dụng	2	1	1			1	1	1	1	
	4. Kỹ thuật sử dụng phương tiện dạy học truyền thống trong dạy học Sinh học	2	1	1			1	1	1	1	
	5. Sử dụng sơ đồ hóa trong dạy học Sinh học	2	1	1			1	1	1	1	
Chương 2. Yêu cầu đối với phương tiện dạy học	1. Yêu cầu chung	2	1	1			1	1	1	1	
	2. Yêu cầu riêng với từng loại phương tiện dạy học	2	1	1			1	1	1	1	
	3. Sử dụng phương tiện kỹ thuật để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học Sinh học	2	1	1			1	1	1	1	
Chương 3. Điều kiện đảm bảo sử dụng có hiệu quả phương tiện dạy học	1. Môi trường sư phạm							1	1	1	
	2. Nguyên tắc sử dụng có hiệu quả phương tiện dạy học	2	1	1			1	1	1	1	
Chương 4. Sử dụng phương tiện kỹ thuật thiết kế mô hình động, giáo án điện tử đa phương tiện trong dạy học Sinh học	1. Khái niệm		2					1	1	1	
	2. Kỹ thuật thiết kế		2	1	2	2		1	1	1	
	3. Thiết kế: 01 mô hình động; 01 giáo án điện tử đa phương tiện dạy học Sinh học.				2	2	2	2	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này nhằm rèn luyện và phát triển các kỹ năng thiết kế phương tiện dạy học truyền thống như: Phiếu học tập, câu hỏi, bài tập, sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh và đưa ra các ý tưởng sử dụng. Đồng thời rèn luyện và phát triển các phương tiện dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông để đem lại hiệu quả cao cho bài giảng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1		15			
	Chương 1: Các phương tiện dạy học và phạm vi sử dụng	8			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm, vai trò phương tiện dạy học 1.2. Phân loại phương tiện dạy học 1.3. Các phương tiện dạy học và phạm vi sử dụng	4	Đọc học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	1.4. Kỹ thuật sử dụng phương tiện dạy học truyền thống trong dạy học Sinh học 1.5. Sử dụng sơ đồ hóa trong dạy học Sinh học	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	16	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2: Yêu cầu đối với phương tiện dạy học		7			
Lý thuyết	2.1. Yêu cầu chung 2.2. Yêu cầu riêng với từng loại phương tiện dạy học	6	Đọc học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	2.3. Sử dụng phương tiện kỹ thuật để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học Sinh học	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2		15			
	Chương 2: Yêu cầu đối với phương tiện dạy học	3			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Kiểm tra giữa kỳ	1			
Bài tập, xêmina, thảo luận	2.3. Sử dụng phương tiện kĩ thuật để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học Sinh học	2	Biết cách sử dụng PTKT dạy học trong DSH	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	6	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Điều kiện đảm bảo sử dụng có hiệu quả phương tiện dạy học	3			
Lý thuyết	3.1. Môi trường sư phạm 3.2. Nguyên tắc sử dụng có hiệu quả phương tiện dạy học	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	6	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Sử dụng phương tiện kĩ thuật thiết kế mô hình động, giáo án điện tử đa phương tiện trong dạy học Sinh học	7			
Lý thuyết	4.1. Khái niệm 4.2. Kỹ thuật thiết kế	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu khác.	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	4.3. Thiết kế: 01 mô hình động; 01 giáo án điện tử đa phương tiện dạy học Sinh học.	5	Tự thiết kế 1 mô hình động giảng dạy - Thiết kế và giảng 01 giáo án ĐTĐPT dạy học SH	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Kiểm tra thực hành	2		Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập, thực hành.	4	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Hồng (2010), *Phương tiện dạy học sinh học*, Nxb Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Hồng (2012), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

[3] Trần Bá Hoàn (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3			2		2	2	6
4			2		2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	2				2	2	6
8		1	1		2	2	6
9			2		2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	1		1		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15		2			2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
Tổng	15	3	12		30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số: (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1, 2: (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 3, 4: (6 điểm)	60'	3

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Tập tính học động vật

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Khoa Khoa học Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0915.212.985; Email: quanthidungk19@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Giải phẫu sinh lí người; động vật học; sinh thái học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Khoa Khoa học Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học; ;Thực vật học.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Tập tính học động vật
- Mã môn học: TN2.1.425.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Động vật học có xương sống
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 28 tiết
 - + Thảo luận: 1 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu được tập tính là gì, vai trò, nguyên nhân và cơ chế tập tính của động vật thích ứng với những điều kiện môi trường thay đổi theo chu kỳ; những ứng dụng của việc nắm vững những tập tính của động vật trong cuộc sống hàng ngày. Đồng thời, rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, tổng hợp và liên hệ những kiến thức đã học với thực tiễn. Qua việc tìm hiểu các tập tính của động vật, sinh viên sẽ hiểu về đời sống của động vật và có ý thức bảo vệ các loài động vật có ích.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được những khái niệm cơ bản về tập tính, về lịch sử phát triển và đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tập tính học
CDR 2	Hiểu được đặc điểm cấu tạo của các cơ quan giúp cho động vật tiếp xúc với thế giới xung quanh và tiếp nhận các kích thích.
CDR 3	Phân tích được đặc điểm của một số loại tập tính cơ bản ở động vật
CDR 4	Phân tích được cơ chế và sự phát triển của tập tính động vật.
CDR 5	Phân tích được sự tiến hóa của tập tính động vật.
CDR 6	Phân tích được những ứng dụng của việc hiểu biết về tập tính học trong thực tiễn
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Rèn được kỹ năng quan sát, mô tả đặc điểm của một số loại tập tính ở động vật .
CDR 8	Phân tích được các cơ chế, quá trình hoạt động của các loại tập tính.
CDR 9	Vận dụng các kiến thức về tập tính động vật để giải thích một số hiện tượng có liên quan trong cuộc sống.
Kỹ năng mềm	
CDR 10	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
												Cứng	Mềm	
		CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17	CĐ R 18	CĐ R 19	CĐ R 20	CĐ R 21	CĐ R 22
Chương 1: Tiếp cận với tập tính động vật	1.1. Khái niệm cơ bản về tập tính	2						1	1			1	1	1
	1.2. Vài nét về lịch sử phát triển tập tính học	2						1	1			1	1	1
	1.3. Sơ lược phát triển và triển vọng của tập tính học ở Việt Nam	2						1	1			1	1	1
	1.4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	2						1	1			1	1	1
Chương 2. Tiếp xúc với ngoại cảnh	2.1. Sự tiếp xúc của động vật với môi trường xung quang		2					1	1	1		1	1	1
	2.2. Cơ quan xúc giác		2					2	2	1		1	1	1
	2.3. Cơ quan đường bên		2					2	2	1		1	1	1
	2.4. Cơ quan thụ cảm hóa học: vị giác, khứu giác		2					2	2	1		1	1	1
	2.5. Cơ quan thụ cảm âm thanh – thính giác		2					2	2	1		1	1	1
	2.6. Cơ quan thụ cảm ánh sáng – thị giác		2					2	2	1		1	1	1
Chương 3: Các loại tập tính thích nghi của động vật	3.1. Tập tính định hướng và vận động của động vật			2				2	1	1		2	1	1
	3.2. Tập tính kiếm ăn và lựa chọn nơi sống			2				2	1	1		2	1	1
	3.3. Tập tính hôn phối			2				2	1	1		2	1	1
	3.4. Tập tính xã hội			2				2	2	1		2	1	1
Chương 4: Cơ chế và sự phát triển của tập tính	4.1. Tiến hóa cấu tạo của hệ thần kinh				2			1	1	1		2	1	1
	4.2. Tập tính bẩm sinh và học tập ở động vật non				2			2	2	1		2	1	1
	4.3. Sự thay đổi tập tính				2			1	2	1		2	1	1
	4.4. Các cá thể trưởng thành cũng luôn phải học tập và tiếp thu những kinh nghiệm sống mới				2			1	2	1		2	1	1
	4.5. Nguyên nhân phát triển tập tính				2			1	1			2	1	1
	4.6. Sự phát triển tập tính ở người				2			2	2	1		2	1	1
	4.7. Cơ chế của tập tính động vật				2			1	2			2	1	
Chương 5: SỰ TIẾN HÓA CỦA TẬP TÍNH	5.1. Khái niệm chung					2		1	1			2	1	1
	5.2. Biến dị và chọn lọc tác động tới tập tính					2		1	2			2	1	1
	5.3. Tập tính và gen					2		1	1			2	1	1
	5.4. Tập tính và chọn lọc nhân tạo					2		1	1	2		2	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN						CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức									Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
											Cứng	Mềm	
		CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CĐ Đ R 6	CĐ Đ R 7	CĐ Đ R 8	CĐ Đ R 9	CĐ Đ R 10	CĐ Đ R 11	CĐ Đ R 12
	5.5. Tập tính và môi trường					2	1	1	1	2	1	1	
	5.6. Giá trị sinh tồn của tập tính					2	1	1	1	2	1		
	5.7. Sự phát tán của động vật cũng có giá trị thích nghi					2	2	1	1	2	1		
	5.8. Tập tính tích trữ thức ăn cũng là một kiểu tự vệ					2	2	2	1	2	1		
	5.9. Sống thành xã hội là một hình thức tự vệ của động vật					2	2	2	1	2	1		
	5.10. Những sai sót của tập tính thích nghi					2	1	1		2	1		
	5.11. Sự tiến hóa tập tính của người					2	1	1			1		
Chương 6: Ứng dụng tập tính động vật	6.1. Cơ sở khoa học của việc ứng dụng tập tính động vật					2	2	2	2	2	1	1	
	6.2. Ứng dụng tập tính học trong đời sống, sản xuất và bảo tồn động vật					2	2	2	2	2	1	1	

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu các khái niệm cơ bản về tập tính, các giác quan và vai trò của hệ thần kinh trong tiếp xúc của động vật với ngoại cảnh. Trên cơ sở đó giới thiệu một số loại tập tính thích nghi của động vật (tập tính định hướng và vận động, tập tính kiếm ăn và lựa chọn nơi sống, tập tính hôn phối, tập tính xã hội). Cơ chế và sự phát triển của tập tính. Sự tiến hóa của tập tính học động vật và các ứng dụng nghiên cứu của tập tính học động vật vào trong sản xuất và đời sống.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1: Tiếp cận với tập tính động vật	2			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm cơ bản về tập tính 1.2. Vài nét về lịch sử phát triển tập tính học 1.3. Sơ lược phát triển và triển vọng của tập tính học ở Việt Nam 1.4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	2	Học học liệu số [1], [2] và tham khảo các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tập tính động vật.	4	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Sự tiếp xúc ngoại cảnh	4			
Lý thuyết	2.1. Sự tiếp xúc của động vật với môi trường xung quang 2.2. Cơ quan xúc giác 2.3. Cơ quan đường bên 2.4. Cơ quan thụ cảm hóa học: vị giác, khứu giác 2.5. Cơ quan thụ cảm âm thanh – thính giác 2.6. Cơ quan thụ cảm ánh sáng – thị giác	4	Học học liệu số [1], [2] và tham khảo các học liệu khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tập tính động vật.	8	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	Chương 3: Các loại tập tính thích nghi của động vật	8			
Lý thuyết	3.1. Tập tính định hướng và vận động của động vật 3.2. Tập tính kiếm ăn và lựa chọn nơi sống 3.3. Tập tính hôn phối 3.4. Tập tính xã hội	8	Học học liệu số [1], [2] và tham khảo các học liệu khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tập tính động vật.	16	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
Kiểm tra		1			
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 4: Cơ chế và sự phát triển của tập tính	9			
Lý thuyết	4.1. Tiến hóa cấu tạo của hệ thần kinh 4.2. Tập tính bẩm sinh và học tập ở động vật non 4.3. Sự thay đổi tập tính 4.4. Các cá thể trưởng thành cũng luôn	8	Học học liệu số [1], [2] và tham khảo các học liệu khác.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	phải học tập và tiếp thu những kinh nghiệm sống mới 4.5. Nguyên nhân phát triển tập tính 4.6. Sự phát triển tập tính ở người 4.7. Cơ chế của tập tính động vật				
Thảo luận	- Lựa chọn thành phần thức ăn có phải là tập tính không? - Ăn thịt bạn tình sau giao phối ở côn trùng có phải là tập tính trong hôn phối không?	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tập tính động vật.	18	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	Chương 5: SỰ TIẾN HÓA CỦA TẬP TÍNH	4			
Lý thuyết	5.1. Khái niệm chung 5.2. Biến dị và chọn lọc tác động tới tập tính 5.3. Tập tính và gen 5.4. Tập tính và chọn lọc nhân tạo 5.5. Tập tính và môi trường 5.6. Giá trị sinh tồn của tập tính 5.7. Sự phát tán của động vật cũng có giá trị thích nghi 5.8. Tập tính tích trữ thức ăn cũng là một kiểu tự vệ 5.9. Sống thành xã hội là một hình thức tự vệ của động vật 5.10. Những sai sót của tập tính thích nghi 5.11. Sự tiến hóa tập tính của người	4	Học học liệu số [1], [2] và tham khảo các học liệu khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tập tính động vật.	8	Nắm vững lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	Chương 6: Ứng dụng tập tính động vật	2			
Lý thuyết	6.1. Cơ sở khoa học của việc ứng dụng tập tính động vật 6.2. Ứng dụng tập tính học trong đời sống,	6	Học học liệu số [1], [2] và tham khảo các học liệu		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	sản xuất và bảo tồn động vật		khác.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về tập tính động vật.	4	Nắm vững lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Vũ Khôi, Lê Nguyên Ngật (2012), Giáo trình tập tính học động vật, Nxb Giáo dục

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Vũ Quang Mạnh (2000), *Tập tính học động vật*, Nxb Giáo dục.

[3]. Phan Cự Nhân (1998), *Cơ sở di truyền tập tính*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	1	1			4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14	1			1	4		6
15	2				4		6
Tổng cộng	28	1	0	1	60	0	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 1, 2: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 3, 4: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: chương 5, 6: (4 điểm)	60'	10	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Sinh lí sinh trưởng và phát triển thực vật

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Ma A Sim
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Phòng Thanh tra- Pháp chế
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Thanh tra- Pháp chế
- Điện thoại, email: 0915 212 985; maasimxh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Kiều Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên- Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính Phòng Thanh tra- Pháp chế
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Thanh tra- Pháp chế
- Điện thoại, email: 0917317467; nguyenzieulinh84tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ sinh học.

2. Thông tin môn học

- Tên học phần: Sinh lí sinh trưởng và phát triển thực vật
- Mã học phần: TN2.1.425.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc: có
 - + Điều kiện tiên quyết: tế bào, sinh lí thực vật.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 giờ
 - + Thảo luận trên lớp: 4 giờ
 - + Kiểm tra: 2 giờ
 - + Bài tập trên lớp: Không
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Sinh học.

+ Khoa: KH Tự nhiên – KT & CN.

3. Mục tiêu học phần

Sinh viên nắm được các nội dung cơ bản của qui luật sinh trưởng và phát triển của thực vật bậc cao và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật. Hướng vận dụng sinh trưởng và phát triển vào sản xuất như điều kiện sự sinh trưởng, phát triển. Nuôi cấy mô...từ đó sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào giảng thích các vấn đề thực tế giảng dạy, học tập và sản xuất.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Tìm hiểu các khái niệm chung về sinh trưởng và phát triển và mối quan hệ của sinh trưởng và phát triển. Các yếu tố điều tiết quá trình sinh trưởng và phát triển ở thực vật: photohocmon, photocrom, Nhịp ngày đêm, Nguyên tắc sử dụng chất điều hòa sinh trưởng và những ứng dụng trong trồng trọt,
CDR 2	Chu trình sống của tế bào thực vật: các pha sinh trưởng, quá trình nuôi cấy mô tế bào và những lợi ích của quá trình nuôi cấy mô tế bào thực vật.
CDR 3	Chu trình sống và các trạng thái phát triển của cơ thể thực vật: tìm hiểu về: sự xen kẽ thế hệ; trạng thái sống tiềm ẩn, trạng thái hoạt động, sự phát triển và giai đoạn già- chết ở thực vật
CDR 4	Các hình thức sinh sản của thực vật.
CDR 5	Tìm hiểu quá trình vận động ở thực vật.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Rèn luyện được kỹ năng quan sát, phân tích để đưa ra được nội dung kiến thức.
CDR 7	Làm quen dần với phương pháp nghiên cứu khoa học qua các bài nghiên cứu nhỏ và tiến hành thí nghiệm cơ bản.
CDR 8	Vận dụng kiến thức đã học để có các biện pháp ứng dụng trong thực tiễn và sản xuất.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Bồi dưỡng khả năng tự học, yêu thích bộ môn, nghiên cứu tài liệu.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Vận dụng kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng thực tế, làm chủ thiên nhiên và bảo vệ môi trường sống.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức									Thái độ, năng lực tự chủ
							Kỹ năng		C		
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7		CĐR8	CĐR9
Chương 1. Khái niệm chung về sinh trưởng và phát triển	1. Khái niệm sinh trưởng	2	1	1				1	1	1	1
	2. Khái niệm phát triển	2	1	1				1	1	1	1
	3. Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển	2	1	1				1	1	1	1
Chương 2. Các yếu tố điều tiết quá trình sinh trưởng và phát triển ở thực vật	1. Khái niệm chung	2	1					1	1	1	1
	2. Hệ điều tiết phytohormon	2	1				1	1	1	1	1
	3. Hệ điều tiết phototropin	2	1				1	1	1	1	1
	4. Nhịp ngày đêm (đồng hồ sinh học)	2	1				1	1	1	1	1
	5. Nguyên tắc sử dụng chất điều hòa sinh trưởng và những ứng dụng trong trồng trọt	2	1				1	1	2	1	1
	6. Sự tương quan sinh trưởng, sự tái sinh và tính phân cực ở thực vật	2	1				1	1		1	1
Chương 3. Chu trình sống của tế bào thực vật	1. Các pha sinh trưởng tế bào thực vật	1	2	1		1		1		1	1
	2. Nuôi cấy tế bào, mô và cơ quan thực vật	1	2	1		2	1	1		1	1
Chương 4. Chu trình sống và các trạng thái phát triển của cơ thể thực vật	1. Sự xen kẽ thế hệ trong chu trình sống của thực vật	1	1	2			1	1		1	1
	2. Trạng thái sống tiềm ẩn ở thực vật	1	1	2			1	1		1	1
	3. Trạng thái hoạt động của cơ thể thực vật	1	1	2			1	1		1	1
	4. Sự phát triển của các cơ quan dinh dưỡng	1	1	2			1	1		1	1
	5. Giai đoạn già và chết của cơ thể thực vật	1	1	2	1		1	1		1	1
Chương 5. Sinh sản của thực vật	1. Khái niệm chung về sinh sản ở thực vật	1	1	1	2		1	1		1	1
	2. Sinh sản vô tính và vấn đề nhân nhanh giống thực vật	1	1	1	2		1	1		1	1

	3. Sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa và ứng dụng trong cải tạo giống	1	1	1	2		1	1	2	1	1
	4. Điều tiết ra hoa ở thực vật	1	1	1	2		1	1		1	1
Chương 6. Vận động ở thực vật	1. Sự vận động hướng (tính hướng động)	1	1	1		2	1	1		1	1
	2. Sự vận động nhanh của lá những thực vật nhạy cảm	1	1	1		2	1	1		1	1
	3. Vận động nhịp sinh học	1	1	1		2	1	1		1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh lí sinh trưởng và phát triển gồm 6 chương cung cấp các kiến thức về sinh lí quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật ở cấp độ tế bào, mô và toàn bộ cơ thể, quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. Phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài đến quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật. Đồng thời cung cấp cơ sở cũng như các hướng điều khiển sinh trưởng và phát triển vào sản xuất.

7. Nội dung chi tiết

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Chương 1. Khái niệm chung về sinh trưởng và phát triển		3			
Lý thuyết	1. Khái niệm sinh trưởng 2. Khái niệm phát triển 3. Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển	3	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về khái niệm sinh trưởng và phát triển.	6	Tự đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2. Các yếu tố điều tiết quá trình sinh trưởng và phát triển ở thực vật		7			
Lý thuyết	2.1. Khái niệm chung 2.2. Hệ điều tiết phytohormon 2.3. Hệ điều tiết phototropin 2.4. Nhịp ngày đêm (đồng hồ sinh học) 2.5. Nguyên tắc sử dụng chất điều hòa sinh trưởng và những ứng dụng trong trồng trọt 2.6. Sự tương quan sinh trưởng, sự	5	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tái sinh và tính phân cực ở thực vật				
Thảo luận	1. Thảo luận về nơi sinh tổng hợp của các phytohormon trong cây, hướng ứng dụng cụ thể các phytohormon trong sản xuất. 2. Thực sự cây ngày dài hay là cây đêm ngắn?	2	Đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học, hoạt động nhóm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các yếu tố điều tiết quá trình sinh trưởng và phát triển ở thực vật.	14	Tự đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Chu trình sống của tế bào thực vật	5			
Lý thuyết	1. Các pha sinh trưởng tế bào thực vật 1.1. Pha phân chia tế bào 1.2. Pha sinh trưởng kéo dài 1.3. Pha phân hóa 2. Nuôi cấy tế bào, mô và cơ quan thực vật 2.1. Cơ sở sinh lý của công nghệ nuôi cấy tế bào thực vật 2.2. Nuôi cấy tế bào, mô, cơ quan thực vật 2.3. Lợi ích của công nghệ nuôi cấy mô, cơ quan và tế bào thực vật	5	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về chu trình sống của tế bào thực vật.	10	Tự đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương 4. Chu trình sống và các trạng thái phát triển của cơ thể thực vật	4			
Lý thuyết	1. Sự xen kẽ thế hệ trong chu trình sống của thực vật 2. Trạng thái sống tiềm ẩn ở thực vật 3. Trạng thái hoạt động của cơ thể thực vật 4. Sự phát triển của các cơ quan dinh	4	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>dưỡng</p> <p>5. Giai đoạn già và chết của cơ thể thực vật</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về chu trình sống và các trạng thái phát triển của cơ thể thực vật.	8	Tự đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Sinh sản của thực vật	6			
Lý thuyết	<p>1. Khái niệm chung về sinh sản ở thực vật</p> <p>2. Sinh sản vô tính và vấn đề nhân nhanh giống thực vật</p> <p>3. Sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa và ứng dụng trong cải tạo giống</p> <p>4. Điều tiết ra hoa ở thực vật</p>	4	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Thảo luận	<p>1. Thảo luận về các môi trường nuôi cấy mô và tế bào.</p> <p>2. Các khó khăn khi thực hiện nuôi cấy mô để nhân giống thực vật.</p> <p>3. Phân tích các cơ chế điều tiết ra hoa ở thực vật</p>	2	Đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lên lớp, hoạt động nhóm	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về sinh sản của thực vật.	12	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6. Vận động ở thực vật	5			
Lý thuyết	<p>1. Sự vận động hướng (tính hướng động)</p> <p>2. Sự vận động nhanh của lá những thực vật nhạy cảm</p> <p>3. Vận động nhịp sinh học</p>	5	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về sự vận động ở thực vật.	10	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Như Khanh (1996), *Sinh lí học sinh trưởng và phát triển thực vật*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Như Khanh (2002), *Sinh học phát triển thực vật*, NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Như Khanh, Cao Phi Bằng (2008), *Sinh lí học thực vật*, NXB GD

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)			Thực hành bài tập	SV tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	LT cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Ximina, thảo luận		Chuẩn bị tự học	BT ở nhà, BT lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	1		1		4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	1		1		4		6
7	2				4		6
8	1	1			4		6
9	2				4		6
10	1		1		4		6
11	1		1		4		6
12	2				4		8
13	2				4		6
14	2				4		6
15	1	1			4		6
Tổng	24	2	4		60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra- đánh giá môn học

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kỳ (2 tiết, vào tuần 8 và 15, do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết môn học (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm): 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trừ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
---------------	-----------------	-------------------	---------------	----------------------------------

Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 1, 2: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, 2: chương 3, 4: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: chương 5, 6: (4 điểm)	60'	07	
---------	---	-----	----	--

Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 2/10; Mục 9.3 chiếm 7/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Mai Chinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 01695076189 - Email: maichinh1989@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hành chính học, Luật học, Chính sách công

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hoàng Thị Tuyết Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0987846958 - Email: maihoang.106@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý công, Hành chính học, Luật học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo
- Mã học phần: LL2.1.005.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc.
 - + Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp :14 tiết
 - + Thảo luận, bài tập :15 giờ
 - + Kiểm tra trên lớp :01 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu : 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị

3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; đường lối quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; thực tiễn giáo dục địa phương.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Tóm tắt một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức
CDR 2	Phân tích được các đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về GD&ĐT
CDR 3	Hiểu được điều lệ, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT đối với giáo dục mầm non và phổ thông
CDR 4	Hiểu được thực tiễn giáo dục địa phương
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Vận dụng kiến thức để áp dụng vào hoạt động nghề nghiệp sau này
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Có ý thức tôn trọng, tuân thủ các quy định của ngành giáo dục

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	Cứng	Mềm	CDR7	CDR8
						CDR5	CDR6		
Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức	Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	1	1	1	2	2	2	2
	Quản lý hành chính nhà nước	2	1	1	1	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	Cứng	Mềm	CDR7	CDR8
						CDR5	CDR6		
	Công vụ, công chức, viên chức	2	1	1	1	2	2	2	2
	Tiêu chuẩn chức danh đối với một số ngạch viên chức cụ thể	2	2	2	1	2	2	2	2
Chương 2. Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo	Thực trạng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay	2	2	2	2	2	2	2	2
	Cá Quan điểm chỉ đạo về sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo c phương pháp quản lý	2	2	2	2	2	2	2	2
	Mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Luật Giáo dục	Sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2
	Nội dung cơ bản thể hiện trong Luật Giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4 Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo	Các điều lệ	2	2	2	2	1	2	2	2
	Các quy chế quy định về hoạt động giảng dạy ở các bậc học	2	2	2	2	2	2	2	2
	Các quy chế quy định về thanh tra, kiểm tra các bậc học	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm		
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
dục phổ thông	Các quy chế công nhận các trường đạt chuẩn quốc gia	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5. Thực tiễn giáo dục địa phương	Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn giáo dục và đào tạo tại địa phương	2	2	2	2	2	2	2	2
	Quan điểm chỉ đạo về giáo dục và đào tạo của địa phương	2	2	2	2	1	2	2	2
	Quyết định quản lý	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục & đào tạo; Luật Giáo dục; điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; thực tiễn giáo dục địa phương.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức	9			
Lý thuyết	I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1. Lí luận chung về nhà nước 1.1 Nguồn gốc của nhà nước	8	* Đọc Đề cương môn học - Đọc học liệu số [1] - Tham khảo học	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.2 Bản chất của nhà nước</p> <p>1.3 Đặc trưng của nhà nước</p> <p>1.4 Chức năng của nhà nước</p> <p>2. Nhà nước CHXHCN Việt Nam</p> <p>2.1 Bản chất của nhà nước Việt Nam</p> <p>2.2 Nhà nước trong hệ thống chính trị</p> <p>2.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam</p> <p>II. Quản lý hành chính nhà nước</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Nội dung quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước</p> <p>III. Công vụ, công chức, viên chức</p> <p>1. Công vụ</p> <p>2. Cán bộ, công chức</p> <p>2.1. Khái niệm cán bộ, công chức</p> <p>2.2 Nghĩa vụ và quyền của cán bộ, công chức</p> <p>2.3 Những việc cán bộ, công chức không được làm</p> <p>3. Viên chức</p> <p>3.1. Khái niệm viên chức</p> <p>3.2 Quyền, nghĩa vụ của viên chức</p> <p>IV. Tiêu chuẩn chức danh đối với một số ngạch viên chức cụ thể</p> <p>1. Giáo viên mầm non</p> <p>2. Giáo viên tiểu học</p> <p>3. Giáo viên THCS</p> <p>4. Giáo viên THPT</p> <p>5. Giảng viên</p>		liệu số [2], [3], [4]		
Thảo luận.	Giáo viên chọn chủ đề	1		Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	18	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương II. Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo	6			
Lý thuyết	<p>I. Thực trạng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay</p> <p>II. Quan điểm chỉ đạo về sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. 2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. 3. Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. 4. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. 5. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hoá, hiện đại hoá giáo dục và đào tạo. 6. Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo. 7. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo. <p>III. Mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu số [1] - Tham khảo học liệu số [2], [3], [4] 	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1. Mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo 1.1 Mục tiêu tổng quát 1.2. Mục tiêu cụ thể 2. Giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo				
Thảo luận.	Giáo viên chọn chủ đề	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Tín chỉ 2	15			
	Chương III. Luật Giáo dục	6			
Lý thuyết	I. Sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục II. Nội dung cơ bản thể hiện trong Luật Giáo dục 1. Những quy định chung 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác 4. Nhà giáo 5. Người học 6. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo	5	- Đọc học liệu số [4] - Tham khảo học liệu số [1], [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận	Giáo viên chọn chủ đề	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương IV. Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông	6			
Lý thuyết	I. Các điều lệ 1. Điều lệ trường mầm non 2. Điều lệ trường tiểu học	6	- Đọc học liệu số [4] - Tham khảo học liệu số [1], [2], [3]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3. Điều lệ trường phổ thông</p> <p>II. Các quy chế quy định về hoạt động giảng dạy ở các bậc học</p> <p>1. Bậc mầm non</p> <p>2. Bậc tiểu học</p> <p>3. Bậc trung học</p> <p>III. Các quy chế quy định về thanh tra, kiểm tra các bậc học</p> <p>1. Bậc mầm non</p> <p>2. Bậc tiểu học</p> <p>3. Bậc trung học</p> <p>IV. Các quy chế công nhận các trường đạt chuẩn quốc gia</p> <p>1. Bậc mầm non</p> <p>2. Bậc tiểu học</p> <p>3. Bậc trung học</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	Chương V. Thực tiễn giáo dục địa phương	3			
Lý thuyết	<p>I. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn giáo dục và đào tạo tại địa phương</p> <p>1. Thành tựu</p> <p>2. Hạn chế</p> <p>II. Quan điểm chỉ đạo về giáo dục và đào tạo của địa phương</p>	1	<p>- Đọc học liệu số [4]</p> <p>- Tham khảo học liệu số [1], [2], [3]</p>	Lớp học	
Thảo luận.	Giáo viên chọn chủ đề	2		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện Hành chính (2010), *Giáo trình Quản lý nhà nước về văn hóa – xã hội, giáo dục, y tế, an ninh – quốc phòng*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

[3] Nguyễn Hữu Hải (2012), *Giáo trình Hành chính nhà nước*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Các văn bản pháp luật hiện hành.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, Bài tập lớn	
1	2		0		4		6
2	1		1		4		6
3	2		0		4		6
4	1		1		4		6
5	1		1		4		6
6	1		1		4		6
7	0		2		4		6
8	0	1	1		4		6
9	2		0		4		6
10	0		2		4		6
11	1		1		4		6
12	2		0		4		6
13	0		2		4		6
14	1		1		4		6
15	0		2		4		6
Tổng	14	1	15		60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2 (5 điểm)	60 phút	(Theo yêu cầu của Phòng Khảo thí)

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Khảo thí - ĐBCL.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại : DD : 0972.997.176; Email : ninhdiiep.tq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Dạy học nhóm nhỏ; Phương pháp dạy học Sinh học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Sinh học; Thực vật học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm
- Mã học phần: TN2.1.427.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở trường THCS
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 0 tiết
 - + Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 30 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học
 - + Khoa: Khoa KH Tự nhiên _ KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được những nội dung liên quan đến các kỹ năng dạy học cơ bản theo hướng truyền thống và hiện đại. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng soạn giáo án và dạy học bằng giáo án truyền thống và hiện đại. Từ đó, hình thành cho các em thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, bồi dưỡng tình cảm và ý thức nghề nghiệp sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Vận dụng kiến thức về Đại cương Phương pháp dạy học Sinh học.
CDR 2	Hiểu rõ kiến thức Sinh học cơ bản trong chương trình Sinh học trong chương trình phổ thông.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Có kỹ năng soạn giáo án trong chương trình Sinh học phổ thông.
CDR 4	Có kỹ năng tổ chức hoạt động dạy - học một số bài trong chương trình Sinh học phổ thông.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn phương pháp dạy học Sinh học.
CDR 6	Có kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn và tổ chức hoạt động dạy - học
CDR 7	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử và giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình dạy - học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Hình thành thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, say mê nghiên cứu
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ	
			Cứng			Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
Chương 1. Rèn luyện các kỹ năng soạn giáo án thông thường	1. Xác định cấu trúc nội dung và thành phần kiến thức cơ bản	2	2	2		1			1	1
	2. Xác định mục tiêu dạy học của bài lên lớp	2	2	2		1			1	1
	3. Xác định cấu trúc bài lên lớp	2	2	2		1			1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ		
			Cứ ng		Mềm			C Đ R 8	C Đ R 9	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6			C Đ R 7
	4. Lựa chọn phương pháp và biện pháp thích hợp cho từng loại kiến thức.	2	2	2		1			1	1
	5. SV viết 03 bài soạn	2	2	2	1	2			1	1
Chương 2. Rèn luyện các kỹ năng soạn giáo án điện tử	1. Soạn 01 giáo án bằng PowerPoint	2	2	2	1	2	2		1	1
	2. Soạn 01 giáo án bằng phần mềm dạy học khác	2	2	2	1	2	2		1	1
Chương 3. Rèn luyện các kỹ năng dạy học bằng giáo án truyền thống	1. Hướng dẫn giảng 02 GA về loại bài kiến thức mới	1	1		2	2	1	2	1	1
	2. SV giảng 02 GA về loại bài dạy kiến thức mới	1	1		2	2	1	2	1	1
	3. Hướng dẫn giảng 01 GA về loại bài tổng kết ôn tập	1	1		2	2	1	2	1	1
	4. SV giảng 01 GA về loại bài tổng kết ôn tập	1	1		2	2	1	2	1	1
Chương 4. Rèn luyện các kỹ năng dạy học bằng giáo án điện tử	1. Hướng dẫn dạy học bằng GA điện tử	1	1		2	2	2	2	1	1
	2. SV giảng 02 GA điện tử	1	1		2	2	2	2	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về những nội dung liên quan đến các kỹ năng dạy học cơ bản theo hai hướng truyền thống và hiện đại, với các phương tiện như máy tính, máy chiếu...

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1	15			
	Chương 1: Rèn luyện các kỹ năng soạn giáo án thông thường	10			
Bài tập, xêmina, thảo luận	1.1. Xác định cấu trúc nội dung và thành phần kiến thức cơ bản 1.2. Xác định mục tiêu dạy học của bài lên lớp		Học học liệu số 1: (chương 1); tham khảo các học liệu khác	Phòng học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.3. Xác định cấu trúc bài lên lớp 1.4. Lựa chọn phương pháp và biện pháp thích hợp cho từng loại kiến thức. 1.5. SV viết 03 bài soạn				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	20	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Rèn luyện các kỹ năng soạn giáo án điện tử	4			
Bài tập, xêmina, thảo luận	2.1. Soạn 01 giáo án bằng PowerPoint 2.2. Soạn 01 giáo án bằng phần mềm dạy học khác		Học học liệu số 1: (chương 2); tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
	Kiểm tra giữa kỳ	1		Phòng học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	10	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍNH CHỈ 2		15			
	Chương 3: Rèn luyện các kỹ năng dạy học bằng giáo án truyền thống	10			
Bài tập, xêmina, thảo luận	3.1. Hướng dẫn giảng 02 GA về loại bài kiến thức mới 3.2. SV giảng 02 GA về loại bài dạy kiến thức mới 3.3. Hướng dẫn giảng 01 GA về loại bài tổng kết ôn tập 3.4. SV giảng 01 GA về loại bài tổng kết ôn tập		Học học liệu số 1: (chương 3); tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	10	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			giải đáp.		
	Chương 4: Rèn luyện các kỹ năng dạy học bằng giáo án điện tử	5			
Bài tập, xêmina, thảo luận	4.1. Hướng dẫn dạy học bằng GA điện tử 4.2. SV giảng 02 GA điện tử	5	Học học liệu số 1: (chương 4); tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	10	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bài giảng do các giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Các tài liệu sử dụng máy vi tính theo các phần mềm và các tài liệu tập huấn giáo viên thực hiện chương trình và SGK Sinh học THCS, THPT.

[3] Nguyễn Văn Hồng (2012), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

[4] Sinh học 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.

[5] Trần Bá Hoàn, Trịnh Nguyên Giao (2002), *Đại cương phương pháp dạy học Sinh học*, NXB Giáo dục.

[6] Trần Bá Hoàn (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1			2		4		6
2			2		4		6
3			2		4		6
4			2		4		6
5			2		4		6
6			2		4		6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
7			2		4		6
8		1	1		4		6
9			2		4		6
10			2		4		6
11			2		4		6
12			2		4		6
13			2		4		6
14			2		4		6
15			2		4		6
Tổng		1	29		60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
- + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
- + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
- + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
- + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
- + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1, 2: (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 3, 4: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc chương 5: (2 điểm)	60'	3

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN Đại cương phương pháp dạy học Sinh học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Sinh học; Thực vật học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Khảo thí - ĐBCL
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: DD: 0972.997.176; Email: ninhdiep.tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Dạy học nhóm nhỏ; Phương pháp dạy học Sinh học.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Đại cương phương pháp dạy học Sinh học.
- Mã môn học: TN2.1.428.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần về Sinh học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 18 tiết
 - + Bài tập: 03 tiết
 - + Thực hành: 05 tiết
 - + Xêmina, thảo luận: 03 tiết
 - + Kiểm tra tín chỉ: 01 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.

3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Sinh học, bước đầu có một số kỹ năng vận dụng các kiến thức lí luận nói trên vào hoạt động dạy học, làm cơ sở để học tiếp học phần Phương pháp dạy học Sinh học ở trường THCS. Tương ứng với các chương trình lí thuyết là chương trình thực hành theo nhóm, nhằm hình thành các kỹ năng bộ phận và tổng hợp (phân tích chương trình, xác định mục tiêu bài học, xác định kiến thức cơ bản trong bài, nhận xét một tiết lên lớp, sử dụng lời, sử dụng tranh, mô hình, thí nghiệm trong bài lên lớp, tổ chức các hoạt động học tập khám phá của học sinh, sử dụng sách giáo khoa và các phương tiện kĩ thuật, lập kế hoạch dạy một chương, soạn giáo án một bài, tập lên lớp một tiết học).

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được mục tiêu, các nhiệm vụ dạy học bộ môn Sinh học ở trường THCS và mối quan hệ giữa các nhiệm vụ dạy học đó.
CDR 2	Hiểu và trình bày được nội dung kiến thức Sinh học ở trường THCS và giải thích được cấu trúc và cơ sở của sự lựa chọn kiến thức.
CDR 3	Nắm rõ hệ thống các phương pháp dạy học Sinh học hiện nay; bản chất của từng phương pháp và cơ sở của việc lựa chọn phương pháp vào một bài học; cách kiểm tra, đánh giá kết quả học sinh trong dạy học Sinh học.
CDR 4	Phân tích được các bước dạy học kiến thức loại khái niệm, quá trình và quy luật sinh học.
CDR 5	Nắm rõ các hình thức tổ chức dạy học Sinh học và áp dụng các hình thức đó vào trường hợp cụ thể.
CDR 6	Đề xuất được các phương tiện dùng trong dạy học Sinh học và giải thích được việc sử dụng chúng.
CDR 7	Chủ động tìm hiểu những yêu cầu mới về chất lượng GV trong thời kì đổi mới nội dung, PP dạy học phổ thông, định hướng cho mình các bước đi thích hợp để phấn đấu trở thành GV dạy tốt môn học.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 8	Nhận biết, phân biệt được thành phần kiến thức, phương pháp dạy học.
CDR 9	Vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học và lý luận dạy học Sinh học vào việc xác định mục tiêu, phân tích nội dung và thiết kế các hoạt động học tập phù

	hợp với logic và cấu trúc của từng bài học.
CDR 10	Hình thành các kỹ năng dạy học cơ bản: xác định đúng mục tiêu của bài học, logic kiến thức, xác định được kiến thức cơ bản, phương tiện, phương pháp dạy học, thiết kế được các hoạt động dạy học và thực hiện được các hoạt động đó theo theo định hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh.
Kỹ năng mềm	
CDR 11	Kỹ năng làm việc nhóm: Biết lắng nghe, diễn đạt, hợp tác - chia sẻ...
CDR 12	Kỹ năng cách thu nhận và xử lý thông tin trong học tập.
CDR 13	Kỹ năng giải quyết vấn đề: Nhận ra vấn đề; xác định và hiểu được vấn đề; đề ra các phương án giải quyết; chọn giải pháp tốt nhất và thực thi giải pháp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 14	Hình thành thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, say mê nghiên cứu.
CDR 15	Bồi dưỡng tình cảm và ý thức nghề nghiệp thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành tập giảng.
CDR 16	Có ý thức phấn đấu trở thành một giáo viên dạy tốt môn Sinh học ở trường phổ thông.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức							Kỹ năng						Thái độ			
									Cứng			Mềm						
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
Chương 1; Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của LLDH Sinh học	1. Đối tượng của lí luận dạy học Sinh học	1								1	1	1	1	1	1	1	1	
	2. Nhiệm vụ của lí luận dạy học Sinh học	1	1													1	1	1
	3. Mối quan hệ của lí luận dạy học Sinh học với các khoa học khác.	1	1													1	1	1
	4. Các phương pháp nghiên cứu lí luận dạy học Sinh học	1														1	1	1
Chương 2: Nhiệm vụ dạy học Sinh học ở trường phổ thông	1. Vai trò của Sinh học trong sản xuất và đời sống	1	1							1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Các nhiệm vụ dạy học Sinh học ở trường phổ thông	2	2		1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ dạy học Sinh học	1	1		1	1	1									1	1	1
Chương 3: Nội dung dạy học Sinh học hiện đại	1. Đặc điểm của nội dung Sinh học hiện đại	2	2		1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1

học ở trường phổ thông	2. Các nguyên tắc xây dựng nội dung môn Sinh học ở trường phổ thông	1	1							1	1	1	1	1	1	1	1	1
	3. Quan điểm xây dựng nội dung SGK mới	1	1							1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chương 4: Phương pháp dạy học Sinh học ở trường phổ thông	1. Khái niệm về PPDH Sinh học	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	2. Phân loại các PPDH Sinh học			2	2	2	2	2	2	2						1	1	1
	3. Đặc điểm của một số PPDH Sinh học chủ yếu			2	2	2	2	2	2	2						1	1	1
	4. Một số PPDH và kỹ thuật DH tích cực tích cực (DH nêu vấn đề, KTDH khăn phủ bàn, các mảnh ghép, ...)			2	2	2	2	2	2	2	1					1	1	1
	5. Lựa chọn hợp lý các PPDH			2	2	2	2	2	2	2	1					1	1	1
Chương 5: Sự hình thành và phát triển các khái niệm sinh học	1. Khái niệm Sinh học (KNSH).		1	1	2	1	1				1				1	1	1	
	2. Sự phát triển các KNSH		1	1	2	1	1				1				1	1	1	
	3. Phương pháp dạy học KNSH			2	2	2	2				1				1	1	1	
	4. Phương pháp dạy học quá trình Sinh học			2	2	2	2				1				1	1	1	
	5. Phương pháp dạy học quy luật Sinh học			2	2	2	2				1				1	1	1	
Chương 6: Các hình thức tổ chức dạy học Sinh học ở trường phổ thông	1. Bài lên lớp					2	2	2			1				1	1	1	
	2. Một số hình thức tổ chức dạy học khác					2	2	2			1				1	1	1	
Chương 7: Cơ sở vật chất dạy học sinh học	1. Đồ dùng dạy học bộ môn							2	2			1			1	1	1	
	2. Phòng học bộ môn							2	2			1			1	1	1	
	3. Các thiết bị dạy học hiện đại							2	2			1			1	1	1	

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lí luận dạy học Sinh học bao gồm: nhiệm vụ, nội dung, các phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức dạy học và cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho dạy học bộ môn Sinh học. Sinh viên còn được làm quen với việc phân tích cấu trúc, nội dung của chương, của bài trong SGK Sinh học phổ thông, xác định mục tiêu, các thành phần kiến thức, các phương tiện và phương pháp dạy học phù hợp cho một bài. Thông qua đó, Sinh viên hình thành một số kỹ năng dạy học cơ bản, hình thành ý thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm qua các học phần phương pháp tiếp theo.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tín chỉ 1		15			
Chương 1 Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của LLDH Sinh học		01			
Lý thuyết	Đối tượng của lí luận dạy học Sinh học Nhiệm vụ của lí luận dạy học Sinh học Mối quan hệ của lí luận dạy học Sinh học với các khoa học khác. Các phương pháp nghiên cứu lí luận dạy học Sinh học	01	Đọc học liệu số 1, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	02	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2 Nhiệm vụ dạy học Sinh học ở trường phổ thông		02			
Lý thuyết	2.1. Vai trò của Sinh học trong sản xuất và đời sống 2.2. Các nhiệm vụ dạy học Sinh học ở trường phổ thông 2.2.1. Nhiệm vụ trí dục 2.2.2. Nhiệm vụ phát triển năng lực nhận thức 2.2.3. Nhiệm vụ giáo dục 2.3. Mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ dạy học Sinh học	02	Đọc học liệu số 1,2, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	04	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 3 Nội dung dạy học Sinh học ở trường phổ thông		02			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>3.1. Đặc điểm của nội dung Sinh học hiện đại</p> <p>3.2. Các nguyên tắc xây dựng nội dung môn Sinh học ở trường phổ thông</p> <p>3.3. Quan điểm xây dựng nội dung SGK mới</p>	02	Đọc học liệu số 1,2, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	04	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4 Phương pháp dạy học Sinh học ở trường phổ thông	08			
Lý thuyết	<p>4.1. Khái niệm về PPDH Sinh học</p> <p>4.2. Phân loại các PPDH Sinh học</p> <p>4.2.1. Cơ sở phân loại</p> <p>4.2.2. Hệ thống các phương pháp dạy học Sinh học</p> <p>4.3. Đặc điểm của một số PPDH Sinh học chủ yếu</p> <p>4.3.1. Nhóm phương pháp dùng lời</p> <p>4.3.2. Nhóm phương pháp trực quan</p> <p>4.3.3. Nhóm các phương pháp thực hành</p> <p>4.4. Một số PPDH và kỹ thuật DH tích cực tích cực (DH nêu vấn đề, KTDH khăn phủ bàn, các mảnh ghép, ...)</p> <p>4.5. Lựa chọn hợp lý các PPDH</p>	06	Đọc học liệu số 1,2,3,4,5, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	<p>1. Lập bảng so sánh các phương pháp dạy học cụ thể trong cùng một nhóm phương pháp và các phương pháp dạy học thuộc các nhóm phương pháp khác nhau.</p> <p>2. Vận dụng một PPDH nào đó để thiết kế hoạt động dạy học một nội dung cụ thể trong chương trình SH THPT</p>	01	Nắm vững lý thuyết chương 4	Tự tổ chức học trên lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Xêmina, thảo luận	1. Định hướng về PPDH trong giai đoạn hiện nay. Một số PP và KT dạy học tích cực. 2. Những điểm cần lưu ý khi lựa chọn, vận dụng các PPDH.	01	Nắm vững lí thuyết chương 4	Lớp học, tự tổ chức theo nhóm nhỏ	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	16	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Sự hình thành và phát triển các khái niệm sinh học	01			
Lý thuyết	5.1. Khái niệm Sinh học (KNSH). 5.2. Sự phát triển các KNSH	01			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập và bài kiểm tra.	02	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Kiểm tra	Kiểm tra tín chỉ 1	01			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết, vận dụng được các kiến thức để giải các bài tập và bài kiểm tra.	02	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	TÍN CHỈ 2	15			
	Chương 5	04			
	Sự hình thành và phát triển các khái niệm sinh học (tiếp theo)				
Lý thuyết	5.2. Phương pháp dạy học KNSH 5.3. Phương pháp dạy học quá trình Sinh học 5.4. Phương pháp dạy học quy luật Sinh học	01	Đọc học liệu số 1,2, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	1. Vận dụng lí thuyết về dạy khái niệm, thiết kế hoạt động dạy một khái niệm trong chương trình Sinh học THCS.	02	Nắm vững lí thuyết chương 5 Chuẩn bị bài tập ở	Tự tổ chức học trên lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2. Vận dụng lí thuyết về dạy quá trình Sinh học, thiết kế hoạt động dạy một quá trình Sinh học trong chương trình Sinh học THCS.</p> <p>3. Vận dụng lí thuyết về dạy quy luật Sinh học, thiết kế hoạt động dạy một quy luật Sinh học trong chương trình Sinh học THCS</p>		nhà		
Thảo luận	<p>Vấn đề 1. Sự khác nhau cơ bản giữa kiến thức khái niệm với kiến thức quá trình Sinh học và kiến thức quy luật Sinh học?</p> <p>Vấn đề 2. Sự giống và khác nhau về Phương pháp dạy các thành phần kiến thức Sinh học. Giải thích vì sao có sự giống và khác nhau đó?</p>	01	Đọc học liệu số 1,2, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học, tự tổ chức theo nhóm nhỏ	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	08	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6 Các hình thức tổ chức dạy học Sinh học ở trường phổ thông	03			
Lý thuyết	<p>6.1. Bài lên lớp</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Chuẩn bị bài lên lớp</p> <p>6.2. Một số hình thức tổ chức dạy học khác</p> <p>6.2.1. Bài tập ngoài giờ</p> <p>6.2.3. Tham quan thiên nhiên</p>	02	Đọc học liệu số 1,2, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Thảo luận	<p>Vấn đề 1: Các kiểu cấu trúc của một bài lên lớp. Nhận xét ưu nhược điểm của mỗi kiểu cấu trúc đó.</p> <p>Vấn đề 2: Các hình thức tổ chức dạy học có thể áp dụng đối với dạy học bộ môn Sinh học.</p>	01	Tự giác chuẩn bị bài ở nhà, trao đổi thảo luận trên lớp	Lớp học, tự tổ chức theo nhóm nhỏ	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài	06	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tập.		giải đáp.		
	Chương 7 Cơ sở vật chất dạy học sinh học	03			
Lý thuyết	7.1. Đồ dùng dạy học bộ môn 7.2. Phòng học bộ môn 7.3. Các thiết bị dạy học hiện đại	03	Đọc học liệu số 1, tham khảo thêm các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	06	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Thực hành	Bài 1. Phân tích cấu trúc và nội dung của một chương. (Sinh học 6,7,8,9)	01	Tự giác chuẩn bị bài ở nhà, mạnh dạn trao đổi thảo luận trên lớp	Phòng TH	
	Bài 2. Phân tích cấu trúc và nội dung của một bài. (Sinh học 6,7,8,9)	01		Phòng TH	
	Bài 3. Xác định mục tiêu của chương, bài học. (Sinh học 6,7,8,9)	01		Phòng TH	
	Bài 4. Xác định phương tiện, phương pháp và soạn giáo án cho một bài (Sinh học 6,7,8,9)	01		Phòng TH	
	Bài 5. Soạn, giảng, ghi biên bản và rút kinh nghiệm giờ dạy (Sinh học 6,7,8,9)	01		Phòng TH	
Tự học, tự nghiên cứu phần thực hành	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành các bài thực hành.	10	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đinh Quang Báo, Nguyễn Đức Thành (2003), *Lý luận dạy học Sinh học (phần đại cương)*, NXB Giáo dục.

[2] Sách giáo khoa, sách giáo viên Sinh học lớp 6 đến lớp 9, NXB Giáo dục.

[3] Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, SGK Sinh học lớp 6 đến lớp 9.

8.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trần Bá Hoành, Trịnh Nguyên Giao (2002), *Đại cương phương pháp dạy học Sinh học*, NXB Giáo dục.

[5] Nguyễn Văn Duệ, Trần Văn Kiên, Dương Tiến Sỹ (2000), *Dạy học giải quyết vấn đề trong bộ môn Sinh học*, NXB Giáo dục.

[6] Trần Bá Hoành (2007), *Đổi mới PPGD, Chương trình và SGK*, NXB Đại học Sư phạm.

[7] Trần Bá Hoành (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, NXB Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				SV tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành	Xêmina, thảo luận, bài tập	Chuẩn bị tự đọc	Hoàn thiện bài tập ở nhà	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	1			1	2	2	6
7	1			1	2	2	6
8	1	1			2	2	6
9				2	2	2	6
10	1			1	2	2	6
11	1			1	2	2	6
12	2				2	2	6
13	1		1		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng	18	1	5	8	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

+ Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

+ Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.

- + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
- + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
- + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3 : (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 4, 5 chương 4: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 6,7: (3 điểm)	60'	10	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Phương pháp dạy học Sinh học 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Khảo thí - ĐBCL.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại : DD : 0972.997.176; Email : ninhdiiep.tq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Dạy học nhóm nhỏ; Phương pháp dạy học Sinh học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Sinh học; Thực vật học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Sinh học 1
- Mã học phần: TN2.1.429.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở trường THCS
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 16 tiết
 - + Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 14 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học
 - + Khoa: KH Tự nhiên – KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên nêu được vị trí, nhiệm vụ, cấu trúc nội dung và các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học 6, 7, 8, 9 ở trường THCS. Trên cơ sở đó lựa chọn được các phương pháp dạy học thích hợp cho các thành phần kiến thức đó. Bên cạnh đó, sinh viên còn được hình thành và phát triển các kỹ năng dạy học cơ bản, kỹ năng thực hành thí nghiệm và thiết kế tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học một số bài trong chương trình Sinh học 6, 7, 8, 9 ở trường THCS. Từ đó, hình thành cho các em thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, bồi dưỡng tình cảm và ý thức nghề nghiệp sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Phân tích được vị trí, nhiệm vụ, cấu trúc nội dung và các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học THCS.
CDR 2	Phân tích và lựa chọn được phương pháp dạy học đặc thù cho các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học THCS.
CDR 3	Phân tích được các bước và quy trình sử dụng thí nghiệm trong dạy học một bài trong chương trình Sinh học THCS.
CDR 4	Vận dụng được lí thuyết về dạy khái niệm, quá trình, quy luật để tổ chức cho HS lĩnh hội được các thành phần kiến thức đó.
CDR 5	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế và tổ chức được kế hoạch dạy học một bài trong chương trình Sinh học THCS.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Hình thành và phát triển được các kỹ năng dạy học cơ bản: Xác định đúng mục tiêu của từng bài học, phân tích logic kiến thức, kiến thức cơ bản...
CDR 7	Rèn luyện các kỹ năng tổ chức thí nghiệm sử dụng trong bài dạy.
CDR 8	Hình thành và phát triển được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy - học một số bài trong chương trình Sinh học phổ thông.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn phương pháp dạy học Sinh học.
CDR 10	Có kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn và tổ chức hoạt động dạy - học
CDR 11	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử và giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình dạy - học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 12	Hình thành thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, say mê nghiên cứu.
CDR 13	Có thói quen học tập và làm việc nhóm, tích cực, chủ động trong học tập và tập giảng
CDR 14	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA													
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng			Mềm					
		CĐ1	CĐ2	CĐ3	CĐ4	CĐ5	CĐ6	CĐ7	CĐ8	CĐ9	CĐ10	CĐ11	CĐ12	CĐ13	CĐ14
Chương 1. Dạy học Thực vật học ở trường THCS	1. Vị trí dạy học thực vật học ở trường THCS.	2				1	2		1	1			1	1	1
	2. Nhiệm vụ dạy học Thực vật học	2				1	2		1	1			1	1	1
	3. Cấu trúc nội dung, các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Thực vật học	2			1	2		1	1				1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Thực vật học		2	1	2	1	2		1	1			1	1	1
	5. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Thực vật học: ‘Sự vận chuyển nước và muối khoáng ở trong thân’				2	1	2	2	1	1	1		1	1	1
Chương 2. Dạy học Động vật học ở trường THCS	1. Vị trí dạy học Động vật học	2				1	2		1	1			1	1	1
	2. Nhiệm vụ dạy học Động vật học	2				1	2		1	1			1	1	1
	3. Cấu trúc nội dung, các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Động vật học	2			1	2		1	1				1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Động vật học		2	1	2	1	2		1	1			1	1	1
	5. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Động vật học “mồ cá”			2		1	2	2	1	1	1		1	1	1
Chương 3. Dạy học Cơ thể người và Vệ sinh ở trường THCS	1. Vị trí dạy học Cơ thể người - Vệ sinh	2				1	2		1	1			1	1	1
	2. Nhiệm vụ dạy học Cơ thể người và Vệ sinh	2				1	2		1	1			1	1	1
	3. Cấu trúc nội dung, Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Cơ thể người - Vệ sinh	2			1	1	2		1	1			1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Cơ thể người - Vệ sinh		2	1	2	1	2		1	1			1	1	1
	5. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Cơ thể người - Vệ sinh			2		1	2	2	1	1	1		1	1	1
Chương 4. Phương pháp dạy	1. Vị trí , nhiệm vụ dạy học Biến dị và Di truyền học	2				1	2		1	1			1	1	1
	2. Cấu trúc nội dung chương trình	2				1	2		1	1			1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA													
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng			Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14
học Biến dị và Di truyền ở trường THCS	3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Biến dị và Di truyền học	2			1	1	2		1	1			1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Biến dị và Di truyền học (giảng dạy các khái niệm, các quy luật trong phần Di truyền và biến dị).		2		2	1	2		1	1			1	1	1
	5. Vận dụng soạn giảng dạy kiến thức quá trình, quy luật trong phần Di truyền và Biến dị				2	2			2	1	1	1	1	1	1
Chương 5. Phương pháp dạy học Sinh vật và môi trường ở trường THCS	1. Vị trí, nhiệm vụ, mục tiêu của phần Sinh vật và môi trường .	2				1	2		1	1			1	1	1
	2. Cấu trúc nội dung phần Sinh vật và môi trường	2				1	2		1	1			1	1	1
	3. Giảng dạy các khái niệm Sinh thái : các nhóm khái niệm; nội dung một số khái niệm chủ yếu; phương pháp dạy các khái niệm.		1		2	1	2		1	1			1	1	1
	4. Giảng dạy các quy luật sinh thái: các nhóm quy luật sinh thái, nội dung các quy luật sinh thái trong dạy học phần Sinh vật và môi trường ; phương pháp dạy các quy luật sinh thái trong Sinh học 9 .		1		2	1	2		1	1			1	1	1
	5. Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học phần Sinh vật và môi trường Sinh học 9 .					1	2		1	1		1	1	1	1
	6. Vận dụng soạn giảng dạy kiến thức khái niệm, quy luật trong phần Sinh vật và môi trường .					2			2	1	1	1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Phương pháp dạy học **Sinh học 2** trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, nhiệm vụ và nội dung của chương trình **Sinh học 6, 7, 8, 9** ở trường **THCS**; giúp sinh viên có thể hình dung được công việc và trách nhiệm của người giáo viên dạy **Sinh học 6, 7, 8, 9** ở trường **THCS**. Khi học học phần này sinh viên được hướng dẫn, phân tích nội dung từng chương, từng bài làm cơ sở xác định được mục tiêu, các thành phần kiến thức, các phương tiện và phương pháp dạy học phù hợp cho từng bài; thiết kế bài học theo hướng dạy học tích cực. Thông qua đó, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng dạy học cơ

bản, hình thành ý thức và tình cảm nghề nghiệp, giúp họ trở thành những giáo viên đáp ứng yêu cầu xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1		15			
Chương 1 Dạy học Thực vật học ở trường THCS		6			
Lý thuyết	1.1. Vị trí dạy học thực vật học ở trường THCS. 1.2. Nhiệm vụ dạy học Thực vật học 1.3. Cấu trúc nội dung, các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Thực vật học 1.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Thực vật học	3	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	1.5. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Thực vật học: “Sự vận chuyển nước và muối khoáng ở trong thân”	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	12	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Chương 2 Dạy học Động vật học ở trường THCS		7			
Lý thuyết	2.1. Vị trí dạy học Động vật học 2.2. Nhiệm vụ dạy học Động vật học 2.3. Cấu trúc nội dung, các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Động vật học 2.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Động vật học	4	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	2.5. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Động vật học “mỏ cá”	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3 Dạy học Cơ thể người và Vệ sinh ở trường THCS	1			
Lý thuyết	3.1. Vị trí dạy học Cơ thể người - Vệ sinh 3.2. Nhiệm vụ dạy học Cơ thể người và Vệ sinh	1	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
	Kiểm tra giữa kỳ	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	4	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2		15			
	Chương 3 Dạy học Cơ thể người và Vệ sinh ở trường THCS	7			
Lý thuyết	3.3. Cấu trúc nội dung, Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Cơ thể người - Vệ sinh 3.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Cơ thể người - Vệ sinh	4	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	3.5. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Cơ thể người - Vệ sinh (Tìm hiểu điều kiện hoạt động của enzym nước bọt)	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 4 Phương pháp dạy học Biến dị và Di truyền ở trường THCS	4			
Lý thuyết	4.1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Biến dị và Di truyền học 4.2. Cấu trúc nội dung chương trình 4.3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Biến dị và Di truyền học 4.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Biến dị và Di truyền học (giảng dạy các khái niệm, các quy luật trong phần Di truyền và biến dị).	2	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	4.5. Vận dụng soạn giảng dạy kiến thức quá trình, quy luật trong phần Di truyền và Biến dị	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	8	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5 Phương pháp dạy học Sinh vật và môi trường ở trường THCS	4			
Lý thuyết	5.1. Vị trí, nhiệm vụ, mục tiêu của phần Sinh vật và môi trường. 5.2. Cấu trúc nội dung phần Sinh vật và môi trường 5.3. Giảng dạy các khái niệm Sinh thái: các nhóm khái niệm; nội dung một số khái niệm chủ yếu; phương pháp dạy các khái niệm. 5.4. Giảng dạy các quy luật sinh thái: các nhóm quy luật sinh thái, nội dung các quy luật sinh thái trong dạy học phần Sinh vật và môi trường; phương pháp dạy các quy luật sinh thái trong Sinh học 9. 5.5. Tích hợp giáo dục môi trường	2	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trong dạy học phân Sinh vật và môi trường Sinh học 9.				
Bài tập, xêmina, thảo luận	5.6. Vận dụng soạn giảng dạy kiến thức khái niệm, quy luật trong phân Sinh vật và môi trường.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	8	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Hồng (2009), *PPDH Thực vật học, Động vật học, Cơ thể người và vệ sinh THCS*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2] Nguyễn Quang Vinh (Chủ biên), Trần Bá Hoành (2005), *Phương pháp dạy học Sinh học ở Trung học cơ sở tập 1 và tập 2*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Quang Vinh (2000), *Dạy học Sinh học ở trường Trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục.

[4] Sách giáo khoa và Sách giáo viên Sinh học 6, 7, 8, 9, Nxb Giáo dục.

[5] Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (2001), *Hoạt động dạy học ở trường THCS (giáo trình đào tạo GVTHCS hệ CĐSP)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6] Trần Bá Hoành, Trịnh Nguyên Giao (2000), *Phát triển các phương pháp học tập tích cực trong môn Sinh học (tài liệu bồi dưỡng thường xuyên, chu kỳ 1996 - 2000 cho GV THCS)*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

[7] Trần Bá Hoành (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học (tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1993 - 1996 cho GV PTTH)*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3			2		2	2	6
4	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
5	2				2	2	6
6			2		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	1		1		2	2	6
11			2		2	2	6
12	2				2	2	6
13			2		2	2	6
14	2				2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng	16	1	13		30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
- + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
- + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
- + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
- + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
- + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1, 2: (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 3, 4: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 5: (2 điểm)	60'	3

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Phương pháp dạy học Sinh học 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Khảo thí - ĐBCL;
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại : DD : 0972.997.176; Email : ninhdiiep.tq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Dạy học nhóm nhỏ; Phương pháp dạy học Sinh học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Sinh học; Thực vật học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Sinh học 2
- Mã học phần: TN2.1.430.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Đại cương phương pháp dạy học Sinh học; các môn cơ bản (Sinh học phân tử, Sinh học tế bào, Di truyền học, Tiến hoá, Sinh thái học); Phương pháp dạy học Sinh học 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
 - + Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 15 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: KH Tự nhiên – KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên nêu được vị trí, nhiệm vụ, cấu trúc nội dung và các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học 11, 12. Trên cơ sở đó lựa chọn được các phương pháp dạy học thích hợp cho các thành phần kiến thức đó. Bên cạnh đó, sinh viên còn được hình thành và phát triển các kỹ năng dạy học cơ bản, kỹ năng thực hành thí nghiệm và thiết kế tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học một số bài trong chương trình Sinh học 11, 12. Từ đó, hình thành cho các em thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, bồi dưỡng tình cảm và ý thức nghề nghiệp sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Phân tích được vị trí, nhiệm vụ, cấu trúc nội dung và các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học THPT.
CDR 2	Phân tích và lựa chọn được phương pháp dạy học đặc thù cho các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học THPT.
CDR 3	Phân tích được các bước và quy trình sử dụng thí nghiệm trong dạy học một bài trong chương trình Sinh học THPT.
CDR 4	Vận dụng được lí thuyết về dạy khái niệm, quá trình, quy luật, ứng dụng để tổ chức cho HS lĩnh hội được các thành phần kiến thức đó.
CDR 5	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế và tổ chức được kế hoạch dạy học một bài trong chương trình Sinh học THPT.
CDR 6	Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập chương trình Sinh học THPT.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Hình thành và phát triển được các kỹ năng dạy học cơ bản: Xác định đúng mục tiêu của từng bài học, phân tích logic kiến thức, kiến thức cơ bản...
CDR 8	Rèn luyện các kỹ năng giải các bài tập chương trình Sinh học THPT.
CDR 9	Rèn luyện các kỹ năng tổ chức thí nghiệm sử dụng trong bài dạy.
CDR 10	Hình thành và phát triển được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy - học một số bài trong chương trình Sinh học phổ thông.
Kỹ năng mềm	
CDR 11	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn phương pháp dạy học Sinh học.
CDR 12	Có kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn và tổ chức hoạt động dạy - học
CDR 13	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử và giải quyết các tình huống phát sinh trong

	quá trình dạy - học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 14	Hình thành thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, say mê nghiên cứu.
CDR 15	Có thói quen học tập và làm việc nhóm, tích cực, chủ động trong học tập và tập giảng
CDR 16	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức						Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ						
Cứng								Mềm										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	CĐ	ĐR	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
Chương 1. Phương pháp dạy học sinh học cơ thể ở trường THPT	1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Sinh học cơ thể ở trường THPT	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	2. Cấu trúc nội dung của chương trình Sinh học cơ thể	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học cơ thể	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	4. Phương pháp dạy học kiến thức Sinh lí thực vật		2	1	2	1	1					1	1		1	1	1	1
	5. Phương pháp dạy học kiến thức sinh lí động vật		2	1	2	1	1					1	1	1	1	1	1	1
	6. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Sinh lí thực vật				2	1	1				1	1	1		1	1	1	1
	7. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Sinh lí động vật				2	1	1				1	1	1		1	1	1	1
Chương 2. Phương pháp dạy học Di truyền học ở trường THPT	1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Di truyền học	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	2. Cấu trúc nội dung chương trình Di truyền học	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Di truyền học	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Di truyền học		2	1	2	1	1					1	1	1	1	1	1	1
	5. Phương pháp dạy học kiến thức về cơ chế của hiện tượng di truyền - biến dị		2	1	2	1	1					1	1	1	1	1	1	1
	6. Phương pháp dạy học kiến thức về tính quy luật của hiện tượng di truyền		2	1	2	1	1					1	1	1	1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ				
								Cứng			Mềm							
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	
	7. Phương pháp dạy học kiến thức về ứng dụng của di truyền học, DTH quần thể và DTH người		2	1	2	1		1					1	1	1	1	1	1
	8. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Di truyền học trong dạy học			2	1	1				1	1	1			1	1	1	1
	9. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền- biến dị.						2	1				1			1	1	1	1
	10. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập cơ sở tế bào của hiện tượng di truyền- biến dị.						2	1				1			1	1	1	1
	11. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập quy luật di truyền của Mendel						2	1				1			1	1	1	1
	12. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập quy luật di truyền sau Mendel.						2	1				1	1		1	1	1	1
Chương 3. Phương pháp dạy học Học thuyết tiến hoá ở trường THPT	1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Học thuyết tiến hoá	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	2. Cấu trúc nội dung chương trình Học thuyết tiến hoá	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình học thuyết tiến hoá	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Học thuyết tiến hoá		2	1	2	1	1					1	1	1	1	1	1	1
Chương 4. Phương pháp dạy học Sinh thái học ở trường THPT	1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Sinh thái học	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	2. Cấu trúc nội dung chương trình Sinh thái học	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh thái học	2	1	1	1	1	1					1	1		1	1	1	1
	4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Sinh thái học		2	1	2	1	1					1	1	1	1	1	1	1
	5. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập sinh thái học.						2	1				1			1	1	1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Phương pháp dạy học Sinh học 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, nhiệm vụ và nội dung của chương trình Sinh học 11, 12 ở trường trung học phổ thông; giúp sinh viên có thể hình dung được công việc và trách nhiệm của người giáo viên dạy Sinh học 11, 12 ở trường trung học phổ thông. Khi học học phần này sinh viên được hướng dẫn, phân tích nội dung từng chương, từng bài làm cơ sở xác định được mục tiêu, các thành phần kiến thức, các phương tiện và phương pháp dạy học phù hợp cho từng bài; thiết kế bài học theo hướng dạy học tích cực. Thông qua đó, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng dạy học cơ bản, hình thành ý thức và tình cảm nghề nghiệp, giúp họ trở thành những giáo viên đáp ứng yêu cầu xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1		15			
	Chương 1: Phương pháp dạy học sinh học cơ thể ở trường THPT	6			
Lý thuyết	1.1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Sinh học cơ thể ở trường THPT 1.2. Cấu trúc nội dung của chương trình Sinh học cơ thể 1.3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học cơ thể 1.4. Phương pháp dạy học kiến thức Sinh lí thực vật 1.5. Phương pháp dạy học kiến thức sinh lí động vật.	3	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	1.6. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Sinh lí thực vật 1.7. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Sinh lí động vật	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	12	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Phương pháp dạy học Di truyền học ở trường THPT	9			
Lý thuyết	2.1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Di truyền học	4	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo	Phòng học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.2. Cấu trúc nội dung chương trình Di truyền học 2.3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Di truyền học		các học liệu khác		
Bài tập, xêmina, thảo luận	2.8. Tổ chức và sử dụng thí nghiệm Di truyền học trong dạy học 2.9. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền- biến dị. 2.10. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập cơ sở tế bào của hiện tượng di truyền- biến dị.	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	18	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍNH CHỈ 2		15			
	Chương 2: Phương pháp dạy học Di truyền học ở trường THPT	6			
	Kiểm tra giữa kỳ	1			
Lý thuyết	2.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Di truyền học 2.5. Phương pháp dạy học kiến thức về cơ chế của hiện tượng di truyền- biến dị 2.6. Phương pháp dạy học kiến thức về tính quy luật của hiện tượng di truyền 2.7. Phương pháp dạy học kiến thức về ứng dụng của di truyền học, DTH quần thể và DTH người	1	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina,	2.11. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập quy luật di	4	Nắm vững lý thuyết để vận	Phòng thực hành PPDH	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
thảo luận	truyền của Mendel. 2.12. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập quy luật di truyền sau Mendel.		dụng làm bài tập thực hành		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	12	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Phương pháp dạy học Học thuyết tiến hoá ở trường THPT	3			
Lý thuyết	3.1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Học thuyết tiến hoá 3.2. Cấu trúc nội dung chương trình Học thuyết tiến hoá 3.3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình học thuyết tiến hoá 3.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Học thuyết tiến hoá	3	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	6	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Phương pháp dạy học Sinh thái học ở trường THPT	6			
Lý thuyết	4.1. Vị trí, nhiệm vụ dạy học Sinh thái học 4.2. Cấu trúc nội dung chương trình Sinh thái học 4.3. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh thái học 4.4. Phương pháp dạy học các thành phần kiến thức Sinh thái học	4	Đọc học liệu số 1,2 và tham khảo các học liệu khác	Phòng học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập, xêmina, thảo luận	4.5. Phương pháp hướng dẫn học sinh giải bài tập sinh thái học.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Phòng thực hành PPDH	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	12	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Sách giáo khoa, sách giáo viên Sinh học 10, 11, 12.

[2] Nguyễn Thành Đạt, Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Xuân Việt (2006), “*Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên trung học phổ thông*”, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, SGK sinh học 10, 2006.

[4] Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình và SGK sinh học 11, 2007.

[5] Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình và SGK sinh học 12, 2008.

[6] Bài giảng, giáo trình lý luận dạy học Sinh học ở trường phổ thông do các giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn.

[7] Bộ GD & ĐT (2010), Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Sinh học lớp 11, NXBGD.

[8] Bộ GD & ĐT (2010), Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Sinh học lớp 12, Nxb Giáo dục.

[9] Trần Bá Hoàn (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Giáo dục.

[10] Bộ GD&ĐT, Vụ GDTH - Dự án phát triển GVTH (2010), Tài liệu bồi dưỡng cán bộ QL và GV về biên soạn đề kiểm tra, xây dựng thư viện câu hỏi bài tập môn Sinh học - cấp THPT.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3			2		2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8		1	1		2	2	6
9	1		1		2	2	6
10			2		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	2				2	2	6
15			2		2	2	6
Tổng	15	1	14		30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số(30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1, 2: (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 3, 4: (6 điểm)	60'	3

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Phương pháp dạy học hoá học 1

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Hóa học 1
- Mã học phần: TN3.1.317.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
 - + Bài tập, thực hành trên lớp: 09 tiết
 - + Thảo luận, xemina: 04 tiết

- + Tự học, tự nghiên cứu: 30 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
 - + Bộ Môn: Hóa học
 - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Trang bị các kiến thức lý thuyết cơ bản về: Đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy hoá học, phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp học tập bộ môn hoá học ở trường phổ thông nhằm đảm bảo tính giáo dục và tính phát triển của việc dạy học hoá học.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Biết được đối tượng, nhiệm vụ của môn học phương pháp dạy học hoá học.
CDR 2	Nắm được các nhiệm vụ dạy học hóa học ở trường phổ thông.
CDR 3	Hiểu được nguyên tắc xây dựng, nội dung và cấu trúc giáo trình hoá học của trường phổ thông.
CDR 4	Hiểu được sự phân loại, hệ thống, những yêu cầu sư phạm về các phương pháp dạy học hoá học ở trường phổ thông.
CDR 5	Hiểu được các hình thức tổ chức dạy học hóa học ở trường phổ thông.
Về kỹ năng	
CDR 6	Vận dụng kiến thức tâm lý học và giáo dục học vào việc dạy học và giáo dục trong quá trình dạy hoá học.
CDR 7	Sử dụng các phương pháp dạy học và thiết bị dạy học theo đúng mục đích dạy học hoá học vào đối tượng học sinh. Lập kế hoạch thực hiện và đánh giá các bài dạy hoá học. Thiết kế bài học trên máy tính.
CDR 8	Đánh giá đúng trình độ học sinh về kiến thức, kỹ năng hoá học, về tư duy và phương pháp học tập hoá học.
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn; kỹ năng học tập và làm việc theo nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 10	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 12	Thường xuyên cập nhật các thông tin về kiến thức hóa học và phương pháp dạy học phục vụ cho giảng dạy ở phổ thông.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
							Cứng					Mềm		
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	
Chương 1: Phương pháp dạy học Hóa học – Một bộ phận của khoa học giáo dục	1. Đối tượng, nhiệm vụ của môn học phương pháp dạy học hoá học (PPDHHH)	1					1				1	1	1	
	2. Sự phát triển của chuyên ngành PPDHHH và sự nghiên cứu môn học này.	1					1				1	1	1	1
	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng trong phương pháp dạy học hoá học	1									1			1
Chương 2: Nhiệm vụ dạy học hóa học ở trường phổ thông	1. Khái quát về nhiệm vụ của môn hoá học và việc dạy học hoá học		1				1	1			1	1	1	1
	2. Vai trò của hoá học trong việc hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa		2				1	1			1	1	1	1
	3. Phát triển những năng lực nhận thức của học sinh trong dạy học hoá học		2				1	1			1	1	1	1
	4. Thực hiện đường lối công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước trong dạy học hoá học		1									1	1	1
Chương 3: Nội dung dạy học hóa học ở trường phổ thông	1. Những nguyên tắc lựa chọn nội dung và cấu trúc giáo trình hoá học của trường phổ thông			2			1	1			1	1	1	1
	2. Những cơ sở của hoá học là nội dung chủ yếu của giáo trình hoá học trường phổ thông			2			1	1			1	1	1	1
	3. Cấu trúc của giáo trình hoá học trường phổ thông và trung học phân ban.			2			1	1			1	1	1	1
	4. Tóm tắt lịch sử phát triển chương trình bộ môn hoá học ở trường phổ thông nước ta. Xu hướng phát triển chương trình hoá học ở nước ta và trên thế giới.			1			1	1			1	1	1	1
	5. Việc tích hợp một số nội dung giáo dục khác vào chương trình hoá học như giáo dục môi trường, giáo dục phòng chống AIDS, ma tuý .v.v...			2			1	1			1	1	1	1
	6. Mối quan hệ giữa chương trình, sách			2			1	1			1	1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA														
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức										Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ		
							Cứng					Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12			
	giáo khoa, sách bài tập cho học sinh, sách hướng dẫn giáo viên, các tài liệu tham khảo. Vai trò và chức năng của mỗi loại sách và cách sử dụng.															
Chương 4: Các phương pháp dạy học hoá học ở trường phổ thông	1. Định nghĩa phương pháp dạy học. Hệ thống các phương pháp dạy học hoá học				2											
	2. Các phương pháp và những kỹ năng dạy học cơ bản khi truyền thụ kiến thức mới				2	2	2	2								
	3. Các PPDHHH khi hoàn thiện kiến thức cho học sinh				2	2	2	2								
	4. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập hoá học của học sinh				2	2	2	2								
	5. Phương pháp học tập hoá học				2	1	1	1								
	6. Cải tiến phương pháp dạy học hoá học				2	1	1	1								
Chương 5: Những hình thức tổ chức dạy học hóa học ở trường phổ thông	1. Bài lên lớp về hoá học					2	2	2	1							
	2. Lập kế hoạch dạy học môn hoá học					2	2	2								
	3. Cách quan sát, ghi biên bản, phân tích đánh giá một bài lên lớp					2	2	2								
	4. Công tác ngoại khoá về hoá học															
	5. Các hình thức tổ chức dạy học khác: thảo luận, tham quan					2	2	2								
Chương 6: Lời khuyên đối với giáo viên tập sự	1. Chuẩn bị tốt cho những ngày dạy học đầu tiên					2				2	2	2	2			
	2. Kiên trì vận dụng những kiến thức lý luận, làm theo những mẫu điển hình đã học trong nhà trường sư phạm. Thường xuyên tự rút kinh nghiệm và học hỏi đồng nghiệp.					2					2	2	2	2		

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy học hoá học, các phương pháp nghiên cứu khoa học về phương pháp dạy học môn Hoá học ở phổ thông.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1. Phương pháp dạy học Hóa học – Một bộ phận của khoa học giáo dục	2			
Lý thuyết	<p>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của môn học phương pháp dạy học hoá học (PPDHHH)</p> <p>1.2. Sự phát triển của chuyên ngành PPDHHH và sự nghiên cứu môn học này.</p> <p>1.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng trong phương pháp dạy học hoá học.</p>	1	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
Bài tập, thực hành	<p>1. Trao đổi về phương pháp học tập môn học này.</p> <p>2. Trao đổi về một vài đề tài bài tập môn học về bộ môn.</p>	1	Nắm vững lí thuyết để vận dụng thực hành.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Đọc trước các nội dung của chương 1</p> <p>2. Tìm hiểu kĩ phương pháp học tập môn học.</p> <p>3. Chuẩn bị trước các nội dung xemina</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Nhiệm vụ dạy học hóa học ở trường phổ thông	6			
Lý thuyết	<p>2.1. Khái quát về nhiệm vụ của môn hoá học và việc dạy học hoá học</p> <p>2.1.1. Vị trí, vai trò của môn học hoá học trong việc thực hiện mục đích đào tạo của trường phổ thông.</p> <p>2.1.2. Những nhiệm vụ trí dục, nhiệm vụ phát triển năng lực nhận thức, nhiệm vụ giáo dục của việc dạy học hoá học ở trường phổ thông.</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa 3 nhiệm vụ trên.</p> <p>2.2. Vai trò của hoá học trong việc hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.3. Phát triển những năng lực nhận thức của học sinh trong dạy học hoá học</p> <p>2.4. Thực hiện đường lối công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước trong dạy học hoá học</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập, thực hành	<p>1. Trao đổi nhận thức về vị trí, vai trò của môn hóa học trong những năm còn đang học ở trường trung học, phân tích các nguyên nhân chi phối nhận thức, thái độ của học sinh đối với môn hoá học.</p> <p>2. Phân tích đúng sai và đề xuất sự sửa chữa bổ sung một vài cách phát biểu về mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu của một bài hoá học hay của một chương trong sách giáo khoa.</p> <p>3. Giáo sinh tự xác định, phát biểu mục đích yêu cầu (về kiến thức, kĩ năng, tư duy, thái độ) của một bài hoá học ở trường phổ thông.</p> <p>4. Nhận xét tình hình thực hiện ba nhiệm vụ cơ bản của bộ môn của các giáo viên hoá học ở trường phổ thông hiện nay.</p>	2	Nắm vững lí thuyết để vận dụng thực hành.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Đọc trước các nội dung của chương 2.</p> <p>2. Tìm hiểu kĩ các nhiệm vụ dạy học Hóa học ở trường phổ thông.</p> <p>3. Chuẩn bị trước các nội dung xemina</p>	12	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Nội dung dạy học hóa học ở trường phổ thông	7			
Lý thuyết	<p>3.1. Những nguyên tắc lựa chọn nội dung và cấu trúc giáo trình hoá học của trường phổ thông</p> <p>3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học.</p> <p>3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính tư tưởng</p> <p>3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và giáo dục kĩ thuật tổng hợp</p> <p>3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính sư phạm.</p> <p>3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính đặc trưng bộ môn.</p> <p>3.2. Những cơ sở của hoá học là nội dung chủ yếu của giáo trình hoá học trường trung học</p> <p>3.3. Cấu trúc của giáo trình hoá học trường phổ thông và trung học phân ban.</p> <p>3.4. Tóm tắt lịch sử phát triển chương trình bộ môn hoá học ở trường phổ thông nước ta. Xu hướng phát triển chương trình hoá học ở nước ta và trên thế giới.</p>	4	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3.5. Việc tích hợp một số nội dung giáo dục khác vào chương trình hoá học như giáo dục môi trường, giáo dục phòng chống AIDS, ma tuý .v.v...</p> <p>3.6. Mối quan hệ giữa chương trình, sách giáo khoa, sách bài tập cho học sinh, sách hướng dẫn giáo viên, các tài liệu tham khảo. Vai trò và chức năng của mỗi loại sách và cách sử dụng.</p>				
Bài tập, thực hành	<p>1. Nghiên cứu văn bản một số chương trình hoá học trường trung học nước ta: chương trình trước cải cách giáo dục, chương trình hiện hành, chương trình THCS và THPT phân ban đang thực nghiệm. Nêu ra những điểm sai khác. Nhận xét về những điểm sửa đổi đó.</p> <p>2. Nhận xét ưu điểm và khuyết điểm của chương trình hoá học hiện hành.</p> <p>3. Tập xác định những kiến thức cơ bản, kiến thức trọng tâm trong một bài của sách giáo khoa hoá học lớp 8 hoặc lớp 9.</p>	3	Nắm vững lí thuyết để vận dụng thực hành.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Đọc trước các nội dung lý thuyết của chương 3.</p> <p>2. Những nguyên tắc lựa chọn nội dung và cấu trúc giáo trình hoá học của trường phổ thông.</p> <p>3. Chuẩn bị trước các nội dung xemina</p>	14	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 4. Các phương pháp dạy học hoá học ở trường phổ thông	9			
Lý thuyết	<p>4.1. Định nghĩa phương pháp dạy học. Hệ thống các phương pháp dạy học hoá học</p> <p>4.1.1. Phân loại các PPDHHH</p> <p>4.1.2. Hệ thống các PPDHHH. Những PPDH đặc thù của bộ môn hoá học.</p> <p>4.1.3. Những yêu cầu chung đối với các PPDHHH.</p> <p>4.1.4. Thực trạng về PPDHHH ở nước ta và nhu cầu, phương hướng đổi mới.</p> <p>4.2. Các phương pháp và những kĩ năng dạy học cơ bản khi truyền thụ kiến thức mới</p>	5	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>4.2.1. Các phương pháp trực quan</p> <p>4.2.2. Các phương pháp thực hành 4.2.3. Các phương pháp dùng lời</p> <p>4.3. Các PPDHHH khi hoàn thiện kiến thức cho học sinh</p> <p>4.4. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập hoá học của học sinh</p> <p>4.5. Phương pháp học tập hoá học</p> <p>4.6. Cải tiến phương pháp dạy học hoá học</p>				
Bài tập, thực hành	<p>1. Nghiên cứu lời mở đầu, chuyển đoạn, kết thúc bài học qua biên bản một vài tiết học. Nhận xét và kiến nghị sửa chữa.</p> <p>2. Tập dượt sử dụng một thí nghiệm hoá học theo phương pháp nghiên cứu và phương pháp minh hoạ khi dạy 1 tiết học nghiên cứu tài liệu mới.</p> <p>3. Chọn và soạn một thí dụ để minh hoạ các giai đoạn của quá trình dạy học sinh giải quyết một vấn đề học tập ở lớp 8, 9, 10, 11 hay lớp 12.</p>	4	Nắm vững lí thuyết để vận dụng thực hành.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Đọc trước các nội dung lý thuyết của chương 4.</p> <p>2. Chuẩn bị trước các ví dụ minh họa trong chương trình hóa học phổ thông cho các cách xây dựng tình huống có vấn đề, dạy học sinh giải quyết các vấn đề.</p> <p>3. Chuẩn bị trước các nội dung xemina</p>	18	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Những hình thức tổ chức dạy học hóa học ở trường phổ thông	5			
Lý thuyết	<p>5.1. Bài lên lớp về hoá học</p> <p>5.2. Lập kế hoạch dạy học môn hoá học</p> <p>5.2.1. Lập kế hoạch năm học</p> <p>5.2.2. Lập kế hoạch dạy học một chương</p> <p>5.2.3. Soạn giáo án bài lên lớp</p> <p>5.3. Cách quan sát, ghi biên bản, phân tích đánh giá một bài lên lớp</p> <p>5.4. Công tác ngoại khoá về hoá học</p> <p>5.5. Các hình thức tổ chức dạy học khác: thảo</p>	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	luận, tham quan				
Bài tập, Thực hành	1. Soạn giáo án và dạy thử một tiết học nghiên cứu tài liệu mới. 2. Ghi biên bản và thảo luận phân tích đánh giá tiết dạy thử của giáo sinh hay của giáo viên trường phổ thông để chuẩn bị cho TTSP.	3	Nắm vững lí thuyết để vận dụng thực hành.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	1. Đọc trước các nội dung của chương 5, chương 6. 2. Soạn giáo án một số tiết học trong chương trình Hóa học phổ thông	10	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6. Lời khuyên đối với giáo viên tập sự	1			
Lý thuyết	6.1. Chuẩn bị tốt cho những ngày dạy học đầu tiên 6.1.1. Tìm hiểu môi trường công tác, sớm xây dựng những mối quan hệ thuận lợi với học sinh và tập thể sư phạm của nhà trường, cộng đồng địa phương. 6.1.2. Khẩn trương chuẩn bị, tích lũy các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ cần thiết. 6.2. Kiên trì vận dụng những kiến thức lý luận, làm theo những mẫu điển hình đã học trong nhà trường sư phạm. Thường xuyên tự rút kinh nghiệm và học hỏi đồng nghiệp.	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng;	2	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 2, 3, 4, 5.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Cương (chủ biên), Nguyễn Mạnh Dung (2005), *Phương pháp dạy học hoá học, tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm.

[2] Sách giáo khoa hoá học các lớp 8, 9, 10, 11, 12, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Cương, Nguyễn Mạnh Dung (2001), *Phương pháp dạy học hoá học, tập II và III*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Nguyễn Ngọc Quang, Nguyễn Cương, Dương Xuân Trinh (1982), *Lý luận dạy học hoá học, tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Nguyễn Ngọc Quang (1994), *Lý luận dạy hoá học, tập 1*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1			1	2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4			1	1	2	2	6
5	1			1	2	2	6
6	1			1	2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12			2		2	2	6
13	2				2	2	6
14			2		2	2	6
15	1		1		2	2	6
Tổng	16	1	9	4	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) <u>Câu 2</u> : Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)	60'	07	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Phương pháp dạy học hoá học 2

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương; Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ; Hóa phân tích.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương; Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Hóa học 2
- Mã học phần: TN3.1.318.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học Hóa học 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 12 tiết
 - + Bài tập, thực hành trên lớp: 17 tiết

- + Thảo luận, xemina: 01 tiết
- + Tự học, tự nghiên cứu: 30 tiết
- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học:

- + Bộ Môn: Hóa học
- + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Sinh viên hiểu và hệ thống hoá được các nội dung chính của chương trình hoá học ở phổ thông. Vận dụng các kiến thức về lý luận dạy học hoá học vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học một số chương mục quan trọng của giáo trình hoá học phổ thông. Hiểu được các nguyên tắc và sự lựa chọn các phương pháp dạy học có hiệu quả cho các bài dạy cụ thể.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm vững và hệ thống hoá được các nội dung chính của chương trình hoá học phổ thông.
CDR 2	Vận dụng các kiến thức về lý luận dạy học hoá học vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học một số chương mục quan trọng của giáo trình hoá học phổ thông.
CDR 3	Hiểu được các nguyên tắc và sự lựa chọn các phương pháp dạy học có hiệu quả cho các bài dạy cụ thể.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học triển khai phù hợp với nội dung bài học.
CDR 5	Soạn và thiết kế bài giảng môn hóa học.
CDR 6	Tổ chức dạy học trên lớp, ngoài giờ lên lớp.
CDR 7	Lựa chọn hình thức, thiết kế bài kiểm tra kết quả phù hợp với đối tượng và nội dung từng phần học cụ thể.
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 9	Sử dụng thời gian hiệu quả. Sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, môn học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Làm việc nghiêm túc, thường xuyên, liên tục, chuẩn xác khi chuẩn bị cũng như khi dạy học một bài hóa học.
CDR 11	Lòng yêu nghề thực sự, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, thích hợp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA
-------------------	--------------

CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức									Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
											Cứng	Mềm	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	
Chương 1: Phân tích nội dung và cấu trúc chương trình - Sách giáo khoa hoá học phổ thông	1. Nguyên tắc xây dựng và cấu trúc chương trình hoá học trường phổ thông	1							1	1	1	1	
	2. Phân tích nội dung và cấu trúc chương trình hoá học THCS.	2							1	1	1	1	
	3. Phân tích nội dung và cấu trúc chương trình hoá học THPT.	2							1	1	1	1	
	4. Đánh giá về SGK hóa học phổ thông.	2							1	1	1	1	
Chương 2: Giảng dạy các khái niệm hóa học mở đầu	1. Nội dung các khái niệm hoá học mở đầu		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	2. Những điểm cơ bản về nguyên tắc và phương pháp hình thành các khái niệm hoá học mở đầu		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	3. Sự hình thành một số khái niệm hoá học cơ bản ban đầu (chất, nguyên tử, nguyên tố hóa học, đơn chất, hợp chất, phân tử, phản ứng hóa học...).		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
Chương 3: Giảng dạy các thuyết và định luật hoá học cơ bản	1. Một số nguyên tắc chung cần đảm bảo khi giảng dạy các thuyết và định luật hoá học.		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	2. Nội dung và phương pháp giảng dạy chương nguyên tử		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	3. Nội dung và phương pháp giảng dạy chương bảng tuần hoàn và định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	4. Nội dung và phương pháp giảng dạy chương liên kết hoá học		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	5. Giảng dạy chương tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	6. Giảng dạy chương sự điện li		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
Chương 4: Phương pháp giảng dạy các nguyên tố và chất hoá học	1. Vị trí và nhiệm vụ chung của các bài dạy về chất - nguyên tố hoá học trong chương trình hoá học phổ thông		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	2. Các nguyên tắc sư phạm cần đảm bảo khi giảng dạy các bài về nguyên tố - chất hoá học		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	
	3. Giảng dạy các chất hoá học trước khi		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kỹ năng									Thái độ, năng lực tự chủ			
		Kiến thức			Cứng			Mềm			CD R 10	CD R 11		
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9				
	nghiên cứu lý thuyết chủ đạo (ở THCS)													
	4. Giảng dạy các nhóm nguyên tố - chất sau khi nghiên cứu lý thuyết chủ đạo (ở THPT).		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	5. Giảng dạy các nội dung sản xuất hóa học		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	6. Giảng dạy về phi kim		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	7. Giảng dạy về kim loại		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
Chương 5: Giảng dạy phần hóa học hữu cơ	1. Đặc điểm về nội dung - cấu trúc phần hoá hữu cơ trong chương trình hoá học phổ thông		1	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	2. Hệ thống kiến thức hoá học hữu cơ trong chương trình hoá học phổ thông		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	3. Các nguyên tắc sư phạm và phương pháp dạy học chủ yếu trong giảng dạy hợp chất hữu cơ		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	4. Giảng dạy một số nội dung quan trọng của phần hóa hữu cơ trong chương trình THPT		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
Chương 6: Giảng dạy các bài luyện tập, ôn tập và thực hành hóa học	1. Giảng dạy các bài luyện tập, ôn tập		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		
	2. Giảng dạy các bài thực hành hóa học		2	1	2	2	2	2	1	2	2	2		

6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung và cấu trúc chương trình hóa học phổ thông. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp dạy học sử dụng trong các dạng bài dạy về các học thuyết và định luật hóa học, các nguyên tố và các chất hóa học, các hợp chất hữu cơ, các bài luyện tập và thực hành hóa học. Ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Các phương pháp giải toán hóa học ở trường phổ thông. Cách xây dựng bài tập hóa học mới và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học.

Chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản, cần thiết cho các hoạt động dạy học, giáo dục trong các đợt thực tập Sư phạm.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Phân tích nội dung và cấu trúc chương trình - Sách giáo khoa hoá học phổ thông	2			
Lý thuyết	<p>1.1. Nguyên tắc xây dựng và cấu trúc chương trình hoá học trường phổ thông.</p> <p>1.1.1. Nguyên tắc xây dựng.</p> <p>1.1.2. Cấu trúc chương trình hoá học phổ thông.</p> <p>1.2. Phân tích nội dung và cấu trúc chương trình hoá học THCS.</p> <p>1.3. Phân tích nội dung và cấu trúc chương trình hoá học THPT.</p> <p>1.4. Đánh giá về SGK hóa học phổ thông.</p>	2	Đọc học liệu số 1; tham khảo học liệu 2, 3, 4, 5, 6.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Giảng dạy các khái niệm hóa học mở đầu	2			
Lý thuyết	<p>2.1. Nội dung các khái niệm hoá học mở đầu.</p> <p>2.2. Những điểm cơ bản về nguyên tắc và phương pháp hình thành các khái niệm hoá học mở đầu.</p> <p>2.2.1. Các nguyên tắc cơ bản.</p> <p>2.2.2. Các phương pháp dạy học cơ bản.</p> <p>2.3. Sự hình thành một số khái niệm hoá học cơ bản ban đầu (chất, nguyên tử, nguyên tố hóa học, đơn chất, hợp chất, phân tử, phản ứng hóa học...).</p>	2	Đọc học liệu số 1; tham khảo học liệu 2, 3, 4, 5, 6.	Lớp học	
	Chương 3: Giảng dạy các thuyết và định luật hoá học cơ bản	3			
Lý thuyết	<p>3.1. Một số nguyên tắc chung cần đảm bảo khi giảng dạy các thuyết và định luật hoá học.</p> <p>3.2. Nội dung và phương pháp giảng dạy chương nguyên tử.</p> <p>3.2.1. Mục tiêu của chương.</p> <p>3.2.2. Nội dung kiến thức của chương.</p> <p>3.2.3. Những điểm cần chú ý về PPGD.</p> <p>3.2.4. Một số nội dung cơ bản và khó cần</p>	3	Đọc học liệu số 1; tham khảo học liệu 2, 3, 4, 5, 6.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>lưu ý.</p> <p>3.3. Nội dung và phương pháp giảng dạy chương bảng tuần hoàn và định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học.</p> <p>3.3.1. Mục tiêu của chương.</p> <p>3.3.2. Nội dung kiến thức của chương.</p> <p>3.3.3. Những điểm cần chú ý về PPGD.</p> <p>3.3.4. Một số nội dung cơ bản và khó cần lưu ý.</p> <p>3.4. Nội dung và phương pháp giảng dạy chương liên kết hoá học.</p> <p>3.4.1. Mục tiêu của chương.</p> <p>3.4.2. Nội dung kiến thức của chương.</p> <p>3.4.3. Những điểm cần chú ý về PPGD.</p> <p>3.4.4. Một số nội dung cơ bản và khó cần lưu ý.</p> <p>3.5. Giảng dạy chương tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học.</p> <p>3.5.1. Mục tiêu của chương.</p> <p>3.5.2. Nội dung kiến thức của chương.</p> <p>3.5.3. Những điểm cần chú ý về PPGD.</p> <p>3.5.4. Một số nội dung cơ bản và khó cần lưu ý.</p> <p>3.6. Giảng dạy chương sự điện li.</p> <p>3.6.1. Mục tiêu của chương.</p> <p>3.6.2. Nội dung kiến thức của chương.</p> <p>3.6.3. Những điểm cần chú ý về PPGD.</p> <p>3.6.4. Một số nội dung cơ bản và khó cần lưu ý.</p>				
	Chương 4: Phương pháp giảng dạy các nguyên tố và chất hoá học	3			
Lý thuyết	<p>4.1. Vị trí và nhiệm vụ chung của các bài dạy về chất - nguyên tố hoá học trong chương trình hoá học phổ thông.</p> <p>4.2. Các nguyên tắc sư phạm cần đảm bảo khi giảng dạy các bài về nguyên tố - chất hoá học.</p> <p>4.3. Giảng dạy các chất hoá học trước khi nghiên cứu lý thuyết chủ đạo (ở THCS).</p>	3	Đọc học liệu số 1; Tham khảo các học liệu số 3, 4, 5, 6, 7.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.3.1. Nhiệm vụ. 4.3.2. Phương pháp giảng dạy. 4.4. Giảng dạy các nhóm nguyên tố - chất sau khi nghiên cứu lý thuyết chủ đạo (ở THPT). 4.4.1. Nhiệm vụ. 4.4.2. Phương pháp giảng dạy. 4.5. Giảng dạy các nội dung sản xuất hóa học. 4.6. Giảng dạy về phi kim. 4.7. Giảng dạy về kim loại.				
Bài tập	Bài tập sau các chương 1, 2, 3, 4 của học liệu số 1.		Nắm vững lí thuyết các chương 1, 2, 3,4	Lớp học	
Thực hành	Theo nội dung thực hành trong các chương 2, 3 của học liệu số 1.	5	Nắm vững lí thuyết các chương 2, 3,4	Phòng máy	
Tự học, tự nghiên cứu	1. Nhận xét về ưu, nhược điểm của chương trình hóa học hiện hành. 2. So sánh nội dung kiến thức của chương trình chuẩn và nâng cao ở trường THPT. 3. Nghiên cứu sự hình thành, phát triển khái niệm chất, phản ứng hoá học trong chương trình THCS. 4. Thiết kế và tập trình bày giáo án các dạng bài dạy về: khái niệm hóa học mở đầu, các thuyết và định luật hóa học, các nguyên tố và chất hóa học.	30	Đọc học liệu số 1,2, 3, 4, 5, 7, ...	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 5: Giảng dạy phân hóa học hữu cơ	3			
Lý thuyết	5.1. Đặc điểm về nội dung - cấu trúc phần hoá hữu cơ trong chương trình hoá học phổ thông. 5.2. Hệ thống kiến thức hoá học hữu cơ trong chương trình hoá học phổ thông. 5.3. Các nguyên tắc sư phạm và phương pháp dạy học chủ yếu trong giảng dạy hợp chất hữu cơ. 5.3.1. Các nguyên tắc sư phạm.	3	Đọc học liệu số 1; tham khảo học liệu 2, 3, 4, 5, 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.3.2. Các phương pháp dạy học cơ bản. 5.4. Giảng dạy một số nội dung quan trọng của phần hóa hữu cơ trong chương trình THPT. 5.4.1. Phần đại cương về hóa học hữu cơ. 5.4.2. Phần hidrocarbon. 5.4.3. Phần dẫn xuất của hidrocarbon. 5.4.4. Phần polime và vật liệu polime.				
	Chương 6: Giảng dạy các bài luyện tập, ôn tập và thực hành hóa học	2			
Lý thuyết	6.1. Giảng dạy các bài luyện tập, ôn tập. 6.1.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng của các bài luyện tập, ôn tập. 6.1.2. Hệ thống các bài luyện tập, ôn tập trong chương trình phổ thông. 6.1.3. Chuẩn bị cho bài dạy luyện tập, ôn tập. 6.1.4. Các phương pháp dạy học được sử dụng trong giờ luyện tập, ôn tập. 6.2. Giảng dạy các bài thực hành hóa học. 6.2.1. Ý nghĩa của các bài thực hành hóa học. 6.2.2. Những yêu cầu sư phạm cần đảm bảo khi dạy bài thực hành hóa học. 6.2.3. Chuẩn bị cho bài thực hành hóa học.	2	Đọc học liệu số 1; tham khảo học liệu 2, 3, 4, 5, 6.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập sau các chương 5, 6 của học liệu số 1.		Nắm vững lí thuyết các chương 5, 6	Lớp học	
Thực hành	Theo nội dung thực hành trong các chương 4, 5, 6 của học liệu số 1.	10	Nắm vững lí thuyết các chương 5, 6	Phòng máy	
Tự học, tự nghiên cứu	Thiết kế và tập trình bày giáo án các dạng bài dạy về: các hợp chất hữu cơ, các bài luyện tập và thực hành hóa học.	30	Đọc học liệu số 1,2, 3, 4, 5, 7, ...	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Thị Sửu, Lê Văn Năm (2009), *Giảng dạy những nội dung quan trọng của chương trình và SGK hóa học phổ thông*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Bộ sách giáo khoa, Bộ sách giáo viên Hóa lớp 8, 9, và 10, 11, 12* (theo chương trình chuẩn và nâng cao).

[3]. Nguyễn Thị Sửu, Hoàng Văn Côi, *Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2008.

[4]. Nguyễn Xuân Trường (2005), *Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

[5]. Đặng Thị Oanh, Nguyễn Thị Sửu (2006), *Phương pháp dạy học các chương mục quan trọng trong chương trình, SGK hóa học phổ thông*, NXB ĐHSP.

[6]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên* (thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10, 11, 12 trung học phổ thông theo chương trình SGK Hóa nâng cao và SGK Hóa chuẩn).

[7]. Nguyễn Cương, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Thị Sửu, Đặng Thị Oanh, Hoàng Văn Côi, Trần Trung Ninh (2005), *Thí nghiệm thực hành Phương pháp dạy học hóa học*, NXB ĐHSP.

[8]. Nguyễn Cương (2007), *Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông và đại học*, NXB Giáo dục .

[9]. Lê Trọng Tín (1999), *Phương pháp dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông trung học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[10]. *Giáo trình hoá Đại cương - Vô cơ - Hữu cơ.*

[11]. <http://edu.net.vn/>

[12]. <http://www.csun.edu.science/chemistry/>

[13]. <http://chemistry.about.com/>

[14]. <http://www.chem.ucla.edu/chempointers.html>

[15]. <http://www.organicworldwide.net/>

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1		1	1	2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	1		1		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1	1		2	2	6
9	1		1		2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15			1		2	2	6
Tổng	14	1	15		30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) <u>Câu 2:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm)	60'	07	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Phương pháp dạy học hoá học 3 (Thực hành)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0982.823.167; email: dunghoa167@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.045.661; Email: tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Phương pháp dạy học hoá học 3
- Mã học phần: TN3.1.319.2
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc
 - + Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học hóa học 1, 2;
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 6 tiết
 - + Thí nghiệm, thực hành: 24 tiết (48 tiết)
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- + Bài tập ở nhà, bài tập lớn: 0 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học:
- + Bộ Môn: Hóa học
- + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật & Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học:

Trang bị cho sinh viên:

Hiểu ý nghĩa, tác dụng của các thí nghiệm hoá học và bài tập hoá học được nghiên cứu, nắm vững kỹ thuật tiến hành và phương pháp sử dụng các thí nghiệm, các phương tiện trực quan, các bài tập hoá học. Biết phân loại và giải bài tập hoá học bằng nhiều cách, biết xây dựng bài tập mới.

Hiểu cách sử dụng các thí nghiệm hoá học quan trọng và các bài tập hoá học điển hình phục vụ cho việc dạy học các bài học quan trọng thuộc chương trình hoá học phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu ý nghĩa, tác dụng của các thí nghiệm hoá học và bài tập hoá học được nghiên cứu
CDR 2	Nắm vững kỹ thuật tiến hành và phương pháp sử dụng các thí nghiệm, các phương tiện trực quan, các bài tập hoá học.
CDR 3	Biết phân loại và giải bài tập hoá học bằng nhiều cách, biết xây dựng bài tập mới.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Rèn kỹ năng tiến hành thí nghiệm, các phương tiện trực quan, biết sử dụng thành thạo nhanh chóng, khéo léo các thí nghiệm, các phương tiện trực quan.
CDR 5	Lựa chọn, sử dụng thí nghiệm hóa học phù hợp với đối tượng và nội dung từng phân học cụ thể.
CDR 6	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng thực hành và các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm mà đã được học ở chương trình các môn Hóa đại cương, Hóa học vô cơ, Hóa học hữu cơ, để có thể thực hiện đầy đủ các thí nghiệm theo hai phương pháp nghiên cứu và minh họa khi giảng dạy ở trường phổ thông.
CDR 7	Giải bài tập hoá học bằng nhiều cách, xây dựng bài tập mới. Sử dụng các phần mềm để thực hiện các thí nghiệm khó và độc hại.
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 9	Rèn luyện kỹ năng sử dụng thời gian hiệu quả. Sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, môn học.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Làm việc trật tự, ngăn nắp, mỹ thuật, khoa học, cẩn thận, chính xác, trung thực với kết quả khi tiến hành thí nghiệm. Chuẩn bị đề cương thực hành trước khi làm thí nghiệm.

CDR 11	Nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của thí nghiệm hoá học đối với quá trình dạy học hoá học ở trường phổ thông
CDR 12	Hình thành lòng yêu nghề thực sự, tư tưởng không ngừng học hỏi, thường xuyên cập nhật các thông tin khoa học Hóa học, tích cực vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, thích hợp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức	Kỹ năng							Thái độ, năng lực tự chủ				
			Cứng							Mềm				
			CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
Chương 1. Bài mở đầu	1. Yêu cầu, nội dung phương pháp thí nghiệm thực hành về phương pháp dạy học hoá học (LT 1 tiết)	2	1	1	1	1	1		1	1			2	1
	2. Những công tác cơ bản trong phòng thí nghiệm hoá học (LT 1 tiết)	1	1	1	1	1	1		1	1	2	1		1
	3. Thí nghiệm về định luật bảo toàn khối lượng các chất (TH 1 tiết)	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
Chương 2. Các thí nghiệm về hợp chất vô cơ	1. Thí nghiệm về oxi	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	2. Thí nghiệm về hiđro - nước	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	3. Thí nghiệm về dung dịch, oxit, bazơ, axit, muối	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	4. Thí nghiệm về kim loại – phi kim	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
Chương 3. Các thí nghiệm về hợp chất hữu cơ	1. Thí nghiệm về metan	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	2. Thí nghiệm về etylen	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	3. Thí nghiệm về axetilen	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	4. Thí nghiệm về rượu etilic	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
Chương 4. Thí nghiệm vui và hướng dẫn tổ chức các thí nghiệm thực hành ở THCS	1. Các thí nghiệm vui dùng cho công tác ngoại khoá về hoá học	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	2. Hướng dẫn tổ chức các thí nghiệm thực hành hoá học ở lớp 8.	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	3. Hướng dẫn về kĩ thuật và phương pháp tổ chức các thí nghiệm thực hành hoá học ở lớp 9.	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2
	4. Chế tạo đồ dùng dạy học: Làm các sơ đồ, tranh vẽ, mô hình, sưu tầm các mẫu vật thật và các tài liệu thực tiễn phục vụ việc dạy một số bài học hoá học ở THCS	2	2		2	2	2		2	2	2	2		2

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>hành thí nghiệm về PPDHHH.</p> <p>1.1.4. Tập biểu diễn thí nghiệm trong giờ thực hành thí nghiệm về PPDHHH.</p> <p>1.2. Những công tác cơ bản trong phòng thí nghiệm hoá học (LT 1 tiết)</p> <p>1.2.1. Lắp dụng cụ thí nghiệm: Chọn nút và khoan nút; cắt và uốn ống thủy tinh, sử dụng dụng cụ bằng gỗ (cặp gỗ) và kim loại (giá sắt, cặp sắt); lắp dụng cụ thí nghiệm.</p> <p>1.2.2. Hoà tan, lọc, pha chế dung dịch.</p> <p>2.3. Cân và cách sử dụng cân.</p> <p>1.2.4. Sử dụng các dụng cụ đốt nóng.</p> <p>1.3. Thí nghiệm về định luật bảo toàn khối lượng các chất (TH 1 tiết)</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Đọc các phần lí thuyết và thực hành trong các học liệu trước khi nghe giảng và làm thí nghiệm.</p> <p>Nêu chi tiết hóa chất, dụng cụ tiến hành thí nghiệm.</p> <p>Quan sát, phân tích, giải thích các hiện tượng thu được. Viết phương trình phản ứng. Vẽ hình.</p>	4	<p>Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.</p> <p>Chuẩn bị đề cương.</p> <p>Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1.</p>	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Các thí nghiệm về hợp chất vô cơ	12			
Thực hành	<p>2.1. Thí nghiệm về oxi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chế oxi trong phòng thí nghiệm. - Thu oxi vào khí kế và khí kế đơn giản. - Các thí nghiệm về tính chất hoá học của oxi. <p>2.2. Thí nghiệm về hidro - nước</p>	12	<p>Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.</p> <p>Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho.</p> <p>Nêu được một số chú ý để thí nghiệm</p>	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chế Hidro trong phòng thí nghiệm. - Thử độ tinh khiết hidro. - Sử dụng bình Kíp và bình Kíp đơn giản. - Các thí nghiệm về tính chất hoá học của hidro. Phản ứng nổ của hidro với oxi và với không khí. - Lọc nước. Phân tích nước bằng dòng điện. <p>2.3. Thí nghiệm về dung dịch, oxit, bazơ, axit, muối.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pha chế dung dịch có nồng độ khác nhau. - Tính chất hoá học của oxit, bazơ, axit, muối. <p>2.4. Thí nghiệm về kim loại – phi kim</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm về độ dẫn nhiệt khác nhau của các kim loại khác nhau. - Điều chế muối $FeCl_2$ và $Fe(OH)_2$. - So sánh độ hoạt động của các kim loại nhôm, sắt, đồng. - Tính hấp phụ của than gỗ. - Phản ứng của than gỗ với đồng oxit. - Điều chế khí cacbon đioxit. 		thành công.		
Tự học, tự nghiên cứu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật sử dụng những dụng cụ cơ bản và công tác cơ bản trong phòng thí nghiệm hoá học. 2. Cách tiến hành các thí nghiệm trong chương 2. 3. Mục đích đức dục, trí dục của từng thí nghiệm trong chương 2 và mối liên hệ của chúng với nội dung bài dạy cụ thể ở phổ thông. 4. Lập kế hoạch sử dụng các thí nghiệm trong chương 2 với các bài dạy cụ thể nhằm tích cực hóa hoạt 	12	<p>Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.</p> <p>Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1.</p>	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>động tư duy của học sinh.</p> <p>5. Tập vẽ hình, biểu diễn các thí nghiệm trong chương 2.</p> <p>6. Chế tạo một số dụng cụ thí nghiệm đơn giản trong chương 2.</p>				
	Chương 3. Các thí nghiệm về hợp chất hữu cơ	12			
Thực hành	<p>3.1. Thí nghiệm về metan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu khí metan từ bùn - Đốt cháy metan - Tác dụng với dung dịch brom và dung dịch KMnO_4 <p>3.2. Thí nghiệm về etylen</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chế etylen - Đốt cháy etylen - Tác dụng của etylen với dung dịch brom và dung dịch KMnO_4 <p>3.3. Thí nghiệm về axetilen</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chế axetilen - Đốt cháy C_2H_2 - Phản ứng nổ của C_2H_2 - Tác dụng của C_2H_2 với dung dịch brom và KMnO_4 <p>3.4. Thí nghiệm về rượu etilic</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng este hoá giữa rượu etilic và axit axetic có axit sunfuric làm xúc tác 	12	<p>Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.</p> <p>Thực hiện được thí nghiệm trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.</p>	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Cách tiến hành các thí nghiệm trong chương 3.</p> <p>2. Mục đích đức dục, trí dục của từng thí nghiệm trong chương 3 và mối liên hệ của chúng với nội dung bài dạy cụ thể ở phổ thông.</p> <p>3. Lập kế hoạch sử dụng các thí nghiệm trong chương 3 với các hoạt động ngoại khóa.</p> <p>4. Tập vẽ hình, biểu diễn các thí</p>	12	<p>Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.</p> <p>Chuẩn bị đề cương. Làm các câu hỏi và bài tập sau mỗi bài thực hành ở học liệu 1.</p>	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>nghiệm trong chương 3.</p> <p>5. Chế tạo một số dụng cụ thí nghiệm đơn giản trong chương 3.</p>				
TÍN CHỈ 2					
	Chương 4. Thí nghiệm vui và hướng dẫn tổ chức các thí nghiệm thực hành ở THCS	12			
Lý thuyết	<p>4.1. Các thí nghiệm vui dùng cho công tác ngoại khoá về hoá học.</p> <p>4.2. Hướng dẫn tổ chức các thí nghiệm thực hành hoá học ở lớp 8.</p> <p>4.3. Hướng dẫn về kĩ thuật và phương pháp tổ chức các thí nghiệm thực hành hoá học ở lớp 9.</p> <p>4.4. Chế tạo đồ dùng dạy học: Làm các sơ đồ, tranh vẽ, mô hình, sưu tầm các mẫu vật thật và các tài liệu thực tiễn phục vụ việc dạy một số bài học hoá học ở THCS.</p>	2	Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.	Phòng thí nghiệm hoặc lớp học.	
Thực hành	<p>- Thực hiện thí nghiệm thực hành ở lớp 8, 9. Các thí nghiệm đã chuẩn bị, tập dượt và rèn luyện kĩ năng, thao tác thí nghiệm.</p> <p>- Trao đổi, thảo luận, lựa chọn phương án xử lý tình huống sư phạm tối ưu đối với người giáo viên bộ môn Hóa học.</p>	10	Thực hiện được thí nghiệm đã chuẩn bị trên mô hình và hóa chất dụng cụ đã cho. Nêu được một số chú ý để thí nghiệm thành công.	Phòng thí nghiệm	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>1. Cách tiến hành các thí nghiệm trong chương 4.</p> <p>2. Mục đích đức dục, trí dục của thí nghiệm vui trong chương trình và mối liên hệ của chúng với nội dung bài dạy cụ thể ở phổ thông.</p> <p>3. Lập kế hoạch sử dụng các thí nghiệm vui trong chương trình với các bài dạy cụ thể.</p> <p>- Tên thí nghiệm, các chỉ dẫn cần thiết khi tiến hành thí nghiệm đó.</p> <p>- Đề xuất các yêu cầu về hóa chất</p>	12	<p>Từng SV nghiên cứu SGK và tài liệu tham khảo, tự làm một thiết bị dạy học đơn giản.</p> <p>Mỗi SV chuẩn bị đề xuất một tình huống sư phạm giả định có thể xảy ra.</p> <p>Mỗi nhóm lựa chọn 1-2 tình huống sư phạm điển hình để trao đổi trên lớp.</p>	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>và dụng cụ cần thiết.</p> <p>- Dự kiến các phân trình diễn thí nghiệm (tình huống giả định, phác thảo kịch bản...)</p> <p>4. Tập vẽ hình, biểu diễn các thí nghiệm vui.</p> <p>5. Chế tạo đồ dùng dạy học trong chương trình lớp 8, 9.</p>		Mỗi nhóm SV) từ 3 – 5 người) nghiên cứu tài liệu, thảo luận và đề xuất 1 thí nghiệm vui về hóa học.		
	Chương 5. Giải bài tập hóa học thuộc chương trình Hóa học trường THCS	14			
Lý thuyết	<p>5.1. Sinh viên chọn một số bài tập hóa học điển hình trong sách giáo khoa hóa học lớp 8, 9, phân tích ý nghĩa và tác dụng của mỗi bài tập đã được chọn.</p> <p>5.2. Phương pháp giải các bài tập hóa học ở lớp 8 và lớp 9.</p> <p>5.2.1. Phương pháp chung giải bài tập hoá học</p> <p>5.2.2. Các bước chủ yếu của quá trình giải một bài tập hoá học</p> <p>5.2.3. Phương pháp giải bài tập lý thuyết (định tính và định lượng)</p> <p>5.2.4. Phương pháp giải bài tập thực nghiệm (định tính và định lượng).</p> <p>5.3. Xây dựng đề bài tập hóa học mới thuộc chương trình hóa học THCS</p>	2	Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.	Phòng thí nghiệm	
Thực hành	<p>- Lựa chọn và giới thiệu 1 -2 bài tập cho mỗi kiểu bài toán đã nghiên cứu ứng với trình độ riêng của lớp 8 và 9.</p> <p>- Tổ chức thảo luận nhóm về cách giải quyết các bài toán đã giới thiệu, các bài tập đã đề xuất.</p> <p>- Tập cho một vài ví dụ có nội dung phần lý thuyết gắn với giáo án chuẩn bị cho đợt thực tập sư phạm</p>	12	<p>- Từng SV nghiên cứu SGK, sách bài tập Hóa học lớp 8, 9</p> <p>- Hoàn thiện các bài tập đã soạn.</p>	Phòng thí nghiệm	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	ở trường THCS.				
Tự nghiên cứu	<p>1. Phân loại các dạng bài tập. Phân tích ý nghĩa và tác dụng của mỗi dạng bài tập.</p> <p>2. Chọn mỗi dạng một bài tập xây dựng các bước giải và lập kế hoạch hướng dẫn.</p> <p>3. Xây dựng đề bài tập hóa học mới thuộc chương trình hóa học THCS</p>	14	Đọc học liệu số 1, tham khảo các học liệu 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.	Thư viện, ở nhà	

9. Tài liệu học tập

9.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Thị Sửu, Hoàng Văn Côi (2008), *Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Bộ sách giáo khoa, Bộ sách giáo viên Hóa lớp 8, 9, và 10, 11, 12* (theo chương trình chuẩn và nâng cao).

[3]. Nguyễn Cương, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Thị Sửu, Đặng Thị Oanh, Hoàng Văn Côi, Trần Trung Ninh (2005), *Thí nghiệm thực hành Phương pháp dạy học hóa học*, NXB ĐHSP.

[4]. Nguyễn Thị Sửu, Lê Văn Năm (2009), *Giảng dạy những nội dung quan trọng của chương trình và SGK hóa học phổ thông*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Nguyễn Xuân Trường (2005), *Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Cương, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Thị Sửu, Đặng Thị Oanh, Hoàng Văn Côi, Trần Trung Ninh (2005), *Thí nghiệm thực hành Phương pháp dạy học hóa học*, NXB ĐHSP.

[6]. Đặng Thị Oanh, Nguyễn Thị Sửu (2006), *Phương pháp dạy học các chương mục quan trọng trong chương trình, SGK hóa học phổ thông*, NXB ĐHSP.

[7]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên* (thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10, 11, 12 trung học phổ thông theo chương trình SGK Hóa nâng cao và SGK Hóa chuẩn).

[8]. Nguyễn Cương (2007), *Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông và đại học*, NXB Giáo dục.

[9]. Lê Trọng Tín (1999), *Phương pháp dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông trung học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[10]. *Giáo trình thực hành hoá Đại cương - Vô cơ - Hữu cơ*.

[11]. <http://edu.net.vn/>

[12]. <http://www.csun.edu.science/chemistry/>

[13]. <http://chemistry.about.com/>

[14]. <http://www.chem.ucla.edu/chempointers.html>

[15]. <http://www.organicworldwide.net/>

10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		4
2			4		4		8
3			4		4		8
4			4		4		8
5			4		4		8
6			4		4		8
7			4		4		8
8			4		4		8
9	2				4		4
10			4		4		8
11			4		4		8
12	2				4		4
13			4		4		8
14			4		4		8
15			4		4		8
Tổng	6		48		60		114

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy

+ Phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ và hóa chất.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

+ Dự lớp các buổi thực hành theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao. Chuẩn bị đề cương thí nghiệm.

+ Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.

+ Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.

+ Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo thực hành.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học:

11.1. Đánh giá ý thức tự đọc tài liệu ở nhà, ý thức làm thí nghiệm trên phòng thí nghiệm và chuẩn bị bài thí nghiệm, dự đủ các bài thực hành: 10%.

11.2. Kiểm tra bài trước buổi thí nghiệm: 30%.

11.3. Điểm báo cáo các bài thực hành, phải làm và nộp đầy đủ các bài tường trình thí nghiệm: 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Kỹ thuật dạy học Sinh học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Ninh Thị Bạch Diệp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Khảo thí - ĐBCL.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - ĐBCL. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại : DD : 0972.997.176; Email : ninhdiiep.tq@gmail.com-
- Các hướng nghiên cứu chính: Dạy học nhóm nhỏ; Phương pháp dạy học Sinh học.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, VPK KH Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - KT&CN.Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0962.975.056; Email: hainguyentq0495@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực vật, PPDH

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật dạy học Sinh học
- Mã học phần: TN2.1.431.3
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần:
 - + Bắt buộc hay tự chọn: Lựa chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp
 - + Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Lí luận dạy học và lí luận giáo dục ở trường THCS
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
 - + Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 21 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học
 - + Khoa: KH Tự nhiên – KT&CN

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về kỹ thuật dạy học và công nghệ dạy học. Trên cơ sở đó tìm hiểu và vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Sinh học. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng cơ bản để thiết kế bài học có vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với nội dung bài học. Từ đó, hình thành cho các em thái độ tích cực trong đổi mới và áp dụng các kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy học tích cực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về kỹ thuật dạy học và công nghệ dạy học.
CDR 2	Hiểu được bản chất, ưu điểm - nhược điểm, quy trình, điều kiện áp dụng của các kỹ thuật dạy học tích cực.
CDR 3	Hiểu được hình thức, quy trình đánh giá bài giảng.
CDR 4	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để thiết kế bài giảng có sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong chương trình Sinh học phổ thông.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Có kỹ năng thiết kế giáo án sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong chương trình Sinh học phổ thông.
CDR 6	Cỡ kỹ năng tổ chức thực hiện bài giảng theo giáo án đã được thiết kế.
CDR 7	Có kỹ năng thiết kế bộ công cụ đánh giá trong dạy - học tích cực.
Kỹ năng mềm	
CDR 8	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu các kỹ thuật dạy học tích cực.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 9	Hình thành thái độ và ý thức học tập nghiêm túc, say mê nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng		Mềm					
		CĐ 1	CĐ 2	CĐ 3	CĐ 4	CĐ 5	CĐ 6	CĐ 7	CĐ 8	CĐ 9	CĐ 10
Chương 1. Kỹ thuật dạy học, công nghệ dạy học	1. Khái niệm kỹ thuật dạy học.	2							1	1	
	2. Khái niệm công nghệ dạy học.	2							1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng		Mềm					
		CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CĐ Đ R 6	CĐ Đ R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10
Chương 2. Một số Kỹ thuật dạy học tích cực	1. Tìm hiểu Kỹ thuật công não		2		1	1	1		1	1	1
	2. Tìm hiểu Kỹ thuật “XYZ”; Kỹ thuật “bể cá”; Kỹ thuật “ô bi”		2		1	1	1		1	1	1
	3. Tìm hiểu Kỹ thuật tranh luận		2		1	1	1		1	1	1
	4. Tìm hiểu Kỹ thuật lược đồ tư duy (bản đồ khái niệm)		2		1	1	1		1	1	1
	5. Tìm hiểu Kỹ thuật dạy học bằng nhóm nhỏ		2		1	1	1		1	1	1
	6. Tìm hiểu Kỹ thuật tình huống		2		1	1	1		1	1	1
	7. Tìm hiểu Kỹ thuật dạy học cho lớp đông người học		2		1	1	1		1	1	1
	8. Tìm hiểu Kỹ thuật dạy học đóng vai		2		1	1	1		1	1	1
	9. Tìm hiểu Kỹ thuật thuyết trình (tích cực)		2		1	1	1		1	1	1
	10. Tìm hiểu Kỹ thuật chia nhóm		2		1	1	1		1	1	1
	11. Tìm hiểu Kỹ thuật giao nhiệm vụ		2		1	1	1		1	1	1
	12. Tìm hiểu Kỹ thuật đặt câu hỏi		2		1	1	1		1	1	1
	13. Tìm hiểu Kỹ thuật “Khăn trải bàn”; “Phòng tranh”		2		1	1	1		1	1	1
	14. Tìm hiểu Kỹ thuật “Công đoạn”; “Mảnh ghép”		2		1	1	1		1	1	1
	15. Tìm hiểu Kỹ thuật “Hỏi và trả lời”; “Hỏi chuyên gia”		2		1	1	1		1	1	1
	16. Tìm hiểu Kỹ thuật “Hoàn tất một nhiệm vụ”; “Trình bày một phút”		2		1	1	1		1	1	1
	17. Tìm hiểu Kỹ thuật “Viết tích cực”; “Đọc tích cực”		2		1	1	1		1	1	1
	18. Tìm hiểu Kỹ thuật “Phân tích phim”; “Tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm”		2		1	1	1		1	1	1
Chương 3. Kỹ	1. Tìm hiểu Kỹ thuật “Xác định mục			2	1				1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ					
				Cứng		Mềm							
		CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CĐ Đ R 6	CĐ Đ R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10		
thuật chuẩn bị, thực hiện và đánh giá bài giảng	tiêu bài giảng” (Công thức: SMART)												
	2. Tìm hiểu Kỹ thuật “Xác định nội dung bài giảng”			2	1				1	1		1	1
	3. Tìm hiểu Kỹ thuật “Thiết kế mở đầu bài giảng” (Công thức GLOSS)			2	1				1	1		1	1
	4. Tìm hiểu Kỹ thuật “Thiết kế phần thân bài giảng” và Kỹ thuật “Thiết kế phần kết thúc bài giảng”			2	1				1	1		1	1
	5. Tìm hiểu Kỹ thuật “Thực hiện bài giảng lý thuyết”			2	1				1	1		1	1
	6. Tìm hiểu Kỹ thuật “Đánh giá bài giảng”			2	1				1	1		1	1

6. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình đề cập đến những vấn đề chung về kỹ thuật dạy học, công nghệ dạy học sinh học ở trường phổ thông: Kỹ thuật xác định mục tiêu của bài học, kỹ thuật định nghĩa các khái niệm, phát biểu nội dung quy luật sinh học, sử dụng câu hỏi và xây dựng, sử dụng phiếu học tập.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1		15			
	Chương 1 Kỹ thuật dạy học, công nghệ dạy học	2			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm kỹ thuật dạy học. 1.2. Khái niệm công nghệ dạy học.	2	Học học liệu số 1; tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	4	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2 Một số Kỹ thuật dạy học tích cực	13			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>2.1. Tìm hiểu Kỹ thuật công não</p> <p>2.2. Tìm hiểu Kỹ thuật “XYZ”; Kỹ thuật “bê cá”; Kỹ thuật “ô bi”</p> <p>2.3. Tìm hiểu Kỹ thuật tranh luận</p> <p>2.4. Tìm hiểu Kỹ thuật lược đồ tư duy (bản đồ khái niệm)</p> <p>2.5. Tìm hiểu Kỹ thuật dạy học bằng nhóm nhỏ</p>	6	Học học liệu số 1; tham khảo các học liệu khác	Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	<p>Bài tập 1:</p> <p>Thiết kế 01 GA sinh học 10 có vận dụng “Kỹ thuật dạy học bằng nhóm nhỏ”</p>	7			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	26	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2		15			
Chương 2 Một số Kỹ thuật dạy học tích cực (Tiếp)		15			
Lý thuyết	<p>2.6. Tìm hiểu Kỹ thuật tình huống</p> <p>2.7. Tìm hiểu Kỹ thuật dạy học cho lớp đông người học</p> <p>2.8. Tìm hiểu Kỹ thuật dạy học đóng vai</p> <p>2.9. Tìm hiểu Kỹ thuật thuyết trình (tích cực)</p> <p>2.10. Tìm hiểu Kỹ thuật chia nhóm</p> <p>2.11. Tìm hiểu Kỹ thuật giao nhiệm vụ</p> <p>2.12. Tìm hiểu Kỹ thuật đặt câu hỏi</p> <p>2.13. Tìm hiểu Kỹ thuật “Khăn trải bàn”; “Phòng tranh”</p> <p>2.14. Tìm hiểu Kỹ thuật “Công đoạn”; “Mảnh ghép”</p> <p>2.15. Tìm hiểu Kỹ thuật “Hỏi và trả</p>	8	Học học liệu số 1; tham khảo các học liệu khác	Phòng học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>lời”; “Hỏi chuyên gia”</p> <p>2.16. Tìm hiểu Kỹ thuật “Hoàn tất một nhiệm vụ”; “Trình bày một phút”</p> <p>2.17. Tìm hiểu Kỹ thuật “Viết tích cực”; “Đọc tích cực”</p> <p>2.18. Tìm hiểu Kỹ thuật “Phân tích phim”; “Tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm”</p>				
	Kiểm tra giữa kỳ	1		Phòng học	
Bài tập, xêmina, thảo luận	<p>Bài tập 2:</p> <p>Thiết kế 01 GA sinh học 11 có vận dụng “Kỹ thuật tình huống”</p> <p>Thiết kế 01 GA sinh học 12 có vận dụng “Kỹ thuật lược đồ tư duy”</p>	6			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	30	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 3		15			
Chương 3: Kỹ thuật chuẩn bị, thực hiện và đánh giá bài giảng		15			
Lý thuyết	<p>3.1. Tìm hiểu Kỹ thuật “Xác định mục tiêu bài giảng” (Công thức: SMART)</p> <p>3.2. Tìm hiểu Kỹ thuật “Xác định nội dung bài giảng”</p> <p>3.3. Tìm hiểu Kỹ thuật “Thiết kế mở đầu bài giảng” (Công thức GLOSS)</p> <p>3.4. Tìm hiểu Kỹ thuật “Thiết kế phần thân bài giảng” và Kỹ thuật “Thiết kế phần kết thúc bài giảng”</p> <p>3.5. Tìm hiểu Kỹ thuật “Thực hiện bài giảng lý thuyết”</p> <p>3.6. Tìm hiểu Kỹ thuật “Đánh giá bài giảng”</p> <p>Tìm hiểu Kỹ thuật “Xác định kết quả học tập” (Theo thang đánh giá của</p>	8	Học học liệu số 1; tham khảo các học liệu khác	Phòng học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Bloom)				
Bài tập, xêmina, thảo luận	Bài tập 3: Thiết kế 01 GA sinh học 10 có vận dụng tổng hợp các Kỹ thuật dạy học trên. Thiết kế 01 GA sinh học 11 có vận dụng tổng hợp các Kỹ thuật dạy học trên. Thiết kế 01 GA sinh học 12 có vận dụng tổng hợp các Kỹ thuật dạy học trên.	7			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	30	Đọc các tài liệu tham khảo sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Hồng (2012), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

[2] Trần Bá Hoàn (1996), *Kỹ thuật dạy học Sinh học*, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ GD & ĐT, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực (Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học)*, Nxb Đại học Sư phạm.

[4] Sinh học 6, 7, 8.9.

[5] Trần Bá Hoàn, Trịnh Nguyên Giao (2002), *Đại cương phương pháp dạy học Sinh học*, Nxb Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				4	2	9
2	3				4	2	9
3	2		1		4	2	9
4			3		4	2	9
5			3		4	2	9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
6	3				4	2	9
7	3				4	2	9
8	2	1			4	2	9
9			3		4	2	9
10			3		4	2	9
11	3				4	2	9
12	3				4	2	9
13	2		1		4	2	9
14			3		4	2	9
15			3		4	2	9
Tổng	24	1	20		60	30	135

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
- + Phòng học có máy chiếu projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
- + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
- + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
- + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
- + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1 (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2 (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3 (3 điểm)	90'	3

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Cơ sở di truyền và chọn giống

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 212 985; quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái động vật; Giải phẫu sinh lí người

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hoàng Thị Lệ Thương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0983 586 193; hoangthilethuong@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh – Công nghệ sinh học

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Cơ sở di truyền và chọn giống
- Mã học phần: TN2.1.432.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Tự chọn: [Lựa chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp](#)
 - + Điều kiện tiên quyết: Di truyền học, Động vật và Thực vật học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 giờ
 - +Thực hành, thảo luận: 5 giờ
 - + Kiểm tra: 1
 - +Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật – Công nghệ.

3. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và các phương pháp chọn giống động thực vật hiện nay dựa trên cơ sở khoa học của sự di truyền các tính trạng, từ đó có định hướng tốt cho công tác chọn tạo giống hiện đại...cũng như thực hiện tốt công tác giảng dạy ở phổ thông sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được khái niệm về giống, vật liệu khởi đầu cũng như khái niệm và các trạng thái của tính không hợp trong công tác chọn giống thực vật.
CDR 2	Phân tích được cách tiến hành các phương pháp chọn lọc, lai hữu tính và đặc điểm của ưu thế lai trong công tác chọn giống thực vật.
CDR 3	Hiểu được tác dụng của đột biến trong chọn giống thực vật và nắm được ứng dụng CNSH trong chọn tạo và cải tiến giống cây trồng
CDR 4	Hiểu được khái niệm về giống động vật và vai trò của thú hoang. Đồng thời hiểu được cơ sở di truyền của một số tính trạng ở động vật nuôi, từ đó phân tích được các phương pháp chọn giống động vật
CDR 5	Phân tích đặc điểm của ưu thế lai trong công tác chọn giống động vật và nắm được ứng dụng của CNSH trong chọn giống động vật
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Kĩ năng thực hành thí nghiệm và khả năng phân tích các hiện tượng di truyền và biến dị trong công tác chọn tạo giống vật nuôi cây trồng.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Bồi dưỡng kĩ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức							Kĩ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
									Cứng	Mềm	
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	
Chương 1: Giống và vật liệu khởi đầu trong chọn giống thực vật	Mở đầu	1						2	2	1	
	1.1. Khái niệm về giống và phân loại giống cây trồng	2						2	2	2	
	1.2. Các tính trạng và đặc tính của giống cây trồng	2						2	2	2	
	1.3. Tiêu chuẩn giống tốt và các khâu trong công tác giống cây trồng	2						2	2	2	
	1.4. Vật liệu khởi đầu trong công tác giống cây trồng	2					1	2	2	2	
Chương 2: Hệ thống di truyền kiểm soát tính không hợp ở thực vật	2.1. Khái niệm và các trạng thái của tính không hợp.	2						2	2	2	
	2.2. Tính không hợp đa hình và tính không hợp giả	2					1	2	2	2	
	2.3. Mối quan hệ giữa tính không hợp với các kiểu hạt phấn.	2					1	2	2	2	
	2.4. Hiện tượng đa bội và lai xa với tính không hợp	2					2	2	2	2	
	2.5. Nguyên tắc sử dụng tính không hợp trong chọn giống theo ưu thế lai	2					1	2	2	2	
Chương 3: Các phương pháp chọn lọc	3.1. Khái niệm và các hình thức chọn lọc ở cây trồng	2						2	2	2	
	3.2. Đặc điểm di truyền biến dị của các tính trạng chọn lọc ở cây trồng	2					1	2	2	2	
	3.3. Các phương pháp chọn lọc ở cây sinh sản hữu tính	2					2	2	2	2	
	3.4. Các phương pháp chọn lọc ở cây sinh sản vô tính	2					2	2	2	2	
Chương 4: Lai hữu tính và ưu thế lai trong chọn giống thực vật	4.1. Các phương pháp lai hữu tính	2					2	2	2	2	
	4.2. Khái niệm về ưu thế lai, dòng tự phối và tính bất thụ đực.	2					1	2	2	2	
	4.3. Sự di truyền tính bất thụ đực và ứng dụng	2					2	2	2	2	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kĩ năng		Thái độ, năng lực tự chủ
								Cứng	Mềm	
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
	4.4. Vấn đề duy trì ưu thế lai ở thế hệ sau		2				2	2	2	2
Chương 5: Đột biến thực nghiệm trong chọn giống thực vật	5.1. Tác dụng của đột biến trong chọn giống			2			1	2	2	2
	5.2. Ảnh hưởng của đặc tính di truyền trong vật liệu đến sự phát sinh đột biến			2			2	2	2	2
	5.3. Các nhân tố gây đột biến và quá trình phát sinh đột biến			2			2	2	2	2
	5.4. Các nguyên tắc của chọn giống đột biến			2			1	2	2	2
Chương 6: CNSH trong chọn tạo và cải tiến giống cây trồng	6.1. Ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn giống cây trồng			2			2	2	2	2
	6.2. Chuyển gen trong chọn giống cây trồng			2			2	2	2	2
	6.3. Nuôi cấy mô tế bào			2			2	2	2	2
	6.4. Lai tế bào soma			2			2	2	2	2
Chương 7: Giống động vật và vai trò của thú hoang	7.1. Giống động vật và sự thuần hoá thú hoang				2			2	2	2
	7.2. Nguồn gen động vật ở nước ta				2		1	2	2	2
	7.3. Công tác giống động vật				2		1	2	2	2
Chương 8: CSDT một số TT ở vật nuôi, các PPCG và đánh giá	8.1. Sự di truyền một số tính trạng đơn giản				2		1	2	2	2
	8.2. Sự di truyền một số tính trạng phức tạp				2		1	2	2	2
	8.3. Các phương pháp chọn giống và đánh giá vật nuôi				2		2	2	2	2
Chương 9: Lai giống và ưu thế lai trong chọn giống động vật	9.1. Ưu thế lai và cơ sở di truyền của ưu thế lai ở vật nuôi					2	1	2	2	2
	9.2. Cách duy trì ưu thế lai ở vật nuôi					2	2	2	2	2
	9.3. Các phương pháp lai giống ở vật nuôi và cơ sở di truyền học					2	2	2	2	2
Chương 10: CNSH với chọn giống động vật	10.1. Cơ sở di truyền của thụ tinh nhân tạo					2	1	2	2	2
	10.2. Siêu bào noãn và cấy chuyển phôi					2	1	2	2	2
	10.3. Chuyển gen ở động vật					2	1	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm các kiến thức về cơ sở di truyền chọn giống thực vật và chọn giống động vật gồm các vấn đề về Vật liệu khởi đầu, cơ sở di truyền của ưu thế lai, của đột biến cảm ứng, CNSH... trong chọn tạo và cải tiến giống cây trồng. Chọn giống đánh giá vật nuôi, các phương pháp lai giống vật nuôi...

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1: Giống và vật liệu khởi đầu trong chọn giống thực vật	2			
Lý thuyết	Mở đầu: 1.1. Khái niệm về giống và phân loại giống cây trồng 1.2. Các tính trạng và đặc tính của giống cây trồng 1.3. Tiêu chuẩn giống tốt và các khâu trong công tác giống cây trồng 1.4. Vật liệu khởi đầu trong công tác giống cây trồng	2	Đọc học liệu 2, 3, 4. Tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Hệ thống di truyền kiểm soát tính không hợp ở thực vật	3			
Lý thuyết	2.1. Khái niệm và các trạng thái của tính không hợp. 2.2. Tính không hợp đa hình và tính không hợp giả 2.3. Mối quan hệ giữa tính không hợp với các kiểu hạt phấn. 2.4. Hiện tượng đa bội và lai xa với tính không hợp 2.5. Nguyên tắc sử dụng tính không hợp trong chọn giống theo ưu thế lai	3	Đọc học liệu 2, 3, 4 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	6	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 3: Các phương pháp chọn lọc	3			
	3.1. Khái niệm và các hình thức chọn lọc ở cây trồng 3.2. Đặc điểm di truyền biến dị của các tính trạng chọn lọc ở cây trồng 3.3. Các phương pháp chọn lọc ở cây sinh sản hữu tính 3.4. Các phương pháp chọn lọc ở cây sinh sản vô tính	3	Đọc học liệu 2, 3, 4, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	6	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Lai hữu tính và ưu thế lai trong chọn giống thực vật	2			
	4.1. Các phương pháp lai hữu tính 4.2. Khái niệm về ưu thế lai, dòng tự phối và tính bất thụ đực. 4.3. Sự di truyền tính bất thụ đực và ứng dụng 4.4. Vấn đề duy trì ưu thế lai ở thế hệ sau	2	Đọc học liệu 2, 3, 4, tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5: Đột biến thực nghiệm trong chọn giống thực vật	2			
Lý thuyết	5.1. Tác dụng của đột biến trong chọn giống 5.2. Ảnh hưởng của đặc tính di truyền trong vật liệu đến sự phát sinh đột biến 5.3. Các nhân tố gây đột biến và quá trình phát sinh đột biến 5.4. Các nguyên tắc của chọn giống đột biến	2	Đọc học liệu 2, 3, 4, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: CNSH trong chọn tạo và cải tiến giống cây trồng	2			
Lý thuyết	6.1. Ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn giống cây trồng 6.2. Chuyển gen trong chọn giống cây trồng 6.3. Nuôi cấy mô tế bào 6.4. Lai tế bào soma	2	Đọc học liệu 2, 3, 4, và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Kiểm tra		1			
	Tín chỉ 2	15			
Thực hành	Bài 1: Lai hữu tính ở lúa, cà chua Bai 2: Gây tạo đột biến bằng phóng xạ và hoá chất Bài 3: Thu nhận và phân tích các thể đột biến Bài 4: Các phương pháp tạo đa bội thể ở thực vật Bài 5: Quy trình thu nhận thể đa bội bằng Consixin	3	Đọc học liệu 3, 6 và đọc bài thực hành trong học liệu	P. TN	
Thảo luận	- Cơ sở di truyền của chọn giống đột biến và ưu thế lai - Các phương pháp hiện đại và cơ sở khoa học trong chọn tạo giống cây trồng	1	Đọc học liệu 2,3,4,5 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	8	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 7: Giống động vật và vai trò của thú hoang	2			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	7.1. Giống động vật và sự thuần hoá thú hoang 7.2. Nguồn gen động vật ở nước ta 7.3. Công tác giống động vật	2	Đọc học liệu số 1, 4, 5, 6 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	4	Làm bài về nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 8: Cơ sở di truyền một số tính trạng ở vật nuôi, các phương pháp chọn giống và đánh giá	3			
Lý thuyết	8.1. Sự di truyền một số tính trạng đơn giản 8.2. Sự di truyền một số tính trạng phức tạp 8.3. Các phương pháp chọn giống và đánh giá vật nuôi	3	Đọc học liệu số 1, 4, 5, 6 và tham khảo học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Nắm chắc các kiến thức về các quy luật DT; biết phương pháp làm các bài tập trong các đề thi đại học và HSG ...	6	Đọc các học liệu bắt buộc và tham khảo có liên quan	Thư viện, ở nhà	
	Chương 9: Lai giống cơ sở di truyền và ưu thế lai trong chọn giống vật nuôi	3			
	9.1. Ưu thế lai và cơ sở di truyền của ưu thế lai ở vật nuôi 9.2. Cách duy trì ưu thế lai ở vật nuôi 9.3. Các phương pháp lai giống ở vật nuôi và cơ sở di truyền học	3	Đọc học liệu số 1, 4, 5, 6 và tham khảo những học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Nắm chắc các kiến thức về các quy luật DT; biết phương pháp làm các bài tập trong các đề thi đại học và HSG ...	6	Đọc các học liệu bắt buộc và tham khảo có liên quan	Thư viện, ở nhà	
	Chương 10: CNSH trong chọn tạo giống vật nuôi	3			
	10.1. Cơ sở di truyền của thụ tinh nhân tạo 10.2. Siêu bài noãn và cấy chuyển phôi	2	Đọc học liệu số 1, 4, 5, 6 và tham khảo các học liệu khác	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	10.3. Chuyển gen ở động vật				
Thảo luận	- Cơ sở di truyền của lai giống vật nuôi - CNSH trong chọn tạo giống vật nuôi	1	Đọc học liệu số 1, 4, 5, 6 - Chuẩn bị các câu hỏi cho những phần chưa hiểu kĩ.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành	6	Làm bài ở nhà sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Phan Cự Nhân (chủ biên). *Cơ sở di truyền chọn giống động vật*. NXBGD. 1999 (tái bản mới nhất)

[2]. Nguyễn Vũ Thanh Thanh, Chu Hoàng Mậu (chủ biên). *Cơ sở di truyền chọn giống cây trồng*, NXB Đại học Quốc gia. 2011

8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Lê Đình Lương, Phan Cự Nhân. *Cơ sở di truyền học*. NXBGD. 2000.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xê-mia, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	2.				2.	2.	6
6	2				2	2	6
7	1	1			2	2	6
8	1		1		2	2	6
9			2		2	2	6
10	1			1	2	2	6
11	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmiã, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
12	2				2.	2.	6
13	2				2	2	6
14	2				2	2	6
15	1			1	2	2	6
Tổng cộng	24	1	3	2	30	30	90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

11.3. Điểm thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 1,(2 điểm)	60'	10	

Trọng số: Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN Đa dạng sinh học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Quan Thị Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: VPK KH Tự nhiên – KT&CN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên – KT&CN. Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915 212 985; Email: quanthidungk19@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học động vật.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên .
- Thời gian: Giờ hành chính; địa điểm làm việc: VPK KH Tự nhiên – KT&CN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên – KT&CN. Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0942.978.102; Email: buihanhhuyentq@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học.

2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đa dạng sinh học
- Mã học phần: TN2.1.433.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
 - + Tự chọn: **Lựa chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp**
 - + Điều kiện tiên quyết: Thực vật học, Phân loại Thực vật, Sinh lý thực vật, Động vật học, Sinh thái học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 giờ
 - + Thảo luận trên lớp: 4
 - + Kiểm tra: 1
 - + Thực hành ngoài thực địa: 3
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Bộ môn: Sinh học.
 - + Khoa: KH Tự nhiên - KT & CN.

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học, phương pháp định lượng đa dạng sinh học, sự tuyệt chủng các loài sinh vật, nguyên nhân gây ra sự tuyệt chủng các loài sinh vật và biện pháp bảo tồn tính đa dạng sinh học ở Việt Nam và thế giới.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được những khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học
CDR 2	Phân tích được các phương pháp nghiên cứu về đa dạng sinh học
CDR 3	Phân tích được những giá trị của đa dạng sinh học đối với con người và sự sống
CDR 4	Hiểu được những tác động ảnh hưởng đến đa dạng sinh học
CDR 5	Hiểu được các khái niệm và các cách bảo tồn đa dạng sinh học
CDR 6	Hiểu được công tác và các biện pháp bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Rèn kỹ năng tự đọc sách, phân tích, khái quát hóa.
CDR 8	Vận dụng kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề thực tế giảng dạy, học tập và đời sống để có những biện pháp góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học của nước nhà
Kỹ năng mềm	
CDR 9	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo. Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
								Cứng	Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8		CĐR 9
Chương 1. Các khái niệm cơ bản	1.1. Đa dạng sinh học	2						2	1	2	1
	1.2. Các loại đa dạng sinh học	2						2	1	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kĩ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
								Cứng	Mềm		
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Chương 2. Phương pháp nghiên cứu	2.1. Nghiên cứu đa dạng về thành phần loài		2					2	2	2	2
	2.2. Nghiên cứu đa dạng hệ sinh thái		2					2	2	2	2
	2.3. Nghiên cứu đa dạng di truyền		2					2	1	2	2
Chương 3. Giá trị của đa dạng sinh học	3.1. Giá trị trực tiếp			2				2	2	2	1
	3.2. Giá trị gián tiếp			2				2	2	2	1
	3.3. Giá trị lựa chọn cho tương lai			2				2	2	2	1
Chương 4: Những tác động ảnh hưởng đến đa dạng sinh học	4.1. Sự tuyệt chủng của sinh vật				2			2	2	2	2
	4.2. Nơi cư trú bị phá huỷ và ô nhiễm				2			2	2	2	2
	4.3. Sự khai thác quá mức				2			2	2	2	2
	4.4. Sự du nhập các loài ngoại lai				2			2	2	2	2
	4.5. Sự lây lan của dịch bệnh				2			2	2	2	2
	4.6. Các nguy cơ khác				2			2	1	2	2
Chương 5. Bảo tồn đa dạng sinh học	5.1. Khái niệm về Sinh học bảo tồn					2		2	1	2	2
	5.2. Bảo tồn nguồn gen, thành phần loài và các hệ sinh thái					2		2	2	2	2
	5.3. Thực hiện công ước Ramsar và nguyên lý phát triển bền vững					2		2	1	2	2
Chương 6: ĐDSH và bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam	6.1. Đa dạng các cảnh quan và hệ sinh thái.						2	2	2	2	2
	6.2. Phân vùng địa lý sinh học và vùng						2	2	1	2	2
	6.3. Sự suy thoái về đa dạng sinh học của Việt Nam và nguyên nhân suy thoái.						2	2	2	2	2
	6.4. Bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam và thực hiện công ước Ramsar.						2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trình bày khái niệm về đa dạng sinh học, đa dạng sinh học trên thế giới và ở Việt Nam. Những tác động ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học trên thế giới và ở Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1: Các khái niệm cơ bản	5			
Lý thuyết	1.1. Đa dạng sinh học 1.2. Các loại đa dạng sinh học 1.2.1. Đa dạng di truyền 1.2.2. Đa dạng loài 1.2.3. Đa dạng hệ sinh thái	5	Đọc học liệu số 1,2,3	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các nội dung lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức lý thuyết để giải thích các hiện tượng trong thực tế.	10	Đọc học liệu số 1.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2: Phương pháp nghiên cứu	3			
Lý thuyết	2.1. Nghiên cứu đa dạng về thành phần loài 2.2. Nghiên cứu đa dạng hệ sinh thái 2.3. Nghiên cứu đa dạng di truyền	3	Học liệu 1,2.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Nghiên cứu lý thuyết về nội dung các phương pháp nghiên cứu đa dạng sinh học	6	Đọc học liệu 1,2.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3: Giá trị của đa dạng sinh vật	6			
Lý thuyết	3.1. Giá trị trực tiếp 3.2. Giá trị gián tiếp 3.3. Giá trị lựa chọn cho tương lai	4	Học liệu số 1,3	Lớp học	
Xêmina, thảo luận	Tầm quan trọng của đa dạng sinh học trên thế giới, tại Việt Nam và tại địa phương. Các vấn đề nảy sinh trong nghiên cứu và những đề xuất mới	2	Nắm vững lí thuyết chương 1, 2,3	Lớp học, nhóm hoạt động	
Kiểm tra		1			
Tự học, tự nghiên cứu	Nghiên cứu, tìm hiểu giá trị của các loại đa dạng sinh học trên thế giới và ở Việt Nam.	14	Đọc học liệu số 1,3	Thư viện, ở nhà	
TÍN CHỈ 2					
	Chương 4: Những tác động ảnh hưởng đến đa dạng sinh học	4			

Lý thuyết	4.1. Sự tuyệt chủng của sinh vật 4.2. Nơi cư trú bị phá huỷ và ô nhiễm 4.3. Sự khai thác quá mức 4.4. Sự du nhập các loài ngoại lai 4.5. Sự lây lan của dịch bệnh 4.6. Các nguy cơ khác	3	Đọc học liệu số 1,3	Lớp học	
Xêmina, thảo luận	Thảo luận về ảnh hưởng của môi trường sống đến đa dạng sinh học.	1		Lớp học, nhóm hoạt động	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự đọc trước các nội dung về những tác động ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.	8	Đọc học liệu số 1,3	Thư viện, ở nhà	
	Chương 5. Bảo tồn đa dạng sinh học	3			
Lý thuyết	5.1. Khái niệm về Sinh học bảo tồn 5.2. Bảo tồn nguồn gen, thành phần loài và các hệ sinh thái 5.3. Thực hiện công ước Ramsar và nguyên lý phát triển bền vững	3	Đọc học liệu 3	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự đọc trước các nội dung về bảo tồn nguồn gen, bảo tồn hệ sinh thái và thực hiện nguyên lý phát triển bền vững.	6	Đọc học liệu số 1,3	Thư viện, ở nhà	
	Chương 6: Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	8			
Lý thuyết	6.1. Đa dạng các cảnh quan và hệ sinh thái. 6.2. Phân vùng địa lý sinh học và vùng phân bố tự nhiên của Việt Nam. 6.3. Sự suy thoái về đa dạng sinh học của Việt Nam và nguyên nhân suy thoái. 6.4. Bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam và thực hiện công ước Ramsar.	4	Đọc học liệu 3	Lớp học	
Xêmina, thảo luận	Thảo luận về nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và đề xuất các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam.	1	Đọc học liệu 3	Lớp học, nhóm hoạt động	
Thực địa	Tiến hành điều tra nghiên cứu đa dạng sinh học tại một địa điểm cụ thể	3	Nắm vững lý thuyết tất cả các chương	Ngoài thực địa	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc lý thuyết các nội dung về đa dạng sinh học, thực trạng đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.	16	Đọc học liệu số 1,2,3	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập:

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Phạm Bình Quyền – chủ biên & ntk, (2002). *Đa dạng sinh học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Võ Hành (2009), *Đa dạng sinh học*, Nxb Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

[3]. Nguyễn Nghĩa Thìn, (1997). *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Nghĩa Thìn, (2005). *Đa dạng sinh học và Tài nguyên di truyền thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể:

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				SV tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Xêmina, thảo luận	Thực tế	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7			2		4		6
8	1	1			4		6
9	2				4		6
10	2		1		6		9
11	2				4		6
12	2				4		6
13	1				2		3
14				3	6		9
15			1		2		3
Tổng	22	1	4	3	60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy như có phòng học phù hợp: Có máy chiếu hỗ trợ khi giảng dạy lý thuyết trên lớp, có đầy đủ phương tiện để tiến hành thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Yêu cầu đối với sinh viên: Tham gia tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học học tập trên lớp và phòng thí nghiệm. Thực hiện nghiêm túc các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà,..

11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kỳ (2 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết môn học (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm): 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 1,(2 điểm)	60'	3	

Trọng số: Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Những vấn đề cốt lõi của hóa hữu cơ

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Đức Đại
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa KHTN - KT&CN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0982.925.330; dudaitq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa hữu cơ; Hóa đại cương; Hóa vô cơ.

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Tâm Hiếu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa KHTN - KT&CN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KHTN - KT&CN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0912 716 160; vutamhieu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa học phân tích; Hóa đại cương; Hóa vô cơ.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Những vấn đề cốt lõi của hóa Hữu cơ
- Mã môn học: TN2.1.324.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
 - + Tự chọn: Thay thế môn thi tốt nghiệp
 - + Điều kiện tiên quyết: Học sau các môn học Hoá hữu cơ 1, 2, 3
- Giờ tín chỉ đối với hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30
 - + Bài tập trên lớp: 0
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách môn học
 - + Bộ môn: Hoá học hữu cơ
 - + Khoa: Hoá học

3. Mục tiêu của môn học

Hệ thống hoá và nâng cao những kiến thức cốt lõi trong hoá học hữu cơ. Giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về vấn đề cấu trúc của phân tử hợp chất hữu cơ và sự liên hệ giữa cấu trúc với tính chất. Đồng thời, môn học cũng giúp sinh viên hiểu rõ hơn bản chất của

các quá trình xảy ra trong hoá học hữu cơ, nắm chắc hơn vấn đề tổng hợp hữu cơ và vấn đề sử dụng danh pháp hợp chất hữu cơ. Từ đó, làm cho sinh viên có khả năng tư duy sáng tạo trong quá trình nghiên cứu các hợp chất hữu cơ.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu rõ hơn về vấn đề cấu trúc của phân tử hợp chất hữu cơ và sự liên hệ giữa cấu trúc với tính chất.
CDR 2	Nắm chắc hơn vấn đề tổng hợp hữu cơ.
CDR 3	Hiểu rõ hơn bản chất của các quá trình xảy ra trong hoá học hữu cơ.
CDR 4	Nắm chắc hơn vấn đề sử dụng danh pháp hợp chất hữu cơ.
Về kỹ năng	
CDR 5	Nâng cao kỹ năng thực nghiệm, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu độc lập cho sinh viên khi nghiên cứu về các hợp chất hữu cơ.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Hoạt động nhóm, hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập, nghiên cứu.
CDR 7	Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Trực tiếp thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu một vấn đề có tính khoa học.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học..

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

CHƯƠNG	KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA									
		Kiến thức	Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
			Cứng		Mềm						
			CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
Chương 1. Vấn đề cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ	Biểu diễn cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ	2				2	1	1	1	1	1
	2. Sự liên hệ giữa cấu trúc và tính chất của hợp chất hữu cơ	2				2	1	1	1	1	1
Chương 2. Vấn đề thực nghiệm trong hoá hữu cơ	1. Phân tích hợp chất hữu cơ		1			2	1	1	1	1	1
	2. Nghiên cứu ứng dụng của hợp chất hữu cơ		1			2	1	2	1	1	2
	3. Tổng hợp chất hữu cơ		2			2	1	2	1	1	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN				CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
						Cứng		Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	
Chương 3. Vấn đề nghiên cứu cơ chế phản ứng hữu cơ	1. Các phương pháp nghiên cứu cơ chế phản ứng			2		1	1	1	1	1	1	
	2. Hoá lập thể của những cơ chế cơ bản			2		1	1	1	1	1	1	
Chương 4. Vấn đề chuyển vị trong hoá hữu cơ	1. Sự chuyển vị			1		1	1	1	1	1	1	
	2. Ứng dụng của sự chuyển vị trong tổng hợp hữu cơ			2		2	1	1	1	1	2	
Chương 5. Vấn đề danh pháp trong hoá hữu cơ	1. Vấn đề phiên chuyển trong sử dụng danh pháp ở Việt Nam				2	1	1	1	1	1	1	
	2. Một số tiêu chuẩn của Việt Nam về vấn đề danh pháp				1	1	1	1	1	1	1	
	3. Lộ trình áp dụng các tiêu chuẩn về danh pháp ở Việt Nam				1	1	1	1	1	1	1	

6. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung môn học đề cập đến những vấn đề cốt lõi của hoá học hữu cơ:

Thứ nhất là vấn đề cấu trúc phân tử, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của hợp chất hữu cơ; cơ chế của các phản ứng hữu cơ và vấn đề chuyển vị.

Thứ hai là vấn đề thực nghiệm, môn học giúp sinh viên củng cố và nâng cao cơ sở lý thuyết của vấn đề thực nghiệm trong hoá học hữu cơ.

Thứ ba là vấn đề danh pháp hợp chất hữu cơ, môn học giúp sinh viên nắm chắc việc phiên chuyển và việc sử dụng danh pháp hợp chất hữu cơ.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
TÍN CHỈ 1					
	Chương 1. Vấn đề cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ	6			
Lý thuyết	1.1. Biểu diễn cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ 1.1.1. Các phương pháp biểu diễn cấu trúc của phân tử 1.1.2. Biểu diễn cấu trúc của các hợp chất phức tạp	6	Đọc học liệu số	Lớp học	

	<p>1.1.3. Cấu trúc hình học của phân tử hợp chất hữu cơ</p> <p>1.2. Sự liên hệ giữa cấu trúc và tính chất của hợp chất hữu cơ</p> <p>1.2.1. Tính chất riêng của các nhóm đặc trưng</p> <p>1.2.2. Tính chất của các nhóm đặc trưng do ảnh hưởng của cấu trúc phân tử</p> <p>1.2.3. Một số tham số cấu trúc gây nên tính chất đặc trưng của hợp chất: năng lượng phân tử, năng lượng trạng thái chuyển tiếp, MO và thế ion hóa, khả năng phản ứng, phân tích dao động...</p>		5, 7		
	Chương 2. Vấn đề thực nghiệm trong hoá hữu cơ	9			
	<p>2.1. Phân tích hợp chất hữu cơ</p> <p>2.1.1. Phân lập chất hữu cơ</p> <p>2.1.2. Các phương pháp hiện đại xác định cấu trúc của phân tử</p> <p>2.2. Nghiên cứu ứng dụng của hợp chất hữu cơ</p> <p>2.2.1. Khảo sát QSAR và QSPR để dự đoán hoạt tính sinh lý</p> <p>2.2.2. Các phương pháp thử hoạt tính sinh học</p> <p>2.2.3. Triển khai ứng dụng</p> <p>2.3. Tổng hợp chất hữu cơ</p> <p>2.3.1. Tìm nguyên liệu</p> <p>2.3.2. Phương pháp bảo vệ nhóm chức</p> <p>2.3.3. Các phương pháp tổng hợp</p> <p>2.3.4. Tổng hợp một số hợp chất có hoạt tính sinh học</p>	9	Đọc học liệu số 1, 2, 6	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp biểu diễn cấu trúc của phân tử để áp dụng cho việc biểu diễn cấu trúc của các hợp chất phức tạp. - Tính chất hoá học của các nhóm đặc trưng - Sự ảnh hưởng của cấu trúc đến tính chất. - Các phương pháp nghiên cứu cấu trúc phân tử. - Một số phương pháp tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học và ứng dụng của các hợp chất tổng hợp này. 	30	Đọc học liệu số 1, 2, 5, 6, 7, 11, 14, 15	Thư viện, ở nhà	
TÍNH CHỈ 2					
	Chương 3. Vấn đề nghiên cứu cơ chế phản ứng hữu cơ	5			
Lý thuyết	<p>3.1. Các phương pháp nghiên cứu cơ chế phản ứng</p> <p>3.1.1. Phương pháp động học</p>	5	Đọc học liệu số	Lớp học	

	<p>3.1.2. Phương pháp đồng vị động học</p> <p>3.1.3. Phương pháp nghiên cứu hợp chất trung gian</p> <p>3.1.4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm</p> <p>3.2. Hoá lập thể của những cơ chế cơ bản</p> <p>3.2.1. Hoá lập thể của cơ chế thế nucleofin</p> <p>3.2.2. Hoá lập thể của cơ chế tách</p> <p>3.2.3. Hoá lập thể của cơ chế cộng electrofin</p> <p>3.2.4. Hoá lập thể của cơ chế oxi hoá - khử</p>		5, 7		
	Chương 4. Vấn đề chuyển vị trong hoá hữu cơ	6			
Lý thuyết	<p>4.1. Sự chuyển vị</p> <p>4.1.1. Nguyên nhân của sự chuyển vị</p> <p>4.2.2. Các loại chuyển vị và cơ chế của sự chuyển vị</p> <p>4.2. Ứng dụng của sự chuyển vị trong tổng hợp hữu cơ</p> <p>4.2.1. Trong tổng hợp các hợp chất alixiclic</p> <p>4.2.2. Trong tổng hợp các hợp chất xiclic</p> <p>4.3.3. Trong tổng hợp các hợp chất dị vòng</p>	6	Đọc học liệu số 4, 7		
	Chương 5. Vấn đề danh pháp trong hoá hữu cơ	4			
Lý thuyết	<p>5.1. Vấn đề phiên chuyển trong sử dụng danh pháp ở Việt Nam</p> <p>5.1.1. Các kiểu phiên chuyển ở Việt Nam hiện nay</p> <p>5.1.2. Một số quy ước về vấn đề phiên chuyển</p> <p>5.2. Một số tiêu chuẩn của Việt Nam về vấn đề danh pháp</p> <p>5.2.1. Tiêu chuẩn TCVN 5529/2010</p> <p>5.2.2. Tiêu chuẩn TCVN 5530/2010</p> <p>5.3. Lộ trình áp dụng các tiêu chuẩn về danh pháp ở Việt Nam</p> <p>5.3.1. Trong sách giáo khoa phổ thông</p> <p>5.3.2. Trong giáo trình, tài liệu chuyên ngành</p>	4	Đọc học liệu số 3, 8, 9		
Tự học, tự nghiên cứu	<p>- Các phương pháp nghiên cứu cơ chế phản ứng; hoá lập thể của một số loại cơ chế phản ứng cốt lõi trong hoá học hữu cơ.</p> <p>- Các loại phản ứng chuyển vị và ứng dụng trong việc tổng hợp các hợp chất hữu cơ có ứng dụng trong thực tế.</p> <p>- Tình hình sử dụng danh pháp và các quy định về việc sử dụng danh pháp hợp chất hữu cơ ở Việt Nam.</p>	30	Đọc học liệu số 3, 4, 5, 7, 8, 9	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Hữu Đĩnh, Trần Thị Đà (1999), *Ứng dụng một số phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc phân tử*, NXBGD.

[2] Đỗ Đình Rãng (2007), *Hoá học lập thể*, NXB Đại học Sư phạm;

[3] Trần Quốc Sơn (1979), *Cơ sở lý thuyết hoá học Hữu cơ*, NXB GD, Tập 2;

[4] Trần Quốc Sơn, Trần Thị Tुरू (2008), *Danh pháp hợp chất hữu cơ*, NXBGD.

[5] Nguyễn Minh Thảo (2005), *Tổng hợp hữu cơ*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[6] Thái Doãn Tĩnh (2009), *Thực hành tổng hợp hoá học hữu cơ*, NXB Đại học Sư phạm, Tập, 1, 2.

[7] Thái Doãn Tĩnh (2000), *Giáo trình cơ sở lý thuyết hoá Hữu cơ*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo

[11] Đặng Đình Bạch (2002), *Những vấn đề hoá học hữu cơ*, NXBK&KT.

[12] Đỗ Đình Rãng (chủ biên) và tập thể tác giả (1997), *Hoá học hữu cơ 1*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[13] Trần Quốc Sơn (1974), *Cơ sở lý thuyết hoá học Hữu cơ*, NXB GD, Tập 1.

[14] Phan Tống Sơn, Trần Quốc Sơn, Đặng Như Tại, *Cơ sở hoá học hữu cơ*, NXB Đại học và Trung học CN, Tập 1, 2.

[15] Đặng Như Tại (1998), *Cơ sở hoá học lập thể*, NXB GD.

[16] Ngô Thị Thuận (2001), *Thực tập hoá học hữu cơ*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[17] Thái Doãn Tĩnh, *Cơ sở hoá học hữu cơ*, NXBK&KT, Tập 1, 2, 3.

[19] Nguyễn Đình Triệu (2000), *Các phương pháp vật lý ứng dụng trong hoá học*, NXB ĐHQGHN.

[20] Nguyễn Minh Thảo (2001), *Hoá học các hợp chất dị vòng*, NXBGD.

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Bài tập	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	2				4		6
9	2				4		6

10	1	1			4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14	2				4		6
15	2				4		6
Tổng cộng	29	1			60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
 - + Phòng học có máy chiếu.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 10, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2 : (5 điểm)	60	07

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Bài tập môn hóa học

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Tự nhiên - KTCN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Tự nhiên - KTCN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0983.045.661; tuyettq71@yahoo.com.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Hóa học; Hóa đại cương;

Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Đức Đại
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Tự nhiên - KTCN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Tự nhiên - KTCN, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0982.925.330; dudaitq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hóa hữu cơ;

2. Thông tin về môn học

- Tên học phần: Bài tập môn hóa học
 - Mã học phần: TN2.1.325.2
 - Số tín chỉ: 2
 - Loại môn học:
 - + Tự chọn
 - + Điều kiện tiên quyết:
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 8 tiết
 - + Bài tập, tiểu luận trên lớp: 18 tiết
 - + Thảo luận, xemina: 04 tiết
 - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
 - + Bài tập ở nhà, bài tập lớn:
- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ Môn: Hóa học

+ Khoa: Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ

3. Mục tiêu của môn học

Hệ thống hoá được các nội dung chính của chương trình hoá học phổ thông. Ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Các phương pháp giải toán hóa học ở trường phổ thông. Cách xây dựng bài tập hóa học mới và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học.

4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR 1	Nắm vững và hệ thống hoá được các nội dung chính của chương trình hoá học phổ thông.
CDR 2	Phân loại được bài tập hoá học dựa trên các cơ sở phân loại khác nhau. Nhận xét được ưu, nhược điểm của mỗi cách phân loại đó.
CDR 3	Giải bài tập bằng nhiều cách, nhận xét được ưu, nhược điểm của mỗi cách.
CDR 4	Biết cách xây dựng bài tập mới và sử dụng bài tập trong quá trình dạy học hoá học ở trường phổ thông.
Về kỹ năng	
CDR 5	Giải và phân tích các dạng bài tập hóa học
CDR 6	Lựa chọn hình thức, thiết kế bài kiểm tra kết quả phù hợp với đối tượng và nội dung từng phần học cụ thể.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, môn học.
CDR 8	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.
CDR 9	Rèn luyện kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác.
CDR 10	Rèn luyện kỹ năng sử dụng thời gian hiệu quả.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 11	Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn xác khi chuẩn bị cũng như khi dạy học một bài hóa học.
CDR 12	Nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của bài tập hoá học đối với quá trình dạy học hoá học ở trường phổ thông.
CDR 13	Hình thành lòng yêu nghề thực sự, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, thích hợp.

5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng			Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13
Chương 1. Đại cương về bài tập hoá học	1. Ý nghĩa, tác dụng của bài tập đối với việc dạy học hoá học	1						2	2		2	1		2
	2. Phân loại bài tập hoá học		2					2	2		2	1		2
	3. Bản chất của việc giải một bài toán hoá học		1					2	2		2	1		2
Chương 2. Bài tập tự luận	1. Cơ sở phân loại bài tập hóa học tự luận	1	1			2								
	2. Một số phương pháp giải một bài toán hoá học	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Bài tập trắc nghiệm	1. Các loại câu trắc nghiệm	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Phối hợp giữa câu trắc nghiệm khách quan và tự luận	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Kỹ thuật soạn thảo một số bài trắc nghiệm khách quan	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4. Phân tích và đánh giá một bài trắc nghiệm khách quan loại câu hỏi nhiều lựa chọn	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	5. Ưu, nhược điểm của trắc nghiệm khách quan	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	6. So sánh trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7. Trắc nghiệm khách quan tiêu chuẩn hóa và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	8. Cách tổ chức thi bằng phương pháp trắc nghiệm khách quan	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	9. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan để xemina	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	10. Đáp số các bài toán và các câu trắc nghiệm	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Sử dụng bài tập trong quá trình dạy học Hóa học	1. Lựa chọn và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Xây dựng bài tập hoá học mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Bài tập dùng để xemina	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung môn học

Trang bị cho sinh viên các kiến thức: Ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Các phương pháp giải toán hóa học ở trường phổ thông. Cách xây dựng bài tập hóa học mới và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học.

7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Chương 1. Đại cương về bài tập hoá học	4			
Lý thuyết	1.1. Ý nghĩa, tác dụng của bài tập đối với việc dạy học hoá học. 1.2. Phân loại bài tập hoá học. 1.3. Bản chất của việc giải một bài toán hoá học.	2	Đọc học liệu số 1; 2.	Lớp học	
Bài tập	Các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	2	Làm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	8	Sưu tầm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 2. Bài tập tự luận	11			
Lý thuyết	2.1. Cơ sở phân loại bài tập hóa học tự luận 2.2. Một số phương pháp giải một bài toán hoá học	4	Đọc học liệu số 1; 2.	Lớp học	
Bài tập, tiểu luận	Các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	5	Làm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Lớp học	
Xemina	Giải các dạng bài tập tự luận theo chủ đề	2	Thiết kế các dạng bài tập tự luận theo chủ đề.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	22	Sưu tầm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 3. Bài tập trắc nghiệm	6			
Lý thuyết	3.1. Các loại câu trắc nghiệm 3.2. Phối hợp giữa câu trắc nghiệm khách quan và tự luận 3.3. Kỹ thuật soạn thảo một số bài trắc nghiệm khách quan 3.4. Phân tích và đánh giá một bài	2	Đọc học liệu số 1; 2.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trắc nghiệm khách quan loại câu hỏi nhiều lựa chọn 3.5. Ưu, nhược điểm của trắc nghiệm khách quan 3.6. So sánh trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận 3.7 Trắc nghiệm khách quan tiêu chuẩn hóa và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan 3.8. Cách tổ chức thi bằng phương pháp trắc nghiệm khách quan 3.9. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan để xemina 3.10. Đáp số các bài toán và các câu trắc nghiệm				
Bài tập, tiểu luận	Các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	2	Làm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Lớp học	
Xemina	Các dạng bài tập trắc nghiệm theo chủ đề	2	Làm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	12	Sưu tầm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Thư viện, ở nhà	
	Chương 4: Sử dụng bài tập trong quá trình dạy học Hóa học	9			
Lý thuyết	4.1. Lựa chọn và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học 4.2. Xây dựng bài tập hoá học mới 4.3. Bài tập dùng để xemina	2	Đọc học liệu số 1; 2.	Lớp học	
Bài tập, tiểu luận	Các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	5	Làm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Lớp học	
Xemina	Sử dụng các dạng bài tập theo chủ đề	2	Thiết kế sử dụng các dạng bài tập trong từng bài.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	18	Sưu tầm các dạng bài tập theo chủ đề trong các sách tham khảo.	Thư viện, ở nhà	

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Xuân Trường (2012), *Sử dụng bài tập trong dạy học Hóa học ở trường phổ thông*, NXB Đại học sư phạm.

[2] Nguyễn Xuân Trường (1997), *Bài tập Hóa học ở trường phổ thông*, NXB Đại học sư phạm – Đại học Quốc gia Hà Nội;

8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ giáo dục và đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên* (thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10, 11, 12 trung học phổ thông theo chương trình SGK Hóa nâng cao và SGK Hóa chuẩn).

[4] Nguyễn Cương (chủ biên), Nguyễn Mạnh Dung (2005), *Phương pháp dạy học hoá học, tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm;

[5] Nguyễn Cương (chủ biên), Nguyễn Mạnh Dung (2007), *Phương pháp dạy học hoá học, tập 2*, Nxb Đại học Sư phạm;

[6] *Giáo trình hoá Đại cương - Vô cơ - Hữu cơ.*

[7] *Sách bài tập hoá học phổ thông, đề thi vào đại học các năm học.*

9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2			2		4		6
3	2				4		6
4			2		4		6
5	2				4		6
6				2	4		6
7			2		4		6
8	1		1		4		6
9			1	1	4		6
10	1			1	4		6
11	1		1		4		6
12	1		1		4		6
13			2		4		6
14			2		4		6
15		1		1	4		6
Tổng	10	1	14	5	60		90

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy
- + Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên
 - + Dự lớp các buổi học trên lớp theo đúng qui chế; Chuẩn bị tốt các bài tập giáo viên giao.
 - + Tích cực phát biểu và thảo luận trong giờ học.
 - + Tích cực đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần. (10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 15, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số (30%)

11.3. Điểm thành phần 3: thi kết thúc học phần (*do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm*) (60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = $0,1 \times$ điểm thành phần 1 + $0,3 \times$ điểm thành phần 2 + $0,6 \times$ điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	<u>Câu 1:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) <u>Câu 2:</u> Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (5 điểm)	60'	03	

* Trọng số: Mục 9.1 chiếm 1/10; Mục 9.2 chiếm 3/10; Mục 9.3 chiếm 6/10

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP
TỔ TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Khải Hoàn

ThS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Nguyễn Thị Hải